

PHẬT HỌC VIỆN QUỐC TẾ XUẤT BẢN
PHẬT LỊCH 2533 - 1989
Nhị Khóa Hiệp Giải
(Thời khóa tụng khuya và thời khóa tụng chiều)
Chủ giải: Ngài Quán Nguyệt
Dịch giả: HT.Khánh Anh

--- o0o ---

Nguồn

www.quangduc.com

Chuyển sang ebook 18 – 8 - 2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website <http://www.phatphaponline.org>

Mục Lục

Chương 1: LỜI THUYẾT CHỈ BẢO
CHỈ LỄ CỐT YẾU

Chương 2: TỔNG QUÁT Ý NGHĨA HAI THỜI KINH
TỔNG QUÁT Ý NGHĨA KINH THỜI MAI
TỔNG QUÁT Ý NGHĨA THỜI KINH CHIỀU

Chương 3: YẾU NGHĨA KINH LĂNG NGHIÊM
THỜI KINH KHUYA
NAM MÔ LĂNG NGHIÊM HỘI THƯỢNG PHẬT BỒ TÁT

Chương 4: YẾU NGHĨA THẬP CHÚ
ĐẠI BI THẦN CHÚ
THIÊN THỦ THIÊN NHÃN VÔ NGẠI ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI
NHƯ Ý BỬU LUÂN VƯƠNG ĐÀ LA NI
TIÊU TAI CÁT TƯỜNG THẦN CHÚ
CÔNG ĐỨC BỬU SƠN THẦN CHÚ
PHẬT MÃU CHUẨN ĐỀ THẦN CHÚ
THÁNH VÔ LƯỢNG THỌ QUYẾT ĐỊNH QUANG MINH VƯƠNG ĐÀ LA NI
DƯỢC SỰ QUÁN ĐẢNH CHƠN NGÔN
QUAN ÂM LINH CẢM CHƠN NGÔN
THẮT PHẬT DIỆT TỘI CHƠN NGÔN
VÃNG SANH TỊNH ĐỘ THẦN CHÚ
THIỆN NỮ THIÊN CHÚ
BÁT NHÃ MA LA MẬT ĐA TÂM KINH
THÍCH DANH
HIỀN THỂ
MINH TỔNG
BIỆN DỤNG
PHÁN GIÁO

ĐƯỜNG TAM TẠNG PHÁP SƯ HUYỀN TRANG DỊCH
Chương 5: KỆ HỒI HƯỚNG – PHÁT NGUYỆN HỒI HƯỚNG
BÀI KỆ HỒI HƯỚNG
HỒI HƯỚNG VĂN
CUỐI KIẾP GIẢM TIÊU TAM TAI
Chương 6: THẬP NGUYỆN PHỔ HIỀN - PHỤ CHÚ THÍCH - TAM QUY
MƯỜI NGUYỆN LỚN NHẤT CỦA ĐỨC PHỔ HIỀN BỒ TÁT
PHỤ LỤC ĐỒ CHỮ THÍCH VÀ BIỂU
TAM THIÊN ĐẠI THIÊN THẾ GIỚI
TRỜI THIÊN TRÙM XUỐNG RỘNG HẸP
THUYẾT NÀY ĐỂ ĐEM HOA TẠNG THẾ GIỚI NÊU RÕ NHỨT TÂM
ĐỊNH DANH NGHĨA CỦA HOA TẠNG HUYỀN MÔN VÀ TỶ LÔ TÁNH HẢI
Chương 7: Kinh A Di Đà
PHẬT THUYẾT A DI ĐÀ KINH MÔNG GIẢI
HÀNH TƯỚNG VẮNG SANH CỦA CỬU PHẨM LIÊN HOA
DAO TÀN, TAM TẠNG CỬU MA LA THẬP DỊCH
Chương 8: Hồng danh sám Lễ Phật
NAM MÔ QUY Y KIM CANG THƯỢNG SƯ
PHÁP QUÁN MƯỜI THỪA
Chương 9: GIẢI THÍCH NGHI MÔNG SON THÍ THỰC

---000---

Chương 1: LỜI THUYẾT CHỈ BẢO

CHỈ LỄ CỐT YẾU

Xét ra, tánh pháp giới, tâm tri giác, chỉ thật là một tướng, tùy chúng sanh mỗi cơ cảm, nên pháp phương tiện có nhiều môn. Bởi thế, đức Như Lai thuyết pháp 49 năm, nói kinh hơn 300 hội, đều do từ trong tâm của “Pháp thân vô tướng” lưu thông ra, để thích hợp khắp suốt tất cả tầng lớp giữa muôn loại chúng sanh.

Nguyên vì, tâm Phật vẫn thanh tịnh, bao hàm, dung nạp cả tánh pháp giới, mà chúng sanh thì chỉ mê mẩn ở trong pháp giới tánh để sanh diệt lưu chuyển; chớ có biết đâu, tâm thể của chúng sanh cũng vẫn thanh tịnh, bao trùm mười phương, thì chư Phật cũng vẫn ở trong tâm ấy của chúng sanh để vắng lai thị hiện. Nên Quán Kinh nói: “cái Pháp thân (pháp giới tánh của chư Phật Như Lai), nó lẫn vào trong lòng tướng của tất cả chúng sanh, nghĩa là trong khi lòng chúng sanh tướng Phật, thì tâm ấy tức là Phật, đã là Phật thì tức là 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp cũng đồng nghĩa trên.

Mặc dầu thế, lúc mà chúng sanh còn đương mê, chính là khi chư Phật đã ngộ, nếu phi có chư Phật xuất hiện nơi đời, thì chúng sanh làm gì tự biết được mình sẵn có đủ “tánh trí huệ” là tánh giác của Phật? Mà với sanh tử phiền não, không thể cùng tận đặng, nếu “tánh trí huệ” còn đương trầm mê!

Bởi thế, sau khi đức Thế Tôn thành đạo, nói năm thời giáo pháp :

Tại nơi trường tịch diệt, Phật thì hiện ra cái thân đủ tướng tốt viên mãn, nói rộng ra cái trí mầu, đầy nhẩy pháp giới; bực Bồ Tát là căn cơ Đại thừa nghe rồi liền chứng vào pháp viên đôn.

Kể đến Lộc Dã, Phật thuyết pháp Tứ đế, hạng căn cơ Tiểu thừa nghe rồi chứng đặng cái lý chơn không, ra khỏi cảnh giới ba cõi luân hồi (chứng A La Hán, ra khỏi sanh tử luân hồi tam giới).

Kể nói thời Phương Đẳng, nêu bày 4 giáo pháp, hạng người bực Tam thừa, tùy trình độ thế nào, được đắc đạo thế nấy.

Kể diễn thuyết pháp Bát Nhã, nói rõ cái tánh không, khiến cho căn cơ của tam thừa tiêu tán hết 2 cái tướng chấp ngã, chấp pháp, rộng ra hành pháp lục độ, kêu bằng “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”

Kể đến A) Phật cùng đại chúng vân tập tại non Linh Thứu, để rao bày “Đại thừa diệu pháp” nghĩa là: mở pháp quyền đã nói từ 4 thời trước, để rõ pháp thật chỉ nhứt thừa ngày nay; bởi thế, cả tam thừa đều nhờ được Phật thụ ký, đến cả 6 cõi phàm đều đặng lần vào cảnh giới diệu huyền, tỷ như trăm sông đều dồn về biển, các sao đều rõ giữa trời B) sau Phật thuyết kinh Niết bàn, là vì chúng sanh đời mạt pháp mà Phật ngài nhắc đi nhắc lại, để dựng đỡ giới luật lên, nói rõ pháp chơn thường là chơn thường, chơn lạc, chơn ngã và chơn tịnh; với cả 5 trên, gọi là “Ngũ thời thuyết”

Tóm lại, đâu chẳng vì cái lẽ bởi nhơn duyên của một việc lớn, mà Phật ngài phải xuất hiện nơi thế giới này, để khai thị cho chúng sanh giác ngộ vào tri kiến của Phật, phổ độ cho đều đặng viên mãn quả Phật mới thôi.

Song căn tánh của mỗi người mỗi khác, nên pháp môn cũng phải nhiều. Sở dĩ pháp Phật lưu truyền qua Trung Hoa từ Đông Hán đến đời Đường từ trước đến sau, tiếp tục có các Tổ Sư, riêng lập ra 8 tông phái; về pháp tu tịnh độ vãng sanh, Đức Thiện đạo ngài phân ra làm 2 chánh hạnh; một: chánh hạnh Di Đà pháp có 5 cách tu, như đọc tụng, quán tưởng v.v.. hai là tạp hạnh: ngoài 5 hạnh trên, gồm tu tất cả việc lành, đều hồi hướng về Tịnh độ.

Còn ngài Huệ Viễn đời Tấn dựng Liên Tông tại Lư Sơn (tỉnh Chiết Giang). Có cả các đấng đại Nho, đại tiên đều vào Liên xã, để chuyên tu niệm Phật. Nói dối theo sau. Thì có những nhơn sĩ đều được giải thoát là phần nhiều ở các tông khác nữa. Mà tông nào cũng lấy nhị thời khóa tụng đây để làm như đường ấy là lẽ tụng không đời.

Lại may nữa là đời Đường, đời Tống đều có các Tổ thay nhau biên tập các văn trong Hiền giáo, Mật giáo vào nữa, cho nên 2 thời công khóa hôm mai rất đều đủ. Nhưng với Tông tuy đều lập riêng mà chung nhau chưa vượt bỏ nhị khóa này vậy. Vì khiến cho kẻ trễ phải siêng, người cần lại càng tiến. Vậy thì đường đạo được lan rộng ra khắp giáp nhơn gian, để thích hợp các cơ bằng cách phổ thông như kia, là mối đầu đích ở tại nơi 2 đường khóa tụng đây chăng?

Con người ta từ vừa lọt lòng mẹ ra, tức nhiên đã có những hột giống nghiệp nhơn rồi, do nghiệp nhơn đó, sẽ chiêu cảm lấy quả báo.

Kinh Địa Tạng chép rằng: “Mới mong ý động niệm, đã đều là tội rồi, huống nữa miệng nói, than ra làm “ bởi nhơn giống trước, nầy nhơn giống sau, do quả nghiệp cũ chứa quả nghiệp mới đã lăm trước sau mới cũ, tiếp tục dồn chất, là những điều kiện tội chướng để luân hồi mãi trong sáu đường, không khi nào cùng tận, thì chẳng có ai có thể làm cho tiêu trừ giống nghiệp ấy đặng, nếu phi nhờ tự mình tham thiền, tụng Kinh lạy Phật, niệm Phật để sám hối cho thân khẩu ý được trong sạch.

Huống nữa, bọn tri lưu ta ở vào giới Phật tử, là kẻ đã chẳng phụng sự Vương Hầu nơi Triều đình chánh phủ, lại phần nhiều là không dật, cày nơi hăng xương, điều trừ, mà chỉ nhờ ở phái ngoại hộ, thì rất khó bề tiêu rồi của tín thí tứ sự cúng dường nếu chẳng tận tâm gia công hành đạo!

Tổ Triệu Châu dạy rằng: “đời nay nếu chẳng rõ được đạo lý (minh tâm kiến tánh), thì đời sau phải đạo làm loài mang lông đội sừng là trâu ngựa, để trả nợ thí chủ”

Lại xét các Kinh Phật, thấy nhiều lời cảnh tỉnh như trên, đâu chẳng là Phật, Tổ vì thương xót, mới để lời răn nhắc, thật là lấy làm rung rợn lo sợ nếu là kẻ có trí thức xem xét đến.

Nên biết rằng: với nhị thời khóa tụng, công quả ấy không những chỉ là tự lợi, mà lại cùng với pháp giới chúng sanh đồng đắc quả chánh giác của

Phật nữa là khác; vậy các ngài xem đó nên nhớ lấy, dè chừng cho là việc thiên cận mà khinh dễ ă!

Với những lời niệm Phật, tụng kinh, cái thân phải cho đoan nghiêm, chớ dăi dăi, cái miệng cốt niệm tụng cho suốt thấu, cái ý nên chăm chú đùnglững dờ; thế thì ba nghiệp cùng hợp nhau với ba chỉ. Đến như thân nghiệp siêng kinh chẳng trễ, đầu liền tưởng xét đến đó; thế thì ba nghiệp cùng hiệp nhau với ba quán. Với tam chỉ, tam quán tỷ như đem gương soi hình tượng vẫn không phân biệt chọn lựa gì.

Song khi niệm tụng mà cả ba nghiệp đều dùng đủ như thế, chẳng xót mảy mún, thì tâm ta với tâm Phật lẽ cảm ứng lẫn nhau, tỷ như đem nước trong trút vào nước trong, và lấy cái không hiệp với cái không, khá gọi công đức khắp giáp pháp giới, hạn lượng đồng với hư không.

Trong lúc mà ta để cái tâm (ý thức) nó buông thả tứ tán ra, thì ta đâu có tự biết tâm ta nó động hay chẳng động; còn trong giờ ta tham thiền hay tụng niệm gì, ta mới tự biết được tâm ta nó hiện hành ra những vọng niệm quá ư phức tạp lằng xằng. Với những tướng niệm bậy bạ, ta muốn cho được tịnh chùng nào thì nó lại càng vọng động nổi lên chùng nấy. Chẳng khác nào như chai nước Lave khui nút rồi có những tâm bồng bột nổi lên hoai; dù nhục nhãn không thấy, chớ cái vọng niệm dấy lên hình dung cũng thế.

Chín bởi từ vô thi, những vọng hoặc là thất tình, lục dục nó thành những cái tập khí, cái chủng tử đều ẩn núp trong tàng thức (A lại da), rồi phát hiện ra trong hằng giờ. Với sự phát hiện tập khí, chủng tử đó, chổ thì bảo là vọng niệm, hoặc kêu vọng tưởng cũng gọi là vọng tâm, trong giờ loạn động, ta không để ý nên không biết, với giờ yên tịnh, ta mới xét thấy nó dấy niệm lên. Với những tập khí, chủng tử đã chất chứa từ nhiều kiếp như số vi trần kia, nay há dễ vôi trừ hết liền đặng! Cần phải chăm chú tâm vào một cảnh, như: hoặc quán xét vào một chữ, hay một câu gì; hoặc tự nghe lại tiếng của mình tụng niệm v.v.... . . hễ để tâm vào một cảnh nào, thì từ thi chí chung, mỗi phút không rời không trễ, như viên tướng canh gác giữ trại. Giữ cái chánh niệm như thế, để tự giác ngộ, tự trị lấy mình, dù có một, hai cái tư tưởng xằng dấy lên, cũng có thể lần hồi tiêu trừ được, mà từ hữu niệm (chánh niệm) sẽ tiến vào cảnh vô niệm.

Hoặc người nào có trí huệ khá, liền có thể vừa tùy theo miệng đọc chữ đến đâu, vừa tùy theo tâm tưởng đến đó, tâm năng quán, cảnh sở quán, thế nó đều tức là thật tướng.

Lại nữa, có thể tự giác ngộ lại xét những cái vọng hoặc là tapa khí chúng tử kia, nó đều không có từ nơi chỗ nào cả, cái tập cái chủng phi có, thì tâm năng niệm, cảnh sở niệm, thể nó cũng đều tự vắng lặng. Đương khi niệm mà tức là lìa nơi niệm.

Thế nên, hoặc kẻ trí hay người ngu, chỉ khứng thâm cái tâm vào một cảnh nào (như câu niệm Phật chẳng hạn), lâu lâu sau rồi tựặng tinh thần, do đó thêm sáng suốt, cảm ứng bằng huyền cách mà khế hợp nhau.

Kinh Diệu Túy Bồ Tát sở vấn chép rằng: “các nhà tu niệm nếu muốn cái phép trì tụng cho đặng mau thành tựu kết quả, linh nghiệm, thì với những nghi thức lễ pháp gì, chẳng đặng làm thiếu hay phạm một mảy mún nào, vì hề thiếu sót và trái phạm là, khiến cho các điều Ma chướng nó thừa dịp đặng tiền bề phá hại! Thế nên hành giả phải chăm lòng trì tụng, hằng giờ không xen hở, để cho

1/ là quán tưởng

2/ là chân ngôn

3/ là tự chủng, mỗi mỗi đều tinh thực nằm lòng, mỗi sự đều xứng nhau, thế mới thành được cái thể “vô tác diệu hạnh” của pháp Du Già, gọi là “tam mật tương ưng” Tam mật 1/tay kiết ấn 2/ miệng đọc chú 3/ tâm quán tưởng, cả ba đều xứng hợp nhau, mới thành pháp mật nhiệm.

Lại người trì tụng: chẳng đặng để tâm nó leo qua cảnh khác (không phải chỗ mà mình đương tu trì) cùng nói chuyện khác với người. Việc tụng nếu gián đoạn, thì bất thành nghĩa tất địa là kết quả chẳng nên gì!

Lại nữa, tụng niệm mà chẳng y theo nghi pháp, hoặc chẳng trì giới cấm, hay có giữ giới mà không được thanh tịnh, thì chẳng những pháp tu chẳng được thành tựu, mà người tu cũng phải rước lấy điều tổn hại là khác!

Các vị chủ trương trong 8 bộ Hộ Pháp, các vị Minh Vương kia, đều là chư Phật Bồ Tát hiện thân, thì trọn không làm giận làm hại, chứ các vị theo hầu là Thiên Long, Mãnh quỷ, Độc thần, thấy người tu có lỗi, thì mấy vị ấy vì lòng hộ pháp, phải tức giận làm hại liền!

Kinh Kim Cang đánh Du Đà niệm tụng chép rằng: “Phàm là người tu theo pháp Du Đà, phải đủ trí huệ, trước rõ pháp tam muội và pháp chân

ngôn, 3 nghiệp đều an trụ giới Bồ Tát, phát tâm bồ đề, đã có công đức như thế, mới cho người đó tụng niệm pháp Du Đà”.

Kinh Bồ Tát thiện giới nói:“người tu tụng pháp thân chú, phải kiêng 5 điều chẳng phạm đến 1/ ăn thịt, 2/ uống rượu, 3/ năm thứ rau củ cay hôi, 4/sự dâm dục, 5/chẳng đặng ăn uống ở trong nhà không thanh tịnh. Hành giả giữ đủ 5 điều giới cấm ấy, mới có thể làm được lợi ích lớn cho chúng sanh, vì hay trị được ác thần làm bệnh độc cho dân”.

Sách Pháp Uyển chép rằng:“Kẻ đạo (phái xuất gia) người tục (phái tại gia) tụng kinh, trì chú mà không được công hiệu đó, là tự họ không trung thành với 8 điều pháp giới, rồi lại chê là không hiệu nghiệm:

- 1/ hoặc văn tự sai sót,
- 2/ hoặc tiếng đọc không trùng sách,
- 3/hoặc uống rượu ăn thịt,
- 4/ hoặc ăn tạp những vị cay hôi nồng nặc,
- 5/tay dơ dáy cầm đến cuốn kinh vật cúng,
- 6/miệng nói chuyện phiếm, tiếng tục,


7/ quần áo không sạch, 8/chỗ ở chẳng nghiêm tịnh, thành thử khiến cho quỷ thần tiện bề phá hại, mà phải trở lại bi tai ương!

Nếu muốn hành trì tu luyện, trước mỗi giờ vào đàn, đều phải tắm rửa, miệng thường ngậm chất hương vị, lòng chí thành thận trọng, khắp tứ vù lục thú chúng sanh, nên phát tâm tinh tiến, đừng trễ nãi. Người tu luyện mà chí ý được như thế chắc được thật nghiệm ngay.

Sách Hiền Mật viên thông biên rằng :

“Trong các Kinh:Kinh Kim Cang đánh tô tất địa, Chuẩn Đề v.v.. đều nói người tu dùng công trì tụng, hoặc nằm mộng thấy chư Phật, Bồ Tát, vị Thánh Tăng, các thiên tướng, hoặc thấy tự thân mình đi lững trên hư không, cỡi ngựa lội qua sông...mỗi ánh sáng của mỗi thứ hương, và các cái tướng lạ lùng; nếu người tu mà đặng ứng nghiệm như thế, thì lại cần gắn dây 3 nghiệp, gia công tụng niệm, chẳng đặng phô bày những cảnh giới trong thần

chú, để lờ bán rao với người, chỉ với người đồng đạo mà ta chẳng vì danh lợi, kính khen, mới được tiến bề trình bày chút đỉnh thôi”.

Kinh Đại Bi dạy rằng: “Nếu người tu niệm mà trong khi đương tụng khẩn thiết, bỗng xảy ra gặp những điều mà nó hiện lên, để làm chướng ngại, hoặc thoát nhiên trong thân tâm nó giốn giác chẳng an, hoặc chẳng sanh chứng hay giận hờn, ưa buồn ngủ mà khó bề trì chú tụng kinh được, hoặc mơ thấy những hình tướng kỳ lạ, hoặc với thần chú mà sanh tâm nghi ngờ, hoặc sanh nhiều điều phân biệt tư tưởng, hoặc bị say mê chấp về pháp có..... với các điều trên, nếu muốn đối trị, thì nên quán tưởng nhìn vào chữ Lam là chữ viết bằng cách chữ Phạm như thế này , hoặc quán tưởng nhìn vào chữ A như vậy, cứ chăm lòng nhìn riết, thì tự nhiên các cảnh Ma chướng kia, nó tiêu diệt mất, sẽ biết phép nhơn duyên nó vốn là không có, vì chữ A ấy nghĩa là không, Lam: Sạch”.

Vì người tu niệm mà trước tướng chấp có, thì kết quả sẽ thành ra hưởng phước lành hữu lậu ở cõi người cõi trời: tu mà chấp không, công chỉ ích lợi cho một mình mình, thì sẽ thành hưởng phước thiện vô lậu của các thánh ở hị thừa; tu bằng cách lợi ích cho mình và ngowif, sẽ thành được phước lành của vô lậu pháp tánh; tu bằng cách: Năng niệm, sở niệm đều không, mình và người bình đẳng, tâm không phân biệt, thể trùm cõi hư không, lượng giáo cả pháp giới số hà sa, thì kết quả thành được phước thiện đạo Phật vô thượng. Thế nên người tu trì cốt phải tâm quảng đại khắp giúp ích nhau: nên văn sám hối nói: “Ta nay phát tâm tu đây, chẳng vì chỉ cầu riêng cho phần mình”. Chính là nghĩa đây vậy

Các bài trong hai thời khóa tụng, đều thuộc về Tạng Đại Thừa thâm cả, như chú Lăng Nghiêm là cái ấn báu tốt bậc do nơi Hóa Phật thuyết ra tại nhóm hào quang trên đỉnh của Phật Thích Ca; chú Đại Bi và cả mười thần chú, đều là nghĩa kín màu hay lạ, có lợi ích cho tất cả chúng sanh; kinh A Di Đà là nghĩa trọn ba cõi thanh tịnh, để thâm nạp chúng sanh có niệm Phật; bản Hồng Danh bửu sám, là để rửa sạch giống nghiệp từ vô thủy cho chúng sanh trong chín cõi; văn Mông sơn thí thực, là siêu độ cho các linh hồn của lục đạo giữa pháp giới; pháp niệm Phật là gồm thâm cả công đức của những chỗ trì tụng, để đều hồi hướng về tịnh độ. Tỷ như nước ở từ trăm sông, đều gom về biển cả. Người mà xét hiểu được như thế, thì giữa hai thời khóa tụng, mỗi câu đều trọn gồm, mỗi bài cũng lẫn thâm, nguyện chí lại chẳng được ích lợi ư?

Mỗi chùa ở các nơi với hai thời công phu, đều có hơi khác nhau chút đỉnh đó là bởi các Tổ sư kia thành lập ra mỗi Tông chủ chẳng đồng, nhưng đâu chẳng cốt đem chúng tăng mau giải thoát để làm việc cần kíp. Hoặc có những người bực trí kẻ ngu đồng đối với việc tu niệm, mà kẻ siêng tụng thêm bài, vì tâm mộ đạo khẩn thiết; kẻ biếng đọc giảm bớt, vì chí quên xuất ly. Lại có người đến thời khóa tụng đọc giảm bớt, vì kiêm có thêm việc cúng đám gì đó; hoặc có sự tuy đã xuất gia mà hai đường công khóa chưa đọc thuộc hết. Thậm chí có sư để bàn Phật bụi bám, nhện giăng, nhang tàn khói lạnh, tuyệt không đèn lửa, có gikê kinh! chao ôi! Đồi rớt dòng hèn, hình giống tướng Sư, lòng nhuộm màu tục, làm hoại pháp Phật! Xuất gia như thế, chẳng những phụ phàng Phật tánh, vả còn tự rước tội thêm là khác, vậy các học giả nghĩ lấy!

Công khóa: Đạo Nho xưa bảo: với sự làm có thành hiệu là công, với việc thì kẻ trình hạn là khóa. Lại rằng: quy định ra cái khóa trình để làm việc, để kỳ cho thành tích, là “công khóa”

Song, nói về “công khóa” của họ Thích Ca ta thì như thế này: kẻ công về trình độ nơi Tam Bảo, để làm cái ni thức hằng ngày. Xét rằng: với việc học tu mà phi nghi qui thì dễ sanh ra đãi đạo, với việc hành đạo mà phi khóa trình, cũng khó thể nghiêm rõ ràng.

Chính vì chúng ta từ vô thi lại, nghiệp duyên chồng chất làm chướng cản ngăn, tất không khỏi có cái vọng tình lui ngã, thế nếu phi trình hạn, để làm chừng mực, buộc phải nhớ phải lo, thì đâu có tiến tới đạo màu? bởi thế, các Tổ đặc biệt lập ra hai thời tảo khóa, văn khóa, để cho các nhà học giả dầu có bận việc gì, chớ với thời khóa tụng chẳng thể sai; nếu vị nào tâm quán tưởng đã tinh thuần, thì cây đạo bồ đề ngày càng tăng trưởng, mà Phật quả cũng ngày một kết tinh thêm.

--- o0o ---

Chương 2: TỔNG QUÁT Ý NGHĨA HAI THỜI KINH

TỔNG QUÁT Ý NGHĨA KINH THỜI MAI

Người tu Phật, trước hết phải học cho thông suốt cả chữ lẫn nghĩa của trọn thời khóa tụng, để tiện khi vừa tụng thuộc lòng, vừa xét hiểu ý nghĩa. Lại trước phải luyện cái tâm tập định được thuần thực, vì không thì, với cảnh lộn xộn, tâm phải rối ren, pháp quán tưởng khó thành được ! Nên với giờ sớm là lúc muôn cảnh chưa đông đạt, tâm ta còn im lặng, liền dậy súc rửa,

thay quần áo, đi niệm “Chú phật đánh Lăng Nghiêm tâm”, là để sớm trị cái bệnh ngũ dục chưa mọc mầm, chóng kỳ cho được tâm hồn phẳng suốt, rõ bày ngay cái tánh màu chơn như của như lai tạng, đó là chỗ gọi rằng “phẳng lặng chẳng động, hễ có cảm đến đâu là liền suốt thấu đến đó”.

Kế đến gia trì đọc bài “ Đại bi thần chú” bài “Nhu ý Bửu luân vương chú”, đồng để rửa sạch những bụi phiền não trong tâm ta, hễ bụi lòng đã sạch, thì tỏ được lòng Đại Bi đồng thể chuyển đặng xe Pháp luân Như ý; tụng “Chú tiêu tai cát tường” là tan mất điều tai ương, đưa đến sự yên lành, xe pháp luân lại càng được vững chãi; tụng “Chú Công đức Bảo Sơn” thì điều lành đã hiện nơi tâm, ở núi pháp tánh, đặng ngọc báu bằng công đức; tụng “Chú Chuẩn Đề” là còn e pháp tánh khó tỏ bày, nên phải đọc chú này, cho tan sạch lý chướng đi thì mới khiến pháp tánh được quả toại; tụng “Chú Quyết định quang minh vương” thì sự đắc quả đã toại rồi, liền phải cầu cái trí sống lâu của đức Quang minh vương Như lai; tụng “Chú Dược Sư quán đảnh” là trí sống lâu đã phát triển, trí ấy lại như mặt trăng báu mà trong bình lưu ly hàm tàng nó, tia sáng nó rọi ngay vào đánh đầu, nên gọi là quán đảnh; tụng “Chú Quan âm linh cảm” thì được hợp sâu vào lỗ tai viên thông cả pháp giới của đức Quan Thế Âm sự linh cảm hay vô cùng, tỷ như trăng soi mà vắng, vắng mà soi; tụng “Chú Thất phật diệt tội” là e nghiệp cũ còn mù mờ, mặt nguyệt trí khó tỏ rạng ra cần phải diệt sạch cái căn nghiệp từ vô thỉ, nên gọi diệt tội; tụng “Chú vãng sanh”, thì căn bản nghiệp chướng đã sạch, mong cầu đức Di Đà rưới nước gội vào đánh đầu, như chứng cảnh tịnh độ. Tụng “Chú Thiện thiên nữ”, là gom pháp quán màu nhiệm trên, để cộng thành diệu dụng của pháp tánh, thì những chỗ nguyện, đều được kết quả toại lòng; song với sự tụng các chú mật nhiệm ấy, thì đã tiến vào pháp diệu quán, phải biết đều là bởi nhứt tâm làm nên, còn e chấp trước nơi quán cảnh, nên phải tụng thêm “Chú Bát nhã tâm kinh”, là để chỉ ngay cái tâm thể nó vẫn không, chẳng có cái cảnh trí khá đặng, vì tâm là cái “Không” mà cái “tướng” của không ấy cũng không luôn, thế là 1. Trí cảnh rõ ràng, 2. phi đồng phi dị, 3. Hai bên tuyệt vời, tức là 3 pháp quán trọn đủ rồi.

Trên đó, cả 12 bài mật chú và một bài hiểu kinh (tâm kinh), ý nghĩa nó đều gồm thâm lẫn với nhau; người khoá tụng rồi, lấy công tác hành trì đó, gom lại đem hồi hướng lên ngôi Tam bảo chứng minh, để : nguyện và đáp Bát Bộ Thiên Long Hộ Pháp với tất cả 4 ân, 3 hữu, 8 nạn, 3 đồ, đều nhờ ơn khỏi khổ nước trị dân an, Đản Việt, tín độ thêm phúc huệ; tam môn là cửa ngõ chùa chế tạo hình tam quan mở 3 cửa, nên gọi tam môn, tức sơn môn, là nguyện cả các chùa đều thanh tịnh, để tiến vào 3 cửa giải thoát, thập địa đốn siêu: là nguyện cho tất cả chúng Tăng ở các chùa đều chóng tiến lên bực

Thập địa Bồ tát, nên kết thúc về bài kệ hồi hướng; nhiên hậu mới niệm Phật, để cầu cho được thật chứng; phải biết rằng : Niệm một Phật A Di Đà, thì cả chư Phật khác, cũng đều hội hườn lại một.... Vì lẽ Phật Phật đạo đồng, đồng danh đồng hiệu, tức là một thân lẫn nhau với nhiều thân, tự cùng hoà nhau với tha rốt lại lấy 3 tự quy y, là hoàn toàn thân cả công đức đã tụng các bài mật chú, hiệu Kinh trên, là để kết thành ngay ngôi Tam bảo của tự tánh, chứ chẳng mượn quy y bên ngoài. Như vậy là trọn rõ bày của pháp Đại tổng tướng của nhứt tâm. Thế thì gặp những Phật hiệu chi, bài chú gì....chẳng phải là tự tánh Như lai tạng ư?

---o0o---

TỔNG QUÁT Ý NGHĨA THỜI KINH CHIỀU

Rạng mới là lấy nghĩa rằng tâm hồn vẫn còn suốt phẳng làm cốt; còn chiều hôm là dùng ý rằng hướng ngay về tịnh độ làm chủ.

Chỉnh bởi người ta ai cũng có nghiệp chướng từ kiếp trước, nên hễ ai mà việc tu hành có công dụng hơi tiến bộ, thì tức có Ma chướng nó thử thách. Thế, nếu phi cái tâm cho tinh thành gồm đầy để trấn tĩnh, thì há dễ gì dẹp điều chướng, xua loài ma. Nên chi, với lúc mà cảnh còn đương vắng, tâm cũng đương thanh, bấy giờ ta lo trì chú thì dễ được phần linh nghiệm.

Nhược bằng buổi chiều, với điều nên hơn hết là, gom góp những việc lành đã làm vừa rồi, để chỉ quy về Tịnh độ, khá gọi “làm công nơi đầu, gom đức nơi cuối”. Nên chi, với thời kinh chiều, bắt đầu tụng “Kinh A Di Đà”, là để chốt được cái cảnh mâu chánh báo là căn thân, y báo là quốc thổ của nước Cực lạc, và đặc biệt khuyên người chuyên tâm niệm danh hiệu Phật để làm “Chánh nhơn”, thế chính là muốn cho chúng sanh chán lìa cái cảnh toàn ố của thế giới ta bà, ham lấy cái cảnh toàn tịnh của thế giới thanh thái.

Tụng “chú Vãng sanh” tức là hy vọng đức A Di Đà đến trụ trên đỉnh đầu của ta, để gia bị cho ta nhổ gốc rễ của nghiệp chướng, và chứng nhận cho ta được giải quyết vãng sanh.

Mặc dầu thế, người hành đạo như chúng ta, tâm lý nó còn vọng tạp lắm, nên với nghiệp chướng từ vô thủy, chẳng dễ gì chỉ tụng chú ấy mà có thể bạt trừ liền sạch đi được, vì còn những tập khí là hôi há của nghiệp chướng, thành thử phải y theo văn Hồng danh Bửu sám mà phát nguyện rằng : “con nay dấy lòng sám hối đây, là chẳng phải vì cầu cho con sẽ hưởng phước lớn giàu sang làm người hay trời....mà chỉ nguyện cho con và cả chúng sanh

trong pháp giới đồng đặc quả phật mà thôi”. Phát nguyện như thế rồi, xương lay 88 hiệu Phật, để sám hối tất cả căn nghiệp từ vô thủy.

Kể tụng bài kệ 10 đại nguyện của đức Phổ Hiền, là để khoách sung lại lời phát nguyện trước, ngõ đặng tục để dung thông với chơn đế, cũng như đặc pháp tam muội của Phật trí, thì tất cả pháp gì đều in hiện tượng, vào biển trí ấy, tỷ như tất cả sự vật gì, cũng đều in hiện tượng vào biển cả, nên nói đặc 2 để dung thông nhau, cũng như hiện tượng in thông vào biển. Thế là tỏ nghĩa cứu cánh rằng cảnh đẹp hiệp tâm, tha hiệp tự, vẫn liền in như một.

Đó rồi tụng bài Mông Sơn, thiết lễ thí thực, để rộng ra tế độ, các đảng cô hồn nơi âm cảnh. Thế là tỏ nghĩa rộng lớn rằng : Chẳng những dương thái, mà còn nguyện âm siêu, kể tồn người vong đều được phổ độ.

Kể tụng “Chú Bát Nhã tâm kinh” là để biết rằng : Tỏ được lẽ, tội phước đều vô chủ, như pháp đều vô tướng, mới rõ thấu được cái tướng chân thật, vì “Thật tướng” nó phi như tướng ngã, tướng như, tướng chúng sanh và tướng thọ mạng, bởi các tướng ấy đều có diệt, vì có sanh, còn “tướng thật” thì không diệt, vì nó không sanh, vậy cái bất sanh bất diệt, mới là “tướng chơn thật”.

Kể tụng “Chú Vãng sanh” là lặp đi lặp lại để nhờ đức A Di Đà rọi hào quang đến đánh đầu ta để hộ niệm cho ta, để cho chú vãng sanh được chiếu lực rằng : Đồi lục đạo làm tịnh độ, khiến hữu tình hay chúng sanh liền chứng lên bực thập địa bồ tát.

Kể đến niệm Phật hồi hương, để thể thủ lấy lẽ thật chứng; đến rốt lại cũng kết thúc về tam quy là : Từ thí chí chung, việc công tác này có bao phép lành, mỗi mỗi đều tập trung về ngôi “Tự tánh Tam Bảo” để nguyện cho pháp giới chúng sanh đồng dấy cái tâm vô thượng bồ đề, và trí Phật tròn đủ làm biết tất cả chúng chúng.

Hai thời sóc, vọng làm lễ “Chúc tán”, đó là cầu đảo đức Hộ Pháp Vi Côn, cả chư thiên Bát bộ, các thần Hộ giáo Già Lam, để nhờ các Ngài ủng hộ ngôi Tam Bảo, và ngăn dẹp những Ma chướng khi dễ bên ngoài, đặng giữ chánh đạo bên trong.

Hỏi : Với pháp quán hoàn toàn vi diệu không thể nghĩ bàn ấy, chỉ giúp cho những người bực thượng căn, mới có thể tu học nổi; còn với hạng căn tánh bực trung hạ thì, phải tu học cách nào?

Đáp : Chỉ phải chăm một lòng vừa đọc lại vừa tự nghe, mỗi chữ rõ ràng, hoặc quán xét ngay nơi chữ mà lòng không hôn trầm tán loạn; 2 cảnh sở quán sở vẫn có sanh diệt, chứ tánh năng quán, năng vẫn tĩ như cái thể sáng của gương vẫn tự tại chẳng dời. Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói : “Với lúc tiếng chuông không reo, tánh nghe đã chẳng diệt, lúc mà có tiếng chuông reo, tánh nghe cũng phi sanh; đều lia hẳn luôn hai cảnh có sanh diệt, như thể tánh nghe mới thường chơn thật”. Đây cũng chính là nghĩa trên đây bảo thế.

Hỏi : Trong lúc dụng công để tu, muốn vọng tưởng dứt lặng đi, mà nó lại loạn động lên mãi, thì lấy gì để đối trị?

Đáp :mặc kệ cho vọng tưởng sanh khởi, không kể, chỉ cốt là ta liền nhớ thân tâm lại, chăm chú đừng cho tâm niệm lững dờ đi là được. Tỷ như chủ ý của con mèo chăm bắt con chuột, hẳn không có một cử chỉ gì để buông rời. Lúc ta đương dụng công để tu quán hay tụng niệm gì, dầu như tâm tu có lững tán đi, thì phải thân kéo nó lại, cứ thế thân tâm về mãi không thôi. Cái công thân tâm ấy càng nhiều càng nhắc, càng dày, thì tự nhiên nó kể tinh lại thành một thể vô tướng. Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói “ Với cái động, và tịnh của cảnh, tánh nó chẳng dời, lúc nhớ lúc quên, tánh vẫn như một, phải từ chỗ đó, để lần lượt đi sâu vào, mãi cho đến giai đoạn quên cảnh quên tâm, và với cái “quên” cũng quên luôn đi, đến tận cảnh tịch diệt, là chứng được pháp tánh”.

Hỏi : những hành giả nào trí lực kém thiếu và thân thể ốm yếu, hoặc gặp cảnh thiện hay ác quá thịnh, thì tâm niệm trước dù phải, nhưng tâm niệm sau lại chẳng phải, nghĩa là với cảnh thiện thì chẳng động tâm theo thiện, gặp cảnh ác tâm cũng xúc cảm theo ác, nên nói trước phải sau chẳng phải. Cứ thế, trải qua nhiều năm chắt chùng lăm tháng, mà rốt cũng chẳng thân tâm niệm lại được thì sao?

Đáp : hành giả nào mà tâm trí bất lực, vì không tự chủ được với hoàn cảnh, là bởi nghiệp chướng từ đời trước quá nặng hậu ! thì hành giả ấy cần phải phấn phát chí dũng mãnh, gieo lòng chí thành khẩn thiết, lạy sám hối theo bồn lớn, cốt đợi cho nghiệp chướng tiêu diệt, chừng đó, tâm trí mới có phần đắc lực.

Thế nên người xưa đành chịu trụ vào chỗ Tử tâm (Diệt tận định : diệt ý thức đi, chẳng cho nó hiện hành hoạt động gì hết; như chết rồi, nên gọi tử tâm: Chính tổ Ca Diếp thường ở trong “Diệt tận định” nghĩa là không cho ý thức tư tưởng gì hết là nghĩa là tử tâm, tức không dùng đến tư tưởng). Tu

như thế, hoặc suốt đời, hoặc một kỳ hạn mấy chục năm, trong thời kỳ tu tử tâm, mỗi phút đều chẳng rời cái niệm diệt tư tưởng, nên có thể hẹn ngày mình tâm kiến tánh được. Người tu đời nay, mới nhúng tay vào việc, đã muốn thành công liền, há đã dễ lại dễ quá ru?

Chỉ bởi những nghiệp tập từ vô thí nhiều như đầy cả vũ trụ, nếu không cần tu cho lâu xa, thì làm gì thâm tâm định được? Chính Ngài Dũng Tuyền làm việc tu như thế suốt 40 năm, ngài Hương Lâm tu 40 năm mới thành một kết quả v.v...Việc tu ấy, người xưa còn chẳng làm được dễ dàng thay; huống người bực trung hạ, đâu mau thành được? nên phải lập chí cho bền, hễ chướng hết rồi, thì tâm lực tập trung thuần thực, chừng đó, tự nhiên thành được pháp diệu quán.

--- oOo ---

Chương 3: YẾU NGHĨA KINH LĂNG NGHIÊM

THỜI KINH KHUYA

ĐẠI PHẬT ĐẢNH, THỦ LĂNG NGHIÊM KINH THẦN CHÚ

Thích nghĩa “Thần chú của kinh Đại Phật đảnh Thủ Lăng Nghiêm”.

Y theo ý kinh mà lập ra danh đề, vì nêu tên chỉ là “**Pháp**”. Bằng đủ theo kinh đề, thì 19 chữ đều nêu lên cả **Nhân** và **Pháp**.

“**Đại Phật đảnh**” là tánh đủ 3 đức: “Thủ Lăng Nghiêm” là ngôi tu 3 nhân. Chừ đó về Đại Phật đảnh đều đủ 3 đức đó, thì “**Đại**” đủ 3 nghĩa : 1/ Pháp thân là **Thể Đại** (lớn), vì tâm tánh khắp giáp tròn đủ. 2/ Bát nhã là **Tướng Đại** (lớn), vì trí huệ suốt thấu tỏ soi. 3/ giải thoát là **Dụng Đại**, vì lan rộng ứng hiện không ngần ngại “**Phật**” đủ 3 nghĩa 1/ giác tự (giác ngộ lấy mình) thì biết tự tánh vẫn thanh tịnh, dứt hẳn những danh nghĩa còn đối đãi hai bên, tức là nghĩa **Bát Nhã Đức** 2/ Giác Tha (giác ngộ cho người), thì khiến cho chúng hữu tình được sáng suốt lòng dạ, tức là nghĩa **Giải Thoát Đức** 3/ giác mãn (với 2 điều giác ngộ ấy làm đã hoàn toàn), thì chứng được cái thể và tướng của “pháp giới tánh” là tánh Phật, mà ta với người đều đồng bực, tức là nghĩa **Pháp Thân Đức** “**Đảnh**” là đảnh đầu, cũng đủ có 3 nghĩa 1/ là nghĩa tối tôn, vì thể tướng của pháp thân rất quý, tức đức của pháp thân 2/ là nghĩa chẳng khá thấy, vì với cái “đảnh tột cao của Pháp thân, huệ nhãn, pháp nhãn hầy còn chẳng thấy được, duy có Phật nhãn mới thấy tận nơi, tức đức của Bát nhã. 3/ Là nghĩa phóng quang hiện hoá Phật, vì tại nơi đảnh đầu

của Phật Thích Ca phóng hào quang ra, trong hào quang có đức hoá Phật nói thần chú Lăng Nghiêm, tức đức của giải thoát. Nói bằng cách đón tất : Đại tức là pháp thân; Phật tức là bát nhã; Đánh tức là giải thoát. Nghĩa là : Pháp thân là cái lý tánh thanh tịnh chu viên, vốn sẵn đủ **Trí** bát nhã là vắng lặng mà tỏ soi. **Trí** đó vẫn chiếu ngay vào **Lý** pháp thân, chứ hẳn không có **trí** nào riêng ngoài **lý** mà có thể chiếu được **lý** ấy, cũng không có cái **lý** nào riêng ngoài **Trí** mà bị trí nó chiếu, **Lý Trí** vẫn như như, phi đồng nhau, cũng phi dị nhau, vừa tròn sạch, vừa tròn tột, tức là đại giải thoát. Thế nên “Đại Phật đánh” là cái tánh kho mâu nhiệm để chứa 3 đức kia. Chư Phật chính đã giác ngộ tánh ấy, còn chúng sanh chính đương mê muội tánh ấy; mặc dầu đương mê, chứ nó cũng có tánh sẵn đủ ấy đồng với chư Phật. Bởi lẽ ấy, nên chúng sanh y nơi tánh đức sẵn đủ đó, có thể phát triển ra cái tu đức Thủ Lăng Nghiêm, ngộ hầu khá hườn nguyên lại tự chứng lấy tánh đức ấy.

“**Thủ Lăng Nghiêm**” là tên một “tam muội” chính một pháp đứng đầu cả một trăm lễ tám (108) pháp tam muội mà là một cái tên chung của tất cả pháp đại định.

Tiếng Phạm là “Suramgam” theo Cựu dịch, thì tiếng Việt đọc là “Thủ Lăng Nghiêm” Tân dịch, thì tiếng Việt đọc là “Thủ Lăng Gam”. Thủ Lăng Nghiêm, đổi nghĩa là “tất cả việc ráo rớt bền chắc”, rằng “tất cả sự” ấy, tức là cái của sáu phạm bốn thánh giữa mười cõi, chữ sự tức là chữ pháp. Với pháp của lục phạm, tứ Thánh trong thập giới, chỉ dùng hai chữ “Sắc Tâm” bao quát được hết thảy. Sắc, tức là khí giới và căn thân; tâm, tức là 8 thức tâm vương, tâm sở.

Đối với sắc tâm, như tùy theo mỗi căn cơ, mà Phật hoặc mở ra hoặc họp lại. Phân làm bốn hạng :

- 1. Vì những kẻ mê Tâm nhiều, mê Sắc ít, Phật nói pháp ngũ âm, đó là đối với Tâm thì mở, với Sắc thì hiệp.**
- 2. vì mấy người mê sắc phần nhiều, mê Tâm phần ít, Phật nói pháp lục nhập và 12 xứ. Đó là mở Sắc ra, hiệp tâm lại.**
- 3. chúng nào với Tâm sắc đều mê cân nhau, thì vì họ mà Phật thuyết ra pháp 18 giới, thế là Tâm sắc đều mở ra cả.**
- 4. Các đứng nào với Tâm sắc đều chẳng mê, thì Thế Tôn vì nói ngay 2 chữ Sắc Tâm ra, là họ tức thời rõ liền.**

Ba hạng người trước, là căn cơ đều chậm chạp tối tăm; hạng thứ tư là những người có căn tánh nhanh chóng sáng suốt. Người mà mê tâm thì ngu nơi tâm, kẻ nào mê sắc thì ưa chấp cảnh. Bởi thế, sắc và tâm của Thánh phàm 10 giới, tức là 5 ám, 6 nhập, 12 xứ và 18 giới, mà ám, nhập, xứ, giới tức là Sắc tâm của thánh phàm 10 giới, gọi chung là “tất cả sự”, cũng tên là “hết thủy pháp”.

Người tu nếu có thể quán xét âm, nhập, xứ, giới mỗi mỗi đều là tại đầu sanh, với diệt thì cũng tại xứ nào diệt ở xứ nấy (như nhãn thức thì sanh tại nơi nhãn căn, mà diệt cũng tại nơi nhãn căn; cả đến các căn thức kia cũng tại đầu vẫn sanh diệt đó như thế), người nào tu quán được như thế, tức tỏ chứng Thủ Lăng Nghiêm tam muội bằng “Chân đế”, thì đắc cái “Liễu như huệ tánh” hiển hiện ra; người mà quán xét âm, nhập, xứ, giới mỗi mỗi cái nào cũng đều là xứng nhau với cái tướng huyền hoá hư vọng, tu quán được như thế tức là chứng rõ Thủ Lăng Nghiêm tam muội bằng “Tục đế” thì đắc cái “duyên nhân thiện tánh” nó hiển ra; người nào tu quán các pháp; âm, nhập, xứ và giới, nhận thấy cái tánh của các pháp ấy thật là cái thể sáng của diệu giác, người ấy liền rõ ngay Thủ Lăng Nghiêm tam muội bằng “Trung đế”, đặng cái “chánh nhân lý tánh” tỏ bày ra.

Nói lên một Thủ Lăng Nghiêm tam muội, tức là ba đế, nói ba đế tức gồm một Thủ Lăng Nghiêm; mà ba với một chẳng phải là hai. Song tu tam đế tam muội ấy, toàn do nơi tánh Đại Phật đánh để khởi sự, ngay nơi cái tánh Phật đánh ấy. Thế là chính chỗ bảo : “Từ tánh dấy tu, mà không tu chi khác hơn là tu tại tánh ấy, vì tánh và tu chẳng phải hai riêng nhau.”

Chính rõ trì chú : Mỗi chữ đều do nơi tự tâm để đưa ra, mỗi câu lại cũng từ nơi tự tâm để rút vào, là chỗ bảo rằng đâu chẳng do nơi “pháp giới tánh” để lưu thông ra, rồi phải chẳng chẳng trở lại về nơi “pháp giới tánh” thật thế. Đã là Nhứt thiết sự gì cũng đều do ở tánh Đại Phật đánh để làm thể, nên mỗi mỗi sự pháp đều nói rất ráo bèn chắc cả.

Song, chừ với cả trong thân chú, phân ra làm 5 hội, mỗi hội đều có danh : Hội thứ nhất là “**Tát đát đa bát đát lam**”

Hội thứ nhì là “**Tác đác tha bát lấ tá tất đa**”

Hội thứ ba là “**Tô ba la noa ma ha bát thu bát đác dạ**”.

Hội thứ tư là “**Tát đát đa bát đác ra**”

Hội thứ năm là **“Tất đác đa bát đác ra”**

Hoặc nhập 5 hội làm một, kêu chung một tên là **“Phật đảnh quang minh ma ha tất đác đa bát đác ra vô thượng thần chú”**. Đối với tất cả như bí mật, nghĩa hiển nhiên, thì nội trong đầu đề Kinh, nó gom trùm trọn vẹn hết thảy.

Rằng **“Hào quang đảnh Phật”** tức là trên đảnh đầu của đức Thích Ca phóng hào quang ra, trong ánh sáng có đức hoá Phật nói thần chú của Kinh này.

“ma ha” dịch nghĩa là lớn : đủ 3 nghĩa lớn như trên đã nói, tức là “Đức pháp thân”; “tất đác đa” dịch nghĩa là trắng: cái tướng nó khác hẳn các màu nhuốm trí tánh nó đủ sạch sẽ trọn vẹn, tức là “Đức Bát Nhã” “Bát đác ra” dịch nghĩa là Lọng tàn : dùng che mắt muôn loài, tức là “Đức giải thoát”. “Vô thượng” rất sáng tốt cao, đứng sừng chót vót, không chi ngang sánh. Với uy linh không thể lường xét được, với cảm ứng cũng khó nghĩ bàn, nên gọi là “Thần chú”.

“Tàn lọng trắng lớn” toàn thể nó là “Chủng trí” chư Phật, mà là “diệu tánh” của chúng sanh, chủng trí là quả, diệu tánh là như, mà như trùm quả suốt, vừa đủ lý tánh, vừa đủ giáo nghĩa. Nên thần chú này : người tụng đến, sẽ trừ hết nghiệp chướng từ đời trước; người trì đến, khá chứng quả Phật.

Lại nữa, thần chú đây, cũng có tên là Chú tâm, cũng có tên là Tâm chú, cũng có tên là Như lai đảnh, bởi vì thần chú đây là pháp sở thuyết của đức Hoá Phật hiện ra trong hào quang trên đảnh đầu của đức Thích Ca : hoá Phật tức là biểu tượng của như lai tạng tâm.

Song, y nơi kinh, để lập danh đề, đó là nghĩa của hiển giáo; còn y theo chủ để lập danh đề, đó là nghĩa của Mật giáo. Mà đồng thời vừa hiển vừa mật lẫn tròn chẳng phải riêng làm hai, thế nên đều có thể lập danh đề bằng cả Mật lẫn Hiển được nốt.

Chín bởi chúng sanh tự mê muội quên lừng Như Lai tạng tâm là tánh Phật của mình đi, nên đức Hoá Phật trên đảnh của đức Thế Tôn ngài nói thần chú ra vậy là, chính muốn cho chúng sanh giác ngộ ngay nơi Như Lai Tạng của mình vốn sẵn đủ.

Chú đã Phật tâm, nên với công dụng của nó, người ta khó nghĩ suy gì được ! đối với chú, người tu hành phải cần trì tụng mới đặng. Kinh nói

“Nguyên các đức Như Lai, ở mười phương, như nơi chú tâm đây, mà đắc đạo quả Phật”.

Kính lại nói “các người là bực Hữu học chưa hết cái khổ sanh tử luân hồi, thì các người nên đây cái tâm chí thành để tu tụng chú tâm đặng chừng lấy quả Vô học là A La Hán. Nếu chẳng tu trì chú này, thì không thể nào ngồi chôn đạo tràng mà khiến cho thân tâm xa tránh được các điều Ma chướng làm hại được”.

“**Dón nghĩa**” là với Chú, không thể giải nghĩa ra đặng, vì đã là ý nghĩa vô cùng, lại không nhứt định, bởi người tu tâm thành đến đâu, cầu nguyện đến gì, là được đến đó, nên chẳng dịch ra được là vậy. Nhưng chỉ đón theo nghĩa của Chú, xin bày ra ít lời sơ lược thôi.

Họp cả toàn văn của hai thời khoá tụng, phân làm ba tiết :

Tiết thứ nhứt, thời sớm, thời chiều, đều từ bắt đầu cho đến niệm Phật và bỏ tát, đó là chính việc tu pháp khoá tụng.

Tiết thứ nhì, tức là văn hồi hướng của hai thời sớm và chiều, với văn tam quy y, là phần hồi hướng bằng kết cuộc phổ độ chúng sanh.

Tiết thứ ba, tức là hai thời chúc tán sóc, vọng, là để chúc cầu các vị Thần Hộ pháp, an tăng quốc thái, dân khương. Âm siêu, dương thới.

---o0o---

NAM MÔ LĂNG NGHIÊM HỘI THƯỢNG PHẬT BỎ TÁT

Kính lạy Phật và bỏ tát trên hội Thủ Lăng Nghiêm

Đây là kính vì ngôi “Tổng tướng Tam Bảo” số là, với tất cả việc Phật đều lấy “Tam Bảo” làm chỗ quy y, nên phải xưng lên trước nhứt.

Lăng Nghiêm tức là ngôi pháp bảo **Phật** tức là ngôi Phật bảo; **Bỏ tát** tức là ngôi tăng bảo; giữa Tam Bảo, các Thánh phàm đều nhóm họp là **Hội**: Một hội như thế : Phật là Giáo Chủ, để gồm cả chư Phật trong hội đồng cùng phóng quang quán chiếu vào đánh lẫn nhau. Bỏ tát là bạn (đối với chủ) để chung gồm cả các Thánh 3 thừa tại hội và, các Thánh từ 10 phương qua lại. Chính là gọi : chủ bạn hội đồng, cơ giáo phù hiệp, đây là một trường họp Tổng tướng mà là “Tự tánh Tam Bảo” vậy.

Từ câu “Diệu trạm tổng trì bất động tôn” đến câu “thước ca ra tâm vô động chuyển” cả 18 câu kệ ấy, là lời kệ tán đối kinh Lăng Nghiêm, hơn vì A Nan giác ngộ rồi, phát thệ nguyện ấy để khen ngợi Phật.

Bởi A Nan tỏ ra bị sa ngã về cái nạn của nàng Ma Đăng Già..... Đức Như Lai phóng quang thuyết thần chú, sai ngài Văn Thù đem thần chú đến cứu hộ A Nan.....khi A Nan về đến chỗ Phật, lạy khóc và cầu hỏi về giáo pháp.... “tối sơ phương tiện” là ông có ý như muốn lên đường về nhà mong được đạo lực hoàn toàn, thì, cốt phải biết trước cái căn bản của sanh tử đã. Nên chi Phật bảo rằng : Sỡ dĩ bị sanh tử tiếp tục mãi, là đều bởi tất cả chúng sanh chẳng tự biết cái chân tâm hằng còn, tánh thể nó vẫn sáng sạch, lại dùng lầm lấy cái vọng tưởng làm tâm, thành thử cứ lăn tròn theo sanh tử, vì cái tướng ấy không phải tâm !

Cái lẽ mà quên chân tâm, rượt theo vọng tưởng, là đều bởi tâm, mục gây nên tội lỗi, nghĩa là bởi mất thấy lòng động, mới có điều ân ái, do ân ái, mới có sanh tử; nên Phật dùng 7 chỗ để gạn hỏi cái Tâm, là khiến cho biết rằng : đối với mỗi chỗ, Tâm và Mục không nhứt định ở một chỗ nào cả.

Khai thị về hai thứ căn bản 1/ vô thi sanh tử căn bản là vọng tâm 2/ vô thi bồ đề Niết bàn là chân tâm thì Phật dạy rằng : vọng tâm không có tánh riêng của nó : còn bồ đề tâm thì nguyên lai vẫn chân thật. Các pháp mà được phát sanh, là do nơi tâm A lại da biến hiện.

Với căn 10 phen chỉ rõ cái tánh thấy, thì, Phật khiến cho biết rằng : chạm đến đâu, chỗ nào chẳng chẳng đều là chân cả.

Lại, hội về các văn : 5 âm, 6 nhập, 12 xứ, 18 giới, phi hơn duyên, phi tự nhiên, thì Phật nói rõ về đạo lý trung bình, là tánh Như Lai Tạng.

Rốt sau, tiêu dung luôn địa, thủy, hoả, phong đều là cái thể thanh tịnh sẵn sàng, cái dụng khắp giáp pháp giới. Nghĩa là : trong với thân tâm, ngoài với vũ trụ, chỉ một đại mà thành pháp giới, phi thiếu, gồm 7 đại mà thành pháp giới, cũng phi dư; vì đối với vạn pháp, thì Như Lai tạng tánh nó vẫn nhứt như, mà dù tùy theo nghiệp tịnh hay nhiễm của chúng sanh, tánh nó phát hiện ra tự hồ có thiên sai vạn biệt, thành thử có những cái danh tướng của thất đại đó, là chỉ vì với thể dụng xung hô mà có khác vậy thôi.

Chân không là cái thể của “Nhứt Như”, nên với thất đại, đều gọi là chân không; còn thất đại là cái dụng theo nghiệp tịnh hay nhiễm nên nói “Tạng tánh, sắc tướng tức là chân không; tạng tánh chân không cũng tức

chân sắc”. Nhẫn đến nói “tánh biết rõ hay, là biết hay đều do nơi tánh mình; biết sáng cũng chân thức, là thức nó tuy là lỗi vì “giác minh” nhưng thể nó vẫn thiết chơn, vì lẽ diệu giác trạm nhiên, thể dụng chẳng hai, nên điều được nương nhau lẫn nói.

Bấy giờ, A Nan được cái sáng suốt không còn chi ngăn ngại, vì thân tâm đều rỗng rang, nên thấy mười phương trống không, như xem thấy lá cây hay vật gì đương cầm trong bàn tay, nghĩa là thấy rằng : tất cả những vật sở hữu giữa cõi đời, đều nguyên là cái giác tâm diệu minh đồng một cả thể như nhau. Ông tự chứng biết được cái bốn tâm diệu giác của ông rất rõ ràng. Đối với thâm ân của Phật, vì quá ư cảm động, nên A nan chính nơi miệng mình thốt lời nói bài kệ để tán thán Phật bằng nguyện lớn rằng :

1. **Diệu trạm tổng trì bất động tôn**
2. **Thủ Lăng Nghiêm vương thể hy hữu.**

Đức “Diệu Trạm Tổng Trì Bất Động Tôn”; Pháp “Thủ Lăng Nghiêm lớn nhưэт”, vì thể gian ít có.

Câu thứ nhưэт là khen cả ba thân, Phật, đây là người chứng quả năng thuyết; câu thứ hai : bốn chữ “Thủ Lăng Nghiêm vương” và pháp sở thuyết; ba chữ “thể hy hữu” đây là khen chung cả Nhơn, Pháp đều ít có.

Sau khi đã nghe rồi được ba cuốn trước kinh Thủ Lăng Nghiêm, ông A Nan mới biết chỗ sở thuyết của Phật, lý nó cực diệu, lý ấy không sai khác một mảy giữa tâm sẵn có của mình (A Nan) với chúng sanh, nên chính nơi miệng ông thốt hai câu ấy ra để tán thán Nhơn hy hữu là Phật, Pháp ít có là Lăng Nghiêm.

Diệu Trạm : Trí thanh tịnh đã viên mãn, thể nó thì vắng lặng, dụng thì không ngăn ngại; đó là tán thán về nghĩa “Báo thân Phật”.

Tổng trì : Tánh Như Lai Tạng nó tùy theo duyên nhiễm hay tịnh của thức biến, để phổ ứng ra thất đại, lợi ích không bỏ sót một vật nào; đó là tán thán về nghĩa “Ứng thân hoá thân Phật”

Bất động: Tâm tánh nó thường vắng lặng, vì vô thỉ vô chung; đó là khen ngợi về nghĩa “pháp thân Phật”

Lại, cả ba thân đều diệu trạm (mầu trong), vì ba mà tức là một. Cả ba thân đều là tổng trì (gom giữ), vì một mà tức là ba. Cả ba thân đều là bất động (chăng động), vì ba và một chẳng phải là hai riêng gì.

Lại, sách Văn Cú nói : Diệu trạm là nghĩa tùy duyên mà thường chẳng biến; Tổng trì là nghĩa chẳng biến mà thường tùy duyên ; bất động là nghĩa theo duyên chẳng đổi, bất biến tùy duyên, vì không hai thể. Kinh đề đủ 20 chữ

“Đại Phật đánh Như Lai mật như tu chứng liễu nghĩa chư Bồ tát vạn hạnh Thủ Lăng Nghiêm kinh”.

Như lai mật như tu chứng liễu nghĩa gọi là Diệu trạm chư bồ tát vạn hạnh Thủ Lăng Nghiêm gọi “Tổng trì” Đại Phật đánh gọi là “Bất động” đều được nói một mà tức là ba, nói ba gồm một, vì 3 với 1 chẳng phải là 2.

Rút lại đề nói : “Diệu trạm tổng trì bất động” nghĩa nó bao gồm cả toàn bộ Lăng Nghiêm kinh; cũng thâm gồm cả Thánh giáo của một đời Phật thuyết, cho đến tông chỉ mầu nhiệm của tất cả chư Phật ba đời, mười phương, sáu chữ ấy nó gom thâm hết không sót một chỗ nào. Đủ như các lời sơ của sách Phật đánh văn cú đã giải ai có cần hiểu rộng, phải tìm sách ấy để xét....

Tôn : Cao nhất giữa bốn bậc Thánh, vì cả ba thân đều là vô thượng tôn cực.

Thủ Lăng Nghiêm vương : Tên chung của pháp đại định, vì định này nó gồm thâm hết các pháp tam muội (định) khác; lại tên là “Vương tam muội”

Nay lấy ngũ âm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, cả thất đại làm tất cả sự; các sự ấy đều là cảnh sở hiện của tâm. Chính là bảo : kẻ nào quên cái “Như lai tạng tâm” thì nó biến thành ra các sự : thất đại, thập bát giới, thập nhị xứ, lục nhập, ngũ âm, tạp nhiễm sanh diệt của chúng sanh; trái lại, kẻ nào nhớ được cái “tâm Như Lai Tạng” thì các sự (âm, nhập, xứ...) kia đều trở thành lại bằng viên diệu thanh tịnh của chư Phật, như ngũ âm thành ngũ phần thân hương, lục nhập thành lục thần thông....tức là tâm tịnh độ tịnh. Nghĩa là như thế sự thanh tịnh viên diệu..

Thế nên biết rằng : các sự ngũ âm, lục nhập.....đâu chẳng là pháp được sanh bằng như duyên, cũng như đủ điều kiện mới phát hiện. Đã do nhiều

nhơn duyên mới phát sanh ra các pháp là âm, nhập.....các sự , thì các sự tỷ như hoa đóm giữa hư không, vì cái thể nó vốn không, bởi nguyên nó là Như lai tạng tâm, mà tạng tâm ấy đương thể nó là Diệu trạm tổng trì bất động.

Thế thì, nói như thế sự đều là tạng tâm, nên bảo rằng “cứu cánh”. Mỗi sự mà là Diệu trạm tổng trì bất động, nên bảo rằng “kiên cố”. Thủ Lăng Nghiêm, dịch là : Nhứt thế sự cứu cánh kiên cố. Nghĩa là suốt thâu nguồn đây các pháp, mà, không động không hoại, thật thế. Người mà tu pháp quán ấy, thời, các pháp : Tam đề, Tam quán, Tam đức, Tam thân, đâu chẳng đều ở nơi pháp Thủ Lăng Nghiêm tam muội này.

Hy hữu : ít có. **Thế** : thế gian của cửu giới, tất cả Thánh phàm trong chín cõi đều chưa chứng ngộ được “tạng tâm”. Chưa rõ được Phật đức, nên chưa có thể nói được pháp tam muội ấy, cũng không thể nghe nổi được pháp tam muội ấy nên nói “thế hy hữu” nghĩa là cả chín thế gian ít có người nói pháp ấy. Nay ông A Nan đã nghe và đã chứng ngộ được, nên thuật rõ lời tán thán để cảm ơn sâu của Phật.

3. **Tiêu ngã ức kiếp diên đảo tướng**
4. **bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân :**

Dứt tướng đảo diên từ vạn kiếp, chẳng trải nhiều kiếp chứng pháp thân.

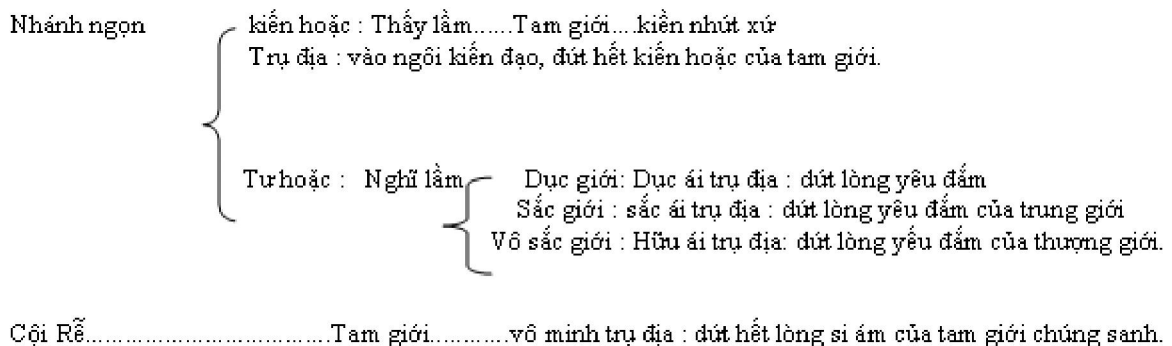
Đây là ông kể bày chỗ đã chứng ngộ. **Kiếp**, tiếng phạn là kalpa, dịch là thời phân, nghĩa là năm tháng ngày giờ rất lâu dài. **Ưc**, ước có 4 số 1/ mười vạn; 2/ trăm vạn ; 3/ nghìn vạn ; 4/ muôn vạn. Nói “tướng diên đảo từ vạn kiếp” : sau khi chứng ngộ rồi, mới nhận thấy từ vô thủy đến nay những vọng tướng mê tình. Nương nơi vọng tướng ấy, để kiến thiết ra những khổ cảnh sanh tử giữa chín thế giới, mà sở chấp của chúng sanh trong của giới không ngoài các pháp nhơn duyên tự nhiên hoà hiệp, bất hoà hợp, hữu, vô, đoạn, thường, mỗi mỗi đều là pháp sanh diệt hý luận, thật vậy. A Nan đã biết được cái tánh : Tuỳ duyên bất biến, bất biến tuỳ duyên, nêu bao điều hý luận vọng tướng liền tiêu tan, mà với pháp thân bản hữu mới thâm hoạch lại đặng.

A tăng kỳ, tiếng phạn là Asrinkhya, dịch : vô số ; Bồ tát muốn thành Phật, phải trải qua số năm bằng tam A tăng kỳ kiếp, để tu đủ phước đức trí huệ, gây các tướng tốt, mới kết tinh pháp thân bằng “Ngũ phần hương” (quả Phật bên tạng giáo).....nhẫn đến được “pháp thân cứu cánh thanh tịnh” (quả Phật (diệu giác) bên (viên giáo)). Ôu đây, A Nan liền chứng ngộ được tạng tánh trong ngày giờ chẳng trải qua kiếp số tăng kỳ, mà đã đắc pháp thân. Đã rằng pháp thân, tất phải đủ 2 đức nữa là bát nhã và giải thoát, thì pháp thân

đây chẳng đồng nhau với “tổ pháp thân” bên biệt giáo nói (Tổ : dùng nghĩa theo loại như Tổ Vương, Tổ Phong). Còn như muốn chỉ rõ ra, thì, chỗ mà điền đảo vọng tưởng tiêu tan hết đó là đức giải thoát cái trí hay làm cho điền tưởng tiêu tan đó là đức bát nhã.

Song, khi chúng ta còn mê muội, với va đức ấy không phải ta bị giảm bớt, mà chỉ là ta chẳng giác ngộ đó thôi; nghĩa là như bỏ quên mất, nên chỉ gọi là “Lý tức Phật”.

Ngũ trụ hoặc – tức là ba hoặc vọng tưởng. Cả kiến hoặc của tam giới, hợp làm một Trụ; cả tư hoặc của ba giới, phân làm tam Trụ, gọi là tứ trụ địa phiền não, thế là vọng hoặc trong tam giới. Người tu đã chứng quả La Hán, ra khỏi lớp vọng hoặc của tam giới, còn có nhị phiền não hoặc là Trần sa và vô minh, hợp làm một Trụ, chung với trên cộng là ngũ trụ. Phá hết ngũ trụ tức là chứng cực quả Phật bên viên giáo; thô cấu là kiến hoặc, tư hoặc, đoạn hết kiến hoặc, thì chứng bực Sơ tín, đoạn hết tư hoặc chứng bực thất tín đều của viên giáo. Xem biểu ngũ trụ địa :



Phiền não gốc rễ nó hay nảy ra phiền não ngọn nhánh, nên gọi là Trụ địa. Gốc nó làm chỗ cho ngọn nương, nên nói là Trụ ; gốc hay nảy ngọn, nên gọi là Địa. Năng sanh là Địa, khiến cho sở sanh được thành lập, nên gọi là Trụ.

Từ trong mê mà giác ngộ, mới biết có công hiệu, thì gọi là Hoạch cũng như đắc hay chứng, mà có năm địa vị chẳng đồng nhau : 1/ Với cái trí chỉ mới đủ hiểu được pháp thân, thì gọi là Danh Tự hoạch ; 2/ Từ chỗ đã hiểu biết rồi khởi sự tu niệm, dẹp hết ngũ trụ hoặc, gọi là Quán hạnh hoạch; 3/ tha hồ hai thô cấu rụng hết trước gọi là Tương tự hoạch; 4/ phá một phần vô

minh, chứng một phần pháp thân, trong thời đương phá, pháp thân hoàn toàn hiển hiện, gọi là Cứu cánh hoạch.

A Nan là bực trong ân cái hạnh Bồ tát, ngoài bày cái tướng Thịnh Văn, thì cái chỗ gốc tích của ông là “Bí mật hoạch” hạng phàm không thể nhận xét được ! nay căn cứ nơi danh tích là Hiển hiện hoạch của ông, thì, ông ở về bực Sơ tín bên Viên giáo, địa vị ngang hàng với bực Sơ quả thánh nhơn bên Tạng giáo.

5. **Nguyện kim đắc quả thành bảo vương,**
6. **Hườn độ như thị hằng sa chúng**
7. **Tương thử thâm tâm phụng trần sát,**
8. **Thị tác danh vi báo Phật ân**
9. **phục thỉnh Thế Tôn vi chứng minh,**
10. **ngũ trước ác thế thế tiên nhập,**
11. **như nhứt chúng sanh vị thành Phật**
12. **chung bất y thử thủ Nê Hoàn**

5/Nguyện đắc ngay quả Diệu giác (Phật) liền thành ngôi bửu vương vô thượng giữa mười phương; 6/ trở lại đây để độ chúng sanh số hằng sa trong chín cõi; 7/ đem cái tâm nguyện “Cầu Phật quả, độ chúng sanh” đây thờ chư Phật trong cõi số vi trần; 8/ được thế mới là đền ơn sâu của Phật độ tôi; 9/ lại cầu đức Thế Tôn chứng minh cho lời nguyện của tôi; 10/ Với đời dữ ngũ trước thế vào trước, để độ tận chúng cang cường khó dạy; 11/ Như một chúng sanh nào chưa được thành Phật; 12/ vẫn không bỏ nó, vội thành Phật riêng để diệt độ mình.

Bốn câu trên là nghĩa của pháp bốn thế nguyện rộng lớn. Bài kệ dưới là nghĩa thế nguyện tăng thượng. Chữ Bửu là nghĩa tôn quý. Chữ Vương là nghĩa tự tại. Là nói : Phật đã sạch hết ba hoặc¹ vẫn không hai tử² địa vị là vô thượng, nên gọi là Tôn Quý; pháp thân giáp tròn, tội cõi hư không, hoá độ vô cùng vô ngại, nên gọi là Tự tại.

Sách Văn Cú nói : Nguyện Kim đắc thành bửu vương, là muốn chứng Đạo đế, Diệt đế của mười pháp giới, chính gọi “Phật đạo vô thượng thế nguyện thành” và gồm thâu “pháp môn vô lượng thế nguyện học”. Hườn độ như thị hằng sa chúng, là muốn dứt Khổ đế, Tập đế của mười pháp giới, chính gọi “Chúng sanh vô biên thế nguyện độ”, kiêm luôn “phiền não vô tận thế nguyện đoạn”.

“Thâm tâm” là nương nơi Vô tác tứ đế của “Viên giáo”, để phát khởi ra Tứ Hoảng thế nguyện. Kế đó là lời thế nguyện tăng thượng. Hai câu : Phục thỉnh Thế Tôn vì chứng minh, ngũ trước ác thế thế tiên nhập, là đồng mãnh tăng thượng, số là với chúng sanh ở đời ngũ trước càng cường lắm nên khó dạy bảo. Nay ông A Nan đã đắc cái tạng tánh bình đẳng, phát được cái tâm đại bi, đối với chúng ấy, như mẹ thương con, nên mới có thể cấp cứu chúng đặng. Hai câu : Như nhứt chúng sanh vị thành Phật, chung bắt ư thử thủ nê hoàn, là hoảng nghị tăng thượng, bởi đã đạt đến tạng tánh; nó dọc thấu ba đời, ngang giáp mười phương, nên với việc hoá độ, không bỏ sót một chúng sanh, dù tội hết qua nhiều đời sau, với hạnh khổ khó làm đến đâu, cũng không chán sợ.

Nguyện vì chúng sanh có khổ, Bồ tát có bi, bởi bi cùng đồng thể với khổ : Tỷ như cái tánh thiêng liêng nó quan thiết nhau giữa mẹ con; con có khổ, mẹ ắt bi cứu. Thế nên chúng sanh có cảm, lòng Thánh phải ứng.

“Nê Hoàn” cũng gọi Niết bàn, dịch là Diệt độ; diệt phiền não, độ sanh tử, tức là chúng đặng pháp thân diệu tánh, là tâm cảnh không còn phiền não sanh tử nữa.

13. **Đại hùng đại lực đại từ bi**
14. **hy cánh thâm trừ vi tế hoặc**
15. **Linh ngã tảo đặng vô thượng giác**
16. **ư thập phương giới toạ đạo tràng**

13. Đức Đại hùng Đại lực đại từ bi ; 14. Mong thêm xét dứt lằm nhỏ nhít ; 15. Khiến tôi sớm lên Phật không trên ; 16. Với mười phương cõi ngời đạo tràng.

Đây là lời Phật gia hộ, để mong dứt những vọng hoặc quá vi tế, mà kỳ cho được chứng lên bậc tột cao thượng.

Thế theo chúng lên ngôi Vô thượng làm thầy cả chín cõi, nên nói là **Đại Hùng**. Có cái Trí Tuệ phá tan được nghiệp chướng mê hoặc của phiền não nơi ta và chúng, nên nói là **Đại lực**. Cứu hết cái khổ sanh tử của chín cõi, cho chúng đều được cái vui Niết bàn của cõi Phật, nên nói là **Đại từ bi**,

Sách văn cú nói : Đại lực là đức tốt “Diệu trạm” (tinh thần mạnh sáng). Đại từ bi là đức tốt “Tổng trì” (nghị lực gom giữ). Đại hùng là đức tốt “Bất động” (uy nghi tự tại). Lại nói : Chúng được cái lý thể “Diệu trạm tổng trì

bất động” gọi là “Đại Hùng”; đủ cái trí chiếu “Diệu trạm tổng trì bất động” gọi là “Đại lực” đầy cái diệu dụng “Diệu trạm tổng trì bất động” gọi là “Đại từ bi”. Lẫn nhau để nghĩ xét, là cái có : Ba và Một chẳng phải là hai lẽ.

“Hy cánh thâm trừ vi tế hoặc”, **Hy** : trông, cầu. **Vi tế hoặc** : chính là cái vô minh của bực đã ra ngoài tam giới. Kinh nói : “Người (A Nan) nay đã đắc quả Thánh Tu đà hoàn, đã dứt diệt rồi đều mê hoặc bằng nhận thấy sai lầm giữa thế gian chúng sanh trong tam giới”. Chính là bài kệ trước kia đã nói : “Tiêu ngã ức kiếp diên đảo tướng”.

Kinh lại nói : “Song, bởi chưa biết trong Căn tánh nó chứa chất cái thói quen giả dối từ vô thủy đến nay, với cái thói quen ấy, cốt phải do công tu mới đoạn trừ được nó”. Cái “thói quen” đó là chỉ cho sự lo nghĩ lầm sai (tu hoặc) của chúng sanh trong tam giới.

Kinh lại nói : “phương chi trong đời nay đây, với mỗi bốn giai đoạn : Sanh, Trụ, Di, diệt của mỗi ý niệm, chia chẻ mỗi mỗi con số”, những ý niệm sanh diệt đó, là chỉ cho cái vọng hoặc riêng của những bực đã ra ngoài tam giới, mà chính ở đây bảo là “vi tế hoặc”.

Vô thượng giác tức là ráo rốt quả Phật Diệu giác, nếu người tu Phật đã đoạn hết cái mê hoặc vi tế thì liền tiến lên quả Diệu giác, chính rằng ba giác đã sáng suốt cực điểm tức là Như Lai.

Mười phương cõi cần đủ ngang và dọc để luận. Ngang tức là Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn góc và trên, dưới; như đối với phương đông : Để xét cõi hư không, thấy nó vô cùng vô tận, mà thế giới cũng không tốt không hết. Thế thì mỗi phương đều như vậy cả. Bàn về bề dọc, thì với giữa thế giới nhiều vô tận, thế giới nào cũng đủ bốn quốc độ. Đối với chúng sanh hoặc căn cơ nào đoạn hoặc chứng chơn đã viên mãn bình đẳng, thanh tịnh, thì Phật ngồi nơi đạo tràng cõi tịch quang, để thị hiện cho chúng ấy được thấy “pháp thân Phật”. Hoặc có trình độ tu đoạn đã được bình đẳng tự lợi lợi tha, thì Phật ngồi nơi đạo tràng cõi thật báo, để thị hiện cho họ thấy được “ Báo thân Phật”. Hoặc có hạng vừa tu chứng bực Nhị thừa, thì Phật ngồi nơi Đạo tràng giữa phương tiện độ, để thị hiện cho chúng thấy được “Ứng thân Phật”. Hoặc có hạng người tu bằng cách trước tướng chán khổ bỏ khổ, thì Phật ngồi nơi Đạo Tràng đồng cư độ, để cho chúng ấy được thấy thân Phật bằng cách “biến hoá”. Song, tạng tánh của Phật là tròn bọc cõi hư không; chính chỗ bảo rằng : đến khi mà một người thành Phật, đầy đầy pháp giới đều là y báo chánh báo của một đức Phật chính là đây vậy.

17. **Thuần nhĩ đa tánh khả tiêu vong**
18. **Thước ca la tâm vô động chuyển**

17/Tánh Thuần Nhĩ đa có thể mất

18/ Tâm Thước ca la không hề nao.

Đây là tỷ dụ : Với cái tâm nguyện không lui mất. **Thuần nhĩ đa** là : cái hư không. **Thước Ca la** : bền chắc. Nghĩa là những vật chất như địa cầu còn có ngày tiêu diệt, vì hữu hình hữu hoại ; chớ nên không là vô tướng, thì bao giờ tiêu mất được, vì nó là thể tánh bất sanh bất diệt. Thế mà bảo rằng : “Nó có thể tiêu vong” đó, là ý nghĩa rất sâu để tỷ lại với cái “tâm nguyện” rất kiên cố, rốt ráo không hề thối chuyển.

Hỏi : Kinh nói : Với cái hư không, phi ai có thể làm gì nó được, nên nó không hoại diệt. Lại nói : “phát minh được cái chơn qui ngươn (chơn tâm) rồi, thì hư không liền tiêu mất”. Thế với hai nghĩa trên nói sao cho xuôi ?

Đáp : Bằng nói pháp thế tục đế, thì với “hư không” chẳng đó thể diệt nó đặng, nên trong kinh sách Phật, một phần cũng dùng cái hư không để tỷ dụ cái chân tánh, vì là nghĩa bất sanh bất diệt bởi vô hình vô động; còn cứ nơi pháp Đế nhất nghĩa đế thì cái không nó nguyên bởi nơi vô minh làm mê mất cái Chơn không mà biến đổi làm ra cái Ngoan không. Nếu phá được vô minh rồi, thì toàn thể nó chính là Như lai tạng tâm, ngay nơi Ngoan không mà làm Chơn không, giữa hư không cả đại địa cũng là cái Diệu hữu. Kinh lại nói : Cái hư không sanh trong tâm đại giác, tỷ như một cục bọt nổi giữa biển cả, bọt tan cũng như cái “không vốn chẳng có, hư không đã chẳng có, huống đâu còn tam giới. Chính rằng nghĩa trên đây, kêu bằng hư không (Thuần Nhĩ Đa) hữu tận, ngã nguyện (nguyện tâm) vô cùng (Thước ca la : kiên cố).

Nam mô Thường trụ thập phương Phật

Nam mô Thường trụ thập phương pháp

Nam mô Thường trụ thập phương Tăng.

Cúi lạy ngôi Phật bảo thường ở đời nơi mười phương.

Cúi lạy ngôi Pháp bảo thường ở đời nơi mười phương.

Cúi lạy ngôi Tăng bảo thường ở đời nơi mười phương.

Đây là lạy chung tất cả các ngôi Tam bảo hiện trụ trong thập phương thế giới. Với ba triệu trên sẽ thấy giải thích ở nơi văn sám hối sau.

Nam mô Thích Ca Mưu Ni Phật

Nam mô Phật đánh thủ lăng nghiêm

Nam mô Quán thế Âm Bồ tát.

Kính lạy ngôi Phật là đức Thích Ca Mâu Ni.

Kính lạy ngôi Pháp là Phật đánh Thủ Lăng Nghiêm

Kính lạy ngôi Tăng là đức Quán Thế âm Bồ tát và Ngài Kim Cang Tạng Bồ Tát.

Đây là lạy riêng về Ngôi Tam Bảo của Kinh Lăng Nghiêm; Thích Ca Giáo Chủ là “Phật bảo”; Lăng Nghiêm kinh chú là “Pháp bảo”; hai vị Bồ tát thuộc “Tăng bảo”. **Thích Ca** (Sẽ giải rõ ở văn Đại sám hối là Hồng danh bửu sám. **Quán Thế Âm** : đích là với Kinh này về chánh tông kén chọn “nhĩ căn viên thông” vì Bồ tát Ngài bắt đầu từ nơi nhĩ căn đi sâu vào mà đắc quả viên thông. Đức Văn Thù chắm lấy nhĩ căn, vì nó rất thích hợp với căn cơ của thính giả ở thế giới ta bà này. Nên văn tắt rằng : “Thủ phương chơn giáo thể, thanh tịnh tại âm văn”; phương đây thiết giáo thể, trong sạch ở tiếng nghe. Nghĩa là với thể lãnh giáo đúng chơn thật của chúng nhơn thế giới ta bà đây, được thanh tịnh nhứt là ở tai nghe của thính giả đối với tiếng nói của đáng thuyết pháp.

Lại bởi Nhĩ căn (thính giác) nó đủ cả ba cái thể chơn thật là : Viên thông, và Thường. Kinh nói “Dụ như người ở chỗ yên lặng, mười phương đều có kẻ đánh trống, đồng thời cũng đều nghe được cả”. Đó là Viên chơn thật. “Cách vách nghe tiếng vang, xa gần cũng nghe được”. Đó là Thông chơn thật “Với lúc không tiếng động, tánh nghe đã chẳng diệt; với khi có tiếng vang; thính giác cũng phi sanh” đó là thường chơn thật.

Vậy, người tu Phật : Chính khi nghe, cốt chớ nghe nơi ngoài cảnh, vì tiếng bên ngoài là thuộc về trần; lại cũng đừng nghe bên trong, vì cái động cảm bên trong lòng là thuộc về thức. Bởi nếu nghe nơi trần thì bị nhiễm ô, còn nghe nơi thức thì bị phân biệt, vì thức cùng trần đều phi tự tánh. Nay chỉ

nghe mà thôi, nghĩa là cái nghe chỉ nghe lấy tự tánh của nó. Đã được quày cái nghe để nghe lại tự tánh, là đi ngược dòng mê vọng của sanh tử khổ hải, để tiến vào dòng giác. Chơn của pháp tánh linh nguyên, nghĩa là : “mất cái tướng động tướng tịnh, hết cái nghe bằng có nghe, không cái biết rằng có biết, diệt cái không bằng không suông” (bởi cái không ấy nó còn đối với cái có), mà đắc cái cảnh giới “tịch diệt” hiện tiền, liền siêu việt lên trên cái tri thức của lục phàm ở thế gian, và tri giác của tam thừa xuất thế gian; vì tri thức của thế gian là vọng trần cũng như vật chất hay duy vật khách quan, còn trí giác của xuất thế gian là phân biệt cũng như ham tịnh ghét nhiễm chỉ lo phần tự giác tự độ, Duy thức chủ quan. Đối trên thì đồng hợp với “Tứ dữ lạc” của chư Phật, đối dưới thì đồng cảm với “Bi bạt khô” cho chúng sanh. Thế thì đã trọn phá rồi cái vọng thân ngũ ấm trọn vượt khỏi rồi cái vọng kiếp ngũ trược trọn dứt rồi ba cái vọng hoặc, trọn rõ ràng ba cái đức tốt..... nhân đến chứng được rốt ráo quả vị Phật.

Trong những thời ta đương trì tụng chú Lăng Nghiêm, nên biết mỗi chữ đều do nơi tự tâm đưa ra, trở lại đến nghe nơi dòng tự tánh, miệng thì tụng, tâm thì soi, chăm chăm như như rót nước chẳng sai đời, cũng không cho tâm thần (ý thức) nó hôn trầm và tán loạn. Vậy, ta liền khế hợp ngay nơi “lễ viên thông” của đức Quán Thế Âm, cũng dù thi vi gì gì nữa đâu chẳng là tánh tạng bí mật ư ? (xin xem kinh Lăng Nghiêm quyển thứ 6 và lời chú giải sẽ được tường tận cả nghĩa trên).

Ngài Kim Cang Tạng là chủ tịch bên bộ Mật bộ, vì Ngài năng hộ trì những người tu trì chú Lăng Nghiêm, khiến cho tu sĩ ấy được chóng thành tựu công đức.

Nhĩ thời Thê Tôn, tông nhục kế trung, dũng bách bửu quang, quang trung dũng xuất, thiên diệp bửu liên, hữu hóa Như Lai, tọa bửu hoa trung, đảnh phóng thập đạo, bách bửu quang minh, nhứt nhứt quang minh, giai biến thị hiện, thập hằng hà sa, Kim Cang mật tích, kinh sơn trì xử, biến hư không giới, đại chúng ngưỡng quan, úy ái kiêm bảo, cầu Phật ai hựu, nhứt tâm thính Phật, vô kiến đảnh tướng, phóng quang Như Lai, tuyên thuyết thần chú.

Lúc bấy giờ, từ trong tướng nhục kế nơi đánh của Thê Tôn vọt ra một hào quang bằng trăm ánh báu; trong hào quang hiện ra một hoa sen nở hàng nghìn cánh, có một Hóa Phật ngồi trong hoa sen báu ấy, trên đảnh Hóa Phật phóng ra mười đạo hào quang bằng những ánh của trăm ngọc báu, mỗi mỗi tia sáng ấy đều chiếu khắp nơi để thị hiện ra 10 hằng hà sa thần Kim Cang

Mật Tích : ông thì bung núi, ông thì cầm xử v.v... khắp cõi hư không, đại chúng đều ngửa mặt trông nhìn, ôm lòng vừa kinh sợ vừa mến yêu để xin Phật thương giúp, nên đều chăm lòng đợi nghe Phật dạy, đức hóa Phật trong hào quang mà nơi tướng vô kiến đánh phóng ra đó tuyên nói thần chú như sau.

Đây là đức Thế Tôn Ngài thị hiện cái tướng biến hóa ra để thuyết thần chú (tức là năm hội thần chú sẽ thấy sau kia).

Lời Sớ giải thích rằng : Với cái tướng tốt **nhục kế**, so theo Vô thượng y Kinh nói, thì : Cái đánh đầu của Phật có xương óc nổi cao lên tự nhiên nó thành như cái “đầu tóc bới”, tức kinh đây bảo là “Đại Phật đánh”, cũng tên là Vô Kiến đánh, để tỏ bày là cái thể bất động trí. **Bách Bửu quang** : hào quang bằng ánh sáng của trăm thứ báu, là để tiêu biểu cái dụng sáng suốt vô lượng trí chiếu khắp trăm thế giới, vì đúng với tánh khắp giáp. **Thiên điệp bửu liên** : hoa sen báu nở nghìn cánh, là trưng ra rằng ngàn lần vẫn đứng như một. **Hữu hóa Như lai tọa bửu hoa trung**: Bửu hoa là Nhơn, Như Lai là Quả, để tỏ rằng : Nhân trùn biến quả, Quả thấu nguồn Nhơn, mà Nhơn quả vẫn đồng thời. **Đánh phóng thập đạo..... thập hằng hà sa** : Trên đánh hóa Phật phóng 10 tia sáng.....10 số hằng hà sa, là để nêu rõ rằng : Các pháp “Thập giới, thập như v.v....” mà pháp thì có sai biệt, còn hào quang thì không lệch khác, pháp và quang đều là cái diệu dụng của “Như lai tạng tánh”, nhưng pháp và quang đều khắp giáp thị hiện ra đó là : Chính để tỏ rằng tạng tánh ấy bản thể nó sẵn sàng thanh tịnh khắp giáp pháp giới.

Kim Cang Mật Tích : Tiếng Phạm là Sanda, tiếng Ta đọc là Tán na. Lại Phạm ngữ Pancika, ta đọc là Tán chi ca, dịch là Mật chủ, vì đủ bốn nghĩa Mật : Danh, Hành, Trí và Lý, làm vị thần Hộ pháp chủ, bởi sự tích thị hiện làm Kim Cang thần, nên gọi là Mật Tích : danh tích bí mật. Nghĩa là Bửu quang ấy thể nó như kim cương; không chi phá hoại được, mà nó phá hoại được số hằng sa phiền não của thập giới (10 cõi), khắp hiện ra số hằng sa diệu dụng trong mười cõi, nên nói là biến hư không giới.

Uỳ ái : Sợ thương, vì đủ uy đức, để bề đẹp, nên đại chúng đều sợ, dù từ bi để dung thân, nên đại chúng đều mến yêu. Cũng như nói : Uỳ kỳ oai, hoài kỳ đức. **Đức Hóa Phật trong hào quang trên đánh** là nêu rõ rằng : “Cái thể kín nhiệm” nó chẳng mượn công tu và chứng, vì tâm với Phật vẫn đều là vô vị. **Đức Hóa Phật nói thần chú** là để tỏ bày “cái diệu dụng kín nhiệm” chẳng khá nghĩ bàn. Phóng hào quang hóa Phật nói chú, thì Hóa Phật thuyết chú đều là hào quang, là để tỏ “cái tướng kín nhiệm” vô ngại

thanh tịnh. Từ nơi đánh Phật là để tỏ tức là Hiện, tức là Mật, vì pháp nó không khác nhau. **Vô Kiến** : không thấy, là nêu rõ rằng chẳng phải Hiện, chẳng phải Mật, vì pháp nó vẫn vắng lặng. Đây chính là cái trọn chứng của Như Lai, và tức là cái thể mà chúng sanh đồng đủ. Song, Lý nó hơn nơi Sự để tỏ bày, còn pháp là theo nơi Cơ để cảm hóa. Vì A Nan trước nhờ Ngài Văn Thù đem thần chú đến cứu hộ rồi dẫn về, đó là chỉ mới đặng sự lợi ích của pháp Mật mà thôi, chớ chưa được rõ nghe về pháp Hiện. Về đến pháp hội, đã nhờ đức Như Lai mỗi tầng chỉ vẽ....A Nan mới từ ngộ đặng lý Viên đốn, rõ được sự viên tu. Còn với những điều mà ông muốn thâm tâm vào định Thủ Lăng Nghiêm để tránh xa các sự ma chướng, thì còn phải nhờ 4 giới Trọng cấm giữ được như giá trong tuyết trắng. Chớ như những thói quen của mấy đời trước rất khó trừ, thì cần phải tụng “Phật đánh Thủ Lăng Nghiêm thần chú” mới trừ đặng. Thế nên trong cuốn thứ 7, A Nan lập lại câu Phật phóng quang hiện đức Hóa Như Lai tuyên thuyết thần chú.

Trong bộ Du Già dạy có 4 cách niệm tụng : 1/ niệm tụng có âm thanh, là niệm bằng cách đọc ra tiếng. 2/ Kim Cang niệm tụng : ngậm miệng niệm thầm, cuống lưỡi hơi cử động. 3/ Niệm tụng bằng phép Tam ma đề : là niệm trong tâm tưởng. 4/ Chơn thật nghĩa niệm : tu hành đúng với chữ Nghĩa.

Lại hoặc phân làm 5 cách niệm tụng : 1/ Xuất nhập tức tụng, là lòng tưởng theo tiếng chữ chú, tùy theo hơi thở ra hút vào, hễ hơi ra thì tưởng chữ ra, hơi vào thì tưởng chữ vào, mỗi chữ rõ ràng, như râu chuỗi ngọc, trước sau không hở xen. 2/ Du Đà trì tụng : tưởng nơi trái tim ta nó tròn như mặt nguyệt, trong ngoài phân minh, tưởng như thứ lớp chữ thần chú trước quanh qua bên hữu, mỗi chữ khắp bủa chạy theo cái bìa vòng tròn của mặt trăng ấy, rớt rồi trở lại như trước. 3/ Kim Cang trì tụng : ngậm môi, trong miệng niệm nhỏ nhỏ lầm thầm nơi đầu cuống lưỡi. 4/ Vị thính trì tụng: đọc mỗi chữ cho rõ ràng, tiếng đọc chỉ vừa lỗ tai mình nghe được mà thôi, chớ đừng đọc lớn đến người ở gần nghe. 5/ Cao Thinh trì tụng : cao giọng niệm tụng lớn tiếng để cho người nghe, hầu dứt ác sanh thiện.

Trong Như ý bửu kinh, ông Diệu Trụ Bồ Tát hỏi : Có người cũng niệm tụng bài thần chú đây, nhưng tại sao không thấy được tam thể chư Phật ? Phật đáp rằng : Bởi vì lòng còn trụ trước nơi nghiệp thiện hay ác, lòng nghi ngại chưa đoạn, lòng chấp hữu vi, và không có phương tiện; nếu có thể tâm không nghi hoặc, quyết định chuyên chú, thế mới gọi là chơn thực trì tụng được.

Lại, ông Diệu Tý Bồ Tát hỏi : trì tụng thần chú mà không thể kết quả, là phải chăng pháp lực vô hiệu ? Hay là những thời tu niệm trái giờ ? Hoặc nữa, chúng tánh nó chẳng phải Phật tánh ư? Hoặc Thần chú còn khuyết điểm lợi ích ? Kẻ tu trì tự ý khinh mạn ? Hay là lễ vật cúng dường chẳng đủ ? Kim Cang thủ bồ tát trả lời rằng : Người mà tu chơn ngôn cũng như thần chú, muốn cho được thành tựu, thì cần phải liả hẳn các phiền não, đầy nơi đức tin sâu, phát tâm Bồ đề, kính trọng Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo, xa liả mười nghiệp ác, bỏ thói tà kiến, hành pháp thập thiện; vào đàn niệm chú, nương theo vị A xà lê, quyết chí mạnh tiến, sám hối nghiệp chướng từ đời trước, giúp bạn đồng tu, vật cúng tinh khiết, thì phép tu chơn ngôn nó không sai ngoa. Trái lại, người tu chứng đúng phép thì chắc chắn được linh cảm. Đời nay người tu trì không được ứng nghiệm, đã không tự trách lỗi mình mà trở lại phiền trách kinh chú vô hiệu. Thật là vô lý ! Nếu do đó mà sanh tâm nghi ngờ chê bai, tất phải chịu quả báo tội ác, với hạng người tu tụng như thế đó, than ôi khá tiếc !

Phuĩ : Sau đây là năm đệ thần chú (đối với Phạm ngữ là tiếng của Aán Độ, tôi chưa học nói được nên chỉ dịch bằng tiếng Việt đọc, chữ Nho của Việt xưa mà thầy Tổ đã vẫn truyền dạy bấy lâu. Tổ Vân Khê cũng đã phán : “Không biết tiếng Phạm thì đọc ngay tiếng thổ âm của mình cũng đặng, vì không cần tiếng mà cần ở tâm, bởi thần chú, nghĩa : Uy linh bất trắc gọi là Thần, tùy tâm sơ nguyện gọi là Chú”. Lại : linh tại ngã, bất linh tại ngã; thế cần gì tiếng Phạm?

---o0o---

ĐỆ NHỨT HỘI

Nam mô tát đát tha tô già đa da a la ha đế tam miệu tam bồ đà tóa. Tát đát tha Phật đà cu tri sắc ni sam.

Nam mô tát bà bột đà bột địa, tát đa bệ tệ.

Nam mô tát đa nẳm tam miệu tam bồ đà cu tri nẳm. Ta xá ra bà ca tăng già nẳm.

Nam mô lo kê a la hán đa nẳm.

Nam mô tô lô đa ba na nẳm.

Nam mô ta yết rị đà già di nẳm.

Nam mô lô kê tam miệu già đa nẫm. Tam miệu già ba ra đễ ba đa na nẫm.

Nam mô đề bà ly sắc nỏa.

Nam mô tất đà da tỳ địa da đà ra ly sắc nỏa. Xá ba noa yết ra ha ta ha ta ra ma tha nẫm.

Nam mô bạt ra ha ma ni.

Nam mô nhờn đà ra da.

Nam mô bà già bà đế. Lô đà ra da. Oâ ma bát đế, ta hê dạ da.

Nam mô bà già bà đế. Na ra dã noa da. Bàn giá ma ha tam mộ đà ra.

Nam ô tất yết rị đa da.

Nam mô bà già bà đế.

Ma ha ca ra da. Địa rị bát lạc na già ra. Tỳ đà ra ba noa ca ra da. A địa mục đế. Thi ma xá na nê bà tất nê. Ma đất rị già noa.

Nam mô tất yết rị đa da.

Nam mô bà già bà đế.

Đa tha già đa cu ra da.

Nam mô bát đầu ma cu ra da.

Nam mô ma ni cu ra da.

Nam mô già xà cu ra da.

Nam mô bà già bà đế, s đế rị trà du ra tây na, ba ra ha ra noa ra xà da, đa tha già đa da.

Nam mô bà già bà đế.

Nam mô a di đa bà da, đa tha dà đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, a sô bệ da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, tam bồ sư bí đa, tát lân nại ra lặc xà da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, xá kê dã mẫu na duệ, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà bà đế, bệ sa xà da cu lô phệ trụ trị đa, bác ra bà ra xà đa, đa tha già đa da.

Nam mô bà già bà đế, tam bồ sư bí đa, tát lân nại ra lặc xà da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, xá kê dã mẫu na duệ, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, lặc đác na kê đô ra xà da, đa tha đa đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da, đế biêu nam mô tát yết rị đa, ế đàm bà già bà đa, tát đát tha già đô sắc ni sam, tát đát đa bác đác lam

Nam mô a bà ra thị đām, bác ra đế dương kỳ ra, tát ra bà bộ đa yết ra ha, ni yết ra ha yết ca ra ha ni, bạc ra bí địa da sát đà nễ, a ca ra mật rị trụ, bác rị đát ra da nảnh yết rị, tát ra bà bàn đà na mục xoa ni, tát ra bà đột sắc tra đột tất phạp bát na nễ phạp ra ni, giả đô ra thất đế nẫm, yết ra ha ta ha tát ra nhả xà, tỳ đa băng ta na yết rị, a sắc tra băng xá đế nẫm, na xoa sát đác ra nhả xà, ba ra tát đà na yết rị, a sắc tra nẫm, ma ha yết ra ha nhả xà, tỳ đa băng tát na yết rị, tát bà xá đô lô nễ bà ra nhả xà, hô lam đột tất phạp nan giá na xá ni, bí sa xá tất đác ra, a kiết ni ô đà ca ra nhả xà, a bác ra thị đa cu ra, ma ha bác ra chiến trì, ma ha điệp đa, ma ha đế xà, ma ha thuế đa xà bà ra, ma ha bạt ra bàn đà ra bà tất nễ, a rị da ba ra tỳ rị cu tri, thệ bà tỳ xà da, bạt xà ra ma lễ đễ, tỳ xá lô đa, bột đàng vông ca, bạt xà ra chế hất na a giá, ma ra chế bà bác ra chất đa, bạc xà ra thiện trì, tỳ xá ra giá, phiến đa xá bệ đề bà bồ thị đa, tô ma lôba, ma ha thuế đa, a rị da đa ra, ma ha bà ra a bác ra, bạt xà ra thương yết ra chế bà, bạt xà ra cu ma rị, cu lam đà rị, bạt xà ra hất tát đa giá, tỳ địa gia kiền giá na ma rị ca, khuất tô mẫu bà yết ra đá na, bệ lô giá na cu rị da, dạ ra thổ sắc ni sam, tỳ chiết lam bà ma ni giá, bạt xà ra ca na ca ba ra bà, lô xà na bạt xà ra đốn trì giá, thuế đa giá ca ma ra sát xa thi ba ra bà, ế đế di đế, mẫu đà ra yết noa, ta bệ ra sám quật phạm đô, ấn thổ na mạ mạ tóa.

---o0o---

ĐỆ NHỊ HỘI

Oâ hồng rị sắc yết noa, bác lặc xá tất đa, tát đất tha già đô sắc ni sam. Hồ hồng. Đô lô ung, chim bà na. Hồ hồng, đô lô ung tất đam bà na. Hồ hồng, đô lô ung ba ra sắc địa da tambác xá nao yết ra. Hồ hồng, đô lô ung, tát bà dược xoa hắc ra sát ta, yết ra ha nhã xà, tỳ đưng băng tát na yết ra. Hồ hồng, đô lô ung, giả đô ra thi để nẳm, yết ra ha ta ha tát ra nẳm, tỳ đưng băng. Tát na ra, hồ hồng, đô lô ung, ra xoa, bà già phạm tát đất tha già đô sắc ni sam, ba ra điếm xà kiết rị, ma ha ta ha tát ra, bột thọ ta ha tát ra thất rị sa, cu tri ta ha tát nê để lệ, a tề đề thị bại đa, tra tra anh ca ma ha bạt xà lô đà ra, để rị bồ bà na, man trà ra, ô hồng, ta tát để bạc bà đô, mạ mạ, ân thổ na mạ mạ tỏa.

---o0o---

ĐỆ TAM HỘI

Ra xà bà dạ, chủ ra bạt dạ, a kỳ ni bà dạ, ô đà ca bà dạ, tỳ xa bà dạ, xá tát đa ra bà dạ, bà ra chước yết ra bà dạ, đột sắc xoa bà dạ, a xá nể bà dạ, a ca ra mật rị trụ bà dạ, đà ra ni bộ di kiếm ba già ba đà bà dạ, ô ra ca bà đà bà dạ, lặc xà đàng trà bà dạ, na già bà dạ, tỳ điều đất bà dạ, tô ba ra noa bà dạ, dược xoa yết ra ha, ra xoa xoa tư yết ra ha, tất rị đayết ra ha, tỳ xá giá yết ra ha, bộ đa yết ra ha, cuu bàn trà yết ra ha, bồ đơn na yết ra ha, ca tra bồ đơn na yết ra ha, tất kiên độ yết ra ha, a bá tất ma ra yết ra ha, ô đàn ma đà yết ra ha, xa dạ yết ra ha, hê rị bà để yết ra ha, xả đa ha rị nẳm, yết bà ha rị nẳm, lô địa ra ha rị nẳm, man ta ha rị nẳm, mê đà ha rị nẳm, ma xà ha rị nẳm, xà đa ha rị nữ, thị tỳ đa ha rị nẳm, tỳ đa ha rị nẳm a du giá ha rị nữ, chất đa ha rị nữ, để sam tát bệ sam, tát bà yết ra ha nẳm a du ha rị nữ, chất đa ha rị nữ, để sam tát bệ sam, tát bà yết ra ha nẳm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, kê ra dạ di, trà diển ni hất rị đờm tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ma ha bác du bác đất dạ, lô đà ra hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, na ra dạ noa hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, đất đũa già lô trà tây hất rị đờ, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ma ha ca ra ma đất rị già noa hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ca ba rị ca hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, xà dạ yết ra, ma độ yết ra tát bà, ra tha ta đạt na hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, giả đốt ra bà kỳ nể hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, tỳ rị dương hất rị tri, nan đà kê sa ra dà noa bác để sách hê dạ hất rị đờ, r tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di,

na yết na xá ra bà noa hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, tỳ rị dương hát rị tri, nan đà kê sa ra dà noa bác đế sách hê dạ hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, na yết na xá ra bà noa hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, a la hán hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, tỳ đà ra già hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, bạt xà ra ba nề, cu hê dạ, cu hê dạ ca địa bát đế hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ra xoa vòng, bà dà phạm, ấn thổ na mạ tủa.

---o0o---

ĐỆ TỨ HỘI

Bà già phạm, tát đất đa bác đất ra. Nam mô tỳ đô đế, a tát đa na ra lặc ca, ba ra bà tát phổ tra, tỳ ca tát đất đa bát đế rị, thập Phật ra, thập Phật ra, đà ra đà ra, tần đà ra tần đà ra, sân đà sân đà. Hồ hồng hồ hồng, phần tra, phần tra, phần tra, phần tra, ta ha, hê hê phần, a mâu ca đa phần, a ba ra đề ha đa phần, ba ra bà ra đà phần, a tổ ra tỳ đà ra ba ca phần, tát bà đề bệ tộ phần, tát bà na già tộ phần, tát bà bồ đon na tộ phần, ca tra bồ đon na tộ phần, tát bà đột lang chỉ đế tộ phần, tát bà đột sáp tỳ lê hát sắc đế tộ phần, tát bà thập bà lê tộ phần, tát bà a bá tát ma lê tộ phần, tát bà xá ra bà noa tộ phần, tát bà địa đế kê tộ phần, tát bà đất ma đà kê tộ phần, tát bà tỳ đà da ra thệ giá lê tộ phần, xà dạ yết ra ma độ yết ra, tát bà ra tha ta đà kê tộ phần, tỳ địa dạ giá lê tộ phần, giả đô ra phược kỳ nề tộ phần, bạt xà ra cu ma rị, tỳ đà dạ ra thệ tộ phần, ma ha ba ra đình dương xoa kỳ rị tộ phần, bạt xà ra thương yết ra dạ, ba ra trượng kỳ ra xà da phần, ma ha ca ra dạ, ma ha mặt đất rị ca noa.

Nam mô ta yết rị đa dạ phần, tỳ sắc noa tỳ duệ phần, bột ra ha mâu ni duệ phần, a kỳ ni duệ phần, ma ha yết rị duệ phần, yết ra đàn trì duệ phần, miệc đất rị duệ phần, lao đất rị duệ phần, giá văn trà duệ phần, yết la ra đất rị duệ phần, ca bát rị duệ phần, a địa mục chất đa ca thi ma xá na, bà tư nề duệ phần, diện kết chất, tát đỏa bà tủa, mạ mạ ấn thổ na mạ mạ tủa.

---o0o---

ĐỆ NGŨ HỘI

Đột sắc tra chất đa, a mặt đất rị chất đa, ô xà ha ra, già bà ha ra, lô địa ra ha ra, ta bà ha ra ma xà ha ra, xà đa ha ra, thị tỳ đa ha ra, bạc lược dạ ha

ra, kiền đà ha ra, bố sử ba ha ra, phả ra ha ra, bà tủa ha ra, bác ba chất đa, đột sắc tra chất đa, lao dà ra chất đa, dược xoa yết ra ha, ra sát ta yết ra ha, bệ lệ đa yết ra ha, tỳ xá giá yết ra, bộ đa yết ra ha, cuu bàn trà yết ra ha, tất kiền đà yết ra ha, ô đát ma đà yết ra ha, xa dạ yết ra ha, a bá tất ma ra yết ra ha, trạch khô cách trà kỳ ni yết ra ha, rị Phật đế yết ra ha, xà di ca yết ra ha, xá cu ni yết ra ha, lao đà ra nan đại ca yết ra ha, a lam bà yết ra ha, kiền độ ma ni yết ra ha, thập phạt ra yên ca hê ca, trị đế dược ca, đát lệ đế dược ca, giả đột thác ca, ni đề thập phạt ra tử sam ma thập phạt ra, bạc đế ca, tử đế ca thất lệ sắt mật ca ta nê bác đế ca, tất bà thập phạt ra, thất lô kiết đề, s mật đà bệ bạt lô chế kiếm, a ý lô kiếm, mục khô lô kiếm, yết rị đột lô kiếm, yết ra ha yết lam, yết noa du lam, đản đa du lam, hất rị du lam, mật mạ du lam, bạt rị thất bà du lam, tử lật sắc tra du lam, ô đà ra du lam, yết tri du lam, bạc tất đế du lam, ô lô du lam, thường già du lam, hắc tất đa du lam, ta phòng án già bác ra trượng già du lam, bộ đa tử đa trà, tra kỳ ni thập bà ra, đà đột lô ca kiếm đột lô kiết tri, bà lộ da tỳ, tất bác lô ha lãng già, du sa đát ra, ta na yết ra tỳ sa dụ ca, a kỳ ni ô đà ca, mật ra bệ ra kiển đa ra, a ca ra mật rị đột đát liếm bộ ca, địa lật lạc tra, tử rị sắc chất ca, tất bà na cu ra, tứ đản già tộ yết ra rị dược xoa đác ra sô, mật ra thị phệ đế sam ta bệ sam, tất đát đa bác đát ra, ma ha bạc xà lô sắc ni sam, ma ha bác lạc trượng kỳ lam, dạ ba bột đà xá dụ xà na, biếm đát lệ noa, tỳ đà da bàn đàm ca lô di, đế thủ bàn đàm ca lô di, bát ra tỳ đà bàn đàm ca lô đi đác điệc tha.

Aùn, a na lệ, tỳ xá đề, bệ ra bạc xà ra đà rị, bàn đà bán đà nê, bạt xà bàn ni phẩn. Hồ hồng, đô lô ung phẩn, ta bà ha. (hết chú Lăng Nghiêm)

Năm hội thần chú trên nói đề “tánh Như lai tạng” một cách rất kín nhiệm (pháp mật), còn kinh Lăng Nghiêm cũng nói về “tánh Như Lai tạng” mà nói một cách rất rõ ràng (Pháp hiển). Bởi vì có chúng sanh nghe thuyết pháp “mật giáo” rồi tự tỏ ngộ vào chơn lý; hoặc có chúng sanh như nghe nói pháp “Hiển giáo” mà tự nhận rõ được chơn lý. Thế đủ biết rằng : hoặc hiển thuyết, hoặc mật thuyết...đâu chẳng phải là phương pháp của Phật giáo hóa chúng sanh ? Ngài có đủ phương tiện bằng ba pháp luận bất khả tư nghị như thế.

Phép thần chú của TiênPhạm thiên làm rối loạn tâm tánh của A nan, đến khi nó gặp chú Lăng Nghiêm do Hóa Phật ở trong hào quang trên đỉnh Thế Tôn nói, thì thần chú Trời bị thần chú Phật đánh tiêu, chẳng những giải cứu được cái lụy “kiết hoặc” cho A Nan, mà cũng khiến cho nàng Ma Đẳng Già liền chứng được quả thánh thứ ba (A Na Hàm).

Bởi vì sức thần chú ác pháp tử như lửa của con đom đóm, ánh sáng của thần chú thiện pháp như ngàn mặt nhật ; lửa đom đóm kia gặp một ngọn đèn còn không rõ sáng đặng, phương chi với nghìn mặt nhật ư ? Thế nên với thiện chú đây người tụng cũng đắc công đức bất khả tư nghị. Tức là “Sita tapatra” “Tất đất đa bát đất ra “ tên của chú “đại Phật đánh”, dịch : “Bạch tán cái” nghĩa : Cây tàn trắng tức là chỉ cái “tạng tâm”, vì rằng; chẳng cùng hợp nhau với điều vọng nhiễm, nên nói là “Bạch : Trắng”, bởi như cây tàn trắng che mắt chúng sanh.

Quý quái các chất độc địa, tám hoạnh, chín nạn, sao tai ương, chiêm bao ác đều không nhiễm trúng tai hại gì được; chư Thiên chư Thần thường đến phù hộ. Dầu lỡ phạm tội ngũ nghịch, tứ trọng, cũng đều được sám hối. Xa lìa các điều Ma chướng, rốt được thành đạo Phật. Hễ có cầu nguyện gì, thì tùy muốn thế nào đều kết quả thế nấy. Xin xem cuốn Lăng Nghiêm thứ 7.

--- o0o ---

Chương 4:YẾU NGHĨA THẬP CHÚ

ĐẠI BI THẦN CHÚ

(Trích ở hàm chữ “Năng” trong đại tạng, kinh đề là thiên thủ thiên nhãn Quán Thế Âm Bồ tát quảng đại viên mãn Vô ngại Đại bi Tâm đà La Ni Kinh).

Bấy giờ Phật đến tạm trụ nơi Đạo Tràng bửu trang nghiêm trong Thạch thiên cung, bên ao nước trên đỉnh núi Bồ Đà lạc Ca (Potalaka) bờ biển phía nam Án Độ, là chỗ của đức Quán Tự Tại thường tới lui ở đó, nay Phật và các thần thánh tam thừa Bát bộ đều hội họp.

Thuở ấy, đức Quán Thế âm rá kín nhiệm phóng ra hào quang lớn, chiếu cả mười phương các cõi nước đều rực rỡ, thành màu vàng ròng; rồi chấp tay bạch Phật rằng: “tôi có thần chú....Đại bi tâm đà la ni, nay tôi muốn nói ra, để cho các chúng sanh đều đặng an lạc, vì nó có hiệu lực : tiêu trừ bệnh hoạn, tuổi sống lâu dài, giàu có, thêm điều lành, dứt hết các tội, được toại tâm với sự mong cầu”, nên được Phật hứa cho thuyết chú.

Bồ tát nhắc tích rằng : “Trước đây từ vô lượng ức kiếp, có Phật ra đời, hiệu là Thiên Quang Vương Tịnh Trụ Như Lai, vì tôi mà Ngài thuyết thần

chú Quảng đại viên mãn vô ngại đại bi tâm đà la ni. Hồi đó tôi mới chứng lên bực Sơ địa bồ tát, tức thời tôi phát đại nguyện như vậy :

Qua đời sau, nếu tôi có thể làm lợi ích cho chúng sanh được, thì hiện giờ đây, khiến trong cho cái thân thể này liền nảy sanh ngàn tay, ngàn mắt (mỗi bàn tay đều có con mắt).

Tôi phát nguyện ấy rồi, quả nhiên đều đủ như lời. Bảy giờ có 6 món vang động, chư Phật đều phóng hào quang đến chiếu trên thân tôi, và chiếu cả vô biên thế giới.

Tôi lại nguyện : Nếu người nào tụng được năm biến chú Đại bi, thì có thể dứt được trăm ngàn muôn ức kiếp sanh tử trọng tội, đến lúc mạng chung, được thập phương chư Phật nắm tay dẫn dắt cho vãng sanh tịnh độ.

Nếu người tụng chú này : mà còn đọa tam ác đạo, chẳng sanh về cõi nước của chư Phật, chẳng đặng vô lượng pháp tam muội biện tài, cầu điều chi chẳng được toại ý, như có các điều ấy, thì chẳng xưng là Đại Bi Tâm đà la ni, Chỉ trừ mấy kẻ: tâm bất thiện, chi bất thành, còn chút lòng nghi, thì chẳng được ứng nghiệm.

Nếu người có các điều thập ác, ngũ nghịch, hủy báng chánh pháp, phá giới, làm ô nhục nét na người ta.....mặc dầu ngàn đức Phật của kiếp trự này ra đời hết rồi cũng chẳng cho người ấy sám hối các tội lỗi trên, nhưng một phen hễ tụng chú Đại bi này, thì bao nhiêu tội kia đều tiêu diệt hết.

Hoặc người gặp những tai nạn ác nghiệt, thành tâm tụng chú Đại bi đây, liền đặng giải thoát những ác nạn ấy : hoặc có cầu điều gì, cũng đều được kết quả toại lòng. Xin xem kinh kia, sẽ tự biết tụng chú Đại bi được công đức vô cùng.

Thiên thủ thiên nhãn : Tay thì hay cầm hay đỡ, nghìn cánh tay, là để tỏ ý nghĩa rằng : cái công hành quá rộng lớn, vì bởi lan khắp ra để duy trì Phật pháp, và phổ cập nung đỡ chúng sanh. Mắt thì năng xem năng xét; ngàn con mắt, là để tiêu biểu rằng : Bi và Trí đều không ngăn mé, vì bởi mỗi mỗi đều đủ ngũ nhãn, để trọn soi xét cả các căn cơ, đặng đều đủ cứu khổ sanh tử trong thế gian, cho vui Niết bàn ngoài thế gian.

Kinh Lăng Nghiêm, đức Quán Thế Âm nói : bởi tôi ban đầu với điều nghe, quày đặng cái nghe để nghe để nghe lại tự tánh, nghĩa là cái nghe bằng quày nghe đó, là “Thị giác”, cái tánh bằng tự tánh đó là “Bổn giác”, Bổn,

Thi hiệp làm một, thì hai lẽ đều thành mầu nhiệm lẫn nhau, nên nói “diệu diệu văn tánh”. Cái tâm tinh tức tự tánh nó đã giải thoát hết năng văn và sở văn rồi, nên với những điều thấy nghe hiểu biết, chẳng còn phân cách nhau nữa, như giác quan nọ riêng cách với giác quan kia của phàm tục, vì nó đã thông nhứt hợp thành làm một cụ thể “viên thông thanh tịnh bửu giác”. Thành thử tôi mới biến hiện ra được đông nhiều hình dung tốt lạ, và cũng có thể thuyết được vô biên bí mật thần chú.

Giữa những hình dung nói trên, tôi biến hiện ra hoặc 1 thân chỉ 1 đầu, 1 thân 3 đầu, 1 thân 5 đầu, 1 thân 7 đầu, 1 thân 9 đầu, 1 thân 11 đầu, nhần đến 1 thân 108 đầu, 1 thân : 1.000 đầu, vạn đầu, 8 vạn 4 nghìn đầu bằng chất kim cương rất kiên cố. Hoặc hiện ra những cái thân có : hai tay, bốn tay, sáu tay, tám tay, mười tay, mười hai tay, mười bốn tay, mười sáu tay, mười tám tay, hai mươi tay, nhần đến mỗi thân có : Hai mươi bốn tay, hai mươi tay, nhần đến mỗi thân có : Hai mươi bốn tay....một trăm tám tay, ngàn tay, muôn tay, tám muôn bốn ngàn tay bất ấn. Hoặc mỗi thân có : 2 mắt, 3 mắt, 4 mắt, 9 mắt, nhần đến 108 mắt, 1.000 mắt, vạn mắt, 8 vạn 4 nghìn mắt rất báu thanh tịnh. Tóm lại, những đầu, tay và mắt nhiều như thế, là để tỏ ra những cái hình dung : **Từ** là để cảm hóa; **Uy** là để chinh phục; **Định** là để yên tâm; **Hueã** là để giác sát, cứu hộ chúng sanh, đều được đại tự tại, vì đủ có **Bi** và **Trí** diệu dụng của sáu căn để tiếp ứng giữa trần lao.

(Phụ lời biện giải : Đầu là chung cả tác dụng của sáu căn; Tay là tỏ lòng “bi” nung tiếp; Mắt là để tỏ cái “Trí” xét soi; đều y nơi “Bổn” để sung số trưng bày ra. Nhần đến 8 vạn 4 nghìn đầu hay tay và mắt cũng đều y nơi căn bốn sáu tác dụng, và căn bốn trí bi mà để ứng phó với tám vạn bốn ngàn trần lao, cho được diệu dụng của bực đại tự tại. Đây là công hạnh thần diệu của các thành đẳng giác ở “Thập nhứt địa”. Vì bực này thuần là đại bi làm bản thể cả pháp giới. Bi cũng viên mãn với trí hoàn toàn thật hiện. Nên suốt khắp thân thể của đức Quán Thế Âm đều hiển hiện cả tay lẫn mắt, chung gọi là Đại Bi.

Thế với tám vạn bốn ngàn trần lao, cả pháp giới sự và lý gì cũng không hề cách rời ngoài một bản thể “Viên dung tịnh giác”, vì là lẽ năng đồng mà năng dị, tức một mà tức nhiều, thân tức độ, độ tức thân, nên gọi là “đồng thể đại bi”

Thế thường họ chưa hiểu rằng : với tám vạn bốn ngàn đó, là chỉ nêu rõ pháp số vậy thôi, chớ với một cái thân thì làm gì lại thi vi ra nào đầu nào tay

và mắt bằng những con số đó ? Họ ngờ thế là chỉ đem cái quan niệm tư duy để xét lường cái cảnh viên thông của Bồ tát.

Thử xét giữa loài người đây, kẻ nọ cũng cái thân đủ sáu căn như ai, mà sao lại vụng về dốt nát, người kia cũng có cái thân có sáu căn như ta, sao lại phát minh ra được nhiều tri xảo tài nghệ ?

Đưa phàm sấn có cái thân, sáu căn sau thành lục tặc ? Các La Hán cũng vẫn sáu căn đó mà sao lại thành ra lục thần thông với thiên biến vạn hóa ?

Vậy biết còn vô minh mê hoặc, thì cái thân tâm nó thành ra bátngũ tứ thiên phiền não cũng như bát vạn tứ thiên trần lao; trái lại, đã chuyển thức thành trí rồi thân tâm nó thành ra bát vạn tứ thiên thần thông diệu dụng. Huống nữa, là cái thân trùm mụoi cõi hư không, đầu mảy lông hiện ra cõi Phật. Đó, cõi không, cõi Phật, chẳng những như cái đầu cái tya mà thôi. Kia tám vạn bốn ngàn cái đầu, cái tay cũng như tám vạn bốn ngàn lỗ trong một cái thân, đây, cũng đủ lấy làm lạ. Vì cái thân của Đẳng giác Bồ tát đã rất tịnh rất diệu, chứ không phải như cái thana của bạc địa phàm phu rất uế rất tục.

Vã lại, thánh nhân nói ra tức sự mà tức lý, đã là lời lẽ bất khả tư nghị, chớ chấp lấy cuộc hạn theo cái ý của ta để nghĩ và bàn !

Rất hay thay thần lực của đức Quan Thế Âm như thế, nên với sở thuyết ra tâm chú, đâu cho chúng ta nghĩ bàn được ru !?

---o0o---

THIÊN THỦ THIÊN NHÃN VÔ NGẠI ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

Nam mô hất ra đất na đa ra dạ da. Nam mô a rị da. Bà lô yết đế thước bát ra da.

Bồ đề tát đỏa bà da. Ma ha tát đỏa bà da, ma ha ca lô ni ca da. Aùn tát bàn ra phạt duệ. Số đất na đất tỏa. Nam mô tất kiết lật đỏa y môn ra rị da bà lô kiết đế thất Phật ra lăng đà bà. Nam mô na ra cẩn trì.

Hê rị ma ha bàn đa sa mế. Tát bà a tha đậu du bằng a thệ dựng. Tát bà tát đa na ma bà tát đa. Na ma bà dà. Ma phạt đặc đậu. Đát diệt tha. Aùn a bà lô hê lô ca đế ca la đế di hê rị ma ha bồ đề tát đỏa.

Tát bà tát bà. Ma ra ma ra ma hê ma hê rì đà dựng cu lô cu lô yết mông độ lô độ lô phạt xà da đề. Ma ha phạt xà da đề đà ra đà ra. Địa rì ni. Thật Phạt ra da. Giá ra giá ra. Mạ mạ phạt ma ra. Mục đế lệ y hê di hê. Thất na thất na. A ra sâm Phạt ra xá lý Phạt sa phạt sâm. Phạt ra xá da.

Hô lô hô lô ma ra. Hô lô hô lô hê lý. Ta ra ta ra tất rì tất rì tô rô tô rô. Bồ đề dạ bồ đề dạ. Bồ đà dạ bồ đà dạ, di đế lý dạ na ra cần trì địa rì sắc ni na. Ba dạ ma na ta bà ah. Tất đà dạ. Ta bà ha. Ma ha tất đà dạ ta bà ha. Tất đà đủ nghê. Thất bàn ra da ta bà ha. Na ra cần trì ta bà ha. Ma ra na ra. Ta bà ha tất ra tăng a mục khô da ta bà ha. Ta bà ma ha a tất đà dạ ta bà ha.

Giả iết ra a tất đà dạ ta bà ha. Bà đà ma yết tất đà dạ ta bà ha. Na ra cần trì bàn giả ra dạ ta bà ha. Ma bà lý thắng yết ra dạ ta bà ha. Nam mô hất ra đát na đa ra dạ da. Nam mô a rì da bà lô kiết đế. Thước bàn ra dạ ta bà ha. Aùn tất điện đô mạn đa ra bạt đà dạ ta bà ha.

(cả bài chú đây 84 câu ; về câu thứ 16 có 5 chữ “Na ma bà tát đà” đó là Tổ Văn thê đại sư căn cứ theo kinh Đại Bi bản xưa mà đem vô đây. Hoặc có bản xưa: ở cuối bài chú thêm vào 4 câu: 1/ Kim Cang thắng trang nghiêm ta bà ha. 2/ Ma yết thắng trang nghiêm, ta bà ha 3/Thỉnh văn thắng trang nghiêm ta bà ha 4/Aùn bạt xà ra thất rì duệ ta bà ha. Và giữa thập chú dưới đây, có thêm vào 2 bài chú. 1/ Aùn xỉ lâm kim tra, kim tra tăng kim tra v.v...2/ nam mô Thích Ca Lăng đế v.v... đều có chữ Hoa, chữ Phạn đi đôi xen lộn với nhau, đều là phi kim khẩu của Phật thuyết hay bồ tát thuyết ra, nên chẳng đem vào đây, vì e là Ma thuyết !)

Thuở đức Quan Thế Âm thuyết thần chú Đại Bi này vừa rồi, thì tự nhiên trên trời (thiên không) mưa hoa quý xuống, giữa vũ trụ có sáu món vang động, bởi phép lực của thần chú chuyển động, tỷ như: sức mạnh của Hỏa sơn phun lửa, đại bàn bị hãm, trái đất bị thu rút, đều cũng gây nên những tiếng nổ như sức mạnh của dương điện âm điện gây ra lôi chấn.

Chư Phật đều hoan hỷ, chúng trời Ma Vương đồng kinh sợ. Cả hội chúng đều được chứng quả thánh : Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán; Hoặc tiến lên các bậc bồ tát : Nhứt Địa, Nhị Địa....Thập Địa cho đến tất cả chúng sanh đều phát bồ đề tâm.

Trong bản “Đại Bi Sám hiện tướng” hay xuất tượng cả 84 câu của chú Đại Bi, với mỗi mỗi câu, tổ xưa đều họa tượng trưng ra mỗi mỗi thần biến : hoặc hình Phật, hình Bồ tát, hình các thánh nhị thừa; hoặc hình của các Trời : Phạm võng Đế Thích hoặc hình của các thần tướng Kim Cang v.v..... đều

tỏ ra mỗi bộ dạng hoặc từ bi, hoặc sân si, hoặc thánh dung hoặc phàm tướng, mỗi mỗi uy dung chẳng đồng nhau. Tất cả đều từ nơi thánh trí; lòng đại bi của đức Quán Thế Âm hóa hiện ra bằng cách đại tự tại, để làm ích lợi cho chúng sanh; mà chúng ai cũng ắt được chứng nghiệm chắc thật, nếu chí tam trì tụng !

---o0o---

NHƯ Ý BƯU LUÂN VƯƠNG ĐÀ LA NI

(Trích ở hàm chữ Năng của Đại Tạng Kinh Trung quốc)

Đối với nguyên bản “Như ý tâm Đà La Ni Kinh” do đức Quán Thế Âm Bồ Tát muốn cho chúng sanh tùy ý cầu chi được nấy, nên Ngài bạch với Phật để cầu chúng, được Phật hứa nhận. Bây giờ, đối trước Phật, đức bồ tát tự trần rằng “người tụng Minh Chú³

Cũng như Đà La Ni đây, thì thần lực của chú, hóa ra những món quý báu tuôn xuống như mưa, vì nó tùy theo ý người nguyện muốn thế. Tỳ như cây Như ý nảy sanh ra các ngọc báu như y⁴, để tùy theo sở cầu của chúng sanh ứng với lòng tưởng niệm chi tất được kết quả nấy”.

Cây như ý : là để nêu rõ trí bốn giác; Ngọc báu Như Ý : là để tỏ bày trí thi giác : “Đà La Ni” là pháp cảnh sở tri cũng như bị tụng. Luân :vành tròn bánh xe, có hai nghĩa : 1/ quay lăn 2/ cán nghiền. Nghĩa là người tụng chú này, nhờ pháp bí mật nó quay lăn trong tự tâm, trừ diệt những điều mê hoặc về ngã kiến⁵, để chứngặng cái lẽ cảnh và trí vẫn như tâm, tùy theo như ý muốn cầu chi được nấy, để thuyết pháp lợi sanh, dẫn dạy đến vô cùng.

Lại còn lẽ nữa : Trí là thể, nó vẫn trống không; cảnh là thể, cũng vẫn vắng lặng, tức là lẽ “chơn đế” cũng như tâm pháp của xuất thế gian; mỗi chữ đều từ nơi tâm lưu lộ ra, tỳ như ngọc Như ý nó hóa hiện rải tuôn tất cả quý báu, tức là lẽ “tục đế” cũng như tâm pháp của thế gian; với hai lẽ là đạo lý của chơn đế (xuất gia), Tục đế (tại gia) đều mất cái phân biệt, mà vẫn cũng đều soi sáng nơi không cái chấp phân biệt. Với “Phân biệt”, đồng thời vừa lặng vừa soi cũng như chẳng chấp nơi có, chẳng chấp nơi không, trọn lẫn không ngăn ngại, tức là lẽ “trung đế” tâm pháp công bằng, thể tánh tự tại, ba đế tròn màu. Người trì chú mà tiến đến bậc đó, thì tánh báu như ý tức Phật tánh tự nhiên sáng suốt, phước đức trí huệ thần thông pháp bửu chi thấy đều hiển hiện.

Nam mô Phật đà da, nam mô Đạt ma da, nam mô Tung dà da Nam mô quán từ tại bồ tát ma ha tát, cụ đại bi tâm giả. Đát diệt tha, án, chước yết ra phạt để, chân đa mạc ni, ma ha bát đấng mế. Rô rô rô rô, để sắc tra thước ra a yết ly, sa dạ hồng, phần tóa ha. Aùn, bát đạt ma, chân đa mạc ni, thước ra hồng. Aùn, bát lật đà. Bát đấng mế hồng.

Bấy giờ, đức bồ tát thuyết thần chú ấy rồi, giữa vũ trụ có sáu môn vang động, cung điện của các trời Ma Vương thấy đều phục lửa, chúng rất kinh sợ ! Những chúng sanh độc ác té ngã ! các loài bị phổ đồng được siêu lên cõi trời.

Giữa thiên không mưa tuôn xuống **những** hoa báu, và các vật quý xinh đẹp ; các thiên thần tâu trời nhạc, dựng đủ món cúng.

Đức Như Lai tán thán cho bồ tát, và giới thiệu với chúng hội rằng với các điều : hoặc cầu phước báo hiện tiền, hoặc phương khấn tai tinh ác ương, hoặc sám hối ngũ nghịch trọng tội, hoặc cầu đảo các bệnh nước lửa gió mưa, nạn vua, trộm cướp, oan hồn, ác mộng, giặc giả, thú dữ, và các tai nạn, chỉ chuyên nhứt tâm thụ trì thần chú trên đây, thì bao tai ương kia đều tiêu diệt hết; đến lúc mạng chung, người trì chú đây liền được thấy Phật A Di Đà, Quán Thế Âm và Đại Thế Chí, đến tiếp dẫn về Tịnh độ.

---o0o---

TÌU TAI CÁT TƯỜNG THẦN CHÚ

(Trích ở trong kinh Tiêu tai kiết tường nơi hàm chữ “Chi” trong Kinh ra)

Kinh này chép rằng : Bấy giờ Phật ở tại cõi trời Tịnh Cư⁶. Ngài bảo các Vì sao Tu, Sao Diệu....28 tinh tú, 12 cung thần và các vị thiên chúng lưu hành giữa hư không, Phật dẫn tích dạy rằng : Ta nay nhắc nói đức Phật Ta La Vương Như Lai đã thuyết rõ ra một thần chú **Xí Thạnh Quảng Đại Uy Đức đà la nilà** phương pháp để giải tai nạn phạm là tại nơi thủ đô, đến ngoài ranh cõi mà có 5 ngôi sao xâm lăng; Sao La Hầu, sao Nhuế, sao Bột, Sao Yêu, nó chiếu đến chỗ sở thuộc của người là các ngôi sao nơi sao cung bốn mạng; hoặc nó chiếu đến chỗ đế tọa, và các khu vực ngoài đồng nội, sẽ gây nên mọi điều chướng ngại, tai hại chi, cũng đều trừ diệt liền, nếu như chúng mỗi địa phương ấy, đồng tuân y đúng pháp lập chương trình kỳ hạn để niệm một trăm tám biến thần chú này.

Nặng mồ tam mãn đa, mẫu đà nẫm, a bát ra để, hạ đa xá ta nẫm nẫm đất diệt tha : Aùn, khur khur khur hứ, khur hứ hồng hồng, nhập phạ ra, nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra, để sắc sá, để sắc sá, sắc trí rị, ta phẩn tra, ta phẩn tra, phiến để ca, thất rị đệ, ta phạ hạ.

Đã từ nơi tâm với tai, lại cũng từ nơi tâm diệt tai, nên nói tiêu tai. Bởi chỗ tạo nghiệp từ đời trước, nên nay cảm chịu lấy nghĩa là các điều thống khổ nó tập trung nơi cái thân tâm đây, nên nó là tai. Nghiệp chướng đã thanh tịnh rồi, sự ấy được vui mừng nơi tâm, nên nói là cát tường.

Người mà tu trì pháp thần chú đây, tâm phải đủ ba phép Quán: lấy phép Không quán để tiêu tai : dùng phép Giả Quán để hội sự cát tường mà không hay. Giả gì cũng đều chỉ là một niệm vì tai thì tiêu, cát thì đến, đồng gọi là pháp giới tánh, đây tức là Trung Quán. Hễ tâm mê thì cát tức là tai, còn tâm Ngộ thì tai tức là cát. Nghĩa là tâm còn hôn mê thì, dầu là điều cát tường cũng thành ra tai hại ! Tâm đã giác ngộ rồi, vì dầu tai hại cũng hóa thành cát tường !

Với lẽ Tam quán, đem tâm so xét đã như thế, thì với Tứ giáo. Lục tức cũng có thể đem tâm so xét được cả, nếu để ý nghĩ rộng thì đặng rõ thấy.

---o0o---

CÔNG ĐỨC BỬU SƠN THẦN CHÚ

(thần chú này chưa rõ chỗ dịch ra từ đâu ? Lại, tại nơi hàm chữ thuyết trong Đại Tạng, về cuốn “Mật chú viên nhân vãng sanh tập” có bài thần chú này tên là “Công đức vãng sanh tập” có bài thần chú này tên là “Công đức sơn Đà La Ni” chỉ tiếng dịch có khác, chớ thật là đồng một thần chú.)

Trong cuốn Viên nhân Vãng sanh tập có dẫn lời của Kinh Đại Tập nói như vậy : “nếu người tụng một biến thần chú này, công đức cũng bằng như lay bốn vạn năm nghìn bốn trăm biến Đại Phật Danh kinh; lại cũng bằng tụng 60 vạn 5 nghìn 4 trăm biến Đại Tạng Kinh. Vì dầu có tạo tội chứa đầy hơn mười cõi nước, phải đọa vào địa ngục lớn vô gián đi nữa, đến khi lâm chung cũng được quyết định vãng sanh về Cực lạc thế giới đặng đức Phật A Di Đà, rồi sanh lên bậc thượng của thượng phẩm, nếu thành tâm tụng chú này.

Nam mô Phật đà da, nam mô đạt ma da, nam mô Tăng già da. Aùn, tất đế hộ rô rô tất đo rô chỉ ly ba, kiếtly bà, tất đạt rị, bố rô rị ta phạ hạ.

Thần chú tên là “Công đức bửu sơn” xin giải thích thể này : người hay chuyên việc là công, công có thật nghiệm là Đức. Người mà chí tâm tụng chú đây, thì về công là đủ ba quán về Quả là rở ba Đức. Tỷ như Ma Ni bửu châu : thể nó tròn sạch, đó là đức của pháp thân; nó sáng suốt trong ngoài, đó là đức của bát nhã, dường núi sản sanh vật liệu đó là đức của giải thoát. Ngay nơi chú tức là tâm, vì đều là ba đức, Sơn : Núi thì nó hay kết tinh sanh ra các mỏ châu báu; còn tâm thì cũng hay bày ra nơi cảnh vật, núi pháp tánh nó cũng phát sanh đủ cả công đức, nên chi, người thụ trì thần chú này với tài vật quý báu của tự tánh tùy ý nguyện cầu thụ dụng được cả.

---o0o---

PHẬT MẪU CHUẨN ĐỀ THẦN CHÚ

(Trích ở Kinh Chuẩn Đề nơi hàm chữ Mạc trong đại tạng)

khê thủ quy y tô tất đế

đầu diện đánh lễ thất cu chi

ngã kim xung tán Đại Chuẩn Đề

Duy nguyện từ bi thù gia hộ

(Cúi đầu lạy pháp Tô Tất Đế (ngôi pháp) :

chân thành đánh lễ bảy ức Phật (ngôi Phật):

con nay ca ngợi đức Đại Chuẩn Đề (ngôi tăng) xin duỗi lòng từ bi gia hộ).

Bốn câu chữ trên là của đức Long Thụ Bồ tát làm bài kệ để đọc mở đầu tụng thần chú này : Câu đầu là quy y ngôi (pháp bảo); câu thứ hai là kính lễ ngôi “Phật bảo”; câu thứ ba là làm lễ ngôi “Tăng bảo”; câu thứ tư là cầu nguyện cả Phật pháp tăng Tam Bảo đều chứng minh gia hộ cho.

Phạm ngữ **Su Si Dhi** dịch ra chữ Nho mà tiếng ta đọc là : **Tô tất địa**, tô tất đế (đọc đủ là Tô tất địa pháp : một trong ba pháp lớn của ba bộ chơn ngôn tông). Tô tất đế, dịch : thiện viên thành, Diệu thành tựu, chữ thiện nghĩa như chữ Diệu Viên thành nghĩa như thành tựu. Nghĩa là phép tu này

rất “nhiệm mầu” vì “hay khéo trọn” mãi được tất cả lòng nguyện, và cũng có thể “khéo nên” mọi sự lý nghĩa thế gian và xuất thế gian.

Chân thành đảnh lễ : là người năng lễ, **bảy ức Phật** là Phật sở lễ. Nghĩa là bảy ức Phật bị người lạy.

Tiếng Phạm **Koti** (Cu tri) ta đọc là **Cu Chi**, dịch : Trăm ức⁷ . Nghĩa là đức **Chuẩn đề Phật Mẫu** với **Bảy trăm ức Phật** doanh vây.

Tiếng Phạm **Can di** (Chuẩn đề) hoặc đọc : Tôn Na, Tôn Di.... Dịch nghĩa là Ra làm, là nói : lòng nguyện rộng lớn đúng nơi lý, dùng đại trí để dứt vọng hoặc, vì đủ các nhơn hạnh để ra làm việc lợi tha cho chúng sanh. Lại còn dịch là thành thực, nghĩa là : từ nơi “pháp không” tường quán ra “Pháp giả” vì để thành tự cái cảnh trí tịch diệt.

Những chữ **Quy y...Duy nguyện...** nghĩa nó thuộc về ý nghiệp; **đầu diện đảnh**...tức là thân nghiệp;**xưng tán**...là khẩu nghiệp. Nghĩa là người tri tụng thần chú này, đem toàn lực cả ba nghiệp thân, khẩu, ý đồng thời tương ứng nhau, cốt được nhứt tâm thanh tịnh để cho trí và nguyện của người được tương ứng nhau với trí nguyện của thánh, thì tâm Từ bi của đức Chuẩn đề trọn thấu gồm thân tâm của người, nên nói là **thùy gia hộ** : đuổi lòng từ bi đoái xuống để thêm trí nguyện giúp cho.

Mẫu : mẹ, Pháp là thầy học của chư Phật, thật trí là mẹ và Quyền tài là cha của Chư Phật. Vậy có thể thấy rằng : nguyên bảy số Cu Chi Phật đều do nơi pháp “Chuẩn đề tam muội” để chứng quả bồ đề, mà tất cả chúng sanh cũng nên thụ trì sẽ chứng quả Phật. Vì pháp kết thành ra quả Phật nên gọi là **Phật mẫu**.

Kinh Chuẩn đề chép : đức Như Lai trụ tại vườn cây của hai ông Kỳ Đà, Tu Đạt, được tứ chúng và Bát bộ vi niễu, đức Thế Tôn vì thương tưởng đến chúng sanh bị nghiệp dày phước mỏng trong đời mạt pháp, nên Phật vào định chuẩn đề tam muội, rồi thuyết pháp, thuật lại phép thần chú này là chỗ của bảy trăm ức Phật đã nói:

Nam mô tát đa nẫm, tam miệu tam bồ đà, cu chi nẫm đất diệt tha. Aùn. Chiết lệ chủ lệ chuẩn đề ta bà ha.

Phật dạy rằng : người tri tụng thần chú này đủ chín chục muôn biến, có thể diệt được các tội thập ác, từ trọng và ngũ nghịch. Nhân đến với nhà thế tục nào bất luận là tịnh hay uế, chỉ cần chí tâm tụng thần chú này, liền được

tiêu trừ tai nạn binh hoạn, và tăng nhiều phước thọ. Tụng đủ 49 ngày, liền được đức bồ tát sai hai vị Thánh giả để thường phò hộ người ấy trong những lúc đi đứng nằm ngồi.

Những người; hoặc cầu cho đăng trí huệ, hoặc cầu tiêu chướng nạn, hoặc cầu cho được phép thần thông, hoặc cầu quả vô thượng bồ đề....chỉ y theo pháp thiết đàn tràng, tụng đủ một trăm muôn biến, thì những người ấy liền đăng ở nơi tịnh độ của chư Phật, khắp hầu hạ chư Phật, khắp nghe cả pháp mầu trọn chứng quả bồ đề.

---o0o---

THÁNH VÔ LƯỢNG THỌ QUYẾT ĐỊNH QUANG MINH VƯƠNG ĐÀ LA NI

(Trích ở bốn Đại thừa Thánh Vô Lượng Thọ quyết định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni Kinh)

Nhơn vì thương xót hết thảy chúng sanh tuổi sống ngắn ngủi trong đời vị lai, muốn cho chúng được tăng trưởng tuổi thọ mạng và lợi ích lớn, nên đức Thế Tôn ngài bảo với ông Đại Trí Huệ Diệu Cát Tường bồ tát để dạy phép rằng : giữa châu Diêm phù đề (thế giới này), hiện nay (thời giảm kết 9) sanh mạng của loài người, chỉ sống còn có trăm tuổi; với giữa con số đó, phần nhiều người gây làm ác nghiệp, nên lại bị tổn đức giảm kỷ mà phải thác yếu chết non, thành thử kẻ sống trăm tuổi chỉ còn phần ít ! tuy thế, nếu người có phước duyên là gặp được thần chú này đem lòng thành kính hoặc biên chép, hoặc cúng dường, hoặc đọc tụng thụ trì thì được thọ mạng tăng lên sống ngoài trăm tuổi và qua đời sau mau chứng quả Phật.

Lời trên rút ở bốn kinh, và bài thần chú dưới đây :

Aùn, Nại mo bo cóc ngỏa đế, a ba na mật đạp, a ru rị a nạp, tô tất nễ, thật chấp đạp, điệup tả ra tễ dã, đát tháp cả đạt dã, a ra ha đế, tam dục tam bát đạt dã, đát nễ dã tháp. Aùn, tát rị rba, tan tư cóc rị, bát rị thuật đạp, đạt ra mã đế, ca ca nại, tan mã ngột ca đế, tóa ha ngỏa, tỹ thuật đế, mã hát nại dã, bát rị ngỏa rị tóa hất.

Câu và chữ của thần chú trên đây phần nhiều nó chẳng phù hợp với thần chú trong tạng kinh, với điều ấy có lẽ bởi vì hoặc là thời gian, hoặc là Dịch Sư lớp trước sau, mà có khác với nhau chẳng ?

---o0o---

DƯỢC SƯ QUÁN ĐẢNH CHƠN NGÔN

(Trích ở bốn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai bốn nguyện công đức kinh tại hàm chữ Duy)

Kinh Dược Sư chép rằng : đức Thích Ca Như lai bảo với Mạn Thù Thất Lợi để nhắc tích rằng “Bấy giờ đức Thế Tôn kia vào định tam ma địa tên là “Dứt trừ tội khổ cho tất cả chúng sanh”. Phật đã nhập thiền định ấy rồi, tại nơi đánh nhục kể phóng ra hào quang sáng lớn, trong hào quang ấy diễn nói ra bài Đại Đà Li này :

Nam mô Bạt già phạt đế, bệ sát xã, lữ rô thích lưu ly, bát lật bà, hát ra xà đã, đát tha yết đa da, a ra hát đế, tam miệu tam bột đà da, đát diệt tha : Aùn bệ sát thệ, bệ sát thệ. Bệ sát xã, tam một yết đế tóa ha.

Trong hào quang thuyết thần chú ấy rồi, thì khắp mặt trái đất đều vang động. Đức Phật lại phóng hào quang nữa, khiến cho tất cả chúng sanh đều dứt hết các khổ.

Nếu ai có bệnh chi, chỉ chuyên nhứt tâm đọc thần chú này 108 biến để chú nguyện vào ly nước sạch rồi uống, thì các bệnh đều dứt liền. Còn người nào chuyên tâm trì tụng trọn đời thì được không đau ốm, sống lâu, đến lúc mạng chung, được vãng sanh về thế giới Tịnh lưu ly bên Đông phương.

Quán đánh : Có hai nghĩa 1/ vì thần chú này do từ trên đánh đầu của Phật phóng hào quang, trong hào quang nói ra. 2/ nếu người có thân khẩu ý thanh tịnh tương đương nhau, chuyên tâm trì tụng thần chú này liền được hào quang của Phật chiếu đến như rót nước ngay vào đánh môn của người nên gọi là quán đánh.

---o0o---

QUAN ÂM LINH CẢM CHƠN NGÔN

(chưa rõ rút ra ở kinh điển nào)

Aùn. Ma ni bát di hồng. Ma hạc nghê nha Nạp, tích đô đặc ba đạt, tích đặc ta nạp, vi đạt rị cát, tát nhi cán nhi tháp, bốc rị tất tháp cát, nạp bồ ra nạp, nạp bốc rị, thu chắt ban nạp nại ma lô kiết. Thuyết ra da tóa ha.

Đức Quan Thế Âm có lòng đại bi rất thiết tha, đức độ sanh lan khắp; nếu người thành tâm tụng chú trên, liền được lòng đại bi của bồ tát theo niệm đến cảm cho, chớ nghi mà hồng !

---o0o---

THẤT PHẬT DIỆT TỘI CHƠN NGÔN

(Trích ở bốn Đại phương đẳng Đà La Ni Kinh hàm chữ Tín trong Tạng)

Vì thương tưởng các Bí Su sẽ hủy phạm bốn giới trọng ở đời mạng pháp, và các bí Xu Ni sẽ phạm tám giới trọng, nên đức Văn Thù Sư Lợi bồ tát cầu xin Phật khai thị điều ngài hỏi rằng : với chỗ phạm trọng tội, phải sám hối bằng cách nào?

Bấy giờ đức Như Lai liền nói lại : bài chú dưới đây là Chơn ngôn của bảy đức Phật đã nói từ những đời quá khứ; thần chú này nó hay diệt được các tội tứ trọng, ngũ nghịch và sẽ được vô lượng phước, nếu thành tâm thường tụng

Ly bà ly bà đế, cầu ha cầu ha đế, đà la ni đế. Ni ha ra đế, tỳ lê nễ đế, ma ha già đế, chơn lãn kiên, đế, tóa bà ha.

Với những tội tứ trọng ngũ nghịch, nếu phi sám hối bằng pháp vô sanh, thì không thể dứt tội được !

Thần chú này chính là do cả bảy đức Phật đều đã thuyết ra đúng chơn tánh; người tu tụng lấy mỗi niệm cũng đúng với chơn tánh, thì tất chứng được lý vô sanh; như thế, sự diệt tội tử như nước sôi tan giá tuyết.

---o0o---

VÃNG SANH TỊNH ĐỘ THẦN CHÚ

(Trích ở bốn Bát Nhứt thế nghiệp chương căn bốn đặc sanh tịnh độ Bà La Ni kinh, nơi hàm chữ Chơn trong tạng)

Nam mô a di đa bà dạ, đa tha già đa dạ, đa địa dạ tha, a di ly đô bà tỳ, a di ly đa tất đam bà tỳ, a di ly đa tỳ ca lan đế, a di ly đa, tỳ ca lan đa, già di ni, già già na, chỉ đa ca ly ta bà ha.

Cũng tên là “Bạt nhứt thể nghiệp chướng căn bản đắc sanh tịnh độ Đà La Ni”. Truyện chép rằng : Đời Lưu Tống, năm rớt niên hiệu Nguơn gia Ngải Tam Tạng Pháp Sư Càn na Bạt Đà La từ nước Thiên Trúc qua nước Trung Hoa dịch ra.

Nhắc lại chỗ đã nghe, thì sách Minh tạng Tông Bản tịnh độ hành pháp nói : Với thần chú này phải đọc 21 biến, mới hợp thức theo ý Kinh. Truyện bắt tư nghị thần lực chép rằng : Với cái phép trì chú, người tu thân và miệng phải thường và súc cho sạch, dâng hương, đốt trước tượng Phật, quỳ gối, chắp tay ngày đêm 6 thời, mỗi thời tụng 21 biến, liền diệt được các tội tứ trọng, ngũ nghịch, thập ác và hủy báng chánh pháp. Nếu người thường tụng chú này, được đức A Di Đà thường ở trên đỉnh đầu, để ủng hộ cho, chẳng cho kẻ thù tiện bề phá khuấy, hiện đời vẫn đặng yên ổn, đến hơi thở cuối cùng, được tùy ý vãng sanh. Hoặc tụng đến đủ số 20 vạn biến, liền cảm đặng tâm bồ đề nảy mộng. Hoặc tụng đến 3 chục muôn biến, liền trước mặt tự thấy Phật.

Với câu lời của thần chú này, các bản đều có hơi khác nhau ; nay đây vì y theo bản xưa, nên chỉ có 14 câu.

---o0o---

THIỆN NỮ THIÊN CHÚ

(Có chỗ viết lầm, là thiện thiên nữ Trích ở bản Kim quang minh kinh, nơi hàm chữ hóa trong Tạng)

Kinh Kim Quang Minh, ghi lời của bà Công Đức Thiên cũng tên Thiên, nói và tự giới thiệu với hội chúng rằng :

Phía bắc giữa núi Tu Di, đức Trời Tỳ Sa Môn Thiên vương có một châu thành tên là A Ni Mạn Đà: giữa thành ấy có một sở vườn tên là Công đức Hoa Quang; trong vườn ấy lại còn có một khoảnh vườn nữa rất tốt tên là Kinh Tràng, vì kiến trúc bằng bảy thứ ngọc báu rất tốt, đó là chỗ của tôi thường cư xử.

Kinh này nói rõ thêm rằng : Vì muốn thành tựu cho kẻ tu trì Kinh Kim Quang Minh được đủ vật dụng để cần giúp sống, nên bà Trời công đức nói chú này

Nam mô Phật đà, nam mô đạt ma, nam mô tăng dà. Nam mô thất ly, ma ha đề tử da, đát nễ dã tha ba ly phú lâu na, giá ly tam mạn đà, đạt xá ni, ma ha tỳ ha ra dà đế, tam mạn đà, tỳ ni dà đê, s ma ha ca ly dã, ba nễ, ba ra, ba nễ, tát ly phạt lật tha, tam mạn đà, tu bác lê đế, phú lệ na, a ly phạt lật tha, tam mạn đà, tu bác lê đế, phú lệ na a ly na, đạt ma đế, ma ha tỳ cô tát đế, ma ha di lạc đế, lâu phá tăng kỳ đế, hê đế tỳ, tăng kỳ hê đế, tam mạn đà a tha a nậu, đà la ni.

Kinh Kim Quang Minh nói : Đối với thần chú đây, hoặc những kẻ tụng, người nghe, với ai dâng hương cúng hoa, phàm muốn cần dùng điều chi, như vàng bạc, châu, báu. Trâu, dê, ngũ cốc tất cả vật dụng, thì đều được đủ cả.

---o0o---

BÁT NHÃ MA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Tâm kinh : Bốn kinh này nói pháp sở hữu của Tâm : A Lại Da Thức cũng như Như Lai Tạng Tánh. Tâm kinh làm nguồn gốc cả muôn pháp (chữ pháp là cả sự vật vô hình hữu hình) ; tâm kinh đây là điểm tinh giữa một đại bộ bát nhã kinh, nghĩa nó rất cao tốt sâu xa, ít người tiến đến tận bờ kia, mà đức Bồ tát ngài xét soi (quán chiếu) đến tận nơi thâm u của tâm kinh một cách rất tự tại, ngài có trí tuệ rất rộng lớn, nên với cảnh giới ấy bồ tát đã tự chứng rồi, lại sẵn sàng đem ra để chứng cho người, thành thử ngài nói Kinh đây.

Song muốn giải thích kinh này, trước phải giải đề mục đã. Với phép giải đề mục, đây tuân theo Tổ Thiên Thai bằng cách thành lập ra 5 lớp nghĩa màu : 1/ Thích danh 2/ Hiện thể 3/ Minh Tông 4/Biện dụng và 5/ Phân giáo.

---o0o---

THÍCH DANH

Thích Danh là giải rõ cái Danh đề của Kinh; kinh này lấy riêng về pháp để đặt tên. **Bát nhã** : dịch là Trí huệ, có ba nghĩa :

1/ **Thật tướng Bát nhã** : Bát nhã tức là : Trí huệ, hay Phật tánh và chơn tâm chẳng hạn. Cái tướng chơn thật của trí huệ là “tướng không” chứ chẳng phải “tướng có” nên gọi là “thực tướng” nghĩa là nó không hẳn những cái tướng : Sanh tử của sáu loại phàm, Niết bàn của bốn quả Thánh, và phi các hình tướng : Tròn, dẹp, lớn, nhỏ, thấp, cao, trắng, vàng, nam, nữ, ta, người,

nay, xưa v.v...cho đến phi những cái tướng đại khôn, chúng sanh và Phật. Vì nó không phân biệt, không ngộ mê, bởi đã không cái “tướng có” lại phi cái “tướng không” và không luôn “cái không” nữa, thế gọi là thể tướng của “Thật tướng bát nhã”.

2/ **Quán chiếu bát nhã** : Cái tướng xét soi của trí huệ. Lấy ánh tâm Trí huệ, để soi xét diệu lý của thật tướng, cái trí sáng, cái lý rõ, thì phá tan được những điều mê hoặc, để rõ bày tam Đức diệu tâm ra : 1/ Pháp thân đức 2/ Bát nhã đức 3/ giải thoát đức.

3/ **Văn tự bát nhã** : cũng gọi là phương tiện bát nhã; bởi lý nó đã là cái vô hình, lại tiết đường nói nghĩ, ắt phải nương văn tự để rõ nghĩa, do nơi nghĩa để hiểu lý, dần dần sẽ đặng với nghĩa và rõ đều quên, văn tự tánh nó vẫn không, thế thật tướng. Tỷ như đã được cá và thả rồi, thì nôm, rập đều bỏ. Số là lớp sơ học mà phi phương tiện, thì khó tiến vào bát nhã môn; văn tự nghĩa thú, là cái cảnh phương tiện, cái hiểu biết là trí phương tiện. Nếu buông nó ra, thì đâu có thể rõ đặng thật tướng ư ?

hỏi : Phương tiện bát nhã nó có khác gì với Quán chiếu bát nhã không ?

Đáp : Cũng có khác, cũng không khác. Nghĩa là : Với “Phương tiện bát nhã” là nơi chữ và nghĩa mà hiểu, đó là do cái trí phân biệt để phân biệt về sự cảnh giới, tức là quyền trí đầy. Với “Quán chiếu bát nhã” là y nơi thật tướng mà xem xét, đó là do nơi cái trí không phân biệt để chiếu ngay vào lý cảnh giới, tức là thật trí đầy. Nghĩa có khác với nhau là thế.

Mặc dầu Quyền Trí đối về sự, nhưng riêng không còn Quyền nào ở ngoài thật; tuy thật trí chiếu về lý, cũng chẳng còn Thật nào ở ngoài Quyền. Tức là Thật tức là Quyền, mà thế nó chẳng phải riêng làm hai, nghĩa cũng đồng nhau.

Như trong Văn kinh : Chữ “Chiếu kiến” đó, tức là nghĩa của “Quán chiếu bát nhã” “Ngũ uẩn đều không” “Không tướng của các pháp” đó là là nghĩa “Thật tướng bát nhã” “độ tất cả khổ ách” là “phương tiện bát nhã”.

Lại thật tướng bát nhã tức là Pháp thân đức; Quán chiếu bát nhã tức là Bát nhã đức; Văn tự bát nhã, phương tiện bát nhã tức là giải thoát đức, ba và một chẳng phải là riêng bát nhã tức là giải thoát đức, ba và một chẳng phải là riêng làm hai, mà chính là nhứt tâm sẵn sàng vẫn đủ của ta với người đầy.

Phạm ngữ Paramitā, ta đọc **Ba la Mật**, dịch chữ : Bỉ ngạn đảo, nghĩa: Đền bờ kia. Sanh tử là bờ bên đây, Niết bàn là bờ bên kia, phiền não là chính giữa dòng sông mê bể khổ, trí huệ là thuyền bè.

Trong văn Kinh nói : **Hành thâm bát nhã ba la mật đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không**: Thân “ngũ uẩn” là sanh tử; trí “chiếu kiến” là thuyền bè; “giai không” là đảo bỉ ngạn. Nghĩa là “Hành đã thâm” thì liền chứng đến cảnh giới tịch diệt Niết bàn. Phải biết rằng : với cái thân năm uẩn đây đã không, hể một cái này không, thì tất cả chi chi nữa cũng đều không, với cái không của tam đế được viên dung, là trọn nhờ nơi công, hành quán chiếu, mới tiến vào cảnh “chơn không” của Ba La Mật môn.

Tâm (tâm kinh) làm chủ suốt bốn Thánh sáu phạm và gồm cả mười thiện mười ác ; nói bằng cách ước lược thì có những : Tâm của thảo mộc, tâm của duyên lự, tâm chơn như và cái tâm của tích tụ tinh yếu.

Tâm thảo mộc : cỏ cây nó chẳng thể có cái bản năng Duyên lự (Leo lo) cũng như liên tưởng, vì chữ Duyên : Liên lạc ; chữ Lự : Tư tưởng. Mà nó vì có nghĩa sanh trưởng, nên nói tự hồ có tâm, dù không giác tri.

Tâm duyên lự : Cũng kêu tâm lo biết, chính là cái tâm bằng “mỗi một niệm” hiện bây giờ đây của ta và người, nó hàm đủ những khả năng bằng Duyên lự là liên tưởng cả đến chín loại ở chín cõi. Nghĩa là : Cái tâm niệm hiện tiền đây, nếu có duyên về thập ác bằng thượng phẩm để làm tư lự, thế là cái tâm địa ngục : nếu nó duyên về thập ác bằng trung phẩm để làm tư lự, thế là cái tâm súc sanh; nếu nó duyên về thập ác bằng hạ phẩm để làm tư lự thế là cái tâm ngạ quỷ. Chung gọi là “Tam ác đạo”

Tâm niệm lo nghĩ về mười lành bằng lục hạ, là tâm duyên lự của thân A Tu La; lo nghĩ về 10 lành bằng bậc thượng là tâm duyên lự của các Trời, chung gọi là “tam thiện đạo”. Cả “thiện và ác trên, đều cộng chung là “lục đạo luân hồi”. Tức là sáu cảnh giới của phạm phu.

Tâm niệm nó duyên lệch cảnh không vắng lặng, để tư lự hoạt động, đó là tâm của các thánh Thanh văn; nó duyên theo cái tánh không pháp như duyên, để làm tư lự hoạt động, đó là tâm của các Thánh Duyên giác; nó duyên pháp Lục độ đều tu để làm tư lự hoạt động của các thánh Bồ tát; nó duyên theo tánh pháp giới vô ngại, nên được bình đẳng giữa người với ta, vì đồng một bản thể thanh tịnh diệu minh, để làm tư lự, đó là tâm chơn như của Phật.

Duy cái tâm chơn như của Phật, nói là trí vô phân biệt, vì giác ngộ đã hoàn toàn cứu cánh. Tất cả đều gọi là cảnh giới của tứ thánh hơn ở ngoài tam giới lục đạo.

Kinh Hoa Nghiêm bài kệ nói : Ứng quán pháp giới tánh, nhất thể duy tâm tạo : Nên xét tánh pháp giới, tất cả chỉ tâm (tâm duyên lực) tạo. Lại nói “tâm như công họa sư, tạo chủng chủng ngũ ấm. Tâm như thợ vẽ khéo, tạo mỗi mỗi ấm thân “Kinh Lăng Nghiêm nói “Vạn pháp sở sanh, duy tâm sở hiện : Cảnh sở sanh của muôn pháp (sự vật) là cảnh sở hiện của duy tâm (Như Lai Tạng).

Song pháp tánh (tâm chơn như) nó vẫn hoàn toàn sáng suốt vốn chẳng óc những hiện tượng bằng thế giới chúng sanh; bởi vì với trên thế viển mãn quan minh đó, lũng đi không tỉnh giác mà mỗi động lên một niệm (tâm duyên lực) : hoặc vọng hoặc chơn hay là mê với giác, nhiễm với tịnh cũng như ác niệm thiện niệm chẳng hạn, thành thử giữa “pháp giới tánh” mới có hiện thật ra những hiện tượng phân biệt bằng tứ thánh, lục phàm nơi mười phương: chúng sanh chẳng chịu nhận ngay nơi niệm để giác chiếu, nên mỗi niệm đều rớt theo cảnh lục trần để sanh vọng động luôn luôn, hơn đó tâm nó bị tạp loạn mãi mãi, không giờ nào thôi ! đó là cái ảnh tư tưởng cũng như quan điểm điên tử, để chiếu bóng ra những hiện thực giữa lục phàm.

Trái lại, nên biết : với niệm trước mặc dầu nó đã sanh khởi bằng mê vọng, mà chỉ cốt lấy niệm sau quày xét lại bằng giác chơn : Niệm nó chẳng có cái thật thể của nó, thể đã phi có, thì niệm do đâu sanh ? Tỷ như đã không hạt, không giống thì làm gì sanh ra cỏ, ra cây ? Cứ mỗi một niệm nào, thường giác ngộ mỗi niệm nấy, mỗi niệm vẫn theo riết với giác tánh theo mãi cho đến cùng nguyên cực để, thì tự nhiên tiến thủ được cái tn tức của tâm chơn như, mà trong Kinh thường bảo là “minh tâm kiến tánh” đến đó, từ đây chân hưng lại cái giác phong (tâm ấn) của Phật tổ. Thể của Tâm chơn như là: vui vui lộng lộng, mà chẳng lộ ra một mảy hình sắc gì, nên không mắc không buộc chi tất cả, thì với mỗi chỗ nào, đâu chẳng là chỗ tự tại, nơi mô chẳng chẳng là “tướng không” của các pháp, cũng như Phật tánh cả mọi loài. Như thế thì, đụng chạm đến chỗ nào cũng đều là “Tâm kinh” rõ rệt cả.

Lại làm bài ca rằng :”Thử gia phong, thiên địa không, sanh tử khứ lai hữu hà tung, diêu không nguyệt lạc ba tâm lý, Phật dữ chúng sanh nhưt tánh trang : đây, chân tâm; Trời, đất.....không sống chết tới lui không hình tung, nguyệt trên không in rơi lòng sóng, Phật với chúng sanh trong tánh chung”.

Tâm tính tụ tinh yếu : lòng chứa nhóm những tinh nghĩa cốt yếu. Nghĩa là : “Tâm kinh” đây chính thực tính yếu giữa sáu trăm cuốn của bộ Đại Bát Nhã kinh. Lấy “tâm” làm đề mục đó, là cốt muôn cho chúng sanh ngay nơi vọng tâm đổi ra cái chơn tâm Bát nhã, nếu nương theo trí bát nhã rồi, thì chính nơi vọng tâm của chín giới chúng sanh, nó tức là tâm chơn như thanh tịnh của Phật giới, nên chính chỗ gọi rằng : một cuốn tâm kinh đây, là nguyên liệu để ta thành Phật có dư, thật thế.

Tu đa la, dịch chữ : Khế kinh. Nghĩa : với trên thì khế hợp tâm của chư Phật, với dưới khế hợp cơ chúng sanh. Lại chữ Kinh, nghĩa là Pháp, là Thường : chúng sanh ở mười cõi đồng tuân, nên nói là Pháp; thời gian suốt ba đời không đổi, nên gọi là Thường. Với danh đề của tâm kinh, sơ lược giải thích rồi.

---o0o---

HIỂN THỂ

Hiển thể là rõ bày cái bản thể của Kinh này : Tâm kinh này lấy thật tướng của bát nhã làm thể, thì nghĩa ấy đã giải thích như trước, tức là trong kinh về những nghĩa của: các chữ Không các chữ Vô, và sáu chữ Bát trong mấy câu bát sanh bất diệt....đều là **thể** của **Tâm Kinh** này.

Thể ấy tức là Bát nhã, thể bát nhã bao giờ nó cũng vắn sẵn sàng rõ rõ, chẳng cần mượn công tu tập quán tưởng nhiên hậu mới có đặc chứng, vì nó vốn không thiếu không dư, nên dùng thể bát nhã là trí huệ để nói ra nó. Kinh đây riêng biệt nói rõ nghĩa không đó là : **Với vũ trụ vạn hữu cũng như những hiện thật giữa thế gian**, ta hiểu được một cái này (thân ngũ ấm) không thì cả thấy cái chi chi khác nữa cũng đều không, không “pháp giải”, không : “pháp trung” mà chẳng là không, với giới chủ quan thì một tiêm, một hào nó cũng chẳng nhiễm, còn về giới khách quan thì lời nói ý nghĩ của người cũng chẳng thấu nổi, nên nói là “**thật tướng làm thể của nó**”.

Kinh Pháp Hoa nơi : Chỉ có Phật Thích Ca và chư Phật mới có thể xét thấu được “thật tướng của các Pháp”. Nên kinh Bát nhã ba la mật đa tâm đây, chuyên về lẽ quét sạch cả dấu vết của ngữ ngôn và tư tưởng, mới gọi là thanh tịnh như như.

---o0o---

MINH TÔNG

Minh tông : là nói rõ cái tông chỉ của Kinh này : Kinh này lấy cái trí quán chiếu bát nhã làm tông chỉ, nghĩa đã giải ở trước, tức như kinh đây về nghĩa của các : chữ quán, chữ chiếu kiến, và nghĩa của chữ y của câu “y bát nhã”....đều là chính tông chỉ của Tâm kinh.

Tông : tông yếu, tông thú, nguyên bởi Chơn không (chơn như tâm) lẽ có là không hình tướng, không danh từ, chẳng phải dùng lời nói, để ý nghĩ mà có thể đúng đến đâu, chỉ cốt là cái “trí vô phân biệt” mới có thể soi xét thấu được.

Lại “thực tướng Bát nhã” là Lý Như Như “quán chiếu bát nhã” là Trí Như Như. Vì ngoài Trí không Như, ngoài Như không Trí, bởi ngay nơi Trí tức là Như, ngay nơi Như tức là Trí. Đồng thời năng sở đều tuyệt, đối đãi cũng vong, đến tuyệt vong cũng đều phi, đó, chính nơi chân tông để rõ chân thể của Tâm kinh hay là Chơn Như Tâm.

---o0o---

BIỆN DỤNG

Biện dụng là phân rành những tác dụng của tâm kinh này; kinh này lấy “phương tiện bát nhã làm diệu dụng. Phương tiện tức là Quyền Trí, vì Bồ tát dùng những cách phương tiện quyền xảo để tế độ chúng sanh. Chính trong kinh này về nghĩa của những câu: Độ nhưt thể khổ ách, và năng trừ nhưt thể khổ v.v.. đều là lực dụng của kinh này.

Lại, trước kia nói : Văn tự bát nhã, cũng tên là phương tiện bát nhã; ở đây nói lấy phương tiện bát nhã làm tác dụng thì đã thế, còn lấy “Văn tự bát nhã làm tác dụng là: bởi văn tự nó từ nơi “thật tướng” chơn như tâm lưu lộ ra, cũng tỷ như nói : chữ nghĩa do nơi tâm trí của người phát minh, chế biến, đặt để và giảng nói ra. Nay đây, là : y nơi văn nghĩa để dấy lên quán xét, là trở lại quán xét lấy “thật tướng – tâm” mà đắc lực dụng.

---o0o---

PHÁN GIÁO

Phán giáo là phân phán ra cho biết Tâm kinh đây nó thuộc về “giáo tướng” nào; đối với diệu chỉ : ngon nhưt của Đại thừa, thì, tâm kinh đây

dùng thức ngon ấy tỳ như vị sữa chín để làm “giáo tướng” : lời của Phật giảng dạy cho lớp dưới gọi là giáo; với những lời giáo huấn như thế, phân ra làm năm thời, tám giáo gọi là tướng.

Từ khi mới thành đạo quả, cuối đến Niết bàn, Phật thuyết pháp kể có năm thời : Thứ nhất là thời Hoa Nghiêm, diệu chỉ của thời này tỳ như sữa. Thứ nhì là thời A Hàm, pháp vị của thời này tỳ như hơi mùi băng lạc và vãng sữa. Thứ ba là thời phương đẳng, đạo vị của thời này tỳ như khí vị bằng sanh tộ là dầu sữa. Thứ tư là thời Bát nhã, giáo vị của thời này tỳ như mùi vị bằng thực tộ là dầu sữa chín. Thứ năm là thời Pháp Hoa và Niết bàn, nghĩa vị của thời pháp này tỳ như thượng vị đề hồ là đem dầu sữa chín chung thành ra mỡ sữa .

Bát nhã tâm kinh này, ở về thời thứ 4, là nó lẫn suốt cả các pháp, vì đề đào thải là đãi sạch hết tánh chấp pháp của các Phật tử. Song, có hai nghĩa bát nhã là : cộng và bất cộng, nghĩa là một phần thì có nghĩa cộng đồng với Tiểu thừa, một phần lại chẳng chung cùng với tiểu thừa; chứ tâm kinh đây là nghĩa rất hay của Đại thừa, thế thì bất cộng bát nhã : phần bát nhã này chẳng chung nghĩa với tiểu thừa.

Lại, với trong bốn giáo, thời Bát nhã không nói đến Tạng giáo, chỉ kèm theo hai quyền lý là Thông giáo và biệt giáo, mà chính nói về thật lý của Viên giáo.

Ba thời thuyết pháp trước, để thích hợp với căn cơ của Tiểu thừa : đến đây lòng chúng ham mộ về Đại thừa nó càng tiến hơn, tâm đã dần dần thông thái, tỳ như sanh tộ biến thành thực tộ. Với “ngũ trùng huyền nghĩa” đã tường thuật sơ lược rồi.

1,2,3,4,5. với kinh Niết bàn, Phật nói từ sữa đến đề hồ là năm vị, để tỳ từ Hoa Nghiêm đến Niết bàn là năm thời. Tổ Thiên Thai Đại Sư như đó chia định ra làm thứ lớp cho Kinh pháp của Như Lai đã nói trong một đời : một là để tỳ lớp lan năm thời giáo này nở; một là để tỳ thứ tự căn cơ thuần thực, là nói : so về giáo thì có sanh nhau, so về cơ thì đậm nhạt:

1/ Nhũ vị : mùi sữa, mới từ nơi vú bò nặn ra. Ví Phật nơi ngu, ban đầu Phật nói Hoa Nghiêm kinh, như sữa bò, bấy giờ căn cơ của nhị thừa chưa chín, lọt lọt quá, như là sữa sống. 2/Lạc vĩ : lấy từ nơi sữa sống ra, nghĩa là sữa lấy ra khỏi vú, để nguội, nó đóng váng, gọt lấy váng ấy, gọi Lạc. Đề vĩ rừng : sau thời Hoa Nghiêm, Phật nói Kinh A Hàm, chúng nghe kinh A hàm, là làm cơ tiểu thừa. 3/ Sanh tộ vị : Lại từ nơi lạc chế biến ra.nghĩa là lấy lạc

nấu vừa nấu vừa khuấy một chập, để nguội, đóng lớp mỏng trên mặt như tàu hủ ky, vớt lấy lớp vàng đó, gọi là vị sanh tô. Để tỷ rằng : sau thời A Hàm, Phật nói kinh Phương đẳng, căn cơ tiểu thừa đã thực, để tiến làm cơ về thông giáo của Đại thừa. 4/ Thực tô vị : lại là lấy sanh tô để chế luyện cho tinh thêm, để dụ sau thời phương đẳng, Phật nói Kinh Bát Nhã căn cơ của Thông giáo đã thực mà làm cái cơ biệt giáo của Đại thừa. 5/ đề hồ vị : lại lấy vị thực tô để chưng chế mà thành vị đề hồ : từ chất sữa đem nấu chưng chế đến bốn lần là thành đề hồ. Để ví dụ rằng :sau thời Bát Nhã Phật nói hai bộ Kinh Pháp Hoa và Niết bàn, bấy giờ căn cơ của Biệt giáo đã thực, tiến đến làm căn cơ Viên giáo của Đại thừa.

Kinh Niết bàn cuốn 14 nói : Tỷ như từ bò ra sữa, từ sữa chế thành ra lạc, từ lạc chế thành ra sanh tô, từ sanh tô chế thành ra thực tô, từ thực tô chế thành ra đề hồ, đề hồ là vị ngon tốt bực, hễ ai uống đến, bịnh gì cũng lành, vì dầu có vị thuốc chi hay, cũng không ngoài diệu dược đề hồ.

Phật cũng như thế : Từ Phật xuất sanh ra 12 bộ kinh, từ 12 bộ Kinh xuất sanh ra tu đa la xuất sanh ra phương đẳng kinh, từ phương đẳng xuất sanh ra bát nhã ba la mật, từ bát nhã ba la mật xuất sanh ra đại Niết bàn. Dường như đề hồ. Các Thánh Thỉnh Văn tỷ như sữa : Các Thánh Duyên Giác tỷ như lạc; người hành đạo bồ tát, tỷ như sanh tô thực tô; chư Phật Thế Tôn tỷ như đề hồ, đó là Nhân. Hoa nghiêm, A Hàm, Phương đẳng, bát nhã, Pháp hoa, Niết bàn, đó là pháp, nên dụ ngũ vị có nhơn và pháp.

Ngũ thời bát giáo : Đây là Thiên thai thành lập : Từ thời Hoa Nghiêm đến thời Niết bàn là ngũ thời; từ giáo hóa pháp và tứ giáo hóa nghi là bát giáo.

Hóa pháp bốn giáo :

1/ Tam tạng giáo : 3 tạng kinh luật, luận, bộ loại riêng rành, nói về pháp tứ đế bằng nghĩa nhơn duyên sanh diệt, phần chính là để dạy hành Nhị thừa tức các Thánh Thỉnh văn, Duyên giác, phần phụ cập là để dạy nói qua các Thánh mới tiến học bồ tát đạo

2/ Thông giáo : nói về nghĩa bốn chân đế bằng lẽ tức không vô sanh, khiến cho thông với ba thừa để đồng học cả, nhưng lấy bồ tát làm chánh căn cơ, Nhị thừa Thỉnh Văn Duyên giác làm bàng căn cơ

3/ Biệt giáo : Với nhị thừa chẳng đồng trình độ, nên phải riêng biệt đối với bồ tát để nói pháp đại thừa vô lượng 4/ Viên giáo : đối với các bồ tát bực

tối thượng lợi căn, để nói pháp bằng sự lý viên dung nhau, kêu là Trung đạo thực tướng. Bốn giáo trên là : vì làm pháp môn để hóa độ chúng sanh được lợi ích, nên nói “Hóa pháp tứ giáo”.

Hóa nghi tứ giáo : Dùng Hóa pháp kia làm cái pháp nghi thức để khai thị cho chúng sanh, nên gọi là Hóa nghi tứ giáo :

1/ Đốn giáo : đối với căn cơ đốn đại, thì đốn thuyết những pháp lớn về biệt giáo, Viên giáo, như thời Kinh Hoa Nghiêm đầy.

2/ Tiệm giáo: đối với tiệm cơ, phải dần dần theo thứ lớp để nói ra bốn giáo của Hóa pháp, như giáo tướng nói ba thời ở Lộc viên, Phương đẳng, và Bát nhã đầy 3/ Bí mật giáo : đối với căn cơ của một hạng người, nói ra pháp bí mật; khiến cho người trong một hội tự tha đều biết lẫn nhau, đó là do nơi pháp lực bất tư nghi nói : thân, khẩu, ý của đức Như Lai. 4/ Bất định giáo : với trong một pháp hội, nói ra một pháp, khiến cho mỗi người tuy đồng nghe mà lãnh hội thì mỗi người lại hiểu mỗi khác, hoặc có đặng ít, hoặc không đặng ít. Số là : tứ giáo hóa pháp tỷ như vị thuốc, còn tứ giáo hóa nghi thì ví như một phương thuốc, hợp thành bát giáo là thể. Sách chỉ quán nghĩa lệ nói : Đốn cả tứ giáo là Hóa nghi của Phật, Tạng cả tứ giáo là Hóa pháp của Phật.

---o0o---

ĐƯỜNG TAM TẠNG PHÁP SƯ HUYỀN TRANG DỊCH

Đời Đường, Thầy Tam Tạng Pháp sư hiệu Huyền Trang dịch tâm kinh này.

Đường : Họ Lý tên Uyên, tự là Thúc Đức, ông lý Uyên làm quan nhà Tùy (589 – 617), chịu vua cung Đế nhường ngôi mà có thiên hạ, đóng đô thành Trường an, lập quốc hiệu là Đường (618 – 905)

Tam Tạng : Tạng Kinh, tạng luật, tạng luận ; học thuộc lòng, hiểu suốt cả giáo pháp của ba tạng cũng như ba kho sách, làm sư phạm cả chúng nhơn, nên được gọi là Tam Tạng Pháp Sư.

Vốn tên là Vi. Hiệu là Huyền Trân, cháu chắt của ông Thái Khuru trần trọng Cung đời nhà Hán. Đến đời con cháu đời đi ở xứ Hâu thị, huyện Lạc châu, tỉnh Hà Nam. Thuở nhỏ bị túng cùng ! sớm thông tam học Giới, Định, Tuệ. Năm lên 15 tuổi, cùng đi với anh là Trường Tiệp Pháp Sư đến nhập

chúng nơi chùa Trang Nghiêm, tại thủ đô Tràng An, làm Môn hạ của Ngài Đạo Cơ, giữa tiệc luận pháp, được chúng khẫu hoan nghinh là bực anh hùng, hơn lại có cái chí nguyện du học Tây vực để tìm thêm sách Phật.

Năm lên 29 tuổi, Sư bèn mạnh dạn một mình đến tận cửa khuyết, dâng chương biểu để tỏ bày chí nguyện trên, nhưng các quan ở đây không sẵn lòng vì thông tin hướng dẫn vào tâu. Sư liền tách dấu Kinh đô, đến dạo lan khắp các xứ của nước Thổ phồn như : Tây Tạng, Thanh hải, Cam túc, Tứ xuyên, Vân nam để học các thứ sách và các thứ tiếng.

Năm Trinh quán thứ 3 là năm Kỷ Sửu (629) tại đất Kinh sư xảy gặp tai biến. Vua ra sắc lệnh : Cho kẻ đạo gnuời tục đều được tùy tiện với phương nào khỏi mất mùa thì đến đó tự sống, ngô hầu bớt sự thiếu hụt cho kinh đô, hơn đó dân chúng phải tản cư tứ hướng, thừa dịp Sư được sang Tây vực.

Đến nước Kế Tân (nay là Khắc thập mẽ nhĩ) gặp khoảng đường rất nhiều hổ báo, hiểm trở, không thể qua đặng, Sư chẳng biết làm sao đi ! Sư đóng cửa ngồi nghỉ. Đến tối mở cửa, Sư thấy một ông Sư già, đầu mặt lờ lói, mình vóc tươm mỡ máu, ngồi cao nghệu một mình, chẳng biết Sư già từ đâu đến. Trán sư liền lạy cầu khẩn. Lão bịnh Tăng liền truyền miệng cho bốn Tâm kinh, bảo tụng; Sư vẫn lời thường đọc, nên sự băng qua sông núi dễ dàng và tránh khỏi độc trùng, ác thú.

Khi đến Aán độ, Sư được quốc vương Giới Nhật hoan nghinh sùng bái, vì cả Luận sư của 18 nước không ai đối đáp hơn ngài nổi ! Sư dạo khắp 5 xứ Aán độ, thỉnh được các phạm bốn...đến năm Trinh quán 19 (645) là năm Aát Ty, ngài trở về Kinh sư. Vua Thái Tôn thỉnh Sư trụ Trì chùa Hoằng Phúc, và rước vào ở Ngọc Hoa, để phiên dịch kinh tạng...thành phần được 73 bộ, kể có 1.330 cuốn....

Với Tâm kinh đây kể có 5 nhà dịch 1/ Ngài La Thập dịch tên là “Ma ha Bát nhã ba la mật đại minh chú Kinh: 2/ Trán Sư dịch, tức là bốn “Bát nhã ba la mật đa tâm kinh” này; 3/ Bát nhã lợi ngôn dịch, tên Kinh đồng với bốn này; 4/ Tổng pháp Nguyệt dịch, tên là “Phổ biến tạng Bát nhã ba la mật đa kinh 5/ Ngài Thi Hộ dịch, tên là “Phật thuyết Thánh mẫu Bát nhã ba la mật đa tâm kinh”. Nhưng về chỗ truyền trao đọc tụng từ xưa đến nay đều sùng thượng bốn dịch của Ngài Huyền Trán.

Bốn Tâm kinh đây, trước đầu chẳng có năm sự về tựa chứng tín; ba Bốn của ba nhà dịch đều có cả phần : tự phân, chánh phân, lưu thông. Ba bốn kia

nói : Đức Phật ở non Linh Thứu, với một ngàn hai trăm năm mươi người, và các vị Bồ tát, thiên long bát bộ đều hội họp.

Bấy giờ, Phật vào định “thậm thâm quang minh tuyên thuyết chánh pháp tam muội”. Bấy giờ, thánh giả ngơ ngáo, vì không do đâu để nghe pháp ! Thành thử Tôn giả Xá Lợi Phất mới hỏi, đức Quan Tự Tại Bồ Tát nói Bát nhã tâm kinh này.

Bổn dịch đời Tống lại nói : Khi đức Quan Tự Tại Bồ Tát nói Kinh đây rồi, từ pháp tam muội xuất định. Phật tán thán rằng : Hay thay ! hay thay ! đúng như lời của Quan Tự Tại đã nói”. Nay kinh đây thể theo văn dón gọn, nên bớt mấy phần tự chứng, lưu thông kia.

Song, trong Đại Phẩm bát nhã có một đoạn văn, phần lớn cũng đồng với Kinh nay đây, đã có ngài Long Thụ thích nghĩa ai muốn cần rộng thì tìm lấy để xét.

Quán tự tại Bồ tát, hành thâm bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhưt thế khổ ách :

Thử đức Quan Tự Tại Bồ Tát tu hành đã tiến sâu đến chỗ trí huệ bên kia bờ, ngài soi thấy cả năm uẩn đều không, nên độ được tất cả khổ ách.

Đây là lời tự khởi của nhà kết tập kinh này, sơ lược kể bày nghĩa của ba bát nhã : **Tự tại** và **không** là nghĩa của “Thật tướng bát nhã” **Quan** và **chiếu kiến** là nghĩa của “Quán chiếu Bát nhã” **Hành thâm...độ nhưt thế khổ ách** là nghĩa của “Phương tiện bát nhã”.

Quan Tự Tại tức là Quan Thế Âm, hơn vì có ông Xá Lợi Phất thưa hỏi, nên đức Bồ tát nói kinh này. **Quan** : Quán chiếu; **Tự tại** : lý thật tướng của chơn như tâm. Chơn như lẽ vô vi, nghĩa là không tạo tác, không hình tướng, không phân biệt, nên nó không ngã vào con số nào, và danh tự gì cả, vì nó lia hẳn những hình tướng : chướng ngại, phiền não, và các tướng hý luận chấp “có” bác “Không” chấp “không” bác “có” giữa vật với tâm; hết thấy điều điên đảo là : không thường hằng là thường, không lạc chấp là lạc, ngã tịnh cũng thế, cho đến lia luôn cái tướng Niết bàn nữa. Không vướng mắc vào điều gì bằng một mảy lông, sợi tơ giữa sự vật, nên gọi là “tự tại”.

Lại, **Quan** là cái trí năng quan, **Tự tại** là cái cảnh sở quan, Trí thì khôn sáng chẳng mê muội, vì **thế** nó vắng lặng, mà **dụng** nó thường soi. Tỷ như nhứt cầu khắp rọi mà không chọn lựa, nên ba đời suốt tổ, mười phương

không sót. Cảnh thì tánh thật chân như, soi làm thường vắng, từ xưa chẳng đổi, vì thì chung vẫn như như, như nước lóng đứng trong sạch khắp giáp pháp giới.

Tức là Trí, tức là cảnh, vì tùy duyên sự tướng mà chẳng biến đổi tánh chơn như; tức là cảnh, tức là trí, vì chẳng biến đổi tánh chơn như mà tùy duyên sự tướng.

Bồ tát xét thấy cái thân ngũ uẩn không thực có, với một cái đã không, thì tất cả cái gì khác cũng đều là không thực có, là cái không vi diệu tự tại, đó là chiếu về lý; đây cái lòng đồng thể đại bi, tùy theo cơ duyên, để cứu độ khổ ách cho tất cả chúng sanh, khiến chúng đều cũng đắc tự tại, đó là chiếu về cơ. Bởi vì chúng sanh với Bồ tát chẳng phải là hai cái thể tự tại, nên gọi là đồng thể, kẻ tiên giác phải nhắc thức cho người hậu giác, khiến cho hậu giác trở nên đồng với tiên giác này thôi.

Lại nữa, chiếu về lý, tức là xét soi nơi cơ, soi xét nơi căn cơ tức là chiếu lý. Công và hành đã sâu, thì tự với tha đều đắc tự tại bồ đề, thế gọi là bồ tát hạnh. Cái cảnh sở hành của bồ tát, là cần phải thực hành pháp lục độ, vì để tự độ và độ tha.

Bát nhã tức trí tuệ, mà có cái trí bốn giác, và trí thì giác (chúng sanh vốn đủ tánh chơn minh, chẳng mượn công tu mới đặng, đó là Bốn giác; hiện giờ một niệm soi xét trở lại mà đây công tu hành đó, là thì giác). Chúng sanh dù sẵn đã trí bốn giác, mà nếu không có trí thì giác, thì cái trí bốn giác bị toàn mê, vì chưa minh tâm kiến tánh. Với trí thì giác, các thánh như bực nhị thừa tuy đã có, nhưng trí bốn giác hãy còn mê, vì đoạn trừ chưa hết phiền não hoặc chướng. Các thánh Bồ tát thì hai trí giác đều đồng thời chói diệu nhau, chính giờ nào vẫn cũng sờ sờ, vì ngũ uẩn giai không, nên chẳng còn cách ám hơn mê nữa. Các đức Như lai, thì giác đã hợp nhứt với bốn giác hoàn toàn soi sáng mà vẫn vắng lặng, vắng mà trọn soi. Nay đây, đức Quan Tự tại công hành đã thâm, trí thì giác trí bốn giác đều rõ ràng, đối sanh tử làm Niết bàn, cách mạng phiền não làm bồ đề. Niết bàn là lý, bồ đề là Trí, trí lý bật lên, thì chỗ nào lại phi bỉ ngạn ư ?

Chiếu kiến : Soi thấy, chiếu là ba trí, kiến là năm nhãn. Nghĩa là với pháp tu “Không quán”, thì, trí và hành đã thâm đoạn trừ hết kiến hoặc từ hoặc (sự nhận thấy và suy nghĩ đều lầm lạc) để rõ ra cái nhứt thể trí (Trí của Thỉnh văn, Duyên giác: biết được tổng tướng của nhứt thể pháp; tổng tướng tức là cái không tướng) mà “huệ nhãn” được sáng suốt, nên thấy đặng cái bỉ

ngạn rằng **chư pháp** (sự sự vật vật cũng như vũ trụ vạn hữu) **tức là lý chân đế**. Với pháp tu “giả quán” tri và hành đã thâm, dứt hết những mê hoặc là trần sa phiền não, để tỏ rạng cái đạo chủng trí ra (trí của Bồ tát: biết được tất cả đạo pháp của mỗi mỗi soi khác) mà “pháp nhãn” được suốt, nên thấy đặng cái bị ngạn bằng **chư pháp tức là lý tục đế**. Với pháp tu “Trung quán” tri và hành đã thâm dứt sạch cái mê hoặc vô minh, để rõ bày ra cái **nhứt thể chủng trí** (trí của Phật : tròn sáng, thông suốt tất cả chủng pháp của tổng tướng, biệt tướng để dạy chúng dứt hoặc chúng chơn, lại hay biết được những nhơn chủng của tất cả chúng sanh) mà “Phật nhãn” tròn sáng, thấy suốt cái bị ngạn bằng **chư pháp tức là lẽ viên diệu tuyệt đãi của Trung đế**. Túc nhiên nhục nhãn, thiên nhãn đều phải thanh tịnh sáng suốt luôn, chẳng cần đợi nói.

Ngũ uẩn : năm món chứa dựa. 1/ sắc uẩn, nghĩa là cái căn thân của mỗi người làm phần nội sắc, tức những tế bào, bốn nguyên tố là vật chất hữu hình trong thân thể, nên gọi là nội sắc; cả miền đại địa khí giới là phần ngoài sắc, là những hiện tượng thiên sai vạn biệt giữa vũ trụ. Còn bốn uẩn nữa là thụ, tưởng, hành, thức sẽ thấy giải ở dưới. Một cái trước là hình sắc, bốn cái sau thuộc về tâm lý là những cái pháp vô hình. Tân dịch là **uẩn**, cựu dịch là **âm** : chứa dựa (uẩn) năm chúng, che phủ 9âm) cái chơn không thật tướng (chơn tâm).

Song, đức bồ tát ngài hciếu thấy 5 uẩn đều hư huyễn chẳng thiệt có, tỷ như trăng dưới nước, hoa đóm giữa hư không. Cái thể năm uẩn vốn không, không tức là chơn như. Bởi không nên có thể phát khởi các diệu dụng để cứu độ được khổ ách cho tất cả chúng sanh trong thế gian và xuất thế gian. Chớ nếu mà chẳng không cũng như chẳng trống rỗng tức kín mít là bị cái có nó làm bít lấp rồi, thì đâu có thể phát khởi ra diệu dụng gì nữa đặng để độ khổ ách ư ?

Trên đó kê bày những công dụng rộng lớn của đức bồ tát để làm lợi ích cho chúng nhơn tức là ích lợi cho mình, đã rồi. Xá lợi tử ! sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc.

Này Thu Tử ! cái có sắc tướng nó chẳng khác với cái không, cái không tướng cũng chẳng khác với cái sắc, mà sắc tức là không, không tức là sắc.

Từ đây xấp xuống đến câu “tam miệu tam bồ đề “ là để nói rộng nghĩa của ba pháp bát nhã. Từ câu “sắc bất dị không” xuống đến câu “vô trí diệt vô đắc” là riêng nói rõ về nghĩa “thật tướng bát nhã” từ câu “dĩ vô sở đắc

cổ” đến câu “tam miệu tam bồ đề “ là riêng nói rõ về nghĩa hai pháp “quán chiếu bát nhã phương tiện bát nhã”.

Trong nghĩa ban sơ, từ sắc bất dị không đến thụ tướng hành thức đó, là nói rõ về “năm uẩn đều không”. Bởi vì trong khi ý tâm đối với sắc cảnh, chúng sanh ưa chấp trước lấy, để phân biệt là : thuận thì thương yêu, nghịch thì ghét bỏ...thành thử mới có những cảnh tượng khí giới, căn thân giữa chín cõi trung bày ra bằng cách mê vọng; chớ có biết đâu rằng : Trong tánh chơn không vốn chẳng có cái tướng của tâm bằng thụ, tướng, hành, thức, cũng chẳng có cái tướng của sắc bằng địa, thủy, hỏa, phong ; nguyên độc như là cái “thanh tịnh chơn như” (Phật tánh) thể nó vẫn sạch lâu, sáng rõ rõ, nghĩa là cái tánh Phật nó vốn riêng toàn một thể sáng sạch, chứ chẳng có một tí một hào gì bằng tình trần, thể thì đâu có ngũ uẩn? Thật là chỗ gọi rằng: muôn dặm không mây muôn dặm trời. Nếu đã có một vọng niệm từ trước, thì chín cõi, năm uẩn kia bỗng nhiên vọng ảo sanh ra. Người xưa nói : Vừa mống một niệm vọng thì mây bạc muôn dặm, chính là nghĩa trên đây.

Sắc : Khí giới (thể giới) và căn thân (thân hình của mọi loài) giữa chín cõi, tức là năm căn : nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân; sáu trần : sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Không : Chơn không diệu tánh, tức là cái thể của “pháp giới đại tổng tướng pháp môn”. Số là: Sắc pháp ấy nó chỉ là cái cảnh sở hiện của như tâm, lia tâm ra, nó chẳng có tự thể. Thế mà chúng sanh trong lục đạo lại lấy cũng như nhận làm thật sắc (vật chất hay duy vật và thật tế). Nhị thừa thánh như duy đã lia sắc pháp, cũng như không dính mắc vật chất, nhưng hãy còn sa lệch nơi cái không. Bồ tát đã giác ngộ : sắc và không đều chẳng khác gì với nhau. Duy chỉ có bốn Phật và chư Phật mới dung hòa lẫn hết pháp giới sắc và tâm nguyên đồng một thể không còn phân biệt. Chính thực là : tình với vô tình cộng thành Phật đạo rồi.

Kinh Lăng Nghiêm nói : “Sắc nó dung hòa lẫn nhau với không, vì rằng sắc là sắc của Tạng tánh sẵn đủ, thì sắc tức là không của chơn thể; không là không của Tạng tánh sẵn đủ, thì không tức là không của chơn thể. So về thể thì thể nó nguyên vẫn thanh tịnh sẵn sàng, so về dụng thì dụng nó khắp giáp cả trong căn thân lẫn ngoài khí giới. Thế nhưng chỉ một đại để thành pháp giới, chẳng phải là chẳng đủ, mà gồm cả 7 đại cũng để thành pháp giới, chẳng là có dư. Sở dĩ tánh Như lai tạng nó tùy theo những cái tâm tịnh hay nhiễm của mỗi chúng sanh mà thị hiện ra, để cho ứng hợp với cái lượng của sở tri của chúng đó thôi.

Thế nên, hễ cố ý chấp đến, thì mỗi một mảy trần cũng ngăn cách nhau, còn hòa lẫn được thì mỗi một vật sắc vẫn viên thông cả.

Ngài U Khê nói : “Sắc tức là không, đây khắp pháp giới đâu chẳng là chơn không; không tức là sắc, đây tột pháp giới đâu chẳng là diệu hữu” thật thế. Nếu chúng sanh chấp bậy ; cho ngũ uẩn là vật có thật, thì nên dùng nghĩa của câu sắc bất dị không để phá lòng chấp có; các thánh như trong nhị thừa đã lia được điều chấp có sắc, lại sa bên chấp không, nên dùng nghĩa câu không bất dị sắc để phá lòng chấp không. Với các thánh Bồ tát bực quyền thừa hoặc đấng mắc nơi hai bên là có và không, hoặc chỉ chấp cứng ở chính giữa là phi có phi không, nên ngài thuyết ra nghĩa của hai câu sắc tức là không, không tức là sắc để khai hóa cho Bồ tát ấy cải cách cái tâm chấp đó đi. Số là, chơn không (là Tâm, vì nó chẳng có hình tướng, nên gọi là “không”, không vọng niệm, nên gọi là “chơn” tức là Diệu hữu (với cái có lòng chẳng mê chấp làm thiệt có, nên cái có thành diệu), diệu hữu tức là chơn không. Chớ như, nếu còn phân biệt mà mê chấp là thiệt có, thì cái có ấy đâu được gọi là Diệu ! đã phi diệu rồi thì làm gì với “có tức không”, đồng thời với “không tức có” cho đặng ư ?

Lời thuật văn rằng : Với sắc mà tức là không, thì sắc ấy phi thiệt có, với không mà tức là sắc, thì không ấy phi thiệt không. Phi có phi không, chính nơi thể nó tuyệt hẳn, thể không lia hai bên; mà rõ bày ngay cái lẽ “với đâu cũng vẫn đều được trung tâm điểm cả”. Cao cả thay ! Với đạo lý viên dung có thể mà nghĩ suy bàn tính gì được đây chẳng ?

Thụ tướng hành thức phục diệt như thị.

Với Thu, Tướng, Hành và Thức này, nghĩa cũng lại như thế.

Cả 4 uẩn đây cũng so theo phương pháp phá chấp sắc uẩn trên để phá. Nghĩa là : Thụ chẳng khác với không, không chẳng khác với thụ, vị thụ tức là không, không tức là thụ. Còn 3 uẩn : Tướng, Hành và thức cũng như thế.

Thụ : Trong những khi 5 căn đối với 5 trần, liền có 5 thức (5 giác quan cảm chịu) lãnh nạp lấy 5 cảnh trần, như : mắt nhận biết sắc trần, tai nhận biết thanh trần v.v...

Tướng : Là ý thức thứ 6 nó cảm tình lấy những tướng mạo của 5 trần cảnh, tỷ như : cùng nói chuyện ăn me chua, mà trong miệng tự nhiên chảy nước miếng.

Hành : là thức thứ 7 hằng chấp lấy phần thấy, biết của thức thứ 8 để làm ngã ái của nó, rồi mỗi niệm cung yêu luôn không phút nào rời tự ái.

Thức : Thức thứ 8 mặc ý nó rõ ràng tánh cảnh của thức, mà nó chẳng kèm theo danh mục và ngôn cú cũng như danh ngôn chủng tử, tức là hiện tượng. Thức là Tâm vương, Thụ, Tướng, Hành là Tâm sở, vì những khi đối cảnh thì Tâm vương và tâm sở ắt phải tương ứng với nhau để sanh khởi.

Song, cả 5 uẩn đều là món huyễn vọng trên thể tự chứng phần của chơn như, phải biết rằng uẩn chẳng khác không, không chẳng khác uẩn, vì uẩn tức là không, không tức là uẩn. Lại nên biết : người mà mê chấp, thì uẩn tỷ như nước kết làm giá, người mà giác ngộ, thì uẩn ví như giá trở lại thành nước. Nước là dụ tâm chơn không, giá là thí tỷ năm uẩn.

Xá lợi Tử ! Thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt,, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.

Này Xá lợi Phất : Cái “không tướng” của các pháp này, nó chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng dơ chẳng sạch, chẳng thêm chẳng bớt.

Đây là nó rõ cái không tướng của các pháp, tánh nó tuyệt hẳn nghĩa đối đãi. **Chư pháp** tức là các pháp : 5 uẩn trên, và dưới đây như 6 nhập, 12 xứ, 18 giới, 12 nhân duyên và 4 đế. Số là : trong tánh chơn không rõ ra thì chẳng thể có các pháp gì cả, bởi mê quên đi nên in tưởng như có nên nó là **không tướng**. Đã không có các pháp thì chính nơi thể nó bất sanh, với sanh đã chẳng sanh, thì với diệt cũng chẳng có diệt, nên nó là **bất sanh bất diệt**. Chúng sanh trong 9 cõi còn đương mê vọng chưa giác ngộ, bị vọng tưởng làm ra cấu uế, chớ cái tánh chơn không thì chẳng có một ty một hào để noi theo điều hư vọng nên nói là **bất cấu**. Cõi Phật thì Phật đã ba giác viên mãn, chẳng có mê vọng, vì đã chứng cái thể thanh tịnh, mà cũng trọn đủ những tác dụng của chín cõi kia, là vì để tùy duyên, kêu bằng Phật pháp tại thế gian bất ly thế gian giác, nên nói là **bất tịnh**. Bởi vì chúng sanh cũng đồng thể với Phật, nên sanh và Phật đều lẫn nhau đủ tác dụng cả mười cõi, không thiếu không dư, vì đồng chung một thể viên mãn; hễ với tác dụng mà tịnh, là giác tức Phật, còn tác dụng mà nhiễm, là mê tức chúng sanh, thể khác nhau chỉ vì mê với giác, là bởi tác dụng nhiễm với tịnh, chứ nguyên lai thì cũng vẫn đồng thể ấy, nên gọi là ở 4 thánh thể ấy **bất tăng**, ở sáu phàm thể ấy **cũng bất giảm**, là duyên có như thế.

Sáu chữ bất trên, nghĩa nó chính là rõ ngay cái tâm thể tuyệt đãi của mỗi người, sở dĩ người mà đã tỏ ngộ được tâm thể đó rồi, thì với chữ nào cũng

đều là tâm kinh và chỗ mô chỗ cung toàn là tự tại. Tỷ rằng : Dặm, dặm trời xanh riêng lồng lộng; sông, sông trắng rọi khắp ngời ngời.

Thị cố không trung vô sắc, vô thụ tướng hành thức.

Thế nên trong chơn không nó không có : sắc, thụ, tướng hành và thức.

Đã là kết cuộc nói năm uẩn không có. Các uẩn pháp đều là bởi nhơn duyên hòa hợp lại, cũng như nói đủ nguyên liệu chung lại, mới có pháp sanh ra nó bằng cách hư vọng, đến khi các nhơn duyên kia lìa riêng ra, thì nó cũng tiêu diệt đi bằng cách giả dối. Ai đã tỏ ngộ được chơn tánh rồi, thì biết nhơn duyên nó vẫn không.

Oâng Phó Đại Sĩ nói : “Tin được tự tâm từ bao giờ cho đến bao giờ nó vẫn thanh tịnh, đủ có chơn tánh bát nhã, thế nó kiên cố thường còn, mà phi huyễn hóa cũng chẳng phải giả dối, không sanh không diệt, nên bảo nó là “thật tướng”

Đối với Y báo (y báo tức là các chỗ ở và những tài vật cần dùng giữa 10 cõi, để làm cảnh sở y cho báo thân) chánh báo (tức là những báo thân của 6 hạng Phạm, 4 bậc Thánh giữa 10 cõi) trong mười cõi, chỉ có hai chữ “Sắc tâm” là bao quát được hết cả; với “sắc tâm”, chư Phật đã giác ngộ được rồi, nên sắc nó không làm chướng ngại gì với Tâm được; chúng sanh còn mê muội nên bị nó làm cách ngại nhau giữa Sắc Tâm !

Hễ mê tâm thì tâm bị ngu muội (nghĩa là Hoặc tối tăm trầm trọng, hoặc phóng túng tán loạn, chấp cứng lấy thành kiến mà không tiến triển hóa thông, hoặc có nghe mà chẳng giác ngộ, hoặc chấp nơi thường kiến là linh hồn và chúa tạo vật đều sống mãi, hoặc chấp lấy đoạn kiến là chỉ có vật chất, chết rồi mất hẳn, không tội phước nhơn quả...những hạng ấy đều vì chẳng giác ngộ được tâm vốn vắng lặng); mê sắc thì bị sắc cuốn (nghĩa là đối với 5 trần cảnh và các sự tướng và sanh tâm tham muốn tiếc thương, đã chẳng biết sắc là một vật huyễn hóa lại còn mãi miết suốt ngày rượt tìm), nên Phật ngài đặc biệt mở ra 4 câu dưới đây, để đánh tiêu các sự mê chấp kia :

Vì kẻ mê tâm nhiều, mê sắc ít, Phật thuyết pháp ngũ âm bằng cách mở tâm ra làm 4 uẩn, hiệp sắc lại một uẩn.

Vì người mê sắc nhiều, mê tâm ít, Phật thuyết pháp 12 nhập bằng cách mở sắc ra làm 5 căn, hiệp tâm lại làm một ý nhập.

Vì chúng nào với sắc tâm đều đồng mê, Phật thuyết pháp 18 giới bằng cách mở sắc pháp ra làm 10 giới, mở tâm pháp làm 7 giới.

Vì ai với tâm sắc đều chẳng mê, thì Phật ngài thuyết pháp bằng chỉ nói ngay sắc tâm, mà họ nghe liền đặng suốt thông chẳng còn gì nghi ngại cả.

Đối với pháp ngũ uẩn, mà Phật ngài thuyết ra bằng ba cách : một “hiệp sắc mở tâm”, hai “hiệp tâm mở sắc”, ba “Tâm sắc đều mở” như trên đó;

Hỏi : Nếu chỉ có chơn không mà thôi, chớ không có 5 uẩn, 12 nhập và 18 giới gì hết, thế thì đâu có thể phát khởi ra tác dụng ư ?

Đáp : Kinh nói : Nếu có thể chuyển được vật chất (như đi bộ trên sông chẳng chìm, vào lửa không cháy....cảm hóa độc trùng, ác thú làm đệ tử đắc lực....) cũng như chuyển thức thành trí tức nhiên người ấy đồng thể với Phật, nghĩa là thân tâm đều viên minh, căn trần đồng thanh tịnh...chưa hề xê xích ra khỏi chùa, mà với trên đầu một mảy lông nào nó bao hàm cả mười phương cõi nước. Bởi thế, mỗi căn lẫn khắp, trọn trùm cả pháp giới; mỗi trần chứa dung cả căn trần 10 phương, thế đều là do cái trí phổ quang minh trong tự tánh, bởi đã chuyển đổi được vật sắc, thì cảnh tức là tâm, nên sắc pháp nó không chướng ngại với tâm pháp nữa. Thì đại dụng hiện tiền (như Đức Minh Không chữa bệnh Vua Lý Thần Tôn hóa cọp, và mang một tai mà thồn hết kho đồng mà ngồi trên chiếc nón qua sông không chìm, thấy ghi ở sách “Thiền uyển tập anh” Đức Hoa Lâm Hòa Thượng có hai đệ tử bằng cọp tên là Đại Không, Tiểu không, thấy chép trong lời âm nghĩa sách Quy nguyên) chỉ hơn vì với chúng sanh tâm còn chấp trước, thì chẳng đặng chẳng phá chấp, sở dĩ với vạn duyên đều buông xuống lại buông xuống nữa, với chỗ không còn gì buông xuống, lại buông xuống luôn nữa, thế mới là triệt để hỷ xả, cũng như hí sanh chính như đứng chỗ vực thẳm buông tay bước tới, vậy mới là triệt để phá chấp, vì với tánh mạng còn không tiếc, huống là còn chấp trước gì ? người mà phá chấp đã cực điểm đến thế, thì với thập phương hư không, đều là diệu dụng vô ngại, giơ lên một mảy lông, là nói mó tay vào một việc nhỏ nhút đi nữa, đâu chẳng là suốt lẫn với diệu tánh, cũng như ngoài không cảnh, người học Phật mà tiến đến trình độ cứu cách đó, mới được hiểu nổi câu “tình dữ vô tình cộng thành Phật đạo” và chơn thật nghĩa của câu ấy mới được thật hiện.

Vô minh, diệt vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận :

Tánh chơn không nó chẳng có cái vô minh, cũng không luôn cái vô minh đã hết ; nhứt đến nó chẳng có cái lão tử, cũng không luôn cái lão tử đã hết.

Đây nói rõ 12 nhân duyên đều không cả, vì các thánh duyên giác nguyên do nơi pháp đây để chứng ngộ đạo quả Bích Chi Phật.

Những điều để đưa đến cảm chịu kết quả gọi là Nhơn, những cái mà để giúp cho **Nhơn** được thực hiện là **Duyên**.

Lại, nhơn là hột giống năng sanh, Duyên là cái cảnh sở sanh.

1/ **Vô minh** không sáng; vô minh tức là cái điều mê hoặc : Do nổi lên một niệm bậy làm mê lũng cái chơn không diệu tánh không còn sáng suốt của trí huệ nên bảo nó là vô minh.

2/ **Hành** là hành động : tức là chỗ tạo nghiệp thập thiện hay thập ác về thời quá khứ. Vô minh là Hoặc đạo, nghiệp là nghiệp đạo : Do cái mê hoặc, mà gây ra hành nghiệp, nên nói vô minh duyên hành : cái vô minh nó chuyên leo qua cái hành.

3/ **Thức** hiểu bằng cách phân biệt về những cảnh theo nghiệp sở hiện ra, đẩy cái niệm giác quan bằng cách điên đảo. Điên đảo : Nếu định nghiệp sắp sanh làm con trai, thì trung âm thân nó dấy niệm thương mẹ, ghét cha, đối với khi cặp phu phụ đương hành dâm sắp làm cha mẹ nó; lại nữa, rồi đến, nó tưởng chính nó hành dâm với người đàn bà đó, chớ nó không tưởng có người đàn ông thứ hai. Còn định nghiệp sắp làm con gái, thì niệm tưởng thương hành dâm điên đảo trái lại với trên Kêu bằng nhơn lòng yêu làm hột giống, nạp tưởng điên đảo nên thai để gá vào thai mẹ, nên nó là hành duyên thức : Cái hành nó chuyên níu qua cái thức.

4/ **Danh sắc** : Danh là tên, chỉ có cái tên, chớ chẳng có cái hình ; sắc là vật chất hữu hình. Thần thức nó đã gá vào bào thai (khi dấy niệm điên đảo để hành dâm giữa 3 chúng sanh ấy, cái ái tình đều đến cực điểm, bấy giờ tinh cha, huyết mẹ bắn ra thần thức của kẻ sắp làm con nó bị 3 diễn lực dâm dục hít lẫn nhập cực với nhau như một điểm hồ đặt ở trong tử cung,. Thức ấy là tinh thần, tinh huyết ấy là vật chất, bấy giờ trong cái bào thai nó có 3 nguyên tố : một là cái mạng sống có kỳ hạn của cái thai sanh ấy 2 là cái hơi ấm, tức sức ôn độ của 3 dục hỏa kia nó lẫn giữa khối tinh huyết ấy, kêu bằng “Nhứt điểm chơn dương”, vì có sức nóng ấy duy trì, nên tiên thiên khí huyết kia không bị nguội nữa ; 3 thức : Tánh biết; tức a lại da thức, khi đầu thai,

thức này đến trước nhứt rồi nó lần hồi nảy sinh ra 7 thức kia; Thức tâm gọi là Danh là phần vô hình ; Phôi Thai gọi là Sắc, là phần hữu hình, nên bảo là thức duyên sanh sắc : Cái thức nó leo qua cái danh sắc.

5/ **Lục nhập** : Sáu vào ; đã có danh là tâm, sắc là thân, thì 6 nhập trọn đủ, như sắc trần nhập với nhãn căn ; thanh trần nhập với nhĩ căn v.v.. nên nói Danh sắc duyên lục nhập : Danh sắc nó liên chuyển qua lục nhập.

6/ **Xúc** : Đụng chạm, tiếp xúc, cảm xúc ; đứa bé lúc ban sơ mới ra khỏi thai mẹ, đối với cảnh, cả 6 căn của nó chỉ xúc tiếp 6 trần bằng cách quá ư trẻ con, nghĩa là chưa biết phân biệt : Tốt hay xấu, sạch hay dơ, thương hay ghét, kẻ thân hay người thù gì. Nên đối với Bé lúc bấy giờ, đức Lão Tử gọi là “tánh thuần phốc”: Quá ư thiệt thà : Còn Đạo Nho bảo là “tánh bản thiện” rất hiền lành, cái yếu nghĩa mà hai nhà rất chuộng đó, nó chỉ là ngang với chữ xúc nói trên, mặc dầu căn có xúc với trần, mà chưa đủ những khả năng để phân biệt, vì các năng tánh ấy hãy còn tiềm tàng trong thức thứ 8, chưa được mấy phát triển, bởi còn thiếu công huân tập để trợ duyên ; mà chỉ có tánh năng biết khát sữa đòi bú là mạnh hơn hết, vì là cái “Câu sinh ngã chấp” nó đã thâm căn hơn. Còn các tánh tình kia thì chưa hiện hành phân biệt, nên nói lục nhập duyên xúc : Sáu nhập nó liên lạc với xúc.

7/ **Thụ** : Chịu : từ năm lên 5 , 6 tuổi, đến năm 12 , 13 tuổi trong thời gian đó, vì cảm xúc với hoàn cảnh, mà lãnh nạp lấy các trần hiện tiền, nhưng chỉ làm chơi vui bằng cách trẻ con vậy thôi, chớ chưa biết mưu toan gì khác, nên nói xúc duyên thụ...

Từ thức đến thụ 5 cái như duyên đó, là cái khổ quả của cái thân, tức là khổ đạo (trên có hoặc đạo, nghiệp đạo, và đây khổ đạo : Bởi hoặc tạo nghiệp, có nghiệp phải chịu khổ).

8/ **Ái** : Yêu, thương, năm lên 14,15 tuổi, đến 18 , 19 tuổi, vì bởi đã biết nạp thụ sự này vật nó, thì hiện nảy lòng ái nhiễm nghĩa là yêu ham điều đây, ghét chán điều đó, nên nói thụ duyên ái ; điều chịu nó níu đến điều yêu.

9/ **Thủ** : Lấy, dùng ; từ 20 tuổi về sau, vì bởi lòng tham ái càng ngày lại càng già dặn, nên đeo đuổi tìm kiếm khắp nơi giáp xứ, để tiến thủ lấy công việc làm, ăn, ở và lo bảo thủ lấy tên tuổi, non sông, nhà nướcnên nói ái duyên thủ : hễ cái yếu muốn sự chi, thì nó chuyển leo đến để lấy dùng sự này. Hai cái ái, thủ đây thuộc về hoặc đạo.

10/ **Hữu** : có ; do vì cái thủ là lấy dùng, đã lấy dùng, tức có hoặc phải hay quấy, có điều phải quấy đó, tức là nguyên nhân của 3 giới. Nghĩa là nguyên nhân phải là ba thiện đạo : Thiên, Nhơn, Tu la; nguyên nhân quấy là 3 ác đạo : địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nên nói thủ duyên hữu : Cái chấp thủ nó duyên qua cái Hữu sanh giữa đời. Một cái Hữu đây cũng là nghiệp đạo, vì có nghiệp thiện là tam thiện đạo ; có nghiệp ác là tam ác đạo. Bởi đạo Nhơn hữu thiện hữu ác, nên kết quả có dữ có lành, cũng như có tốt có xấu....

11/ **Sanh** : Đẻ, mở đời sống : đã có gây cái Nhơn thiện hay Nhơn ác, tất phải cảm báo chịu sanh mở ra cái thân ở đời sau, nên nói Hữu duyên sanh : cái Nhơn có lành có dữ, nó liên kết qua cái quả đời giàu đời nghèo.

12/ **Lão tử** : già chết ; mới sanh nở ra là non nước, mắt đẹp mày xinh, kẻ lớn, rồi già, mắt mờ da nhú, từ trẻ đến già lắm lúc biến đổi, đến bệnh hoạn và hoại diệt là chết, nên nói sanh duyên lão tử : Cái sanh sống nó vầu nịu đến cái già chết.

Hai cái Nhơn duyên trên đều thuộc về khổ đạo 1/ hoặc là bị mê lầm cũng như phiền não, 2/ nghiệp là làm việc 3/ khổ là chịu thống khổ. Bởi ba lẽ đó mà phải lưu động chuyển đổi đi để chịu sanh tử trong lục đạo luân hồi, là bị quây theo môn sanh diệt ! nghĩa là thuận tình đi theo cửa xuất sanh nhập tử của lục phàm.

Nếu người có thể xem xét ngược trở lại như thế này : Cảnh khổ của Sanh tử nó lấy cái Hữu làm Nhơn; Hữu nó lấy cái Thủ làm Nhơn; thủ nó lấy cái Ài làm Nhơn; Ài nó lấy cái Thụ làm Nhơn; thụ nó lấy cái Xúc làm Nhơn; Xúc nó lấy cái Lục nhập làm Nhơn ; Lục nhập nó lấy cái Danh sắc làm Nhơn; Danh sắc nó lấy thức làm Nhơn. Vô minh nó không có tự thể riêng của nó, nó chỉ lấy “chơn không diệu tánh” làm thể : Ma hễ đã biết cái chơn tánh thể nó hãy còn như hư không rồi, thì cái vô minh nó dựa vô đâu để sanh khởi ? Thế há phi chính nơi thể nó tức là diệu tánh của chơn không ư ? Vậy là đi lại môn hoàn diệt. Nghĩa là thuận đạo đi theo cửa siêu phàm nhập thánh của Bích Chi Phật.

Phiền não đạo....Đạo : những lẽ, hay các điều phiền não; phiền não là tên riêng của hoặc. Hoặc : làm, như kiến hoặc, tư hoặc v.v...khổ đạo : những điều mà hiện nay ta đương chịu quả báo thống khổ, như 3 khổ, 8 khổ v.v..

Với 12 nhân duyên, cổ đức tóm tắt làm bài kệ rằng :

Vô minh, ái, thủ tam phiền não

Hành, hữu nhị chi thuộc nghiệp đạo

Tòng thức chí thụ tinh sanh tử

Thất chi đồng danh nhứt khổ đạo.

Xin tạm dịch : Ba điều phiền não : mê, yêu, lầy;

Hai cái : có, làm thuộc nghiệp quấy ;

Từ biết đến chịu và sóng, vong,

Chung kêu một khổ : bảy phần đầy. . . .

Ngoài cái danh “Thập nhị nhơn duyên” còn có các danh : thập nhị hữu chi, thập nhị trùng thành, thập nhị kinh cước, và thập nhị liên hoàn. Còn có các nhơn duyên riêng biệt với nhau bằng cách của : 3 đời, 2 đời, và một niệm. Với 12 nhơn duyên : tùy ý đoạn được một cái nào, thì các cái kia đều tan rã liền; hễ cái nhơn đã đoạn, thì không còn hột giống nữa ; cái duyên đã đoạn, không còn cảnh phụ trợ. Tức thời nó hóa làm trí giác của bực Vô thượng, người học Phật đã tiến đến đó, thì với chỗ nào, đâu chẳng đắc tự tại ru ?

Vô khổ tập diệt đạo

Trong tánh chơn không nó không có : khổ, tập; diệt, đạo.

Đây nói rõ pháp tứ đế vốn không có ; các thánh trong hàng Thanh văn nguyên tu pháp này mà chứng A la hán.

Khổ : 3 khổ, 8 khổ

, 108 khổ, và vô lượng chư khổ, Tập : làm nghiệp, nghĩa là các phiền não của 3 cái hoặc là : kiến hoặc : chỗ nhận thấy lầm lạc; tư hoặc : điều lo nghĩ lầm lạc và vô minh hoặc : sự lầm lạc bởi si mê. Tập là tạo nhơn của chúng sanh ở thế gian, như : trời, người, thần, địa ngục, ngạ quỷ, và súc sanh. Khổ là kết quả thế gian như lục đạo kể trên.

Đạo : giải bằng cách sơ lược là giới, định, và huệ; còn rộng ra là ba mươi bảy phẩm trợ đạo. **Diệt** : diệt các vọng giả hữu sanh tử, chứng cái tánh chơn không niết bàn. Đạo là tu nhơn của bốn quả xuất thế gian, diệt là chứng

quả các thánh xuất thế gian như Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A La hán.

Nếu tỏ ngộ được tánh chơn không, thì năm uẩn sáu nhập đều đúng với tánh ấy, tức nhiên không còn khổ gì nữa ; trần lao là phiền não vốn thường thanh tịnh, thì không còn tập đạo đâu nữa để đoạn ; biên kiến tà kiến lại đều là trung chánh, thì chẳng còn đạo chi nữa khả tu ; sanh tử nguyên tức niết bàn, thì đâu còn tịch diệt gì nữa mà chứng. Bởi vì uẩn, nhập, khổ, tập, diệt, đạo chi chi cũng chỉ là Diệu minh chơn tánh mà thôi.

Kẻ phàm phu có xét lý mà chẳng ngẫm cho đúng; bực nhị thừa dù ngẫm đúng mà chỉ chứng được lý tánh như thiệt nhưng lại sai lệch về một bên; bực bồ tát đều có xét và ngẫm lẫn suốt, mà hãy chưa tròn tột; duy có Phật thì : Với trí đâu chẳng ngẫm đúng với lý chẳng chẳng hoàn toàn.

Vô trí diệt vô đắc

Tánh Chơn Không nó không cần trí cũng chẳng cần đắc gì.

Đây nói rõ hay cái chấp : Có trí, có Đắc đều bật mất. Song với trí : Vì cần phá trừ vọng hoặc mà phải dùng đến nó. Cũng như với Binh là : Vì để dẹp giặc nên mới thiết lập ra. Chớ tánh mau là nguyên sẵn sẵn, hẳn không có ngộ hay mê gì cả ? vì nó vẫn khôn thiêng, vốn sáng suốt, thế thì đem trí dùng vào chỗ nào ? ty như : nước nhà đã bình trị rồi, thì với quân đội là chỉ để giữ gìn trật tự vậy thôi, chớ với những cuộc hành binh thì không dùng đến nữa. Nên nói rằng **Vô trí** : không dùng trí cũng như nói không dụng binh hay không dùng vũ lực nữa.

Đã là nguồn tánh thanh tịnh, nên chẳng cần dụng công tu và đắc gì. Nếu còn tưởng có đắc bằng một ly một hào gì, tức là hư vọng cả, nên nói là **vô đắc**.

Người xưa nói “Đến khi tỏ suốt lẽ đại thừa rồi, trọn không có một phép chi khả đắc” thật thế. Với thật tướng bát nhã đến đây nói rõ đã rồi.

Dĩ vô sở đắc cố, bồ đề tát đỏa, y bát nhã ba la mật đa cố :

Bởi vì không sở đắc mới là bồ tát, gọi là bồ đề tát đỏa, nương nơi trí bát nhã để xét soi, mới đạt qua bên ngàn giác kia.

Từ đây đến câu tam miếu tam bồ đề, để nói rõ về nghĩa của hai Bát nhã là quán chiếu, phương tiện.

Ba câu chánh văn trên đây, nói rõ riêng là quán chiếu bát nhã : câu đầu là thừa tiếp văn trên, và phát khởi văn dưới.

Cái thể của diệu tánh nó vẫn thanh tịnh với cảnh lục trần nó không dính mắc một tí ti gì, nên nói là **vô sở đắc**. Bởi vì vô sở đắc, mới chính là **bồ đề tát đỏa**. Chữ Y : Nương ; tức là nghĩa của quán chiếu bát nhã, là vì nó hay nương nơi trí bát nhã để xét soi, tức nhiên mới tiến đến bỉ ngạn bên bồ đề.

Bồ đề tát đỏa : Dịch : Đại đạo tâm chúng sanh (thứ chúng sanh có lòng đạo lớn), bồ đề tát đỏa, là tiếng xưng hô bằng nghĩa tự lợi lợi tha của bồ tát đối với chúng sanh; còn tâm dịch là : giác hữu tình vì với “bồ đề” cựu dịch là Đạo, Tân dịch là giác; với “Tát đỏa” trước dịch là chúng sanh; sau dịch là giác; với “tát đỏa” trước dịch là chúng sanh; sau dịch là hữu tình. Giác là tự lợi, giác tha là lợi ta. Nên được chúng sanh hay hữu tình tôn xưng là bồ đề tát đỏa.

Tâm vô quái ngại, vô quái ngại cô, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo, mộng tưởng cứu cánh Niết bàn :

Vì nương Bát nhã để quán chiếu, nên tâm không quái ngại ; bởi tâm chẳng ngần ngại, nên chẳng có e sợ, xa lìa các điều điên đảo mộng tưởng, rốt ráo quả Niết bàn.

Đây nói rõ về nghĩa phương tiện bát nhã được cứu cánh. Chữ Cố ở nơi đuôi 3 câu trên kia, nghĩa nó cũng có thể phát khởi xuống câu “Tâm vô quái ngại” trên đây, vì rằng năng y nơi trí bát nhã để đẩy lên cái quan niệm xét soi, thì mới đặt cái tâm vô quái ngại. Bởi vì không ngần ngại, nên mới được không khủng bố, không điên đảo và không mộng tưởng, như thế, há phi cứu cánh niết bàn ư ?

Tánh chơn không thì chẳng có cái nghiệp chi có thể buộc ràng nó được, vì đương thể nó vẫn là giải thoát, nên chi nó không còn bị điều gì làm quái ngại, mà nó cũng chẳng làm quái ngại điều gì. Đó là đức giải thoát.

Chơn tánh không còn khô, thể là đại an lạc vì đương thể nó là pháp thân, nên chi nó không còn bị thứ gì làm khủng bố, mà nó cũng không làm khủng bố thứ gì. Đó là đức pháp thân.

Chơn tánh không còn vọng hoặc, thế là xa lìa tám điều điên đảo : Như với thường kể là không thường ; với không thường lại chấp làm thường. Với Lạc, Ngã, Tịnh kể chấp cũng thế, thành tám cái điên đảo, mà Bồ tát đã viên ly được rồi, vì đương thế nó vẫn là Bát nhã, nên không có điên đảo mộng tưởng. Đó là đức Bát nhã.

Đã không ba điều : Hoặc, nghiệp, khổ, vì đương thế nó vẫn cứu cánh tịch diệt, thì ngay nơi ba điều ấy gọi là ba đức (giải thoát, pháp thân, bát nhã) niết bàn.

Niết bàn, dịch : Tịch, diệt, nghĩa : Vắng lặng. Lại dịch Diệt độ, nghĩa : diệt hết khổ không mê : độ đến vui ngàn giác lại dịch : Viên tịch, nghĩa : với trí đều đủ gọi là viên, với mê hoặc sạch kết gọi là tịch. Ca ba nghĩa trên, đại ý đều tỏ rằng : Đã xét thấy được cái pháp tánh bằng một cách cứu cánh, thì vẫn tự tại, vì bất sanh, bất diệt.

Hai tiết trên, đã nói rõ đức bồ tát y nơi pháp bát nhã đây mà đắc cái cảnh trí đại Niết bàn rất ráo rớt rồi.

Tam thế chư Phật y bát nhã ba la mật đa cô, đắc a nậu đa la, tam miệu tam bồ đề.

Nguyên chư Phật cả ba đời, sở dĩ đắc quả vô thượng chánh đẳng chánh giác đó, là vì y nơi pháp bát nhã ba la mật đa đây.

Đây là nói là rõ : Nguyên các đức Phật cũng đều y nơi pháp bát nhã đây mà đã thành vô thượng biến chánh giác rồi đó.

Tam thế : Ba đời, là quá khứ, hiện tại, vị lai đó là so về bề dọc để nói như thế. Chư Phật các đức Phật là gồm cả **chư Phật** suốt ba đời ở tận nơi mười phương, đó là so về bề ngang mà kể như vậy. Đối với pháp bát nhã chẳng phải chỉ riêng về bồ tát y nơi nó mới chứng quả đầy thôi, song đến cả như Phật cũng y nơi nó để thành quả tam miệu tam bồ đề như thế. Nên Đại Luận nói : “Thầy học của chư Phật chính là pháp đây”. Kinh Bát nhã chép : Tam thế chư Phật, và pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác của chư Phật, đều từ nơi kinh này sản xuất ra.

Y : Quán chiếu, cũng đồng nghĩa chữ Y ở câu Bồ đề tát đỏa y bát nhã...trên, câu “đắc a nậu đa la tam miệu tam bồ đề” là nói chứng quả Phật đà.

A dịch Vô : **Nậu đa la** dịch : Thượng : **Tam miếu** dịch : Chánh đấng : **Tam Bồ đề** dịch chánh giác, Nghĩa với cao, chúng chẳng thể tốt được, nên gọi là “Vô thượng” ; chẳng xiên chẳng lệch là “chánh” mười giới (4 thánh, 6 phàm) đồng thể, là “đẳng” (đều có tánh Phật là bình đẳng) khác với là kiến của phàm phu và ngoại đạo, là “chánh giác”. Nếu tóm Tròn tốt quả Phật tự tại bồ đề, nên gọi là Đắc a nậu đa la tam miếu tam bồ đề.

Cổ tri bát nhã ba la mật đa, thị đại thân chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú.

Nên biết rằng : Kinh Bát nhã ba la mật đa đây, thật là : Bài chú đại thân, bài chú đại minh, bài chú vô thượng, và thật là bài chú vô đẳng đẳng, vì nó hay diệt trừ được tất cả khổ não, chắc hẳn không đối.

Đây là dùng cái danh thần chú để kết thúc nghĩa Kinh : danh I của thân, chú là Đà La Ni (dịch : tóm giữ). Đây, với kinh mà lại tên là chú như thế, là vì nó tóm thu suốt. Đại tạng thể với các giáo : Hiền, Mật....chi chi chẳng hạn, nó đều bao gồm hết cả.

Đây nhẩy khắp pháp giới, gọi là Đại ; với linh nghiệm không thể xét lường gọi là Thần ; nguyên điều ác hóa thành điều thiện gọi là Chú.

Người tụng bài “Đại thân chú” đây, vì nó hay phá trừ hết các điều ma chướng. Trí huệ được tròn đủ sáng soi nên gọi là Đại minh chú, vì nó bay dứt hết điều si mê ám muội. Với lẽ cao của nó, không còn chỗ nào trên nữa, nên gọi là Vô thượng chú, vì chỉ rõ ngay tánh chơn như. Vâng và soi đều đồng thời lẫn nhau, với bậc đầy không bậc nào khá sánh được, nên gọi là Vô đẳng đẳng chú.

Lại, các giới ngoại đạo, Thiên thần, và Tiên nơn cũng đều có chú thuật, hễ chuyên tâm luyện đọc, cũng có thể biết được tâm tưởng của kẻ khác, hoặc có thể khinh thân bay lên trên mây, và biến hóa ẩn hình, hoặc có thể kéo dài cái sanh mạng sống ở được lâu lâu ; chừ chú bát nhã đây, người chánh niệm chơn tu thì được nhiều công đức hay, cao siêu hơn kia gấp vô lượng vô biên dù đem những con số gì bằng cách ví dụ như vi trần, hằng sa, giới thành, thạch kiếp chẳng hạn, cũng không thể so sánh kịp nên gọi là vô đẳng đẳng.

Lại nữa, trong bốn dịch của Ngài La Thập, thì chẳng có câu “Thị đại thân chú” Song, với cả bốn câu (thị đại thân chú.... Thị vô đẳng đẳng chú) nếu là hiểu lẽ bằng cách một câu, thì tức nhiên cùng với tánh chơn không, cũng khế hội bằng cách rất khéo nữa.

Câu hay dứt tất cả khổ đó, là xâu kết lại để tán thán Pháp bát nhã có công dụng quá rộng lớn, vì hay trừ hết khổ sanh tử cho 9 cõi (1/ cõi Bồ tát; 2/ Duyên giác ; 3/Thỉnh văn; 4/Cõi trời; 5/ cõi người; 6/ A tu la; 7/ Súc sanh; 8/ngạ quỷ 9/địa ngục)

Câu chơn thật bất hư ấy cả kinh đây, mỗi chữ, chữ nào cũng từ nơi chơn không diệu tâm để lưu lộ ra, thế thì có hư vọng ?

Cổ thuyết bát nhã ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết :

Nên nói chú bát nhã ba la mật đa, liền nói chú rằng :

Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha.

Đây chính là nói chú Bát nhã đây, để tỏ rằng : với công dụng ấy, chúng ta chẳng thể nghĩ bàn gì được, vì vừa tức pháp Hiện, mà cũng là vừa tức pháp Mật.

Phải biết kinh đây chính là trung tâm điểm cả sáu trăm quyển của một đại bộ bát nhã, mà một đời Phật 5 thời thuyết giáo, đâu chẳng lấy bát nhã là tâm, còn chúng sanh nếu phi cái tâm bát nhã thì làm gì hiểu nổi vào nơi pháp môn ba la mật ? thế ta nên rón nghĩ đi nghĩ lại để nhớ lấy !

Ma ha bát nhã ba la mật đa.

Đại trí tuệ đáo bỉ ngạn : Lớn trí tuệ đến bờ kia.

Nghĩa là trí tuệ đây là trí huệ lớn nhất ngoài 3 giới, vì đã lên khỏi sông mê giữa ba giới, nên nói đến ngàn giác bên kia; hơn cả trí huệ giữa tam thừa, nên nói lớn nhất ngoài ba giới.

“Ma ha bát nhã ba la mật đa” là đề mục chung của tất cả bộ bát nhã, vì với công dụng của bát nhã, khó mà nghĩ xét cho cùng đặng, nên dùng để kết thúc mà tụng đó.

Như thuở xưa ông trời Thiên đế Thích bại trận, vì bị thần A Tu La tấn công bốn mặt, rượt đuổi ! hết đường rút lui thành thử ông trời ấy dùng thần túc thông để trực thăng lên đặng cầu tiếp viện nơi đức Phạm Thiên Vương. Trời trên đây bảo Trời dưới kia thành tâm tụng câu “ma ha bát nhã ba la mật đa”. Trời đế thích vâng lời đọc mãi, tức thời biến hiện ra đủ thứ vũ khí từ trên oanh tạc xuống, như mưa đá tuôn rơi ; binh tướng thần A Tu la đều bị

thương quá nặng, vì đầu mình lóng đốt đều trày tróc, không còn chỗ chun trốn ! Than ôi ! với công dụng của bát nhã, khá chẳng tin ư ?

Thượng lai hiện tiền thanh tịnh chúng, phúng tụng Lăng Nghiêm chu phẩm (bí mật) chú :

Nãy giờ đến đây chúng thanh tịnh, trì tụng chú Lăng nghiêm và các thần chú.

Nửa bài kệ ấy, là để kết xâu từ trên, và chuyển xuống dưới làm hồi hướng. Ròng tu một hạnh thanh bạch, gọi là thanh tịnh; sáu hòa hợp đồng nhóm, gọi là chúng. Đọc mò chữ là phúng (chữ phúng là : từ hai đến nhiều sư cùng hòa tiếng rập giọng với nhau, để hoặc tụng, hoặc tán thuộc lòng. Cái điệu đọc tán rập ấy, nguyên là cách phúng tụng của Bà la môn, mà với Bí xu, Phật cũng cho dùng cái điệu ấy, mặc dù khác bài và ý nghĩa, tức là Phạm Bại nghĩa là lối tán tụng của Trời Phạm Vương. Sư nào hay giỏi môn tán tụng đó, được gọi là Kinh sư. Bên Tàu, đời Lương, sách tăng truyện, có lập ra một khoa Kinh sư, để dạy các sư nào tiếng tốt, nhịp hay, tán tụng giỏi, đăng làm Pháp sư ngoài đàn tràng. Chứ không phải ông Thần tú mới bày đặt ra như người ta đã hiểu lầm. Dùng tiếng để đọc tiếp tục nhau, gọi là tụng (chữ tụng còn có nghĩa nữa là : Mỗi người đọc một hơi thuộc lòng, để tiếp chuyển hơi thay đổi với nhau).

Lại, lục hòa 1/ Với thân thể thì hòa hợp nhau để chung ở; 2/ với Khẩu thiệt thì hòa hợp nhau để không cãi cọ; 3/ Với Ý chí thì hòa hợp nhau để chung vui 4/ Với Giới phẩm, được hòa hợp nhau để thụ lãnh giới nào thì chung tu với giới ấy; 5/ Với tài lợi chi, được hòa hợp nhau công bình chung sống. Đủ sáu nguyên tắc ấy cư xử với nhau công bình chung sống. Đủ sáu nguyên tắc ấy cư xử với nhau, mới được gọi là lục hòa tăng vì danh đúng với thật, thể hợp với dụng, sự hòa với ý, chứ không phải : mỗi chùa mỗi cơ sở riêng, mỗi sư mỗi hành động khác, mỗi phần tử mỗi thụ dụng bất đồng nhau.... Mà xưng xưng là lục hòa tăng được đâu ? vì miệng nói một đàn, mà tay phan một ngã, gia dĩ, trống đánh xuôi mà kèn thổi ngược vậy ! song, cũng khá hơn một phần nào đối với kẻ không học Phật.

--- oOo ---

Chương 5: KỆ HỒI HƯƠNG – PHÁT NGUYỆN HỒI HƯƠNG

BÀI KỆ HỒI HƯƠNG

Hồi hương Tam Bảo chúng Long thiên, thủ hộ già lam chư Thánh chúng :

Hồi hương : Tam bảo, các Rồng, Trời..., cả thánh chúng giữ giúp vườn chùa.

Từ đây sắp xuống mười câu kệ, là dâng công đức trên, để hồi hương về cả mười giới. Ý nghĩa của hai chữ hồi hương nó đi ngay suốt xuống cả mười câu kệ, nên hơi đọc là ý tưởng đều chẳng đặng dứt giữa khoảng nhịp mõ. Hai câu trên đây là hồi hương lên ngôi Tam Bảo và các Hộ pháp. Với nghĩa của Tam Bảo sẽ rõ ở văn Sám hối sau. Trời, rồng là gồm chung thuộc bát bộ thần Hộ Pháp. Với nghĩa của Già Lam, sẽ thấy rõ ở văn chúc tán. Các vị Thần : Trời, Rồng...Già Lam, phần nhiều là có các đức Bồ tát ẩn hình thị hiện và trong đó, nên xưng là thánh chúng. Chừ ở đây hồi hương lên Tam Bảo là để nguyện cầu gia hộ cho ; hồi hương về các vị : Thiên, Thần...là để cầu ủng hộ ngôi Tam Bảo.

Tam đồ bát nạn cu li khô, tứ ân tam hữu tận triêm ân, quốc giới an ninh binh cách tiêu, phong điều vũ thuận dân an lạc.

Ba đồ tám nạn điều lìa khô, bốn ân ba hữu trọn nhờ ơn, nước cõi an ninh binh cách (giặc cướp) tan, gió hòa mưa thuận dân yên vui.

Bốn cây đây là hồi hương cho cả pháp giới chúng hữu tình từ chốn u là khuất mắt, đến chốn hiểu rõ thấy, điều được chung nhờ lợi ích.

“tam đồ bát nạn” sẽ rõ thấy nơi “văn lễ Phật phát nguyện” của ngài Di Sơn Nhiên Thiên Sư.

“Tứ ân” có ba điểm 1/ ơn của Thiên Địa che chở; 2/ ơn của Nhật Nguyệt soi đến (là ơn của cõi đời thiên nhiên bố thí cho ta bằng cách tự nhiên) 3/ ơn của các đấng mở mang đất nước; 4/ ơn của Cha Mẹ dưỡng dục. Đó là tứ ân của thế gian. Kinh Chánh Pháp niệm chép : 1/ ơn của Cha; 2/ ơn của Mẹ; 3/ ơn của Như Lai đại sư; 4/ ơn thuyết pháp của các pháp sư. Đây là tứ ân của thế gian, xuất thế gian. Tâm địa phẩm nói : 1/ ơn Phụ Mẫu, 2/ ơn chúng sanh (nhơn quần xã hội và thú lục) : Vì luân hồi lẫn nhau làm cha mẹ, và giúp đỡ

lẫn nhau về các phương diện : ăn, mặc, ở và công việc làm, dầu ta ra tiền mua mướn : 3/ ơn Quốc gia 4/ ơn Tam Bảo, đây là tứ ân nghĩa rộng gồm cả thế gian và xuất thế gian.

Tứ ân dù có nhiều thuyết, song ta phải kỷ niệm, báo đáp tận tâm bình đẳng.

“Tam Hữu” : ba có, tức là ba giới; vì có những nhơn quả của thập thiện, hoặc của thập ác, bởi ý chí có chấp trước lấy sự tướng vật chấp để tưởng nhớ mãi chẳng quên, nên gọi là “Hữu: có”. Chữ Triêm, nghĩa : thâm nhuần, chịu ơn.

“Quốc giới” : Cõi nước ; với xa thì so cả đại thiên thế giới, sa số thế giới; so với gần, thì có năm châu, chín châu (5 châu lớn, là : 1/ Châu á tế, 2/ Châu âu la ba, 3/ Châu a phi ly gia, 4/ Châu á mặc ly gia, 5/ châu úc tước ni á. Với năm châu ấy tức kinh Phật kê làm một là thiêm bộ châu phía nam núi tu di, nay đây bất quá cũng tùy theo thuyết của thế gian để quyền tạm mà nói là năm châu lớn đấy thôi, chớ thật ra thì năm châu ấy đâu có thể gồm hết đặng nam thiên bộ châu ? Với vị trí của chín châu kia, sẽ thấy rõ ở trong văn chúc tán sau).

“Bình” : Những món đồ vũ khí của quân nhung. Thuở xưa, ông Xuy Vu dùng các loại kim thiết để chế tạo ra năm món binh khí : 1/ Cây cung, 2/ Cây đầu, 3/ Mũi mâu, 4/ Mũi qua, 5/ Mũi kích ; cũng gọi là ngũ nhung tức ngũ binh đây, thật thế.

“Cách” : da thú đã thuộc chín ; cách là áo giáp bằng da. Lại, xe bọc da (nay bọc sắt) tức là xe nhà binh. Nước nhà nào mà lắm cơn loạn lạc, thì nạn binh cách (giặc giã, hay giặc cướp) nổi lên lung tung, như lũ kiến, chòm ong : cắn hút thịt máu của dân chúng ! lúc nào có minh chủ trị đời, thì giữa nước, ngoài cõi đều được an ninh : nên nguyện cho nước nhà đồng được như đời vua Nghiêu, vua Thuấn : năm ngày thì có một ngày gió mát mười ngày có một ngày mưa, tan hẳn binh cách, thiên tai nhơn họa đều không, ách nước nạn dân chẳng có, sĩ thứ đồng an cư lạc nghiệp.

Nay dùng công tu phúng tụng này, để hồi hướng cho pháp giới quần sanh đồng hưởng phước vui vô vi như trị ấy.

Đại chúng huân tu hi thắng tấn, thập địa đốn siêu vô nan sự :

Đại chúng huân tu mong hơn tới, chóng lên thập địa không việc khó.

Hai câu kệ đây, là nguyện cho bạn đồng tu đều được thắng tiến cả.

“Huân tu” xông, rèn, trau, sửa “Hy” cầu, trông.

“Thắng tấn” có hai nghĩa : 1/ cứ xét theo ngôi thứ để mà tiến, nghĩa : người tu pháp Tiệm giáo, thì y theo vị thứ của 55 bậc mà tiến, đó là trình độ độn căn của đại thừa. 2/ tiến triển bằng cách vượt lớp, tức là thắng tấn. Nghĩa : Người tu pháp đốn giáo, đối với năm mươi lăm ngôi, vượt lớp mà tiến, đó là hạng lợi căn của đại thừa.

Lại, từ nơi vị trí của phàm phu, vừa phát tâm tu học liền chóng vượt lên bậc Sơ địa Bồ Tát...nhấn đến bậc thập địa Bồ Tát; hoặc từ nơi sơ địa tu học, mà đốn siêu bậc thập địa : như đức Quán Thế Âm nghe Phật Thiên quang vương Tịnh trụ Như lai nói thần chú đại bi, từ sơ địa mà siêu ngay lên bát địa, đó là thế.

Lại, bên biệt giáo, từ sơ địa về trước, đều là hạng duyên tu, thì chẳng gọi là thắng tấn được, vì duyên tu là tu bằng cách phải chuyển theo trải qua mỗi sự mỗi cảnh; nếu lên được bậc Sơ địa, thì mới được thuộc về hạng chơn tu, thế mới gọi là niệm tự nhiên để tiến tới, chứ chẳng cần mượn công tu bằng cách tác ý.

Tam bảo, và kẻ có quy y thụ giới, đều vâng nhờ công đức hồi hướng đầy, để tăng thêm chánh phước và chánh huệ.

Ba bài kệ trên đó (từ “Thượng lai hiện tiền thanh tịnh chúng.....” đến “đàn tín quy y tăng phước huệ” cộng 12 câu, phân là ba bài) của tác giả : Chơn yết Thanh Liễu thiền sư đời Tống (960 – 1.276), sanh trưởng ở đất Thục, con nhà họ Ung xứ Miên Châu, đệ tử của Tổ Đan Hà Thuần thiền sư; đến sau năm Thiệu Hưng thứ 21 (đỉnh vị 1,151) nhận lời chiếu của Vua Tống Cao Tôn thỉnh, lãnh trụ trì nơi chùa mới núi Cao Đình, xứ Hàng Châu.

Nam mô ta bà thế giới, tam giới đạo sư, tứ sanh từ phụ, như thiên giáo chủ, thiên bách ức hóa thân, Bốn Sư Thích Ca Mâu ni Phật.

Nam mô Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô đại trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

Nam mô đại hạnh Phổ Hiền Bồ Tát

Nam mô Hộ Pháp chư thiên Bồ Tát

Nam mô đạo tràng hội thượng Phật Bồ Tát.

(Trong lúc niệm Phật đi hữu nhiều đó có 2 ý nghĩa :

1/ Là một, lễ kính bằng cách vừa miệng thì xưng tụng hiệu Phật, và thân thì đi vòng quanh hầu tượng của Phật; đó là cái lễ rất kính của xứ Ấn độ đối với Phật. Kinh vô lượng thọ nói : “Cúi lạy chơn Phật, hữu nhiều 3 vòng”. Thế gọi là hữu nhiều.

2/ Là phương pháp tiêu dưỡng : hoặc đứng tụng lâu, hoặc ngồi thiền lâu, gân máu ngưng trệ, hay ma buồn nó phá, hoặc mới ăn cơm rồi.....đều phải đi vòng hay đi thẳng tới lui, là để cho gân máu chạy đều, hết lừ đừ ngũ, tiêu thực, vệ sinh dưỡng thân. Thế thì gọi là : Hành đạo hay kinh hành. Truyện ký qui cuốn thứ ba chép : Đi hữu nhiều Phật điện, đi vòng quanh ngôi tháp, là cốt vì cầu phước cho tự tha, nên tổ cái nghi cung kính : còn kinh hành là cái phép tiêu thực tán bỏ, ý nghĩa ở dưỡng thân trừ bệnh).

---o0o---

HỒI HƯƠNG VĂN

Quý đọc bài để hồi hương

Phàm làm việc Phật, rốt phải hồi hương là để cho công hạnh có chỗ ký thác : như sau kia là riêng hồi hương về cực lạc tịnh độ : còn chính đây là tổng (chung) hồi hương về Tam Bảo giữa pháp giới. Nhưng, hoặc riêng hay chung gì đều phát cái tâm tự lợi lợi tha, nguyện cho đồng đắc thật chứng.

“Hồi hương cũng như phát nguyện” : Số là, có hành mà không nguyện, thì chí hướng bất định. Như người ra đi đâu đó mà không có cái sở nguyện gì, chí hướng chi, thì ra đi phóng mạng cũng như lãng mạn giữa đường có gặp chuyện chi xảy đến, tất nhiên theo với cảnh ngộ mà đổi dạ sang đàng ! Hễ nguyện hải đã sâu, công hạnh đã đầy, thì đạo quả thành tựu. Nên phàm là kẻ tu hành hễ có công tác chi, đều phải hồi hương :

hồi hương có bốn cách :

1/ Hồi nhơn hướng quả, nghĩa là tu các hạnh là nhơn đều có thể được để thành Phật là Quả. Chính như nay tu tịnh độ là nhơn, hồi hướng về Cực lạc là quả, lẽ phải như vậy.

2/ Hồi tiểu hướng đại, nghĩa : Những kẻ học Phật bằng pháp tiểu thừa, và tu thập thiện của nhơn thiên thừa, đều nên hồi hướng lên đại thừa, mà nay thì với những chỗ tu các pháp thiện đều hồi hướng về đài sen thượng phẩm, thật thế.

3/ Hồi tự hướng tha, nghĩa ta nay phát tâm tu Phật đây, là chẳng vì để mưu cầu riêng cho mình, mà ít nhất việc lành bằng mấy tơ sợi long gì cũng đều phải hồi hướng thí cho pháp giới chúng sanh, bây giờ thì nguyện cho chúng phát triển trí huệ của Phật tánh, để quảng độ chúng sanh, thật như vậy.

3/ Hồi tự hướng tha, nghĩa : ta nay phát tâm tu Phật đây, là chẳng vì để mưu cầu riêng cho mình, mà ít nhất việc lành bằng mấy tơ sợi lông gì cũng đều phải hồi hướng thí cho pháp giới chúng sanh, bây giờ thì nguyện cho chúng phát triển trí huệ của Phật tánh, để quảng độ chúng sanh, thật như vậy.

4/Hồi sự hướng lý, nghĩa : Lạy Phật, tụng Kinh, tham thiền, học đạo, bố thí, làm phước, thay chúng làm việc, nhẫn đến giúp bầu nước, quét chỗ đất, việc lành bằng mây lông, với các việc làm kể trên, nếu ta để ý trước tướng, thì đều thuộc về sự tướng : trái lại, nếu ta hiểu rằng : với năng niệm, năng tác, tánh cách nó đã không, thì với sở niệm sở tác, tánh cách nó cũng không mà cái cái không nó chẳng có bờ mé, tức nhiên toàn sự chính là lý, thì mỗi sự gì cũng đều bao trùm pháp giới, mỗi mỗi tâm niệm chi, cũng đều tròn bọc thái hư, như thế xét kỹ ra, nó đều thuộc về lý tánh cả. Chính chỗ gọi : sự thiện bằng hữu tướng, nó lẫn thành ra lý thiện bằng vô tướng. Sự lý dung hiệp lẫn nhau, tức là cảnh tam đế ; năng niệm năng tác chính là tâm tam quán. Tâm vẫn tức là cảnh, cảnh vẫn tức là tâm, thế là chơn tịnh độ. Với sự hành động và khi yên lặng trong hằng ngày của ta cùng người, đều phải quán xét như thế đó, thì, chính nơi chỗ ta đương ở đâu, cũng thành ngay được tự tâm tịnh độ liền tại đó.

Bài phát nguyện hồi hướng sau đây, là Ngài Duy Sơn Nhiên thiên sư chép ra, để tổng hồi hướng về pháp giới Tam bảo ; hoặc ai không thích, thì đổi đọc văn tịnh độ. Như “Khê thủ tây phương an lạc quốc....” “Thập phương tam thế Phật.....” “Nhứt tâm quy mạng.....” tùy ý, và tùy chí nguyện.

Nhưng phải biết là tổng hồi hướng hay biệt hồi hướng ? chớ đừng phân biệt cố chấp mà thành ra cái bịnh xuyên tạc của kẻ tu học

1. quy mạng thập phương điều ngự sư ;
2. Diên dương thanh tịnh vi diệu pháp ;
3. Tam thừa tứ quả giải thoát tăng ;
4. Nguyện tứ từ bi ai nhiếp thụ ;

Lạy cả : “Điều ngự sư” mười phương ;

Giảng bày “pháp” thanh tịnh vi diệu ;

Ba thừa bốn quả “tăng” giải thoát ;

Xin đồng thương xót thấu nạp cho.

Bốn câu trên : Câu đầu là kính lạy ngôi Tam Bảo ; câu thứ hai là lạy ngôi Pháp bảo; câu thứ ba lạy ngôi Tăng bảo ; câu thứ tư là tổng quát đề nguyện Tam Bảo chiếu ánh Từ Quang đến chứng nhận lời phát nguyện hồi hướng này.

Quy mạng : Cúi đầu kính lạy, là một nghĩa trong tiếng Nam mô (Namoahnamo. Như : Namo Buddhaya, dịch quy mạng ư Phật, nghĩa : Kính lạy đức Phật v.v.....)

Thập phương điều ngự tức là các đức Phật ở mười phương. 10 phương là : Đông, Tây Nam, Bắc, bốn góc (đông nam, Tây nam, tây bắc, đông bắc) thượng phương, và hạ phương.

Điều : trị, sửa. **Ngự** : gom dùm ; ngăn dẹp; điều khiển. Lý cho, để đặng phước có vui vô sanh; với chúng sanh còn có tánh cang cường, Phật cấm hẳn đi, khiến cho được đạo quả xuất thế gian. Số là : sức lành lan khắp, gồm giáp pháp giới để sửa đổi, giáo hóa, đó là Phật bảo ; với một mảy bụi không nhiễm lìa bốn điều quá (chấp có, chấp không, chấp phi có phi không, chấp cũng có cũng không), dứt hẳn trăm món quấy, đó là **Thanh Tịnh** ; tròn rỗng khắp giáp, lẽ nó tuyệt nói năng suy nghĩ, đó là **Vi diệu** ; nghĩa với pháp vi diệu thanh tịnh như thế duy chỉ có Phật mới có thể chứng và biết được, rồi ra, khắp vì chúng sanh để giảng nói diệu pháp ấy mà nêu bày giáo hóa, thế mà chúng sanh còn phần nhiều vì mê mà chưa biết hết được pháp ấy ! còn các thánh giữa tam thừa thì, tùy theo mỗi trí của mình mà chứng biết lần hồi

từ mỗi phần, thế nên ta cần phải quy mạng để mà nghiên cứu kỹ cho được “ly dục thanh tịnh” đó là Pháp bảo.

Tam thừa : bốn quả Thánh Thỉnh Văn là Tiểu thừa ; các Thánh Duyên giác, Độc giác là Trung thừa; các Thánh Bồ Tát là đại thừa. **Tứ quả** : tức là bốn quả Thánh Thỉnh văn như sơ quả Tu Đà Hoàn, Nhị quả Tư Đà Hàm, Tam quả A Na hàm, tứ quả A la hán. Các quả ấy đều là địa vị thánh nhơn, vì đã giải thoát hết sanh tử rồi nên xưng là Tăng bảo.

Đối với Pháp

Ba thừa tùy phận mà biết	Thánh Thỉnh văn chên lệch biết Thánh Duyên giác chên lệch biết Thánh Bồ Tát biết từ phần	chơn đế pháp Tục đế pháp Pháp trung đế
--------------------------	--	--

Người học Phật, đối với pháp “Tam đế” nếu chỉ biết bằng cách chên lệch riêng về “chơn đế” mà thôi, thì chẳng gọi là biết đúng pháp vi diệu; vì pháp tiểu thừa thuyết ra cái chơn lý đó là nó lệch về một bên “không” nên nói các thánh Thỉnh văn biết pháp bằng cách lệch về chơn đế. Nghĩa : Chên, tránh cái khổ sanh tử trong tam giới, riêng hưởng lấy cái vui niết bàn ngoài ba cõi. Còn những người học Phật mà biết cả ba Đế bằng cách trọn vẹn vẫn một chẳng hai, vì với pháp sanh tử đã giác ngộ rồi hết mê hoặc, thì, pháp sanh tử tức là niết bàn. Biết như vậy mới gọi là biết đúng pháp vi diệu, nên Ma ha tát, dịch : đại giác hữu tình, nghĩa : Bồ Tát lớn đã giác ngộ mình và chúng.

Đản..... tự vi chên tánh, uổng nhập mê lưu, tùy sanh tử dĩ phiêu trầm, trục sắc thình nhi tham nhiễm. Thập triền, thập sử tích thành hữu lậu chi nhân ; lục căn, lục trần vọng tác vô biên chi tội. Mê luân, khổ hải thâm nịch tà đồ; trước ngã đam nhơn, cử uổng thổ trục. Lụy sanh nghiệp chướng, nhứt thể khiên vuu...

Chín vì.....chúng con từ trái tánh giác, luông vào dòng mê, xuôi theo biển sanh tử để trôi chìm, rượt với cuộc sắc thanh làm hám đắm. Mười triền, mười sử, chứa nên cái nhơn hữu lậu; sáu căn, sáu trần, quấy tạo cái tội vô biên. Mê man lợi bề khổ, đi sâu vào đường tà, lòng chấp ngã đắm nhơn, việc bỏ ngay làm vạy. Chồng chắt đời nghiệp chướng tất cả quấy lỗi.

Đoạn đây là nêu lên cái nhơn của nghiệp sanh tử. Ba căn đầu là : Từ nơi chơn tánh, phát sanh ra vọng nghiệp ; Nghĩa : Từ trái tánh giác, là điều hoặc ; luống vào dòng mê, là cái nghiệp; xuôi theo biển sanh tử, là khổ quả. Chính rằng : mê quên nơi chơn tánh, mà dấy ra vọng hoặc, từ nơi vọng hoặc để gây ra nghiệp nhơn, do nơi nghiệp nhơn rồi chịu khổ quả giữa tam giới, thực như vậy.

Câu thứ tư sắp xuống là : Từ nơi một thứ vọng này rồi chất chứa bao vọng khác. Là nói : bởi sáu căn là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nó rượt theo với sáu trần là : sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, sáu trần làm hoen ố sáu căn. Căn thuộc về tâm, Trần thuộc về cảnh; cảnh kéo trì nhau với tâm, tâm bị hoàn cảnh lôi cuốn, lẫn nhau phát khởi ra phiền não là mười triền mười sử, lắm lúc tạo những tội chướng nhiều đến số lượng ! Thì lẽ tất nhiên, với ba giới sáu đạo, cứ luân hồi mãi trong vòng tròn sanh tử và đắm chìm nơi bể khổ hữu lậu đã sâu lại càng sâu !

Đường tà tức là năm lợi sử trong mười sử ; nhơn ngã là năm độn sử trong mười sử : hễ sa đắm đường tà, thì, chẳng có cái chánh tri kiến để ra khỏi thế gian ; còn chấp nhơn ngã, thì gây tội lỗi ở thế gian : không có lòng nhơn từ bình đẳng, sanh khi điều nhận thấy làm lệch bằng ái và ó ! Thì cũng như chỗ đức Khổng Tử nói : “Làm những việc cong queo, bỏ các điều ngay thẳng” thật không công bình gì hết ! lấy mà dùng là nghĩa chữ Cử, bỏ đi chẳng dùng là Thố; mưu tam hạn chế việc làm trái với chánh lý là Uông ; để ý ngăn làm thuận theo chánh lý là Trục. Nghĩa : với chỗ ta yêu, dù nó là kẻ gian tham ngu bạo trái với chánh lý, thế mà ta cũng cất nhắc nó lên, để tín dụng ; với chỗ ta ghét, tuy nó là kẻ nhơn trí hiền lương thuận chánh lý, vậy mà đành ém gạt bỏ đi. Như thế thì, cái chánh lý tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ nó rồi hẳn rồi ! Bất luận quân chủ hay dân chủ, chánh khách hay thứ nhơn....hễ một phen đã do nơi lòng ái, ó làm chướng ngại rồi, thì mỗi dây oan nghiệt cứ cột gút mãi chẳng thôi, mà với cái khiên vuơ giữa ác đạo càng gấp nặng gấp sâu luôn !

Mười Sử làm thế, mười Triền làm nghiệp dụng, do mười sử làm tiên phong, thì có nghiệp dụng của thập triền nó làm cho chúng sanh mê muội chơn tâm, buộc ràng nơi sanh tử, không lúc nào buông ra được, nếu chẳng xuất gia tu hàng giải thoát.

Bốn sử tham, sân, si, mạn đều là mê chấp lấy sự vật giữa thế gian và khởi ra những quan niệm vọng hoặc của bốn ấy, tánh phận nó trì độn, nên gọi là độn sử; còn cái Nghi sử là đối với chơn lý của tứ đế mà sanh ra điều

vọng hoặc này, tánh nó là do dự không quyết định gì được, thì, tánh phận cũng không tinh nhuệ chi, nên đồng loại với tham, sân, si, mạn, là ngũ độn sử.

Năm sử bén : Bởi mê muội cái lý tánh của pháp tứ đế mà khởi ra ngũ lợi sử này với giữa những điều vọng hoặc ; năm cái hoặc này tánh nó lạnh lợi cũng như bén sức hơn hết nên gọi là ngũ lợi sử, tức cũng là ngũ kiến :

1/ **Thân kiến**, tức là cái ngã kiến cả cái ngã sở kiến. Nghĩa : chẳng biết cái thân ta đây nó là vật giả dối bằng ngũ uẩn hòa hợp, mà lại kể chấp làm thật có cái thân của ta (ngã kiến : nhận thấy có ta) ; với những sự vật ở chung quanh bên thân ta lại chẳng biết nó là vật không có chủ sở hữu như định, mà kể chấp cho là thật vật sở hữu của ta (ngã – sở – kiến : nhận thấy vật sở hữu của ta) ; nhập chung hai cái ngã kiến và ngã sở kiến lại làm một là thân kiến. Mà thường thường với cái ngã sở kiến, chỉ gọi tắt là ngã kiến.

2/ **Biên kiến** : Một phen sau khi chấp có cái ngã thân đây cái ngã kiến, thì với cái ngã, hoặc kể chấp rằng sau khi chết rồi, cái ngã (hồn) nó đoạn tuyệt hẳn ; hoặc kể chấp sau khi chết rồi nó cũng vẫn thường còn mãi chứ không dứt mất, vì hai nghĩa ấy là cái vọng kiến (thấy bậy) đây ra ở bên sau cái thân kiến, nên gọi là biên kiến (đó là nghĩa của Duy thức học). Còn chấp lệch về một bên đoạn hay thường nên gọi là biên kiến (đó là nghĩa của Câu Xá Luận)

3/ **Giới thủ** tức giới cấm thủ kiến : do nơi cái “kiến thủ kiến” dưới đây, bèn thủ lấy cái giới cấm “phi lý, phi quá” để làm đầu, dùng lấy mỗi mỗi hành pháp kia, để làm cái nhơn sanh về các cõi Trời, hoặc để làm cái đạo Niết bàn. Trong đây có hai thứ : a/ Giữ các giới ngư, giới kê (ăn những vật của con trâu ăn, gà ăn, hoặc ăn bằng cách như trâu gặm gà mổ) dùng làm cái để sanh lên Trời, thế là cái **giới cấm thủ kiến** bằng cách **phi nhơn mà chấp làm nhơn**) b/Tu các giới khổ hạnh bằng cách : hoặc lấy tro tộ phết vào thân thể, hoặc tịch cốc, nhịn đói, ăn rau..... dùng khổ hạnh đó để làm cái đạo Niết bàn, thế là cái giới cấm thủ kiến bằng các phi đạo mà kể làm đạo.

4/ **Kiến thủ kiến** : dùng cái tri kiến hạ liệt làm đầu, thủ lấy các hạ liệt khác, để tư tưởng làm một thứ rất tốt đẹp hơn hết. Nghĩa chữ “kiến” trên : dầu chỉ về chỗ nhận thấy của thân kiến, biên kiến, song chữ “kiến” ấy nghĩa nó còn hàm những mỗi sự vật khác nữa.

5/ **Tà kiến** : với đạo lý có nhơn có quả, lại bác bỏ đi cho là không có nhơn có quả gì hết, như : cho rằng ở đời không có cái nguyên nhơn nào đem

lại cái kết quả, cũng chẳng có cái kết quả nào do nguyên nhơn mà sanh, thành thử với các chúng chẳng sợ, với thiện chúng cũng không ham, cái lỗi nhận thấy làm lạc ấy, chính là đã tà kiến mà lại tà kiến hạng nặng ! nên tặng cho cái danh là **“tà kiến”**

Nhấn trên năm điều kiến thức đó, là một phần ác tri huệ, với ngôi kiến đạo, đồng thời dứt hết năm điều ấy. Nhà Cựu dịch gọi là “Ngũ lợi sử”

Ngưỡng Tam Bảo dĩ Từ bi, lịch nhứt tâm nhi sám hối.

Ngũ câu Tam bảo duỗi từ bi, cúi nhỏ nhứt tâm xin sám hối.

Đây là chung ngữ kính ngôi Tam bảo để cầu sám hối. Chữ “ngưỡng” là ngữ mặt trông lên trên để mà cầu xin. Chữ “Lịch” là nước nhỏ từ giọt có tiếng, tức là : Nghiên tận đáy lòng để lộ trần những điều tội lỗi không còn sót giấu. Như nghiêng bình rót nước ra hết chảy từ vòi đến từ giọt không còn sót một điểm nào.

Sở nguyện năng nhơn chúng bạt, thiện hữu đề huê, xuất phiền não chi thâm yên, đáo bồ đề chi bỉ ngạn :

Cúi xin đức Năng nhơn cứu vớt, các thiện đất diu, lên khỏi vực sâu phiền não, tiến đến ngàn giác bồ đề.

Đây cho đến rốt bài điều dùng vâng Tam Bảo trên cầu chúng sám hối, để riêng đây cái nguyện tự lợi lợi tha. Bốn câu ở trên đây : là chính tự mình nguyện nhờ cứu dắt tiến lên cảnh giới cực điểm là vô thượng chánh đẳng chánh giác tức quả vị Phật.

Hai chữ “Sở nguyện” nghĩa nó trùm suốt xuống cuối bài.

“Năng nhơn” : tức là đức Thích Ca giáo chủ.

“Thiện hữu” : bạn lành, người có đủ kiểu mẫu làm đạo, có công giúp ích mở trí. Chấn bởi từ vô thi cũng như từ đời kiếp mà không biết đầu cuối là đâu, đã chứa chất dưới vực sâu phiền não, nay đây nếu phi Thánh giáo thì không thể đắc độ nổi ; lại bởi trí lực ta qua suy vi, với ngàn giác đạo, nếu phi thiện hữu thì chẳng thể tự mình chóng lên đặng. Tổ Quy Sơn nói :

“Đi đường xa, cốt nung bạn lành, để thường được trong sạch nơi tai nghe, mắt thấy; đến trụ chỗ nào, ắt phải chọn bạn, để mỗi giờ được nghe chỗ mà bấy lâu chưa nghe”.

Nên chi, với đạo cả, nếu muốn nghe nhiều hiểu rộng, thì lẽ tất nhiên là trước nhứt ta nên thân cận thiện hữu, đó chính trên đây bảo thế.

Thử thế phước cơ mạng vị các nguyện xương long ; lai sanh trí chủng linh miêu đồng hy tăng tú.

Đời này : với nền phước ngôi mạng, đều nguyện chung được thanh cao; kiếp sau, giống trí mạ linh, đồng cầu cùng nhau thêm tốt.

Đây là nguyện khắp cả người với ta đồng đặng phúc huệ. Kiếp trước đã đắp xây nền phước, đời nay ngôi mạng thanh cao; hiện nay đem giống trí của Phật gieo vào ruộng Tâm ta, mai sau này mầm linh chồi đạo mỗi giờ càng thêm tốt; mãi đến sau khi đã hoàn toàn kết quả bồ đề rồi, mà với mục đích chí nguyện ấy từ thì chí chung phi riêng vì đề cầu cho một cá nhân mình, mà chính vì phổ nguyện cho pháp giới chúng sanh đồng đắc như thế.

Sanh phùng Trung quốc trưởng ngôi minh sư, chánh tín xuất gia, đồng chơn Phật đạo; lục căn thông lợi, tam nghiệp thuần hòa, bất nhiễm thế duyên, thường tu phạm hạnh; chấp trì cấm giới, trần nghiệp bất xâm, nghiêm hộ uy nghi quyên phi vô tổn :

Với đời sau, nguyện sanh ngay ở Trung châu quốc độ, lớn lên liền gặp đức thầy sáng suốt, ta do lòng chánh tín đi xuất gia từ tuổi đồng chơn đã vào đạo; lục căn đều sáng dạ, tam nghiệp lẫn trọn lành, chẳng nhiễm duyên đời, thường tu hạnh sạch; giữ gìn giới cấm, với nghiệp trần chẳng xâm, dè dặt nét na, với một con vi trùng nhỏ bay cũng không nở làm tổn nó.

Đây là nguyện sau khi sanh ra đời liền gặp ngay vị thiện tri thức, vào đạo giữ giới cấm do thầy đã truyền trao.

Những xứ ở nơi biên cương (bià ranh) ít có văn hóa của Thánh hiền phổ cập thì phần nhiều là kẻ ngu ngon bạo ác và tự cường; dầu sao cũng còn dã man; còn Trung ương quốc độ, thường có Thánh hiền xuất thân, tiếp tục lấy văn tự, giáo pháp, lễ nghĩa, tiết hạnh và đức độ để dạy bảo khuyên răn. Nên chi hễ muốn vào đạo Thánh hiền, ắt phải sanh ở trung độ của nước. Xin chớ hiểu lầm hai chi chữ “Trung quốc” là nước Tàu mà thành ra biệt ngại bất thông

Từ thiện của thế gian, không thể gọi là chánh đặng, vì còn phân biệt lệch về chấp ngã, chấp nhân; tịnh thiện của xuất thế gian mới gọi là chánh, vì hai chấp đã không, ba vòng chẳng có. Nên chỉ dùng kẻ chơn chánh học Phật là chánh tín, chánh thiện, bởi không tham nhiễm và chấp trước.

“xuất gia” : ra khỏi nhà, có ba nghĩa

1. Xuất hồng trần gia : ra khỏi nhà bụi hồng. Là lòng xa lìa trần cấu phiền não, chữ gia là gia thất, nó hàm có những nghĩa ân ái, phiền lụy, nên Tỳ bà sa luận nói : “gia là phiền não hơn duyên, kẻ xuất gia là vì dứt trừ cấu lụy, nên phải xa lìa”. Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói : “Qua khỏi cửa này, là La hán ra khỏi trần”.

2. Xuất tam giới gia : Ra khỏi nhà tam giới. Đại thừa Bồ Tát, đại thừa cư sĩ như Duy ma cật, vì tâm đã dứt hết cữu p hãm mê hoặc cả tam giới tức A la hán, đều là hạng “tâm xuất gia”. Tâm giải thoát ngoài tam giới.

3. Xuất vô minh gia : ra khỏi nhà không sáng. Nghĩa là : Cái tâm ám độn không có ánh trí chiếu rõ sự lý của các pháp. Vô minh tức là tên riêng của si mê, vô minh nó hòa hợp nhau với tham mà sanh ra ta; vô minh tử là cha, tham ái tử là mẹ Kinh Lăng Già cuốn 3 nói : “Tham ái gọi là mẹ, vô minh thì là cha, người xuất gia trước phải diệt cha mẹ ấy”. Tứ giáo nghi nói “Từ biệt (diệt) hẳn cha mẹ vô minh, cứu cánh lên đỉnh núi Niết bàn”. Nên nói ra khỏi nhà vô minh.

Vả lại, **thân xuất gia** : các Bý su bên tiểu thừa, và Bồ Tát tăng bên đại thừa; **tâm xuất gia** : cư sĩ tu Bồ Tát bên đại thừa. Như các ông : Duy ma, Hiền Hộ v.v..lại nữa, 1/ **thân xuất gia tâm chẳng xuất gia** : thân tuy ở giữa tăng chúng, tâm còn nhớ tưởng người nhà. 2/ **thân dù ở nhà, mà tâm đã ra khỏi nhà** : mặc dầu thụ dụng với thế tử, mà lòng chẳng mê đắm ái ân. 3/ **Thân tâm đều xuất gia** : Với bao cảnh tham dục, tâm không đoái hoài quyến luyến. 4/ **Thân tâm đều chẳng xuất gia**: Vẫn còn nguyên thụ dụng với vợ con, lòng quá ưa mê đắm điều kia việc nọ (rút ở Pháp uẩn túc luận)

Đồng chân nhập đạo. Đồng : trẻ, son, một mình. Nghĩa : kẻ tuổi trẻ chưa có thất gia (vợ chồng) đứng hơn là trinh tiết, thì gọi là Đồng, vì ngươn tình còn nguyên vẹn, chưa hề bị hành dâm tan mất, người mà ít biết gì đến ái tình, mới để xuất gia nhập đạo, bởi tự bảo đảm khỏi mè na, hổ bắt !

Lục căn thông lợi : Nhơn vì đời trước, với giữa Tam bảo đã có công rất sâu dày về siêng tu tìm học, nên nay đủ căn tánh đi hành đạo xuất thế gian, thành thử, vừa thấy nghe đạo Phật là, đã tin thụ thông lợi liền.

Tam nghiệp thuần hòa : Cái thân chẳng làm nghiệp ác là : sát sanh, trộm cắp và tà dâm; cái khẩu không nói lời ác là : vọng ngôn khi ngữ, lưỡng thiệt và ác khẩu; các ý chẳng niệm điều ác là : Tham lam, sân hận và si mê. Với khi hành động,, lúc yên nghĩ, đều chỉ một niềm tinh tịnh, gặp sự gì cũng không bạo động tàn ngược, nên gọi là thuần hòa.

Bất nhiễm thế duyên: Nhiễm : nhuộm, dơ. Thế duyên, tức là các : ngũ dục (tiền của, sắc đẹp, danh vọng, an sang, ngũ sướng), sáu trần (sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp) sanh và diệt. Đối với sáu trần, thì, sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý), nó thường ưa sanh ra gây nhiều tội lỗi, nên phải cấm, giữ lấy phạm hạnh là hạnh kiểm thanh tịnh, mà dứt hẳn những điều tập quán tham nhiễm để ngăn dứt cái nghiệp nhân của thân khẩu ý, nên gọi là bất nhiễm.

Phạm hạnh : cái tâm hạnh trong sạch không ô nhiễm. Nghiêm cấm mà chẳng phạm gọi là giới. Trần nghiệp tức là thế duyên. Xâm : lấn tồn, nhiễu nhương. Lòng tin thành gìn giữ, là nghiêm hộ. Vì nghiêm chính, nên khiến người kính nể, là UY. Vì hạnh vuông vức (đúng đắn), khiến người khác noi gương lấy mực, là nghi. Chính rằng cái cách thức hay gương mẫu để làm chánh đạo.

Cấm giới : mười điều răn của Sai di và các giới của Bí xu, Bí xu ni, thức xoa ma na; lại, trong giới Bí xu đủ có 3000 uy nghi, tám vạn hạnh vi tế.

Quyên phi : các loài trùng rất nhỏ mà có tánh cách biết hay như : muỗi, mòng v.v... vô tồn : Tức chẳng nở giết hại, rằng : với các loài chỉ biết bò biết bay mà thân mạng nó rất nhỏ, nhà tu sĩ còn thường phải năng thương giữ hộ thay, huống chi với tất cả vật có sanh mạng lớn ư ?

Bất phùng bát nạn, bất khuyết tứ duyên, bát nhã trí dĩ hiện tiền, bồ đề tâm nhi bất thoái; tu tập chánh pháp, liễu ngộ đại thừa, khai lục độ chi hạnh môn, việt tam kỳ chi kiếp hải :

Chẳng gặp tám nạn, không thiếu bốn duyên, trí bát nhã hiện tức thời, lòng bồ đề không lui sụt; học tu chánh pháp, rõ chứng đại thừa, mở cửa hạnh sáu độ, vượt kiếp lớn ba kỳ.

Đây là ngoài thì phụ giúp, trong thì tự đầy đủ về công viên tu thì quả mới viên chứng đặng.

Với điển bát nạn sẽ chỉ rõ ra cái biểu đồ sau kia, vì tám chỗ ấy vẫn chẳng được gặp Tam Bảo nên nói là nạn : Bị chướng ngại !

Tứ duyên có hai điển : 1/ duyên thấy, duyên nghe, duyên hộ pháp, và có cái duyên để phát tâm; vì bốn cái duyên ấy đều hay để giúp ích cho cội bồ đề được tăng trưởng. 2/ có bốn cái duyên về bốn sự ; y phục, ngộ cụ, ẩm thực, và thang dược đó là những dưỡng liệu bên ngoài để giúp cho sắc thân đủ sức khỏe để giúp bên trong phát khởi tiến triển, nghĩa là : Ngoài nhờ sự, sống bằng bốn duyên, trong đầy trí khôn của bát nhã. Hễ trí bát nhã đã sáng suốt, thì tâm bồ đề tự nhiên tăng tiến chứ không lui, hằng giữ tu chánh pháp, mỗi ngày nâng cao giáo thừa lên.

Đại thừa là : Nhứt Phật thừa. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Phật nói rằng : chỉ có pháp nhứt thừa là đúng, còn hai thừa kia là nhị thừa, tam thừa đều là phi chơn. Vì là pháp phương tiện, bởi tạm quyền nhứt thời chi dụng, chớ phi cứu cánh.

Lục độ : Ta tu pháp bồ thí là để độ cái tánh tham lam bòn rít của ta, tu pháp trì giới là để độ cái tánh (tật, nghiệp) phá trai phạm giới ; tu pháp nhẫn nhục để độ cái tánh sân nhuế phân hận; tu pháp tinh tiến để sửa chữa cái tật trễ nãi; tu pháp thiền định là để cải biến các nghiệp tán tâm loạn tưởng ; tu pháp trí huệ là để độ lành cái bệnh ngu si của ta. Chữ Việt là Vượt bồng qua.

A tăng kỳ : Phạm ngữ là : “Asamkhya” theo lớp cựu dịch mà ta đọc là a tăng kỳ, dịch chữ : vô số, nghĩa : Nhiều vô số kể. Lớp tân dịch mà ta đọc là a tăng sí da, phạm ngữ là : “A Sanikhyeya” dịch chữ : Vô ương số, “vô ương” cũng như “vô lượng” nghĩa như trên. Trí độ luận chép là : a tăng kỳ dịch là vô số, sách Huyền úng âm nghĩa cuốn 24 chép là : A Tăng sí da, dịch là vô ương số, a tăng kỳ là con số cực lớn của toán học xưa ở Ấn độ : Dùng muôn lần làm một số ức; muôn lần ức làm một số triệu mãi như thế bội bội tính lên, thì một a tăng kỳ kể có : một ngàn, muôn muôn muôn muôn triệu.

Như bên Tạng giáo : Mang nghiệp chịu sanh trải qua ba a tăng kỳ kiếp tức là vô số kiếp tu hành theo đạo nghiệp của Bồ Tát làm những hạnh khô mà người đời chưa làm được, Bồ Tát tu nhiều kiếp như thế kia, để hành lắm việc khó làm như thế nọ mới chứng đắc quả vô thượng là Phật.

Nay đây, bên Viên giáo : Trộn phần thành lập bản chương trình tu nhơn chứng quả cho chúng sanh, đến bậc tứ địa mà với phần quả địa rồi là trộn phần nhơn chơn tu, để trộn phần dứt vọng hoặc, với lý thì chúng ngộ không sai, nên nói là vượt tam kỳ kiếp hải. (quả địa, là : Y theo vị trí nơi “Nhơn” nào để tu hành, thì đắc cái địa vị chúng ngộ về pháp gì là kết quả nấy ; cả 3 thừa đều có quả địa khác nhau, giữa Thịnh văn thừa lại còn có bốn quả riêng biệt. Kinh Lăng Nghiêm chép : chỗ nhơn địa phát tâm là đồng hay là dị nhau với chỗ quả địa giác. Trên cuốn thứ sáu, sách Huyền ứng chép : Quả địa đã tròn tốt rồi, thì chẳng còn nhơn vị.

Kiến pháp tràng u xứ xứ, phá nghi võng u trùng trùng, hàng phục chúng ma, thiệu long Tam bảo; thừa sự thập phương chư Phật, vô hữu bì lao, tu học nhưt thế pháp môn, tất giai thông đạt; quảng tác phước huệ, phổ lợi trần sa; đắc lục chủng chi thần thông, viên nhưt sanh chi Phật quả.

Dựng cờ chánh pháp khắp nơi nơi, xé lưới tà nghi luôn lớp lớp, dẹp thẳng bốn quân Ma, tiếp rân ba ngôi báu ; vâng thờ mười phương chư Phật không biết nhọc nhằn, tu học tất cả pháp môn thấy đều thông suốt ; rộng ra làm đủ phước đức và trí tuệ, để lan khắp lợi cho nhiều chúng lăm loài; đều đắc phép thần đủ sáu món đồng tròn quả Phật ngay một đời,

Đoạn đây là : Với trên, cầu đắc pháp màu, với dưới dạy tu chung tròn quả Phật. Dựng cờ chánh pháp là : thuyết pháp độ sanh; kiến : dựng lên ; cờ tức là phướng : cao sáng. Nghĩa : Thí tỷ chánh pháp của Phật rất cao sáng, khiến cho đâu đâu cũng đều trông thấy mà nảy lòng kính tin. Lại nữa, còn nghĩa là tòi tà phụ chánh : Thí tỷ việc thuyết pháp là khiến cho thính giả xả tà quy chánh. Vì có hai nghĩa trên, nên bảo là Pháp tràng (cờ chánh pháp hay là cây phướng). Đi nói pháp khắp pháp giới để tùy theo trình độ của mỗi loại mà tế độ chúng sanh, nên gọi là xứ xứ (nơi nơi).

Chúng Ma : Ma nó hay cướp đoạt cái mạng của kẻ tu hành chánh đạo. Phạm ngữ là Ma ra, dịch nghĩa là : hay cướp mạng, làm chướng ngại, làm rối rắm, làm phá hoại, làm não hại. Đức chúa trời ở cõi trời thứ sáu của Dục giới là Ma vương quyền thuộc của ông là dana Ma, người Ma. Các kinh luận của cựu dịch viết bằng chữ Ma là mùi. Lương Vũ Đế đem chữ Quỷ thay vì chữ Thạch thành ra chữ Ma là ma quỷ. Nay xét : Chữ Ma, bằng bộ thạch là đúng theo danh từ đọc đủ tiếng phạm là Ma, ra, vì dịch âm chữ đầu phải dịch nghĩa ; còn Vũ đế thay, chữ Quỷ vào thành chữ Ma bằng bộ Quỷ, là dùng theo nghĩa rằng nó hay phá hoại cướp hại mạng người tu.

Ma có bốn thứ :

1/ phiền não ma, vì các điều phiền não là tham, sân, si, mạn, nghi v.v.. Nó hay làm tổn thương não hại nơi thân tâm, nên bảo là Ma.

2/ Âm ma. Lại kêu rằng ngũ chúng ma, tan dịch là uẩn ma, vì năm món sắc, thụ, tướng, hành, thức nó hay sanh ra mỗi mỗi điều khổ não nữa, nên gọi là ma.

3/ Tử ma : Vì cái chết nó hay dứt dứt cái căn (gân máu) sanh mạng của người nên nói nó là Ma.

4/ Tha hóa tự tại thiên tử ma, tân dịch rằng tự tại thiên tử ma : Đức Chúa Trời Ba Vương tên là Ba Tuân ở tầng trời thứ sáu (tức là trời tha hóa tự tại cõi Dục giới. Trời ba tuần đây chính là nghĩa của chữ Ma Ra. Còn Tử Ma mới thật là đoạt mạng. Thấy trí độ luận và nghĩa lâm dương đồng nói như thế. Mà Bồ Tát hay dùng sức trí huệ để chiến thắng tất cả Ma quân, La hán cũng có một nghĩa là sát tặc : giết cả sáu giặc.

Lục thần thông : Thần : chẳng thể xét lường được, như thần kỳ, thần diệu, nghĩa là lạ lùng lắm : thông : Suốt không chi ngăn ngại. Các thánh trong ba thừa đắc sáu món trí huệ rất tự tại rất thần diệu chẳng thể xét lường, không chi làm trở ngại, nên gọi sáu phép thần thông :

1/ Thần túc thông : Đắc phép thông lực, lội đi qua lại rất tự tại núi sông không làm trở ngại. 2/ Thiên nhãn thông : Đắc con mắt trời sắc giới, chiếu lâu không ngại 3/ Thiên nhĩ thông : đắc lỗ tai trời sắc giới, nghe suốt không ngại, 4/ Tha tâm thông : Biết tất cả nghề nghiệp. Từ nhiều đời trước của ta và chúng sanh đều không ngại. Với năm thông trên, đều do tu pháp thần hữu lậu hoặc nương nơi sự thuộc. Sức thần chú mà chứng đặng, nên các người tu tiên bên ngoại đạo cũng có thể chứng được, cả năm ấy đều gọi là trí chứng thông nữa, là : Bởi y nơi trí mà chứng được thông lực ấy trong Cu xá luận chép như thế. Sáu lậu tận thông : Tu pháp tam thừa tiến ngàn ngại. Duy có các thánh tam thừa mới chứng được cái thông này mà thôi, chứ trời, tiên ngoại đạo đều chẳng có, vì tâm phiền não hãy còn !

lại chia 3 hạng : 1/ Báo đắc thông : Các ông trời ở ba giới đều có năm phép thần thông; nhữn đên quý, thần cũng có một hai thông, vì thần thông ấy đều nương nơi quả báo nên nay cảm đặng bằng cách tự nhiên. 2/ Tu đắc thông lực : Nguyên các thánh trong tam thừa do tu pháp tam học mà đắc lực thần thông; người tiên bên ngoại đạo do tu thiên định mà hiện đặng năm

phép thần thông, biến hóa thông lực. Các thánh trong tam thừa dùng sức thần thông để biến hóa ra mỗi mỗi phép thần. Lại, chư Phật, Bồ Tát, duyên giác, thánh văn và ngoại đạo tiên non do tu đắc thì đều gọi là “thần thông”, mặc dầu khác nhau bằng năm thông sáu thông : còn những thông lực của các loại : Thần, Quỷ, Chồn Cáo sở đắc đó, thì đều gọi là “Nghịch thông”, vì các loại ấy do nơi nghiệp lực mà đắc thông.

Thành quả Phật ngay một đời : tức là bực Đẳng giác ngôi nhứt sanh bồ xứ ; từ ngôi đây phát khởi ra cái tánh trí kim cang để chiếu phá hết một phần sanh tướng vô minh, tức là bực Diệu giác Cực quả, để chứng cái tánh tâm viên mãn pháp giới.

Nhiên hậu bất xả pháp giới, biến nhập trần lao, đẳng quan âm chi từ tâm, hành phổ hiền chi nguyện hải ; tha phương thử giới trực lại tùy hình, ứng hiện sắc thân, diễn dương diệu pháp :

Sau này, chẳng rời tánh pháp giới, khắp vào cõi trần lao, đồng với lòng từ của đức Quan Âm, làm cả biểu nguyện của đức Phổ Hiền; cõi này phương nọ, theo loại hiện tình, để ứng hiện sắc thân, dựng diễn nêu pháp nhiệm.

Đoạn này là nói : Sau khi chứng quả, tùy theo căn cơ của chúng sanh, để phổ hiện hóa thân ra mà thuyết pháp dạy tu.

Nhiên hậu là lời thừa tiếp đoạn trên, phát khởi xuống đoạn dưới.

Tánh pháp giới, là cái danh thủ đô của nhứt tâm, cũng chỗ qui thú của vạn pháp. Số là, tự tâm đã thanh tịnh, thì thể nó khắp trùm mười phương, nên chi chẳng rời cái tâm pháp giới của Phật quả, mà vẫn khắp vào những cảnh trần lao giữa lục đạo. Như : Đức Quán Thế Âm có ba mươi hai ứng thân để thị hiện khắp nơi các cửa nhà đó lại như đức Phổ Hiền có nguyện lớn sâu như biển cả vô cùng, lan khắp pháp giới để làm lợi ích chúng sanh, vì cũng hóa hiện ra nhiều thân hình bằng cách tùy theo các cơ cảm, để thuyết đủ pháp mầu.

Hỏi : Ứng thân có đồng hay không đồng nhau với hóa thân ?

Đáp : cứ theo kinh Đồng tánh và Kinh Kim Quang Minh, thì : Ngoài ứng thân, có thành lập ra hóa thân nữa, thể là hai thân ấy sai khác nhau. Luận khởi Tín thì với ngoài ứng thân, không thành lập hóa thân nữa. Đến như các

bộ Duy thức luận, Pháp hoa luận, thì ngoài hóa thân, chẳng thành lập ứng thân. Thế thì Hóa thân tức là ứng thân.

Nê Lê khổ thú, ngạ quỷ đạo trung, hoặc phóng đại quang minh, hoặc hiện chư thần biến : Kỳ hữu kiến ngã tướng, nữ chí văn ngã danh, giai phát bồ đề tâm, vĩnh xuất luân hồi khổ :

Với cảnh địa ngục khổ, trong đường Ma quỷ đói, hoặc buông ra ánh chiếu sáng lớn, hoặc hiện phép thần biến hóa nhiều : Những chúng thấy cái tướng tôi, nhãn đến nghe danh tôi, đều dấy lòng bồ đề, ra khỏi khổ luân hồi.

Đây nói cứu khổ cho ba ác đạo bằng cách tổng quát : Nê Lê tức là địa ngục đạo, vì bị tội khổ hành chịu không phút nào ngừng ! Chúng sanh trong giới ngạ quỷ giờ chịu mãi cái tội khổ đói khát !

Giữa súc sanh đạo : thì lại thường ăn tươi nuốt sống lẫn nhau, như kiến ăn cá cá ăn kiến, rắn nuốt nhái, loài lớn ăn loài nhỏ, thứ mạnh ăn thứ yếu v.v...những chúng sanh trong ba đường ấy là hạng chịu cực kỳ thống khổ !

Nay đây các Bồ Tát sau khi đắc quả rồi, hoặc phóng hào quang chiếu đến khiến cho chúng kia được giải thoát ! hoặc hiện thần biến tướng ra khiến cho chúng nọ sanh tâm kính tín, để cùng nhau vẫn khỏi cái phổ luân hồi, siêu sanh về nước cực lạc.

Hỏa hoạch băng hà chi địa, biến tác hương lâm, ẩm đồng thực thiết chi đồ, hóa sanh tịnh độ :

Những chỗ vạc lửa hừng, sông giá lạnh, đổi làm rừng thơm : mấy loài ăn sắt nung, uống đồng sôi, hóa sanh cõi tịnh.

Trên kia nói bằng cách tổng quát ; giờ đây nói bằng cách riêng biệt : để hóa độ các sở địa ngục.

Vạc lửa, là : tám sở địa ngục nóng. Sông giá, là : tám chỗ địa ngục lạnh. Nay đều nương ánh từ quang chiếu đến thấy cả liền hóa thành cảnh tịnh độ.

Phi mao đới giác, phụ trái hàm oan, tận bãi tân toan, hàm triêm lợi lạc.

Các loại : mang lông đội sừng, thiếu nợ ngậm hòn, đều thôi những khổ đắng cay, đồng hưởng lãm vui lợi ích.

Đây cũng nói riêng biệt cảm hóa về súc loại ; nay chỉ nói một loài tẩu thú là để gồm thâu hết tất cả các loài súc sanh ở : trên không, mặt đất, và dưới nước rồi.

Thiếu nợ ngậm hờn, là : Súc sanh đều chuyên lấy sự ăn nuốt lẫn nhau đó, là cũng cốt vì để đền trả lại cái thiếu nợ bằng cách ăn thịt nó từ kiếp trước, nên kiếp này phải bồi thường túc trái bằng cách để cho nó ăn thịt lại mà trừ, kêu rằng : tham tha nhứt luyện luyện hườn tha, nghĩa là kiếp trước ta ăn một miếng thịt của nó, thì đời nay phải trả lại cho nó ăn một miếng thịt của ta. Nhưng chúng ta đương bị cái hôn mê giữa thân này cách với thân trước, nên ám muội mà không thấy biết gì được ! chứ nếu chúng được cái tri túc mạng thông, thì tự phá tan cái mù hôn mê tức thấy biết được những việc mấy đời trước như việc trong giấc nằm mộng và lúc đã thức dậy ; với sự gì từ bữa hôm qua.... Và hôm nay vậy thôi.

Lại nữa, chúng sanh giữa lục đạo, đều có túc trái, đời đời cứ kết dây oan trái với nhau mãi chẳng thôi như thế kia, nay đều thôi dứt hết những điều cay đắng, và cùng nhuần thấm lợi ích yên vui giải thoát.

Tật dịch thể nhi hiện vi dược thảo, cứu liệu trầm kha, cơ cần thời nhị hóa tác đạo lượng tế chư bản nổi :

Với thời có tai tật dịch, hiện ra làm thuốc men để cứu lành bệnh trầm kha; với cơn xảy nạn đói ngu, hóa ra làm lúa bắp, để giúp yên vùng bản nổi.

Đây là đức Từ hóa hiện ra để cứu khổ tai nạn Thân nướm điều dữ nổi lên là nghĩa chữ Tật; cái tật ấy nó quá lắm, là nghĩa chữ Bệnh. Loài Quỷ nó hay thừa dịp có khí độc để làm cơn ôn hoàng dịch lệ. Dân chúng đều cái tai bệnh ấy, là nghĩa chữ Dịch tả. Trị cái chứng bệnh ấy lành là nghĩa chữ Liệu. Trầm kha là bệnh rất trầm trọng. Không lúa thóc là nghĩa chữ Cơ; không cải rau là nghĩa chữ Cần. Lúa hột còn ở ngoài ruộng là nghĩa chữ Đạo ; đã thâu hoạch về nhà vừa là nghĩa chữ Cốc. Thóc ra trâu rồi là nghĩa chữ Mễ chữ Lương là thứ bắp cao giàn. Chung gọi thì có sáu giống thóc, là : Đạo, lượng, thực, mạch, thử, tấc.

Nổi : đói, với các điều tai hại như nạn tật dịch nạn cơ cần, thì trong bốn phương thiên hạ không chỗ này tất chỗ nợ thường thường có xảy ra đều bởi chúng sanh đồng tạo một thứ nghiệp từ đời trước mà nay đến ngày giờ đủ điều kiện gây nên.

Còn nếu như tiểu tam tai của kiếp giảm kia : đến cái thời nó nổi thì cùng khắp cả trái đất, loài người đều bị tai ấy, là bởi những chúng sanh đồng nghiệp đã tạo phần nhiều ác ấy.

Tiểu tam tai – Trong một kiếp trụ, có hai chục lần tăng giảm như hai chục tiểu kiếp cái mà nó nổi lên ở phần rốt kiếp giảm đó gọi là tiểu tam tai :

1/ Đao binh tai, vì loài người bấy giờ làm nhiều điều phi pháp, tâm sân độc càng thanh, hễ vừa thấy nhau là liền dấy cái lòng tàn hại rất mãnh liệt, nên tùy theo tay cầm vật gì thì nó liền hóa thành gươm đao, nghĩa là tùy ý người muốn chi là nó hóa nấy, đặng để mà tàn sát lẫn nhau.

2/ Tật dịch tai, vì loài người bấy giờ cũng gây các điều tội ác như trên, nên ai ai cũng thở cái độc khí ác nộ ấy ra như khói un cùng khắp, các loài ôn hoàng lợi dụng những hơi độc đó đem đi làm tật dịch mỗi nơi hễ ai xông đụng độc khí bị quỷ hành đó, thì thở tả chết liền. 3/ cơ cấn tai, vì thoi nhọn cũng bởi lòng ác nghiệt như trên đó, nên các vị thiên long không điều khiển chùng mực, thành thử mưa gió nắng tạnh không điều hòa, mùa màng thất lợi, thế gian bị đói lâu, nên phần nhiều bị mạng chung.

Cu Xá Luận cuốn 12 nói : từ lúc mà các chúng sanh do thân khẩu ý dấy đủ mười ác nghiệp, lần lần lại càng tăng trưởng đến bậc thập ác hạng nặng ; bấy giờ loài ở châu diêm phù này tuổi sống giảm giảm lần lần mãi đến cái thời mà mỗi người chỉ còn mười tuổi là trọn đời, thì có cái tiểu tam tai hiện ra. Tiểu tam tai ấy nó hiện vào khoản rốt kiếp trụ. Đao binh tai lưu hành chỉ có bảy ngày đêm ; tật dịch tai lưu hành bảy tháng ngày : cơ cấn tai lưu hành bảy năm bảy tháng bảy ngày. Qua khỏi là hết kiếp trụ.

Đối với cái thời tật dịch, cơ cấn ấy, lòng từ bi bắt buộc, nên các Bồ Tát hoặc hiện ra làm các thứ dược thảo, đem cứu khắp nơi lành bệnh trăm kha; hoặc biến hóa làm các lúa bắp, để giúp đỡ cả vùng cơ cấn, sau rồi cảm hóa chúng vào đạo Phật.

---o0o---

CUỐI KIẾP GIẢM TIỂU TAM TAI

Tuổi sống người giảm xuống

Chỉ còn 30 tuổi là mãn đời, thân lượn dài còn 3 thước, bấy giờ có cơ cấn tai nổi lên suốt bảy năm đại hạn

Chỉ còn 20 tuổi là mãn đời, thân lượng dài còn 2 thước, bảy giờ có tật dịch tai nổi lên suốt bảy tháng mới dứt.

Chỉ còn 10 tuổi là trọn đời, thân dài còn chỉ 1 thước, có đao binh tai nổi lên luôn 7 ngày mới chấm dứt.

Đản hữu lợi ích, vô bất hưng sùng :

Hễ việc làm mà có ích cho người lẫn ta, thì đâu chẳng chán hưng sùng bái.

Đây kết thúc về chỗ rộng ra đây làm việc Phật. Sùng cao, chủ : Số là tu theo bực nhị thừa thì, trí thức chỉ lệch mạnh về phần tự lợi, mà yếu sút về phần lợi tha, nên chỉ các nhà tu sĩ bên nhị thừa thường ưa trốn tránh cảnh ôn áo, để ngắm xem chón vắng lặng. Trái lại, người hành Bồ Tát đạo chẳng phải thế : bởi cơ quan đại tác dụng không ngăn ngại, vì đối với việc chí, cảnh ngộ trường hợp nào hễ có ích lợi cho người lẫn ta, thì đâu chẳng tiến tới mau lên ra công tác ư ?

Thứ kỳ lủy thế oan thân, hiển tồn quyền thuộc : xuất tứ sanh chi cốt một, xả vạn kiếp chi ái triền, đặng dữ hàm sanh, tề thành Phật đạo.

Kế đó, nguyện cho kẻ thân người thù từ lăm kiếp, và những đáng quen thuộc hiện còn : đều lên khỏi cái khổ chìm nổi tứ sanh, đồng dứt buông cái dây ái ân vùng vạn kiếp, cả đến mọi loài, chung thành Phật đạo.

Đây lại phát ra cái nguyện bình đẳng. Lủy là chồng chất. Thứ kỳ là lời thừa tiếp vắn trên để lập lại đây xuống vắn dưới. Cốt một là vừa nổi vừa chìm mà người ta gọi là giả gạo, tùy theo mực nước cạn sâu, mà trôi lên hụp xuống có mau chậm. Hàm sanh : phạm là loài có thể cục cựa nhúc nhích được đó là chúng nó đều có linh thức và tánh biết của nó ; đã tánh biết thì đều có thể có ngày nó hồi đầu lại để tự tỏ ngộ bản tánh Phật của nó. Số là :

Từ kiếp vô thủy (không đầu, là không biết đầu từ đâu ?) từ thuở có sanh loài người lại nay, tất cả người thân thuộc, kẻ oai gia, đều chìm nổi cũng như đầu vào tròn ra nơi bể tứ sanh là : Noãn, Thai, Thấp, Hóa, từ tình ái này đến tình ái nọ, cứ thế vắn vương riết chặt với nhau mãi trong cuồng tư vô hình là sanh tử vạn kiếp ; nay ta nguyện cho tất cả chúng hữu tình kia với chúng ta đây đồng thành Phật đạo.

Hư không hữu tận, ngã nguyện vô cùng, tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí :

Cõi hư không có hết, lòng nguyện tôi chẳng cùng, chúng hữu tình và chúng vô tình, đồng tròn giống trí Phật.

Bốn câu chót đây là kết thúc về tâm nguyện vô cùng vô tận.

Tình tức là loài có tình thức, cả chánh báo chúng sanh ; vô tình tức là phần vô tri vô giác cả cõi y báo thế giới.

Giống trí là giống Phật tánh ; nguyện nó là căn bản thật trí; từ một niệm trái với chơn đó, thì toàn thể giống trí ấy nó biến thành ra cái vọng niệm, nếu biết quay đầu khiến chơn tánh tự sáng tỏ lại, thì toàn thể vọng niệm vô minh vẫn là giống trí Phật.

Hỏi : Với nghĩa rằng hữu tình thành Phật thì, tôi có thể biết được; còn chúng vô tình thì, làm gì cũng thành Phật ư ?

Đáp : Y báo là quốc thổ, chánh báo là căn thân, đều do nơi nhứt tâm tạo tác ra. Kinh Lăng Nghiêm nói : tướng trùng thành quốc thổ, tri giác nãi chúng sanh : phần tư tướng nếu không hoạt động nữa mà ngưng lỏng lại thì nó thành ra quốc thổ, là những vật vô tri vô giác; còn phần mà vẫn còn hoạt động, tri giác thì, nó thành ra chúng sanh, là những chúng có cảm tình tri thức. Thế biết rằng : hễ khi mà nhứt niệm mê, thì chánh báo nó cách ngại nhau với y báo; còn lúc mà nhứt niệm giác, thì thân căn lẫn rỗng nhau với quốc thổ. Lý do là hễ tâm niệm thanh tịnh tất nhiên Phật thổ tự thành tịnh; một bằng chứng hiển nhiên này nữa : hễ tâm của nhơn loại đều thanh tịnh, thì quốc thổ cũng đều bình tịnh yên vui; còn khi mà tâm loài người đồng bạo động chiến tranh, thì quốc thổ cũng đồng uế ác loạn khổ. Vậy biết : hễ nhơn sanh mà được vui hay bị khổ, là bởi nhơn tâm thiện tịnh hay ác động, mà đến nước nhà cây cỏ cũng chịu ảnh hưởng chung số phận. Thế thì, niệm mê niệm ngộ tự tâm, thì ra, với giữa vạn hữu vũ trụ, tùy ý bốc lên một cái gì đó nó đâu chẳng phải là cái của thanh tịnh diệu tâm, vì hễ còn tướng trùng tức quốc độ, hết tướng trùng tức tri giác. Nên bên cực lạc tịnh độ : nước, chim, cây, rừng...đều thường ngày hằng giờ vẫn đồng thuyết pháp vì loài người bên ấy đều đồng giác ngộ rồi, nên quốc độ tức chúng sinh, chúng sanh tức quốc độ, cũng như nói : cảnh tức tâm, tâm tức cảnh cho nên nói tình dữ vô tình đồng viên chủng trí.

Chương 6: THẬP NGUYỆN PHỔ HIỀN - PHỤ CHÚ THÍCH - TAM QUY

MƯỜI NGUYỆN LỚN NHẤT CỦA ĐỨC PHỔ HIỀN BỒ TÁT

Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện chép rằng: “lúc bảy giờ, đức Phổ Hiền Bồ Tát ma ha tát, sau khi xưng tụng công đức tối thắng của Phật rồi, rao bảo cùng các đức Bồ Tát và thiện tài rằng: thiện nam tử! đối với công đức của Như lai, ví dầu tát cả chư Phật ở mười phương, trải qua nhiều kiếp bằng số “bất khả thuyết, bất khả thuyết Phật sát cực vi trần” để tiếp tục nhau nói mãi đi nữa, cũng chẳng thể nói công đức ấy! Nếu người muốn trọn nên công đức đó, thì chỉ nên tu mười thứ hạnh nguyện rộng lớn như sau v.v...

Lại sau mười nguyện có bài nói rằng: nếu có thiện nam tín nữ, lấy cả bảy thứ quý báu nhất, tốt đẹp nhất đầy nhẩy trên tất cả thế giới ở mười phương bằng số “vô lượng vô biên bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần” và lấy cái phước tối thắng an lạc của loài người, loài trời đều đem ra bố thí cho chư Phật, Bồ Tát bằng số bảy nhiều tất cả thế giới, mà bố thí luôn trải qua nhiều kiếp bằng số. Bảy nhiều “Phật sát cực vi trần” vẫn tiếp tục bố thí mãi không ngớt, người thí chủ ấy sở đắc công đức nhiều quá sức tưởng tượng như thế kia, cũng chẳng bằng công đức như thế này:

Đối với mười nguyện chú ấy, nếu có người chỉ một phen nghe lọt vào tai, mà sở đắc công đức quá ư rất nhiều, đến vô số kể. Dem so với trên thì công đức của bố thí kia, chẳng kịp một phần trăm, chẳng kịp một phần ngàn...nhấn đến cũng chẳng kịp một phần ưu ba ni sa đà.

Hoặc lại có người đối với nguyện lớn ấy, đem cái tâm tin sâu, để thụ trì đọc tụng, nhấn đến viết chép ít nhất là một bài kệ bằng bốn câu, thì chóng dứt trừ được cái tội nghiệp của địa ngục ngũ vô gián, ngoài ra với hết thảy các chứng bệnh, mọi điều chướng nạn đâu chẳng trừ diệt rảo (bài kệ bốn câu, là tức như: “sở hữu thập phương thế giới trung, tam thế nhất thế như sư tử, ngã dĩ thanh tịnh thân ngữ ý, nhất thế biến lễ tận vô dư vv.v....)

Lại nói: chỉ có nguyện vương (vua nguyện; nguyện lớn nhất) đây, chẳng rời bỏ nhau với người xấp xỉ thân qua đời, với mỗi giờ phút, nguyện ấy nó dẫn đường đi trước, chỉ trong một sát na, người được liền sanh qua thế giới cực lạc; tới rồi, liền được yết kiến đức A Di Đà Phật, và các đức; Văn

Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí cả đến các đức Đại Bồ Tát, ngài nào cũng đủ sắc tướng đoan nghiêm.

“Lại tự thấy thân mình trong hoa sen sanh ra, nhờ Phật thụ ký, từ đây về sau trải lâu vô số kiếp, đi khắp giáp thập phương thế giới để làm việc ích lợi cho chúng sanh. Người ấy chẳng bao lâu nữa, sẽ ngồi chón đạo tràng, thành quả đẳng chánh giác, chuyển diệu pháp luân, kêu là thuyết pháp độ sanh” mười nguyện chúa như dưới đây:

---o0o---

Nhứt giả lễ kính chư Phật:

Nguyện thứ nhứt đây là “kính lạy các đức Phật”

Bồn văn (là nguyên văn phẩm hạnh nguyện kinh Hoa Nghiêm) nói: rằng kính lạy các đức Phật đó, là có những bao hết cõi pháp, cõi hư không, trong đó, cả mười phương ba đời các đức Phật Thế Tôn bằng số “nhứt thế Phật sát cực vi trần: tất cả cõi Phật nhiều như những hạt bụi cực nhỏ”, nay tôi nhen theo danh nghĩa nguyện lực của đức Phổ Hiền, đem lòng rất thâm thiết tin hiểu, trông chư Phật như đối trước mắt, hấn dùng ba nghiệp thân khẩu ý đều thanh tịnh, để được thường tu việc kính lạy. Nghĩa là: đối với mỗi mỗi đức Phật đều hiện ra nhiều mỗi mỗi thân bằng số “bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần”; mỗi mỗi thân khắp lạy chư Phật nhiều bằng số “bất khả thuyết Phật sát cực vi trần”, cứ vẫn tu lạy như thế, chừng nào cõi hư không hết, tu lạy của tôi mới hết, còn như cõi hư không chẳng hết, thì tu kính lạy của tôi đây cũng không có lúc nào cùng tận, cũng như thế: bao giờ cõi chúng sanh hết, nghiệp chúng sanh hết, phiền não của chúng sanh hết, thì chừng đó cái tu nguyện lạy của tôi mới hết mà nếu như thế giới của chúng sanh chưa hết, thì cái nguyện lễ kính của tôi đây cũng chưa có cùng tận. Với lòng tin tưởng lạy Phật đây, mỗi niệm liền nhau không hề gián đoạn cả đến ba nghiệp là ý tưởng, miệng xưng, thân lạy vẫn không nhàm chán.

Lễ: noi theo, hay thể theo, để thật hành cái nguyện kính lễ. Nghĩa là khi lễ kính, ta phải mỗi niệm đưa lòng tưởng, xét đi sâu vào cái thể pháp giới, mới gọi là chơn lễ. Lại nữa, ta là bên năng lễ năng kính, còn chư Phật là bên sở lễ sở kính. Năng lễ năng kính là thuộc về tâm, sở lễ sở kính là thuộc về cảnh chư Phật bị ta lạy là sở lễ. Mà năng lễ sở lễ cái tánh nó vẫn đều vắng trống, thì ra, hiện tiền đây, thân tâm của ta dù là thứ giả dối, chứ cái tánh năng lễ sở lễ nó không hề hư vọng, vì là thể nó trống vắng, mà tánh nó đồng một thể viên mãn với thân tâm của chư Phật. Tỷ như cái không này nhập

chung với cái không kia, lẽ cảm ứng lẫn nhau bằng cách viên mãn dung vô ngại, bất khả tư nghì, thế mới chánh rằng chân lẽ.

---o0o---

Nhị giả xưng tán Như lai

Nguyện thứ hai là khen kính đức Như Lai

Bổn văn chép rằng xưng tán Như lai như thế này: có những bao nhiêu tội hết cõi pháp, cõi hư không, ngang giáp mười phương, dọc suốt ba đời, tất cả cõi nước, trong đó có những bao nhiêu mảy trần nhỏ nhứt, trong mỗi mỗi mảy trần đều có các đức Phật nhiều bằng những số mảy trần nhỏ nhứt giữa tất cả thế gian; những chỗ của mỗi mỗi đức Phật, đều có hàng cả biển hội Bồ Tát đoanh vây bao vòng nơi mỗi Phật. Tôi sẽ trọn dùng cái sức thấy biết hiện tiền rất sâu biền hơn, đều dùng hiện ra cuống lưỡi hơn cuống lưỡi vi diệu của biện tài thiện nữ, mỗi mỗi cuống lưỡi đều thốt ra vô cùng biển âm thanh, mỗi một âm thanh thuyết ra tất cả biển ngôn từ, để tỏ bày khen ngợi các biển công đức của tất cả Như lai, tán dương như thế tội qua đời vị lai, cũng vẫn tiếp tục khen ngợi mãi chẳng dứt, cùng cả cõi pháp, đâu chẳng khắp giáp đến để xưng dương tán thán. Cứ khen tặng như thế luôn, chừng nào cõi hư không hết, cõi chúng sanh hết, nghiệp chúng sanh hết, phiền não của chúng sanh hết, thì bấy giờ cái nguyện xưng tán của tôi mới hết. Nếu cõi hư không...cho đến các phiền não của chúng sanh chưa hết, thì cái nguyện tán thán của tôi cũng không bao giờ hết. Mỗi niệm nói nhau chẳng dứt, ba nghiệp là thân, khẩu, ý thường tu tán thán hoài không biết nhàm mỏi.

Đối với Phật đủ công đức bất khả tư nghì, người tu nguyện xưng tán...ít nhứt một lời để khâm khen, thì công đức của người ấy, còn chắc sẽ thành Phật thay, huống chi là người thường thường tu những lời xưng tán.

Kính Pháp Hoa chép lời Phật dạy: “Hoặc đem tâm hoan hỷ, để xưng tụng công đức của Phật, như ca ngâm hay xưng tán. Những người ca tán để khen Phật với giọng cao hay trung bình, cùng ít nhứt là một tiếng nhỏ, những người ấy đều đã đương, sẽ được thành Phật đạo “.

---o0o---

Tam giả quảng tu cúng dường

Thứ ba là nguyện “tu rộng làm việc cúng dâng

Bồn văn chép “rằng: quảng tu cúng dường là rộng cùng tột hết cõi pháp, cõi hư không, ngang giáp mười phương, dọc suốt ba đời, trong tất cả cõi Phật nhiều như những hạt bụi vi trần, mỗi một hạt bụi, đều có chư Phật rất nhiều bằng số hạt bụi vi trần giữa tất cả thế giới, mỗi một chỗ Phật có nhiều biển hội Bồ Tát bao quanh Phật, tôi như danh lấy sức hạnh nguyện đức Phổ Hiền, để đầy cái tri kiến hiện tiền tin hiểu thật sâu và dùng các món đồ vật tốt nhất để cúng dường, như là: hoa, tràng bông, âm nhạc trời, tàn lọng trời, y phục trời..., mỗi món đều tốt như mây ùn ùn dương lên; mỗi món hương đều tốt như mây đây, mỗi món lượng bằng núi chúa Tu di; đốt nhiều thứ đèn, như là: “Tô đăng (là đèn một chân có tám ngọn đốt cúng trên bàn Phật, khi tụng thân chú) “Du Đăng” (là đèn thấp bằng dầu của các thứ trái, củ, hạt, ép ra); và đốt đèn bằng các thứ dầu thơm, mỗi ngọn đèn lớn như núi Diệu cao; mỗi ngọn đèn chứa dầu như nước biển lớn. Tôi dùng tất cả các món đồ như thế, để thường làm vật cúng dường”.

Đức Phổ Hiền kêu Thiện Tài bảo: Thiện nam tử! Trong các món cúng dường, duy có “pháp cúng dường” là tối thắng hơn hết. Nghĩa là: giữ đúng như lời Phật dạy mà tu hành là cúng dường; làm ích lợi cho chúng sanh là cúng dường; thâm nạp chúng sanh là cúng dường; siêng tu căn lành; là cúng dường chẳng rời hạnh nghiệp của Bồ Tát tức là pháp cúng dường; chẳng lìa tâm bồ đề tức là pháp cúng dường.

Thiện nam tử! với vô lượng công đức của các món cúng dường như trước kia, đem so với công đức chỉ trong một niệm của pháp cúng dường đây, thì trăm phần công đức kia chẳng bằng một phần công đức này; cho đến: trăm ngàn lần ức, trăm ngàn lần triệu, trăm ngàn lần một phần trăm⁸, trăm ngàn lần một phần ngàn, trăm ngàn lần một phần triệu, trăm ngàn lần một phần tỷ, trăm ngàn lần một phần phần tỷ, trăm ngàn lần một phần phần tỷ, cũng đều chẳng bằng một phần công đức pháp cúng dường. Do có sao?

Bởi vì các đức Như Lai đều tôn trọng pháp; bởi vì tu hành đúng như lời nói mới sản xuất ra chư Phật. Nếu các Bồ Tát cúng dường theo cách thật hành pháp, thì đắc thành tựu cúng dường Như lai. Tu hành như thế mới thật là cúng dường.

Nên với cái nguyện tu cúng dường quảng đại tối thắng này, bao giờ cõi hư không hết, cõi chúng sanh hết, nghiệp chúng sanh hết, phiền não chúng sanh hết, thì cái nguyện tu cúng dường của tôi mới hết; còn nếu cõi hư không...đến phiền não chưa hết, thì cái nguyện tu cúng dường của tôi cũng

chưa hết. Vậy cái nguyện tu cúng dường, mỗi niệm nối nhau không hề gián đoạn, ba nghiệp thân, khẩu, ý, mới không có chán mỏi.

Kinh Pháp Hoa nói “thật cúng dường, là gọi đúng pháp cúng dường Như Lai”. Nếu hay tùy dâng lên một trần nào giữa 6 trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), thì tất cả pháp cũng đều đến tập trung nơi trần, cái đến tập trung như thế là pháp nào cũng chẳng khỏi trần, thì mỗi trần nào mỗi trần nấy cũng đều có thể lẫn khắp với nhau, đó là tu cúng dường bằng lẽ duy tâm, chính tức là pháp cúng dường”.

Lại, Kinh Pháp Hoa nói: “trước Chùa Tháp, tượng Phật bằng cốt báu hay tượng vẽ, mà người có lòng thành kính, đem hương, hoa, tràng phan, bửu cái để cúng dường...người ấy sẽ thấy được nhiều Phật, rồi được thành đạo quả vô thượng.

---o0o---

Tứ giả sám hối nghiệp chướng

Thứ tư là nguyện “sám hối nghiệp chướng”

Bổn văn nói rằng: “Sám hối nghiệp chướng, là Bồ Tát tự nghĩ lại mình như vậy: “Từ vô thủy về thời quá khứ, ta do nơi ý thức đầy động tham lam, sân hận, si mê, rồi miệng thốt, thân hiện hành, tạo tác mười điều ác nghiệp (thân tam: sát, đạo, dâm; Khẩu tứ: vọng ngôn, khi ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu; ý tam: tham, sân, si) dần dần gây nhân ác nhiều đến vô lượng vô biên. Nếu những ác nghiệp ấy có hình tướng thì cả cõi hư không cũng chẳng thể dung chứa hết đặng! Vì ác nghiệp vô hình, vô tướng con người không để ý sợ mà vẫn cứ làm hoài.

Tôi nay đều chuyên lấy ba nghiệp thanh tịnh để khắp đến trước tất cả chư Phật và chư Bồ Tát chúng trong pháp giới nhiều bằng số cực vi trần, mà thành tâm xin sám hối hết thấy những tội ác nghiệp đã lầm lỡ gây từ trước, và thề rằng từ đây về sau không dám tạo ác nữa, để hằng giờ an trụ nơi tịnh giới, lo làm tất cả công đức.

Với cái nguyện tu sám hối như thế, chùng nào cõi hư không này hết, cõi chúng sanh này hết, chúng sanh này hết ác nghiệp, chúng sanh này hết phiền não, thì chùng đó, cái nguyện sám hối của tôi mới hết; mà nếu như cõi hư không này, cho đến chúng sanh này chưa hết phiền não, thì cái nguyện tu sám hối của tôi cũng không cùng tận; mỗi niệm vẫn tu sám hối mãi không hề

gián đoạn, cả thân, khẩu, ý ba nghiệp thường cần tu sám hối luôn, không hề chán nản.

Sám là sám kỳ tiền khiên, nghĩa là rửa sạch, trừ hết tiền khiên; **hối** là hối kỳ hậu quá, nghĩa là ăn năn, kiêng cả hậu quá. Chính rằng: cải thiện lỗi cũ, chẳng tạo lỗi mới. Có ba cách sám hối sẽ thấy rõ ở văn đại sám hối (là văn hồng danh bửu sám nghi thức)

Hối: Riêng về hối có năm cách hối 1/ sám hối, 2/ khuyến thỉnh 3/ tùy hi 4/ Hồi hương 5/ Phát nguyện mà thường gọi là ngũ hối.

Nghiệp có ba: Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp. Ba nghiệp của cái thân là: giết hại, trộm cướp, dâm dục. Bốn nghiệp của cái miệng là: nói láo, nói thêm, nói hai lưỡi, nói thô ác. Ba nghiệp của ý thức là: Tham lam, sân hận, si mê; ấy gọi là thập ác. Trái loại thì bảo là thập thiện. Nay ở đây nói rằng thanh tịnh tám nghiệp là mười điều lành của pháp tánh.

Chướng có ba: Báo chướng, nghiệp chướng, và phiền não chướng, kẻ tu Phật phải biết rằng: nghiệp chướng vẫn vô hình, vô tướng, và tội với phước cũng đều vô chủ. Nghĩa là chẳng như định riêng có ông nào làm chủ tể để xả tội hay ban phước cho ta được đâu? Mà nguyên lai là chính tự ta làm chủ lấy để tự mình làm tội thì có tội, làm phước thì có phước, mà ta có làm thì nó có, ta không làm thì nó cũng không có. Có không đều tự nơi ta, thân ta không làm ác, khẩu ta không nói ác, ý ta không tưởng ác, tức nhiên cũng không ta làm chủ tội ác nữa; thế ý niệm đã mất tội tánh cũng diệt; tâm tội đều không vẫn hoàn không; sám hối phải xét rõ như thế, mới đúng nghĩa chơn sám hối.

---o0o---

Ngũ giả tùy hỷ công đức

Thứ năm là tu cái nguyện “tùy hỷ công đức”

Bổn văn nói rằng: “Tùy hỷ công đức, là có bao nhiêu đức Phật Như Lai nhiều bằng số như những hạt bụi nhỏ như trong tất cả cõi nước Phật, dọc suốt ba đời, ngang giáp mười phương tốt hết pháp giới, cùng hư không giới, vì “nhứt thế trí” mà nguyên chơn Phật Như Lai kia, từ mới phát tâm siêng tu phước đức trí huệ, chẳng tiếc thân mạng, tu như thế đó trải qua nhiều kiếp bằng những hạt bụi cực kỳ nhỏ tí trong những cõi Phật số bất khả bất khả thuyết; với trong mỗi mỗi kiếp đó, chư Phật Như lai đã hy sinh những đầu,

mắt, tay chơn rất nhiều bằng con số bất khả thuyết; bất khả thuyết Phật sát cực vi trần, các ngài tu tất cả các khổ hạnh mà người đời khó làm được như thế, nên các ngài đã viên mãn được món pháp môn (thành phần nhiều khoa) Ba la mật, để chứng vào mỗi mỗi bậc trí huệ của Bồ Tát, nhiên hậu mới thành tựu quả vô thượng bồ đề của chư Phật, và sau khi vào niết bàn, chia của xá lợi ra làm cho nhiều nơi, nhiều đời làm kỷ niệm. Vậy với chư Phật Như lai đã có bao thành tích thiện căn, tôi nguyện đều tùy hỷ noi gương làm theo.

Và với tất cả chủng loại giữa tứ sanh, lục thú trong hết thảy thế giới mười phương kia, các chủng loại ấy đã có làm nên bao công đức. Từ ít đến nhiều, nhần đến việc lành nhỏ nhưt bằng hạt bụi, tôi cũng sẵn lòng tùy hỷ theo, là lấy làm vui mừng, tán thành, để chúng làm nên công chuyện.

Đối với hết thảy các thánh từ bậc hữu học đến bậc vô học là các đức Thanh Văn và Duyên giác, dọc suốt ba đời, ngang giáp mười phương. Các đức ấy đã có được bao nhiêu công đức, tôi điều cũng xin tùy hỷ kính mừng theo.

Đối với hạnh khổ khó làm mà tất cả các đức Bồ Tát đã làm để cầu chứng lên quả bồ đề vô thượng chánh giác. Công đức ấy quá rộng lớn của Bồ Tát. Tôi cũng nguyện tùy hỷ tu theo.

Nguyện tu tùy hỷ như thế, mãi chừng nào cõi hư không này hết, cõi chúng sanh này hết, nghiệp chúng sanh này hết, phiền não chúng sanh này hết, chớ cái tâm nguyện tu tùy hỷ của tôi đây, không bao giờ cùng tận, mỗi niệm tiếp tục luôn, không có xen hở, cả ba nghiệp, thân, khẩu, ý vẫn thường siêng tu hoài hoài, không dám bi quyện hay chán nản.

Hễ là thấy ai, hoặc lạy Phật, tụng kinh, làm các việc công đức bất luận lớn hay nhỏ, và thấy ai làm việc công quả...ít nhưt như là gánh nước, quét nhà, tôi cũng đều kính phục tùy hỷ, thì ai như tôi sẽ được công đức vô lượng.

---o0o---

Lục giả thỉnh chuyển pháp luân

Thứ sáu là tu cái nguyện “Mời Phật nói pháp”

Bổn văn chép rằng: mười Phật nói pháp, là có những tội cõi pháp cõi hư không mười phương ba đời tất cả cõi Phật, trong những hạt bụi hết sức nhỏ, mỗi mỗi đều có những cõi Phật rộng lớn nhiều như số những hạt bụi rất nhỏ trong các cõi Phật bằng số bất khả thuyết bất khả thuyết; đó là lẽ rằng cái lớn, phần nhiều nó không rời nhau với cái nhỏ, phần ít, mà cái nhỏ, phần ít nó cũng không lìa nhau với cái lớn, và phần nhiều, kêu bằng như đá vô ngại, đại tiểu tương dung. Trong mỗi một cõi Phật, niệm nào niệm nấy đều có những con số chẳng khá nói chẳng khá nói cõi Phật nhiều như những hạt bụi rất bé tí, trong những cõi ấy đều có tất cả chư Phật đã thành bậc đẳng chánh giác, có tất cả biển hội Bồ Tát đương quay quàng chung quanh Phật, mà tôi thì tôi dùng ba nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh, mỗi pháp phương tiện, để nong nã khuyên thỉnh chư Phật chuyển diệu pháp luân.

Nguyện tu khuyên thỉnh như thế, mãi đến chừng nào cõi hư không hết, cõi chúng sanh hết. Nghiệp chúng sanh hết, phiền não chúng sanh hết, nếu những ấy chưa hết, thì tôi cũng chưa hết cái nguyện thường khuyên thỉnh tất cả chư Phật chuyển chánh pháp luân. Mỗi niệm tiếp nhau chẳng có gián đoạn, cả thân khẩu ý ba nghiệp thường khuyên thỉnh, không có mỗi chán.

Chữ Chuyển là tiếng nói pháp từ miệng Phật chuyển đem lọt vào lỗ tai của chúng sanh: liền khiến cho y theo giáo mà dấy ra hành, để cách mạng phàm tình tập thành thánh trí, tỷ như bánh xe nó triển chuyển. Bởi vì hệ pháp luân thường chuyển thì, chúng sanh thường được ly khổ, chinh với kẻ thiếu phước ít duyên, nên với Phật pháp nó khó nghe qua hiểu liền, vì vậy mà tôi phải cần kíp khuyên thỉnh.

---o0o---

Thất giả thỉnh Phật trụ thế

Thứ bảy là nguyện “xin Phật ở nán lại cõi thế gian này”.

Bổn văn nói rằng: thỉnh Phật trụ thế, là có chư Phật nhiều bằng số những hạt bụi cực vi trong tất cả cõi Phật ba đời mười phương tội hết các cõi pháp giới hư không, sắp muốn hiện ra cái tướng nhập diệt, và các thánh: Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác, bậc hữu học, bậc vô học, nhần đến tất cả các đẳng Thiện tri thức, vị nào muốn sẽ nhập diệt, tôi đều khuyên thỉnh chớ vội vào Niết bàn, xin ở nán lại trải qua kiếp số cực vi trần trong như thế Phật sát, để được lợi lạc cho tất cả chúng sanh. Như thế, cõi hư không hết, cõi chúng sanh hết, nghiệp chúng sanh hết, phiền não của chúng sanh hết, chứ cái

nguyện cầu Phật và các Thánh ở đời của tôi không có cùng tột mỗi niệm tiếp tục luôn, chẳng có gián đoạn, thân khẩu ý ba nghiệp cũng không chán mỗi.

Phật pháp xuất hưng ở đời, tử như ánh mặt nhật chiếu xuống thế gian; những thời không Phật ra đời, tử như đêm dài quá tăm tối; từ kiếp tối tăm này vào đến kiếp tăm tối nọ, tiếp tục tạo ác mãi, đi sâu vào tam đồ! Đối với thời có chư Phật ra đời, cách bức xa xuôi thật là khó gặp! Tử như hoa ưu đàm, hằng ba ngàn năm mới một phen trở hiện; chính như toàn quốc xá vệ có chín ức nóc nhà: mà có ba ức nhà được thấy Phật, ba ức nhà chỉ vừa mới nghe được danh, còn ba ức nhà kia đều chưa được nghe đến cái tên Phật là gì? Vậy chúng ta cần kíp khuyến thỉnh các đức thánh hiền nãi ở lại đời, cho chúng sanh được nghe thấy.

---o0o---

Bát giả thường tùy Phật học

Thứ tám là nguyện “thường theo Phật để học”

Bổn văn chép rằng: thường theo Phật học là chính như tại thế giới ta bà đây, nguyên đức Phật Tỳ Lô Cha Na Như Lai từ ban sơ mới phát tâm xuất gia tu học cho đến thời chứng quả, trong khoảng giữa cực kỳ dài dằng, vì trải qua nhiều đời kiếp, vẫn một tâm tinh tiến chẳng lui, đã đem những thân mạng nhiều bằng số bất khả thuyết bất khả thuyết để làm hạnh bố thí đặng mà cầu học, như là: xả thân làm tọa ngồi, khoét thân làm đèn, trải tóc Phật bước lên tòa, cho đến lột da làm giấy, chẻ xương làm bút, chích máu làm mực, để biên kinh sách chât như núi cao, chính vì trọng pháp bảo để cầu học, mà chẳng tiếc thân mạng. Đó, rất đỗi thân mạng là món chi trọng hơn hết mà còn chẳng tiếc huống chi những món bên ngoài là: ngôi vua, kinh thành, tỉnh ấp, làng mạc, cung điện, thượng uyển, sơn lâm và nhứt thiết vật sở hữu gì gì nữa. Ngoài ra còn tu hành mỗi mỗi hạnh khổ mà không ai làm được nhần đến lúc ngồi bên gốc cây Da lông đồ, thành quả đại bồ đề; bấy giờ Phật thị hiện ra mỗi mỗi phép thần thông, phát khởi lên mỗi mỗi cách biến hóa, hiện bày ra mỗi mỗi ứng thân, tổ thành ra mỗi mỗi chúng hội. Như là: hoặc ngài chủ tọa nơi đạo tràng chúng hội của tất cả chư đại Bồ Tát; khi thì chủ tọa ở đạo tràng chúng hội của các thánh Thanh văn và Bích Chi Phật; lúc thì chủ tọa ở đạo tràng chúng hội của đức Chuyển luân Thánh Vương và các vua nước nhỏ cả đến quyền thuộc của hoàng thân quốc thích; hồi thì chủ tọa ở đạo tràng chúng hội của các dòng sát lợi, dòng Bà la môn,

cả trường giả cư sĩ; hẳn đến có thuở chủ tọa ở đạo tràng chúng hội của Trời, rông cả tám bộ thần Hộ pháp và các vị Nhơn Phi nhơn là quý thần.

Phật chủ tịch ở mỗi mỗi chúng hội như thế, là để dùng pháp âm viên mãn như đại lôi chấn, tùy theo mỗi căn cơ cũng như trình độ ham thích, mà huấn luyện cho chúng được thành thực, hẳn đến khi ngài thị hiện vào Niết bàn; như thế với những việc Phật đã làm kể trên, tôi nguyện đều theo tu học, như đức Lô Cha Na Thế Tôn vừa nhập diệt rồi ở kiếp thứ chín này vậy.

Như thế, tội cả cõi pháp, cõi hư không mười phương ba đời tất cả cõi Phật, trong đó có những số vi trần bao nhiêu là những số Như lai cũng bấy nhiêu, tôi nguyện đều theo học các đức Như Lai ấy, với niệm nào niệm nấy vẫn theo hầu luôn.

Theo hầu học như thế, chùng nào dẫu cõi hư không hết, cõi chúng sanh hết, nghiệp chúng sanh hết, phiền não chúng sanh hết, chứ cái nguyện theo Phật để hầu học của tôi không có tội hết, mỗi niệm tiếp tục chẳng hề gián đoạn, cả thân khẩu ý ba nghiệp siêng học không dám mỏi chán.

Như đã trải qua nhiều kiếp đến nay, đức A nan đà vẫn làm kẻ thị giả hầu Phật, chẳng chỉ một đức Khánh hỷ, mà đến cả các vị đệ tử lớn kia của Phật cũng đều thế ấy. Như thế dẫu chẳng phải là vì chúng sanh như mình, mà phải phát nguyện tiếp tục trải qua nhiều kiếp để theo hầu học với chư Phật, mà vì lẽ phải cốt yếu lo tự giác giác tha, và tự lợi lợi tha vậy.

---o0o---

Cửu giả hằng thuận chúng sanh

Thứ chín là nguyện “thường chấp thuận việc cầu của chúng sanh

Bổn văn nói rằng: Hằng thuận chúng sanh là tội hết pháp giới hư không giới, mười phương cả sát hải (thủy và lục) có những chúng sanh mỗi mỗi sai khác, như là: loài noãn sanh, loài thai sanh, loài thấp sanh, loài hóa sanh; có loài nương nơi đất, nước, lửa, gió để ở và sống; có loài nương hư không, các lùm cây để ở và sống; mỗi mỗi sanh loại, mỗi mỗi sắc thân, mỗi mỗi hình trạng mỗi mỗi tướng mạo sắc thân, mỗi mỗi hạn lượng tuổi sống, mỗi mỗi dòng dõi giống loài, mỗi mỗi tên hiệu, mỗi mỗi tâm tánh, mỗi mỗi biết thấy, mỗi mỗi ưa muốn, mỗi mỗi ý nghĩ ra làm mỗi mỗi cách đi đứng nằm ngồi, mỗi mỗi kiểu bận áo quần, mỗi mỗi thức ăn uống, ở nơi mỗi mỗi: thôn dã, doanh thự, làng mạc, thị thành, tỉnh ấp, phủ huyện, nhứt là cung điện, hẳn

đến tất cả vua Trời, vua Rồng, tám bộ thần Hộ pháp, như phi nhân là các vị quỷ thần này tuy hình tướng giống người mà trên đầu có sừng. Các loài: không cẳng, hai giò, bốn chơn, nhiều chơn, có sắc thân như loài người và trời ở cõi dục giới và trung giới; không có sắc thân như các trời ở cõi không xứ, vì chỉ lấy bốn lần làm thân; loài hữu tướng là các trời có tư tướng ở ba giới; loài vô tướng là các trời ở cõi phi tướng phi phi tướng; và các trời ở cõi vô tướng thiên tại tất giới, vì sanh ở cõi này trong khoảng thời gian 500 kiếp lớn trụ vào cái định vô tâm, bởi dùng định lực đè nhẹ cái ý thức. Loài phi hữu tướng phi vô tướng (theo danh từ của cựu dịch, còn tân dịch gọi là phi tướng phi phi tướng thiên; các trời này không có phiền não thô tướng như mây trời ở các cõi dưới nên gọi là phi hữu tướng; và gọi là phi tướng hay là phi phi tướng. Bởi cái lẽ “Phi hữu tướng” nên chúng ngoại đạo lấy chỗ này làm cảnh chơn Niết bàn; bởi vì lẽ “Phi vô tướng” nên Phật biết chỗ trời này còn là cái cảnh sanh tử).

Đối với các loại chúng sanh nào tâm lý, nào hình thức mỗi mỗi sai khác nhau như trên, tôi đều tùy thuận theo sát cánh để mà dần dần dạy trở, mỗi cách vâng thờ, mỗi cách cúng dàng, kính như cha mẹ, như vâng Sư, Trưởng, và A la hán, nhứt đến cũng không khác với cách mà tối kính thờ các đức như lai. Nghĩa là: Tôi vì các chúng bệnh khổ, mà làm bác sĩ...tôi vì các chúng lầm đường, mà làm chánh lộ đạo sư....tôi vì các chúng vô minh trường dạ, mà làm đuốc huệ đèn từ...tôi vì các chúng bần cùng cơ cấn, mà khiến đặng kho báu của chơn...hành Bồ Tát đạo là hy sinh tấm lòng bình đẳng như thế để làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, thì tức là tùy thuận cúng dường chư Phật; đối với chúng sanh, nếu Bồ Tát đều tôn trọng vâng thờ thì, tức là tôn trọng vâng thờ các đức Như lai. Nếu làm cho chúng sanh nảy lòng hoan hỷ, thì khiến cho tất cả Như lai cũng đều hoan hỷ, vì sao? Các đức Như lai đều dùng tâm đại bi làm thể bởi vì: như nơi chúng sanh bị khổ, mà Như Lai đậy lòng đại bi; như nơi lòng đại bi mà phát bồ đề tâm; như nơi tâm bồ đề mà thành bực chánh giác.

Ví như đồng ruộng mênh mông, giữa vùng sa mạc có một cây lớn nhất, nếu dưới rễ nó hấp dẫn được nước, thì nhánh lá bông trái đều rậm tốt. Giữa đồng ruộng sanh tử, có cây chúa bồ đề cũng lại như thế: tất cả chúng sanh là rễ cây, chư Phật, Bồ Tát là hoa trái, lấy nước đại bi làm lợi ích nhuần thấm cho chúng sanh, thì hay nên hoa quả bằng trí huệ cho chư Phật, Bồ Tát vì sao?

Nếu chư Phật, Bồ Tát lấy nước đại bi để nhuần ích cho chúng sanh, thì các Ngài mới thành tựu được quả vô thượng chánh đẳng chánh giác. Thế nên

cây rễ bồ đề là thuộc về chúng sanh, vì nếu không chúng sanh thì tất cả Bồ Tát rốt không thể thành quả vô thượng chánh giác được.

Nói đến đó, đức Phổ Hiền ngài kêu Thiện Tài để dạy tiếp rằng: Thiên nam tử! đối với nghĩa trên, trò nên hiểu như thế này: bởi vì tâm bình đẳng với chúng sanh, thì Bồ Tát mới có thể thành tựu được tâm đại bi viên mãn; bởi vì tâm đại bi tùy thuận với chúng sanh, thì Bồ Tát mới thành tựu được nghĩa cúng dường Như lai, nghĩa Bồ Tát tùy thuận chúng sanh như tế, dù đến chừng cõi hư không hết, cõi chúng sanh hết, nghiệp chúng sanh hết, phiền não của chúng sanh hết, chớ với cái nguyện tùy thuận của tôi học theo bạn hiền tôi đây không khi nào cùng tột, mỗi niệm tiếp tục, không hề gián đoạn, cả thân khẩu ý, ba nghiệp đều tùy thuận, không dám mỗi chân.

Hằng: thường, luôn luôn. Chúng sanh là mọi loài ở chín cõi. Cửu giới: chừa Phật giới, còn chín giới là: Bồ Tát, Duyên giác, Thanh văn, các loài Trời, Nhơn loại, các thần A tu la, súc sanh giới, ngạ quỷ giới, địa ngục giới; đối với Phật giới để nói thì chín cõi kia đều là cảnh giới mê hoặc .

---o0o---

Thập giả phổ giai hồi hướng

Thứ mười là nguyện “khấp đều hồi hướng”.

Bốn văn trong phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện của bộ Đại phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh nói rằng: Phổ giai hồi hướng là kể từ ban đầu tu nguyện lễ bái chư Phật...đến nguyện tùy thuận chúng sanh có được bao nhiêu công đức thầy đều xin hồi hướng cho tất cả chúng sanh trong cùng tận pháp giới hư không giới, để nguyện cho tất cả chúng sanh thường được an vui, không bệnh khổ; như chúng muốn sắp làm điều ác thì khiến cho việc ấy đều bất thành; còn với chỗ nghiệp lành, đều khiến cho việc làm mau chóng nên. Ngăn đóng tất cả đường ngõ vào các ác thú như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; mở bày ra những lộ chơn chánh như tám chánh đạo để đưa loài người, loài trời, về cảnh Niết bàn. Nếu các chúng sanh còn nhờn vì chứa chất bao ác nghiệp, mà phải chịu lấy hết thầy quả khổ nặng nề, thì tôi đây nguyện sẵn sàng thay chịu để cho chúng sanh kia đều được giải thoát và đều thành quả vô thượng bồ đề.

Chỗ tu hồi hướng của Bồ Tát như thế, dầu cõi hư không có hết, cõi chúng sanh có hết, nghiệp chúng sanh có hết, và phiền não của chúng sanh có khi hết, chớ cái nguyện tu hồi hướng của tôi đây không khi nào hết được,

mỗi niệm tiếp luôn nhau không có gián đoạn, cả đến ba nghiệp là thân khẩu ý vẫn tu hồi hướng luôn không dám biết mỗi chán.

Tóm lại, nếu hay phát hành mười thứ nguyện lớn trên đây, thì mới có thể thành thực cho chúng sanh, mới có thể sung mãn được biểu nguyện của đức Phổ Hiền, và mới có thể chứng được đạo Phật một cách viên mãn. Lại hay trừ được những tội nghiệp nơi ngục ngũ vô gián, và hai thứ bệnh ở thân và tâm; cả Ma chú Trời ở trên đánh Dục giới, các chúng quỷ ác độc cũng đều chẳng dám xâm phạm đến gần kẻ tu mười nguyện trên. Cho đến kẻ thù, người thân cũng đều được ích lợi, liền đặng vắng sanh về cực lạc thế giới, thấy Phật A Di Đà thụ ký cho.

Thế nên, với mười nguyện lớn trên đây người tu Phật cần phải hoặc thường thụ trì hoặc thường chép ra, vì người mà nói rộng nghĩa lý, thì ắt phước nhóm lại nhiều đến vô lượng vô biên.

---o0o---

BÀI TÁN LỄ

Tán lễ Thích Tông	kính lạy Thích Ca
Vô thượng năng nhân	Tột bực Bu Đa
Tăng kỳ cứu viễn tu nhơn	nhơn tu nhiều kiếp lâu xa
Đầu xuất giáng thân	...xuống giữa ta bà:
Trường từ bửu vị kim luân	...hy sinh ngôi báu nước nhà;
Bồ đề tọangồi gốc da...
Đại phá ma quân	chiến thắng quân Ma!
Nhứt đồ minh tinh đạo thành	đắc đạo sao Mai sáng lò
Giáng pháp lâm	mưa pháp sa,
Tam thừa chúng Tăng qui tâm	theo về xe pháp cả ba;
Vô sanh dĩ chứng	dã chứng Phật đà
Hiện tiền chúng đấng qui tâm	hiện giờ chúng đối trước tòa
Vô sanh tốc chứng	mau chứng Phật Đà

KHỔ VÌ CHÚNG SANH PHÁT NGUYỆN

KHẮP VÌ CHÚNG SANH MÀ ĐÁY NGUYỆN RẰNG:

Tứ sanh cửu hữu đồng đăng Hoa tạng huyền môn bát nạn tam đồ cộng nhập Tỳ lô tánh hải:

Bốn loài chín cõi đồng lên cửa huyền hoa tạng; tám nạn ba đồ chung vào biển tánh Tỳ lô.

Tứ sanh: bốn loài, là nói chung hết thảy cái chánh báo thân của chúng sanh cả ba giới. **Cửu hữu:** chín cõi, là nói chung hết thảy cái y báo độ của mỗi loại ở cả tam giới. **Bát nạn:** nói riêng những chỗ bị chướng nặng nề giữa tam giới, vì chúng sanh ở đó chẳng nghe được Phật pháp. **Tam đồ:** nói riêng về chỗ bị nghiệp quá trọng và khổ giữa tam giới. Đáy cả chúng hữu tình đều là hữu lậu mê hoặc mà phải luân chuyển mãi đến vô cùng!

Hoa tạng huyền môn: là nêu chung lên tất cả cõi Phật mười phương. **Tỳ lô tánh hải:** là gồm chung hết thảy cái chơn như tánh giới vô cùng tận. Đây là cái pháp giới thanh tịnh Phật tánh vô biên tế.

Hoa tạng: Kinh Hoa Nghiêm ghi lời Phật giảng về thế giới Liên hoa tạng mà ở đây xin sao lục lại đoạn đại khái rằng:

“có cái biển lớn nước thơm tên là “Phổ quang ma ni vương trang nghiêm hương thủy hải”, giữa biển này mọc lên một cái hoa sen lớn tên là “chủng quang minh Nhụy hương tràng”, trong cái hoa Nhụy hương tràng đây có một tổng hải tên là “Hoa tạng trang nghiêm thế giới hải”, giữa biển này có những hoa bằng số mười lần “Bát khả thuyết Phật sát vi trần”, trong mỗi một hoa có một hương thủy hải, trong mỗi một biển ấy lại có một hoa sen lớn, trên mỗi một hoa sen có hai mươi lớp thế giới theo thứ lớp chất chồng nhau, dưới đáy hẹp, lên trên nói lẫn rộng ra.

Như cái hoa ở rôt trung tâm tên là “Nhứt thế hương ma ni vương Trang nghiêm liên hoa” trên hoa này có hai mươi lớp thế giới, một lớp thế giới dưới nhứt tên là “Tối thắng quang biến chiếu” đức Giáo chủ ở thế giới này hiệu là “Ly cầu Đấng Phật” chung quanh ngoài lại có nhiều thế giới bằng số nhứt Phật sát vi trần để bao bọc giáp vòng.

Đến lớp thế giới thứ 13 tên là “ta bà”, đức Giáo Chủ ở thế giới này tức là “Thích Ca Mâu Ni Phật”, chúng quanh ngoài có nhiều thế giới bằng số mười ba lần Phật sát vi trần để bao bọc giáp vòng.

Đến lớp thế giới thứ 20 tên là “Diệu bửu diệm” đức giáo chủ ở thế giới này hiệu là “phước đức tướng quang minh Phật”, chúng quanh có nhiều thế giới bằng hai mươi lần Phật sát vi trần để bao bọc giáp vòng.

Đối với “hai mươi thế giới chồng lên hoa” như đã kể trên, vòng vây bên ngoài còn có mười chồng mỗi chồng cũng đủ hai mươi lớp thế giới bao bọc khắp bủa ở trên tổng liên hoa là “chủng quang minh Nhụy hương tràng”.

Đây dù là một toàn cảnh đều do thiên bách ức hóa thân Thích Ca Mâu Ni Phật chia thân mà giáo hóa, mà cũng chính là do duy tâm của mỗi người tạo thành cảnh giới ấy do biệt nghiệp hoặc cộng nghiệp.

Bởi thế, nên mỗi khi tâm của chúng ta dung hòa, thì cả pháp giới thấy đều dung hòa một cách soi suốt không chi làm chướng ngại thân tâm và quốc độ vẫn một chẳng hai (Kinh Lăng Nghiêm nói: Nếu người biết được tâm rồi, quày xem đại địa không còn tác đất. Vì cảnh tức tâm, nên nói chẳng hai). Cảnh giới đó, chẳng khá nghĩ bàn được, là nghĩa của chữ “Huyền”. Vì nhứt tâm đây nó hàm đủ chư pháp (vũ trụ vạn hữu, hay tứ thánh lục phàm) mà với pháp nào, pháp nào nêu ta không mê, thì pháp nào cũng là cái môn để vào giác đạo, nên nói là **huyền môn**.

Lại nữa, mỗi pháp, pháp nào cũng vẫn đủ mười môn, nên Hoa Nghiêm tông diễn tả ra mười lớp huyền môn, với nghĩa lý rất viên diệu khó nghĩ thấu!

Như Kinh nói: “Cả mười phương hư không sanh trong tâm người, tử như vết mây bọt giữa trời cao”. Chính rằng: tâm dung diệu lý hư không tiểu: tâm hòa lẫn với lẽ mầu rồi, thì cõi hư không là vật cực nhỏ. Cũng như nói: tâm bao thái hư, lượng châu sa giới..thì, cùng tột hư không pháp giới, chỗ nào là chẳng phải thanh tịnh pháp thân của chư Phật ư?

Thế nên khắp nguyện cho cả pháp giới: nào là tứ sanh nào là cửu hữu đồng giác ngộ lý của pháp thân, đồng chứng nhập thể của pháp thân, nên nói: tứ sanh cửu hữu đồng đặng hoa tạng huyền môn.

Tỳ lô tánh hải: tiếng phạm: Vairocana, tiếng ta đọc là: Tỳ lô cha na. Nhon vì kinh cũ của đời Tấn dịch là: Lô xá na; kinh mới của đời Đường dịch

là: Tỳ lô cha na. Dịch chữ là Biển nứt thể xứ, nghĩa: khắp tất cả chỗ, tức là cứu cánh thanh tịnh pháp thân. Lại, cảnh diệu hiểu ra rất cứu cánh, tên là Tỳ lô cha na; Trí diệu đầy đủ rất cứu cánh, tên là Lô xá na: hạnh diệu đầy đủ rất cứu cánh, tên là Thích Ca Mưu ni. Lại: Lô xá na, dịch: Quang minh chiếu; Tỳ lô cha na dịch: Quang minh biển chiếu, vì chữ Tỳ dịch là Biển.

Do vì: cái tánh pháp thân là lìa quá dứt phi, ly hẳn các danh tướng, vắng lặng chẳng động, dọc tột ba đời, ngang khắp mười phương, chẳng thể nghĩ bàn được, với lý và thể như thể không biết gọi thể nào cho đúng, nên tạm nói là “tánh” đầy thôi. Vậy, trên kia nói: ma ni Trang nghiêm vương hương thủy hải, số biển này nhiều đến vô lượng, và các hương hải nhiều như số vi trần, đều là do nơi tự tánh duy tâm của ta với người chung nhau tổ thành ra, nên nói là tánh hải.

Song, với tánh, tâm ấy, nếu người đều mê luôn cả hai, thì làm chúng sanh bị cách ngại với thế giới, không biết tất cả thế giới tướng vốn thường trụ và tánh nó viên dung. Chúng sanh trọn ngày ôm lấy cái tánh tâm ấy, mà luống uổng chịu luân chuyển! Tuy chịu luân chuyển mà cái tánh ấy chưa có biến đổi một tí hào nào. Nên trọn ngày những điều thấy, nghe, hiểu, biết đều toàn do nơi tự tánh nó rọi, nháng ra mà có những sanh diệt như chớp chớp, tắt tắt vậy thôi. Nếu người khứng chịu với mỗi niệm đương sanh diệt đó mà buông hẳn đi, thì toàn thể của sanh diệt ấy tức là chơn như, thể với vô biên hư không, Hoa tạng trang nghiêm, mỗi mây bụi, mỗi cõi Phật, đều là cái chơn như diệu tánh của mỗi phần tử nó viên dung lẫn nhau với cả toàn thể pháp giới tánh.

Tâm ta đã là pháp giới tánh, mà pháp giới chúng sanh cũng đều ở giữa tâm ta, mà ta cũng ở giữa tâm của chúng sanh. Bởi vì chúng sanh tâm cũng đều là pháp giới tánh cả.

Thế thì tâm Phật, chúng sanh cả ba ấy đều lẫn nhau làm viên dung pháp giới tánh.

Vả lại, tâm ta đã hay qui nơi Phật tánh, thì phổ nguyện luôn cho bát nạn, tam đồ đương thể của chúng cũng quy nơi Phật tánh, nên nói: “bát nạn tam đồ cộng nhập tỳ lô tánh hải”.

---o0o---

PHỤ LỤC ĐỒ CHÚ THÍCH VÀ BIỂU

Trên kia lời chua thêm rằng “đối với Hoa tạng thế giới, có tóm tắt nêu ra từ đơn vị đến phức tạp bằng năm cái biểu đồ và các lời chú thích như sau”.

Dưới và sau đây lần lượt đăng tải thêm năm bản đồ ấy và hai cái biểu bát nạn và cửu hữu, cho đến những lời chú thích giải rõ từ một đơn vị của tứ châu thiên hạ, từ một tiểu thế giới cho đến tam thiên thế giới của ta bà thế giới, là hóa cảnh đức Thích Ca Mâu Ni Phật phân thân giáo hóa chúng sanh, để cho các độc giả sẽ xem hiểu về: địa dư, thế giới, Nhơn loại, thiên loại, tất cả các học khoa của Phật học bằng tóm tắt một cách với những vị trí danh từ, còn ai có trí lực khá thì nên xem Kinh Hoa Nghiêm sẽ được hiểu tường tất hơn.

Vậy xin xem năm bản đồ sau đây:

Triệu thời Khóa Lẽ

PHỤ ĐỒ THỨ NHỨT

Bốn châu lớn núi Tu Di và các núi

Một cung điện của trời Đao lợi (33 xứ trời) vị trí tại đỉnh núi Tu Di.

Bản đồ thứ nhất đây là tượng trưng một tiểu thế giới, nội dung có một núi Tu Di, và bốn châu thiên hạ (đồ đây tức là đoạn giữa của đồ thứ hai)

Trung tâm là núi Tu Di: hình như cây trụ đứng sừng một mình, trên dưới đều lờn, khoảng giữa thân núi rút nhỏ lại hình như tảng đá thắt eo lưng cổ bông; trên đỉnh núi là cung điện của Thiên đế thích.

Ngoài núi Tu Di: lại còn có bảy vòng núi vàng, bảy vòng biển hương thủy đều thứ lớp xen nhau để bao vây chạy giáp vòng ngoài Tu Di hình như bảy lớp hào và thành xen lớp bọc chung quanh.

Ngoài núi thứ bảy tức là biển lớn nước mặn nhảy liên bốn phương; bốn phương giữa biển mặn đều có mỗi một châu lớn: giữa biển đông là châu Đông Thắng thần, giữa biển Nam là châu Nam thiên bộ, giữa biển Tây là Tây ngưu hóa châu, giữa biển Bắc là Bắc cu lô châu; mỗi hai bên châu lớn đều có hàng mấy trăm châu nhỏ để làm quyền thuộc.

Quanh vòng ngoài biển lớn nước mặn: bốn phía chu vi có núi Thiết vi bao giáp vòng ngoài như thành, đấy gọi là một tiểu thế giới.

Song, với cái thuyết địa cầu ngày nay, thì như thế nào để hiểu cho thông đặng?

- Đối với địa cầu: phía bắc biển Bắc băng dương, nó giáp với chun núi phía ngoài của núi Vàng thứ bảy, là chỗ của trục trái đất phía Bắc nưong tựa: phía Nam biển Nam băng dương, nó giáp với chun núi phía trong của núi Thiết vi, là chỗ của trục trái đất phái Nam y cứ.

Như thế thì bốn châu lớn đều thành một địa cầu, sắp hàng chạy vòng tròn bốn phương, đều lấy chun của hai núi bên trong bên ngoài để làm chỗ sở y cho trục trái đất ở giữa, thế thì, một tiểu thế giới nó có bốn châu lớn, đấy là chỉ dùng để hội thông vậy thôi.

Song, Kinh Hoa Nghiêm, Hoa Tạng thế giới là chính Phật trí thấy tận nơi mà nói ra; còn với địa cầu là người đời nay trắc lượng mà biết chứ phi thân kiến mà biết. Phật trí như ngàn mặt nhựt đều chiếu; người đời nay biết là tỷ như ở bên đây bức tường để xét lường cái bóng mà biết bên kia bức tường, với giờ phút dù chẳng sai chạy, nhưng đâu bằng thấy biết chính đích thân cận ư? vậy các nhà trí thức xét rõ lại coi.

---o0o---

**Thời công phu sáng
PHỤ ĐỒ NHỊ
Thứ lớp vị trí của ba giới**

PHỤ CHÚ THÍCH

1/ Trời Vô nhiệt sống được hai nghìn đại kiếp; 2/ Trời Thiện hiện sống được tám nghìn đại kiếp; 3/ Trời sắc cứu cánh sống được một vạn sáu nghìn đại kiếp; 4/ Trời Thiện kiến sống được bốn nghìn đại kiếp; 5/ Trời Vô phiền sống được một nghìn đại kiếp.

6/ Trời Phước sanh sống được hai trăm năm chục kiếp; 7/ Trời Vô tướng và trời Quảng quả đều sống được năm trăm kiếp; 8/ Trời Vô vân sống được một trăm hai mươi lăm kiếp. Bốn trời đây nhập với năm trời trên cọng là chín trời chung gọi là “Tứ thiên thiên”.

9/Trời vô lượng tịnh sống ba mươi hai kiếp; 10/ Trời biến tịnh sống sáu mươi bốn kiếp; 11/ Trời Thiểu tịnh sống mười sáu kiếp, ba trời đây chung gọi là “tam thiên thiên”

12/Trời vô lượng quang sống bốn đại kiếp; 13/ Trời Quang âm sống tám đại kiếp; 14/ Trời thiểu quang sống hai đại kiếp. Ba trời đây chung gọi là “Nhị thiên thiên”.

15/Trời Phạm Phụ sống một trung kiếp; 16/ Trời Đại phạm sống một trung kiếp rưỡi; 17/ Trời Phạm chúng sống nửa trung kiếp, ba trời này chung gọi là “sơ thiên thiên”.

A/ Cung điện của trời Đạo Lợi (dịch nghĩa là 33 nước trời, mà để thích ở giữa sắp hàng bủa khắp bốn phương nội trên đỉnh núi Tu di).

O/Nhật luân cũng như nhưt cầu là mặt trời; P/ Nguyệt luân hay nguyệt cầu là mặt trăng, tức là cảnh giới cửa nhật cung thiên tử, nguyệt cung thiên tử ở.

B/Trời Tứ Thiên vương; C/Trời Nhưt Nguyệt tinh tú; D/ Trời thường phóng dật; Đ/Trời cầm tràng hoa; E/Trời G/ Núi Song trì; H/Núi Trì trực; I/ Núi Đầm mộc; K/ Núi Thiện Kiến; L/ Núi Mã nhĩ; M/ Núi chướng ngại; N/Núi Trì địa. Bảy núi trên chung kêu là Thất Kim sơn. Hễ một vòng lớp Núi thì xen một vòng lớp biển hương thủy, như thế cộng là bảy biển bảy núi đều chạy giáp vòng chung quanh núi Tu di.

Bản đồ thứ hai là hình tướng của ba giới theo thứ lớp sắp đặt vị trí. Bản đồ tam giới là một cái thế giới bằng số một hột bụi giữa từng thứ mười ba Phật sát vi trần thế giới của bản đồ thứ ba ở sau này. Nghĩa là dưới cái tam giới đây, duy có một cái hư không; từ giữa hư không này sanh khởi lên cái đại phong luân, để duy trì thủy luân; ở trên vì cái nghiệp lực của chúng sanh nên thủy luân chẳng trôi tan, tựa như vật thực nó chưa tiêu nên nó chẳng sa xuống ruột già.

Trên từng thủy luân lại duy trì kim luân, tựa như sữa chín phát sanh ra dầu nổi linh bình trên mặt. Trên từng kim luân tức là đại đại, trên đại địa hay địa luân nhảy đây là biển nước mặn, chung quanh ngoài bìa đại địa, thì chạy giáp vòng là núi Chước Ca La dịch là Luân vi, lại dịch là Thiết vi. Núi này thể nó vòng quanh ngoài bốn biên địa luân như vòng thành để bao bọc giáp vòng ngoài biển mặn.

Phía tốt trong bể mặn, có bảy lớp kim sơn và với bảy lớp hương thủy hải theo thứ lớp xen nhau, đều cùng chạy giáp vòng như bảy lớp thành hào để bao vây ngoài núi Tu di.

Phía tốt trong bảy lớp biển ấy, trung tâm có núi Tu di sừng sững đứng riêng vọt cao tám vạn bốn ngàn dặm, hai phần trên đánh dưới chun đều lớn, phần giữa núi lại rút nhỏ; chỗ lớn của Tu di bề dọc và ngang đều tám muôn dặm; phía ngoài bảy núi vàng tức là biển lớn nước mặn nhẩy đầy cả chu vi bốn phương.

Đối với núi Tu Di: giữa biển mặn phía đông có châu Thắng thần, giữa biển mặn phía nam có Châu Thiêm bộ, giữa biển mặn phía tây có Châu Ngưu h óa, giữa biển mặn phía bắc có Châu Cu lô; cứ mỗi một châu lớn ấy đều có hai châu vừa ở kèm hai bên, cùng với vài trăm châu nhỏ để làm quyền thuộc (quần châu hệ).

Lại, từ chân núi Tu di lên đến một vạn dặm, là chỗ của vị thiên thần kiên thủ ở; lại từ đây lên đến một vạn dặm là chỗ của vị thiên thần Trì hoa mang ở; lại từ đây lên đến một vạn dặm là chỗ của thiên thần Thường phóng dật ở. Ba thiên thần trên đó đều sắp hàng quanh vòng núi Tu di để ở, mấy thiên thần ấy đều là Quỷ thần Dạ Xoa mà hưởng phước cũng đồng như các trời ở tứ Thiên Vương.

Lại từ đó lên đến một muôn do tuần tức là đúng nửa núi Tu di, thì có Trời Tứ Thiên Vương đều nương ở theo bốn phía núi; nhứt nguyệt tinh thần thì ngày lẫn đêm vẫn cứ đi vòng quanh bốn phương, dù nương nơi trống rỗng để chuyển vận chớ cũng cùng nhau với mực bình thường.

Lại từ đây lên cao bốn vạn hai ngàn do tuần tới đánh Tu di sơn tức là chỗ của ba mươi ba nước trời ở, rốt trung ương tức Đạo Lợi thiên, vị thiên chủ tên là Thích Đề Hoàn Nhơn, lại gọi là Đế Thích, người đời gọi là Ngọc Hoàng Thượng đế. Những cõi trời Đạo Lợi, Tứ Thiên Vương v.v...kể trên đều chung gọi là “địa Cư thiên” vì còn nương nơi núi Tu di, chun đi cũng còn sát mặt đất.

Từ trên đánh Tu di nhần lên cả các trời sẽ kê sau đây đều gọi là “Không Cư Thiên” vì đồng nương nơi mây để ở. Số là: Từ Đạo Lợi thiên bắt đầu kể lên mười sáu vạn do tuần là chỗ của trời Da ma ở. Lại từ đây lên sáu mươi bốn vạn do tuần là đến chỗ trời Hóa lạc ở. Lại từ đây lên một trăm hai mươi tám vạn do tuần là đến chỗ trời Tha hóa tự tại ở.

Từ lớp “Không cư” bốn trời xuống lớp “địa cư” có hai trời là Đạo lợi, Tứ Thiên vương, cộng là sáu trời, nhứt đến dưới tới lớp “phong luân” chung gọi là “Dục giới” bởi vì còn có sự tình dục của hai giống: trai, gái, cái, đực và trống, mái để tạo tác, sản xuất thân mạng ra do sự dâm dục là phần chính nên gọi là Dục giới.

Lại từ trên trời Tha hóa kể lên hai trăm năm mươi sáu vạn do tuần là tới ranh Sắc giới. Từ đây kể lên là: Sơ thiên có ba trời; nhị thiên có ba trời, tam thiên có ba trời; tứ thiên có chín trời, cộng mười tám lớp trời Phạm Thiên, với số do tuần của mỗi tầng lớp cứ gấp bội bội kể trên.

Lại từ trên trời sắc cứu cánh là lớp trời thứ chín của Tứ thiên thiên kể gấp bội tăng lên đến ranh Vô sắc giới cũng như thượng giới, từ đây kể đi là: Trời không vô biên xứ, Trời thức vô biên xứ, Trời vô sở hữu xứ, và trời phi tướng xứ, cộng là bốn trời, bề cao đều lớp lớp gấp bội nhau. Như thế cả ba giới chung gọi là hai mươi tám tầng trời.

Sách Tỳ đàm luận ghi lời của Phật dạy: giả sử có người đứng tại nơi đánh trời “Sắc cứu cánh” chừa bốn trời của Vô sắc giới, phóng ra một viên đá lớn, thì trải qua sáu vạn năm ngàn năm trăm ba mươi lăm năm, viên đá ấy mới rơi tới sát mặt đất Châu diêm phù đề, nếu chặng giữa không Nhơn đạo, Tu la đạo, Súc sanh đạo, Ngạ quỷ đạo chung gọi là tam giới lục đạo.

---o0o---

TAM THIÊN ĐẠI THIÊN THẾ GIỚI

Ba ngàn cả ngàn ấy, như nội dung của bản đồ thứ hai đã bao bọc, bắt đầu kể tận dưới: từ lớp địa luận, thiết vi, tứ châu, thất sơn, tu di, nhựt nguyệt, lục dục thiên, cho đến lớp Sơ thiên, như thế cứ mỗi lớp kể làm một, nghĩa là: một địa luân, một thiết vi, một tứ châu v.v... đến một Sơ thiên, cộng làm “một tiểu thế giới”.

Lấy một tiểu thế giới như trên tính làm một, như thế tính cho đến một ngàn cái tiểu thế giới, bên ngoài có một cái tổng Luân vi sơn nó đứng giáp vòng tròn vây bọc núi này cao đến cõi Trời Sơ Thiên, như thế gọi là “một tiểu thiên thế giới”.

Cứ một tiểu thiên thế giới, như trên tính làm một, tính như thế cho đến một ngàn cái Tiểu thiên thế giới, bên ngoài lại có một đại tổng luân vi sơn

vòng vây, núi này cao đến nhị thiên thiên, thế gọi là “một trung thiên thế giới”.

Mỗi trung thiên thế giới như trên tính làm một, tính như thế cho đến con số một ngàn cái trung thiên thế giới, bên ngoài lại cũng có một vòng núi đại đại tổng luân vi bao vây, núi này cao đến cỡi tam thiên thiên, thế gọi là “một đại thiên thế giới”.

Với trong cỡi Đại thiên ấy, tổng cộng có: muôn lần ức Núi thiết vi, muôn lần ức tứ châu, muôn lần ức núi Tu di, nhân đến muôn lần ức cỡi Sơ thiên thiên, suốt cả gọi là gấp ba lần ngàn làm một cỡi Phật tức là ta bà thế giới.

Xem đó thì biết: Với luân vi sơn thấy có đến bốn hạng núi, vì từ nhỏ thấp đến rộng cao có những phần lượng bội bội nhau; mà với tam giới thì tổng bao hàm một cỡi Đại thiên, một đại thiên thiên thế giới như trên tức là một Phật quốc độ.

Lại, với trong “Tiểu thế giới” từ trung tim Tu di này cách trung tim Tu di kia là có đến mười hai ức tám vạn 300040050 do tuần; còn cả tám phương từ núi này cách núi nọ bề xa với nhau cũng như số kể trên. Đây là chính thật lời nói của Phật bằng cứ nơi khai thị Phật tri kiến với “thiên nhân thông” và “Diệu quan sát trí” đưa ra, xin chớ hạn lấy trí thức tỷ lượng của người đời để nghi!

---o0o---

TRỜI THIÊN TRÙM XUỐNG RỘNG HẸP

Bằng bốn châu thiên hạ; Nhị thiên rộng bằng: 1 Tiểu thiên giới; Tam thiên rộng bằng như một Trung thiên giới; Tứ thiên rộng như một đại thiên giới. Lại dưới địa luân, các kim luân, thủy luân, phong luân mỗi đều rộng khắp đại thiên thế giới v.v...

Than ôi! vốn một tánh chơn không, không sanh diệt, một thể lượng trong sạch, vắng lặng sáng suốt chiếu soi khắp cỡi pháp giới, và có công năng hiện ra vô biên thân hóa, viên dung, mà chỉ vì một niệm mê lầm, khiến chơn minh biến đổi làm vọng minh, chơn không hóa thành ra ngoan không, đổi diệu sắc làm giả sắc! (chơn minh là chơn trí, vọng minh là vô minh, chân không là chân lý, ngoan không là hư không, diệu sắc là cái cảnh đẹp bằng

mỗi vật sắc này nó lẫn khắp nhau với vật sắc kia, giả sắc là cái khí giới luống đối bằng sáu trần).

Chín bởi nơi thể bốn chơn nó vì một niệm mê lầm mà chẳng biết tự tỉnh, nên chỉ từ nơi chơn trí mà khởi lên vô minh, rồi từ nơi vô minh nó sa đắm nơi ngoan không mà phát khởi ra vọng tưởng, cái vọng tưởng nó đã hoạt động, nên chiêu cảm lấy cái lớp phong luân phơi phới giữa không giới; cái tâm ý nó loạn động mãi chẳng nghỉ thôi, thì ái tình lại càng tầm nhuần nữa, thành thử phong luân nó duy trì thủy luân để bao hàm cả mười phương giới. Chỉ nơi cái si mê với ngã ái, mà cái vọng tưởng nó càng chấp cứng luôn, tức nhiên có lớp kim luân để bảo trì quốc thổ. Kẻ nào có cái ác tưởng quá trọng trực, thì nó kết tinh đọng nơi đại địa ở trên kim luân, nhưn đầy cả tam đồ liền phát sanh. Còn ai có thiện tưởng rất khinh thanh, thì nó nổi bổng nung cái tịnh thân ở giữa thanh hư, vì vậy mà cõi trời đều hiện.

Thế nên, những chúng tạo tác nghiệp thập ác thì sẽ sa chìm đến các chỗ: A Tu La, Địa ngục, Ngạ quỷ và súc sanh; còn những hcúng thi hành nghiệp thập thiện thì được thăng lên các chỗ sáu trời dục địa cư; mấy người đã tu mười lành gồm có tu được chút phần thiên định như: ngôi tịnh, phạm phu thiên, nghĩa: dù có chánh tín nhưn quả, mà tu thiên bằng cách chán cái khổ bực dưới, ham cái vui bực trên, sẽ sanh ở bốn cõi **trời không cư** của dục giới. Nếu tu thiên mà rõ được **căn bản định**, nghĩa: đè được phiền não của bực dưới, mà đắc thiên định bực trên, gọi **cận phần**, cũng gọi **trung gian định**: dứt được phiền não của bực dưới, đắc cái thiên định bực trên, gọi là **căn bản thiên** cũng như định, tức là được sanh lên ở nơi các cõi trời **Tứ thiên trung giới**.

Ôu sắc giới lòng đã lia được cái dục tình của trời dục giới nên tâm thanh tịnh, tại đây, lại diệt được cái thân bằng sắc lung mà vào nơi không định, thì vắng sanh lên cõi vô sắc, theo thứ lớp mà ở nơi bốn trời không.

Như thế, các các trời ba giới: với phước vui tuy hưởng được vô cùng, nhưng chưa khỏi có ngày đọa xuống! Vì với chỗ tu pháp thập thiện, và các pháp thiên định như thế, nó đều thuộc pháp hữu lậu⁹, nên chỉ các bậc trời ở dục giới khi hết phước, có năm cái tướng suy hiện ra; các bậc trời ở sắc giới, đến lúc tuổi sống sắp mãn, thân thể sanh ra đại khổ não; các bậc trời trên vô sắc giới, đến lúc mạng chung, thân thể bị đau chết như bị tên bắn.

Thế thì, tam giới, lục đạo, trời và mọi loài đều bị cái khổ lớn luân hồi sanh tử! Thí tỷ như nhà bị hỏa hoạn.....Sự luân hồi như thế, một đều bởi si

mê vọng hoặc làm nguyên nhơn; nếu ai lìa được si vọng rồi, thì tự biết tam giới như ảo thuật, lục đạo vốn không, chính nơi thân thể chúng ngay chơn như, ca ba giới đâu chẳng là quốc độ diệu nghiêm, cả ngoan không chẳng chẳng là tự tánh chơn không, toàn vọng minh đâu chẳng là cái trí chơn như, như vậy lý trí đều đã hay tuyệt, lần suốt không ngần ngại, thì làm gì có sanh tử ư?

Kinh mời nguyện chúng sanh

PHỤ ĐỒ THỨ BA

Bản đồ thứ ba này, tức làm một phần bằng “hai mươi lớp hoa tạng thế giới” ở trung tâm điểm giữa bản đồ thứ tư sau kia.

So đó thì biết: những phần “hai mươi lớp hoa tạng thế giới” nhiều bằng số những vi trần ở thập phương nào là hình tượng hoặc lớn hay nhỏ, nào là vị trí sắp đặt lớp lan cũng đều đồng nhau, chỉ danh từ có khác vậy thôi.

Trong bản đồ đây, biển nước thơm tên Phổ Quang ma ni, và hoa sen tên Nhụy hương tràng tức là “Tổng hải hệ”, trong bản đồ thứ năm sau.

Trên “Nhụy hương tràng liên hoa” đầy đầy trong đó toàn là “vô biên diệu hoa quang hương thủy hải”, bên ngoài biển này có “Núi Đại thiết luân vi” giáp vòng tròn bên trong “Nhụy hương tràng liên hoa” để bao vây bên ngoài “Vô biên diệu hoa quang hương thủy hải”.

Biển vô biên diệu hoa quang hương thủy đây, nó có những tên mỗi biển riêng nhiều bằng số vi trần trong mười lần bất khả thuyết thế giới; mỗi mỗi biển riêng ấy đều có “Liên hoa tràng”.

Về “Liên hoa tràng”; nơi biển riêng rất trong đó tên là “Ma ni vương Liên hoa”; bên trong liên hoa này có “thế giới chúng” tên là “Phổ chiếu thập phương”, trên có hai mươi thế giới trùng điệp nhau để an trụ bằng cách dưới nhỏ trên lớn: như dưới nhưt là lớp thứ nhưt, có những thế giới bằng số vi trần của một cõi Phật, để bao vây giáp vòng ngoài lớp thứ nhưt.

Cứ như thế gấp bội hơn nhau, đến lớp thứ mười ba có những thế giới nhiều bằng số vi trần trong mười ba cõi Phật để bao vây giáp vòng lớp mười ba.

Nhấn đến thứ ba mươi có những thế giới nhiều bằng số vi trần trong hai mươi cõi Phật để bao vây giáp vòng lớp thứ hai mươi.

Cõi mà hiện nay chúng ta ở đây là Ta Bà thế giới, nó ở tại trung ương của lớp thứ mười ba, vậy Ta bà thế giới chính là con số bằng một mây trần giữa nhiều vi trần của mười ba cõi Phật mà thôi. Cực lạc thế giới cũng là một trần ở giữa lớp thứ mười ba, mà vị trí Cực lạc nó cùng ngang bằng nhau với Ta Bà.

Hỏi: nói là thế giới nhiều như số vi trần là nghĩa như thế nào?

Đáp: một hạt bụi nhỏ tính là một thế giới.

- Thế giới một hạt bụi là nó lớn được chừng bao nhiêu?

Với bề lớn của nó là ước chừng cứ một cái tam thiên đại thiên là một thế giới thì tính làm số một hạt bụi. Nghĩa là như một ta bà thế giới tính làm số một hạt bụi. Vì một ta bà kể có một tam thiên đại thiên, đây là rất nhỏ; hoặc đến bằng hai đại thiên, bằng ba đại thiên, và như kinh Pháp Hoa Phật thụ ký cho ông Phú Lô Na đa la Ni tử về cõi nước của ông sau này thành Phật là: lấy tam thiên đại thiên thế giới nhiều bằng số cát sông Hằng để làm một quốc thổ. Bởi thế, nên quốc độ của chư Phật hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc tịnh, hoặc uế, hoặc viên, hoặc phương, hoặc nghiêng, hoặc ngựa, mỗi mỗi hình lượng, không như định. Với mỗi mỗi quốc thổ cũng như thế giới ấy, đều có mỗi một đức Phật hiện làm giáo chủ, như đức Phật Thích Ca Mâu Ni làm giáo chủ của Ta bà quốc độ đây.

(hoặc tịnh: cõi Phật bằng tịnh độ; hoặc uế: cõi Phật bằng uế độ; hoặc viên: cõi cũng như thế giới hình tròn. Hoặc phương: thế giới hình vuông. Thế giới hình nghiêng thì chúng sanh ở đây đi đứng cái thân cũng nghiêng mà chúng đâu có biết; thế giới ngựa chúng sanh đi ngựa...., thế giới úp thì chúng sanh đi úp. Nghĩa là ở thế giới hình như thế nào, thì chúng sanh cũng do sức hấp dẫn như thế này v.v..

PHỤ ĐỒ THỨ TƯ

Hữu nhiều vòng vây mười thế giới chung

PHỤ ĐỒ THỨ NĂM

Bản đồ thứ năm này là gom chung cả bốn bản đồ trước, mà lại rộng trùm tất cả những Hoa tạng thế giới nhiều như số vi trần trong mười phương, đồng ở trên một cái hoa sen lớn, để chỉ rõ nghĩa của hai câu “Hoa tạng huyền môn, Tỳ lô tâm hải”.

Xét rằng: Tổng đại liên hoa tên là “Nhụy hương tràng” với Tràng này phía rớt dưới có Núi Tu Di và nhiều phong luân bằng số vi trần, mà lớp dưới hết là lớp phong luân thứ nhứt tên là “bình đẳng trụ”, lớp này nó duy trì lên trên tất cả Bửu diệm xí nhiên trang nghiêm.... Cho đến lớp phong luân rớt trên là “Thù thắng uy quang tạng”, lớp này nó hay duy trì “Biển Phổ quang ma ni hương thủy”, biển này là “tổng hương thủy hải” ở dưới Đại liên hoa nhụy hương tràng.

Trong “biển tổng hương thủy” mọc lên đại liên hoa tên là “chủng chủng quang minh nhụy hương tràng” đấy là “tổng đại liên hoa”.

Trên tràng tổng đại liên hoa đầy dẫy bên trong là Hương thủy hải; chu vi bốn phía có núi Kim cang Luân vi chạy vòng tròn dọc theo bên trong Tổng liên hoa, để bao vây bên ngoài Hương thủy hải, đấy là Tổng hương hải trên Tổng liên hoa.

Trong Tổng hải có những Hương thủy hải nhiều bằng số vi trần trong mười lần bất khả thuyết Phật sát, đó là chỉ ngay về những “biệt hương thủy hải” ở giữa “Tổng hương thủy hải” trên “Tổng đại liên hoa”.

Mỗi mỗi trong Biệt hải đều có một thế giới chủng, mỗi trên một thế giới chủng, để có hai mươi lớp Hoa tạng thế giới, theo lớp lan sắp đặt xây dựng, đồng gom chung trong một hoa sen lớn đây, nên gọi là Hoa tạng thế giới, tức Tỳ lô tâm hải.

Song le, tổng quát trong hoa tạng, chỉ sắp bủa ra một trăm, một chục, một cái Phật sát chủng, là lấy phần giản lược, mà gồm cả trên hoa tạng những mười lần số “Bất khả thuyết” thế giới vi trần số thế giới chủng, mỗi mỗi thế giới chủng đều có hai chục tầng Phật sát. Tỷ như cái vông bằng ngọc của Thiên đế, nó chia bủa ra mỗi viên ngọc đều có mỗi chỗ để an trụ.

Mỗi một Phật sát đều có những vật trang nghiêm nhiều bằng số vi trần; mỗi một món trang nghiêm đều phóng ra những tia sáng nhiều nhiều số vi trần; mỗi một ánh sáng đều hiện ra những Hoa tạng thế giới trên và những sự bất khả tư nghị trong chón sát hải cả ba đời. Tỷ như nghìn mặt gương trung trùng đối diện nhau, lẫn lẫn chói dọi khắp chiếu suốt nhau.

Song, với Hoa tạng và Tâm hải ấy, toàn là cái nhứt tâm của người đương đời, thế thì tâm đủ pháp giới, mà pháp giới tức là tâm, vì đều rộng lớn hòa lẫn nhau vô cùng vô tận, chính thật đây bảo: “Hoa tạng huyền môn Tỳ Lư tâm hải”

---o0o---

THUYẾT NÀY ĐỂ ĐEM HOA TẠNG THẾ GIỚI NÊU RÕ NHỨT TÂM

Không luân ấy là để nêu nhứt tâm chơn như; tâm ấy làm thế cho pháp giới bằng đại tổng tướng pháp môn, tức là cái lý căn bản vô sai biệt; có núi Tu di ấy là để nêu bày cái chơn trí của nhứt tâm.

Phong luân ấy là để tiêu biểu rằng từ nơi tâm trí phát khởi ra vô lượng đại nguyện. Thủy luân ấy là để tỏ ra rằng nước đại bi tâm trong lòng chảy giáp khắp nhuần Hoa sen lớn ấy là nêu bày rằng từ nơi bi nguyện mà hành những công nghiệp bất khả tư nghị. Mười lần bất khả thuyết ấy là để tiêu biểu rằng với khắp trong pháp giới, các thánh Bồ Tát trong thập địa thường hành những sự bất khả tư nghị công đức. Điều hai mươi tầng dưới hẹp trên rộng ấy là biểu hiện ra rằng với bậc thập địa, Bồ Tát tiến lên có phần chánh, phần hướng mà chánh, hướng cũng đều có phần đặng bởi hơn quả đền bù, dần dần càng rộng lớn tốt hơn.

Mỗi tầng có danh hiệu Phật quả đó là để tỏ ra rằng tùy theo mỗi địa vị tiến lên hiệu Phật có hơn có quả. Lại gom chung đều có những hai mươi tầng Phật quả là đồng thống nhất nơi căn bản Phổ quang minh trí để tùy theo mỗi tiến lên làm lập thành những danh hiệu, chớ thật thì thể tánh không hề sai khác.

Bên trong núi Kim Cang luân vi giáp vòng vây đều có mười thế giới chung mà trên dưới đều chỉ có bốn trùng là để biểu rõ tứ nhiếp pháp và tứ vô lượng tâm. Nói tóm lại, từ nơi cái “Trí chơn không vô phân biệt của Tổng Nhứt thanh tịnh chơn tâm, mà biến ra cái Trí hiện hành có sai biệt để thành không luân, phong luân, thủy luân, kim luân, địa luân”...

Song, đây là tổng quát cả trong “tổng liên hoa” nó có những sát độ, hương hải như bấy nhiêu, mà không một sát hải nào là chẳng phải cái cảnh báo hóa của mỗi một đức Phật. Vốn bởi, đối với trí cảnh của nhứt tâm nó đã là vô hạn, thì với cái cơ để nhiếp hóa lợi sanh nó cũng vô hạn; với cơ nhiếp hóa lợi sanh đã vô hạn, nên chi với thân độ báo hóa đều trang nghiêm đâu chẳng xứng tánh bằng cách cũng vô hạn?

Thế nên, trong kinh ghi rõ rằng: Những kiếp tu nhơn của Đức Thích Ca, đối với trong Hoa tạng đây, không chỗ nào là Ngài không để dấu vết đến. Bằng cứ là kinh nói: Cả ba ngàn thế giới, tùy ý ai lấy cây cắm xuống một chỗ nào, cũng đều trúng nhằm cái tiền thân của ta đã chôn tại đó, vì mỗi thân đều từ khứ sanh lại như thế để tu Bồ Tát đạo từ A tăng kỳ kiếp đến nay. Thành thử nay thành quả đạo, cũng với trong vô hạn sát hải ấy, khắp nơi hiện ra tam loại hóa thân, để tùy theo cơ cảm, ứng hiện độ sanh với chúng hữu duyên.

Thế thì, giữa Hoa tạng có vô lượng chư Phật, mỗi Phật, mỗi Phật đều là lẫn khắp nhau, lẫn ứng hiện nhau, thì Hoa tạng đây tức là diệu cảnh diệu tâm của mỗi mỗi đức Phật mà cũng là những diệu cảnh diệu tâm nơi nhứt tâm của ta với người vậy thôi.

Nên kẻ tu hành nếu y theo tổng đồ để quán xét nhìn tướng, sự quán tưởng dần dần thuần thực, thì tâm lượng rộng sáng rộng ra, thế với Hoa tạng huyền môn, Tỳ lô tánh hải ta tự lẫn suốt được.

Kinh nói: “Ứng quán pháp giới tánh, nhứt thế duy tâm tạo”, nghĩa: Nên xét tánh pháp giới (a lại da thức hay là Như lai tạng) thì biết tất cả (tứ thánh lục phàm) chỉ cái tâm tánh ấy tạo ra. Chính là nghĩa đã nói trên.

---o0o---

ĐỊNH DANH NGHĨA CỦA HOA TẠNG HUYỀN MÔN VÀ TỖ LÔ TÁNH HẢI

Lời sớ sao kinh Hoa Nghiêm chép rằng: Với những chỗ mà hoa sen nó ngâm hột sen đó, thì gọi là “tạng hay tàng” nghĩa là kho hay chứa; các sát chủng (thế giới chủng), và các Phật sát (Phật quốc) là tỷ những chỗ hàm tàng của hoa sen lớn, nên bảo là “Hoa tàng”. Với trong Hoa tàng có mỗi mỗi cảnh giới, cảnh giới nào cũng đều có những thanh tịnh công đức nhiều như số sát hải vi trần, nên nói là “trang nghiêm”. Với thế giới thì: số nhiều vô biên, thể lượng sâu rộng, không thể xét lường đặng, nên gọi là “Hải”. Chứa nhiều thế giới chung ở trên một “ma ni vương liên hoa” để thâm nhiếp các lưu loại, nên gọi là “chủng”. Gôm chung các hạnh trong hoa tàng đây, tức là nhứt tâm chơn như của các Phật, trong cõi không: vô cùng đại nguyện là phong luân để duy trì nước biển đại bi, nảy nở vô biên hạnh nghiệp rõ tốt như hoa là Phật sát (Phật quốc độ)

Vốn bởi, với tâm ấy sẵn đủ vô biên công đức diệu trí, nếu phi thật hành vào cửa vạn hạnh vô biên, thì không do đâu để tỏ rạng ra đức và trí kia, nên chư Phật công hạnh đã cùng tận, trí đức đã cao cực, thì toàn thể bày ra những tướng vi diệu của công đức Hoa tạng nhiều đến vô biên.

Song, với lý lẽ mà rất vi diệu khó nghĩ suy ấy, thì duy có Phật Thích Ca và chư Phật mới có thể xét hiểu được cùng tận nên gọi là “huyền”. Đối với Hoa tạng, từ trong chí ngoài với mỗi mỗi mây trần đều đạt được, với mỗi mỗi pháp đều thông suốt, nên gọi là “môn”. Chính nơi huyền môn ấy chúng sanh vốn sẵn đủ, nếu giác ngộ rồi lo tu, thì toàn thể nó rõ bày ra cái tâm bình đẳng của chư Phật, nên nói là “đồng đẳng Hoa tạng huyền môn”.

Chỉ nói Hoa tạng thì, đâu chẳng phải là Tỳ lô tánh hải, vì tánh hải vô biên đầy nó hàm ở trong cái hư không vô biên, bởi hư không vô cùng tận, thì ngoài hoa sen lớn ra hẳn còn có vô cùng tận những bông đại liên hoa tạng nữa để làm trang nghiêm đủ rõ rồi.

Dường như cái võng bằng châu ngọc của Đế thích: mỗi một viên ngọc ánh chói nó đến với nhiều viên ngọc; như thế mỗi mỗi viên ngọc ánh chói lẫn nhau, mỗi mỗi viên châu gồm thấu lẫn nhau, mà vẫn cũng chẳng tăng chẳng giảm, hòa lẫn hoàn toàn, không hề cùng tận. Thế thì, đâu chẳng là nói rõ tâm đức rộng lớn vi diệu rất khó suy nghĩ ru! sao thế?

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Hữu lậu vi trần quốc, giai y không sở sanh, không sanh đại giác trung, như hải nhưt âu phát”: Thế giới hữu lậu nhiều như bụi, đều nương sanh khởi giữa hư không; hư không sanh khởi trong lòng Phật, ví dường cục bọt nổi giữa biển. Lại, Cổ đức nói: Tâm dung diệu lý hư không tiểu: Tâm lẫn lẽ màu hư không nhỏ. Thế thì, cõi hư không đã vô cùng ta khó nghĩ được! Mà hư không hãy còn ở trong tâm chơn như của chúng ta, thì với cái tâm ấy, há chúng sanh chín cõi khá lường kịp ư?

BIỂU ĐỒ BÁT NẠN TAM ĐỒ

Đối với Phật pháp, những chúng sanh vô duyên thiếu phước, không được nghe thấy chi hết, gọi là bị cái nghiệp chướng làm khốn nạn, như các chúng sanh ở vào tám chỗ kể trên. Thế mà người đời hiểu lầm nói bậy rằng Phật còn mang nạn tám...

Kinh Duy ma, phẩm phương tiện nói: Đến khi Bồ Tát thành Phật, trong cõi nước chẳng có ba đồ tám nạn.

Sách Tịnh Tâm giới quán pháp chép rằng: bốn trăm bốn chứng bịnh lấy cái bữa ăn đêm làm gốc; tám nạn ba đồ đều bởi nữ nhơn làm gốc, ghê chưa?

Tam đồ: Kinh Tứ giải thoát nói: Chữ Đồ nghĩa như chữ Đạo là đường, và chữ Thú là đến. 1/ Hỏa đồ, tức địa ngục thú, là những chỗ phần nhiều chỉ mãnh hỏa đốt hành tội. 2/ Huyết đồ, tức súc sanh thú, là những chỗ mà chúng cứ ăn tươi nuốt sống hút máu lẫn nhau để chịu tội đền trả. 3/Đạo đồ, tức ngựa quý thú, là những chỗ mà chúng sanh này thường dùng đao kiếm gây để chịu cái khổ xua đuổi áp bức lẫn nhau.

BIỂU ĐỒ CỬU HỮU

TAM QUY Y

NƯƠNG VỀ NGÔI TAM BẢO

Từ trước đến giờ: Từ tụng kinh, niệm Phật đến đây, để kết thúc hương về ngôi Tam Bảo là cốt yếu phổ nguyện cho được tự tha lương lợi mà thôi chứ không chi khác.

Với Tam bảo là chỗ để quy y. về bên Sự: thì, các ngôi biệt tướng...Tam bảo là sờ sờ có thể riêng ngôi; về bên Lý: thì, với ngôi Nhất thể Tam Bảo, vẫn sẵn đủ trong nhất niệm tâm ta

(xem bản đồ ở Hồng danh bửu sám)

Lại, với sự thì bảy bậc người phương tiện về: Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo đều là chỗ để quy y, còn với Lý thì cả Viên giáo tự thí chí chủng, và thập địa của Biệt giáo đều là chỗ để quy y.

QUY là nghĩa trở về; Y là nghĩa nương theo. Nghĩa là bảo tà pháp, về phụng sự chánh pháp, nương theo chánh pháp để tiến đến chơn tế, chánh pháp tức là ngôi Tam bảo.

BẢO: báu, Quý báu của Phật là thuyết đạo; quý báu của pháp là chở đạo; quý báu của Tăng là vì truyền đạo. Đối với tam bảo, nên tôn sùng, khá quý báu, vì giữa pháp thế gian không mấy có. Nói đúng ra: pháp thế gian là trong tam giới, làm gì có ba báu ấy, nếu không người chánh giác ra khỏi mê hoặc ba giới. Đã có câu “bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ” vậy những người đã gặp và tự tâm tín thụ, ắt đặng giải thoát hết mê hoặc sanh tử của tam giới, nên tôn xưng là Bảo. Vua Đường Thái Tôn tôn xưng Huyền Trán là quốc

bảo, nghĩa là môn báu bằng người của nước nhà, vì hơn cả bảy báu kia, bởi biết hoạt động về thuyết pháp, dịch kinh, chuyển mê khởi ngộ cho cả một quốc dân. Và hơn “đĩ thiện vi biểu” của nước Sở, vì từ thiện hữu lậu của thế gian nó lẫn quẩn giữa cõi đời sống say chết ngủ! Thì thập thiện của Trời còn mê, huống thiện của nước Sở ở sát đất cái!

BIỂU ĐỒ

Tự quy y Phật; đương nguyện chúng sanh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm.

Tự quy y pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý địa chúng, như thể vô ngại.

Tự về nương Phật; phải nguyện chúng sanh, noi hiệu đạo cả (Phật bảo), đầy lòng không trên.

Tự về nương Pháp; phải nguyện chúng sanh, sâu vào kho Kinh (Pháp Bảo), trí huệ như biển.

Tự về nương Tăng; phải nguyện chúng sanh, gồm trị chúng lớn (Tăng bảo), tất cả không ngại.

Ba bài kệ đây, đều mỗi câu đầu (tự quy y Phật, tự quy y Pháp, tự quy y Tăng) là nói: quy y ngôi Như thể Tam bảo. Mỗi ba câu kệ (đều từ “đương nguyện chúng sanh” sắp xuống” là nói: quy y ngôi biệt tướng Tam bảo).

Tự quy y Phật là chính nội trí của tự tánh; quy y ngay nơi Phật của tự tánh, cũng quy y nói pháp của tự tánh, và cũng quy y nơi Tăng của tự tánh. **Phật** giác, nghĩa là Biết, tinh và sáng suốt, tức là trí huệ của tự tánh. **Pháp**: phép tắc, mẫu mực, tức là lý lẽ của tự tánh. **Tăng**: hòa hợp, tức là lý trí như thể của tự tánh.

Lại, Phật là bát nhã đức; Pháp là pháp thân đức; Tăng là giải thoát đức. Ba đức lẫn tròn, tức là tự tánh Tam bảo: Tự tánh thanh tịnh, vẫn giáp pháp giới, thì pháp giới và chúng sanh đều lẫn nhau ở trong tự tánh của ta, mà ta đã tự quy y với ngôi Vô tận Tam bảo của bản tánh ta rồi, thì ta cũng cần phải

nguyện cho pháp giới chúng sanh thấy đều quy y về ngôi Vô Tận Tam bảo của tự tánh.

Song, biệt tướng Tam bảo dù nhiều, mà thành phần thì cũng do nơi Nhứt thể Tam bảo, tự tánh Tam bảo đầu một, chứ biệt tướng Tam bảo riêng rõ sờ sờ, nên tự tánh Tam bảo đã hòa lẫn, thì cùng Biệt tướng nhưt như cũng khá biết.

Thê: thê cứu, là: nơi xét. **Giải:** rõ nhớ. **Đại đạo:** đạo cả của nhưt Phật thừa. Nghĩa là cầu nguyện cho khắp cả chúng sanh đều noi theo để tỏ nhớ đạo Phật vô thượng, phát ngay cái tâm lớn vô thượng, để mong cho chóng thành Phật quả vô thượng.

Thâm nhập kinh tạng: Kinh điển của địa thừa đều đủ mười hai bộ, kinh điển của tiểu thừa đều đủ chín bộ “Tạng “: có ba tạng, là: Tạng Kinh, Tạng luật, Tạng luận. Với ba tạng đây: đều lẫn nhau đủ cả mười hai bộ và chín bộ, chín và mười hai cũng đều đủ cả trong Tam Tạng (Tạng Kinh đều đủ chứ mười hai bộ, tạng luật tạng luận đều đủ nghĩa của mười hai bộ).

Với “thập giới pháp môn” không kinh nào là chẳng trọn bao quát, nên nói là kinh tạng.

Lại, Kinh: trung đế; Luật: tục đế; Luận: chơn đế. Một mà đều đủ cả ba, ba một chẳng phải là hai, bởi thế, nói ba tạng đâu chẳng là ba đế, nên phổ nguyện pháp giới chúng sanh tỏ sâu vào lý tam đế, khắp vào cái tâm pháp giới, thì nhưt tâm tức là tam trí, ba trí vẫn là một tâm, tỳ như đại hải vô ngại.

Tam trí: 1/ Nhứt thể trí, là trí của các thánh Thinh văn Duyên giác, vì biết cái tổng tướng của tất cả pháp; tổng tướng tức là không tướng. 2/ Đạo chủng trí, là trí của các đức Bồ Tát, vì biết tất cả đạo pháp mỗi mỗi sai khác. 3/ Nhứt thể chủng trí, là trí của chư Phật, vì Phật có trí hoàn toàn sáng suốt, biết thấu pháp của tất cả chúng: từ tổng tướng đến biệt tướng để dạy đạo lý, dứt hoặc tập. Ba trí tròn sáng, tức là Chơn như tánh hải.

Thông: gồm, lý: sửa, điều trị. **Đại chúng:** Nguyên tiếng Phạm là Sangha (tiếng Việt đọc Tăng già) dịch chữ là Hòa hợp chúng, hay là chúng hòa hội, nghĩa theo Tiếng Việt là các vị Bí Xu đồng nhiều hòa thuận nhóm họp. Tức là các hàng quả vị trong tứ giáo, bảy bậc hiền giữa Tam thừa, và hạng thật sự Tăng chúng giữa phạm phu (như đã thấy bản đồ ở văn sám của ngài Duy Sơn Nhiêu Thiên Sư).

Phổ thông nguyện cả chúng sanh: đều gom pháp lục hòa, đủ tam quán, để dứt tuyệt những mê vọng của tam hoặc, trọn rõ cả chơn giác của tam trí, cùng vào biển của tất cả Hiền Thánh, mà đặng lẽ viên dung vô ngại

Hòa nam: dịch là lễ bái. **Thánh chúng:** tức là các Thánh chúng cả Tam thừa giữa Tứ giáo. Ý nghĩa là: lạy chào các Thánh, chúng con xin lui

BIỂU ĐỒ

Xét rằng: Tam đế là tam đức tánh thiên nhiên, vì Trung đế là gom tất cả pháp; chân đế là bật hẳn hết thấy pháp; Tục đế là thành lập đủ các pháp. Lại, lúc tâm tánh chẳng động, mượn đây để lập cái tên Trung; lúc mất bật cõi tam thiên, mượn lập tên không; lúc mà tuy mất còn, mượn lập tên giả,

BIỂU ĐỒ

Với Trường hàng, Trùng tụng, Cô khởi thì theo nơi chữ, một câu để thành lập danh từ; do nơi Sở để nêu bày cái tên Phương Quảng. Còn mấy phần kia là đều theo nơi Sự để xưng hô.

Vả lại, chỉ ngay nơi một bộ kinh Pháp Hoa nó gồm đủ mười hai phần hay bộ, để rõ rằng: các bộ kinh đại thừa bộ nào cũng đều có đủ mười hai phần, mà cũng có đại thừa không đủ mười hai phần ấy, như Kinh A Di Đà chẳng có ba nghĩa Trùng tụng, Cô khởi, Thụ ký. Ngoài ra, các Kinh khác so đó khá biết; còn với chín bộ của Tiểu thừa đủ hay chẳng đủ mười hai phần giáo, cũng so với Đại thừa như trên khá biết.

BIỂU ĐỒ

Với ba ấy đều xưng là Tạng (là kho hay chứa vô kho) đó, là cả mười pháp giới nào tứ Thánh nào Lục phàm đều có bao nhiêu công đức đâu đều chẳng đủ, nên nói là Tạng: nếu mỗi người đều năng học tập, dần dần đi sâu vào chỗ thâm diệu của bao nhiêu kho ấy, thì tất nhiên trí huệ rộng sâu như biển khơi.

Chương 7: Kinh A Di Đà

PHẬT THUYẾT A DI ĐÀ KINH MÔNG GIẢI

(Đức Thích Ca Mâu Ni nói kinh này là : để chỉ rõ y báo chánh báo của Phật A Di Đà đều đủ có công đức thanh tịnh trang nghiêm, cốt khuyên chúng sanh tu pháp “Trì danh niệm Phật” được vãng sanh lên bực Bất thoái, vì có chư Phật ở sáu phương hộ niệm và chư Thượng thiện nhơn đề huề. Lời mông giải là : Lời của Ngài Quán Nguyệt Pháp Sư giải rõ chỗ khuất tối như sau đây) :

các học giả bên Tiểu thừa không tin nhận có các quốc độ thanh tịnh ở các phương hay thế giới khác; những tu sĩ bên phái Thiên tông, cũng có người chê phụng pháp niệm cầu vãng sanh tịnh độ. Đây đều là hạng học tu ngoài da của Phật pháp, vì đối với mùi vị “vi diệu pháp” thì, tỷ như họ chỉ mới thưởng thức chất vị căn bã mà đã cho là thức ăn cam mỹ, chứ chẳng biết còn có món ăn rất ngon quý hơn. Đối với pháp vị “niệm Phật cầu sanh”, dấu cho bực đã no đủ Thiên học đi nữa cũng chẳng dám có ý trái nghịch, huống là ai.

Chính các vị Đại Tông Sư như là : Vĩnh Minh, Sở Thạch v.v....những lời nói của các Ngài đều hợp với Kinh Phật, đều đem pháp niệm Phật ra để dạy người tu học cầu nguyện vãng sanh tịnh độ. Bởi vì trong đại tạng kinh các bộ Đại thừa, đều có nói kèm lời khen ngợi pháp niệm Phật được sanh về nước cực lạc, vì cho là lối tu học này chóng tắt hơn.

Những Kinh chuyên nói rất rành về pháp tịnh độ thì, tức là : Kinh Đại bản, kinh Thập Lục Quán và các nghĩa của kinh tiểu bản này, thấy đều khắp gồm thâu hết ba căn cơ là trình độ những người tu học. Tỷ như biển lớn thâu nạp cả nước trăm sông. Chí như, tìm một pháp rất dễ hơn giữa các pháp dễ, chọn đường tắt hơn hết trong các đường tắt, thì chỉ có pháp trì danh niệm Phật và kinh tiểu bản này là rất dễ rất tắt nhất hơn hết mà thôi. Vì số văn tự dù dón gọn, mà lời lẽ rất đầy đủ; nghĩa của nó bao trùm cả cái lượng rộng của kinh đại bản, kinh thập lục quán; lý của nó đủ suốt cái phẩm màu các bộ đại tạng. Dường như trong bầu vũ trụ nó bao hàm cả vạn tượng.

Nên từ đời Tấn, Tổ Huệ Viễn bắt đầu tổ thành hội Liên Hoa xã tại núi Khuôn lư, tỉnh Chiết Giang, mãi đến nay trải qua đã hàng nghìn mấy năm, mà những kẻ tu các kinh khác số được giải thoát cũng không bằng số người tu kinh này được giải thoát nhiều hơn, vì được vãng sanh mới chắc là giải thoát sanh tử.

Thế nên, với kinh Tiểu bốn này, các đức Tổ Sư xưa đã chú giải, số sao rất đông, như Tổ Hải Đông làm Di Đà kinh sơ, Tổ U Khê làm Di Đà viên trung sao, Tổ Vân Thê làm Di Đà số sao, Tổ Linh phong làm Di Đà yếu giải v.v.... đều vạch ra nghĩa lý rất rõ ràng, tỳ như ánh thái dương sáng rõ giữa trời, khắp soi cả mặt đất. Vậy phàm là kẻ trí thức, xin chính mình tự xét lấy.

Song, đối với các bốn kinh đã số giải trên, kẻ sơ cơ xem đến chưa khỏi đội ngược, vì khó hiểu được, bởi văn từ quá rộng nhiều, ý nghĩa rất tinh vi. Tôi chẳng nệ nhọc nhằn, lập lại và làm nghĩa “mông giải” này, để làm cái cơ sở hầu tiến lên nơi nhà trên của Phật pháp, tưởng không phải là vô ích ?

Sắp giải thích kinh tiểu bốn này trước hết xin lập ra năm lớp nghĩa mâu, để thích rõ danh đề là tên Kinh đây :

A/ Với Kinh đây, riêng chỉ dùng tên người làm danh danh là đề mục của kinh. Với đề mục của kinh này có hai bốn : một, tên là “Phật thuyết A di đà Kinh”, hai, danh là “Nhứt thể chư Phật sở hộ niệm kinh”. Ôu đây chỉ lược giải về kinh đề của bốn trước là : Phật thuyết A Di Đà Kinh :

Phật : Đức Giáo chủ ở cõi Ta bà, là người đã chứng quả vị tột bực mà năng nói.

A Di Đà : Đức Giáo chủ ở cõi Cực lạc, là người đã chứng quả vị tột bực mà bị nói.

Rằng quả vị tột bực là : Với phiền não sanh tử đã dứt hết, với bồ đề niết bàn đã trọn nên, đầy đủ muôn đức tốt, khắp hiện ba tướng thân, ngôi tột không chi trên, nên gọi là Phật.

Thế thì đức A Di Đà , đức Thích Ca đã đồng là bực Cực quả rồi, còn cần chi nữa lại phải dùng lời của Phật đây để khen tặng cho Phật kia bằng cách nói ra kinh này ư ? nguyên bởi thế giới ta bà đây là cõi đời ứ ác thì, y báo là quốc độ, chánh báo là thân tâm, đều được thiết hiện ra như thế này là, nguyên do nơi lòng vọng tưởng làm việc mê hoặc nên đều cảm chịu như thế đó, nghĩa là phát khởi ra nhiều đến vô cùng những k iếp sanh tử ảo thuật như phim chớp bóng, trôi giạt trong ba cõi, chúng sanh này không được nương nhờ vào đâu, như lũ con côi quạnh ! mặc dầu có đức Phật Thích Ca ra đời, nhưng chỉ một thời kỳ rất ngắn để dạy độ những phần tử có căn cơ thích hợp mà thôi, còn những chúng sanh vô duyên với Phật không tin tưởng thì làm gì độ được.

Nếu nói về cõi cực lạc thanh tịnh, thì y báo là cõi nước, chánh báo là mình vóc, đều sạch trong, tốt đẹp, vì trái đất bằng vàng ròng, thân người bằng hóa sanh. Thân và cõi được trang nghiêm như thế là đều bởi toàn thể loài người bên thế giới ấy, tâm đủ cả công đức niệm Phật thanh tịnh, nên thật hiện ra cái thân thơm đẹp bằng liên hoa hóa sanh, và tâm đủ cả chí nguyện kiên cố, nên hiện thiết ra cái cảnh giới chắc rờ bằng hoàng kim vi địa.

Với việc thuyết pháp để giáo dục, thì hiện có đức Di Đà thường giảng dạy luôn luôn; còn thuyết pháp bằng cảnh vật để nhắc nhở, thì vẫn có nước, chim, cây, rừng thường reo hát khuyên rạo mãi mãi.

Chúng sanh là nhơn dân đều được nghe rồi, cả ba bậc căn tánh đồng đặng tăng phần phẩm đạo rút ngắn cái đời tu học, để chóng đắc quả Phật. Thế nên với Kinh này không những một đức Thích Ca cao giọng tán dương, mà hẳn còn được nhiều chư Phật ở sáu phương cũng đồng ca ngợi nữa. Như thế, đâu chẳng là nhắc thức chúng ta, cần phải tin tu theo bốn kinh đây là kinh có công đức rất trang nghiêm mà không thể ý nghĩa lời bàn, đã được chư Phật xưng dương tán thán. Vậy chúng ta, nên kíp phát tâm dũng mãnh tụng Kinh niệm Phật đây để cầu nguyện vãng sanh về cõi tịnh độ của Phật A Di Đà.

A Di Đà tiếng Phạm : Amita, dịch chữ : Vô lượng quang, nghĩa : ánh sáng không lường. Trong văn kinh nói : Phật kia có hào quang sáng rộng không lường, vì ánh chiếu đến cả mười phương thế giới, không chi làm chướng ngại được. Lại đổi chữ là : Vô lượng thọ, nghĩa : Sống lâu không lường. Trong văn Kinh nói : Đức A Di Đà cùng nhơn dân kia đều sống lâu đến vô lượng vô biên vô số kiếp. Vì “Quang” thì xứng với tánh giáp khắp pháp giới; còn “Thọ” thì đúng với tánh vẫn không sanh diệt. Thật ra những trí huệ, thần thông, y báo, chánh báo, căn cơ, giáo khoa v.v... mỗi chi chi cũng đều xứng với con số vô lượng cả.

Thế thì, khi người ta niệm Phật : mỗi câu rành rõ, tương ưng với Phật, tức là nghĩa của chữ “Quang” đấy ; mỗi câu không gián đoạn, được nhứt tâm bất loạn, tức là nghĩa của chữ “Thọ” đấy. Vì hiệu Phật với tâm niệm liền liền không dứt không loạn, nên tức là nghĩa trường thọ bất diệt ; cũng như câu niệm Phật với lòng niệm rành rõ sáng suốt, nên tức là nghĩa quang minh vô tận.

Quang tức là trí như như ; Thọ tức là lý như như; Trí chiếu nơi Lý, lý rõ trí sáng, lý trí vẫn một, quang thọ chẳng hai, thế, với lẽ tự tánh Di đà, di

tâm tịnh độ, mỗi niệm của tu đều chiếu thấu suốt cả. Đó niệm Phật mà đúng như thế, thì Quang và Thọ há phi rõ bày nơi tự tâm ư ?

Song, còn có nghĩa Lục tức vì chia ra vị trí chẳng đồng nhau, bởi cái tâm hiện bây giờ của chúng sanh.

1/ Với Quang Thọ mặc dù sẵn đủ, nhưng mê lũng di mà chẳng tự khai giác ra được, thì chỉ gọi bằng “xưng lý tức Quang thọ”,

2/ Nhờ nghe nên hiểu biết tịnh độ và hiệu Phật, là “danh tự tức Quang Thọ”.

3/ Đã nghe tin rõ, giữ niệm luôn danh hiệu Phật, là “quán hành tức Quang Thọ”

4/ Cái thô cấu của phiền não đã phủ giữ rụng trước là “tương tự tức Quang Thọ”.

5/ Với vô minh phá được từ phần, để rõ bày tự tánh Phật là “phân chứng tức Quang Thọ”

6/ Với vô minh phá trừ đã hết, với lý trí chứng đã tột tròn, đó mới chính thật đáng gọi là “cứu cánh tức Quang Thọ”

thế biết rằng : Đức Phật A Di Đà là bực người cứu cánh, thì “Quang” và “Thọ” đều rộng khắp ra giúp hợp đến vô cùng tận. Vậy nếu là người muốn cầu giải thoát mà lại rời đây ra, thì đâu có dễ gì thậtặng giải thoát.

B/ Kinh này dùng thật tướng làm thể. Thể là cái lý. Kinh mà không có lý, thì đâu có thể khế hợp với Phật pháp và căn cơ con người, thành ra đồng với sách tiểu thuyết của thế tục. Thật tướng là cái tâm hiện tiền của chúng ta; nó là cái bản thể vô hình vô tướng, phi diệt phi sanh, mà lại hay rỗng rang sáng tỏ như gương chiếu rõ vật tượng không sót một tí hào.

Song, cái có sanh có diệt đó, là những cái bóng luống dôi của vọng tưởng trong tâm; cái tâm thật tướng kia, tuy trọn ngày ở nơi vọng, mà trọn ngày nó vẫn là chơn; từ nghe thính thấy sắc, đến cả hành động cử chỉ gì, nó đều rõ suốt rành rẽ tất cả, khôn sáng riêng tỏ, rảnh hảnh ngoài căn, trần; nếu xảy một niệm vừa phân biệt, thì tâm đã bị rượt theo trần cảnh mà, rồi đến sanh tử vô cùng !

Thế nên đức Như Lai đã chứng rõ cái thật tướng rồi, lại vẫn y nơi tâm từ bi thật tướng đó, để phát minh ra bốn kinh này, mỗi câu toàn là thật tướng. Lời nào lời nấy đều rõ lý thể, để khiến cho những người niệm Phật tự rõ nhận lấy mỗi niệm mỗi niệm đâu chẳng là chứng cái thật tướng của duy tâm tự tánh đầy mà thôi. Hết hay trùng.

C/ kinh này lấy lòng tin, lời nguyện giữ niệm danh Phật làm tông. Tông : tông yếu cũng như nòng cốt. Trong văn kinh nói : cần phải tin xưng tụng tán thán kinh đây, và khuyên nên tin. Lại rằng : Cần phải phát nguyện...khuyên nguyện...lại nói : giữ niệm danh hiệu. khuyên hành, là bảo phải thật hành niệm Phật phát nguyện cầu vãng sanh.

Sách yếu giải nói : phi tin, chẳng đủ đầy nguyện, phi nguyện chẳng đủ dẫn hành, phi thật hành giữ danh để niệm, thì chẳng đủ để đầy chỗ nguyện, chứng chỗ tin. Ba cái tin, hành và nguyện đó, là món tư lương hay cơm ăn đi đường, để cầu sanh sang về tịnh độ, tỷ như cái đánh có ba chơn, thiếu một thì không đứng vững được.

Tin : Tin, là tin sáu điều này : Tự tha, nhơn quả, sự lý; đủ sáu cái nguyện nhơn đó chung lại giúp lẫn nhau mới thành lập được tịnh độ. Nguyện là : nguyện xả bỏ cõi ta bà, mà hâm mộ về cõi cực lạc. Hành là : thật hành bằng cách giữ gìn danh hiệu A Di Đà Phật để niệm luôn luôn mãi đến chừng nào được nhứt tâm bất loạn. Nghĩa : cái tâm chỉ thành một khối niệm Phật, chớ không còn niệm gì nữa xâm loạn.

Tự : Mình, rằng tin tự là biết cái bản thể tự tâm của mình nó dọc cùng ba giới, ngang khắp mười phương, nguyện sẵn thanh tịnh; nay nó bị cái vọng niệm vô minh làm lừa dối, nên chi chẳng thể rõ suốt lại được cái bản thể kia. Bây giờ đây, nếu ta có thể mỗi niệm tức là Di Đà thì chắc chắn hẳn hiển nhiên tự tánh duy tâm tức là Phật độ (tịnh độ)

Tha : kẻ khác, rằng tin tha, là biết đức Thích Tôn nói kinh này chẳng dối gạt. Chư Phật sở dĩ có cái tướng lưỡi rộng dài hơn chúng nhơn là tượng trưng cái kết quả đã nhiều đời không nói dối; còn đức Di Đà lại có cái cõi thanh tịnh hơn các thế giới khác là để biểu dương cái tâm nguyện rộng lớn đã chơn thật làm nên; nay đây chỉ có điều là chúng sanh cần phải nương nơi đức tin đầy lòng nguyện là quyết định được vãng sanh đầy thôi.

Nhơn : Nhơn do, nguyện nhơn; tin nhơn có hai cách “Định tâm niệm Phật” và “Tán tâm niệm Phật” đều thành giống Phật (hột giống Phật)

Quả : Kết quả; tin quả có hai điều lành là Định thiện, Tán thiện, kiêm cả nguyện trọn đủ, thì chắc được đi ngay đến liên đài (chín phẩm đài sen).

Sự : Việc sự tướng, thật sự; tin sự là tin ngoài mười muôn ức cõi Phật, ắt có nước Cực lạc mà ta có thể tìm đặng, vì bởi sự là do nơi lý hiện thành, chứ không phải như cái cảnh giới ngụ ngôn của ông Trang Sanh kia đâu; vì sự thật chẳng đồng với sự bịa đặt.

Lý : lẽ, lý tánh, chơn lý; tin lý, là tin rất đổi, cái cũng tốt hư không, khắp thế giới kia cũng là duy nơi tự tâm biến hiện thay, phương chi với cái đường xa chỉ có mười vạn ức Phật thổ u ? vì bởi lý nó do nơi sự để rõ bày.

Kinh Tịnh Danh chép : Tâm sạch thì cõi nước sạch, tâm dơ thì cõi quốc thổ dơ, ở vào tịnh độ thì chúng sanh ấy được hưởng phước vui vô sanh, ở uế độ thì chịu tội khổ sanh tử. Thế nên chúng ta cần phải tha thiết phát nguyện: nguyện hy sanh xả hết những cái gì mà cõi uế độ hiện có, để tiến thủ các sự chơn thường chơn lục cõi tịnh độ Phật đã để dành cho. Phát khởi cái công hạnh tốt để chấp trì danh hiệu, đức tin, lòng nguyện đều trọn vẹn, niệm Phật là niệm tâm, niệm tâm tức niệm Phật, tâm Phật vẫn một, thủ xả đều không, cho đến thành quả Phật thanh tịnh đi nữa, há phi do ba tư lương tín, hành, nguyện đó là trước nhưt sao. Hết ba trùng.

D/ Kinh này dùng đặc vãng sanh, bất thoái chuyển làm dụng. Dùng; lực dụng. Trước dùng cái sức lực của ba tư lương, hẳn có phần thật chứng của chín phẩm, vì đã được vãng sanh, đều là bậc A Bệ Bạt Trí (dịch : bất thối chuyển) nghĩa là : đối với “A Nộc Đa La, Tam Miệu Tam Bồ Đề” là quả vị Phật, người đã vãng sanh thường ngày thường tu tiến tới quả vị ấy là cứu cánh, chứ chẳng hề ngã lòng thối chí như người tu ở thế giới ta bà này, nên gọi là Bất thoái chuyển.

Song, các bốn kinh kia đều nói có bốn quốc độ, và đều bàn có chín phẩm vãng sanh, với bất thoái chuyển cũng có bốn hạng. Còn kinh tiểu bốn này đây thì : với bốn độ, độ nào cũng đều thanh tịnh, với chín phẩm cũng tùy nguyện lực thế nào sẽ được vãng sanh thế nấy, mà hễ đã sanh về rồi là được hạng Bất thối. Như thế, khá gọi là : vọt khỏi tam giới bằng cách đi tắt ngang ra, tiến ngay đến địa vị vô sanh. Chí như cái lẽ rằng : “ đi ra khỏi sanh tử bằng cách đi dọc lên” của các Kinh đã phát minh, thì chẳng thể sánh bì với Kinh Tiểu bốn này được.

Xem biểu đồ bốn độ chín phẩm

THẾ GIỚI CỰC LẠC CÓ BỐN ĐỘ, MỖI ĐỘ ĐỀU CÓ CHÍN PHẨM, CHÚNG BÀN CÓ BA BƯỚC BẮT THOẢI.

HÀNH TƯỚNG VĨNG SANH CỦA CỬU PHẨM LIÊN HOA

Dón rút những văn của Kinh Thập Lục Quán.

1. Thượng phẩm thượng sanh

Trọn dấy lên ba tâm là : chí thành tâm, thâm trọng tâm, hồi hướng tâm, và phát cái nguyện đại thừa, để tu pháp niệm Phật, khi lâm chung được hỷ Phật, thành nhiều đến vô lượng; tự thân người được nương ngồi trên cái đài hoa sen bằng ngọc Kim Cang chỉ trong rất ngắn là “một đờn chỉ” vãng sanh về Cực lạc kia, tức thời được nghe pháp của Phật thừa tâm liền mở mang được Phật huệ, chứng ngay quả vô sanh nhẫn; chỉ trong một giây phút có thể vãng hầu đủ cả thập phương chư Phật theo thứ tự liền được chư Phật thụ ký cho, cũng chỉ trong giờ phút đó, liền về nước Cực lạc, liền sáng suốt đặng các pháp môn tổng trì (đà la ni) nhiều đến vô lượng.

2. Thượng phẩm trung sanh

Những người nghe pháp Đại thừa mà tâm không kinh sợ, tin sâu lý Nhơn quả, niệm Phật và làm phúc thiện chi, cũng đều hồi hướng về nước cực lạc; người ấy khi lâm chung được thấy một nghìn đức Hóa Thân, Phật của A Di Đà đồng thời nắm tay trao đất, các thánh chúng cũng đông nhiều để đón tiếp. Tự thân của người lên ngồi trên cái hoa sen bằng vàng tía, chừng trong một niệm, đã đến ao sen, cách qua một đêm, hoa sen mới nở thân hóa sanh của người bằng màu vàng tía. Nhờ ánh vàng của Phật và thánh chúng, người được mở sáng mắt huệ, nhớ rõ lại những việc lành đã làm từ kiếp trước đều đúng với đệ nhất nghĩa. Người xuống đài sen để lạy Phật. Từ bữa hoa nở về sau bảy ngày, người mới đắc quả tam miệu tam bồ đề, mãi đến tiểu kiếp, mới đặng pháp vô sanh nhẫn.

3. Thượng phẩm hạ sanh

Hạng người này cũng tin lý Nhơn quả của pháp đại thừa chỉ mới phát cái đạo tâm vô thượng chứ chưa thật hành được mấy có hồi hướng về lạc quốc; khi lâm chung người được thấy năm trăm đức Hóa Phật đồng thời trao tay. Tự thân của người lên hoa sen, hoa liền xếp lại, theo Phật đến ao sen, qua một ngày đêm hoa mới nở, sau bảy ngày rồi dù được thấy Phật nhưng chưa thấy rõ tướng tốt sau ba tuần thất, mới thấy rõ đủ. Được thân cận cúng

hầu chư Phật nghe pháp thâm thâm, trải qua ba tiểu kiếp mới tỏ đặng cách pháp minh môn mới tiến lên trụ nơi Hoan hỷ địa.

4. Trung phẩm thượng sanh

Hạng người này chăm ăn chay, giữ giới niệm Phật hồi hướng về nước cực lạc; khi lâm chung thấy Phật thánh chúng hào quang vàng và được nghe pháp : Khổ không, vô thường vô ngã. Tự thân lên hoa sen lạy Phật, trong lúc vừa ngóc đầu là liền được sanh sang nước cực lạc, khi hoa nở cũng như để ra liền được nghe pháp tứ đế, liền chứng quả thứ tư là A La Hán trọn đủ các pháp : tam minh bát giải.

5. Trung phẩm trung sanh

Hạng người này ngoài pháp tu niệm Phật với, hạn trong một ngày đêm : hoặc giữ bát quan trai giới hoặc giữ Sa di giới, hoặc giữ cụ túc giới : với các giới ấy tùy giữ được một nào cho tinh nghiêm hạn trong một ngày đêm, đem công đức đó hồi hướng về nước cực lạc. Khi lâm chung được thấy Phật, thánh ánh vàng, tự thân ngồi trên đài hoa sen bằng bảy chất báu, hoa liền xếp lại tức thì đến ao báu, sau bảy ngày hoa nở người lạy và tán thán Phật nghe pháp đắc Sơ quả trải qua nửa kiếp mới đắc La Hán quả.

6. Trung phẩm hạ sanh

Hạng này, thường hành cái hiếu đạo, lòng rất nhơn từ; khi sắp lâm chung, được gặp bạn thiện tri thức nhiều lời tán dương nước cực lạc và nguyện rộng lớn của đức Phật A Di Đà. Người nghe vừa rồi là mạng vừa chung, trong lúc như co duỗi cánh tay, liền sanh về nước cực lạc. Qua bảy ngày, được nghe đức Quán Thế Âm, Đại Thế Chí nói pháp, liền đắc Sơ quả. Qua một tiểu kiếp mới đắc quả A La hán.

7. Hạ phẩm thượng sanh

Những người dù không hủy báng Phật, cố gây nhiều thứ nghiệp; khi lâm chung, gặp Thiện Tri thức dạy, nghe nói tên Kinh Đại Thừa, liền diệt được trọng tội từ ngàn kiếp; lại dạy chấp tay niệm Phật, liền được trọng tội từ ngàn kiếp; lại dạy chấp tay niệm Phật, liền trừ được tội sanh tử từ năm chục ức kiếp. Được thấy các đức Hóa Phật. Hóa thánh chúng đều phóng hào quang chiếu sáng đầy thất xá, người mạng chung, nương đài sen bảo hoa, theo sau Phật đến bửu trì, trải qua bốn mươi chín ngày hoa sen mới nở, thấy hào quang của hai thánh là Quán Âm, Thế Chí và nghe hai Ngài nói Kinh

sách đại thừa, phát khởi ngay cái tâm vô thượng đạo. Trải qua mười tiểu kiếp, học đủ bách pháp minh môn rồi, mới đắc chứng lên bực Sơ địa.

8. Hạ phẩm trung sanh

Hạng này đã phá trai phạm giới, trộm cắp của Tăng kỳ, tức tứ phương hay thập phương Tăng vật là những tài vật của các Chùa như : Ruộng vườn, nhà cửa, gạo thóc, mà các vị Bí Khu, Bí Khu Ni ở nơi các phương khác đều có phần hưởng dụng, kêu bằng tứ phương tăng vật, hay hiện tiền tăng vật. Ba nghiệp bất tịnh mà thặng tọa thuyết pháp. Người ấy đến lúc sắp mạng chung, những hình tướng độc ác của địa ngục đồng thời hiện cho người ấy thấy; may gặp vị Thiện Tri thức, vì nói công đức của A Di Đà Phật và các điều giới, định, tuệ; nghe rồi dứt được tội sanh tử tám mươi ức kiếp, cái ác tướng ngục hỏa kia liền hóa làm gió thanh lương, thổi đưa đến các thứ hoa rất tốt đẹp, trên hoa đều có các đức Hóa Phật, Bồ Tát đến đón rước người, chỉ trong một niệm, liền sanh về nơi ao báu, ghé trong hoa sen mãi đến sáu kiếp nở ra, nghe hai đức Đại Thánh nói Kinh Đại thừa, liền dứt tâm vô thượng.

9. Hạ phẩm hạ sanh

Hạng này dù đã lỡ lầm gây đủ các tội quá nặng như ngũ nghịch, thập ác, đến lúc sắp thở hơi cuối cùng, mắt người thấy cảnh rất khổ của A Tỳ địa ngục hiện ra, bấy giờ may gặp bạn tri thức khuyên bảo niệm Phật ; nhưng người vì quá ư khôn khổ ngặt lắm, chưa thể yên rảnh tâm để niệm Phật ! bạn lại răn nhắc nữa, người mới dốc lòng khứng niệm, lại càng niệm một cách thành thiết lắm, vì tự biết sắp chết, nên không còn xen tưởng niệm được mười niệm, dứt ngay các tội sanh tử từ tám mươi ức kiếp. Người tự thấy hoa sen vàng như mặt nhật hiện trước mắt, tự thân người nương ngồi trên hoa, chẳng bao lâu chừng trong một niệm đã sanh về cực lạc, trải lâu qua mười hai đại kiếp, hoa ấy mới nở; được nghe hai đức Quan âm, Thế Chí nói đủ cái thật tướng của các pháp, người liền phát tâm bồ đề.

Đà La Ni : Dịch chữ Tổng trì : gom giữ, là : gom tất cả pháp, giữ hết thấy nghĩa. Lại dịch : Cha trì : ngăn giữ, là : ngăn cấm mọi điều ác, giữ gìn các việc lành.

Vô sanh nhẫn : nhịn không sanh. Vô sanh tức là chơn tánh nó vốn không sanh diệt gì cả, do vì mới phá trừ được cái vô minh hoặc, hẳn thấy đặng cái tánh của các pháp, hiểu rõ luôn cái thể các pháp, mà ẩn nhẫn ở tự tâm, chứ chẳng thể nói hay hình dung ra được. Tỷ như người uống nước

nóng hay nguội là chỉ tự mình biết lấy, chứ không thể nói hay hình dung cái nóng nguội đó ra bằng cái tướng gì được. Bởi với tánh thể ấy, tuyệt hẳn lẽ nói năng, vì lời nói phô thuộc về danh tướng rồi. Vô sanh nhứt đây vị trí nó ở về bực Sơ trụ của Viên giáo, và bực Sơ địa bên Biệt giáo

Chỉ mới phát cái đạo tâm Vô thượng : nếu ở trong ngôi “danh tự tức Phật” mà phát cái tâm ấy thì cái “vô thượng đạo tâm” đó nó thuộc về ba phẩm Hạ; ở trong ngôi “Quán hành tức Phật” phát cái tâm ấy thì nó thuộc về ba phẩm Trung; ở trong ngôi “trưng tợ tức Phật” phát tâm ấy thì nó thuộc về ba phẩm Thượng.

Sau bảy ngày rồi dù được thấy Phật mà chưa rõ :

Nhơn vì bực “Thượng phẩm hạ sanh” đây, vị trí nó đương ở nơi Tập chủng tánh (Tập là tập học tu hành, như nghe được các giáo pháp, rồi tập tu các việc lành mà thành cái chủng tánh này. Chủng là chủng tử : hạt giống nó có cái nghĩa sanh; Tánh là tánh phận, nó có cái nghĩa chẳng đổi), ở tu học lớp “tập chủng tánh” đây, mặc dầu đã trừ phá được cái kiến hoặc, tư hoặc rồi, mà chưa trừ dứt cái trần sa hoặc; nên chỉ với chỗ thấy các tướng tốt của Phật, tâm chẳng hiểu rành cho tường tất được (đó là trong bảy ngày đầu sau khi hoa khai kiến Phật). Mãi đến ba lần bảy ngày, tiến lên lớp Tánh chủng tánh (Tánh là bản tánh : từ vô thi lại, tánh nó vốn sẵn thể là thể cả sáu căn hay lục nhập, lục xứ vẫn tự nhiên thù thắng, mà chưa gieo cái phần giải thoát). Ở tu học nơi lớp đây, để dứt cái hoặc trần sa, chùng đó, với tám vạn tướng tốt của Phật, đều thấy được mỗi mỗi phân minh.

Khô không vô thường vô ngã : Là pháp của tiểu thừa, Sơ quả, tứ quả là địa vị của Tiểu thừa. Tất cả Kinh pháp của tiểu thừa, dùng ba pháp ấn để ấn chứng rằng thật là Phật thuyết (với cả thầy kinh sách đại thừa, dùng một thật tướng ấn để ấn chứng, mới thật là giáo pháp liễu nghĩa của đại thừa Phật thuyết, trái lại, Kinh sách nào mà chẳng có ý nghĩa tam pháp ấn, như thật tướng ấn, thì đều ma thuyết). Tam pháp ấn là : 1/ chư hành vô thường : Hành có nghĩa là: Trau dồi, là : pháp hữu vi, rằng tất cả pháp hữu vi, tướng nó mỗi niệm sanh diệt vô thường, thể chư hành vô thường ấn. 2/ chư Pháp vô ngã ấn; cái danh của Hành nó bị cuộc vào pháp hữu vi, cái danh của pháp nó thông đồng với pháp vô vi, rằng trong tất cả các pháp hữu vi, vô vi đều chẳng có cái thật thể của “Ngã”, thể là chư pháp vô ngã ấn. 3/ Niết bàn tịch tịnh ấn : Rằng cái pháp Niết bàn nó diệt trừ hết những thống khổ của tất cả sanh tử, mà thay vì làm ra thành cảnh giới vô vi tịch tịnh, thể là Niết bàn tịch tịnh ấn.

Hỏi : Bên nước Cự lạc chẳng có các Thanh văn, sao ở đây lại nói có đó ?

Đáp : Đối với lối tu pháp đại thừa, những người ấy thối chí đã lâu, còn với pháp tiểu thừa, có công tập học đã thâm lắm, lúc người sắp mạng chung, dù phát tâm đại bồ đề để vãng sanh, nhưng với cái tánh quen tập tu tiểu thừa kia đã thâm lâu đó nên khó dứt liền được, thành thử Phật ngài nói có Sơ quả, tứ quả như vậy là tùy thuận nơi cái tập tánh của người Thinh văn kia, ngõ để họ liền hưởng về Đại thừa cho sớm đầy thôi,

Sơ quả, Tứ quả đây chẳng phải những ngôi sơ quả tứ quả của Tạng giáo, Thông giáo, mà chính là ngang hàng với sơ quả, tứ quả của Biệt giáo, Viên giáo, vì đã đoạn trừ rồi kiến hoặc, tư hoặc

Tứ đế : khổ, tập, diệt, đạo là bốn pháp của La Hán học tu, với cái biểu đồ pháp tứ đế, đã có chỉ rõ ở khoản tâm kinh của thời kinh mai rồi. Tam minh, bát giải, bát giới sẽ có những biểu đồ ở sau kia, hai đức Thánh : tức hai đức Bồ Tát là Quan Âm, Thế Chí. Ngũ nghịch thập ác : sẽ thấy những biểu đồ chỉ rõ ở trong văn Đại sám hồi là Hồng danh bửu sám.

Trọn đầy ba tâm

Bát thật bát sử

Bát bối xả

Hai giới bốn của các Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni

Tam minh lục thông

Ba hiền của biệt giáo

Hành vi của chín phẩm

Kinh này dùng Đại thừa sanh tô làm giáo tướng. Những lời của Phật thốt ra thích hợp giúp cả kẻ dưới gọi là giáo. Với giáo ấy, phân làm năm thời tám giáo chực năm thuyết pháp được hai chực năm, mà phân ra làm năm thời :

Hoa Nghiêm thời : nói Kinh đại thừa Viên đốn, gồm cả Biệt giáo. Tỷ như sữa từ nơi vú bò sản xuất.

A Hàm thời : Nói phát bằng Tiểu thừa Tạng giáo. Tỷ như sữa biến ra Lạc (nghĩa là bởi sữa thành váng sữa. Lạc : váng sữa).

Thời Phương đẳng : Trong thời này Phật đều nói luôn cả bốn giáo là : Tạng, Thông, Biệt và Viên. Tỷ như Lạc là váng sữa lại biến thành ra Sanh tô là Dầu sữa.

Thời Bát nhã : Tạm nói về quyền lý của Thông giáo, Biệt giáo, mà chính nói về thật lý của viên giáo. Tỷ như sanh tô là dầu sữa sống nó đã thành ra dầu sữa chín là thực tô.

Thời Pháp hoa và Niết bàn : Kinh Pháp Hoa thuần một mùi nói về đại thừa Viên giáo, các hàng Thánh Thinh văn đều đặng thụ lãnh lời ghi tác Phật; với kinh Niết Bàn thì Phật Ngài vừa nói với lại bốn giáo, đồng thời cũng vừa nói nhắc lại để bật dấu vết bốn giáo. Tỷ như Thực tô nó đã biến ra đề hồ : Dầu sữa chín nó thành ra mỡ sữa.

Kinh Tiểu Bản A Di Đà đây là, Phật nói trong thời Phương Đẳng, được thâm vào Biệt viên giáo, vì bởi những người mà trình độ học Phật bằng hai giáo tạng và thông kia, họ không tin hiểu nổi rằng có tịnh độ ở thế giới phương khác, nên không tín nguyện vãng sanh.

Vã lại, nước Cự lạc là cõi đồng cư, nên nó trọn gồm cả ba cõi là : phương tiện, thật báo, và tịnh quang, thành thử kinh này được thâm thuộc Viên giáo, mà chín phẩm riêng rõ từ lớp, nên nghĩa nó kiêm luôn Biệt giáo, với lý viên đốn thì, kinh này nó đồng nhau với hai Kinh là Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Chí như những người thật thà dốt nát, chỉ chăm niệm Phật, được vãng sanh, cũng ắt được thâm ở biệt giáo, Viên giáo. Lại nữa, đến cái thời kỳ mà giáo pháp của đức Thích Ca diệt độ hết, chỉ còn kinh tiểu bản này lưu lại một trăm năm để phổ độ chúng sanh trong lúc cuối cùng của tiểu kiếp thứ chín, thế hẳn là như vị thuốc A Già đà : độc vị mà trị lành cả vạn bệnh, vậy kinh này, với công đức rất là khôn xiết nghĩ bàn đặng, như vậy đó, phàm người có trí nên xét lấy.

Năm thời tám giáo

Bán tự là ba mươi lăm chữ cái của Phạm tự, vì nó chưa đủ nghĩa, nên gọi là Bán, tỷ như : a, b, c, d...Mãn tự là những văn tự trong các bài luận, vì đủ nghĩa lý, nên bảo là mãn. Ngài Đàm Vô Sâm Tam Tạng y nơi Kinh niết bàn, đem giáo pháp của Phật thuyết trong một đời đó, phân làm Bán giáo, Mãn giáo : tiểu thừa là bán tự giáo, đại thừa là mãn tự giáo. Sách Phụ Hạnh

nói : thời Phương đẳng đủ cả Bán mãn; các bộ Bát nhã, Pháp Hoa, Niết bàn, Hoa Nghiêm đều chỉ có mãn, chứ chẳng Bán; Kinh nói ở Lộc Uyển chỉ Bán chứ chẳng có mãn.

---o0o---

DAO TẦN, TAM TẠNG CƯU MA LA THẬP DỊCH

Đời Dao Tần, Ngài Tam Tạng pháp sư Cưu Ma La Thập dịch ra chữ Hán.

Với Kinh A Di Đà đây có hai đời dịch : 1) đời Tấn, Ngài La Thập dịch, tức là kinh Tiểu Bản này; 2) đời Đường, Ngài Huyền Tăng dịch, đề mục là “Xung tán tịnh độ Phật nhiếp thụ Kinh”.

Dao Tần là sở dĩ để phân biệt rằng : đời nhà Châu (1.134-247 trước DL) có Dinh Tần (246 – 207); đời Nam Bắc triều (420-588 sau DL) có Phù Tần và Dao Tần (1.528-1.495 trước Trung Hoa dân quốc).

Với Tam Tạng sẽ xem rõ ở biểu đồ sau kia.

Cưu Ma La Thập gọi cho đủ là Cưu Ma La Thập Bà Kỳ Đà, Kỳ Bà...dịch là Đồng Thọ (Đồng: trẻ, từ bốn, bảy đến mười lăm tuổi; thọ : già, sống lâu từ bảy chục tuổi nhẵn lên) vì tuổi trẻ mà có đức độ, tài năng bằng bực tuổi già. Lại nghĩa nữa: sách Bách Luận số cuốn nhứt chép rằng : cha tên là Cưu Ma La Viêm, mẹ tên là Kỳ Bà, dịch là Thọ, Cưu Ma La Viêm, dịch là Đồng, tức là Đồng Thọ, dùng luôn hai tên của Cha Mẹ, để đặt tên cho con là Cưu Ma La Thập Bà).

Dịch : đôi, chữ Phạn ra chữ Hoa (Hoa là Trung Hoa, chữ Hoa tức là chữ Nho hay Hán của nước Tàu. Gọi chữ Nho, nghĩa nó rộng hơn chữ Hán, vì nước Tàu phi chỉ một Hán tộc).

Với Tổ quán, Thập Sư nguyên là người Trung Án Độ, cha tên là Cưu Ma La Viêm, dòng dõi tiếp tục làm chức tướng quốc; đến đời ông Kumarayana (Cưu Ma La Viêm) hy sinh ngôi vinh Tướng Quốc, đi xuất gia tu Phật, ra hải ngoại, sang phương đông, đến xứ Thông lãnh, vào nước Kuche (Cưu Ty, Quy Từ; nay là đất huyện khổ xa tỉnh Tân Cương của Trung Hoa), Quốc Vương rất kính mến, cầu làm Quốc Sư, vua có người em gái tên Jivà (Kỳ Bà) mới hai mươi tuổi, rất thông minh, đem ép gả cho, sau sanh ra Thập Sư.

Sau khi sanh, Sư sẵn có nhiều cái thiên tài rất thần diệu linh động, lên bảy tuổi (Đồng) theo mẹ vào Chùa (thân mẫu đã xuất gia trước) để xuất gian, thấy cái Bình Bát bằng thiếc, lấy đội lên đầu, rồi tưởng bụng nặng thì thì tức thời cái bình bát nó cũng liền nặng thêm bội phần, mà hễ nó nặng đến đâu là sức lực của Sư cũng khỏe mạnh đến đó để đủ đội chịu, hơn thế mà Sư liền rõ được cái lẽ vạn pháp duy tâm, nghĩa là : muôn việc gì cũng chỉ bởi tự tâm mình tưởng chi có vậy. Sau khi hiểu suốt cả Tam tạng, phát huệ, rất tài tình về ngôn luận, biện bát, không chi ngần ngại.

Nhà Vua bốn quốc kiến thiết một cái pháp tọa bằng con sư tử bằng vàng để dựng Sư ngồi thuyết pháp, và cả đến các quốc vương toàn cõi Tây vực hội đồng, thường rước Sư nói pháp, mà các vua đều quy mọp để nghe giảng.

Bấy giờ, nhà Đông Tấn (317 – 419) ông Phù Kiên hùng cứ đất Thiểm Tây, xưng vua lấy quốc hiệu là Tấn : Khi sắp soạn việc binh để đi chinh tây, có quan Thái Sử tâu : về khu vực phía tây có một vì sao rất khác thường xuất hiện sáng đẹp lắm ! ắt có bậc đại đức thánh hơn, sẽ vào giúp Trung quốc này.

Phù Kiên nói : Trẫm đã nghe nước Cưu Ty (Qui Từ) có Ngài La Thập pháp sư, vậy phải chăng người này Niê hiệu Kiến ngưng năm thứ mười chín (1.547 trước dân quốc Tàu) sai các tướng quân là bọn ông Lữ Quang, thống lãnh bảy vạn tinh binh, lúc ra đi Phù Kiên truyền lệnh rằng : Với hành binh viễn chinh này phi Trẫm tham đất đai, quyền lợi chi, hơn vì nghe bên nước ấy có Ngài La Thập là một người mà hiểu suốt cả tánh tướng của môn pháp, nên mới dụng binh vậy thôi. Nhưng đến nơi hãy đưa thư này trước buộc phải giao La Thập để rước bằng không sẽ dùng vũ lực v.v...

Chiến thắng quân nước Cưu Ty rồi, rước Ngài La Thập về, vừa đến Lương Châu nghe Phù Kiên bị ông Dao Trảng giết rồi, Lữ Quang tự tiện chiếm cứ đất lương Châu tự lập xưng là Tam Hà vương lấy hiệu là nước Lương (đất Cam túc : Lữ quang Xưng là Hậu Lương).

Đến sau, Dao Trảng cũng mến danh đức Ngài La Thập muốn rước mà Lữ Quang cũng không cho. Sau khi Dao Trảng bị mất rồi, con là Dao Hưng lên ngôi qua xin rước Pháp Sư, Lữ Quang vẫn chẳng chịu; kế Lữ Quang qua con là Lữ Long lên kế vị ; Dao Hưng cất đại binh qua, Lữ Long chịu đầu hàng, binh tướng nhà Tấn rước Pháp sư về Trảng An, Dao Hưng thờ làm

Quốc Sư, để ở nơi Tây minh các và tiêu điều viên, để kiểm duyệt lại các kinh.

Pháp sư Ngài xét hết những Kinh cũ, thấy nghĩa nó phần nhiều sai lệch chẳng đồng nhau với Phạm bản; cho mời các vị Sa môn là bọn ông Tăng Triệu, Tăng Dê, Tăng Lãnh, Đạo Sanh, Đạo Dung, Đạo Hằng, Huệ Quan, Huệ Nghiêm, Đạo Thường và Đạo Phiêu, mà đời bấy giờ đều kêu là thập môn thập triết, cùng các Đại Đức khác cộng là hơn tám trăm người, đồng sự dịch ra các bản Kinh luận mới hơn ba trăm chín chục cuốn.

Trong một ít ngày mà Pháp sư chưa tịch, cho mời tăng chúng về rồi bảo rằng : những Kinh luận mà Thập này đã dịch đó xin truyền bá lại đời làm Pháp bảo lưu thông khắp xứ; với các bản ấy, nếu mà phiên dịch không sai lầm thì khiến cho sau khi thiếu hóa thân thì rồi, cuốn lười cháy rã. Ngài nói đoạn từ giã rồi tịch, tại vườn Tiêu Điều, thủ đô Tràng An, vào ngày hai mươi tám tháng năm Hoàng Thi thứ mười tám đời Đạo Tàn, nhằm năm Hi Ninh thứ năm bên nhà Tấn.

Sau khi thi thể cháy hết, lửa tham tàn mà cuốn lười vẫn còn nguyên tươi sống. Thế thì, Kinh Tiểu bản Di Đà đây có chư Phật ở sáu phương hiện ra cái tướng lười rộng dài để tán thán hộ niệm đó, há chẳng phù hợp với lời thành thật đó ư ? chúng ta được thêm phần tin chắc nên tu pháp “Trì danh niệm Phật” đây.

Lời trên rút ở cuốn mười bốn bộ Tam Tạng ký, và cuốn hai bộ Cao Tăng truyện đời Lương.

Tam Tạng

Ba Tạng (Trippitaka) là tạng Kinh, Tạng Luật, Tạng Luận, Tạng Kinh nói về khoa định họa, tạng Luật nói về khoa giới học, tạng Luận nói về khoa huệ học.

Với tiếng Phạn Sutrapitaka :theo tân dịch, ta đọc là Tổ đất lăm tạng, còn với cựu dịch, ta đọc là Tu đa la tạng – Vina yapitaka : tân dịch là Tỳ nại da tạng, Cựu dịch là Tỳ Ni tạng. Abhidarmapitaka : Tân dịch là A Tỳ đạt ma tạng Cựu dịch là A tỳ đàm.

Có ba thứ tam tạng : 1. – tam tạng của tiểu thừa : a/ bốn bộ Kinh A Hàm là Kinh tạng ; b/ các bộ luật : Tứ phạm, ngũ phạm, và thập tụng là luật tạng; c/ các Luận : lục túc phát trí là Luận tạng. 2.- Tam tạng của đại thừa :

a/ Kinh Hoa Nghiêm...là Kinh tạng; b/ Kinh Phạm Võng...là Luật tạng; c/ Kinh A Tỳ Đạt Ma là luận tạng. 3.- Tam tạng của đại tiểu thừa : a/ Thỉnh văn tạng, b/ Duyên giác tạng, c/ Bồ Tát tạng. Lại : a/ Thỉnh văn tạng, b/ Bồ Tát tạng, c/ Phật tạng. Nghĩa là Phật tạng nói Phật thừa, Bồ Tát tạng nói Đại thừa, Thỉnh văn tạng nói về tiểu thừa.

Với bốn Kinh đây, chính ta đã thấy nghe¹⁰ : Như thế này¹¹ : một thời¹² đó, đức Phật¹³ Ngài trụ nơi vườn cây¹⁴ của hai ông cấp Cô Độc trưởng giả, Kỳ Đà Thái Tử gần thủ đô nước Xá Vệ

Hai chữ “như thị” nghĩa : “như thế này” đó là, cái bản thể của một bản Kinh, vì là cái lời nhận thật tin chịu chấp thuận. Như với người kia nói ra một việc chi chúng nhơn nghe rồi đồng tín nhận được, thì đều chứng thật rằng Như thị là như vậy ; trái lại; nếu chẳng thể tin thì, bảo là Bất như thị là không phải như thế.

Với bốn Kinh này, chính đức Như Lai ngài, tán dương nước Cục lạc : nào Y báo, nào chính báo đều tốt đẹp nhưt, rực rỡ tuyệt bằng những lời chơn thật. Và lại, còn có cả chư Phật ở tận phương, đều cùng tán thán hộ niệm nữa. Thế nên, đối với Kinh đây, nếu chúng sanh tin hiểu như vậy, y theo lời dạy bảo, giữ niệm danh Phật A Di Đà thì chắc được kết quả là vãng sanh về cõi tịnh.

Lại nữa, như : chẳng khác, thị : không phi. Là nói : với bốn Kinh đây, và sở thuyết của thập phương tam thế chư Phật, lẽ không khác nhau, nên gọi là Như, đức A Nan Đà kết tập chẳng sai khác nhau với lời của Phật thuyết, nên gọi là thị.

Ngã văn : Ta nghe tức là chú ý nghe. Ngã văn, là người năng nghe. Nhĩ căn là một bộ phận riêng giữa sáu căn, ngã tâm (ý thức) là trọn phần chủ cả năm căn, kêu bằng “ngũ câu ý thức”. Mặc dù ngoài cảnh có tiếng nói, mà ngã tâm không để ý ở nơi tiếng thì tức nhiên cũng đồng như không nghe. Giờ đây chẳng dùng ở phần riêng là Nhĩ căn, mà do phần chung là chủ ý, nên nói Ngã văn : chủ ý nghe, cũng như ta nghe.

Kể những lúc Phật ngài nói pháp, A Nan đà để ý lóng tai vâng nghe rõ cả, cầm cái bình này rót nước vào bình kia, mỗi nhỏ giọt đều chứa vào trong, không lọt một nhiều, nên chi sau khi Phật nhập diệt rồi, những Kinh sách mà A Nan Đà đã kết tập đó nó chẳng hề sai khác một tí gì với chính niệm Phật đã nói. Sở dĩ được lời của Tổ Ca Diếp Ba vừa chứng thật vừa tán thán rằng : Pháp hải của Phật như bể lớn, dồn chứa vào tâm của A Nan Đà, thật thế.

Nhứt thời : một thuở, với chúng sanh hoặc đại cơ, tiểu cơ duyên cảm được, thì Phật Ngài liền hiện ra hai thân thẳng ứng, liệt ứng để tùy cơ nói dạy, đây là một thời cơ giáo tương khẩu : trình độ thích hợp nhau với giáo lý. Bây giờ nhứt thời đây là cái thời mà Phật ngài tán dương phán “Trì danh niệm Phật” để đối với căn cơ là học giả, hành như thích hợp với tịnh độ.

Tại : ở chữ tại nghĩa như chữ trụ. Pháp thân của chư Phật không trụ, nghĩa là không nhứt định ở một chỗ nào mà không chỗ nào là không ở. Vì pháp thân vốn phi như vật có hình tướng, nên nói là vô trụ, tâm lượng nó giáp khắp pháp giới, nên nói là chằng chằng trụ. Đó là pháp thân, còn với Báo thân thì đời bực đại căn cơ có cảm đến đâu là hiện ra cái thân rất rực rỡ khắp đầy, để nói cái giáo pháp viên đốn, thật thế. Đây là Báo thân; đến như ứng thân thì cũng không nhứt định có trụ xứ, vì toàn là nương nơi cơ duyên của chúng như được cảm thấy lấy, bởi tùy theo mỗi loại thế nào mà hóa hiện thân như thế này, kêu là thiên bách ức hóa thân, hễ có ứng theo cơ duyên để thuyết pháp thì có hiện trụ tại đó vậy thôi.

Như đức Thích Tôn ứng hiện thân ra trụ nơi đời 80 năm, những chúng cơ duyên được trông thấy, được tế độ đã hết thì, ứng thân ấy phải diệt. Tỷ như củi đã hết, thì lửa phải tắt. Trong thời Phật nói bốn Kinh đây là ứng thân ngài trụ tại nơi vườn của ông Cấp Cô Độc, để hóa độ cho một loại có cơ duyên với pháp tịnh độ, nên nói là tại.

Xá vệ quốc Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên : Xá vệ quốc :

Nước Xá Vệ tiếng Phạm Srāvasti , dịch : Văn vật : vật nghe nghĩa là vật đẹp, đức tốt, đạo hay v.v...vì thường xuất hiện nhiều người : thiếu dục, đa văn, giải thoát và đủ món báu vật sản xuất đều nức tiếng đồn đãi đến các nước ngoài nên bảo là văn vật. Xá vệ nguyên là một cái danh thủ đô của nước Kiền Tát La, vì muốn khỏi trùng danh với nước Kiền Tát La ở phía Nam, nên lấy tên thành kêu làm tên nước Xá Vệ quốc chứ không kêu là Xá Vệ thành nữa. Bây giờ, nước Xá vệ là một đại quốc ở Trung tâm điểm của Án Độ, kêu bằng trung Thiên Trúc, đương thời Phật còn ở đời, vua Ba Tư Nặc trị vì nước ấy.

Thái Tử của vua tên là Jetrjeta (Kỳ Đà, dịch là chiến thắng) có sở huê viên ở bên ngoài cánh cửa thành phía Nam Xá Vệ chừng năm dặm, là nơi của Thái Tử để ngắm chơi thưởng thức. Nước Xá Vệ có đại thần tên là Sudatta (Tu Đạt Đa) dịch : Thiện Cấp thí, nghĩa là hay đem tài vật cấp thí cho những kẻ mồ côi, trợ trợ một mình, nên người đời cảm đức gọi ông là

Cấp Cô Độc trưởng giả. Ông chở vàng trải lót khắp mặt đất, để đổi mua lấy sở vườn của Thái Tử, rồi kiến thiết là Tinh xá, rước Phật và chúng Tăng an trụ tại đó.

Thấy Trưởng giả trọng pháp khinh tài, rất cảm mến cái thành tâm, nên Thái tử hỷ xả hiến luôn những kỳ hoa dị thụ và còn một ít chỗ đất chưa trải vàng, nên gọi chung là Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên : cây kiểng hoa trái của Kỳ Đà, vườn của Cấp Cô Độc.

Hai thân thắng liệt của Phật

Cùng với một nghìn hai trăm năm mươi người đều là bực đại Bhiksu Tăng, cũng đã chứng quả Đại A La Hán được chúng nhơn tôn tặng là thượng thủ tri thức.

Một “Chúng thành tựu” đó, hiệp với năm món trên, gọi chung là “lục chúng thành tựu”.

Từ đoạn trên đến câu “chư đại đệ tử” dưới, là ghi về “chúng Thanh văn”.

“Đại Bhiksu Tăng” là nói về phần loại : hạng lớn nhất trong chúng. “Một nghìn hai trăm...” là nêu về phần số. “Đại A La hán” là nêu về phần quả vị “Chúng nhơn tôn tặng” là tán thán đức hạnh, với năm sự trên đã thành phần, tất phải trông cậy vào thứ sáu là pháp chúng mới là hoàn toàn thành tựu về sự hoạt động lợi ích được. Số là do một Phật ra đời, thì có các thánh phụ giúp giáo hóa, khiến cho sáu cõi phàm đồng về với cõi Phật.

Bhiksu (Bí Sô Tỳ Kheo) là cái Danh trong thời tu nhân, A La Hán (arhàn) là cái vị trong thời chứng quả. Chữ “Đại” đủ ba nghĩa : lớn, nhiều, hơn. Vì là các vị Bí Sô được các hàng chư Thiên, quốc vương, đại nhơn đều ngửa trông kính mến, nên gọi đại là lớn; có trí huệ sáng suốt, hiểu thông cả kinh sách ở trong đạo ngoài đời nên gọi là Đa là nhiều; cao siêu ngoài cảnh giới các Trời Ma vương, quả vị đã cao lại chánh, nên gọi thắng là hơn.

Bí sô đủ ba nghĩa :

1/ Khất sĩ : Trò xin, nghĩa là với trên thì theo xin pháp của Như Lai để trưởng dưỡng cái mạng trí huệ ; với dưới thì theo Khất thực của nhơn chúng để tự dưỡng cái thân duyên sanh, nên gọi rằng Khất sĩ, vì có khát pháp để học tu lấy mình và huấn luyện cho người, nó chẳng đồng cái danh khát cái :

đưa xin, vì chỉ xin ăn, chứ không xin pháp, và cả tu mình luyện người gì, nên gọi đưa ăn xin, chứ chẳng gọi là trò xin.

2/ Phá an : Năng hủy bỏ những điều ác pháp là tham, sân, si, mạn, tà kiến..... là các phiền não mê hoặc của tri kiến và tư tưởng. 3/ Bồ Ma : Rún Ma, vì đem tâm về chánh đạo thụ giới, làm cho kinh động đến cung điện của trời Ma vương. Nghĩa là chữ “Bí” dịch là “Bố” : Khủng bố, chữ “Sô” gọi là năng làm cho chúa trời Ma vương và nhơn dân của trời ấy đều rún sợ ! Vì là trong thời đi xuất gia, bỏ râu tóc, bận áo ca sa, thụ đại giới đó, là cái thời mà chúng Thiên Ma rất kinh hoàng ! tại sao ? vì chúng than rằng : Người ấy đã lên đường chánh giác rồi, chẳng những trong tà đạo ta đã mất một phần tử, mà người lại còn tuyên truyền khuyết dẫn ma dân của ta quay đầu về Phật giới nữa, e rồi đây, cung điện, dục lạc của ta thiếu người ở và hưởng ! Vậy hỏi các Ma nữ ! Ma dân ! hãy cố theo để cảm dỗ, may ra người có còn ham mê mà trở lại với chúng ta chẳng !?

Tăng : Gọi đủ là Tăng già (Sangha) dịch là hòa hợp chúng. Luật hành sự sao nói : từ bốn Bí Sô nhần lên, đồng ở một chỗ, xử dụng hòa hợp. Hòa hợp như thế này :

1/ Về Lý Hóa hợp là đồng chứng đến cảnh giới tịch tịnh giải thoát;

2/ Về sự là có sáu nghĩa : a/ thana hòa đồng ở chung, b/ miệng hòa chẳng cãi lộn, c/ ý hòa đồng vui, d/ với giới luật được hòa đồng lãnh giữ, đ/ với Phật tri kiến, được hòa đồng hiểu thấy, e/ với tứ sự lợi dưỡng, được hòa đồng thụ hưởng sống chung. Hành sự cao tư trì ký nói : 3 sự giới hòa, kiến hòa, lợi hòa, đó là hòa hợp về thân thể; còn thân, khẩu và ý hòa đó là hòa hợp về phần tướng. Lại nói từ Sơ quả Tu đà hoàn nhần lên, gọi là Lý hóa vì với phần “chứng” đã đồng; từ bậc nội phàm nhần lại, thì gọi là Sự hòa, tức là lục hòa trên.

Một ngàn hai trăm năm mươi người : Ba anh em ông Ca Diếp Ba, ba người này đều có các đệ tử. Cộng được một ngàn người; nguyên trước tu pháp ngoại đạo gặp Phật giáo hóa, cả Thầy trò đều cải tà quy chánh, đồng thành đạo quả. Lại ông Xá Lợi Phất, ông Mục Kiền Liên cùng đem bọn đệ tử hai trăm người bỏ tà về chánh, theo Phật chúng chơn. Và ông Da Xá tử, hay Tu Đề Na tử dẫn 50 chục người đệ tử từ nơi ngoại đạo quy đầu học Phật đắc đạo quả. Cộng chung với trên thành con số ấy (1250). Và nữa bọn ông Kiều Trần Như năm người là trước tiên thụ giáo đều đã thành đạo quả, họ đều

cảm thâm ân của Phật hóa độ thành thử họ cũng thường theo Phật để giúp việc dạy.

A la hán : hàm đủ ba nghĩa 1: Ứng cúng, nên chịu cúng. Vì với Nhơn là “khất sĩ” đã xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo, nên với Quả đáng được thụ lãnh của nhơn gian, thiên thượng cúng dâng có phần nhơn quả đáng làm ruộng phước cho chúng. 2 : Sát tặc : Giết giặc, với Nhơn là phá trừ những điều ác của kiến hoặc, tư hoặc, nên kết quả gọi là giết những quân giặc phiền não. 3: Vô sanh : không luân hồi sanh tử nữa, vì với nhơn đã khiến Ma sợ, nên với Quả gọi là không sanh. Bởi sau khi bỏ cái thân ngũ uẩn đó rồi, là hoàn lại cái pháp thân bất sanh bất diệt, nên chẳng trở lại luân chuyển thụ sanh nữa. Đây là ba nghĩa làm tu nhơn của Bí số, để tỏ ba nghĩa đã chứng quả của La Hán. Định tánh La Hán, chẳng đwoj gọi là Đại, chỉ có Huệ tánh La hán, mới gọi là Đại. Vì La hán ở đây đều là : Trong tâm chứa kín đức hạnh Bồ Tát, ngoài thân tỏ bày danh tướng Thịnh Văn, để giúp Phật làm nên đại sự giáo hóa, làm bậc thượng thủ giữa chúng tăng, biết căn cơ của chúng rõ thời sự của đời, nên gọi là “Chúng sở tri thức” : Bậc thượng thủ tri thức chúng.

Bực Trưởng lão là các Ngài : Xá Lợi Phất¹⁵ , Ma ha Mục Kiền Liên¹⁶ Ma ha Ca Diếp Ma Ha Ca Chiên Diên Ma ha Câu Si La Ly Bà Đa Châu Lợi Bàn Đà Già, Nan Đà A Nan Đà La Hưu La Kiền Phạm Ba Đề Tân Đầu Lô Phả La Đọa Ca Lưư Đà Di Ma Ha Kiếp Tân Na Bạt Câu La A Nậu Lâu Đà như thế cả các vị đệ tử lớn của Phật.

Đây là nêu rõ cái Danh của các Ngài, ví tuổi sanh và đức hạnh đều cao cả, nên được gọi là Trưởng Lão. Mười sáu vị trên, mỗi đều riêng chiếm một cái (tài đức) đặc biệt, để xưng bậc nhưt, nên đều được gọi là Trưởng Lão, nghĩa là cái tài đức ấy rất già dặn lớn hơn.

Như ông Xá Lợi Phất thì riêng có tài đức bằng “Trí huệ” vì lúc còn ở trong bào thai đã giúp ích cho thân mẫu biện luận hơn chúng; năm lên tám tuổi, lên tòa tranh biện, không ai bì kịp; khi quy đầu Phật pháp, chỉ trong bảy ngày ông đã suốt thông cả giáo pháp của Phật; nên người đời gọi là trí huệ đệ nhưt.

Oâng Mục Kiền Liên thì có cái thiên tài bằng “thần thông” vì ngăn dẹp được con Độc Long, không cho xe của Kỳ vực trên trời chạy đi, đốt cháy cái nhà thắng trận của Trời Đế Thích, ngăn cấm được chúng Ngoại đạo luyện

phép dời núi đã rung rinh, hóa phép đem cả con cháu họ Thính tản cư giấu trên cõi trời v.v...nên gọi là Thần Thông đệ nhất.

Ca Diếp thì chuyên tu hành đi đầu đà, dù tuổi già cũng không chịu thôi nghỉ, được Phật truyền tâm ấn, làm vị Tổ Sư số một bên Aán Độ đầu đà đệ nhất.

Ca Chiên Diên dịch là Văn Súc : văn chương trau chuốt. Nghĩa là với giữa các trường luận nghị lời của ông ứng khẩu thốt ra là toàn những vẻ văn chương, câu lối rất khó vì nói hoặc bàn ngược luận xuôi ngang hay dọc đảo lộn phía nào lời lẽ cũng đều rất linh hoạt vang reo nên gọi là luận nghị đệ nhất. Nguyên ông là dòng giống Bà La Môn ở Nam Thiên Trúc.

Câu Si La dịch là Đại Tất : đầu gối lớn. Thuở ông còn tu học bên phái Ngoại đạo chuyên môn đọc thuộc lòng được mười tám bộ kinh sách sau khi đầu Phật xuất gia, tu chứng được bốn pháp biện tài với giữa những cuộc hạch hỏi, lời lẽ của ông rất trôi chảy nên gọi là thiện vấn đáp đệ nhất.

Ty Bà đa, dịch là Tinh Tú : ngôi sao Tú Nhon cầu đảo ngôi sao ấy mà được kết quả sanh ra ông, nên đặt tên bằng tên của vì sao kia. Tâm của ông không hề điên đảo loạn tưởng vì tu pháp chánh định đã thâm nên gọi vô đảo loạn đệ nhất.

Châu Lợi dịch là Đại Lộ biên sanh : Anh lớn đẻ bên đường. Bàn đà già, dịch là Tiểu lộ sanh : Em nhỏ đẻ dọc đường; bởi vì hai anh em đều do đẻ nơi lộ đồ là, khi mẹ sắp lâm bồn, phải về nhà của cha mẹ đẻ đẻ sanh mà lần nào cũng mới về tới giữa đường đã nở nhụy. Ông Bàn Đà Già như Phật dạy nửa bài kệ mà đã mấy tháng học không thuộc, nhờ Phật giải thích mới tỏ ngộ được, phát minh ra thần thông, biệt tài vô cùng nên gọi là thiện trì nghĩa đệ nhất.

Nan Đà, dịch là Thiện Hoan Hỷ : hay vui vẻ, em ruột của Phật Thích Ca ông có cái thân thể tướng mạo rất đẹp gần bằng Phật, nên gọi là dung nghi đệ nhất.

A Nan Đà, dịch là khánh hỷ : vui mừng, em con nhà chú của Phật, ông đã học thông nhiều kiếp nên gọi là đa văn đệ nhất. Làm thị giả hầu Phật trong những thời nói pháp; sau khi Phật nhập diệt ông kết tạng Kinh. Được đức Ca Diếp truyền tâm ấn làm vị tổ thứ hai bên ấn độ.

La Hầu La dịch là Phú Chướng : Phủ che. Nhơn vì kiếp trước lấp hang làm cho con chuột bị che phủ dưới đất sáu ngày nên nay ông bị quả báo ở trong bào thai của mẹ sau năm mới được sanh ra ông có cái hạnh nguyện bí mật là với một nghìn đức Phật trong kiếp trụ này, mỗi Ngài lúc còn tại gia ông cũng đều làm con rồi cũng theo xuất gia, như Thái Tử Sĩ Đạt TA khi còn tại gia thì ông làm con lúc Ngài xuất gia thành Phật Thích Ca thì ông cũng theo đi tu v.v... với cái hạnh nguyện kín đó, chỉ có Phật mới có thể biết được nên gọi là Mật hạnh đệ nhất.

Kiều Phạm Ba Đề, dịch là Ngu ty : Trâu nhơi. Bởi kiếp trước nhái điều để khinh thường một vị Lão Tăng rụng răng ăn cơm nhai trệu trạo cái miệng, ông đã học bộ nhái điều lại còn nói lớn mặt rằng : Sư ông ăn sao cái miệng như con trâu nhơi. Thế nên mắc báo đọa làm trâu đã ở trăm kiếp, nay dù chứng quả La hán, nhưng còn cái tật dư thừa là thói quen bằng cách miệng cứ nhai hoài như trâu, dù không ăn gì mà miệng cứ nhai luôn. Ở giữa nhơn gian, e người đời không biết là bực Thánh, thấy thế cũng khinh điều mà mắc tội lỗi, nên Ngài thường ở luôn trên cõi trời, chư thiên đều biết kính lạy cúng dường. Đó là Ngài vãng lời Phật chỉ định, nên gọi là thụ thiên cúng đệ nhất. Vậy đời nay, đối với bực già bệnh dù có cái tật chi, các thầy thiếu niên chứ không nên điều cợt nhài lòn, phải kính dè nhớ lấy.

Tân Đầu Lư Phả La Đọa, dịch là bất động lợi căn : ý thức chẳng động, căn tánh rất thông lợi. Thường thụ hưởng trai phạm thiện tín đời mạng pháp cúng dường, để làm phước điền cho nhơn gian; hễ trai chủ nào mà thiết đàn trai tăng thành kính, thì ngài ẩn ngậm đến lần lộn trong chúng tăng để chứng cúng, nên gọi là phước điền đệ nhất.

Ca Lưu Đà Di, dịch là Hắc Quang: đen ngời. Vì cái da đen huyền có ánh ngời, lãnh mạng làm Sứ giả của Phật. Với cái nhiệm vụ giáo hóa ông có cái sở năng rất hay khéo hơi hết, nên gọi là thiện giáo hóa đệ nhất.

Kiếp Tân Na dịch là Phong Tú ; Sao Phòng. Trước khi đến đầu Phật xuất gia, đi giữa đường gặp mưa vào nghỉ ở nơi nhà làm đồ gốm, Phật biết trước, bèn hóa thân làm một nhà sư cũng đến xin ngủ trú núp mưa, nhà sư ấy vì nói pháp cho nghe, liền chứng đạo quả La hán. Nhà sư thâm phép hoàn nguyện lại là hình Phật, ông rất tinh tường về khoa thiên văn, nhứt là rõ biết sự biến hiện của các ngôi sao, sẽ có các hung thế nào nên gọi là tri tinh tú đệ nhất.

Bạt Câu La, dịch là thiện dung : hình dung khéo. Nghĩa là tướng mạo nghiêm chỉnh. Nguyên kiếp trước có thí thuốc cho một nhà Sư bệnh bằng một trái cây, nhà Sư ăn quả ấy liền được lành bệnh; nên đời nay ông được kết quả bằng những hiệu nghiệm là lâm vào năm chỗ rất nguy hiểm mà không chết. Lại, kiếp trước giữ giới bất sát sanh, nên đời nay sống lâu được một trăm sáu chục tuổi nên gọi là thọ mạng đệ nhất.

A Nậu Lô Đà, dịch là Vô Bần : không nghèo. Nhơn vì kiếp trước, đem cơm bằng gạo lúa tặc cúng cho vị Bích Chi Phật, nên về sau suốt chín mươi một kiếp được cái phước báu muốn chi...được nấy nên gọi là không nghèo. Nay tu pháp Tam muội chứng được thiên nhãn thông thấy biết sáng suốt nên gọi là thiên nhãn đệ nhất.

Mười sáu đức Tôn giả trên đều là : Trong tâm chứa kín đức trí của Bồ Tát, ngoài thân tỏ bày uy nghi của Thịnh Văn, thường theo sát cánh Phật, để phụ giúp mọi việc giáo hóa, nên được ghi vào đây, còn các La hán khác rất nhiều mà không được ghi, là vì ở xa chẳng thường theo Phật để phụ tá.

Câu “Như thế cả các đệ tử lớn” là nói tổng quát cả vô lượng thánh Thịnh văn giữa pháp hội kỳ viên đạo tràng.

Với các đức Bồ Tát lớn, như là : Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử A Dật Đa Bồ Tát, Kiên Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường tinh tiến Bồ Tát, còn nhiều các đức đại Bồ Tát như thế nữa.

Đây là ghi về chúng hàng Bồ Tát : câu đầu là nêu lên cái giới : loại từ Văn Thù sắp xuống là chỉ riêng về mỗi đại danh : câu rốt là số Bồ Tát còn nhiều đến vô lượng mà ghi bằng cách nói tổng quát.

Bồ Tát, gọi đủ là Bồ đề tát đỏa, dịch là : Đại đạo tâm chúng sanh, nghĩa : chúng sanh này đã thành tựu cái tâm đạo lớn, vì Bồ Tát thường hay đồng thời xoay ra cái đức độ cả bi lẫn trí để làm việc phổ lợi cho mình và người. Đại luân thích nghĩa rằng : Bồ Đề gọi là Phật đạo, Tát Đỏa gọi là thành chúng sanh, là nói : dùng đạo Phật để làm những việc lợi ích cho chúng sanh được nên người hiền lành thì gọi là bồ đề tát đỏa.

Phật xưng là Pháp Vương, còn Bồ Tát hay nói dối theo Phật để thanh hành giáo hóa, làm bậc thượng thủ giữa chúng, nên xưng là Pháp vương tử. Luận Đại Trí Độ, cuốn 29 nói : Phật làm Pháp Vương. Bồ Tát đương tiến vào địa vị của pháp vương nên gọi là Pháp Vương tử, cả thập địa Bồ Tát đều xưng là Pháp Vương Tử v.v...

Xá Lợi Phát là bực Quyền Trí đệ nhất giữa chúng Thịnh Văn; Văn Thù là bực thật trí đệ nhất giữa chúng Bồ Tát; A Dật Đa tức Di Lạc là đứng sắp bổ xứ thành Phật ở tiểu kiếp thứ 10 (Thích Ca ở tiểu kiếp thứ 9) | Kiền Đà Ha Đề dịch là Bất hưu Tức : chẳng thôi nghỉ, vì vẫn tu hành đã nhiều kiếp mà chẳng hề tạm nghỉ. Thường tinh tấn ; với cái nhiệm vụ tự lợi lợi tha, siêng làm mãi kiếp nọ tội kiếp kia chưa hề biết mỏi.

Bồ đề tát đỏa là : Khai sĩ, Thi Sĩ Cao sĩ, Đại sĩ. Các Đại Sĩ như Văn Thù, Di Lạc v.v.... trên đây là quả vị đã thâm sâu, hãy còn chí nguyện thân cận đức Di Đà thay, bằng chứng là danh hiệu của các đại Bồ Tát ấy còn ghi trong hội thuyết này như trên đó, vậy kính mong các nhà tu học Phật hiện nay và sau, chớ nên coi thường pháp niệm Phật tịnh độ mà gây lấy cái lỗi chẳng nhỏ, vì các người đã hơn các đức Văn Thù...kia chưa ?

Và, Trời Thích Đề Hoàn Nhơn, cùng tất cả các Trời nhiều đến số vô lượng, họp thành đại chúng nơi pháp hội Kỳ Viên.

Đây là ghi về chúng trời và người dự hội.

Thích Đề Hoàn Nhơn, dịch là năng tác thiên chủ : hay làm trời chủ, vì Đạo Lợi, dịch là tam thập tam thiên : Ba mươi ba nước trời, giữa 33 nước trời ấy, ông Thích Đề Hoàn Nhơn làm chủ tể ở trung ương. Cả 33 cõi trời ấy, chung lại là một cõi thứ hai trong sáu cõi Trời Dục ở hạ giới.

Câu “Thích Đề Hoàn Nhơn đấng”, chữ Đấng : Thầy, là cả thầy các trời ở ba giới mười phương, nên nói : Các Trời nhiều đến số vô lượng.

Lại nói vô lượng chư Thiên là bao quát cả chúng Bát bộ thiên long; phạm những chúng có duyên với pháp tịnh độ được dự hội nơi Kỳ Hoàn này, đâu chẳng kể suốt cả.

Các Thánh Thịnh Văn tâm trụ nơi “không” thường đi theo bên Phật, nên ghi ở trước; các ông trời và chúng nhơn lòng còn trụ nơi “Hữu” thường làm phái ngoại hộ Tam Bảo, nên ghi ở sau; chỉ các các Thánh Bồ Tát thường hành cái đạo lý trung bình, nối thành Phật hóa như bóng theo hình, nên ghi ở trung gian.

Từ Như thị ngã văn....đến chư thiên đại chúng cu, là “lời thông tự đã rồi”. Thông tự tạ thông đồng, nghĩa là cả tụng Kinh đoạn văn ở trước đầu mỗi cuốn đều để lời tựa phổ thông như thế; cũng gọi rằng lời tựa để làm chứng tín.

Lục đạo

Đạo : đường; thứ đến. Là đường sá của chúng sanh đi luân hồi, nên gọi là lục đạo chúng sanh đều do nơi nghiệp thiện, nghiệp ác mà đến đó để chịu sanh, nên gọi là lục thú, Kinh Pháp Hoa tự phẩm nói : Lục đạo chúng sanh, sanh tử sở thú.

Sáu cái tướng hành dục của sáu trời Dục giới : 1 Trời 1 tứ Thiên Vương và Trời Đao Lợi (Ngọc Hoàng) khi hai ông bà hành dâm với nhau bằng cách như chồng vợ dưới nhơn gian là lưỡng thân giao hội. Ba trời Dạ Ma hành dâm cách chỉ ôm nhau hôn mà có chửa. Bốn Trời Đâu Suất hành dâm bằng cách chỉ nắm tay nhau mà thành thai. Năm Trời Lạc Biển hóa khi hành dâm bằng cách chỉ cứ ở với nhau mà cũng có mang. Sáu Tha Hóa Tự Tại lúc hành phu phụ chi đạo bằng cách là chỉ ngó nhìn với nhau rồi cũng nhâm thần kết tử. Tóm lại, để bằng cách hành dâm thai sanh nên gọi là Dục giới.

---o0o---

Thần bát bộ

Tám bộ chúng trên thấy ghi trong Kinh Xá Lợi Vấn; với tám bộ ấy, nhục nhãn của loài người không thể trông thấy, vì phước nghiệp khác nhau. Giữa tám bộ, hai chúng Trời và Rồng có thần nghiệm khá hơn, nên gọi là Thiên Long Bát bộ, thường hầu Phật những thời thuyết pháp. Vì kiếp trước chỉ tu học về Kinh Luận thắng phần hơn, nên nay làm thân hộ pháp. Mà lẫn lộn trong các giới quý thần, là vì ít tu học về giới luật, nên nay chưa được giải thoát.

Lúc bấy giờ, đức Phật Thích Ca Ngài kêu Cụ Trưởng lão là Xá Lợi Phất để bảo rằng : Từ thế giới ta bà đây, về phía tây qua cách mười muôn ức cõi nước Phật, bên ấy có thế giới tên là cực lạc, trong cõi ấy có đức Phật, hiệu là A Di Đà, hiện nay Phật ngài đương còn thường thuyết pháp cho chúng sanh bên ấy nghe¹⁷

Đoạn đây chỉ rõ ra bằng cách tổng quát về cái danh của cõi y báo là thế giới cực lạc, hiệu của đức giáo chủ là A Di Đà.

Số là, với các bộ kinh kia đợi có người đứng ra thỉnh giáo, Phật Ngài mới thuyết pháp. Chừ với Kinh này đây, thì chẳng như thế; nhơn vì với cõi cực lạc là chỗ chơn chánh quy túc, để cho chúng sanh trong chín cõi giới

đồng về lập mạng an thân; với câu A Di Đà Phật là phương pháp tiện nghi, trước dẫn chúng như đều đặn siêu sanh độ tử. Bên phái tu tiểu thừa họ ít biết đến cả lực đạo chúng sanh không nghe, vì vô duyên thiếu căn lành đối pháp môn tịnh độ ! Còn chúng có căn duyên đặc điểm này, nhờ đức Thích Tôn sẵn lòng từ không đợi, làm đức thầy chẳng mời, chính miệng thốt lời kêu bảo Xá Lợi Phất, để rộng thêm khen ngợi cái như thắng diệu của tịnh độ; vì chẳng những chỉ đương thời pháp hội kỳ hoàn được thấm nhuần ích lợi mà thôi, đến cả chúng như ở thế giới về sau cũng đều được nhờ pháp niệm Phật này làm chỗ nương về cứu cánh nữa là khác.

Vả luận : với tông tịnh độ, có ba bốn kinh chuyên môn, mà tiểu bộ đây là phương pháp rất giản tiện, vì về phần lượng thì, văn tự dón ít mà ý nghĩa hàm nhiều; với pháp niệm Phật có bốn cách mà về phép tu “trì danh niệm Phật” lại riêng được chóng tác hơn, chỉ có một câu sáu tiếng, chuyên niệm nội trong bảy ngày, hề đặn “nhứt tâm bất loạn” là chắc được vãng sanh sanh cõi tịnh của Phật.

Chính như chỗ bảo : tu các pháp khác, dường như con kiến bò từ dưới chân lên đánh núi cao; có công tu pháp niệm Phật, tựa như ghe buồm bọc gió đi dòng nước thuận. Lại ví : con mọt ở trong cây tre, muốn ra mà cứ đi thẳng lên thì khó, vì phải đục phủng qua nhiều lóng đốt; còn khoét lỗ ngang chun ra thì dễ vì chẳng hao công nhiều ngày.

Tu pháp niệm Phật cách trì danh đây cũng như thế, vì siêu xuất tam giới bằng cách đi tắt ngang ra, và được vãng sanh bằng cách mang nghiệp theo. Bởi có nguyện lực của Di Đà hướng dẫn, và chư Phật sáu phương hộ niệm; còn tu theo các pháp môn khác thì đâu đặn như thế, vì phải dứt cho hết nghiệp chướng kiến hoặc, tư hoặc mới được ra khỏi ba giới bằng cách từ bực đi dọc, như Thịnh Văn phải chùng từ Sơ quả đến tứ quả mới ra khỏi tam giới, còn Bồ Tát cũng phải trải qua từ tam hiền đến thập Thánh, vả lại chỉ tự lực, chứ chẳng có tha lực gia hộ gì !

Hỏi : Rằng mười muôn ức cõi Phật, mà mỗi một cõi vậy là bề rộng chừng bao nhiêu ?

Đáp : cõi Phật, với bề rộng hoặc lớn hay nhỏ, không thể như định hạn cuộc được; như cõi Phật của đức Thích Ca đây là cõi ta ba thì lấy một tam thiên thế giới làm một cõi Phật ; các phương khác thì : hoặc lấy hai tam thiên thế giới làm một cõi Phật...hoặc nhứt đến lấy ngàn tam thiên thế giới làm một cõi Phật; muôn tam thiên thế giới làm một cõi Phật.

Như Kinh Pháp Hoa, Phật thụ ký cho ông Phú Lô Na qua đời vị lai sẽ thành Phật, lấy hàng hà sa số tam thế giới làm một Phật quốc. Do đây so sánh ra thì cõi ta bà rất là nhỏ bé, vì chỉ có một tam thiên thế giới thế như luận về cái chỗ xa hay gần của thế giới thì lại còn có sự là lý : So về sự, dù có cái bề xa bằng mười muôn ức cõi Phật, mà so về lý thì nó không cách một gang tấc nào.

Đây, kinh Lăng Nghiêm nói : “Cái hư không nó sanh trong đại giác (**chơn tâm**), tỉ như một bọt nước nổi giữa biển. Các cõi nước nhiều như vi trần của pháp hữu lậu, đều nương giữa hư không để phát sanh. Bọt nước tiêu tan, cũng như cái hư không tiêu, hư không còn tiêu thay, hướng là tam giới”.

Thế nên, tất cả quốc độ nhiều như số vi trần dù tịnh độ uế độ trong mười phương thế giới đều nương nơi tự tâm (**đại giác**) để gây dựng, mà tự tâm nó tròn bọc cả hư không, thế với mười muôn ức cõi Phật kia đâu phải là xa, còn thân tự tâm lại nó ở trước mắt, thì mười vạn ức Phật độ ấy cũng phi là gần. Vậy, biết gần hay xa gì cũng vẫn là nhưt như.

Những người niệm Phật, nếu mỗi niệm cùng tương ưng với Phật, thì tâm niệm của người tức tâm niệm của Phật, kêu bằng tâm tức Phật, Phật tức tâm. Niệm Phật mà tiến đến trình độ đó, thì đã chẳng cách bức nhau với Phật Di Đà mà cũng chẳng xa cách nhau với chốn bửu sở (**Nhứt thừa thật tướng**).

Đây là, so về lý tánh, thì tịnh độ tuy gần, mà với sự tướng thì có con số mười muôn ức cõi rõ ràng. Với sự tướng thì quốc độ, giới hạn tuy nhiên, mà mỗi bước đi trong hằng ngày, không bước nào là không đạp trên cõi Cực lạc, vì tâm tịnh độ tịnh thì bộ bộ gia như, rất mâu thay với lẽ duy tâm, chẳng thể nghĩ bàn đặng !

Rằng có thế giới tên là nước Cực lạc, đó là chỉ cõi y báo; các nước Phật ở thập phương, nước nào cũng đều có bốn cõi, đều phân ra có cõi tịnh, có cõi uế; chỉ có nước Cực lạc, bốn cõi đều tịnh, thế đều là nhờ công đức xứng lý tánh bởi hạnh nguyện của Phật Di Đà và pháp niệm Phật tam muội của chúng nhơn tu được phần hơn mà cảm ứng nên bốn cõi đều tịnh như thế.

Rằng có đức Phật hiệu là A Di Đà, đó là chỉ rõ cái danh của Giáo chủ ở cõi cực lạc kia. Là nói : Nước cực lạc thì có đức Di Đà làm chủ để giáo hóa, tiếp dẫn người niệm Phật; cũng như nước Ta bà có đức Thích Ca làm chủ để dạy người tu niệm Phật.

Về phần chung để luận : thì mỗi đức Phật đều có 3 thân là Pháp thân, Báo thân, Hóa thân. Lại với ba thân đều có đơn kép và ba thân ở nơi bốn cõi như thế nào, sẽ thấy biết ở cái biểu đồ dưới kia.

Rằng hiện nay đương còn thuyết pháp, đó là nói cho phân biệt với : quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến, mà với hiện tại đây, nào những chỉ một đức Di Đà nói pháp, mà cả đến : nước, chim, cây, rừng đều thường thường diễn thuyết trong bằng giờ, tiếng pháp không hề dừng nghỉ. Chúng sanh nghe pháp, liền mở trí huệ của tự tánh Phật ra mau chứng lên đạo quả vô thượng của Phật, mà tiếng pháp ấy vẫn thường diễn thuyết mãi đến đời vô tận vị lai, cũng chẳng ngớt dứt.

---o0o---

Tam thiên thế giới

Bề dọc là 3 giới bề ngang là ba ngàn thế giới, chung lại là một cái cảnh giới của một đức Phật phân thân ra hàng ngàn trăm ức ứng thân để giáo hóa. Mà nước Cực lạc thì ở ngoài số muôn ức cái tam thế giới. Lại nói nước cực lạc cách nhau với nước ta bà bằng con số mười vạn ức cõi Phật nhưng ta bà Cực lạc cũng đồng ở trong lớp thứ mười ba của hai mươi lớp hoa tạng thế giới nhiều như số vi trần trong mười ba cõi Phật để bao vây giáp vòng ngoài lớp thứ mười ba đó, nghĩa là với lớp thứ mười ba thì có mười ba Phật để bao vây chung quanh.

Với hình và lượng của hai mươi lớp hoa tạng thế giới, đã có biểu đồ giải rõ ở sau hai câu Hoa tạng huyền môn, Tỳ lô tánh hải của tập thượng rồi.

---o0o---

Cực lạc bốn cõi đều tịnh

Đây chỉ riêng nói về nước cực lạc : Cả bốn cõi đều thuần là thanh tịnh trang nghiêm, vì địa cầu bằng kim ngân thất báu, nên cõi phàm thánh đồng cư vẫn tịnh độ. Còn các cõi phàm thánh đồng cư ở phương khác như cõi ta bà đây chẳng hạn thì có đều có uế trước, vì chúng sanh tâm còn ba độc mười ác.

PHỤ CHÚ : thiên thai tông lập ra bốn thứ Phật độ : phàm thánh đồng cư độ là một : Một quốc thổ mà gồm cả loài người, loài Trời, phàm phu, các thánh Thinh văn, Duyên giác đồng ở lẫn nhau. Cõi này có hai thứ là tịnh thổ,

uế thổ, như cực lạc phương tây là đồng cư tịnh thổ; thế giới ta bà đây là đồng cư uế thổ. Phương tiện hữu dư độ là hai : là chỗ sống ở của loài người đã dứt được hai thứ phiền não của kiến hoặc tư hoặc, ra khỏi sanh tử của tam giới. Thế là chỗ sống ở của những người tu đạo phương tiện của tiểu thừa, đã dứt hết hai hoặc kiến tư, nên gọi là phương tiện; với hai cái hoặc trần sa vô minh chưa dứt hết, nên gọi là hữu dư. Lại là chỗ ở của bảy bậc người tu pháp phương tiện, nên gọi là phương tiện độ. Bảy bậc người là : hai người Thinh văn, Duyên giác bên tạng giáo, ba người Thinh văn, duyên giác, Bồ Tát bên Thông giáo, một người Bồ Tát bên Biệt giáo, và một người nữa là

Thế nên Tổ Thiên Thai đại Sư dạy người chỉ quán một niệm tức không, tức giả, tức trung, thì có mười giới các pháp Tánh, Tướng, đầu chẳng đủ, nếu hay từ đây tinh tiến, thì thẳng tiến lên bậc Thánh, không ngờ gì nữa.

Pháp quán mười thừa

Đơn : chỉ một thân; **Phúc** : cặp hai thân. Thân bằng tự tánh, thanh tịnh là thân tâm của các đức Như Lai vẫn là chơn tịnh pháp giới, lia tướng vắng lặng, đủ công đức chơn tịnh là cái thật tánh đối tất cả pháp vẫn bình đẳng cái tự tánh ấy, gọi là Pháp thân, vì chỗ của đại công đức y chỉ.

Cái thân tự thụ dụng là các đức Như Lai từ vô số kiếp tu tạo vô lượng phúc huệ, kết tinh được cái sắc thân bằng viên năm biến tịnh, thường tự thụ dụng những pháp vui quảng đại.

Cái thân tha thụ dụng, các đức Như lai do nơi trí bình đẳng mà thị hiện ra cái thân vi diệu tịnh công đức, ở cõi thuần tịnh độ, vì chúng Bồ Tát trên thập địa, để nói pháp, quyết nghị khiến Bồ Tát được thụ dụng đại thừa pháp lạc.

Cái thân bằng thị hiện ra, là hợp theo cơ duyên mà chư Phật, Bồ Tát thị hiện ra mỗi mỗi thân, như đức Quan âm thị hiện ra ba mươi ba thân trong phẩm Phổ Môn đã ghi đó.

Cái thân bằng ứng hiện ra, là đối với Bồ Tát bậc sơ địa để ứng hiện ra thì gọi là Thắng ứng thân; đối với ba chúng hiền trước thập địa và bậc nhị thừa để ứng hiện ra thì gọi là Liệt ứng thân, như thần tượng sáu của Phật Thích Ca đó.

Cái thân bằng Phật giới, là cảnh giới tức quốc độ của Phật : Kinh Phạm Võng nói : “Hay chuyển đời cõi Ma vào cõi Phật v.v...”

Cái thân bằng tùy loại, tức là cái thân biến hóa : Đức Như Lai do nơi cái trí thành sở tác biến ra mỗi hóa thân tùy theo mỗi loại để ở nơi Tịnh độ, uế độ vì Bồ Tát chưa chứng lên thập địa nhị thừa loại dị sanh thích hợp với cơ duyên của chúng để hiện thân thông thuyết pháp hóa độ cho được lợi lạc.

Ba thân ở bốn cõi

Phương tiện hữu dư, là các thánh Thinh Văn, Duyên giác là những người đã chứng quả cứu cánh của Nhị thừa và các Bồ Tát chưa lên Thập địa, sẽ sanh về Tịnh độ ngoài tam giới. Các vị ấy đều tu cái đạo lý phương tiện của không quán mà dứt được kiến hoặc, tư hoặc, nên gọi là phương tiện; chưa tu pháp Trung quán,, chưa dứt hết cái hoặc vô minh nên gọi là hữu dư. Thiên thai quán kinh nói : “Tu pháp phương tiện dứt bốn trụ hữu dư hoặc, nên rằng phương tiện; vô minh chưa hết, nên rằng.

Thật báo trang nghiêm, là trả cho cái nhơn tu tạo muôn hạnh tốt gọi là thật báo ; mà đặc cái cõi tịnh đủ vạn đức trang nghiêm. Tức là nói về hóa thân đôi nơi Hóa độ, nghĩa là chơn Báo thân của Phật, ở nơi cõi chơn Thật báo.

---o0o---

Thật sự nước cực lạc hẳn có bốn nghĩa

Càn thánh dương diệm : càn thánh tức là kiên đạt phược thành, dịch là thành quách của thần Kiên Đạt Phược, Kiên Đạt Phược dịch : tâm hương, nghĩa : tìm mùi thơm. Bên Tây vực người ta gọi đoàn nhạc kịch hát xướng là Tâm hương, vì bọn ấy có tài năng hay tạo tác trình bày các cuộc huyền thuật bởi với cái thành quách mị thuật ấy, người ta có thể vào trong đạo chơi được, nên gọi là Tâm hương thành. Cái thành ấy hiện ra bằng cách chỉ là bóng dạng, trông thấy tựa hồ có chứ phi thật sự. Hoặc kêu Dương diệm (ánh nắng mặt nhật) hóa thành là kiên đạt phược thành : các người lái buôn đi nơi núi biển họ thường thấy ánh nắng của thái dương chói lọi hóa thành ra thành quách Kiên đạt phược với trong thành ấy, người ta nghe có những tiếng âm nhạc, nên tây vực kêu bọn nhạc kịch phường trò là kiên đạt phược (càn thác bà : tâm hương), đã gọi chúng là Tâm hương, nên với cái thành kia cũng bảo là Tâm hương thành. Trí Độ Luận cuốn 6 chép rằng : lúc mặt nhật mới mọc, người ta trông thấy cái thành quách kia có cửa có lầu đài cung điện, nhơn vật ra vào, đến khi mặt trời lên cao, thì cái thành ấy tiêu diệt mất. Vì với thành ấy, chỉ trông thấy thôi, chứ phi thật sự nên bảo là kiên đạt bà thành.

Sách phụ hạnh nói : Với Càn thành, người đời họ bảo là Thần lâu, Thần là con sò lớn, sớm mai nó thở hơi lên, do ánh thái dương phản chiếu mà với nơi cồn biển, người ta thấy có hình như lâu đài nhơn vật, nên gọi là Thần lâu : lâu các của con Sò, cũng chỉ hơi bóng chứ phi thật có.

Sách Huệ uyển âm nghĩa nói : giữa núi thập bửu, có vị thần âm nhạc, tên Kiên đạt phước, các trời trên Dao lợi, lúc mà muốn thưởng thức nhạc kịch, thì nhạc thần ấy tự cảm biết được liền lên tiên đình, để hiến nhạc kịch. Nhơn đó, nên chi người Tây vực bảo phùng nhạc kịch là kiên đạt phước. Cũng vì bọn nhạc kịch kia họ có mị thuật làm ra cảnh cuộc tranh ảnh thành quách ấy, nhơn đó cũng gọi cái thành quách của rồng, sò thở hiện kia là càn thác bà thành.

Lời Tám Thập Dụ nói : Thế pháp không khoán, như bi quý thành: sự vật giữa đời rộng trong tỷ như cái thành của quý tâm hương. Nghĩa là chỉ thấy có mà không thật.

Xá Lợi Phất ! cõi kia tại sao tên là Cực lạc ? vì chúng sanh ở cõi ấy đã chẳng có các điều thống khổ mà lại chỉ hưởng toàn những phước vui, nên bảo là nước cực lạc.

Đoạn đây là nêu lên cái danh nghĩa của cõi Cực lạc mà giải thích bằng cách tổng quát.

Hai câu trước là nêu lên để gạn hỏi : từ kỳ quốc sắp xuống là giải thích.

Cả các loại ở chín cõi đều gọi là chúng sanh chỉ có Phật mới chẳng gọi chúng sanh, mà chúng sanh ở cõi Ta bà, ý thức của nó cứ mỗi niệm sanh diệt mãi, về chỗ chúng cảm chịu là y báo chánh báo đều là uế trước thì có những các điều khổ như : ngũ trước, tam khổ, bát khổ, đến vô lượng nghiệp mê hoặc vì bởi cõi đã uế, thân cũng uế trước nữa. Chúng sanh nước Cực lạc ý thức toàn chánh niệm, nên chỗ cảm chịu là cõi y, báo thân chánh báo, đều là thanh tịnh thì có những các điều vui như : ngũ thanh, tam lạc, bát lạc, đến vô lượng các điều vui của pháp tánh vì thế giới đã thanh thái, mà thân tâm cũng thanh tịnh nữa.

Sách yếu giải nói : Cực lạc là cõi phàm thánh đồng cư, chúng sanh được về ở đó, là do cái căn lành tu pháp trì danh niệm Phật nên hưởng phước đức cũng đồng với Phật A Di Đà nghĩa là bốn cõi đều trọn thanh tịnh, đều trọn hưởng đủ phước vui.

Và lại điều tối thắng của nước Cực Lạc phi ở ba cõi trên, mà chính ở tại cõi đồng cư, bởi vì các cõi đồng cư nơi thập phương đều nhường điều thù thắng của cõi đồng cư ở Cực lạc, thế thì, ngay nơi đồng cư mà trọn thấy luôn bốn cõi tốt, vì mang nghiệp vãng sanh đi tắt ngang ra ngoài tam giới, đều về ở tại cõi đây cả. Vậy biết Phật Thích Ca ngài nói ra sự khổ vui đó, là để khiến cho người tự nhận bỏ cõi khổ đây mà hoan nghinh lấy cõi vui kia, chúng ta cần hiểu cái ý nghĩa ở chỗ đó.

---o0o---

Ngũ trước của cõi ta bà

Cái thời gian có năm trước hiện hành trên thế là : về kiếp giảm từ thuở loài người mãi còn sống chỉ hai vạn tuổi, đến thuở chỉ sống còn có mười tuổi. Kiếp trước là chung bốn trước kia là riêng, nghĩa là trong một kiếp trước nó có bốn trước kia, vì lấy những biến cố của bốn trước kia mà làm một kiếp trước.

Ngũ thanh của cõi thanh thái tức Tịnh độ

Ba khổ của cõi ta bà

Ba vui của cõi cực lạc

Tam điều khổ của cõi ta bà

Tám điều vui của nước Cực lạc

Lại, Xá Lợi Phất ! trong toàn cõi Cực lạc, có bảy lớp hàng cây phía trên thì có bảy lớp lưới giăng, để che quanh cây thì có bảy lớp Câu lon để bao bọc, ba vật ấy đều hợp thành bằng bốn thứ báu, quanh vây chạy giáp vòng cả nước, thế nên nước kia tên là Cực lạc.

Từ đây sắp xuống cả năm khoa văn mà ở đây là khoa La Thuần, La võng, hàng thụ đồng chỉ ra những cảnh vi diệu đều là việc vui đẹp bằng trần sắc của pháp tánh.

Câu lon tức lan can xen xen đặt rào xung quanh nơi hàng cây, với mỗi đường cái đi, phía trong phía ngoài lớp lớp đều đặn cũng thông đồng nhau.

Lưới thất mặt võng rất tốt trau giồi trên hư không để bủa giăng mỗi tầng trên hàng cây những ánh tia sáng đều chói lọi lẫn nhau.

Hàng cây nó tự sanh trên đất vàng báu, đối với hàng cây, đứng ở bốn phương trông ngắm thì, thấy nó đều là bảy lớp. Ca ba món là hàng cây, câu lơ và lưới giăng đều hợp thành bằng bốn chất quý báu là vàng ròng, bạc trắng, ngọc lưu ly ngọc pha lê, tự nhiên sẵn nên bằng cách xen sắc lẫn trau, chứ phi như như công tạo tác của cõi ta bà này. Các món vàng báu ấy, chắt nó mềm mại như bông gòn, tùy ý của người ở đó, muốn uốn nắn cách nào nó cũng theo chiều thế ấy.

Kinh Đại Bản nói : “Trên các bờ vàng báu, có vô số cây gỗ chiên đàn hương, cây trái cát tường, mỗi hàng đều giáp cung nhau, mỗi thân cây đều ngắm cân nhau, mỗi nhánh đều so bằng nhau, mỗi lá đều xoay về một hướng với nhau, mỗi hoa đều thuận chiều với nhau, mỗi trái đều tương đương đối nhau, như thế, mỗi hàng mỗi lối nhiều đến mấy trăm ngàn lớp”.

Lại nói : các cây bằng bảy thứ vàng báu hợp thành ấy, khắp đầy trong thế giới cực lạc : hoặc một cây tự nhiên thành bằng một thứ báu, hoặc một cây tự nhiên thành bằng hai thứ báu, cho đến hoặc một cây mà sẵn nên bằng bảy thứ báu; đối với cây báu ấy, các cõi tịnh độ ở thập phương đều hiện bóng cõi và thân cây, tỷ như hình tượng hiện bóng vào gương. Mỗi cây báu ấy, bề cao là tám ngàn do tuần, giữa nhánh lá và hoa, tùy theo màu sắc của ngọc báu thì chói ra ánh sáng ấy ; trong ánh sáng hiện ra lâu các, trong lâu các có Phật Di Đà và hai đức thánh là Quan Âm, Thế Chí, đều phóng quang thuyết pháp; trên mỗi mỗi cây, đều có bảy lớp lưới báu, khoảng giữa lưới báu, hiện ra các cung điện rõ đẹp, tự nhiên có các vị thiên đồng tử ở trong đó. Với bao sự cảnh thắng diệu ấy, đều là những công đức nơi tự tâm của Phật Di Đà và các người tu hành niệm Phật nó hiện ra đấy.

Chừ đây, đem mỗi mỗi sự cảnh báu màu ấy để tiêu biểu những đạo hạnh của tự tâm như thế này : cái lễ mà, với ba sự cảnh đều nói rằng thất trùng đó là để nêu rõ bảy khoa đạo phẩm ; tứ bửu là để nêu rõ bốn đức thường lạc ngã và tịnh : lan thuần là để tượng trưng ca muôn đức ngang dọc của tự tánh; bửu võng là để hình dung cái tự tánh nó ràng bọc cả pháp giới; hàng thụ là để tỏ ra rằng tự tánh nó trường dưỡng các căn lành. Chính là chỗ bảo rằng : Ngoài tâm không còn có pháp (sự vật) nào, ngoài pháp (cảnh) cũng không còn có tâm gì, thật thế.

Bốn đức của Phật giới

Với bốn điều ấy, là pháp tánh nó sẵn đủ những công đức vi diệu. Đối với bốn đức ấy : các Bồ Tát trên bực Sơ trụ bên Viên giáo; và các Bồ Tát trên bực Sơ địa bên Biệt giáo, đều chứng được bằng cách dần dần từ phần; còn những Bồ Tát đã chứng lên bực Cực quả Diệu giác, mới chứng cả bốn đức ấy đến cực điểm hoàn toàn viên mãn.

(Sách Pháp Hoa huyền nghĩa cuốn bốn chép : Người tu Phật đã phá hết phiền não hai mươi lăm hữu rồi, gọi là Tịnh. Đã phá rồi những cái nghiệp của hai mươi lăm hữu, gọi là Ngã không thụ cái báo thân của hai mươi lăm hữu, gọi là Ngã không thụ cái báo thân của hai mươi lăm hữu nữa gọi là Lạc Chứng còn cái sanh tử của hai mươi lăm hữu nữa gọi là Thường. Với Thường Lạc Ngã Tịnh, gọi là Phật tánh nó hiển hiện ra đó.

Nói ra Thường Lạc Ngã Tịnh ấy : là cái lập trường để thuyết pháp của một bộ Kinh Niết bàn, thành thử với Niết bàn Kinh, các Tổ xưa đã bảo là “đào thường giáo” nghĩa là giáo điển này chuyên bàn về lẽ Hằng thường).

Xá Lợi Phất ! Cõi nước Cực lạc có ao bằng thất bửu : trong ao có nước đủ tam công đức đầy nhẫy; dưới đáy ao dùng toàn thứ cát bằng vàng bùa đất; bốn thứ báu là kim, ngân, lưu ly pha lê hợp lại đắp thành các con đường từ nấc và bằng phẳng đi chung quanh nơi bờ ao; trên mặt đất vàng gần bờ ao, đều kiến thiết lên những lâu các bằng bảy thứ báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não, để trang sức rất là tôn nghiêm; trong ao hoa sen nở lớn bằng bánh xe : bông màu xanh phóng ra tia sáng xanh, bông màu vàng phóng ra tia sáng vàng, đỏ thì chói ra ánh màu đỏ, và trắng thì chiếu ra hào quang trắng; mỗi mỗi bông sen đều đủ bốn điều quý là nhiệm màu, thơm và sạch.

Đây là khoa văn bửu trì, lâu các và liên hoa đều rất đẹp. Từ thất bửu trì sắp xuống là nói về nước ao ; từ từ biên sắp xuống nói về giai đoạn lâu các; từ trì trung sắp xuống nói về ao sen.

Với bửu trì, kinh Đại bản nói : bên trong bên ngoài, phía tả phía hữu, đều có các ao tắm : có ao lớn bằng mười do tuần, ao lớn bằng hai mươi, hoặc ba mươi, nhỏ đến lớn bằng một trăm, một nghìn dặm, dường như bể cả; có ao tự nhiên thành bằng một thứ báu, có hai thứ báu, nhỏ

đến bằng bảy thứ báu chung lại thành một ao, chí như cái ao của Phật tắm
tư vuông lại lớn gấp bội số trên.

Quán Kinh nói : Mỗi mỗi ao nước sẵn nên bằng thất bửu, thứ bửu này
thể nó rất nhu nhuyễn, do nơi ngọc chúa như ý sản sanh ra, chỉ làm mười
bốn khía, nó ứng ra màu tốt của thất bửu, vàng ròng tốt làm bờ cừ, nước
chảy rót vào trong hoa, rồi cũng theo thân cây để chảy lên xuống.

Giai đạo : Giai là giai cấp : từ bậc từ nấc. Đạo là đạo lộ : mặt đường
cái đi bằng phẳng. Nhà chồng nóc gọi là lầu; nhà lầu nóc nhọn gọi là các.
Quán Kinh chép rằng : trên mặt đất bằng hoàng kim, trong mỗi mỗi một thứ
báu nó có hàng năm trăm ánh màu, ánh sáng nó như hoa, thành ra những cái
đài quang minh, hàng nghìn hàng muôn nhà lầu các, cách hợp thành bằng
trăm thứ báu.

Với trì trung Liên Hoa...Kinh Đại Bản nói : “Hoa sen lớn hoặc bằng
một do tuần, nhĩn đến trăm dặm, ngàn dặm”.

Rằng lớn như bánh xe đó Kinh Hoa Nghiêm lời sao giải rằng : “bánh
xe của Kim Luân Vương ở cõi đây lớn bằng một do tuần tức là bốn mươi
dặm” đó là nói về cái lượng rất nhỏ vậy thôi, vì người ở cõi đồng cư, mỗi
trình độ thấy hoa hoặc lớn hay nhỏ đều chẳng đồng nhau.

Hoa sen xanh tên là ưu bát la ; hoa sen vàng tên là Câu vật đầu; hoa sen
đỏ tên là Bát đầu ma :hoa sen trắng tên là Phân Đà Lợi. Bởi cái thân hoa sen
có ánh sáng nên cái bào hoa sen cũng có ánh sáng.

Song, bên nước Cực lạc, các thứ liên hoa : hoặc thứ rẹt toàn chỉ một
màu sáng, hoặc thứ xen lẫn nhiều màu sáng, ở đây nhà dịch ghi có bốn màu
là chỉ nói sơ lược thôi.

Vi diệu hương khiết : Chữ Vi nghĩa là có cái hoa mà không có cái chất
xác, Diệu : Hoa rất nhiều mà không chướng ngại nhau, hơi thơm bay
phương phát ra khắp giáp là nghĩa chữ Hương, phi đồng với hoa sen bằng
thảo mộc trần vật ở thế gian này nên gọi là Khiết. Nhiệm màu thơm sách, là
khen ngợi bốn đức tốt của bông sen ở Cực lạc, cái hoa sen còn được như thế,
huống chi với cái thân do hoa sen hóa sanh ra càng vi diệu hương khiết đến
thế nào nữa tưởng khá biết được.

Nếu rõ về “tánh” để nói, thì bảy báu là tiêu biểu 7 thứ của thánh, tám món công đức là nêu rõ nước nó có tám lý chánh, đáy ao cát vàng là tượng trưng cái tánh chơn như nó triệt để chẳng hề biến đổi, cũng như ao sen sâu tận đáy ao vẫn là chất vàng. Hoa sen phóng hào quang là để tỏ rằng : Cái thể của tự tánh nó vẫn vắng lặng mà thường tỏ soi.

---o0o---

Nước có tám tánh chất công đức

Nghĩa dưới có hơi đại đồng tiểu dị với nghĩa trên; với các ý nghĩa rằng : nước nó có hay là không chảy từ dưới lên trên thân thể đến chỗ nào, và nước ấm hay nước mát v.v.. là nó đều tùy nơi ý muốn của người tắm cần đến thể nào thì nó cũng vừa đến thể ấy. Nước mà như ý thể đó là như cái nguyện của đức A Di Đà và, sức niệm Phật của mỗi người tu tịnh độ hợp nhau thành ra cái pháp tánh vốn đủ thứ “nước lý” công đức như thế đó, chớ không chi lạ, nên gọi là “nước công đức”.

Cũng gọi “công đức trì” ; ao công đức là : nước trong ao nó có tám chất công năng kinh Vô Lượng Thọ chép : *“cõi cực lạc, từ trong đến ngoài, tả qua hữu, đều có các ao tắm, ao lớn : hoặc mười dặm, hoặc hai mươi dặm, hoặc ba mươi dặm, nhẵn đến lớn tới hàng trăm hàng ngàn do tuần, với bề ngang dọc sâu cạn, thì ao nào mỗi đều mỗi đồng đẳng theo với nhau, nước tám món công đức trong leo nhầy đầy”*

---o0o---

Thất thánh tài

Y theo bảy việc ấy để tu, chí tâm niệm Phật hồi hướng về tịnh độ, đến khi công hạnh viên thành, thì tự thấy nơi tự tánh mình nó sẵn có những món pháp tài công đức rất thắng diệu của Thánh đạo. Người niệm Phật mà chẳng có “Thất thánh tài” ấy, thì hẳn k hông đặng sanh về nước cực lạc.

(Kinh Bảo Tích cuốn 42 nói : “1. Tín (tin chịu chánh pháp), 2. Giới (giữ giới luật), 3. Văn (năng nghe chánh giáo), 4. Tàm (thẹn : mắc cỡ với phần mình), 5. Quý (hỗ: hỗ người với phần người) 6. Xả (xả bỏ tất cả không tham đắm), 7. Huệ (với sự lý hiểu biết sáng suốt).

(Kinh Niết Bàn cuốn 17 nói : Tín, Giới, Tàm, Quý, Đa văn, Trí huệ, Xả ly là Thất thánh tài, hễ giữ được bảy món ấy, gọi là Thánh nhơn). Kinh Duy

Ma phẩm Phật đạo nói : Giàu có bảy tài bửu, dạy trao dùng thêm lời). Kinh Báo ân chép rằng : lửa dữ nó đốt cháy thể gian tài, miệng dữ nó đốt tắt thánh tài ; bảy thánh tài là : tín, tinh tấn, giới, từ quý, văn xả. Nhẫn nhục, định huệ. Vì bảy tài ấy nó năng tư dụng cho được thành Phật, nên gọi là Thánh tài, cũng bảo là bảy Pháp tài. Người ta ở đời họa phúc gì cũng tự nơi miệng cả, nên thường giữ cái miệng hơn giữ lửa dữ, vì lửa dữ nó chỉ đốt cháy của cải trong một đời thôi, chứ cái miệng dữ nó hay cháy đến của vô số đời v.v... giữ đủ các pháp ấy, Phật bảo người đó giàu có bảy Thánh tài, các chúng sanh kia giữ được của ấy Phật bảo kẻ bạn cùng !

Xá Lợi Phất ! cõi nước Cực lạc trọn nên công đức trang nghiêm như thế.

Đây là câu kết lại nghĩa trên. Hai chữ như thế là chỉ về các sự trang nghiêm trên. Số là vì đại nguyện, đại hạnh của đức A Di Đà Phật nó đều xứng với pháp tánh, nên với chỗ thành tựu ra những công đức rất trang nghiêm, như thế, và tự tánh nó hiển hiện ra bốn thứ tịnh độ. Sỡ dĩ nói : “Nếu người niệm Phật, hoa liền nêu danh, siêng trề vừa phân, tươi khô khác hẳn”. Nghĩa là : Ở cõi ta bà đây người phát tâm niệm Phật, thì bên nước Cực lạc ao sen nó mọc lên một đóa hoa, trong hoa có ghi tên của người ấy, hễ người niệm Phật thường mỗi ngày được tăng tiến, thì hoa ấy nó càng ngày càng tươi lớn thêm lên mãi; trái lại, thì hoa nó mỗi ngày mỗi lụn bại lần hoặc đến khô tàn, mà chớ, nếu người niệm Phật kia chỉ cần chung đãi, hoặc thôi không niệm nữa !

Vậy, với cái tâm niệm Phật mà mọc hoa ghi tên và tươi tốt lớn thêm đó, há phi là bởi tự tánh mà thành tựu công đức trang nghiêm như thế ư ?

Lại, Xá Lợi Phất ! trong cõi nước của Phật kia, trên thiên không thường reo âm nhạc, dưới địa chất toàn bằng vàng ròng; ngày đêm 6 giờ, chốn thiên không thường tuôn xuống hoa mạn đà la, chúng sanh trong cõi hằng mỗi rạng sáng, đều lấy cái y kích, hứng đựng các thứ hoa tốt quý, đem đi dâng cúng chư Phật ở mười muôn ức cõi nơi các phương khác; cúng rồi liền trở về bốn quốc, để dùng bữa cơm sớm rồi đi kinh hành.

Đây là ghi rõ rằng hoa nhạc dâng cúng bằng cách rất màu nhiệm.

Từ câu “ thường reo....” Sắp xuống, là ghi những : trên không, dưới đất hai cảnh đều trang nghiêm.

Từ câu “chúng sanh trong cõi...” sắp xuống là ghi : đến phương xa cúng Phật.

“Nhạc” là món thính trần, “Đất” là món sắc trần, “Hoa” là hai trần : Sắc và Hương, “Cơm” là vị trần, xúc trần là đồ áo quần bận v.v...dù đây không nói, chớ lẽ cũng hàm đủ.

Nhạc của chư Thiên, dĩ nhiên là nó vi diệu hơn nhạc của thế nhơn kinh. Quán Kinh nói : “Chư Thiên nhiều đến vô lượng, trời hòa nhạc trời”. Lại nói : “đồ âm nhạc như treo trên hư không, lơ lửng dường thể tràng phan báu của chư thiên lòng thông, reo kêu tự nhiên, chớ chẳng phải có ai đánh trống, vẫn không xen nghĩ”. Nên nói là “thường reo” cũng như đánh mãi là thế.

“Ngày đêm 6 giờ” ngày có : đầu, giữa, cuối, gọi là ngày ba thời; đêm có : trước, giữa, sau gọi là đêm ba giờ. Nói là thời giờ đó, là ý nghĩa rằng hàng giờ chẳng dứt, tức là mỗi giờ đều có nhạc trời nó tự nhiên reo luôn.

Mạn đà la, dịch là thích ý : vừa với ý; lại dịch là hoa trắng, hoa đỏ nghĩa nó hàm cả bốn màu là : hoa lớn và nhỏ bằng sắc trắng, thứ đó cũng thế. Như Kinh Pháp Hoa nói : Ma ha mạn đà hoa, ma ha mạn thù sa hoa.

“Mới rạng sáng đi cúng Phật” là dùng cái lúc mà ý thức còn thanh tịnh, vì chưa tư tưởng lo nghĩ những gì.

“Y kích” hoặc nói y khâm là món đồ bằng vải để đựng bông đàm đi cúng.

“Bữa ăn” là bữa cơm sớm mai, từ rạng sáng đến bữa cơm chay sớm mai là giờ phút rất ngắn, mà có thể đi cúng hoa cả chư Phật ở từ mười vạn ức cõi, rồi liền về bốn quốc, kịp dùng bữa ăn sớm như thế, là rõ rằng : Chúng sanh đi cúng hoa kia đều đã dựng ba món “ý sanh thân” (ý sanh thân : là từ sơ địa nhần lên thập địa, tất cả Bồ Tát, muốn sanh thân ra cách nào thì biến hóa ra như tâm ý mình muốn thế nấy, tự tại không ngại, gọi là ý sanh thân. Bộ Kinh Niết Bàn bốn quyển, cuốn hai nói : ý sanh thân là ví như ý thức nó tới lui rất chóng không ngần ngại. Cuốn ba nói “ ba món ý sanh thân”. Vậy biết : chúng sanh ở cõi nước kia, toàn là đã chứng lên bậc sơ địa...thập địa Bồ Tát cả) tới lui vẫn tự tại bằng cách phi lạt đặt đi mà chóng đến tự nhiên.

Lại, vì vâng phép thần lực của Phật, nên đối với các thứ bình bát bằng vàng, bạc, các vật báu và trăm vị món ăn, thức uống nó đều tùy nơi ý muốn

của mỗi người cần dùng chi để hiện nấy, người ăn rồi thì vật dụng nó tự lui biến đi đâu mất, chớ khỏi nhọc công dọn rửa dẹp cất gì cả.

“ăn rồi đi kinh hành” là : Cũng một cách vệ sinh để sửa thân không bị ngăn trệ, sửa tâm không phóng dật.

Nếu luận về lẽ hiển tánh : thường reo nhạc trời là để nêu cái tự tánh nó đủ muôn đức dung hòa mà chẳng sai dời ; đất bằng vàng ròng là nêu tâm địa bình đẳng mà chẳng biến đổi: Trời tuôn hoa mạn đà la nêu thứ hoa sạch của tự tánh thiên nhiên để trang nghiêm nơi tâm địa : đựng hoa đem cúng chư Phật ở phương khác là nêu rằng: tịnh hoa của tự tánh cúng chư Phật pháp giới trong tự tánh : đến giờ ăn về nước kịp dùng bữa là tỏ rằng : tánh nó phi lai phi khứ, mà thị hiện tới lui, tức chẳng rời Cực lạc mà thường khắp giáp nơi mười phương ăn cơm rồi đi kinh hành là tiêu biểu trong cái tâm đã đắc định nó phát sanh ra thú vị pháp thực kê là “thiền duyệt thực” để tu dưỡng tinh thần, tức là “pháp hỷ sung mãn”, thế nên có nghĩa là ăn cơm; dùng cái diệu huệ để quan sát, sáng suốt lẫn thấu xa gần, nên có nghĩa là đi kinh hành.

Tóm rút, thì năm trần là : Sắc, thanh, hương, vị, xúc ở cõi màu, có lẫn suốt cả hằng sa thế giới; người ta nếu cái tâm niệm Phật đã được thanh tịnh, thì cõi ta bà nó lẫn suốt nhau với cực lạc, vì tâm tịnh tức độ tịnh; trái lại, nếu tâm sanh phân biệt, thì phương đông nó cách hẳn nhau với phương tây.

---o0o---

Ngày đêm sáu thời

Ba chúng ý sanh thân

Xá Lợi Phất ! cõi nước cực lạc trọn nên công đức trang nghiêm như thế.

Đây là kết thúc lại đoạn văn trên, để ghi nguyện thành đức tốt.

Lại nữa, Xá Lợi Phất ! Nước kia thường có mỗi mỗi thứ chim vẻ lông xem màu tốt lạ lắm, như là : Hạc trắng, con công, con kết, con cò, chim tiếng hay, chim chung mình hai đầu, các thứ chim ấy, ngày đêm sáu giờ hót tiếng hòa nhã, tiếng nói lâu đủ các pháp năm căn năm lục, bảy phần bồ đề, tám phần thánh đạo; chúng nhơn ở cõi kia, nghe tiếng ấy rồi, ai nấy cũng đều niệm Phật niệm pháp niệm Tăng.

Đây là nêu rõ món quý màu bằng chim biến hóa để thuyết pháp bảo. Vì e chúng sanh nó nghe pháp lâu ngày rồi sanh tâm lười trễ, nên đức Phật A Di Đà ngoài dùng phép nguyện lực thần thông biến hóa ra các thứ chim nói pháp như để nhắc thúc cho chúng gắng mà tiến tới.

Mỗi các thứ chim xem sắc tốt lạ đó, là nói đã nhiều mà lại rất tốt đẹp. Nay lược đề sáu thứ chim : 1. Xá Lợi, dịch : Thu Lộ, là một giống thuộc về loại Cò, tức đồng đàn với thủy điều, là thứ thường đậu kiếm ăn dưới nước; hoặc dịch là Xuân Oanh. 2. Ca Lãn Tần đà, dịch : Diệu âm, nghĩa : tiếng hay, vì lúc mà nó chưa ra khỏi trứng, tiếng đã hơn các chim khác. 3. Cọng mạng : một mình hai đầu, mà tánh biết lại riêng biệt nhau giữa chung một báo thân núi tuyết và các chỗ khác đều có hai thứ chim ấy, song bởi nghiệp ở sanh; chớ chim bên Cực lạc thì phi là nghiệp tướng.

Ngày đêm, bên nước Cực lạc hẳn không ngày đêm, mà tạm dùng những giờ hoa nở làm ban ngày, bông xẹp lại làm ban đêm; cũng có thể lấy những lúc chim kêu là ngày, còn khi chim nó đều yên lặng là ban đêm. Đây nói sáu giờ thốt tiếng hòa nhã đó, thì các chim nói pháp luôn không ngắt thế

---o0o---

Ba mươi bảy phần giúp đạo

Là nói : khi nó kêu, khi nó yên lặng cũng chẳng phải là hai khi đó là để khiến cho người nghe được tỏ rằng : ngay nơi định mà huệ, chính nơi huệ mà định, định (yên lặng) huệ (hoạt động) tròn lẫn nhau, thế là đắc pháp hoan hỷ vậy.

Ngũ căn v.v...tức là ba mươi bảy đạo phẩm, là những chỗ gọi : pháp tứ niệm xứ, pháp tứ chánh cần, pháp tứ như ý túc, pháp ngũ căn, pháp ngũ lực, pháp thất bồ đề phần, pháp bát chánh đạo phần, các pháp như thế đó, tức là nó gồm cả những pháp : Tứ niệm xứ, chánh cần, như ý túc trước kia, và còn các pháp : Tứ niệm, lục độ, thập lực, tứ vô sở úy, cả vô lượng pháp môn nữa. Người mà muốn tu lên quả vị Thánh, nếu phi do các đạo phẩm đây, thì đâu có thể tiến ngay tới thánh quả ư ?

Nghe tiếng chim rồi liền niệm Tam bảo. Ví đối với các pháp tiểu thừa, không chỗ nào mà các chim biến hóa kia nó không nói đến. Nghĩa là : các chim kia nếu nó nói pháp bằng cách khen ngợi công đức của chư Phật, khiến cho người nghe liền tỏ được cái Phật tánh bản giác thường trụ thanh tịnh, nên chi pháp tâm niệm Phật : nếu chim nó nói bằng cách giảng diễn

pháp tam thừa, người nghe liền tỏ được tự tánh vốn đủ các pháp môn nhiều như số hằng sa, nên chi phát tâm niệm pháp; nếu chim nó hót bằng cách kể quả vị của tam thừa, người nghe liền tỏ được cái địa vị lý trí nó hòa hợp với tự tánh, nên chi phát tâm niệm Tăng.

Tóm lại, chim kia trọn diễn công đức của Tam bảo mà người nghe có thể cũng trọn niệm được ngôi “Nhứt thể Tam bảo” của tự tánh thực thể.

---o0o---

Sáu độ

Bốn nhiếp hóa

Bốn không chỗ sợ

Phật có mười trí lực

Xá Lợi Phất ! ông chớ bảo các chim ấy, thực là do chỗ tội báo sanh ra. Sở dĩ là sao ? vì cõi nước của Phật kia không có ba đường dữ. Xá Lợi Phất ! xét nước Phật kia còn chẳng có cái “danh” ác đạo thay, huống chi có cái “thực”. Các thứ chim ấy bởi đức A Di Đà Phật Ngài muốn cho tiếng pháp khắp rạo, nên biến hóa ra các chim đó.

Đây là giải thích cái lý do có ra hóa cầm. Nguyên bởi với cõi Cực lạc, ai có nhiều căn lành mới được vãng sanh về đó. Đã được sanh sang, mà mỗi giờ nghe tiếng pháp nhuần thấm nơi lòng, thì ác niệm nó chẳng sanh ra đặng, nên chi không có cái danh ác đạo. Với cái danh ác đạo đã không nghe thấy, thì làm gì có cái thực ác đạo làm chim bị tội nghiệp ư ? đã thế, thì đều là bởi lòng từ mẫn của Phật A Di Đà chỉ biến hóa ra các chim thuyết pháp, để khiến cho chúng sanh nghe đến đều đặng lợi ích bốn tất đàn vậy thôi.

---o0o---

Bốn tất đàn

Xá Lợi Phất ! cõi nước Phật kia, gió mầu thổi rung các hàng cây báu và lưới là báu, reo ra tiếng rất hay. Tỷ như trăm ngàn món âm nhạc đồng thời nổi lên. Những chúng nghe tiếng ấy tự nhiên đều sanh lòng niệm Phật, Pháp Tăng.

Đoạn đây nêu rõ : gió, cây rậy vắn hay, là vật vô tình thường thuyết pháp. Lan can, lưới là, hàng cây, đều bằng bốn chất báu tạo thành. Gió rung thì reo tiếng, hạp vắn bát âm mà thành tiếng luật, để diễn thuyết pháp màu cao nhiệm, nên khiến cho những kẻ nghe đến, thì tự nhiên dấy tâm niệm Tam bảo.

Vốn bởi cõi thanh tịnh, pháp nào cũng chỉ nơi tâm nó biến hiện : nhựa lan can, lưới găng, hàng cây đó, là vì chỉ nơi tâm nó sẵn đủ muôn lành, trí đức, bồ đề; như ao, lầu hoa sen, là vì chỉ nơi tâm nó sẵn huệ hành, thẳng nhân; như nhạc trời, hoa cúng đó, là vì chỉ nơi tâm nó sẵn đủ tự nhiên hoa, nhạc, để cúng dàng chư Phật nơi pháp giới trong mười phương của tự tánh; như chúng chim hóa cảm nói pháp đó, là vì chỉ nơi tâm nó sẵn đủ cả vô lượng pháp môn. Thế nên, với cảnh tịnh độ, từ chúng hữu tình đến vật vô tình, đều chỉ nơi tâm nó biến hiện ra. Nếu người nghe Kinh đây, cần phải tiến ngay tới vãng làm, chớ nên thấy qua mặt rồi bỏ làm lỡ đi, vì phải biết rằng : với tịnh độ và Di Đà chẳng phải do nơi kẻ khác mà đặng !

---o0o---

Tiếng Phật đủ tám thứ giọng

Bát âm nhạc đời

Xá Lợi Phất ! cõi nước Phật kia, trọn nên công đức trang nghiêm như thế.

Đây là xâu kết văn trên, đức Thích Tôn Ngài khen ngợi cõi y báo của Tịnh độ rất trang nghiêm như trên kia, vì muốn để cho người nghe, dứt lòng nghi ngờ, sanh đức tin, nên nói lời xâu kết ấy.

Kinh Hoa Nghiêm nói : “Đức tin là mẹ công đức đứng đầu đạo đức tin hay nuôi lớn tất cả các c ần lành”. Lại nói : “Chỉ có lòng tin mới có thể đi sâu vào biển cả là pháp của Phật”. Đó chính chỗ bảo : lòng tin không thiết thực, thì chẳng được sanh về Cực lạc thực thể.

Song, các cõi nước nơi mười phương, đều có bốn quốc thổ, cũng đều phân ra có tịnh có uế; chỉ có cõi “Đồng cư” bên cực lạc, riêng được thuần là thanh tịnh. Cõi phàm thánh đồng cư bên cực lạc còn được thuần tịnh đến thế, phương chi ba quốc thổ trên nó ư.

Sanh sang “Đồng cư”, đã liền thấy được ba quốc thổ trang nghiêm trên nó như thế đó, là đều bởi tự tánh đã thanh tịnh, nên cả tám thức nó biến hiện ra mà thành như thực có ba cõi kia, tuy thực có, song cũng với mỗi sự mỗi vật gì đều không ngăn ngại. Nếu người tin nước cực lạc trang nghiêm như thế, là đâu chẳng phải do nơi tâm tạo thành; trái lại, nếu người chẳng tin, thì tự làm chướng ngại lấy, thực khá tiếc !

---o0o---

PHỤ CHÚ BỐN THỨ CÕI PHẬT

1) Cõi phạm Thánh đồng cư : là cõi nước của các hạng loài người, loài trời, chúng phạm phu và các Thánh Thanh Văn, Duyên giác đồng ở. Có hai thứ tịnh độ, uế độ : như thế giới ta bà đây là đồng cư uế độ, tây phương cực lạc là đồng cư tịnh độ.

2) Cõi phương tiện hữu dư : Là chỗ của những người đã dứt phiền não của kiến hoặc, tư hoặc, ra khỏi ba giới sanh tử, sanh về ở đó. Tức là chỗ vắng sanh của người tu pháp phương tiện tiêu thừa đoạn kiến tư hoặc về ở, nên gọi là phương tiện cái hoặc trần sa, vô minh chur a hết, nên gọi là hữu dư.

3) Cõi Phương tiện trên là quả báo độ của người tu mới chứng được không lý; còn đây là cõi “thực báo vô chướng ngại “ là “ quả báo độ” của người đã chứng không lý lại chứng thêm một phần lý trung đạo. Ví hành cái chân thực, cảm được cái báo tốt, sắc và tâm chẳng ngại nhau, nên gọi là “thực báo vô chướng ngại độ”, cõi này toàn là Bồ Tát ở, không có phạm và nhị thừa.

4) Cõi thường tịch quang : Thường có pháp thân vốn ở cái thể thường trụ. Tịch : là giải thoát. Vì tất cả tướng vẫn tịch tịnh hẳn. Quang: là bát nhã, cái trí tuệ chiếu các tướng, đây là chỗ sở y sở cứ các đức Như Lai ở, nên gọi là “thường tịch quang độ”.

---o0o---

Với Tịnh độ chỉ 8 thức biến hiện

Xá Lợi Phát ! ông nghĩ thế nào, Phật kia có sao, hiệu là A Di Đà ? Xá Lợi Phát ! Phật kia hào quang sáng không lường chiếu mười phương cõi nước, không chi ngăn ngại, thế nên hiệu là A Di Đà, Xá Lợi Phát ! Phật kia

và nhân dân mạng sống lâu đến vô lượng vô biên A Tăng Kỳ, nên gọi là A Di Đà.

Đoạn đây giải thích về thân chánh báo trang nghiêm của chủ và bạn.

Tiếng Phạn là Amita (A Di Đà), dịch là Vô Lượng Quang lại dịch là Vô Lượng Thọ. Sách Yếu giải nói “ Hào quang của Pháp thân sáng không chia bờ mé, hào quang của Báo thân sáng đúng chân tánh, đầy thì mỗi Phật nào cũng đồng thể cả; duy có hào quang của Ứng thân: thì có Phật sáng chiếu một do tuần, hoặc mười do tuần, một trăm do tuần, một ngàn do tuần, một thế giới, hoặc chiếu mười thế giới, một trăm thế giới một ngàn thế giới; duy có hào quang ứng thân Phật A Di Đà sáng chiếu cũng cùng khắp tất cả như hào quang nơi hai thân kia, nên gọi là Vô Lượng Quang”

“Lại. Pháp thân mạng sống lâu vô thi vô chung; Báo thân mạng sống lâu hữu thi vô chung, đầy mỗi Phật nào cũng đồng thể cả, nên đều có thể gọi là Vô Lượng Thọ. Còn mạng sống của Ứng thân Phật thì tùy theo cái chí nguyện, tùy cơ duyên hoặc vắng chẳng đồng nhau; mà chỉ có cái thọ mạng của Ứng thân Phật A Di Đà và của nhân dân trong nước, cũng đều sống lâu đến vô lượng vô biên kiếp số a tăng kỳ”.

Thể thì với hào quang và thọ mạng của ba thân, nó chẳng đồng, chẳng khác với nhau, chỉ đặc biệt có một mình Phật A Di Đà là riêng được thắng hơn cả, vì hào quang, thọ mạng đều vô lượng vô biên.

Tánh nó vắng mà thường chiếu, tức là nghĩa “Vô lượng quang”, chiếu mà thường vắng, tức là nghĩa “Vô lượng thọ”.

Những chúng sanh nghiệp sanh sang vì chưa phá được kiến hoặc tư hoặc, và kẻ sanh về bực hạ phẩm, đều gọi là nhân dân, chúng đây một phen đã đặng sanh về nước Cực lạc, đều đặng bực bất thối, mà hào quang, thọ mạng, cũng đều được vô lượng, chủ và bạn đều đồng được “thọ” và “Quang” như thế đó, thì duy có nước Cực lạc thôi.

Xá Lợi Phát ! Đức A Di Đà từ thành nhẫn lại đến nay đã mười kiếp.

Đây là nói rõ đức Giáo chủ lên nước kia lúc ban đầu thành Phật. Pháp thân thanh tịnh, bấy nay vẫn là Phật, thì phi là thành, và phi chẳng thành, ta chẳng nên luận kiếp số, vì pháp thân Phật bất sanh bất diệt ; báo thân là tu nhân đã tròn thì chứng quả báo, nên gọi là thành Phật; Ứng thân thì tùy theo

căn cơ có cảm phải ứng hiện ra, có tám cái tướng để thành nên gọi là thành Phật, thì với Báo thân và Ứng thân, đều có thể luận kiếp số.

Rằng “ Từ thành Phật đến nay đã mười kiếp” đó là nói về Báo thân và Ứng thân lại với Phật là do danh tích, và tu hành đã viên mãn thì gọi là thành; cõi y báo, thân chánh báo bè bạn (nhân dân) mỗi mỗi đều trang nghiêm, cũng gọi là thành được cả.

Hiện tám tướng để thành Phật

---o0o---

PHỤ CHÚ Một lần tăng một lần giảm

Mỗi một đại kiếp nào, cũng đều đủ có bốn trung kiết là : thành, trụ, hoại và không : mỗi một trung kiết cũng đều đủ có hai mươi tiểu kiếp ; mỗi một tiểu kiết nào cũng có đủ hai thời kỳ tăng và giảm.

Nói về tăng giảm, là đến thời kỳ mà toàn thế giới, cả nhân loại, mỗi người đều chỉ còn mười tuổi là một đời phải chết, đó là thời gian đã đến cực độ; rồi từ đó trải qua một trăm năm, mỗi người được thêm một tuổi, nghĩa là sống được mười một tuổi. Lại trải qua một trăm năm nữa, mỗi người được thêm một tuổi, nghĩa là sống được mười hai tuổi v.v.... cứ tăng lên như thế mãi cho đến thời mà mỗi người sống đủ tám vạn bốn nghìn tuổi, là cái thời tăng đã cực độ. Rồi từ đó, trải một trăm năm, mỗi người bị giảm mất một tuổi, nghĩa là chỉ sống được tám vạn ba nghìn chín trăm chín mươi chín tuổi; lại trải qua một trăm năm nữa, mỗi người bị giảm mất một tuổi; nghĩa là chỉ sống còn được tám vạn ba nghìn chín trăm bốn mươi tám tuổi v.v... cứ giảm như thế mãi cho đến cái thời kỳ mà mỗi người chỉ sống còn được có mười tuổi, là một đời phải chết đó là cái thời kỳ giảm đã cực độ. Nên gọi là một lần tăng một lần giảm.

Thuở đức Phật Thích Ca ra đời nhằm kiếp giảm, mỗi người chỉ sống còn được một trăm tuổi: từ đó cũng cứ mỗi một trăm năm là giảm một tuổi, thì hiện nay(1958) mỗi người sống còn chỉ được 75 tuổi. Vì Phật lịch trải qua còn số 2502 năm rồi. Vì từ Phật (một trăm tuổi) đến nay đã trải qua hai mươi lăm cái trăm năm thì giảm mất hai mươi lăm tuổi rồi, nên chỉ còn sống được bảy mươi lăm tuổi (chỉ kể số trung bình cả loài người, không kể kẻ chết yểu)

---o0o---

Biểu đồ hiện tượng của một đại kiếp

Hiện nay (Phật lịch 2502 – 1958) bắt một kể đi, thì còn năm nghìn chín trăm chín mươi bốn năm nữa, là đến cái thời kỳ mà mỗi người bị giảm chỉ còn sống được có mười tuổi là hết đời. Đến đó là hết tiểu kiếp thứ chín của Phật Thích Ca ra đời. Kế đó là qua tiểu kiếp thứ mười : cũng từ đó bắt một kể đi, cứ trải qua mỗi một trăm năm là thêm lên mỗi người một tuổi, nghĩa là mỗi người sống được mười một tuổi v.v... cứ như thế tăng mãi cho đến mỗi người đều sống được tám vạn bốn nghìn tuổi, bấy giờ Đức Di Lạc mới giáng sanh. Thì hiện nay (1958) bắt một kể đi, còn tám triệu, mười bốn nghìn bốn trăm chín mươi bốn năm nữa, đức Di Lạc mới giáng sanh. Lại từ đức Thích Ca đến đức Di Lạc cách nhau là tám triệu, một nghìn, năm trăm ba mươi chín năm, có phải thế không xin nhà toán học tính lại, cảm ơn.

Nói về đại kiếp khi thành khi hoại đủ có cái tướng đại tiểu tam tai

Trong đại kiếp trước, về kiếp không (trung kiếp) nó có hai mươi cái tiểu kiếp đã mãn, bấy giờ lại muốn thành lập trở lại, thì giữa hư không bủa ra luôn mây đen lớn, mưa xuống hột bằng trục xe, mưa mãi đến vô số nghìn năm nước chảy khắp trong hư không cõi đại thiên, dần dần chảy đầy đến cung trời Quang Âm của lớp Nhị thiên (trung giới), từ đó rớt thủy tai giảm bớt.

Bây giờ có luôn gió lớn, thổi sóng đánh bọt bọt nhóm lại tự nhiên bền chắc, biến thành cung trời bằng thất bửu, tức là lớp Sơ thiên, cung trời Phạm Vương lập thành trước nhất. Từ đó đại thủy tai giảm bớt.

Đại phong tai lại thổi sóng đánh bọt, bọt nhóm kết lại theo thứ lớp biến thành sau cung trời dục của lớp Dục giới (hạ giới). Nghĩa là thành : sáu, trời tha hóa tự tại, năm trời Hóa lạc, bốn, trời Đâu suất đà, ba Trời Dạ ma, hai Trời Đạo Lợi, và một Trời Tứ Thiên vương. Từ đó, đại thủy tai lại giảm bớt.

Bọt nước nhóm nhấc, kết thành núi Tu Di và các Kim Sơn, biển nước mặn, bốn châu thiên hạ là : Đông thắng thần, Nam Thiệm bọ, Tây Ngưu hóa, và Bắc Huật đơn việt. Như thế trải qua hai chục tiểu kiếp thế giới này mới hoàn thành.

Bây giờ, từ cung trời Sắc giới (trung giới) có những trời nào đã hưởng hết phước rồi, phải đọa xuống sanh ở nơi bốn châu, hoặc chúng sanh từ nơi phương khác, cũng di dân đến sanh ở nơi bốn địa cầu trên ở yên như thế dần dần thêm lan rộng các nơi, cuộc an trụ này cũng trải qua hai mươi tiểu kiếp.

Với kiếp trụ (hai mươi tiểu kiếp) về tiểu kiếp thứ hai mươi mốt rồi, là bắt đầu qua kiếp hoại, bấy giờ có luồng gió đen lớn (đại phong tai), nó thổi nước biển vệt ra làm hai, trông cạn chính giữa, tróc lấy nhứt cung, đem để trong nhứt đạo, nhân có hai nhứt cầu lưu hành giữa không trung, thành thử sông, ao, dòng nước đều khô, lâu về sau trận đại phong tai lại thổi rạch nước biển, tróc lấy mặt nhứt thứ ba đem lên như trước nên sông đại hằng hà phải khô, đến khi mặt nhứt thứ năm hiện ra thì đại hải đều bị đất khô, đến khi nhứt luân thứ sáu hiện ra, quả đại địa đều nổi khói, mặt nhứt thứ bảy xuất hiện cùng đều đốt suốt núi cao đất liền, thành thế giới lửa, từ trời Sơ thiên xuống sáu trời Dục khắp cả đại thiên thế giới, đều thành tro tàn. Cái thời kỳ hoại như thế, cũng trải qua hai mươi tiểu kiếp.

Sau khi kiếp hoại hết rồi, từ lớp trời nhị thiên sắp xuống, đều là mịt mù tối tăm thành một cõi đại không, số là một kiếp không, cũng trải qua đủ hai mươi tiểu kiếp.

Kiếp đến cái thời kỳ kiếp không mốt rồi, hợp chung với trên thành bốn trung kiếp là thành, trụ, hoại không cộng với tám mươi tiểu kiếp, thế là một đại kiếp.

Cũng như thế đó, trải qua bảy cái đại kiếp, thì có bảy lần thành, bảy lần hoại mà bảy lần hoại này, đều là chỉ bị đại hỏa tai nó phá hoại thế giới.

Đến cái đại kiếp thứ tám về thời hoại, bèn là đại thủy tai nó phá hoại cả đại thiên thế giới, và đến cõi trời Nhị thiên đều bị chìm ngập !

Lại từ đại kiếp thứ chín đến đại kiếp thứ mười lăm trong bảy cái đại kiếp đây, cũng là bảy lần đại hỏa tai phá hoại thế giới.

Đại kiếp thứ mười sáu lại bị đại thủy tai phá hoại đến lớp trời nhị thiên. Như thế trong tám cái đại kiếp, có bảy lần đại hỏa tai, một lần đại thủy tai. Nếu đến tám lần tám là đại kiếp thứ sáu mươi bốn, bèn là một đại phong tai phá hoại cả đại thiên thế giới, nhứt đến lớp tam thiên thủy đều bị thổi hoại diệt hết.

Về sau thế giới muôn thành trở lại, thì cũng vẫn bảy lần bảy đại hỏa tai, thì lại xen vào bảy lần đại thủy tai, rốt sau có một trận đại phong tai phá hoại, giáp vòng rồi trở lại đầu cứ thế xây vắn mãi không cùng không tận. Ngoài thế giới như vậy, là đều bởi chúng sanh đồng phân với nhau do một cái vọng tâm gây ra những nghiệp hoặc rồi chiêu cảm lấy, nên chịu sanh tử đến vô cùng ! Nếu cùng nhau chẳng sanh cái vọng tâm, thì cái nghiệp hoặc

kia do đâu phát khởi ? được thế, thì thế giới vốn không bèn là cái thanh tịnh diệu tâm nó thực hiện ra thân diệu sắc cảnh diệu không, lẫn nhau không ngăn ngại nơi pháp tánh và thế giới. Trên đó là giải thích về đại tam tai rồi.

Tiểu tam tai là trong một kiếp Trụ có hai mươi cái tiểu kiếp, mỗi một tiểu kiếp, do toàn thể chúng sanh có thiện tâm càng nhiều, mỗi người tuổi sống lâu thêm dài, thêm lên đến tám vạn bốn nghìn tuổi, quả đại địa thanh tịnh. Lòng người hòa vui thời trời đặng mùa, sung sướng ! Về sau, chúng sanh lại thêm lớn các ác tâm như là : lòng đạo tặc, lòng sát hại, nói vọng ngữ, tà dâm, thành thử lòng thành tổn thất, nên tuổi thọ dần dần giảm xuống, nghĩa là cứ mỗi một trăm năm là giảm đi mỗi một tuổi, theo thứ lớp giảm mãi đến thuở mà mỗi người chỉ còn sống được ba mươi tuổi (hiện nay 1958 bắt một kẻ đi, thì còn 20.005.009 năm nữa đến số đó) thì toàn thế giới đều có cái tai cơ cần nổi lên, trải qua bảy năm bảy tháng bảy ngày, trên thiên không chẳng mưa, thành đại hạn hơn, với một ngày một đêm là người ta chết đói nhiều đến vô số ! về sau, có những chúng sanh biết hồi đầu dấy cái ý niệm chán lia ác tâm, sanh khởi lòng lành, nên cái tai cơ cần dứt dần.

Như thế giảm đến thuở mà mỗi người chỉ còn sống được hai mươi tuổi, thì cả thế giới có cái tai tật dịch nổi lên, chỉ trải qua có bảy ngày, chúng sanh bị ác tâm lòng lấy lên đến cực độ, giết hại lẫn nhau, vì nghiệp lực quá mạnh, nên chỉ các thứ cỏ, cây vật gì chúng cũng đều hóa ra thành các thứ mũi nhọn, chạm đến liền hoặc có kẻ quày đầu, chán ác nghiệp, sanh thiện tâm, nên từ bắt đầu được thọ mạng tăng lên.

Như thế trăm năm tăng một tuổi, tăng mãi dần dần đến thuở mà mỗi người sống đủ tám vạn bốn nghìn tuổi v.v...

Với cái lẽ mà sở dĩ chúng sanh hành thiện dần dần thêm nhiều, thì cái thọ mạng cũng tăng lên nhiều, chúng sanh hành ác dần dần thêm nhiều, thì thọ mạng cũng dần giảm nhiều đó thì biết rằng chúng sanh phát nguyện niệm Phật, tất nhiên được vãng sanh tịnh độ, vì cũng thiện nghiệp tạo nên mà đã về Cực lạc, thì đâu có nghe đến tam tai.

Vậy kính mong các bạn chớ ưa nhớ cõi sanh tử làm vui; nếu sanh vào thời đại tiểu tam tai thì khổ không thể nói, ví dầu sanh nhằm vào thời kỳ sống đủ tám vạn bốn nghìn tuổi, được thụ hưởng vui sướng tự nhiên đi nữa, cũng không khỏi cái khổ sanh tử ! chỉ bằng niệm Phật được sanh về Cực lạc được sống mãi kiếp số vi trần chẳng dời đổi, vậy yêu cầu các Ngài mau nên thể thủ lấy.

---o0o---

Với 3 thân Phật luận thành chẳng thành

Trên đã nói về phần chủ là A Di Đà ; dưới đây nói về phần bạn :

Xá Lợi Phất ! Đức Phật kia Ngài có đệ tử hàng Thanh Văn nhiều đến số vô lượng vô biên, đều là bực chứng quả A La Hán: với bực ấy, chẳng phải chỗ tính kể mà có thể biết được. Các Thành Bò Tát đông nhiều cũng lại như thế.

Đây nói các Thánh Thanh Văn, các Thánh Bò Tát, đều nhiều đến vô lượng.

Hỏi : trong luận nói “các Thánh bực nhị thừa chẳng được sanh về nước cực lạc”. Mà ở đây sao lại có chúng Thanh văn (tiểu thừa) nhiều vô lượng ?

Đáp : trong Tạng giáo, thông giáo, chúng định tánh Thanh văn không tin có Tịnh độ ở phương khác, còn như biệt giáo, viên giáo, mặc dầu hoặc tên là Thánh Thanh Văn, chứ cái hạnh tức là tiến đến Bò Tát: như bên biệt giáo, bực trụ thứ bảy, đã đoạn rồi kiến hoặc, tư hoặc, bên Viên giáo bực trụ thứ bảy, đã dứt hai mê hoặc là kiến và tư, mặc dầu đồng với quả Thánh thứ bốn bên tạng giáo, chớ thực ra thì cái đức hạnh của bực đại tâm (Bồ Tát) cả.

Lời Sớ quán Kinh nói : “Những người tu tập tiểu thừa, vốn chẳng được sanh về Tịnh độ, nhưng do kia đến lúc mạng chung, có phát cái tâm đại thừa, thì cũng đặng vãng sanh”. Do theo thói quen tu pháp tiểu thừa, bèn chứng tiểu quả thánh Thanh văn nhưng mà với cái tâm hướng đại thừa đã thành. Ví dầu khi lâm chung, không phát khởi cái tâm đại thừa, thì quyết định chẳng được sanh về nước kia, chớ nếu như đã đắc vãng sanh, thì mỗi giờ thường gần gũi đức Di Đà, thân văn được tiếng pháp, há chẳng chóng đặng tiến thêm phần đạo, thối giảm phần sanh, để chứng lên quả vị cao ư ?

Nên nay đây, trong chánh văn có kể bực Thanh văn là tạm có vậy thôi. Nghĩa là hoặc có người chuyên tâm niệm Phật mà chẳng rõ được lý niệm, hoặc chuyên niệm Phật mà vì tự lợi, những người này sanh về cõi đồng cư kia mà ban đầu chỉ phải ở hàng Thanh Văn.

Lại, cả mười phương thế giới, chúng sanh tu pháp niệm Phật, được vãng sanh về nước kia nhiều như số giọt mưa, cho nên nói chẳng phải chỗ

đếm kể mà biết đặng thể thì bực Bồ Tát đông nhiều, dù chẳng nói, cũng có thể biết được, nên nói cũng lại như thế.

Xá Lợi Phất ! Cõi nước Phật kia trọn nên công đức trang nghiêm như thế.

Đây, lời kết đề chỉ thị : Chúng bạn bằng bực thánh bên Tịnh độ kia, là đều do nơi nguyện hạnh của đức Di Đà tạo thành ra cả, vì một chủ đức Di Đà đã thành thì, tất cả bạn thánh cũng thành luôn.

Hỏi : nguyện hành do đâu để thành những cái thân thánh của chủ và bạn (đệ tử: Thanh văn, Bồ Tát kia ư ?)

Đáp, một tiền thân của Di Đà là Ngài Pháp Tạng nguyện rằng : “đến thưở ta thành Phật, trong cõi nước ta, các vị Bồ Tát có đủ những thần thông, trí huệ, biện tài, tướng hảo, uy thần, thầy đều được như Phật “. Đó là cái “nguyện” đã tạo thành ra chúng bạn bực Thánh. Lại nói : “đức Pháp tạng Ngài giáo hóa chúng sanh, tu hành sáu độ, rộng hành giáo hóa, khiến cho vô lượng chúng sanh phát bồ đề tâm”. Đó là “hành” để gây nên chúng bạn bực thánh đây.

Lại Xá Lợi Phất ! đối với nước Cực lạc cả mười phương thế giới, có những chúng sanh được vãng sanh về nước kia, đều là ba hạng A Bệ Bạc Trí, tức là ba bực Bất thối; trong ba bực đó phần nhiều có những vị “Nhứt sanh bồ xứ”, số này nhiều lắm, phi chỗ tính kể mà có thể biết được chỉ có thể dùng những vô lượng vô biên số a tăng kỳ để nói thôi.

Đoạn này, đặc biệt khuyên cầu nhứt sanh bồ xứ để phát nguyện chính rõ ràng: hễ được vãng sanh là bực bất thối, mà kiêm cả nhiều ngôi cao.

A Bệ Bạc Trí, dịch là Bất thối chuyển, nghĩa là : đối với quả vị Phật, mỗi kiếp tu chỉ tiến dần lên, chứ không hề lui sụt. Có ba thứ bất thối:

1) Vị bất thối : Cứ theo phép phân giáo quả ở cõi đây, thì bên Tạng giáo có Sơ quả, bên Thông giáo có bực Kiến địa, bên biệt giáo có bực Sơ trụ, bên viên giáo có bực Sơ tín, các bực đó, đều mới dứt được kiến hoặc, mới vào dòng Thánh, chẳng đọa xuống bực phàm.

2) Hạnh bất thối : Bồ Tát bên Thông giáo, bực thập hạnh bên Biệt giáo, bực thập tín bên Viên giáo, các bực đây đều dứt được tư hoặc, và phá được trần sa hoặc, hằng tế độ chúng sanh, chẳng đọa xuống bực Nhị thừa.

3) Niệm bất thối : Bực Sơ địa bên Biệt giáo, Sơ trụ bên Viên giáo, hai bực Bồ Tát này đều mới đoạn được vô minh hoặc, đích thấy được Phật tánh, nên tâm niệm thông vào biển tánh Diệu giác.

Vả lại, bên nước Cực lạc thì chẳng thế, nơi cõi Ta bà, dầu người bình sanh gây ngũ nghịch, thập ác, nhưng đến khi gần mạng chung tự phát tâm có niệm Phật được mười niệm, liền có thể đới nghiệp vãng sanh, ở nơi hạ hạ phẩm đó, cũng bắc ba bực bất thối, các cõi Phật ở mười phương chẳng có giai vị đó. Nếu không công chuyên tâm niệm Phật, và cái đại nguyện của đức Di Đà, thì đâu khỏi cái lỗi vượt bực ư !

Nhứt sanh bồ xứ ấy, như với cõi này, đức Thích Ca, cái cơ duyên đã hết, pháp của Ngài phải diệt, thì có đức Di Lặc để bổ lên địa vị của Phật, nước kia, nếu đức Di Đà Ngài bỏ ngôi rồi thì có đức Quan Thế Âm bổ lên ngôi Phật. Do hãy còn một phẩm sanh tướng vô minh, nên gọi là nhứt sanh, phá đặng “nhứt sanh vô minh” đó liền chứng vô thượng Phật quả. Do vì bên Tịnh độ cái duyên thắng hơn nên phần nhiều “Nhứt sanh Bồ Tát”. Lại nữa, chúng sanh bên Tịnh độ đồng cư, có thể đwoj cùng làm bạn với vô lượng Bồ Tát nhứt sanh bồ xứ, còn các Tịnh độ ở phương khác, đâu đặng có như thế.

Cứ phương này ước theo giáo đạo để luận tam bất thối

1) Vị bất thối – Tạng giáo ngôi Sơ quả, Thông giáo ngôi Kiến địa, Biệt giáo ngôi Sơ trụ, Viên giáo ngôi Sơ tín, những ngôi đó của bốn giáo đây, đều mới phá kiến hoặc, mới vào bực Thánh, rồi mỗi kiếp lên, chứ chẳng đọa xuống hạ phẩm.

2) Hạnh bất thối – Thông giáo ngôi Bồ Tát, Biệt giáo ngôi Thập hạnh, Viên giáo ngôi thập tín, đều đoạn tư hoặc, và phá trần sa hàng độ chúng sanh chẳng đọa xuống bực nhị thừa.

3) Niệm bất thối – Ngôi Sơ địa bên Biệt giáo, ngôi Sơ trụ bên Viên giáo, hai ngôi này đều mới đoạn được cái vô minh hoặc đích thấy đặng Phật tánh, chứng được pháp vô sanh nhẫn, mỗi mỗi tâm niệm đều lưu thông và nơi biển tánh Diệu giác.

Người niệm Phật mà vãng sanh về bực hạ hạ phẩm đó, bèn được bực bất thoái, thì giáo đạo ở phương đây chẳng thể rộng thâu được như thế. Nên pháp môn niệm Phật đặc biệt siêu hơn vô lượng pháp môn khác chính chỗ bảo : pháp rất dễ dàng trong pháp dễ dàng.

Xá Lợi Phất ! chúng sanh trong cõi Ta bà đây, nếu được nghe Kinh này cần phải phát nguyện, nguyện sanh về nước kia là vì lẽ gì ? Là để được cùng với các Ngài bậc thượng thiện đều là “Nhứt sanh bổ xứ” không thể tính số như thế kia, đồng nhau đều hội họp một chỗ.

Đây, khuyên phát nguyện. Thượng thiện : Kia thiên đạo dù thiện nhưng chưa ra khỏi sanh tử, nọ nhị thừa dầu thiện, còn đấm cảnh trống vắng, nên đều chẳng được gọi là “thượng” chỉ có bên Viên giáo, từ bậc Sơ trụ đến bậc đẳng giác, đều đã hiện rõ cái “Chân pháp tánh” nên đều chính là “Thượng thiện”.

Đều hội họp một chỗ : chúng sanh ở nước “cực lạc phàm Thánh đồng cư” liền được thấy ba cõi (cõi phương tiện hữu dư, cõi thực báo vô chướng, cõi thường tịch quang), thế thì từ bậc Đẳng giác hẳn xuống đến bậc hạ phẩm, đều chẳng rời cõi phàm Thánh đồng cư, mà đã được trọn chứng kiến luôn cả ba cõi kia nữa. Như vậy đó, thì các giáo môn khác không thể thâm đặng như thế là vì giáo môn niệm Phật này cao xa ngoài các giáo môn tầm thường kia !

Xá Lợi Phất ! Không thể lấy chút ít căn lành bằng phước đức hay nhân duyên gì mà đặng sanh về nước ấy được đâu ! Xá Lợi phất ! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe ta nói danh của Phật A Di Đà, rồi giữ danh hiệu mà niệm : hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, niệm được “nhứt tâm bất loạn” thì người đó đến khi sanh mạng sắp cuối, đức Phật A Di Đà cùng các Thánh chúng (Quán Âm, Thế Chí) đều hiện “Hóa thân” ra trước mặt người, người ấy khi cuối cùng, tâm không điên đảo (chánh niệm phân minh), liền được sanh sang cõi nước Cực lạc của Phật A Di Đà.

Đoạn đây là khuyên trì danh hiệu để lập hành.

Với : tin, và trì danh, mỗi niệm mỗi niệm chăm chú vào tâm, để làm phần chánh đạo Bồ đề, đó tức là cái “nhân chí thân”. Còn tu các pháp “tán thiện” như là : tụng Kinh, trì chú, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, và thiền định, đó tức là cái “duyên hộ trợ”. Phần “Chánh đạo” là đa thiện căn, phần trợ duyên là đa phước đức.

Giữa cõi đời đây, bất luận là : nam, nữ, lão, thiếu, sáu thú, bốn sanh, năm nghịch, mười ác, hễ chỉ nghe được danh Phật, là liền thành căn lành, qua đời vị lai chắc chắn đó mà đắc độ (như lão nhân đắc độ).

Với phương pháp “chấp trì danh hiệu” có sự, có lý. Về “sự trì” thì chưa thấu cái lẽ “ tức tâm tức Phật”, mà chỉ được quyết chí tin và nguyện, nhớ Phật, niệm Phật, tiếng nào tiếng nào không xem, tâm nào tâm nào chăm chú vào nhau, không giờ nào tạm quên.

Về “lý trí” thì rõ biết cái “lẽ thị tâm thị Phật”, mỗi câu mỗi câu tự nơi tâm lưu lộ ra, mỗi tiếng, mỗi tiếng trở lại vào nơi tự tâm, năng niệm (tâm ta niệm) sở niệm (danh của Phật) lý vẫn trong vắng, lẽ cảm ứng lẫn nhau, hoặc có khi quên lãng nơi tự thân, chỉ còn hiệu Phật rõ rõ mà thôi, thì tự nhiên thành một tấm (tam muội).

Từ một ngày đến bảy ngày, là hoạch định cái kỳ hạn để thủ chứng vào pháp niệm Phật tam muội là nhứt tâm bất loạn. Người lợi căn niệm Phật, thì hoặc chỉ một ngày, mà tâm liền được bất loạn, người độn căn, niệm đến bảy ngày mới được nhứt tâm bất loạn, người trung căn niệm Phật thì không nhứt định, hoặc : hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, mới được bất loạn.

Lại, bực lợi căn niệm Phật, luôn trong bảy ngày tâm đều bất loạn, bực độn căn niệm Phật thì tama chỉ được bất loạn chừng trong một ngày thôi, bực trung căn niệm Phật thì không thể nhứt định được, là hoặc tâm bất loạn trong sáu ngày, hoặc được ba ngày, hoặc tâm được bất loạn trong hai ngày thôi, nên nói là không nhứt định.

Nhứt tâm bất loạn, cũng có hai lẽ : Đối với tu niệm Phật bất luận là sự trì hay lý trí, hễ trì niệm đến chừng dẹp hết phiền não, dứt sạch hết kiến hoặc, tư hoặc, thế là đắc (sự nhứt tâm), bất luận sự trì hay lý trí, hễ trì niệm đến chừng mà tự tâm được khai ngộ, thấy được tự tánh Phật, thế đều là “lý nhứt tâm”. Đắc sự nhứt tâm thì chẳng bị kiến hoặc tư làm tán loạn, đắc lý nhứt tâm, thì chẳng bị hai bên làm tán loạn.

Kiến hoặc, tư hoặc chẳng làm loạn nữa, thì người niệm Phật này khi lâm chung, cảm được đức Hóa thân Phật, và các vị hóa thánh chúng đều đến hiện ra trước mắt, người này tâm chẳng còn dấy cái tướng sanh tử điên đảo của cõi Ta bà nữa, liền sanh nơi hai Tịnh độ là hoặc ở cõi đồng cư, hay cõi phương tiện.

Chẳng bị hai bên làm loạn, hai bên tức là nhị biên kiến : Đoạn kiến, thường kiến, hay hữu kiến, vô kiến. Vì hay bên chẳng loạn, nên khi lâm chung cảm được đức báu thân Phật và thánh chúng hiện tiền, người này tâm

chẳng còn dấy cái tướng thấy có sanah tử, niết bàn làm điên đảo nữa, liền được sanh về hai tịnh độ là hoặc ở cõi thực báo, hoặc ở cõi Tịch quang.

Nay đây chỉ một phương pháp “chấp trì danh hiệu” này, mà phổ biến cả ba căn cơ thấy đều thích hợp, vì là rất đốn gọn rất dễ dàng, nên ngài Vĩnh Minh đại sư đã bảo : với phương pháp này, vạn người tu thì vạn người đều được vãng sanh cả”. Thực thế.

Song, chỉ “Lục tự hồng danh”, đây, nó gồm hết tám giáo thâm cả năm thời, nên kinh này thuộc về phần “Vô vấn tự thuyết” là chỉn có lý do đó.

Đến giờ sanh mạng cuối đó, người ta hiện tiền đây, một niệm dầu là thiện hay ác đều chường ra, nhưng cũng chỉ là thường vậy thôi, chur chưa chi là mãnh liệt lắm; duy có giờ sắp thở hơi cuối cùng đó, cái niệm lực nó mạnh lắm, thì những việc thiện ác của một đời này, và hoặc các cảnh thiện ác từ hàng nghìn hàng muôn đời về trước, đồng một thời này nó đều chường bày ra cả, nghĩa là : Hễ những ác cảnh hiện ra, thì bấy giờ người lâm chung tâm rất sợ sệt ! Hễ cảnh nó phiền phức quá, thì tâm thần phải tán loạn. Hoặc với cái tâm bị chấp trước sự gì đó khó bỏ ra được, thì tùy nơi tâm chấp thứ nào, cảnh nó hiện ra thứ nấy, rồi tâm tùy theo cái cảnh đó để vào nơi ác đạo (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh).

Nếu người cả đời chuyên niệm Phật đã thuần thực, hoặc đời trước có thiện lực, thì khi lâm chung có thể dấy cái chínhniệm, tùy niệm lực thế nào thì được thấy Phật thấy hoa thế nấy liền sanh về tịnh độ.

Nếu người mà khi lâm chung có ác tướng hiện ra may gặp được thiện tri thức, đề huề cảnh tỉnh cho gắng lấy niệm Phật, vâng cái sức chính niệm đó, liền thấy được đức Hóa Phật và các đức hóa thánh chúng đến rước, trong một đờn chỉ, liền qua tịnh độ.

Sở dĩ lúc bình thường, cần phải nhớ con vô thường (cái chết) nó chẳng hẹn mà đến, thường phải giữ hiệu Phật mà niệm mãi cho đến thuần thực, thế mới có thể tránh khỏi khi lâm chung bối rối, ân hận đến đời như con Cua, con công sa vào chảo nước sôi.

Hỏi : số người nhập thất, kiết kỳ mỗi tuần thất niệm Phật hãy nhiều, mà số đắc “nhứt tâm bất loạn” thì ít, là sao thế ?

Đáp : Với bảy ngày thụ trì danh Phật đó, là ắt phải đều dẹp hết muôn việc cho đến thân tâm cũng buông xả nốt, với những khi : đi đứng ngồi nằm,

ăn cơm, mặc áo, đi đại, đi tiểu, nhứt cử nhứt tức gì, trong mỗi niệm mỗi niệm luôn luôn chẳng quên hiệu Phật, mỗi niệm mỗi niệm, mỗi niệm không ngớt hở, chuyên chuyên luôn như mỗi hội chuỗi xâu tiếp mãi không thôi. Cứ như thế, trong bảy ngày chắc được nhứt tâm bất loạn, nên tin biết lời của Phật nói quyết không dối ai (nhứt cử: một việc làm, nhứt tức : một hơi thở).

Hỏi : Niệm Phật, lạy Phật, tụng Kinh năng trừ được nghiệp chướng, thế nên thấy các nhà Thiện Nam, Tín nữ tu niệm kia, hoặc trở lại gặp lấy tai ương đó là sao ?

Đáp : đây đều là bởi nghiệp chướng từ nhiều đời, nay đã đến thời trả quả, còn niệm Phật là mới tu nhân đời nay, thì về sau mới được hưởng quả; hoặc giả niệm Phật bằng cách tạp niệm, thì rốt cũng khó đắc lực ! chỉ bởi nhana theo quả chuyển, như hình có bóng, rất nhỏ đến một ty hào cũng chẳng mất.

Đức Di Lặc Bồ Tát nói : “Trong chùng một đờn chỉ, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, mỗi niệm mỗi niệm đều thành hình cả, hề niệm thiện thì hình thiện, niệm ác thì hình ác, mảy mún chẳng sai”. Nhưng người mà trọn ngày tưởng sảng nghĩ bậy lộn chẳng biết đợi đến khi muốn vắng lặng, mới biết niệm tưởng ấy rất thô và nhiều, từ kẻ phạm đến bậc Thánh, cái niệm nó càng rất tinh tế, đến Thánh như đức Di Lặc xem ra, mới thấy biết một đờn chỉ nó còn có những cái tướng rất tinh tế bằng con số bấy nhiêu thay, phương chi là những cái thô niệm của chúng ta u.

Song chúng sanh cái tâm niệm sẵn của nó, khắp giáp pháp giới nên chỉ hề dấy một niệm thiện, thì công đức đã rộng lớn mà nếu dấy một niệm ác thì tội cũng khó nghĩ bàn !

Kinh Địa Tạng nói : “Móng lòng động niệm, đâu chẳng phải tội”, phương chi từ có sanh ra đời đến nay, trải qua vô lượng kiếp số như vi trần, với các tội lỗi đã tạo từ xưa đâu có thể nghĩ tính gì được ! nay dù thừa thụ được chút đỉnh căn lành của đời trước, nhớ mà niệm Phật, lạy tụng nhưng ngật vì trí lực suy vi, nên thâm nhiếp cái niệm chẳng định lại được. Tỷ như ngọn đèn giữa đám sương mù lớn, lại thêm gió nữa, thì không được tỏ, và lại ánh sáng hầu dứt mà chớ !

Với giờ Phật, dầu có đắc lực, nếu sanh một cái lòng mừng chấp trước đến thì e khó khỏi điều tai hại là Ma chướng nó khuấy rối ! Sỡ dĩ với phép tu niệm Phật này, cần thiết nhứt là phải chăm lòng vào một cảnh (một câu niệm Phật), chớ đặng nhiều niệm xen lộn. Ví dầu được thấy Phật quang và các

tướng tốt đi nữa, cũng phải rất ly sanh tâm hoan hỷ. Chỉ nên mỗi câu mỗi câu niệm thẳng tới trước, mỗi tâm niệm đều quy về nơi vắng lặng mà thôi thì nghiệp chướng tự nhiên hết. Như đức Sơ Tô (Huệ Viễn) Lư sơn, đã ba lần được thấy thánh tướng (đức Di Đà hiện thân rõ ràng), nhưng vẫn làm thình chảng thổ lộ ra, mãi đến khi lâm chung, thấy Phật lần chót mới nói ra. Người đời nay dụng công niệm Phật, có chút đỉnh tướng hiện gì; đã cho là đắc lực, mừng khoe với chúng thì đâu chẳng tự với lấy Ma

Hỏi : Người tu bên nhà Thiên, cố nhiên có nhiều Ma chướng, mà kẻ tu pháp niệm Phật, tin rằng hẳn không chẳng ?

Đáp : Người tu thiên đem cái quán trí cùng ganh ép nhau với vọng tưởng, thì trong tám thức đã chứa sẵn những Ma tà của năm ấm nó phát hiện ra, nên chỉ hể trí lực nếu kém lại sanh lòng mừng chấp, thì tất nhiên phải gặp việc Ma. Người tu niệm Phật, mỗi niệm quy nhứt tâm, thì có hào quang sáng soi chung quanh bốn chục dặm, những tai hại Ma chướng đều lánh xa; nếu thấy tướng tốt của Phật thánh hiện ra trước mặt, chỉ thủ tiêu bằng cách là ta chẳng sanh cái niệm mừng chấp đến mà cũng chẳng khoe nói với ai, chỉ thẳng tiến dụng công chánh niệm mà thôi, thì quyết đặng sanh về tịnh độ.

Hỏi : nhà thiên giả xa lìa tâm, ý, thức ra để đặng tham cứu, tham cho thấu đến về trước khi mà cha mẹ chưa sanh ra cái thân này, còn các nhà niệm Phật thì hoặc là trì danh, hoặc là quán tưởng, đều chẳng rời nương tướng phải không ?

Đáp : Bên nhà thiên ắt phải chẳng lập một tướng chẳng vượn một trần, nếu có một ty hào niệm nhỏ nào, thì bèn là cái nghiệp nhân sanh tử, người tu niệm Phật : Với trong thì nương vào nhứt tâm của mình, với ngoài thì nương nơi nguyện lực của Di Đà, chỉ rời một điều là chấp trì hiệu Phật không quên dứt, cái tâm niệm định vững như thái sơn, thế là chánh niệm.

Còn như tu phép quán tưởng, thì căn cứ nơi Kinh thập lục quán, chăm tâm vào một cảnh lâu lâu chẳng rời, thế là chánh quán. Với hai phép tu trên đây quyết được chỉ một đời là xong nên.

Hỏi : Khi đương tu niệm Phật, trong lòng bỗng có tư tưởng nổi lên lộn xộn, hoặc hôn mê trầm mê, trở lại làm bực ngạt mình nhiều quá thì phải làm thế nào ?

Đáp : Vọng tưởng là thói quen từ đời vô thi lặn, nay muốn trừ nó thì nó lại càng trầm trọng hơn, chỉ cần niệm Phật bằng cách lớn tiếng khiến cho

tiếng niệm mỗi câu nghe lọt vào tai, mỗi tâm chăm chú với nhau, dần dần tự nhiên quy vào nhất tâm bất loạn.

Hỏi : Với câu niệm Phật, mà cách ra và cách niệm thâm, có khác nhau như thế nào không ?

Đáp : với cái công thì chẳng phải hai, nhưng cách đối trị thì chẳng đồng nhau. Vì lúc niệm Phật mà có nhiều bịnh hôn trầm thì phải niệm ra tiếng lớn; còn tán loạn nhiều thì chỉ niệm thầm. Lại niệm ra tiếng, thì vừa trị bịnh hôn trầm, vừa trị bịnh tán loạn, còn niệm thầm thì chỉ riêng trị về bịnh tán loạn.

Hỏi : Kẻ ngu dốt niệm Phật bằng cách để tiền hay vật gì đó làm ghi số, sẽ không quá khinh dễ ư ?

Đáp : Kinh nói : “niệm một câu hiệu Phật, có thể dứt được tội nặng đường sanh tử từ tám mươi ức kiếp”. Lại một chữ Phật trọn đủ các công đức, ngặt vì kẻ ngu dốt lòng cố chấp như keo gắn chắc, không tiến hóa, nếu chẳng dùng tiền ghi số lòng cố để khuyến dục, thì nó tưởng là không có công đức gì. Song tiền hay vật chi đó, cũng là tùy nơi tâm lượng sở hiện thôi. Tỷ như mặt gương treo trên cao, nếu bên ngoài không hình tượng chi, thì trong lòng gương nó chỉ là bản thể trong sáng rỗng khắp mười phương. Còn như ngoài có vật tượng gì, thì hoặc lớn hay nhỏ, cũng đều hiện vào rõ ràng, chẳng ai giấu đặng hình bóng.

Người phát tâm niệm Phật cũng thế, như kẻ trí giả niệm Phật, trở lại quán xét : với trong chẳng có cái tâm năng niệm, với ngoài cũng không có Phật bị niệm, tâm Phật đều không, hai cái không hiệp chung với nhau, mỗi câu tương ứng mỗi niệm thanh tịnh, cái thể ấy nó khắp giáp pháp giới, thì chính nơi thể đó, cùng rõ lẫn nhau với vô lượng quang vô lượng thọ. Tỷ như trong lòng gương, chỉ có một bản thể thanh tịnh mà thôi. Với phép tu niệm Phật, kẻ ngu phu phần nhiều ưa trước tướng, như là niệm một câu Nam mô A Di Đà Phật thì ghi làm một tiền; hoặc niệm Phật cầu qua đời sau được giàu; hoặc các việc gởi kho minh phủ v.v...đó đều là cái bóng luống dối bởi vọng tâm kế chấp nó hiện ra, tỷ như lòng gương nó tùy nơi vật tượng hề tượng lớn thì hiện bóng, tượng nhỏ hiện bóng nhỏ, phân minh chẳng sai. Với chốn minh phủ dù có thể dùng đặng vì cũng là cái duy tâm tạo, tướng chi sẽ có nấy, nhưng mà cái công rất mọn song cũng có thể làm cái thẳng nhân để thành Phật trong kiếp lâu xa về sau.

Hỏi : với việc cầu trường thọ thì niệm Dược sư, siêu độ thì niệm Di Đà có thể được không?

Đáp : Về công đức thì chẳng khá nghĩ bàn, nhưng chưa khỏi tâm niệm bị chia hai. Số là A Di Đà Phật tức là vô lượng thọ, vô lượng quang, với nguyện của Ngài ta không thể xét được ! nếu với một đức Phật mà ta niệm cho được đến nơi đến chốn, thì hiện đời được thêm phúc thọ, về sau được cái quả báo là liên hoa hóa thân, hẳn không nghi ngại. Nếu tâm có chia chẻ, thì có hơi khó đắc lực !

Hỏi : Tu đại thừa Bồ Tát là phải nhiều kiếp dài dẫn, để vào cõi trần tế độ chúng sanh; nay đã vãng sanh cực lạc, không thể liền trở lại đời ngũ trược cõi này, như vậy đâu chẳng là hạng tiêu thừa ư ?

Đáp : Với việc vào cõi trần ở dài kiếp, há là dễ dàng ru ! Mà ắt phải là bực đầy đủ trí huệ biện tài, thần thông phương tiện kia thì mới được, trái lại nếu chẳng được như thế thì khác nào như kẻ đã chẳng biết bơi lội lại không có xuồng ghe chi cả, mà nhảy ùm xuống sông toan vớt người đắm nước, thì cả đôi bên đều chết chìm luôn ! Vậy muốn phát khởi đại tâm, để cứu khổ chúng sanh, thì ắt phần mình trước sanh về tịnh độ đã, để được hoa nở thấy Phật nghe pháp chứng quả rồi, nhiên hậu trở lại vào cõi đời ngũ trược này, thì với cảnh thuận hay nghịch gì cũng đều được tự tại làm lợi ích chúng sanh.

Hỏi : một kiếp của ta bà bằng một ngày đêm của cực lạc người được sanh về nước kia, như bực thượng trung phẩm, thì chỉ cách qua một đêm là được hoa nở, sau bảy ngày là đắc đạo quả diệu bồ đề; còn bực hạ phẩm, thì cách qua một ngày một đêm, hoa mới nở, qua sau hai mươi một ngày mới được thấy Phật báo thân v.v...vậy thì cách qua những số : một đêm, bảy ngày; một ngày một đêm, và hai mươi một ngày như thế so với số ngày năm của cõi ta bà thì thành ra kiếp số nhiều quá, mà trong kiếp đó, ta nếu chẳng độ chúng vì ta ở bên tịnh độ lâu quá e tâm thức chúng không nhứt định rồi chúng tạo nghiệp bị đọa chịu khổ được cứu chăng ?

Đáp : mặc dầu ta phát đại tâm, mà phần mình không đủ năng lực, chẳng bằng tự trước cầu độ thoát lấy mình đã, sau khi đắc Phật huệ rồi, trở vào cõi trần độ sanh, bấy giờ tự tha mới thành diệu ích, chỉ nay có cái đại bi rất thiết thì cái quả sau này ắt mới toại được.

Xá Lợi Phát ! Ta thấy lợi ích đó, nên nói lời này :Nếu có chúng sanh nghe lời nói ấy, cần phải phát nguyện, để cầu sanh sang nước kia.

Đây là khâu kết vắn trên lập lại lời khuyên để phát nguyện. Vì đức Di Đà đưa tay để tiếp dẫn, mỗi giờ không nghỉ nên đức Thích Ca động lòng son, mỗi niệm chẳng quên, thành tử mới có lập lời khuyên để cho chúng biết mà phát nguyện đây.

“Ta thấy” đó, tức là chỗ thấy của Phật nhãn trong năm nhãn, vì Phật nhãn, thì với sự chi đây chẳng sáng suốt.

“lợi ích” tức là nước cực lạc từ y báo đến chánh báo đều trang nghiêm, đi ngang ra vượt khỏi tam giới, tròn sạch tứ độ, đó là cái công lợi bực thượng thượng chẳng thể nghĩ bàn.

Vả luận : tu các hạnh khác, là chỉ nương lấy tự lực ; còn tu niệm Phật thì đã có tự lực lại vâng thêm tha (Phật) lực nữa.

Bởi chúng sanh từ vô thủy sanh tử đến nay, bị cái tư tưởng mê vọng, cái gây tạo luống dối, mà chứa chất những hạt giống nghiệp, nên chi nay đây mỗi giờ thường phát hiện ra những vọng niệm, vả lại với nhiều điều ngoài hoàn cảnh chi phối làm hay rối nơi tâm.

Lại có những kẻ cuồng huệ, thì chỉ ưa bàn những lý lẽ suông không; còn mấy người tu niệm ngoan cố, thì trước tướng mê tâm, đều bởi gặp thời thế ngũ trược nghiệp chướng thâm trọng vọng hoặc lừng lẫy, dù muốn tu trì, rốt cũng khó đắc lực ! ví dầu chứng được sơ quả (Tu đà hoàn) còn bị mê nơi khi ra khỏi thai mẹ; Bồ Tát còn bị hôn muội nơi thân ngũ ấm nay cách với thân ngũ ấm trước huống chi chúng sanh vốn đắm nơi trần lao, nếu phi nhờ Phật lực, thì há hay tự cứu được !

Đức Văn Thù, đức Phổ Hiền, Tổ Mã Minh, Tổ Long Thọ v.v.... đều là bực pháp tánh Bồ Tát mà các ngài có nguyện thân cần Phật Di Đà thay.

Cụ Triết Lão, cụ Thanh Công, cụ Ngũ Tổ Giải Đĩnh v.v.....đều là bực Đại Sư tượng bên nhà Thiền, nhưng chuyên sanh qua đời sau còn phải đầu thai vào nhà công khanh, bị phú quý quá ưu khổ !

Thế thì chúng ta là hạng bậc gì đây ? mà chỉ cậy lấy tự lực có thể đặng chăng ?

Tổ Vĩnh Minh nói : “Chỉ có tu thiền, không tu tịnh độ, thì mười người đi lạc đường đến chín người ! vì thoát vậy theo nó dẫn đi, nếu năm ma ám cảnh hiện ra. Chỉ có tu niệm Phật, chứ không tu tham thiền thì muôn người tu đều vãng sanh được cả muôn người, vì có tự lực và tha lực, lại không ma ám ảnh” chính là đây bảo thế.

Thế nên phải tin theo bốn mươi tám nguyện của Phật A Di Đà, mỗi nguyện đều từ bi phổ độ, nếu chúng ta hay nhớ Phật niệm Phật, tất nhiên hiện tiền hay đương lai, như định được thấy Phật, lẽ này đồng như bóng theo hình, không hề sai trái với nhau.

Hỏi : Mười phương chư Phật, Phật nào cũng đều có bi nguyện cả, nào riêng chỉ đức Di Đà ư ?

Đáp : chư Phật độ sanh chỗ nào có duyên thì Phật ứng đến, kêu là Phật hóa hữu duyên; còn chỗ nào chúng sanh không có duyên với Phật thì Phật chẳng ứng đến. Chớ như đức Di Đà là Ngài có đại nguyện cùng với chúng sanh ở đời ngũ trược này, rất có cái duyên từ đời trước. Chư Phật kia, tuy cũng có đại bi, nhưng cảm hóa những chúng sanh có duyên mà thôi, còn chúng sanh nào vô duyên, thì nó bị cái nghiệp của nó làm chướng ngại, thế đâu có đặc độ ư !

Hỏi : vậy thì lòng từ tế của Phật, há lại có chỗ chẳng khắp ư ?

Đáp : chẳng phải là Phật chẳng phổ độ, chỉ vì các Phật kia với chúng sanh thì bị các nghiệp : kiến hoặc, tư hoặc, vô minh hoặc, trần sa hoặc che phủ đã lâu đời, tự nó làm chướng ngại lòng từ của Phật : tỷ như người bị tối mắt, dù ở dưới mặt nhật, mà chẳng thấy đặng ánh sáng, với chúng sanh đó, đức Như lai lấy làm rất khá xót thương !

Với trên phần chánh tông đã rồi, các nhà chú giải xưa đều cho lục phương Phật án, thuộc về phần chánh tông, duy Ngài Lĩnh Phong đại sư phán về phần lưu thông, là rất hay, vì hợp ý kinh, vì là đức Thích Tôn dẫn lục phương Phật tán thán, đâu chẳng là để khuyến tín mà thôi, thì khuyến tín tức là nghĩa lưu thông, nên nay phải vâng theo.

PHỤ CHÚ

(I) Cự Triết Lão Truyện nói : Triết Lão Thiền sư trụ trì nơi chùa lớn tại kinh sư, chuyên tu tham thiền, bốn chục năm không hề nằm ngũ, khi tịch bằng cách toại hóa, sau khi thiêu từ quần áo giấy dán cửa sổ đều sản

xuất ngọc Xá Lợi kiếp sau sanh làm con nhà phú quý suốt đời chịu nhiều danh lợi ưu khổ.

Cụ Thanh Công : Truyện nói : Triều nhà Tống, cụ Thanh Thảo Đường Thiền sư, thường tu phúc huệ, nhân một niệm sai lầm, khi chín chục tuổi tịch, sau làm con nhà họ Tăng, tên là Tăng Lỗ Lượng Công, thiếu niên thi đậu cao khoa, làm chức tể tướng, vì phú quý rồi tạo nghiệp mà đọa !

Cụ Ngũ Tô Giới Diễn, đồng thời bạn tu với cụ Quang Huệ Thiền sư, vì tâm niệm phạm sắc, bị cụ Quang Huệ phê bình mắc cỡ, đương ngồi tịch liền, sanh làm con nhà họ Tô, tên là Thúc, tự là Tử chiêm, hiệu Đông pha sau làm quan đến chức Hàn Lâm học sĩ v.v...

Truyện chép : ông Âu Dương Vĩnh Thúc, đến làm tri huyện tại Dĩnh Châu; có một nàng Quan hỷ, miệng thở hơi và mồ hôi thơm như liên hương; có nhà sư biết túc mạng nói rằng : Kỹ nữ đây đời trước làm Ni cô, tụng lâu kinh Pháp Hoa đã ba chục năm, bởi một niệm sai lầm nên nay đọa đến thế ! nhân đưa bộ Kinh Pháp Hoa thí nghiệm, thì nàng đọc như nước rót, còn đưa kinh khác thì không thể đọc được. Chùng đó ông Âu Dương mới tin lời của nhà sư kia. Vậy các vị tu tự lực như trên đó, trong đời cũng ít ai tu bằng, nếu biết tu niệm Phật, chắc được bực thượng phẩm, cái này bị sa đọa, thực là đáng tức !

Xá Lợi Phát ! Như ta (Thích Ca) nay đây, (ở tại nơi Kỳ Viên nước Ta bà) tán thán Phật A Di Đà (bên nước Cực Lạc) Ngài có lợi ích công đức chẳng thể nghĩ bàn. Mà đồng thời bên phương đông kia, cũng có đức A Súc Bệ Phật (Dịch là bất động, là nói trí Phật chẳng động, mà có thể động đến cái trí tánh sẵn đủ của chúng sanh) đức Tu Di Tướng Phật (dịch là Diệu Cao, là núi lớn giữa biển, do bốn thứ báu dựng thành, ánh sáng chiếu suốt nên gọi là “diệu”, tốt khỏi các núi, nên nói là “cao”, tướng Phật vi diệu như núi Tu Di), đức Đại Tu Di Phật (trên là nêu cái tướng của Phật, đây là nêu cái đức của Phật. Tu Di làm chúa các núi, để ví đức của Phật là bực nhất), đức Tu Di Quang Phật (ánh sáng là nêu cái trí của Phật, để rõ Phật trí khắp giáp), đức Diệu âm Phật (lời lẽ đủ bốn biện tài, tiếng đủ tám giọng), như thế cả các đức Phật nhiều bằng số cát sông Hằng (lại tên là sông kinh gia bề rộng bốn chục dặm cát nhỏ như hạt lúa, dụ rất nhiều Phật) các Phật kia Phật nào đều vẫn tự ở nước nấy, đều hiện ra tướng lưới rộng dài khắp trùm đại thiên thế giới nói lời thành thực rằng : cả chúng sanh nên tin đây khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn, là “bổn kinh như thế chư Phật sở hộ niệm. Từ bây nhữn sau là phần lưu thông.

Với câu “chẳng thể nghĩ bàn”, trong Di Đà yếu giải, thích có năm nghĩa

1) Ngang ra vượt khỏi ba giới, chẳng đợi tu dứt hết kiến hoặc tư hoặc.

2) Tức nơi cực lạc đồng cư độ mà ngang đủ bốn độ, phi do dần dần chứng thấy.

3) Chỉ tu bằng cách trì niệm hiệu Phật, chẳng mượn công tu cách pháp như tham thiền, quán tưởng, và bao phương tiện

4) Chỉ một tuần thất làm kỳ hạn, không trải qua nhiều tháng nhiều năm nhiều đời nhiều kiếp.

5) Trì niệm một danh Phật, tức là được cả chư Phật đều hộ niệm, chẳng khác trì niệm luôn tất cả Phật danh; đây đều do nơi đại nguyện đại hạnh của đức Đạo Sư (A Di Đà) đã thành tựu, nên nói : “Đức Phật A Di Đà có cái lợi về công đức chẳng khá nghĩ bàn”. Chúng ta nếu phát tâm : tin, nguyện và trì niệm danh của Phật, thì đều khế hợp với đức tin của Phật.

Quán Kinh nói : “pháp giới thân của A Di Đà Phật, vào ngay trong tâm tưởng của tất cả chúng sanh khi chúng sanh tâm tưởng Phật, thì cái tâm đó tức là ba mươi hai tướng, tam chục món đẹp, thể thì Phật với ta đều chẳng khá nghĩ bàn”.

Với sáu phương, đời Đường dịch làm mười phương, về nghĩa thì sáu phương nó gồm cả mười phương: như phương đông cõi hư không chẳng thể hết, thể giới cũng chẳng khá hết, cả đến nam, tây, bắc phương, bốn góc, thượng phương, hạ phương các cõi hư không chẳng khá hết, thể giới cũng chẳng khá hết.

Một Phật độ đại khái ước bề rộng có ba ngàn, mà thực ra thì lớn hay nhỏ cũng chẳng như định, tột cả mười phương, phương nào cũng có hằng hà sa số thể giới. Một thể giới có một đức Phật, chư Phật số bấy nhiêu đó, Phật nào cũng đều hiện ra tướng lười rộng dài, khắp trùm trong nước mình làm giáo chủ, để khuyên chúng sanh tin niệm Phật pháp nguyện về cực lạc.

Nếu ở các phương khác, chúng sanh nào có duyên với Di Đà cũng lẫn nhau được nghe lời khuyên của chư Phật kia, thể tịnh độ đã được thập phương chư Phật đồng âm tán thán, thì chúng ta há chẳng tin sao ??

Các đức A Súc Bệ Phật v.v... đó, phàm một đức Phật, tùy theo căn cơ cũng có vô lượng danh hiệu. Như kinh Pháp Hoa : “Ta dùng Phật nhãn, xem chúng tin tu, các căn lợi hay độn, tùy theo chỗ được độ thì nên độ, mỗi chỗ ta tự nói danh tự của ta chẳng đồng, đến tuổi tác hoặc lớn hay nhỏ”.

Nên Phật Ngài lập cái danh của Ngài ra là : hoặc dùng nơi nhân để lập danh hiệu, hoặc dùng nơi quả để lập danh hiệu, cho đến hoặc dùng : nơi tánh, nơi tướng, nơi hạnh nơi nguyện v.v... để lập đức hiện

Đã mỗi mỗi danh, đều tròn đủ những đức của các danh, nên chi Tổ Trí Giả Ngài chú thích các Kinh, ít giải nghĩa nơi danh Phật, là vì để cho còn nguyên tròn đủ đức hiệu.

Nay giải nghĩa ra đó, là y nơi chữ, lược giải thích ra, để cho người học trọn nhớ các đức, tỹ như biên cả kia, mức lên một giọt mà vị nó đủ cả tánh chất đại hải.

“lời thành thật” đó, kinh Kim Cang nói : “ Lời nói của Như Lai là lời thực, lời chắc, lời như, lời chẳng lừa, lời chẳng lạ”. Thực thế, chúng ta mà nếu ba đời chẳng nói dối, thì cuống lưỡi có thể dài đến chót mũi.

Bên Tạng giáo ghi : Phật đã ba kiếp số A Tăng Kỳ, chẳng hề nói vọng, nên có cái tướng lưỡi tốt là mỏng, rộng dài có thể phủ cả mặt và đến mí tóc lặn.

Nay so theo Viên Giáo thì tướng lưỡi của Phật là tùy nơi tánh mà tùy theo đại cơ, tiểu cơ cảm đến, nên hiện ra hoặc lớn hay nhỏ.

Tiêu biểu về lý, thì pháp âm viên mãn, là vi tánh không hư vọng. “tất cả chư Phật sở hộ niệm Kinh” đó, tức là đề mục Kinh Tiêu bản (Phật thuyết A Di Đà Kinh) này đây.

Xá Lợi Phất ! Thế giới phương nam có : Đức Nhật Nguyệt Đăng Phật (Nhứt thế trsi làm mặt nguyệt, đạo chủng trsi làm mặt nhật, nhất thế chủng trí làm đăng quang), đức danh Vãng Quang Phật (với danh xưng, khắp đồn nghe cả pháp giới), đức Đại diệm kiên Phật (Diệm là nêu cái huệ lớn, kiên là hạ đảm chúng sanh), đức Tu Di Đăng Phật (ánh sáng nơi thân không lượng như núi Tu Di), đức Vô Lượng Tinh Tấn Phật (tinh là công phu chẳng phức tạp, Tấn là không hề thôi lui; vì hành đạo từ vô lượng kiếp, được thành Phật, giáo hóa vô lượng chúng sanh mà chẳng nghỉ). Như thế cả các đức Phật nhiều như số cát sông Hằng, các Phật kia, Phật nào đều vẫn tự ở

nước này, cũng đều hiện ra tướng lưới rộng dài, khắp trùm cả đại thiên thế giới, nói lời thành thực rằng : người cả chúng sanh nên tin đây khen ngợi công đức chẳng hề nghĩ bàn là “bổn kinh nhất thể chư Phật sở hộ niệm”.

Xá Lợi phát ! thế giới phương tây có : Đức vô lượng thọ Phật (danh đồng với A Di Đà, kể ra thì hiệu Phật đồng nhau lắm), đức Vô Lượng Tướng Phật (Phật có tám vạn bốn ngàn vi trần tướng tốt, nhưng chúng sanh tùy cơ thể nào thì được thể ấy), đức Vô Lượng Tràng Phật (Tràng: phan ; phướng, nghĩa là cao sáng, và nghĩa là tội tà phụ chánh, lại trong không ngoài tròn (Bửu cái : đầu tràng phan) tiêu biểu Phật tánh trống không mà sáng tròn đầy), đức Đại Quang Phật, đức Đại Minh Phật (quang là thể, minh là dụng, có quang thì minh chiếu mười phương, vì hai Phật đầy đủ bậc trí huệ cao cả), đức Bửu Tướng Phật, (món báu bằng trí công đức tướng nó sáng tròn đầy), đức Tịnh Quang Phật (trong sách sáng rõ, khắp soi chúng sanh). Như thế cả các đức Phật nhiều bằng số cát sông Hằng, các Phật kia Phật nào đều vẫn tự ở nước này cũng đều hiện ra tướng lưới dài rộng khắp trùm cả đại thiên thế giới. Nói lời thành thực rằng : Người cả chúng sanh, nên tin đây khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn “Bổn kinh nhất thể chư Phật sở hộ niệm”.

Xá Lợi Phát ! thế giới phương bắc có: đức Diệm Kiên Phật (nghĩa đồng như Phật trên), đức tối thắng Âm Phật (4 biện tài, 8 âm giọng, khó nghĩ được) đức Nan Trở Phật (Trở : bại hoại, với công đức của Phật, chẳng thể phá hoại), đức Nhật sanh Phật (mặt nhật là tinh hoa của các khí dương, sanh trưởng vạn vật, Phật là thấy của chúng sanh khiến chúng phát sanh trí huệ), đức Vông Minh Phật (cái võng bằng châu báu, ánh sáng của mỗi hạt châu nó chói dọi lẫn nhau, là để tiêu biểu hào quang nơi thân Phật sáng suốt vô lượng). Như thế cả các đức Phật nhiều bằng số cát sông Hằng các Phật kia, Phật nào đều vẫn tự ở nước này, cũng đều hiện ra tướng lưới rộng dài khắp trùm cả đại thiên thế giới nói lời thành thực rằng : người cả chúng sanh nên tin đây khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn là “bổn kinh nhất thể chư Phật sở hộ niệm”.

Xá Lợi Phát ! Thế giới phương dưới, có : đức Su Tử Phật (su tử rỗng găm, trăm thú bắt tằm – núp trốn – đức Phật thuyết Phật, thiên ma ngoại đạo đều kính nép), đức Danh Vãng Phật, đức Danh Quang Phật, đức Đạt Ma Phật (Đạt Ma dịch là pháp Phật thuyết vô cùng). Đức Pháp Tràng Phật (dựng cây pháp tràng của Phật lên, là để phá trừ nghiệp hắc ám của chúng sanh, khiến đem lại cai bản thể thanh tịnh), đức Trì phát Phật (duy trì chánh pháp để tế độ chúng sanh). Như thế cả các đức Phật nhiều bằng số cát sông hằng,

các Phật kia, Phật nào đều vẫn tự ở nước này, cũng đều hiện ra tướng lưới rộng dài khắp trùm cả đại thiên thế giới, nói lời thành thực rằng : Người cả chúng sanh nên tin đây khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn là “bốn kinh nhất thể chư Phật sở hộ niệm”.

Phương dưới ấy : Dưới đáy cõi ta bà thế giới đây, có lớp kim luân, lớp phong luân cùng nhau để duy trì thế giới này dưới lớp phong luân có lớp không luân. Dưới lớp không luân lại có hạ phương thế giới ; dưới hạ phương cũng có thế giới nữa, cứ mãi như thế trùng trùng vô tận.

---o0o---

PHỤ CHÚ

Luận Câu Xá cuốn mười chép : Rốt dưới đáy thế giới là lớp phong luân, lớp phong luân này nó nương ở nơi lớp hư không (tức là không luân), bề dày của phong luân mười sáu ức do tuần (dặm) nó kiên cố như chất kim cang.

Trên phong luân có thủy luân, bề sâu có tám ức do tuần, trên thủy luân có kim luân, bề dày ba ức hai vạn do tuần, bề trục kính có mười hai ức ba ngàn bốn trăm năm chục do tuần, bởi hình nó tròn, dựng thành chất kim cang nên gọi là kim luân. Trên lớp kim luân đây có chín núi tám biển thế là lớp địa luân.

Từ mặt nước lên đến kim luân bề sâu tám vạn do tuần thế khá biết bề sâu của địa luân.

Xá Lợi Phật ! Thế giới phương trên có : Đức Phạm Âm Phật (Phạm : thanh tịnh, là tiếng hay thanh tịnh, khắp dạy chúng sanh), **đức Tú Vương Phật** (mặt nguyệt là vua giữa các ngôi sao, Phật là chúa giữa pháp giới), **đức Hương Thượng Phật** (Hương giới trong sạch, đặng lẽ màu vô thượng) **đức Hương Quang Phật** (giữ giới thanh tịnh, kết tinh giới hương, liền phát sanh ánh sáng trí tuệ), **đức Đại Diệm Kiên Phật**, **đức tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật** (Thân tướng trang nghiêm, như ánh màu báu), **đức Ta Thụ La Vương Phật** (Ta La dịch là kiên cố, Vương : Tự tại) **đức Bảo Hoa đức Phật**(Bửu hóa : Thanh tịnh mà sáng, là nêu công đức tròn sạch của Phật), **đức Kiến nhất thể nghĩa Phật**(năm nhãn trọn th ấy pháp nghĩa không cùng) **đức Như Tu Di Sơn Phật** (Núi rất cao lớn, Phật rất khắp giáp) như thế cả các đức Phật nhiều như số cát sông Hằng các Phật kia Phật nào đều vẫn tự ở nước này cũng đều hiện ra tướng lưới rộng dài khắp trùm cả địa

thiên thể giới nói lời chắc thật rằng người cả chúng sanh nên tin đây khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn là Bốn kinh như thể chư Phật sở hộ niệm”.

Phương trên là : Trên cõi trời “ phi phi tướng” của thế giới ta bà đây có lớp không luân, trên không luân có lớp phong luân, trên phong luân có lớp thủy luân, trên thủy luân, trên thủy luân, có lớp kim luân, trên kim luân có lớp đại địa, có sáu Dục thiên, có bốn thiên thiên, có bốn không thiên, cũng gọi là ba giới (cũng dục giới, có sáu trời, sắc giới có bốn thiên thiên, vô sắc giới có bốn không thiên), đây tức là thế giới phương trên. Lại lên trên nữa, lại cũng có lớp không luân v.v... cả ba giới v.v...cứ mãi như thế, trùng trùng ba giới, thì có hằng sa thế giới, mỗi thế giới đều có một đức Phật : hoặc đương trụ thế, hoặc sắp nhập Niết bàn, hoặc đương thuyết pháp, nên nói : Hằng hà sa số chư Phật.

Xá Lợi Phát ! Trong tâm ý ông có thấy biết kinh này có sao tên là “ Nhất thế chư Phật sở hộ niệm” Xá Lợi Phát ! hoặc có Thiện nam tử, thiện nữ nơn là người được nghe kinh đây rồi thụ trì, và được nghe danh hiệu của chư Phật, thì các thiện nam thiện nữ ấy đều được chư Phật hộ niệm cho, đối với quả vị “Vô thượng chánh đẳng chánh giác” các nam nữ ấy đều đều được chẳng lui sụt. Thế nên Xá Lợi Phát ! Các ông đều nên tin chịu lời của ta đây, và sở thuyết của chư Phật ở sáu phương kia.

Đoạn đây gạn giải danh đề của bốn kinh này.

Đức A Di Đà đem đại nguyện để khắp thân chúng sanh, thì là cái chỗ được chư Phật nơi mười phương hộ niệm. Với bốn kinh của đức Thích Ca sở thuyết, cũng được thập phương chư Phật lẫn nhiều hộ niệm. Mà chúng sanh niệm danh của Phật A Di Đà đây, cũng được thập phương chư Phật hộ niệm cho, cũng là lẽ tất nhiên.

Hỏi : Người mà loạn tâm niệm Phật, có được chư Phật hộ niệm không ?

Đáp : có lẽ “Lục Túc” sai khác : 1/ Hoặc chúng sanh chưa nghe đến danh Phật, chỉ là cái lý đủ tánh bình đẳng giữa Phật với chúng sanh đó chỉ gọi là “lý túc” chẳng được hộ niệm. 2/ Hoặc được nghe hiểu Phật danh, hoặc nghe mà chẳng hiểu, hoặc niệm mà chẳng nhất tâm, chỉ nạp thụ giống lạnh, cũng làm cái nhân qua đời sau được giải thoát, đều là “danh tự” hộ niệm 3/ Hoặc nghe mà hiểu, hiểu rồi chấp trì danh hiệu niệm mãi, là “quán hạnh túc” hộ niệm 4/ Hoặc niệm Phật mà được “nhứt tâm bất loạn” phân phá được vô

minh nhứt phẩm. Phân đặc chân như pháp tánh, gọi là “Cứu cánh tức” hộ niệm. Số là hộ niệm ắt nhận lòng chí thành, niệm Phật mà lòng thành thì có tiến, mà tiến tức là ba bậc bất thối nơi vô thượng bồ đề.

A Nậu đa la, dịch là vô thượng. Tam miếu tam bồ đề, dịch chánh đẳng chánh giác. Vô thượng chánh đẳng giác, tức là quả Phật thanh tịnh.

Ngôi “phần chứng” là quả Phật phân chứng ngôi “cứu cánh” tức là quả Phật mãn chứng. Bất luận tin cùng chẳng tin, hề thấy nghe được Phật danh, hoặc niệm được một tiếng là nạp được hột giống lành bồ đề để sâu vào ruộng lòng, rốt rồi cũng được chẳng thối lui nơi quả vô thượng bồ đề.

Xá Lợi Phát ! hoặc đã phát nguyện (quá khứ) nay phát nguyện (hiện tại), sẽ phát nguyện (vị lai), muốn sanh về nước của Phật A Di Đà, thì các người ấy, đều đặng lui sụt nơi quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác hoặc đã sanh, hoặc nay sanh hoặc sẽ sanh thế nên Xá Lợi Phát ! các thiện nam tử, thiện nữ nhân, nếu có tin đó, cần phải phát nguyện cầu sanh về nước của Phật kia.

Đây là ba đời cầu sanh để phát nguyện : đã phát nguyện thì đã được vãng sanh; nay phát nguyện, thì nay được vãng sanh; sẽ phát nguyện, thì sẽ được vãng sanh. Nên chẳng nguyện thì thôi, mà hề có nguyện thì đều được chẳng thối chuyển nơi vô thượng bồ đề.

Trong bộ Di Đà yếu giải, có lời hỏi : nay phát nguyện, thì chỉ có nói là lẽ sanh, chớ sao gọi là nay sanh ?

Đáp : đây có hai nghĩa : 1/ ước trong một thời kỳ gọi là nay, như hiện nay phát nguyện trì niệm danh Phật, khi lâm chung nhứt định được sanh về tịnh độ 2/ ước về trong một sát na, gọi là nay, như một niệm tương ưng thì mỗi niệm được vãng sanh. Thế là diệu nhân diệu quả, không rời nhứt tâm, nó đồng như hai đầu đòn cana khi cao thấp, nào phải đợi bên cõi ta bà này đến khi cái báo thân hết sống rồi, mới sanah dục về ao sen báu bên tịnh độ kia ư. Chỉ nay thâm tín, phát nguyện, trì niệm

danh Phật, thì được hoa sen sáng mượt xinh tươi, đài vàng bóng hiển hiện
bèn là phi người trong thế giới ta bà rồi. Đó là cái lẽ rất viên rất đôn, khó
nghĩ khó bàn, chỉ óc bực đại trí mới có thể tin thấu đặng !

Xá Lợi Phật ! Như ta nay đây (ở trong vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc tại nước ta bà đây) khen ngợi các đức Phật (ở trong sáu phương kia) có công đức chẳng khá nghĩ bàn. Mà chư Phật bên (sáu phương kia) cũng xưng ta (Thích Ca) có công đức chẳng khá nghĩ bàn mà (Chư Phật kia) thốt ra lời này: Phật Thích Ca Mâu Ni hay làm được việc rất khó ít có, hay ở nơi cõi nước ta bà, đời ác năm trước : kiếp trước, phiền não trước, chúng sanh trước và mạng trước, (Ngài thị hiện sanh trong cung vua, lúc 19 tuổi đi xuất gia, 6 năm tu khổ hạnh, lúc 30 tuổi ngồi bên gốc cây bồ đề, nửa đêm thấy sao thoát nhiên) chứng quả vô thượng chánh đẳng chánh giác (Ngài đã thành Phật bồ đề rồi, đến hội phương đặng mới) vì các chúng sanh nói ra (một phép tu trì danh niệm Phật của môn tịnh độ đây là) pháp tất cả người đời khó tin. Nên được chư Phật xưng tán.

Đây là tỏ ra khen lẫn với nhau về việc khó để khuyên hành.

Đức Thích Tôn đã tán thán chư Phật năng nói pháp tịnh độ không thể nghĩ bàn công đức; mà chư Phật cũng tán thán lại đức Thích Ca năng làm việc khó, đây chính rõ ra rằng Phật nào cũng hành cái lòng từ bình đẳng, để cho chúng sanh sanh cái tâm tin chắc.

Giữa thập phương thế giới, số tịnh độ đã vô lượng thì uế độ cũng vô lượng, nên đức Phật với việc thuyết pháp rất có chỗ khó nói và dễ nói. Bộ yếu giải nói : “công đức trí huệ của chư Phật mặc dầu đều bình đẳng cả, mà về mặt thi thiết giáo hóa thì có khó và dễ : ở tịnh độ tu thành đạo quả bồ đề thì dễ, ở cõi trước thế tu thành đạo quả bồ đề thì khó ; vì chúng sanh ở tịnh độ mà thuyết pháp thì dễ, vì chúng sanh ở cõi trước thế mà thuyết pháp thì khó : vì chúng sanh ở trước thế mà nói pháp tiêm còn dễ, vì chúng sanh ở trước thế mà nói pháp đốn thì khó; vì chúng sanh ở trước thế, nói pháp tịnh độ ngang vượt ra ngoài tam giới đốn tu đốn chứng lẽ diệu quán, đã là vẫn chẳng dễ, mà nói đến pháp “chỉ trì danh hiệu” đây, không mượn công lao tu chứng, mà chóng lên bực bất thoái, là phương pháp lạ riêng mau hơn, hơn hết phương tiện bực nhứt, vượt khỏi nghĩ bàn, lại là điều khó trong khó, nên

chi thập phương chư Phật đâu chẳng suy nhường đức Thích Ca riêng được đồng mãnh nhất”.

Năm trước, tỳ như chỗ thanh thủy, vẫn sẵn trong sạch, thoát có người đòi, lấy đất bụi kia, liệng vào thanh thủy, đất liền rã tan, nước mát trong sạch, hình dáng lộn nhàu, nên gọi trước thanh thủy dụ chân tánh; đất bụi tỳ phiền não. Trong đời có người đương không có chi mà bỗng nhiên mê lũng.

Song tự tánh của chúng ta, vốn không có cõi đời và chúng sanh, bởi một niệm vọng động lên, mà có sanh tử phiền não. Nếu muốn quay lại chân tánh sẵn xưa thì, như lóng nước đục, chứa vào đồ sạch. Yên lặng chẳng động, đất cát tự chìm, nước trong hiện tiền, gọi là bắt đầu dẹp được “khách trần phiền não” gạn bỏ chất sinh đục, còn toàn là nước trong thì gọi là dứt hẳn rồi “căn bản vô minh”, thì là minh tướng tính thuần, thanh tịnh diệu đức.

Khách trần phiền não, tức là kiến hoặc tư hoặc; căn bản phiền não tức là vô minh hoặc. Dứt rồi cái kiến hoặc, thì chứng được bực Sơ tín bên viên giáo, bực Sơ trụ bên Biệt giáo. Dứt hẳn rồi cái căn bản vô minh thì chứng đặng quả cứu cánh Diệu giác Phật, rốt ráo cái minh tướng tinh thuần, đem lại bản thể thanh tịnh diệu đức xưa.

Song, cái chân tánh nó nguyên không có sự biến đổi chân hay vọng gì, thí tỳ như nước, dù có thanh hay đục, chớ tánh ướt nó không đổi dời. Nay tu lấy pháp môn tịnh độ đây, tỳ như đem viên ngọc thanh châu để xuống chỗ trước thủy thì trước thủy chẳng động chẳng trong, hiệu Phật đặt và loạn tâm thì loạn tâm không động không Phật. Như thế lóng đục bằng tắt rất chóng, các pháp môn khác, đâu được dễ vậy ra ! Nên đức Thích Ca với chư Phật khen lẫn nhau, là đều chín có lẽ.

Chư chúng sanh, là chỉ riêng những người ở trong thời năm ác trước; như thế gian là chỉ chung về chúng hữu tình ở trong chín giới bốn cõi.

Biểu đồ

Xá Lợi Phát ! phải biết ta ở nơi đời 5 trước ác làm việc khó ấy, đặc quả vô thượng chánh đẳng chánh giác, rồi vì tất cả thế gian mà nói ra pháp khó tin đây, thực là rất khó !

Căn cơ (trình độ) của chúng sanh không cảm đến Phật, thì Phật không ra đời; Phật đã ra đời, mà đời nhiều cảnh ác, thì thực không dễ gì đặc quả vô thượng bồ đề; mà đã đặc bồ đề, duyên không khéo gặp, thì cũng khó thuyết

pháp được, vả lại nói về pháp tối diệu tối viên thì rất là đã khó lạ càng khó nữa ! nên cái đại nguyện của Thích Ca được cùng đi đôi với đức Di Đà đều chuyên lấy điều tốt cả.

Lại, với chúng sanh trong thời ngũ trược ác thế khó điều phục, vì chúng cương cứng, mà đức Thích Ca Ngài năng điều phục được lại là rất khó nữa.

Tất cả thế gian khó tin ấy, là đối với pháp niệm Phật vắng sanh tịnh độ, rất đổi các vị quyền thừa Bồ Tát còn có nghi mà không tin thay, phương chi các loại phàm trong sáu ngã u.

Đối với pháp khó tin của Như lai đã nói, chàng ta phải tin, rất không nên cam chịu đọa nơi nhà lửa ! phải biết rằng cơn vô thường chẳng hẹn mà đến, cần gấp tu pháp niệm Phật, như chữa lửa cháy trên đầu ! Nên quày đầu óc, mau mau đem Phật hiệu để kêu tỉnh tự tâm, ngõ chẳng phụ lời đức Thích Ca đình ninh, cũng chẳng phụ đức Di Đà đưa tay đón tiếp. Vậy rất cảm kích rất cần cầu, nguyện người liền nghĩ lấy.

Phật nói kinh này rồi, ông Xá Lợi Phất, và các Tỳ kheo, tất cả thế gian (nơi chín pháp giới) : Trời người thần A Tu La v.v...nghe chỗ Phật nói, hoan hỷ tin chịu, làm lễ rồi lui.

Đoạn này : Pháp chúng nghe rồi, hoan hỷ làm lễ rồi ra đây là nói rõ : Đại chúng được ích, để sâu kết làm tin cho đời sau.

Phật đọi có cơ cảm thì nói pháp, nay đã khen và nói tịnh độ cả y báo, chánh báo đều trang nghiêm, chín cõi chúng sanh đều nhờ sự hữu ích của “Tứ tất đàn” tất đàn, dịch là khắp thí :

1/ Nếu người nghe nói thế giới cực lạc rất trang nghiêm, mà sanh tâm hoại hỷ, thế là đắc sự ích về “Thế giới tất đàn”.

2/ Người nghe nói bên tịnh độ y chánh đều trang nghiêm mà dấy lòng tin và nguyện, thế là đắc sự ích về “Vị nhân tất đàn”.

3/ Nghe rồi liền chấp trì danh hiệu mà niệm mỗi câu lưu vào nơi lòng dạ, mỗi niệm trái nghịch đường sanh tử, thế là đắc ích về sự “Đối trị tất đàn”.

4/ Nghe rồi liền tỏ lễ tâm Phật đều không, đều khắp pháp giới, thế là đắc sự ích về “ Đệ nhất nghĩa tất đàn”

Đây chẳng những đương thời Phật thuyết pháp, chúng tại hộ nghe rồi đắc sự ích về tứ tất đàn mà hoan hỷ mà vả nữa, qua mãi đời sau, hễ người nghe, thấy đến Kinh đây cũng thành được bốn sự hữu ích đó, là 1. Hoặc người được thấy, nghe đến kinh đây mà sanh tâm ngưỡng mộ, là ích về thế giới tất đàn; 2. Hoặc thấy nghe Kinh đây mà nảy lòng tín nguyện là ích về vị nhân tất đàn. 3. Hoặc thấy nghe Kinh đây mà sanh lòng chán khổ ta bà, ham vui cực lạc, giữ niệm danh Phật, là ích về đối trị tất đàn; 4. Hoặc thấy nghe Kinh đây mà tỏ ngộ được lẽ năng niệm sở niệm đều trống vắng, là ích về đệ nhất nghĩa tất đàn.

Lại nữa, nghĩ cho chính ra thì từ tất đàn nghĩa nó rộng đều vô cùng. Thấy đều tùy theo căn có mà nói, mà với pháp đã nói ra, mỗi mỗi đều là tứ tất đàn, lẫn khắp giáp giới.

Các hành nhân (tu sĩ) phải biết : đây tâm pháp giới, niệm Phật pháp giới, chứng tâm pháp giới, như thế niệm Phật thì pháp nào lại chẳng phải tâm, tâm nào lại chẳng phải Phật, song cũng Phật nào mà phi tâm ru ?

Không ai hỏi mà Phật tự nói, thì giới pháp ấy khó nghĩ đặng ! Biết căn cơ hợp thời tiết, thì với lợi ấy chẳng lường được ! Nhấn đến hàng nghìn hàng vạn năm về sau mà còn được lợi ích đó, cũng chỉ có vì hai điều lợi mà pháp như đã nói trên đó mà thôi. Chính là đức Như lai có trí sáng suốt, soi xét không bỏ sót hóa độ nên mới được như thế.

Vã lại, chúng ta đã gặp Kinh đây, là được may rất lắm ! Lại nếu chẳng sanh lòng cảm kích khi thấy nghe kinh này, thì sau khi chuyển đổi cái thân này (kiếp sau) chưa biết có được gặp kinh này nữa không?

Bởi vì cõi đời ngũ trược, đường sanh tử hiểm nguy, nhiều điều độc ác, một khi mất nhân thân này rồi, e về sau cả muôn kiếp cũng khó gặp lại đặng ! Chi bằng hiện nay sẵn sướng trong một đời này, phát cái đại chí đồng mãnh, kíp ra khỏi ba giới, thân cần đức Di Đà rất là chí yếu ! Nếu người mà trái lời trên đây, chẳng thể chỉ trong nhứt sanh xong nên ! còn người mà khứng chuyên tâm giữ niệm danh Phật, thì quyết định vãng sanh, dẫu muôn con trâu cũng chẳng trì nổi, vì sự vãng sanh quá mạnh.

Song trải qua nhiều đời, các tổ mở bày pháp tịnh độ ra đông lăm, mà các vị được thoát cũng rất nhiều. Trong Tịnh độ tông có cả ba bộ Kinh, mà được thụ trì rất thanh hơn hết thì không ngoài bốn Kinh đây.

Nay nhân vì bực sơ cơ khó tự mở rõ, nên chẳng nệ phiền, thuật lời trên đây, để giúp chút đỉnh.

Phổ nguyện : kẻ thấy người nghe, đều thành giống Phật, mau đắc bồ đề. Dầu người có chê bai, cũng nhân tiếng Phật lọt vào tai mà có hột giống, đến lúc đã hết ác báo, cũng nương giống đó mà đặng nhờ độ thoát. Sở dĩ lòng lành của Phật bình đẳng, không phân biệt kẻ oan người thân, hễ là có thấy hoặc nghe, đâu chẳng được nhờ giải thoát, như vậy mới xứng với câu “Bất khả tư nghị công đức”.

Hết Kinh Di Đà sau đây tiếp đến Sám Hối Hồng Danh.

--- o0o ---

Chương 8: Hồng danh sám Lễ Phật

Đại sám hối văn giải

Toàn văn nguyên là một trăm tám lạy, nên nói : “ Lễ Phật đại sám hối văn. Với một trăm tám lạy, sẽ thấy bức biểu đồ ở sau.

Bốn tánh vẫn chân không, hẳn không nhiễm nhờ một tiêm một hào gì ; chỉ bởi một niệm vọng nổi lên, thành thử phát sanh ra nghiệp duyên cả mười giới (bốn thánh sáu phàm). Do đó, hễ tâm sanh thì món món pháp sanh mà món pháp sanh thì món món tâm sanh.

Cái tâm nó chẳng phải khởi thì thôi, mà hễ nó phát khởi thì là có nghiệp. nên Kinh Địa Tạng nói : “móng tâm động niệm, đâu chẳng là tội ! Kinh ấy lại nói : “Làm ác kết nghiệp ác, làm thiện kết quả thiện”.

Phương chi từ có sanh ra đời nhần nay, mỗi niệm chẳng dừng, chỗ kết tội nghiệp; nặng dường quả đại địa ! Nếu chẳng y như pháp sám hối thì không thể tiêu trừ đặng !

Nên Ngài Bất động Pháp sư, y nơi thánh giáo, nhóm chép các hiệu Phật, suốt soạn lời sám hối, khéo sắp văn nguyện cầu, để làm chân qui giúp ích cho lớp con sám hối và thế nguyện.

Đại là Đại thừa sám pháp : phép sám hối của đại thừa. Gọi đủ là Sám Ma, dịch là hối quá, gọi là Sám hối đó là gồm cả chữ phạm và Hoa sám thì sám trừ nghiệp trước đời quá khứ, hối thì chẳng tạo tội mới đời vị lai, nghĩa là đổi qua tu lại.

Lại, Sám là pháp trắng, hối là pháp đen, nghĩa là với pháp trắng thì phải tu, với pháp đen thì pháp bỏ. lại, sám hối là pháp trắng, chẳng sám hối là pháp đen, pháp trắng là tịnh nghiệp, là trí thể của Phật giới, pháp đen là nhiễm nghiệp là phiền hoặc của chín giới.

Bởi vì tất cả chúng sanh đều bởi mê hoặc mà tạo nghiệp, do nghiệp rồi với lấy khổ. Hoặc tức là phiền não của hoặc, nghiệp tức là các nghiệp thiện ác về hữu lậu và vô lậu. Khổ tức là cái khổ quả về hai món sanh tử của chúng sanh trong chín giới. Do ba điều : Hoặc, nghiệp, và khổ đó, mà chịu mãi sanh tử, vẫn không thôi nghĩ được !

Song, có ba cách sám hối : một : Tác pháp sám hối, nghĩa là chọn chỗ lập đàn, rước nhà Sư có giới đức, y theo luật làm phép, tự bay chỗ mình đã gây các điều tội lỗi, chẳng đặng giấu che mảy gì. Đương lúc này mặt trong đàn nghi thức, tai nghe yết ma, lòng không vẫn vương điều chi khác, tức nhiên có cái giới thể vô tác nó nêu trong tâm điền. Do đó hễ trì giới thì giới thể nó tăng trưởng, mà phạm giới thì giới thể nó hoại diệt ! nên sau khi sám hối chẳng nên gây lại tội mới nữa, thì tội cũ kia có thể tiêu diệt đặng.

Hai : thủ tướng sám hối. Với trong vùng trăm dặm, hoặc ngàn dặm, nếu chẳng có nhà Sư có giới đức, thì chỉ tự mình với ngày đêm sáu giờ, đem ba nghiệp : thân, khẩu, ý để thanh tịnh, hương về trước tượng Phật hay Bồ tát, năm vóc gieo sát đất, như núi lớn nhào, bày cả tội lỗi, xoay tâm quán tưởng, cứ như thế mãi cho đến ba năm hoặc năm năm, nhẫn đến một đời này, kỳ cho được đích thấy có hào quang, hay hoa tát, hoặc Phật hiện ra chứng giám cho, thì bao tội lỗi kia mới đặng tiêu diệt.

Ba : Vô sanh sám hối. Rằng cái nghiệp là do nơi vọng niệm sanh khởi, nhưng quán xét hiện tiền một niệm đây, nó chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở chính giữa, ba chỗ ấy đã không có, thì tội lỗi là vô chủ, là chỗ bảo rằng : tâm mất tội cũng mất, thế gọi là chân sám hối.

Hai pháp sám hối trước là sám hối bằng cách sự tướng, còn một sau đó là sám hối bằng lý tánh. Với sự, thì riêng sám hối về bảy tội chi của thân (3) và khẩu (4), đó là thuộc về tiểu thừa. Với lý thì gồm sám hối cả ba tội tham, sân, si ba độc của ý thức, đó là thuộc về đại thừa.

Với ba cách sám trên; nếu người lợi căn tu sám thì cả ba đều thành ra đại thừa; nếu dùng một tâm ba trí, để chiếu một cảnh ba đế, để lý như như, trí chiếu rõ rõ. Sám một tội mà các tội đều sám luôn, mà các tội thể đều được giải thoát, thể kêu là pháp tánh diệu sám, tức là pháp sám của bậc tối thượng thượng căn.

Phổ Hiền Quán Kinh nói : “Nếu người muốn sám hối, ngồi ngay xương sống, tưởng niệm cái thực tướng, các tội như sương móc, huệ nhật hay tiêu trừ”. Tức gọi là “pháp tánh diệu sám” đây vậy.

Nay lại ước theo Pháp Lục tức để phân thâm thiện : 1) Hoặc người chưa thấy nghe được thánh giáo, tâm tánh toàn mê, thì chỉ nói là “lý tức”, chứ chẳng gọi là sám hối. 2) Hoặc người đã thấy nghe được thánh giáo, rõ biết các tội : tạo cũng duy tâm, sám cũng duy tâm, thì nói là “danh tự tức” sám hối. 3) Người đã thấy nghe thánh giáo mà giữ gìn, tâm thành quán chiếu. ân cần cầu sám hối, gọi là “quán hạnh tức” sám hối, 4) Người phá được kiến hoặc tư hoặc, gọi là “tương tợ tức” sám hối. 5) Đối với vô minh, phá được từ phần, với pháp tánh, chứng được từ phần, gọi là “phần chứng tức” sám hối. 6) phá hết vô minh, pháp thân tròn rõ tỷ như nền trời tạnh sạch, trắng tỏ tròn sạch, gọi là “cứu cánh tức” sám hối. Nên Ngài Thiên Thai Đại Sư nói : “lên đến bậc Đẳng giác còn phải sám hối” thực thế.

Trong lục tức đây, “quán hạnh” thuộc về sự sám, vì hai cái thô hoặc là kiến tư chưa đoạn, với cái lý tánh chân đế còn lờ mờ. “tương tợ tức” thuộc về lý sám, do vì đã phá rồi kiến hoặc, tư hoặc đã thấy rõ lý tánh chân đế.

Lại, quán hạnh và tương tợ đều thuộc sự sám, do vì chưa phá cái vi tế hoặc vô minh, chưa mở cái pháp tánh trung đạo, phải còn cần tu. Đến phân chứng hẳn đi, mới thuộc về lý sám, do vì đã phân phá được vi tế hoặc vô minh, đích thấy được pháp tánh trung đạo, mỗi niệm được thanh tịnh.

Nếu chứng đến Cực quả Diệu giác, thì sạch hết ba hoặc mất hẳn hai tử (sinh tử, niết bàn tử) vẫn từ biệt vô minh phụ tham ái mẫu, an trụ cõi thường tịch quang, pháp tánh thanh tịnh, trí huệ viên minh, tỷ như trăng đem trung thu, vì ánh sáng đâu chẳng tròn soi.

Nên trong giáo pháp phân rành : nếu chưa đến bậc phân chứng, là duyên tu, còn đã đến bậc phân chứng là chân tu. Duyên tu là; dùng trí để duyên cảnh mà tu, vì lý sự chưa dung thông được, thì sám hối ấy thuộc về sự. Chân tu là : lấy trí xứng với lý để tu, vì lý sự dung thông với nhau, thì sám hối thuộc lý.

Than ôi ! Chúng Tri Lưu ngày nay, vừa ra khỏi giới đàn, đã chẳng lay chẳng sám chẳng tụng gì hết, nghiêm nhiên ta đây là Phật tử rồi, nên thì tụng của tín thí, lại càng tham sân ! Ngài Triệu Chu Đại Sư nói : “Đời nay chẳng rõ đạo kiếp sau phải làm loài mang lông đội sừng, để đền nợ đời trước” Xem đó há chẳng rùng mình ! nên cần phải sám hối.

Lại có nhà Nho, xem chơi sách Phật chỉ biết tin lý cao thâm, để làm tài liệu một món bác học mà thôi, đem lời Kinh Phật, để nhuận văn nhuận sắc, còn những Kinh sách nói đến sám hối và tiểu thừa thì, chẳng để ý đến, hoặc cho là dối. Thế là chỉ chuyên chấp nơi lý, mà ám muội nơi sự, chớ có biết đâu mờ tối nơi sự đó, thì với lý cũng chẳng tỏ rõ gì lắm ! ban đầu là do nơi mê đó mà chứa thành mê, kể đó doni tội rồi chứa thành tội, tâm càng mê mà tội càng sâu, tội càng sâu mà mê càng chứa. Lời ngôn nói : “Thông minh trở bị thông minh trở bị thông minh lắm !” khá vì những người ấy để ngâm vịnh.

Số là người sám hối đó, đâu là ăn năn những điều chướng ngại đã gây từ quá khứ và hiện nay, với sự chướng đã trừ rồi, là lý tánh liền sáng, Nho giả nào bỏ sự chấp lý, hoàn toàn không bái sám, không tụng niệm, hằng ngày sống ở trong hang vọng tưởng, tự hào rằng đắc bực bất sanh bất diệt đó đặng không ? Không thể đặng. Vì lên đến bực Đẳng giác còn phải sám hối kia mà, huống là hạng phàm phu ư ? Vậy phàm là người có trí nên tự giác sát lấy.

3 pháp sám hối của Tiểu thừa

Ba pháp sám hối bực Đại thừa

Ba Pháp sám có sự và có lý

Tiểu thừa dù chỉ sự sám, cũng vừa gồm lý sám, như trong pháp thủ tướng sám, kỳ cho thấy được hào quang hoặc hoa, ắt phải tâm cùng tương ưng nhau với lý tức, tợ tức của thánh chân đế. Còn bực đại thừa ắt phải trọn tu cả ba pháp sám; có bực tối thượng căn, thì chỉ quán tướng pháp vô sanh, cũng chóng vượt lên bực Thánh đó là vì theo căn cơ hoặc lợi hay độn thôi.

Lại Tiểu thừa tuy chỉ sám bảy chi tội, mà với ba độc ắt cũng gồm sám luôn, do vì là trước để dẹp cái ý nghiệp, thì thân nghiệp, khẩu nghiệp mới có thể thanh tịnh được. Lại, với thủ tướng sám hối, cũng gồm cả lý sám đó là vì nương nơi lý để đẩy lên pháp quán.

Cốt lại, ba món sám pháp đều do nơi lý để dấy lên, vì lý hay thành sự, có sự sám tinh thành, thì lý sám mới tỏ rõ, lý sự viên dung, mới thực là chân sám hối.

Phân kiến hoặc có tám mươi tám sử

Tám mươi bốn phẩm tử hoặc

Chúng sanh ở Dục giới, cái “hoặc” rất thô; chúng sanh của sắc giới và vô sắc giới, theo mỗi chỗ (địa), “hoặc” của chúng dần dần nhỏ dần; nhứt đến chúng sanh ở cõi trời phi phi tưởng xứ, cái “hoặc” tuy rất nhỏ, nhưng mà với chín phẩm rõ ràng khá thấy. Nên ba giới chín địa, cộng có tám mươi một phẩm; cả phiên nào của tư hoặc dầu thô dầu tế cũng đều lấy cái sanh tử của ba giới, nếu đoạn hết tư hoặc ấy, thì dứt sạch sanh tử tam giới, chứng quả thánh A La hán.

Còn kiến hoặc là sự hiểu thấy mà đặng cái danh là dứt kiến hoặc, do chứng Sơ quả Tu đà hoàn, khi thấy chân lý mà đoạn được kiến hoặc. Tư hoặc là do tu mà đặng cái danh, bởi sau khi chứng Sơ quả, khi tu lại cái đạo lý chân đế, mà dần dần đoạn dần.

Lại, cố chấp lấy chỗ thấy biết của mình là kiến hoặc; điều yêu thương, điều nghĩ nhớ nó xãng nhiễm với nhau là tư hoặc.

Lại, tâm tưởng phơi phới lãng xãng thì thuộc về kiến hoặc ; điều yêu thương, điều nghĩ nhớ nó xãng nhiễm với nhau là tư hoặc. Tỷ như ngọn lửa nó hốt bay lên. Còn lãng xãng bột bay mà đấm mắc thì tức là tư hoặc. Tỷ như nước nó chìm xuống.

Đấm mắc : Là trú trước nơi lục trần : Như nhãn thức đấm mắc sắc trần, nhĩ thức đấm mắc thanh trần, tỷ thức đấm mắc hương trần, thiệt thức đấm mắc vị trần, thân thức đấm mắc xúc trần, và ý thức đấm mắc pháp trần, nghĩa là sáu căn dính mắc sáu trần, rồi ý thức chấp lấy làm tư duy tưởng niệm, hễ trần nào thuận thích thì ưa thường mến tiếc, trái lại là chán ghét thù nghịch.

Tam hoặc

Hai món sanh tử

Ba hoặc là cái nhân tạo nghiệp, hai tử (phận đoạn, biến dịch) là cái quả chịu khổ, nhân hoặc tạo nghiệp, do nghiệp cảm quả, hoặc là do một niệm vọng động thì mỗi niệm do cảnh mà mê, đã mê thì chỗ mà mỗi niệm động lên đó, nó đều thành ra các nghiệp thiện hay ác, đã có các nghiệp, ắt chịu lấy các quả khổ hay vui, thế nên trọn ngày vọng tưởng chẳng thôi, thì quả báo sanh tử vô cùng.

Đức Di Lặc nói : “trong một đờn chỉ, có 32 ức trăm ngàn niệm, cứ mỗi niệm thành mỗi hình, một hình chịu một quả, nếu dứt một niệm, thì thiếu một hình, từ đó dần dần, thanh tịnh khá hẹn được”.

Vã lại, cái hoặc nó có khinh có trọng, nên phân làm ba hoặc, để định ngôi thứ của Thánh và Phàm.

Số là với kiến tư hoặc, thì chiêu cảm lấy cái thân phận đoạn sanh tử trong ba giới; còn với trần sa hoặc; vô minh hoặc thì chiêu cảm lấy cái lấy cái thân biến dịch sanh tử ngoài ba giới.

Đoạn rồi hết kiến tư hoặc, thì chẳng còn chịu cái thân phận đoạn sanh tử, ra ngoài ba giới, đặc cái “lý thiên chân”, làm Thịnh văn thừa và Duyên giác thừa. Còn đoạn rồi trần sa hoặc là bực quyền thừa Bồ tát; đoạn từ phần vô minh hoặc là bực pháp tánh Bồ tát, đoạn sạch hết vô minh hoặc, thì làm vô thượng Phật quả.

Đời Tống nước Tây hạ, chùa Hộ quốc nhân vương, bộ Kim Cang, chức Pháp sư, tên Bất Động nhóm chép.

(tức là : Mông sơn cam lộ Pháp sư tác thí thực văn, cũng Ngài đó)

Tống : Chánh thống. Vua Thái Tổ họ Triệu, tên Khuôn Duẫn, người xuất thân nơi thành lạc Dương làm quan nhà Châu đến chức Quy đức quân tiết độ điện tiền đô điểm giản, về sau, nhân trận trần kiều việc binh biến chuyên, được các tướng sĩ đồng thôi tôn lên, bèn được nhà Châu nhường ngôi mà có cả thiên hạ, đóng đô nơi Biện lương, đó là triều Bắc Tống Truyền đến vua Khâm Tôn kể có chín xị quân chủ, mà hai vua là Huy Tôn, Khâm Tôn đều bị nước Liêu Kim bắt cầm về phía bắc, em Khâm Tôn là Khương Vương đến thành nam kinh tức vị là vua Cao Tôn. Vua Cao Tôn lại sợ giặc Kim dấy binh, nên chạy qua Lâm an dựng thủ đô, ấy là Triều Nam Tống, truyền được bảy chủ rồi mất nước.

Tây hạ : do từ ban đầu nhà Đường, phía Tây bắc biên hộ họ Thác bạc đến hàng phục, rớt nhà Đường ông Thác Bạc Tư Cung trấn nơi Hạ Châu, bình định được giặc Hoàng Sào nên có huân công, cho quốc tánh là họ lý, là chức Tiết độ sứ nơi châu Hạ châu Tuy, cháu con mỗi đời được noi theo tước hàm (như Công, Hầu, Bá, Tử, Nam), đến đời Thạch về sau, chưa hề vào triều ra mắt.

Mãi đến đời Tống Thái Tổ, ông Lý Kế Bông đem đất bốn châu : Hạ, Ngân, Tuy và Hiệu hiến cho nhà Tống, lại các anh em họ Tần oán giận, tình nguyện lưu lại ở luôn nơi Kinh sư của Tống, Thái Tổ ban cho quốc tánh là họ Triệu, tên Bảo Trung, cho làm sứ nơi năm châu là : Hạ, Tuy, Ngân, Hựu, Mật. Thuở vua Chân Tôn, em ông Bông là ông Kế Thiên đến hàng đầu, vua cho quốc tánh là Triệu Bảo Các, trao cho chức Ná Sát sứ Châu Ngân, Quán không được bao lâu, y lại làm phản; cháu nội của y là ông Nguơn Hạo là một tay rất khéo dụng binh, tự xưng Hoàng đế, quốc hiệu là Hạ, tức là Tây hạ.

Từ trước lại nay, hoặc lúc hàng đầu, có khi làm khăn không nhưt định, vua Tống Nhân Tôn dùng hai ông Hoàng Kỳ, Phạm Trọng Yên làm kinh lược từ đó bờ cõi đất Thiểm Tây mới được tạm yên, cứ mỗi năm ước định đem hai mươi lăm vạn kim để cầu hoà. Sau đến thời Vua Lý Tôn bị đại binh của Bắc triều diệt đi, nước Tây hạ bèn mất.

Chùa Hộ quốc nhân vương vị trí tại Hạ châu ; Bộ Kim Cang là một trong năm bộ Du Già (sẽ rõ biểu đồ tứ phương tứ Phật sau). Bất động là danh của Pháp sư, Sư nguyên là người bên Tây vực, có công tu pháp “Kim Cang bộ” rất thuần thực, và đem pháp ấy hoằng truyền ra.

Sau đã qua đến nước Hạ Châu (Tây hạ), được vị quốc chủ ở đây trọng đãi, thường tụng Kinh Hộ quốc nhân vương rất linh nghiệm, do vì có lòng hộ quốc hựu dân nên hạ chủ tặng biển ngạch chùa là Hộ quốc nhân vương tự.

Sư y theo Kinh tam thập ngũ Phật danh, và lễ Sám văn trước thêm năm mươi ba Phật, sau kế tiếp Phổ Hiền thập đại nguyện kệ, cộng thành một trăm lễ tám lạy, là để kỷ cho đoạn tất một trăm lễ tám điều phiền não. Văn Mông Sơn cũng do Sư nhóm chép ra.

Than ôi ! gần trăm năm lại và đến sau này nữa, các Chùa chiền am viện ở hải nội, đều tuân làm thường khoá, thế thì, với cái công huân hậu đức của Sư, há có thể ý nghĩ miệng bàn đặng ru ?

Đại từ đại bi thương chúng sanh

Đại hỷ đại xả giúp mọi loài

Tướng tốt rực rỡ để đẹp mình

Chúng con chăm lòng nghiêng mình lạy,

Đó là khen công đức thân tâm của chư Phật.

Hai câu trước : khen Phật tâm. Câu ba : Khen thân Phật.

Câu bốn cả chúng cúi lạy. Từ, Bi, Hỷ, Xả là bốn cái tâm không lường. Do bốn cái tâm đức ấy, thể nó đều giáp pháp giới, nên nói là Đại. Nghĩa là từ tâm của Phật tùy nơi căn có rộng ra thuyết pháp phổ thí phước vui Niết bàn. Nên nói là Đại từ, Phổ biến vượt cái khổ sanh tử, nên nói là Đại bi. Hễ là chúng sanh được sự hữu ích, thì Phật tùy hỷ vui mừng, nên nói là Đại hỷ. không ác nào chẳng bỏ, không thiện nào chẳng làm, nên nói là Đại xả.

Lại, Phật đủ ba duyên từ bi, nên nói đại từ đại bi. Tánh đã diệt sự mừng bỏ, mà đâu chẳng hỷ xả, nên nói là đại hỷ đại xả. Đề lớn của bốn tâm, lớn mà không còn chi lọt ra ngoài, với bề dọc thì tốt ba đời, với bề ngang thì giáp mười phương, nên nói là Tứ vô lượng tâm.

Mẫn (thương) : lân mẫn. Tế (giúp) : tế độ. Chúng sanh : các pháp (sự này vật nọ) hiệp lại với nhau để sống, thì gọi là chúng sanh, là nói : cái thân đây, nó từ nơi tinh cha huyết mẹ và nghiệp thức của mình, cả ba nhân duyên hoà hợp nhau mà sống. Lại là năm ấm mượn lẫn với nhau, ráp chung lại mà có ra cái thân, đã có thân đây, thì sanh diệt chẳng dừng, nên nói là chúng sanh (năm ấm rõ nơi bản đồ trong tâm Kinh).

Hàm thức (mọi loài) : giữa thế giới, từ trời đến người, dưới đến cầm thú, bò, bay, máy, cựa, phàm những loại hay cử động đó, đều hàm có hình thức (tánh biết), nên nói là Hàm thức.

Tướng hảo quang minh (tướng tốt rực rỡ) : Phật Ngài thị hiện ra hoặc : đại thân tướng, tiểu thân tướng, đều đủ uy đức quang minh. Tùy theo căn cơ mà hiện thân đủ có ba phẩm tướng hải ba phẩm tôn đặc.

Chí tâm (chăm lòng) : thống nhất một lòng thành. Quy mạng lễ (nghiêng mình lạy) : Ngài Bất Động Pháp Sư nhóm chép văn đây, nguyên

làm một trăm tám lạy, để tiêu biểu dứt một trăm tám điều phiền não, chớ phi như ngày nay các phương chỉ quỳ đọc mà thôi.

BA PHẨM TƯỞNG HẢI

BA PHẨM TÔN ĐẶC

Một trăm lẻ tám lạy

Lòng từ bi duyên ba cõi

---o0o---

NAM MÔ QUY Y KIM CANG THƯỢNG SƯ

Cung kính cúi lạy ngôi Kim Cang Thượng Sư.

Đó là lạy đức Giáo chủ Thầy cả ngôi Tam Bảo vô thượng.

Tiếng Phạn : Namah – Nam. Dịch : Kính lễ, độ ngã, Quy y. Nghĩa là lời của chúng sanh hướng về Phật, thốt tiếng chí tâm quy y tín thuận. còn chư Phật đối với chư Phật mà xưng là Namah (nam mô) đó, thì nghĩa là Kính bô: giựt mình sợ hãi ! Là nói : Với cái điều hiểm nạn sanh tử rất khá kinh sợ ! kíp phải cứu tế tất cả. Nam mô quy y là tiếng Hoa và Phạn hiệp chung lại để xưng.

Phản tà pháp là **QUY**, nương chánh đạo là **Y**, nghĩa là phản với điều sanh diệt, tà kiến của thế gian, y nơi vô thượng Tam Bảo của xuất thế gian, để cầu giải thoát.

Kim Cang Thượng Sư đó, là đức Tỳ Lô Giáo chủ, tức là ngôi Nhất thể Tam Bảo của tự tánh, làm đức Du Già Đại Bí Mật Giáo Chủ, vì ngôi Vô tận Tam Bảo do đây xuất sanh.

Lại, bốn phương bốn Phật, tất cả Thánh Hiền đều chẳng do trong tâm Tỳ lô Kim Cang đây để phát sinh ra.

Tiếng Phạn : Vairocana (Tỳ Lô Cha Na), dịch : Biến nhất thế xứ (khắp tất cả chỗ), tức là Pháp thân Phật. nghĩa là thể của pháp tánh rất thanh tịnh giáp tròn, vì là lấy pháp giới làm thân. Số là Pháp tánh có bốn giác thường chiếu, tức là “Tự tánh Phật bảo” ; Pháp tánh có vốn đủ các pháp, tức là “ Tự tánh pháp bảo”; bốn giác cùng các pháp viên dung không hai, tức là “Tự

tánh Tăng bảo”. Song nhất thể Tam Bảo đây, là vị Thượng Sư tôn của tất cả Hiền Thánh.

Tức như Kinh nói: “Pháp là Thầy của chư Phật”. Thực thế. Nay muốn cầu sám hối; ắt phải quy y trước đã.

Bốn phương bốn Phật

Tứ phương, tứ Phật, tức là nhứt tâm tứ trí, cả bốn trí đều do trong thể thanh tịnh pháp giới trí để lưu lộ ra, mà Kim Cang Thượng Sư tức là Trung phương Tỳ Lô Cha Na thanh tịnh pháp giới trí. Lại tên là pháp tánh, tánh toàn là Trí, trí khắp pháp giới, không pháp nào chẳng đủ, tất cả hiền, thánh, đâu chẳng quán xét pháp tánh đây để thành tựu. Kinh nói “Thầy của chư Phật là pháp đây”.

(Khoa Du già nói : Ta cùng pháp giới tất cả chúng sanh, từ nay bắt đầu kể đi, nhần đến trong thời gian chưa chứng Bồ đề, thệ nguyện quy y Kim Cang Tam Bảo).

QUY Y PHẬT, QUY Y PHÁP, QUY Y TĂNG

Đó là cúi lạy ngôi Biệt tướng Tam Bảo.

Ngôi “Nhất thể Tam Bảo” thì thuần là lý tánh; ngôi Biệt tướng Tam Bảo, là sự tướng. Danh tuy có ba, Tánh chỉ một thể, thể dù là một, mà dụng là phân thành Tam Bảo, vì đâu chẳng khắp ích cho chúng sanh.

PHẬT : Giác chiếu, với nghĩa phân có ba : 1. nếu hay giác chiếu được cái thể trống vắng nơi tâm mình, vẫn thanh tịnh, vẫn vô sanh, gọi là “giác tự” ; 2. Do tự giác đó, hay khiến chúng sanh giác hiểu tự tâm, gọi là “giác tha” ; 3. Tự tánh tròn tột, chúng sanh tròn độ, với hạnh thì tròn đầy, tuy vắng mà tròn soi, tuy soi mà tròn vắng, gọi là “giác mãn”. Với ba giác đã tròn, ấy gọi là Phật, tức là chư Phật ở thập phương thế giới.

PHÁP : Pháp tắc, cả thiện ác của ba giới, là pháp thế gian; lẽ vô sanh của Tam thừa ; là pháp xuất thế gian. Thể bình đẳng, tâm từ bi, là pháp của Phật giới, cốt lại : Pháp thập giới thập như nó bao quát hết cả, vì Phật thuyết ba tạng các Kinh, đều nói các pháp của thập như thị.

TĂNG : Hoà hợp, Tăng chúng nhóm hợp, hoặc nhiều hay ít, vì phải hành đạo hoà hiệp, tức như các Thánh : Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn và là người phạm đi xuất gia làm tu sĩ đó.

Đối với ngôi Biệt tướng Tam Bảo, người mà năng quy y đó, thì vẫn lia được khổ tam đồ, ắt đặng quả vô thượng Phật đạo

TAM GIÁC

TAM ĐỒ

Lý tức là tánh, sự tức là tướng, là chỗ bảo rằng 100 giới, 1.000 như, 3.000 tánh tướng, chỉ nói thể gian và xuất thể gian, thì đã bao quát hầu hết tất cả các pháp, đâu chẳng ở nơi một niệm hiện tiền của người nó thâm gồm hết. Một tâm niệm ấy, tức Tổ Thiên Thai gọi là cái cảnh chẳng nghĩ bàn, do vì không pháp nào nó chẳng đủ. Nếu người mà hay trở lại quán xét lấy một niệm ấy, mà với cái tâm năng quán, đương thể nó tức là không, tức là giả và tức là trung, với cái cảnh sở quán, đương thể nó tức chân, tức tục, và tức trung, mà với Phật địa vị ta có thể từ cấp tiến lên được.

Cái nhứt tâm hiện tiền, của chúng ta đây nó vốn đủ mười pháp giới, cái thể của mỗi giới lại đủ mười, mười lần mười là thành đặng 100 giới. Mỗi mỗi giới đủ mười như, 100 giới thì thành 1000 như, nên gọi là trăm giới nghìn như.

Lại, trải qua ba xứ là : Chúng sanh, ngũ âm, quốc độ, mỗi xứ đều 1000, như thế thì thành 3000 tánh tướng. Tánh là lý đủ 3000, tướng là sự tạo 3000 hợp lại đều ở nơi tâm một niệm hiện tiền của chúng ta vậy thôi.

Chúng ta nếu hay quán xét cái nhứt niệm hiện tiền đó, thì cái năng quán cái sở quán vẫn là nhứt như, pháp của Phật và pháp của chúng sanh đâu chẳng trọn đủ. Nên Tổ Thiên Thai làm pháp chỉ quán, phân mười thừa quán pháp : Pháp thứ nhứt tức quán xét một niệm đây nó là cảnh bất tư nghị.

Hỏi : Danh Nghĩa mười như như thế nào ?

Đáp : Kinh Pháp Hoa nói : “Tướng như thế, tánh như thế, thể như thế, lực như thế, tác như thế, nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, và bốn mặt cứu cánh cả thảy như vậy”, đó là nói về cái danh. Còn về nghĩa thì chú giải rằng : “Tướng” là do cứ bên ngoài xem mà có thể biện biệt; “tánh” là do cứ bên trong, tự phần nó chẳng đổi; chủ chất là “thể”; công

năng là “lực”; cấu tạo là “tác”; gây cái nhân là “nhân”; giúp cho nhân là “duyên”; gây cái quả là “quả”; trả cái quả là “Báo” : cái tướng ban đầu là “Bôn”, cái báo về sau là “mạt”, sự lý có chỗ về đến là “cứu cánh” v.v...Nhu thể mười như, mỗi giới lẫn đủ, nhĩn đến trọn ngày : một động, một tịnh, một sự, một vật gì, đâu chẳng đủ mười như ấy.

Vả lấy về giới của con người để so ra : Như hình tướng của người là “Tướng”, với tánh phận của nhân thân, chẳng thể đổi làm vật chi khác là “Tánh” : cái chất cốt nhục của nhân thân đó là “Thê”, người có cái dụng thiện ác đó là “Lực”, dấy tạo ra thiện hay ác đó là “Tác”, tạo thiện là gây cái nhân thiện, tạo ác là gây cái nhân ác, đó là “Nhân”, gây lành ắt cần duyên lành giúp nhau, gây dữ ắt cần duyên dữ giúp nhau, đó là “Duyên”, cái nhân gây lành ắt kết quả lành; cái nhân gây dữ kết quả dữ, đó là “Quả”, báo ấy, như chỗ ra làm của người đời : về loại lành nhiều lắm, loại dữ cũng nhiều, như con người : tướng giàu mỗi mỗi chẳng đồng, tướng sang mỗi mỗi chẳng đồng, tướng nghèo, tướng hèn cũng mỗi mỗi chẳng đồng, với quả dù đều gọi là người, mà với báo thì phân ra có tốt có xấu thượng hạ, đó là “Báo”, tướng người là cái “gốc” tạo nhân, chịu báo là cái “ngọn” với quả, cứu cánh quy thú : tức là cái tánh chất “Cang thường ngũ giới”, là cái lý nhân đạo chỗ về.

Đó là mười Như của Nhân giới, nói lên mười Như của Nhân giới, mà cả mười Như của chín giới (Phật, Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn, Thiên, Tu la, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh) kia đâu chẳng lẫn đủ, nhĩn đến nói lên một mảy sự chi cũng đều đủ mười Như. Bởi vì ngoài mười Như riêng không còn khá dạng một pháp nào nữa. Vậy nói lên mười giới mười Như đây, chỉ là đương một niệm của người mà thôi.

Thế nên Tổ Thiên Thai Đại Sư dạy người chỉ quán một niệm tức không, tức giả, tức trung, thì cả mười giới các pháp tánh tướng đâu chẳng đủ nếu hay từ đây tinh tiến thì thẳng tiến lên bực Thánh không ngờ nữa.

---o0o---

PHÁP QUÁN MƯỜI THỪA

- 1) Quán cảnh bất tư nghị - Tức một niệm hiện tiền, là cảnh màu sở quán.
- 2) Chính phát tâm bồ đề - Nương trên cảnh màu, để dấy cái thể nguyện lớn.

- 3) Thiện xảo an tâm chỉ quán – Khéo dùng pháp chỉ pháp quán, để an trụ lòng đạo.
- 4) Phá pháp khắp - Lấy ba pháp quán hay để phá khắp cả các pháp vọng mê.
- 5) Biết thông tắc – Sanh diệt pháp ác đó là bế tắc, vô sanh pháp lành đó là khai thông.
- 6) Đạo phẩm điều thích – Ba mươi bảy phẩm đạo phẩm để điều hoà cho định và huệ quân bình với nhau.
- 7) Đối trị giúp mở - Với chánh đạo khó phát triển, nên cần phải có trợ đạo.
- 8) Biết ngôi thứ - Biết được ngôi thứ của Thánh hiền, đừng khởi cái lỗi thượng mạn thôi lui.
- 9) Hãy an nhẫn - Gặp cảnh thuận nghịch, tâm chẳng động, có thể tiến lên bực Thánh.
- 10) Lìa pháp ái - Chớ chấp yêu pháp tương tợ, mới có thể tiến lên bực sơ trụ pháp tánh.

Đồng thể Tam Bảo

Ngôi Đồng thể cũng gọi là ngôi Nhứt thể, là cái pháp thân của Phật. Biệt tướng của ngôi Tam Bảo, là cái tướng của Báo thân Ứng thân của Phật. Song tánh tướng của chư Phật vốn là nhứt như, nguyên không hai ba, chỉ nhân vì căn cơ của chúng sanh có riêng biệt, nên đức Như Lai Ngài đối trong một thể mà phân ra ba thân, Đồng và Biệt ba Bảo để ứng cơ thuyết pháp. Tuy có Đồng thể và Biệt tướng, mà đâu chẳng tại trong tự tâm của chúng ta sẵn đủ cả. Thế thì, nay quy y đây tức là quy nơi đồng và biệt Tam Bảo trong tự tánh.

Con nay phát tâm sám hối đây, chẳng vì cầu cho mình sẽ hưởng phúc báo ở nhân gian và thiên thượng, hay là quả Thánh Thanh văn, Duyên giác, nhân đến các vị Bồ tát bên quyền thừa; mà duy chỉ nương nơi bực Tối thượng thừa, phát tâm bồ đề, để nguyện cùng pháp giới chúng sanh, đồng một thời đều đắc bực vô thượng chánh đẳng chánh giác. (Tức là đại đạo của

Phật quả ; viên giáo, bực Sơ trụ, Biệt giáo mới đầy đủ đặc đạo “vô thượng chánh đẳng biến chánh giác” đây.

Đây là phổ vị chúng sanh mà phát nguyện.

Con : Người bái sám chính tự mình xưng hô. **Phát tâm** : Dấy cái tâm tu chúng lên quả Phật vô thượng chánh đẳng biến chánh giác. **Bất vị tự cầu** : Phi như các thánh Nhị thừa chuyên vì tự cầu cho mình ra khỏi tam giới, mà là con nay khắp vì pháp giới chúng sanh một giờ đồng thành đạo Phật, **Nhân gian thiên thượng** : Nói trời và người là đã khắp trùm lục đạo, do lục đạo duy người và trời là hưởng phúc thắng hơn các đạo kia, nên riêng nói lên nhân gian thiên thượng. Song, các Trời còn có cái khổ năm suy tướng hiện, nhân đến trời Phi phi tướng ở trên đánh thượng giới, sống rất lâu tám vạn đại kiếp, đến khi hưởng hết phúc còn đọa làm thân con chồn có cánh biết bay (là ông Uất Đầu Lam Phát đó), hưởng chi loài người và Tu La, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục ư !?

Bởi vì chúng sanh ở Địa ngục, chịu các khổ : lửa đốt, giá lạnh v.v... không một giờ tạm ngừng, chúng sanh ở trong Ngạ quỷ cả trăm ngàn muôn kiếp, chẳng hề nghe đến cái tên nước cháo, thường chịu những khổ đói khát ! chúng sanh trong loại Bàn sanh, thường chịu mọi khổ giứt mình sợ hãi vì bị ăn tươi nuốt sống lẫn nhau ! các Thần A tu la thường chịu cái khổ ưa chiến đấu bị chặt tay chặt chân. Chúng sanh giữa nhân đạo, thì thường chịu mọi điều thống khổ : sanh lão bệnh tử ưu bi phiền não.

Ví dầu tu chúng đến các Thánh : Thanh văn, Duyên giác, đã ra khỏi ba giới, hết sanh tử phiền não, nhưng còn sa trệ nơi Niết bàn không tịch, không thể ra nơi cảnh giả để độ sanh.

Dầu là bực quyền thừa Bồ tát, đã phát khởi cái đại tâm phổ hoá chúng sanh, nhưng còn có cái vô minh hoặc chưa phá được, thì chưa phải cứu cánh.

Con nay phát tâm bái sám đây, hẳn có chút công đức nào bằng mây lông hột bụi, cũng phổ nguyện các pháp giới chúng sanh một giờ đồng đắc đạo Phật tam miệu tam bồ đề, đến sau đó mới thôi.

Cung kính cúi lạy mười phương tốt cõi hư không tất cả chư Phật.

Cung kính cúi lạy mười phương tốt cõi hư không tất cả tôn pháp

Cung kính cúi lạy mười phương tột cõi hư không tất cả Hiền Thánh Tăng.

Đây là quy y các ngôi Tam Bảo nhiều đến vô cùng vô tận.

Mười phương : Đông, Nam, Tây, Bắc, bốn góc và thượng phương, hạ phương.

Như từ phương Đông thẳng đi với hư không chẳng khá hết, thế giới chẳng khá hết, một thế giới là một đức Phật, thì với chư Phật chẳng khá hết, mà với pháp bảo và Tăng bảo cũng chẳng khá hết. Đó là kể một phương đông, còn chín phương kia cũng như thế.

Thế thì với : Mười phương hư không, và ngôi Tam Bảo nữa có thể cùng tận ru !

Tất cả : Là lời khắp gồm. Con nay vận cái tâm làm pháp quán tưởng quy y tất cả vô tận ngôi Tam Bảo, để cầu cho ta với chúng mau thành quả vô thượng bồ đề.

Chín bởi, với “Tự tánh chân không” trong ngàn vắng lặng, lại bỗng mê mờ đi là mà ra cái ngoan không mù tối; với tự tánh mỗi sự viên dung, lại bỗng mê mờ đi làm ra cái thế giới phân cách khác lạ nhau ! Nếu hay giác ngộ trở lại, thì hiện tiền một niệm đó, vốn là tinh minh tức là nghĩa vô tận chư Phật ; hiện tiền một niệm đó, thế nó vốn trống vắng tức là nghĩa vô biên hư không: hiện tiền một niệm đó nó đủ các sự công đức, tức là nghĩa viên dung thế giới.

Ngài Trí Giả Đại Sư nói : “Thoạt vậy một niệm, tức đủ pháp mười giới mười như, ngoài một niệm ra không còn những gì bằng một sợi tóc sợi lông nữa”.

Chúng ta hiện tiền phát cái tâm quảng đại, để khắp lạy vô tận pháp giới Tam Bảo, thì với vô tận pháp giới, và vô lượng Tam Bảo, chỉ ở trong “Nhứt niệm tâm” không thiếu không dư. Như thế quán tâm lạy tụng, thì nghiệp đời trước hoàn toàn tiêu diệt, tỷ như nước sôi đổ vào khối nước đá.

Kính lạy các đức Như Lai đủ cả mười hiệu : Ứng cúng, chánh biến tri, Minh hành túc, thiện thế, thế gian giải, vô thượng sĩ, điều ngự trượng phu, thiên nhơn sư, Phật, Thế tôn.

Đó là xưng dương đánh lễ mười hiệu của chư Phật (88 vị Phật).

Mười hiệu là phổ thông, vì mỗi đức Phật đều đủ có cả, nên xưng trước nhưt.

Như lai : Tánh của Pháp thân, thể vẫn chẳng động gọi là Như; bi trí hiện ra thân, hào quang, diệu dụng khắp soi, gọi là Lai (tức Ứng thân và Báo thân).

Pháp thân như cõi hư không, thanh tịnh vốn sẵn, không lại không đi; bi trí như mặt nhật, sáng suốt khắp soi, đâu chẳng khắp giáp. Chúng sanh tuy thấy Phật có cái tướng ứng thân, và báo thân mà chưa thấy được pháp thân, vì pháp thân thuần và lý, hẵn không hình tướng, thường vẫn trong vắng sáng và vắng không hai, tức gọi là Như lai.

Với ba thân : Pháp, Báo, Ứng đã rõ ở Nhị thời cúng dường nghi, và Kinh Di Đà cũng có biểu đồ.

Ứng cúng, Ứng : Chịu. Các bậc Thánh bậc Nhị thừa mới đoạn được phiền não của kiến hoặc, tư hoặc, thoát liễu cái thân phân đoạn sanh tử, thì chỉ chịu (ứng) người và trời cúng dường, nên gọi là “Bán ứng cúng”. Đức Như Lai đã dứt trọn ba hoặc (kiến hoặc; tư hoặc; vô minh hoặc), trừ hẵn hai biên sanh tử (phận đoạn và biến dịch), muôn đức trọn thành, phúc huệ đầy đủ, khắp chịu (Ứng) chín cõi cúng dường, nên gọi “toàn ứng cúng”.

Chánh biến tri. Chánh : Trung đạo. Biến : Không có hai bên. Tri : Viên dung ba trí. Vì Phật đối với hai bên, trung đạo chẳng chẳng rõ biết. bởi chúng sanh trong sáu ngã đều chấp trước nơi bên có; các Thánh trong Nhị thừa sa trệ nơi bên không; Bồ tát bèn quyền thừa, trụ nơi “chỉ trung lý tánh”, các vị pháp tánh Bồ tát, sáng lạn từ phần “tròn trung lý tánh”, bậc Diệu Phật quả thì, với hai bên chẳng chấp trước, với trung đạo chẳng an trụ, rảo rớt không chỗ nào chẳng dung hoà, thế là viên dung ba đế cả.

Minh hành túc, Minh : tức là tam minh, nghĩa là thiên nhãn minh, thì thấy biết được cả đời hiện tại. Túc mạng minh thì thấy biết cả đời quá khứ. Lộ tận minh thì thấy biết cả đời vị lai. Hành : tức lục độ, bởi Phật từ vô lượng kiếp tu sáu độ, muôn hạnh, công chứng đến tròn tột, ba minh rỗng suốt.

Thiện thế, Thiện : khéo. Thế : Qua. Nghĩa là Phật Ngài dùng cái chánh trí phá hết ba hoặc, khéo ra nói thế gian mà thành quả Phật, đã thành Phật quả, tuy lại cõi này hoá hiện thân ra, mà chẳng còn bị nhiễm nói nơi sanh tử.

thế gian giải, thế gian : Là các pháp hữu lậu, xuất thế gian là các pháp vô lậu, mà những pháp ấy, trí của Phật đâu chẳng hiểu rõ sáng suốt.

Vô thượng sĩ : Với chín pháp giới, không một ai có thể cùng sánh vai với Phật, vì Phật là bậc độc nhất vô tỷ, mà lại hay phổ biến ứng hiện cả chín giới kia.

điều ngự trượng phu : Đối với chúng sanh có tánh nhu nhược, Phật ngài điều hoà khiến được đồng tiền; với kẻ có cái tánh cương cứng, Phật ngài ngự trị uốn nắn khiến cho khiêm thuận, tức là đại trượng phu điều ngự chúng sanh. Lại, thân của Phật đủ cả tướng tốt vi diệu, nên nói là Trượng phu. Trong kinh thi, lời chú rằng : Vả có cái đức phó tướng, mà có thể nương tựa, gọi là trượng phu. Phó : Sư phó ; phó tướng đều là nghĩa giúp : Dem đức nghĩa ra giúp cho chúng được nương tựa. Vậy biết : Trượng phu là bậc Sư phó.

Thiên nhân sư : Phật làm vị Đạo Sư của thiên nhân lẫn nhân gian lại, với chúng sanh ở bốn ác đạo thì khó tế độ, vì chúng bị nghiệp báo làm chướng ngại; với chúng sanh ở thiên đạo, nhân đạo thì dễ hoá độ, nên gọi là thiên nhân sư, vì tối hậu thân thì ở cung Trời Đâu suất để độ các trời giáng sanh xuống Ấn độ để giáo hoá chúng nhân, Phật nào cũng thế.

Phật, cự dịch tắt gọi là Phật ; tân dịch đủ gọi là Phật Đà. Tiếng Phạn là Buddha (Phật Đà), dịch là giác giả, hoặc Tri giả, Giác có hai nghĩa : giác sát và giác ngộ. Giác sát phiền não, chẳng cho nó làm hại tâm thân, tỷ như người đời giác tri kẻ làm giặc, đề mà phòng, nên gọi là giác sát, ấy gọi là nhất thế trí. Giác tri sự lý của các pháp, lâu lâu phân rành, tỷ như hết mê mộng đã thức, gọi là giác ngộ, thế gọi là nhứt thế chủng trí. Dù có ba giác, như biểu đồ trước đã rõ. Nghĩa là hay phổ giác chúng sanh, để về nơi chân giác.

Mười hiệu Phật phổ thông

Bộ Thành Luận, thì lấy hiệu vô thượng sĩ và hiệu Điều ngự nhập chung làm một hiệu; Phật, Thế Tôn làm hai hiệu. vì rằng ngôi rất không trên, trọn hay điều phục chúng sanh. Còn bộ Đại luận, thì đem vô thượng sĩ điều ngự phân ra làm hai hiệu, Phật thế tôn nhập chung lại làm một hiệu. Vì rằng Thế Tôn là tổng hiệu do đủ mười hiệu trên, thì thế xuất thế gian mới xưng là độc tôn.

Mười hiệu đây là hiệu phổ thông của chư Phật, vì Phật nào cũng đồng xưng thế. Còn như hiệu Di Đà hiệu Thích Ca v.v... là hiệu riêng của chư Phật, vì mỗi đức Phật danh đều khác.

Từ đây sắp xuống, chính là lễ bái 89 đức Phật (vì thêm đức A Di Đà, thành số tám mươi chín Phật), phân làm ba phần : 1/53 Phật, 2/35 Phật, 3/một đức A Di Đà Phật.

Với số 53 Phật, Kinh Quán Dược Vương Dược thượng nhị Bồ tát nói : Bấy giờ ông Dược thượng Bồ tát làm hành giả xưng nói đời quá khứ, danh hiệu của 53 Phật, thưa với chúng rằng “các pháp tử ! đời quá khứ có Phật tên là Phổ quang, kế có Phật tên là Phổ Minh, kế có Phật tên là Phổ Tịnh v.v... nhân đến kế có Phật tên Nhất Thế Pháp Tràng Mãn Vương”. Ông Dược Thượng Bồ tát thuyết kể danh hiệu của 53 đức Phật về đời quá khứ rồi, lặng thinh ngồi định.

Bấy giờ ông Dược Thượng liền từ trong định, đặng thấy bảy đức Phật Thế Tôn từ quá khứ. Đức thứ nhất là Tỳ bà Thi Phật khen rằng : “hay thay hay thay ! Thiện Nam Tử (Dược thượng) ! Người tuyên nói 53 Phật danh, bèn là về quá khứ lâu xa, các Ngài vẫn lớp cũ đã ở tại cõi ta bà này, từng giáo hoá cho chúng sanh được thành thực, mà các Ngài đã vào cõi Niết bàn rồi. Thế có Thiện nam tín nữ và bao chúng sanh khác, được nghe danh đức của 53 Phật đây, thì người ấy suốt trăm nghìn muôn ức kiếp số A Tăng Kỳ, chẳng đoạ xuống ba ác đạo. Hoặc lại có người xưng niệm danh hiệu của 53 đức Phật đây, thì người ấy luôn luôn mỗi đời sanh ra chỗ nào cũng thường đặng gặp mười phương chư Phật. hoặc có người năng chí tâm kính lạy 53 đức Phật đây, dứt được tội tứ trọng, ngũ nghịch và tội chê bai pháp phương đặng, thấy đều thanh tịnh. Vì là vốn lời thệ nguyện của chư Phật đây. Nên người lễ kính, trong mỗi niệm liền đặng trừ diệt các tội như đã nói trên”.

Kể với Phật trước là đức Thi Khí, đức Tỳ Xá Phù, đức Câu Lưu Tôn, đức Câu Na Hàm Mưu Ni, đức Ca Diếp, các đức Như lai trên đây, tiếp tục

nhau, cũng vẫn tán dương 53 đức Phật như thế, và cũng khen rằng : Thiện nam Tín Nữ nào, năng nghe được danh đức của 53 Phật đây, và năng xưng niệm danh hiệu, và năng kính lễ nữa, năng trừ diệt tội chướng, cũng như trên đã nói.

Bấy giờ đức Thích Ca Mâu Ni Phật bảo đại chúng rằng : “Với vô số kiếp về trước, ta vẫn từng ở nơi đời Mạt pháp của Đức Phật Diệu Quang, ta xuất gia hành đạo, được nghe danh hiệu của 53 đức Phật, nghe rồi hoan hỷ chấp tay, dạy cho người khác đồng nghe và giữ làm, người khác nghe rồi, lại đi lần lượt truyền trao cho kẻ nhau, từ một đến nhiều, cứ mãi như thế, đến người số 3.000 khác miệng đồng tiếng, xưng niệm lễ bái 53 hiệu Phật, do nhân duyên công đức đó, liền siêu rồi được vô số kiếp sanh tử trọng tội, đã thành một 1.000 Phật ở đời quá khứ, đời hiện tại 1.000 Phật và đời vị lai một nghìn đức Phật, thực thế. Ma ta là Thích Ca Thế Tôn đây, với trong 1.000 Phật đời hiện tại, làm vị Phật thứ 4 này”.

Với hiện tại kiếp 1.000 Phật ra đời, đã rõ nơi kiếp đồ trong Di Đà Kinh.

Ba ngàn đức Phật

Lại, hật bảo Bửu Tích rằng : “Nguyên chư Phật hiện tại trong mười phương, như đức Thiện Đức Như Lai v.v...cũng đã từng nghe danh đức của 53 Phật, nên với mười phương phía nay các ngài đều đã thành Phật rồi đó”.

Chính chỗ gọi rằng : thà ở chỗ chịu tất cả khổ, mà đắc nghe danh của chư Phật, chứ chẳng chịu ở chỗ hưởng tất cả vui, mà chẳng đặng nghe danh Phật.

nếu có chúng sanh : Muốn đặng dứt trừ 4 tội trọng dâm (sát, đạo, dâm, vọng), muốn đặng sám hối tội ngũ nghịch thập ác, muốn đặng trừ diệt cái tội cực trọng là không căn do gì mà sanh tâm huỷ báng chánh pháp, mấy người ấy phải kính lạy 7 đức Phật, lạy phải kính lạy 53 đức Phật, nhiên hậu khắp lại vô lượng tất cả chư Phật ở 10 phương, luôn ngày đêm 6 giờ, lòng tưởng rành rẽ, tỷ như nước chảy không gì trở ngại, để hành lễ pháp sám hối, lễ cơ cảm lẫn nhau, tội lỗi dứt trừ.

Phật Danh Kinh nói : Cả 3.000 Phật nguyên xưa nhân lạy 53 Phật, dứt trừ hết tội lỗi đã chứa chất nhiều kiếp, mà đắc thành chánh giác đó.

1. **Kính lạy đức Phổ Quang Phật** : Hoá thân hàng trăm ngàn ức, ánh trí huệ khắp chiếu.

2. **Kính lạy đức Phổ Minh Phật** : Báo thân tròn đầy, đuốc tuệ khắp sáng.

3. **Kính lạy đức Phổ Tịnh Phật** : Pháp thân khắp giáp hư không, xưa nay vẫn thường thanh tịnh.

4. **Kính lạy đức Đa Ma La Bát Chiên Đàn Hương Phật** : Đa Ma La Bát, dịch: ly cầu, là tên núi ngư đầu. chiêm đàn, dịch : dữ được. nghĩa là năng trừ các bệnh, dụ phận đủ các đức, hương màu khắp xông, chúng sanh được ly cầu thanh tịnh, Ly cầu : lìa dơ, dữ được : cho thuốc.

5. *Kính lạy đức Chiên Đàn Quang Phật* : giới hương thanh tịnh, ánh sáng tròn đầy.

6. *Kính lạy đức Ma Ni Tràng Phật* : Ma Ni là ngọc báu như ý ; Tràng : Phan phương, là nghĩa cao sáng. lại là nghĩa tối tà phụ chánh. dụ đức của đức Phật tỷ ngọc Như ý treo trên cao, xô pháp tà xuống, nêu pháp chánh cao lên.

7. *Kính lạy đức Hoan Hỷ Tạng Ma Ni Bửu Tích Phật* : Kho pháp vô tận, khiến chúng vui mừng ! nhóm trí như ý, khắp độ bầy mê.

8. *Kính lạy đức Nhất Thế gian nhạo kiến thượng đại tinh tấn Phật* : hết thấy thế gian ưa cầu thấy Phật, tinh tiến bậc thượng đại, thì chóng thành đạo Phật.

9. *Kính lạy đức Ma Ni Tràng Đẳng Quang Phật* : Ngọc Như Ý ánh đèn, là rõ hai trí : thực trí để chiếu lý tánh; quyền trí để chiếu căn cơ.

10. *Kính lạy đức Huệ Cự Chiếu Phật* : hừng đuốc lửa huệ, để chiếu phá vô minh phiền não.

11. *Kính lạy đức Hải Đức Quang Minh Phật* : đức lớn rộng sâu tỷ như biển cả, ánh từ sáng tỏ soi xét không cùng.

12. *Kính lạy đức Kim Cang Lao Cường Phổ tán kim quang Phật* : chất kim cương cứng rắn mà phục tia sáng, đức trí huệ chắc bền mà khắp chiếu xem.

13. *Kính lạy đức Đại Cường Tinh tiến đồng mãnh Phật* : giáp khắp nói là đại; mười lực nói là cường; trọn một nói là tinh ; chẳng lui nói là tiến :

dõng : chẳng khiếp ; Mãnh : Sấn đến trước, tu nhân đã tròn, Phật trí riêng chiếu, đại phá quần mê.

14. *Kính lạy đức Đại bi quang Phật* : lòng bi thương giáp khắp là đại, ánh sáng toả tròn đầy là quang.

15. *Kính lạy đức Từ Lực vương Phật* : chữ Vương nghĩa là tự tại ; sức từ vô duyên (bất trụ) khắp dạy thông thoả.

16. *Kính lạy đức Từ Tạng Phật* : kho báu từ bi, nói pháp chẳng cùng chẳng tận.

17. *Kính lạy đức Chiên đàn khốt trang nghiêm thắng Phật* : thân Phật cả tám vạn bốn nghìn lỗ lông, đều rỉ rã ra mùi hương màu chiên đàn, khắp xong cả pháp giới để làm trang nghiêm cái khốt pháp thân.

18. *Kính lạy đức Hiền thiện thủ Phật* : Đức Như Lai là bậc hiền tài vô thượng, cả hay vượt lên đánh mười pháp giới, làm nhà thầy đứng đầu cả chúng.

19. *Kính lạy đức Thiện ý Phật* : Nhớ cả chúng sanh dường như chư con đỏ, ý lành nói pháp, đều đặng lợi ích.

20. *Kính lạy đức Quảng Trang nghiêm vương Phật*: Rộng tu giới, định, huệ, để trang nghiêm thân Phật quả.

21. *Kính lạy đức Kim hoa quang Phật* : Kim dụ tịnh quả, hoa dụ tu nhân, nhân bền quả tịnh, sáng rọi không lường.

22. *Kính lạy đức Bửu Cái chiếu không tự tại lực vương Phật* : Cái bửu cái bằng tâm từ bi, khắp che cõi hư không : lấy cái sức tự tại, làm chúa mười giới.

23. *Kính lạy đức Hư không Bửu Hoa Quang Phật* : pháp thân thanh tịnh, dường như hư không, ánh trí sáng vẻ, như lọng hoa báu.

24. *Kính lạy đức Lưu Ly Trang Nghiêm Vương Phật* : Lưu ly dịch : ngọc báu sắc xanh, thân của Phật trang nghiêm thanh tịnh trong suốt như báu, trong ngoài ngời sạch, bóng dáng tự tại hiển hiện.

25. *Kính lạy đức Phổ Hiện sắc thân quang Phật* : Khắp trong pháp giới, tùy cơ hiện thân, phóng quang, như Kinh Hoa Nghiêm nói : Thân đầy nhầy nơi pháp giới, khắp hiện trước tất cả quần sanh, sáng tròn khắp chiếu cả mười phương thị hiện mỗi mỗi chỗ làm việc.

26. *Kính lạy đức Bất Động Trí Quang Phật* : Trí căn bản chẳng động, nên ha khắp phóng ánh trí sai biệt.

27. *Kính lạy đức Hàng Phục chúng ma vương Phật* : Phật ngài dùng cái sức trí vô lậu để chiến thắng các Ma, đã chịu giáo hoá rồi, đắc pháp tự tại.

28. *Kính lạy đức Tài Quang Minh Phật* : đem cái biện tài trí huệ vô ngại, để độ quần mê, và phá các phiền não.

29. *Kính lạy đức Trí Huệ Thắng Phật* : đem cái thắng lực trí huệ, khiến các chúng sanh, phá cả ba hoặc phiền não.

30. *Kính lạy đức Di Lặc Tiên quang Phật* : Di Lặc dịch : Từ Thị, Tiên : nghĩa như chữ giác. Đem cái hào quang đại từ trí giác, để phổ chiếu chúng sanh lia hết các khổ mê mờ.

31. *Kính lạy đức Thiện Tịch Nguyệt Âm Diệu tôn Trí vương Phật* : Phật tánh lặng mà thường soi, soi mà nói pháp, công đức rất màu, được cả chúng suy tôn, trí như trăng sáng lớn, khắp phá vô minh hoặc.

32. *Kính lạy đức Thế Tịnh Quang Phật* : Với thế gian của Phật đạo, đã tịnh mà quang rồi, khiến cho thế gian của chúng sanh, cũng sạch mà sáng.

33. *Kính lạy đức Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật* : Long Chủng tức là trí chủng, rồng hay nổi mây xuống mưa Phật thường hiện thân thuyết pháp, làm đấng Vô thượng tự tại độ sanh.

34. *Kính lạy đức Nhật Nguyệt Quang Phật* : Phật thi giác như Nhật, Phật bản giác như Nguyệt, thi giác soi tột, bản giác mở rõ, bản thi hiệp một, sáng như mặt trời, mặt trăng.

35. *Kính lạy đức Nhật Nguyệt Châu Quang Phật* : ánh như thể trí như Nhật quang, ánh đạo chủng trí như Nguyệt quang, ánh đạo chủng trí như Nguyệt quang, ánh như thể chủng trí như minh châu, ba trí tròn suốt, sáng lẫn không ngăn.

36. *Kính lạy đức Huệ Tràng Thắng Vương Phật* : Trí huệ như cây phương cao, chiến thắng phá tan Tà ma ngoại đạo mà đắc tự tại lợi sanh.

37. *Kính lạy đức Sư tử Hâu tự tại lực vương Phật* : Sư tử là chúa trăm loài thú, một khi nó rống lên, thì bách thú bạt đầu; Như lai nói pháp, chúng tà ma ngoại đạo đều kinh nép, nên đắc tự tại.

38. *Kính lạy đức Diệu âm Thắng Phật* : Tiếng của Như lai đủ tám giọng, không phải ở gần nghe lớn, mà ở xa nghe nhỏ, mà xa gần gì cũng đều nghe đồng một cỡ.

39. *Kính lạy đức Thường Quang Tràng Phật* : Dựng cây pháp tràng lớn rực rỡ thường chói.

40. *Kính lạy đức quan Thế Đẳng Phật* : Ba trí xét soi, làm đèn sáng cho thế gian.

41. *Kính lạy đức Huệ Uy Đẳng Vương Phật* : Lời huệ biện vô ngại, uy vang mười phương, đèn pháp tròn soi, dung thông tự tại.

42. *Kính lạy đức Pháp Thắng Vương Phật* : Kinh nói Ta làm Pháp vương, đối muôn pháp đều được tự tại.

43. *Kính lạy đức Tu Di quang Phật* : Tu Di, dịch : Diệu cao, do bốn chất báu hợp thành là diệu ; vượt khỏi các núi là cao. Là núi chúa lớn nhất, sáng chói soi xa. Tiêu biểu Phật có bốn trí phục sáng vô cùng.

44. *Kính lạy đức Tu Ma Na Hoa quang Phật* : Tu Ma Na Hoa, dịch xúng ý, hoa màu xăng vàng trắng, thơm và sáng đưa xa; tiêu biểu Phật có tâm hương phục sáng, đâu chẳng vừa ý chúng sanh.

45. *Kính lạy đức Ưu đàm Bác La Hoa Thù Thắng Vương Phật* : Ưu đàm Ba La Hoa, dịch Bông Linh Thoai, ba ngàn năm, mới trở một kỳ, là tiêu biểu Luân vương ra đời, đến kỳ Phật ra thế gian còn lâu hoa ấy, nói là thù thắng.

46. *Kính lạy đức Đại Huệ lực vương Phật* : do sức đại trí huệ tự tại thuyết kinh.

47. *Kính lay đức đức A Súc Tỳ Hoan Hỷ Quang Phật* : A Súc Tỳ, dịch : bất động, dùng cái trí quang bất động, khắp khiến chúng sanh trên miền đại địa đều được vui mừng !

48. *Kính lay đức vô lượng âm thanh vương Phật* : Phật dùng thốt ra vô lượng âm thanh, mỗi mỗi tiếng tăm lại diễn ra vô lượng lời nói.

49. *Kính lay đức Tài Quang Phật* : biện tài thuyết pháp, phóng quang chiếu cơ.

50. *Kính lay đức Kim Hải quang Phật* : thân Phật sắc vàng, trong ngoài thấy suốt, ảnh hiện ra mười phương y báo chánh báo, như gương ảnh biển phục sáng lộ nhô muôn tượng đâu chẳng hiện rõ.

51. *Kính lay đức Sơn hải Huệ tự tại thông vương Phật* : ánh huệ rực rỡ, dường núi phục thăm, phương tiện, rộng nhiều như biển không cùng, là nói : với trí huệ thuyết pháp suốt thông thông thoả.

52. *Kính lay đức Đại thông quang Phật* : pháp lớn dung thông, hào quang khắp soi.

53. *Kính lay đức Nhật thế Pháp Tràng Mãn vương Phật* : Hiệu cờ phát của chư Phật thảy đều viên mãn, hoá thân ứng cơ, khắp hay tự tại.

Với tam thập ngũ Phật, trong đại Bửu Tích bộ quyết định Tỳ Ni kinh nói : ông Xá Lợi phát bạch Phật rằng : “Đức Thế Tôn ! các vị Bồ tát đây với tham sân si chẳng sợ ư ? Phật dạy : “Xá Lợi Phát ! tất cả Bồ tát, có hai điều phạm giới, những gì là hai ? 1. Sân tướng phải phạm, 2. Si tướng phải phạm, với hai điều phạm như thế, gọi là đại phá giới.

Xá Lợi Phát ! nhân lòng tham mà phạm đó, là vì nó quá ư vi tế, nên khó thể tả lìa ! nhân lòng sân mà phạm đó, là vì nó quá ư thô trọng nên dễ xả lìa ! nhân lòng si mà phạm đó là vì nó quá ư trọng lại càng khó xả lìa.

sở dĩ là sao ? Cái điều tham kiết nó hay làm hột giống cho các hữu (hai mươi lăm hữu), với đường sanh tử nó tàn lan kéo dài giữ liền chẳng dứt, do nghĩa đó nên khó đoạn được vì thể nó quá ư vi tế.

Nhân điều sân mà phạm đó, thì đoạ nơi ác thú, nhưng có thể mau đoạn được. nhân điều si mà phạm đó, sẽ vào trong tâm sở địa ngục lớn, nên khó thể mà giải thoát đặng.

Xá Lợi Phất ! nếu các Bồ tát gây nên năm điều tội, nơi ngục vô gián, mà phạm các tội khác nữa, thì Bồ tát ấy cần phải đối trước ba mươi lăm vị Phật, luôn ngày đêm ở chỗ riêng một mình lo sốt sắng sám hối.

Kinh Bửu Tích chép : tất cả chúng sanh, nếu có phạm ngũ nghịch và thập ác, mà trong luật chẳng cho sám hối đó, dẫn đến muôn kiếp, thì ở đây, cần phải đảnh lễ ba mươi lăm vị Phật, chăm lòng sám hối, liền đặng trừ diệt tất cả tội chướng.

1. Kính lạy đức Thích Ca Mưu Ni Phật : Thích Ca dịch : năng nhân, ứng hoá ba giới, rộng độ chúng sanh, vì không trụ nơi cảnh vui niết bàn. Mưu ni dịch : tịch mặc, cái thực trí soi lý vắng lặng thanh tịnh, vì chẳng bị nơi cảnh khổ sanh tử

2. Kính lạy đức Kim Cang Bất Hoại Phật : Trí huệ kiên cố như chất kim cang bất hoại, mà lại hay phá hoại, đượ tất cả vật khác.

3. Kính lạy đức Bửu Quang Phật : Trí quang ngời sạch chiếu suốt không cùng.

4. Kính lạy đức Long Tôn Vương Phật : Rồng hay lên xuống biến hiện, Phật hay tùy cơ ứng hoá.

5. Kính lạy đức Tinh tiên quân Phật : như làm đại pháp tướng, hàng phục các Ma oán, như ba quân mãnh lực tinh tiến, hay đẩy lui oán địch.

6. Kính lạy đức Tinh tiên hỷ Phật : Do vì tinh tiến làm việc tự lợi lợi tha, công tròn chứng tột, khắp đặng hoan hỷ.

7. Kính lạy đức Bửu Hoả Phật : Dùng lửa trí bửu để đốt cháy hết rừng phiền não sanh tử của tự và tha.

8. Kính lạy đức Bửu Nguyệt Quang Phật : Trăng báu tròn sạch, sáng suốt pháp giới.

9. Kính lạy đức Hiện Vô Ngu Phật : Hiện ra cái đức tướng trí huệ, vẫn không cái ngu ba hoặc.

10. Kính lạy đức Bửu Nguyệt Phật : trăng báu dạo đi trên hư không, ánh trí chiếu nơi pháp giới.

11. Kính lạy đức Vô Cấu Phật : chân thể riêng bày nay thanh tịnh.
12. Kính lạy đức Ly Cấu Phật: Vỡ lia cái nhơ phiền não, thường được cái sạch chân như.
13. Kính lạy đức Đồng Thí Phật : Mạnh dạng ra bố thí tài và pháp để rộng đường giáo hoá chúng sanh.
14. Kính lạy đức Thanh tịnh Phật : Cái thực tướng thanh tịnh xưa nay vẫn giáp tròn.
15. Kính lạy đức Thanh Tịnh Thí Phật : Thí pháp thanh tịnh ba luân thể không, khắp khiến chúng sanh, đều đến địa vị Phật.
16. Kính lạy đức Ta Lưu Na Phật : Ta Lưu Na, dịch : nước cam lộ, là thuốc trường sanh bất tử, Phật pháp khiến chúng sanh vẫn vào địa vị vô sanh.
17. Kính lạy đức Thủy Thiên Phật : Nước lỏng chiếu trời trên, trời dưới, lòng tin lễ Phật và chúng sanh.
18. Kính lạy đức Kiên Đức Phật : Trì đức bền chắc hoá độ vô biên.
19. Kính lạy đức Chiên đàn Công đức Phật : Pháp thân có mùi hương công đức, khắp huân vào nơi chúng sanh.
20. Kính lạy đức Vô lượng Cúc Quang Phật : Cúc là lột, đức Như Lai tướng tốt, lột ra ánh sáng trùng trùng vô tận.
21. Kính lạy đức Quang đức Phật : ánh từ khắp ích, ơn đức không hết.
22. Kính lạy đức Vô ưu đức Phật : Chứng đại niết bàn, vỡ lia ưu não, tự chứng công đức, khắp giáp không cùng.
23. Kính lạy đức Na La Diên Phật :Na La Diên dịch : kiên cố, thân Phật kiên cố, dường như kim cương, không chi phá hoại.
24. Kính lạy đức Công đức Hoa Phật : Nhân tu vạn thiện công đức như hoa mở, quả chứng ba đức chân như dường kết trái.
25. Kính lạy đức Liên Hoa quang Du Hí Thần Thông Phật : Hoa sen nở trải sáng vẽ khắp nơi, phép thần đạo chơi ứng hoá ba giới.

26. Kính lạy đức Tài công đức Phật : Công đức thí pháp thí tài, khắp giúp vô cùng.

27. Kính lạy đức Đức Niệm Phật : Đức từ khắp nhuần, niềm bi chẳng nghĩ.

28. Kính lạy đức Thiện danh xung công đức Phật : công đức diệu thiện tiếng đồn khắp nghe.

29. Kính lạy đức Hồng Diệm Đế Tràng vương Phật : Hồng Diệm tức là cái ánh của cây phượng bằng ngọc Xích châu trong cung của Thiên đế, tia ngọc xạ lẫn nhau, để tỷ dụ hào quang của Phật khắp suốt.

30. Kính lạy đức Thiện Du Bộ Công đức Phật : Đức Như lai bước đi đường voi chúa, phàm có đạo bước xứng khéo công đức, khắp đến mười phương, ứng hoá vô lượng.

31. Kính lạy đức Đâu Chiến Thắng Phật : Phật có đủ tể trị, cung thiên, kiểm huệ, nên bốn Ma và bọn ngoại đạo nghe đến đều phải kính phục.

32. Kính lạy đức Thiện Du Bộ Phật: Sức thần tức thông của Phật không cần đến cái tướng khứ lai, mà chóng khắp mười phương để phổ hoá chúng sanh.

33. Kính lạy đức Châu Táp Trang Nghiêm công đức Phật : Công đức trang nghiêm giáp khắp mười phương, hoá hoá chẳng dứt, lợi ích vô lượng.

34. Kính lạy đức Bửu Hoa Du bộ Phật : Dưới đáy bàn chơn của Phật có cái tướng tốt như vòng tròn bánh xe một ngàn bức, bước đi có hoa báu đỡ chơn, đạo khắp mười phương.

35. Kính lạy đức Bửu Liên Hoa Thiện Trụ Ta La Thọ Vương Phật : Ta la, dịch : Tối thắng, và kiên cố, làm chúa loại cây, là một cây chỗ Như lai thành đạo, nên xưng là Vương.

Hiệp với chư Phật trước, cộng thành 88 vị Phật.

Hỏi : Đức hiệu của chư Phật đâu chẳng lẫn đủ lẫn gồm, như thập phương hư không, khắp ngậm pháp giới, cũng như một ngàn ngọn đèn, mỗi ngọn đèn lẫn khắp với nhau, kinh Pháp Hoa nói : “Ta dùng Phật nhãn xem các người tin căn tánh có lợi, có độn, tùy theo chỗ nên đọ, mỗi chỗ ta tự nói

danh tự chẳng đồng, tuổi tác hoặc lớn hay nhỏ”. Thế mà ông nay lại tùy theo văn thích nghĩa ra đó, há không cái lỗi đặng một sót muôn ư ?

Đáp : Tuy không thể giải thích, cũng có kẻ từ nơi lược thích mà hiểu được tròn đủ, hoặc có người do nơi lược thích đây mà dần tiến vào cửa đạo, nên nay phương tiện giải thích ra.

Vả chẳng, danh hiệu của chư Phật, không có nhất định, nghĩa là hoặc có Phật y nơi họ mà thành lập ra danh hiệu, như đức Thích Ca, đức Di Lặc v.v.... hoặc có Phật theo nơi chữ để thành lập danh xưng như đức Vô Cấu đức Ly Cấu v.v... hoặc có Phật do nơi y báo để thành lập ra danh hiệu, như đức A Súc Bệ v.v... Hoặc có Phật do nơi chánh báo để thành lập ra danh hiệu như Phổ Quang v.v.... hoặc riêng dùng nơi Dụ để lập danh nơi pháp để lập danh ; hoặc dùng luôn nơi pháp dụ để lập danh, nơi pháp để lập danh; hoặc dùng luôn nơi pháp dụ hiệp lại để lập danh v.v... hoặc dùng nơi nhân, nơi quả để xưng danh, hoặc dùng luôn nhân quả hiệp lại để xưng danh. hoặc có Phật thì dùng luôn cả hạnh nguyện để lập danh v.v... Như thế đâu chẳng tùy nơi Cơ để lập danh, danh dù đều khác, mà nghĩa thực trọn gồm.

Sách Pháp Uyển nói : Thích Ca, dịch : Năng nhân, há có một đức Phật nào khác lại phi năng nhân ư ? A Di Đà : Rằng Vô Lượng Thọ, há có một Phật nào khác lại phi trường thọ ư ? Chỉ lấy hợp nơi có thuyết pháp, tùy nơi đời kiến lập, thì danh hiệu của chư Phật lẽ đều đồng nhau cả.

Kinh Hoa Nghiêm chép : mười phương các Đức Như Lai đồng chung một pháp thân, một tâm, một trí tuệ, một thập lực, một tứ vô úy, cũng thế.

Kinh Lăng Già biên : cả thầy chư Phật với bốn điều này đều đồng bực nhau : 1) Với tự đồng bực, như mười hiệu của chư Phật. 2) Lời nói đồng bực, như lời nói có sáu mươi bốn thứ giọng tiếng Phạm. 3) Thân đồng bực, như pháp thân và sắc thân. 4) Pháp đồng bực, như chánh đạo phẩm, trợ đạo phẩm.

So lại nghĩa của hai Kinh đã dẫn trên đó, thì danh đức của tám mươi chín đức Phật : số một số nhiều dung khắp, Phật kia Phật đây gồm lẫn với nhau, một Phật tức thông tất cả Phật, thích một nghĩa tức là rõ vô lượng nghĩa, thế có nào thêm bớt chẳng viên dung ru ?

89) Kính lạy đức Pháp giới Tạng Thân A Di Đà Phật.

Xâu kết hai phần nghĩa của Phật danh trước để quy về đức A Di Đà.

Quán Kinh nói : “Thân pháp giới của chư Phật Như lai, vào trong tâm tưởng của tất cả chúng sanh” Nay pháp thân của A Di Đà Phật đây, nó (pháp thân) bao trùm cả mười phương vi trần sát độ, thế là cái kho thân pháp giới vô tận công đức vậy.

với 88 Phật sau thêm A Di Đà Phật đó, là từ trước đến đây, các công đức lay Phật, đều kết về cõi nước Cực lạc, phải vậy. chĩn bởi đức A Di Đà Phật có bốn mươi tám nguyện rộng sâu, nên một mình ngài thắng hơn hết cũng cơ duyên của chúng sanh ở cõi ta bà này số là những chỗ người ta ra làm được công đức gì nếu quy nhưt đặng đó, thì cái đại đạo dễ thành tựu, thế nên người mà ra làm việc Phật đó, đều do đức Di Đà làm chỗ kết quy là chĩn có lý do thế.

Đối với lý đó, Sư Thư Ngọc giải có bốn ý nghĩa : 1) Với danh hiệu A Di Đà Phật, khi mà một tiếng xưng lay, hay diệt được tội nặngđường sanh tử từ tám mươi ức kiếp, vì ngũ nghịch tam đồ thấy đều siêu thoát. 2) Đức Di Đà tuy ở tây phương mà vẫn cũng cõi thuyề đại nguyện đến độ cõi ta bà, vì mười niệm còn được vãng sanh thay. 3) Từ thành Phật nhẫn lại đến nay đã mười kiếp, vì hiện giờ vẫn đưng thuyết pháp, để phổ độ chúng sanh mười phương. 4) đức Thích Tôn cùng với các đức Như Lai ở mười phương đồng tán thán đức A Di Đà. Vì có bốn ý nghĩa đó, nên thêm danh hiệu đức Vô lượng Thọ là thế. 89 đức Phật đã rồi. dưới đây là phát lộ sám hối.

Như thế tám mươi chín đức Phật; lại gồm cả mười phương, hết thấy thế giới như vi trần, các đức Thế Tôn nhiều cũng Vô lượng, các Ngài thường trú nơi thế gian, thường phóng hào quang, hằng độ chúng sanh, cúi xin các đức Thế Tôn đây phải thương nhớ chúng con.

Đó là ngựa cầu chư Phật duỗi lòng từ thương nhớ. với chư Phật ở tất cả thế giới, đó là khắp bề ngang, thường trú ở đời; đó là tội bề dọc. Số là, pháp thân của chư Phật, thường trú giáp khắp, ánh từ quang xưa nay thường soi. ngật vì chúng sanh lấy nghiệp tự ngăn, trọn ngày thường ở trong thân Phật, mà không thấy được Phật ! Tỷ như kẻ tối mắt, ở dưới ánh sáng của mặt nhật, mà chẳng thấy được màu sắc. bởi vì bị vọng tưởng chấp trước, sa đắm nơi đường mê đã lâu rồi mà chẳng biết lối ra ! Nay hân hạnh gặp giáo lý của Phật, phải cầu thỉnh chư Phật ở đời để dung thứ cho ta sám hối.

Hoặc con từ đời này, hoặc con từ đời trước, từ vô thĩ sanh tử lại nay có làm các tội; Hoặc tự làm hoặc sai người làm, hoặc thấy người làm mà mình vui mừng theo.

Đó là chung phát lộ đời trước đời này những chỗ tạo tác các tội lỗi.

tiền sanh lại còn đời trước đời trước nữa, đời đời không hết, nên nói là từ đời vô thủy (không đầu, là chẳng biết từ đâu là đầu, vì luân hồi nhiều kiếp quá), như thế kiếp số nhiều như vi trần, mỗi đời tạo tác tội nhiều không ngàn mé, luôn cả đời nay những chỗ gây tội hoặc nhớ hoặc quên, nay đối trước Phật, tận tình thổ lộ cầu xin sám hối.

với chỗ mà nói là các tội đó : Chúng tại gia thì các tội mười ác, năm nghịch, tội lớn tội nhỏ ; chúng xuất gia thì các tội của tánh giới, cha giới, khinh giới, trọng giới.

Mình làm : Chính tự thân mình ra làm tội. Sai người làm: chỉ bảo kẻ khác làm tội. thấy người làm mà mình vui mừng theo : Do thấy kẻ khác làm tội, hoặc nghe người làm tội mà mình ưa thích theo sanh quan niệm hoan hỷ, khuyến khen thúc đẩy, cách này, thế nạn để giúp thành việc làm tội.

hoặc là : tự làm, thì thuộc thân tội, dạy làm, là thuộc về khẩu tội, theo mừng là thuộc về ý tội. Rút lại mà nói, thì tự làm dạy làm, mừng làm, mỗi mỗi đều lẫn gồm cả ba nghiệp thân, khẩu và ý. Nên nay đối trước chư Phật, hết lòng kể bày không mấy giấu che.

Tánh cha khinh trọng

Phạm tánh giới tội trọng

Tánh : Quyết định, lại là nghĩa chẳng khá đối, nghĩa là bốn trọng giới : Sát, đạo, dâm vọng nó làm căn bản cho các giới khác. bất luận chịu ưa hay chẳng chịu ưa, hễ phạm đến thì hiện tại đời chịu cái nạn của pháp luật nước nhà, khi chết rồi đọa vào tam đồ, không cải hay cứu gì được, phải đợi chịu khổ đến hết rồi, tội mới tiêu diệt. với giới đây, khi Phật chưa ra đời, mà chúng sanh đã tự có sẵn, nên không luận tăng tục, nhưng tăng mà phạm đến, thì lại thêm có cái tội trái lời Phật cấm.

Phạm cha giới tội khinh

Vì là chỗ Phật ngăn cấm, sau khi phạm có thể sám hối, nhưng sau khi sám rồi, chẳng đặng tái phạm. như giới từu trong năm giới, sáu giới, sau trong mười giới của Sa di, các giới Tăng tàn trong giới Tỳ kheo, sáu giới sau trong mười trọng của phạm võng, và các giới bốn mươi tám khinh, đều là những điều do Phật cấm (cha).

Đối với của ngôi Pháp, ngôi Tăng, bốn phương tăng nếu mình lấy, dạy người lấy thấy lấy tùy hi.

Đây là riêng phát lộ những tội từ trước, hoặc đời nay, lấy tài vật gì của ngôi Tam Bảo.

Nói ngôi tháp, thì kiêm có luôn cả các ngôi : Tự, miếu, am viện. Tiếng phạn Stupa, hoặc nói Tuý chữ Ba, dịch: Mả vuông, dịch là : Mộ tròn, Linh Miếu. trong Kinh A Hàm ghi rõ bốn chỗ dựng tháp, nghĩa là chỗ Phật giáng sanh, chỗ chuyên pháp luân, chỗ nhập niết bàn, bốn chỗ đó đều nhân nêu rõ đức của Phật, và phụng thờ Xá lợi của Phật, nên dựng ngôi tháp, lại Tự, Viện, miếu, am và tháp của chư Tổ, đều là chỗ phụng thờ ngôi Tam Bảo, chỉ nên cúng dường, chẳng nên lấy một phân, một hào gì cả.

Ngôi Tăng là các đức Thầy trong hàng : Tam sư, Thất chứng Trú trì, Thầy tế độ, Thầy y chỉ, và đức Thầy mà ta thụ nghiệp, quý Thầy ấy đều là đáng làm Sư Phạm cho người, ta chỉ nên cúng dường, chớ không nên trộm lấy sự vật chi của các đấng ấy.

Vật của tứ phương Tăng, là : tài vật của các nhà Tăng từ tứ phương đem lại, hoặc tài vật của nhà Thí chủ đã cúng cho các nhà Tăng ở bốn phương. số là có hai nghĩa tứ phương : 1/ Chỉ cho Tăng chúng còn hiện tiền nơi mười phương; 2/ Hoặc quá khứ hay vị lai mà có ảnh hưởng đến tăng chúng nơi tứ phương, do vì tài vật của chiêu đề thường trú thể nó rất tốt cả ba đời cũng chỉ nên cúng, chớ chẳng nên lấy những gì bằng một mảy lông.

Trong Phương đẳng Kinh, ông Hoa Tu Bồ tát nói : “với những tội ngũ nghịch thập ác, ta cũng có thể cứu được, chỉ với cái tội trộm lấy tài vật của tăng chúng, thì ta chẳng thể cứu đặng!”.

Kinh Bửu Lương chép : “Thà tự ăn lấy thịt trong thân thể của mình, chớ không nên trộm lấy tài vật của Tam Bảo”.

Luận Trí độ nói : “Kẻ trộm dầu đèn của Phật sẽ đoạ vào địa ngục hắc ám, sau hết tội địa ngục, đầu thai làm người đui mắt; kẻ trộm hương của Phật, phải đoạ địa ngục nê lê, kiếp sau làm người hôi dơ; kẻ trộm tràng phan về làm áo, kiếp sau mắc báo bị thứ ghê độc ác thường chảy nang huyết”.

Thiếu Sơn Quỳnh Thiên Sư nói : “Phàm của cái trong Chùa ít nhứt là : một gói trà, một hột gạo, một phân một ly, đều là của thí chủ vì cầu phúc

đức, nên đem đến cúng chùa, nếu ta có được thí cho, cũng nên đem cúng ngôi Tam Bảo, đầu đặng riêng dùng”.

Đạo thế Pháp Sư nói : “nếu kẻ nào lấy tài vật của Chùa, để đem riêng cho nơi nhà người bạch y xài dùng, thì bị Long thiên bát bộ giận trách, cả kẻ cho người dùng đều mắc tội lỗi”.

Sách Cao Phong di sự chép : “Ngài Ngưỡng Sơn Vi Thiên Sư, bẻ một mọt măng của Chùa, sau nhập định, thấy mọt măng hiện trước mặt, phải lo bồi thường và sám hối, cái hiện tướng mới diệt”.

Sách Bửu giám chép : “Chùa núi Vân cái, Ngài Ngung Thiên sư làm chức giữ núi, nhân vì lấy tiền trai tăng đem làm Tăng đường, sau khi thác, Ngài Tân trú trì, là Trí thiên sư, nửa đêm đương ngôi thoát nghe mùi lửa cháy, kẻ thấy ông Ngung mang cái gông bằng lửa, nói đủ lại chuyện trước, năn nỉ yêu cầu bán Tăng đường, để lấy tiền thiết lễ trai phạn cúng chúng, mới có thể thoát khổ báo, Ngài Trí Hiền Thiên Sư y lời lập đàn trai tăng đêm đó thấy ông Ngung đến tạ ơn”.

Ngài Tứ Vân sám chủ nói : “Thử xưa, tại phủ Hàng Châu (tỉnh ly Chiết Giang) vị hoá chủ Vân lô tháp, nhân vì đem tiền gạch mà mua ngôi, nên sau khi thác, đạo làm con cá ở Tây hồ suốt 500 năm.

đời Đường, niên hiệu Hưng ngưng năm thứ nhất (784, giáp Tỳ, Vua Đức Tôn), xứ Hoài Tây Lộ, phủ thọ châu, huyện An phong, có kẻ dân họ Mao, vợ y là họ Châu, sanh một đứa con hình tướng rất quái, vì đầu trâu, chơn lừa, tai voi, vi cá ! cha mẹ toan muốn đem trần nước chết cho rồi. Bé liền thốt tiếng người nói : con đây nguyên đời trước không tin nhân quả, từng ở chùa Khai Ngươn, phủ Lư Châu, có mượn 500 quan tiền và hai cây vải gai của thường trụ (chùa) để xài dùng, những vẫn để thiếu chịu chớ không trả, nên nay tội trừng phạt đây. Cúi mong Cha mẹ nhận nuôi, đợi lớn đưa đến chùa để con trả nợ. nhân đó, phải nuôi nấng đến 7 tuổi, đưa đến Chùa ở, hàng ngày quét đất để trả nợ trước thường thường cứ tự đánh vào thân mình, mà hô rằng : trả nợ ! do vì lại trái (trả nợ), nên thời nhân gọi là : Mao Lại Trái. Vua Đức Tôn ngự chế bài tụng rằng :

Kham ta Mao Trái dị nhân lưu,

Phụ khiêm tăng tiền nghiệp báo thù

Lưỡng phiên ngư tai liên tượng nhĩ,

Nhứt song lư cước đối trư đầu.

Tiền sanh tạo ác tâm vô quỷ

Kim nhứt chiêu ương khổ vị hư.

Vị báo hậu hiền quân tử đạo.

Tăng tiền bất khả thiện tham cầu.

TẠM DỊCH

Xiết than Mao Trái lạ hình người !

Vì mắc nợ chùa nghiệp trả lui :

Vì cá tai voi đều cả cặp

Chon lờ, đầu lợn chiếc va đôi.

Thuở xưa gây ác lòng không thẹn

Hiện kiếp mang ương khổ chẳng thôi

ngỏ với lớp sau; Tăng chúng đạo.

Tiền Chùa xài mượn đậy gương soi.

Mười đức Thầy trên giới đàn

Bốn thứ thường trụ

Tứ phương tăng cúng

Tam tộ Tịnh giới

Bảy điều phi

Giới số năm chúng

Đối với tội ngũ nghịch vô gián : hoặc mình làm, hoặc dạy người làm, hoặc thấy người làm mà mình vui theo.

Đây là riêng phát lộ từ xưa đến nay đã gây tội nặng nơi Vô gián.

Ngũ vô gián tức là địa ngục lớn A tỳ. làm những điều ngũ nghịch, thất nghịch là cái nhân tội Vô gián, sau đọa xuống Địa ngục A tỳ là cái quả tội Vô gián, như : giết Cha, giết mẹ, giết A La hán, phá hoà hiệp Tăng, làm thân Phật ra máu, đó là năm nghịch; lại thêm giết hoà thượng, giết A xà lê, tức gọi là bảy điều nghịch.

Nghịch : Phản nghịch, sô là giữa cõi đời, cái ân đức rất lớn là duy có cha mẹ, nên Kinh nói : “Thương thương : Cha, Mẹ sanh ta khó nhọc, muốn trả đức ấy, như trời cao chẳng tội !” Do vì mười tháng cưu mang, ba năm bú sù, nuôi nâng nên người. kẻ làm con, lẽ phải : với mùa đông làm sao cho cha mẹ được ấm, mùa hạ làm cho được mát mẻ, sự hiếu dưỡng có phương pháp, như thế trọn đời, còn chẳng xiết trả đặng thay ! mà nay trở lại nghịch mạ, lại thâm chí làm điều giết hại, thế thì trời đất nào dung được nữa ! lẽ tất nhiên, sau phải đọa vào Địa ngục vô gián, chẳng đợi nói nữa !

A la hán, đã dứt hết phiền não, của kiến hoặc, tư hoặc, siêu ra ngoài tam giới sanh tử, đáng được thụ lãnh sự cúng dường của người và trời, để làm ruộng phước cho thế gian, vì người và trời nếu cúng kính cúng dường sẽ đắc phúc vô lượng. thế mà nay lại làm phản giết hại đó, quyết đọa Vô gián.

Tăng chúng đương hoà hợp đồng làm cái đạo pháp nhiệm mầu, mà có người ác nghịch nào, hoặc đem điều phi pháp ngoài đời đến để làm lụy cho chúng Tăng, khiến cho đạo pháp bất thành, hoặc mắng, chê làm cho trong chúng lìa cách, không còn hoà hợp nữa, đến đổi thôi bỏ sự hành đạo, chúng phải giải tán, thế thì kẻ ác quyết đọa vào Vô gián.

Phật xuất hiện ra cõi đời, để hoá độ vô lượng chúng sanh, để làm ngọn đèn tam giới, để làm từ phụ cả bốn loài, đối với Phật, người vô duyên muôn kiếp cũng khó gặp ! Lẽ ra chúng ta phải hướng về Phật để cầu tu học vô thượng; nay lại phản nghịch, huỷ báng, thậm chí làm cho thân Phật ra máu (sau khi Phật nhập diệt, làm những điều : huỷ đồ tượng của Phật, đập phá tượng đồng, và huỷ tượng Thánh, phá hoại chùa tháp v.v... đều đồng là tội xuất Phật thân huyết), người ấy sau khi mạng chung, vĩnh kiếp đọa mãi ở ngục vô gián nơi mười phương thế giới !

Hoà thượng dịch : Lục sanh, do vì lấy sức trí tuệ, khiến người sanh trưởng cái đạo chánh diệu A xà lê dịch : Quý phạm Sư, do vì năng làm khuôn phép cho kẻ hậu học, nên noi gương bắt chước. lại dịch : chánh hạnh,

do vì hay uốn ngay đẽ tử, đẽ trực tâm, trực hành theo. Đây có năm phần A xà lê.

Số là, sanh thành thân ta là Cha Mẹ; dạy ta khôn biết là thầy bạn; cha mẹ dùng tình ái đẽ sanh thành ta, đó là cái ân hữu hạn ở thế gian, thầy bạn vì đạo Thánh nên dạy ta, đó là cái ân vô hạn, thành Phật ngoài thế gian. dẫu đến đầu đội trọn đời, còn chẳng hết ân đợc, nay lại phản nghịch sát hại, thì ắt là vĩnh đọa Vô gián.

1) Thú Quả Vô gián : Thú : tức là đén, nghĩa là các chúng hữu tình, bất luận là nam nữ, lão ấu quới tiện, và Trời Rồng quý thần, hễ đã gây tội nghiệp cảm đén, thì thấy đều đồng chịu vào ngục vô gián.

2) Thụ khổ vô gián : Nghĩa là các chúng hữu tình, đỏi với các ngục : cây gươm, núi đao, vạc dầu sôi, lò lửa than, nước đồng nhựa sắt, chịu đủ mọi điều tội khổ, không cho thôi nghỉ.

3) Thời vô gián, nghĩa : các hữu tình đọa xuống địa ngục này, trải qua vĩnh kiếp, chịu tội hành luôn luôn không giờ nào xãng hờ thôi nghỉ.

4) Mạng vô gián là chúng sanh đọa vào địa ngục này từ giờ mới vào cho đén trăm nghìn muôn kiếp, một ngày một đêm, muôn lần chết muôn lần sanh, mãi mãi không ngày hện ra.

5) Hình vô gián, là chu vi ngục này, bề ngang bề dọc đều rộng là tám vạn bốn nghìn dặm, tất cả chúng sanh ở trong đó chịu khổ, một người tự thấy mình bị hành tội đầy nhẫy trong chu vi ấy, mà nhiều người cũng mỗi mỗi đều tự thấy bị hành tội đầy nhẫy như thế.

Năm vị A xà lê

1. Xuất gia A xà lê : đức thế độ Bốn sư và trao cho mười giới Sa di.
2. Yết ma A xà lê : Khi thụ giới Cụ túc, vị đương đàn đứng ra làm phép bạch tứ yết ma.
3. Giáo Thụ A xà lê : Khi thụ giới Cụ túc, vị mà ở chỗ vắng hỏi các điều vắn nạn dạy khiến lên đàn khất giới và dạy những điều uy nghi.
4. Y chỉ A xà lê : Các vị chủ trì ở các phương làm chỗ cho người y chỉ, nhần đén cho ta y chỉ ít nhứt là một đêm đó.

5. Giáo độc A xà lê : Các vị dạy Kinh, giải nghĩa, giảng kinh, nhấn đến dạy cho ta ít nhất là một bài kệ 4 câu v.v....

A xà lê : dịch Quỷ phạm sư : Thầy óc cái quỷ tác ra khỏi thế gian, có thể làm sư phạm cho chúng sanh. Xưa nói : “ Với Phật pháp mà nếu không ai nói, dù ta có huệ cũng không thể tự rõ đặng, nên muốn xuất thế học tu, thì phải trước do nơi Thầy A xà lê mới được”.

Với mười điều chẳng lành : hoặc mình làm, hoặc dạy người làm, hoặc thấy kẻ khác làm mình ưa vui theo.

Đó là riêng phát lộ từ về xưa đã gây mười điều ác.

Vã chẳng, làm điều trái lẽ thì nó gồm thâu ở trong mười sự bất thiện tức là thập ác. Trái lại thập thiện, thì có những trường hợp dứt dữ làm lành chẳng đồng nhau : hoặc chạm cảnh sanh tâm, buông lung cái tình hoặc ấy, thì thân khẩu ý tức thành mười điều chẳng lành. nếu vừa gặp cảnh liền ăn năn xét lại, thuận theo lẽ sáng biết thành thật, thì thân, khẩu, ý tức là mười lành.

Song, thiện ác đều do nơi tâm mà phát khởi, nên tâm hành mười thiện, thì cảm đặng quả về ba đường thiện là Trời, người và thần A tu la; còn tâm hành mười ác, thì cảm lấy ba ác đạo là địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

Kinh chánh pháp niệm nói : “Mười điều bất thiện đây, là cái nhân của địa ngục; vậy với thập thiện đạo, chúng ta cần phải học tu, thì với ác thú kia, chúng ta vẫn không đoạ lạc đến”.

Thập ác

Dứt ác

Làm mười điều ác là cái nghiệp nhân sẽ đoạ xuống ba đường dữ là địa ngục ngạ quỷ bàng sanh; hành mười điều thiện là cái nghiệp nhân sẽ lên ba đường lành là trời, người, thần A tu la.

Dứt ác, tức là không tạo ác nữa, mà cũng chẳng hành thiện, đây chỉ gọi là cái nghiệp nhân của nhơn đạo mà thôi.

Lại có thể : đã chẳng sát sanh mà lại phóng sanh, chẳng trộm cắp còn làm bố thí, chẳng dâm ô mà làm tịnh hạnh, chẳng nói dối, mà nói chân thật,

chẳng nói lời thêu dệt, mà nói lời chắc ngay, chẳng nói lời miệng lưỡi đôi chiều, mà nói lời giải hoà dứt tranh chấp, chẳng nói lời thô ác, mà nói lời nhu nhuyễn, ý chẳng tham lam, và tu pháp quán bất tịnh, ý chẳng sân hận mà tu pháp quán từ bi, ý chẳng ngu si mà tu pháp quán nhân duyên. Nói tóm : đã dứt thập ác mà hành thập thiện, đó là nhân để siêu lên 6 cõi trời dục.

Ngũ nghịch, thập ác, ngũ giới thập thiện đều phân ba phẩm

Với chỗ làm tội chướng : hoặc có che giấu, hoặc chẳng che giấu.

Đây là chung bày tỏ cái hoặc chướng của ba tội (một tự làm, hai dạy người làm, ba thấy làm vui theo) trước hoặc che chẳng che.

Trên kia nói chỗ ra làm các nghiệp: hoặc e mình mất tài lợi danh dự đi, nên che giấu mà chẳng phát lộ ra ; hoặc muốn vạch bày cái ác của người khác, để rõ điều ngay của mình, nên với chỗ làm đều tỏ bày mà không che giấu. hoặc với lỗi lớn thì che, lỗi nhỏ thì tỏ bày. hoặc ban đầu che mà sau lại tỏ bày, hoặc trước tỏ bày mà sau lại che. Hoặc can đảm nhỏ khiếm nhược mà che, hoặc can đảm lớn can cường mà tỏ bày.

Hễ có ra làm ác mà che đó là tội lớn, chẳng che đó là tội nhỏ. Như một cái nghiệp sát đã là trọng rồi, nếu mà giấu che đi, thì lại thêm cái tội có giấu che nữa.

Thế nên đối trước ngôi Tam Bảo và trước mặt chúng nhân, phải trực tâm thổ lộ hết ra, không mảy giấu che, mới có thể cho sám hối.

Duy thức nói : “Kẻ giấu tội, sau ắt ăn năn buồn, vì chẳng được an ổn”. Kinh Lăng Nghiêm chép : “người nay muốn nghiên cứu đạo vô thượng Bồ đề để phát minh chân tánh, thì phải trực tâm trả lời những chỗ ta hỏi, người phải biết, các đức Như Lai xưa, nguyên đều lấy cái trực tâm mà đắc thành đạo”.

Phải đoạ : địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, bao nhiêu ác thú khác, chốn biên địa, dòng hạ tiện, và những kẻ miệt lệ xa.

Đây là chung kể bày nơi vẫn trước về chỗ tạo hoặc nghiệp, phải theo cái nghiệp thế nào mà rước lấy cái quả báo thế nấy.

Hai chữ “phải đoạ”, nghĩa nó suốt ngay xuống đến câu “miệt lệ xa”. Là nói : vẫn trên rằng chỗ tạo ác nghiệp, thì lẽ tất nhiên phải tùy cái nghiệp đó

hoặc khinh hay trọng mà phải lãnh cái quả báo đọa ở nơi ác thú ấy, nên từ địa ngục sắp xuống bảy câu đó, là những chỗ chịu quả báo đấy.

Địa ngục :dưới quả đại địa, cách năm trăm dặm có các địa ngục lớn là tám sở ngục lạnh, tám sở ngục nóng (sẽ có biểu đồ ở văn Mông Sơn sau).

Ngục Vô gián ở lớp đáy của tám ngục nóng, chúng sanh ở ngục đây này bị lửa nghiệp đốt cháy tung bùng, không giờ nào được tạm nghỉ, tội hành cứ chết đi sống mãi, chỉ kể một ngày một đêm đã có muôn lần tử muôn lần sanh, nên gọi là vô gián. Còn bảy lớp ngục trên, gọi là hữu gián, vì là hoặc được có chút khi đình việc hành tội khổ.

Mỗi ngục có bốn cửa, đều có mười sáu sở du tăng (dạo thêm, là tội nhân đọa vào sở đó thì khổ lại càng thêm), khổ không thể nói ! Bực nghịch ác thượng phẩm, hễ tội trọng thì sanh vào ngục vô gián, còn tội khinh thì sanh vào ngục hữu gián.

Tội báo của nga quý : thường ở bên nước, mà chỉ thấy toàn là lửa, hoặc có khi thấy được nước, nhưng vừa muốn uống thì nước nó liền hoá ra lửa đốt cháy cả thân thể ! như thế chịu khổ đói khát đốt cháy mãi mãi !

Bực nghịch ác hạ phẩm phải đọa, thì phân làm ba phẩm chín loại (xin xem biểu đồ ở văn Mông Sơn).

Súc sanh, cũng gọi là bàng sanh, vì thân hình nó đi day ngang xương sống, nên gọi là Bàng. Chúng ăn tươi nuốt sống lẫn nhau, thường chịu cái khổ kinh bố. dưới nước, trên bờ trên không cả ba chỗ đều có chúng ở. Các ác thú khác là chỉ cho các chỗ A tu la ở.

Chốn biên địa, là chỗ của các giống dân thiểu số ở như là : Đông di, Tây Nhung, Nam Man, Bắc Địch, những chỗ đất ruộng muối, giống Khương, giống Hồ, bên biển ngoài góc cùng, mấy hòn hoang đảo.

Giữa nước nhà là những nơi trung tâm thủ đô thành thị, vì trước tiên có nhiều Thánh hiền ra đời giáo hoá, có lễ nhạc, văn nhã, là những nước có chánh giáo rạch rỡ tốt đẹp.

Các chốn biên địa, từ xưa nay không có Thánh nhân ra đời giáo hoá gì nên người ở các xứ ấy, chẳng biết lễ nghĩa tối, nông, ngày, dừ, là cái chỗ đã man ưa làm những điều giết hại loạn luân.

Kẻ hạ tiện, là như làm nô bộc bị chủ sai khiến, và bị người ta khinh khi coi hèn.

Miệt lệ xa, dịch : ác kiến, nghĩa là những kẻ chẳng tin kính ngôi Tam Bảo, chê không nhân quả, đó là phá hai điều giới và kiến : với cái tội phá ái giới, còn có thể sám hối đặng; chớ phá cái kiến giới thì chẳng cho sám hối. Nay nếu có tin kính Tam Bảo, thì cũng có thể cho sám hối được.

Kinh nói : “Phải đoạ vào trong ba thú dữ, chịu cái kịch khổ trải qua vô lượng ngàn năm rồi, mới trở lại sanh nơi nhân gian làm thân con trâu, con bò, con ngựa, con lừa, thác đà. hoặc đặng làm người thì sanh ở bậc hèn hạ, như là làm tớ trai, tớ gái cho người, chịu người lừa dối sai khiến v.v... cũng có kẻ khi còn ở trong loài người bị thiếu nợ, sau khi mạng chung, liền sanh làm kẻ hạ tiện và ở những chỗ biên địa”.

Như thế từ văn trước nói : lấy tài vật của Tháp, của Tăng, gâ tội ngũ vô gián, các tội thập ác, dĩ chí mắc quả báo phải ở vào **các** chỗ địa ngục, nga quỷ, súc sanh và các **xứ** bát nạn. cốt yếu mà nói : hễ trong cử chỉ, mà thân, khẩu, ý **chỗ ra làm tội chứng** đó, con nay gieo mình trước chư Phật, để mỗi mỗi phát lộ xin **đều sám hối** tất cả.

Đây là tóm kết nhằn trên, với các tội, mỗi mỗi đều sám hối.

Như thế, là chỉ nói về trước. Các chỗ, là lời gom bề rộng. Nay đã có lòng tin, mà chẳng gói giầu các điều tì vết, thì với chỗ ra làm các tội phá kiến giới, ái giới chẳng chẳng sám hối.

Quán Kinh nói : “vì khen ngợi uy đức của A Di Đà Phật người này nghe rồi, dứt đặng tội sanh tử từ tám mươi ức kiếp, địa ngục lửa dữ hoá làm gió mát, gió thổi hoa trời, trên hoa có đức Hoá Phật đến rước tiếp người này”. Lại nói : “Chí tâm xưng mười niệm : Nam mô A Di Đà Phật, vì xưng danh của Phật, với trong mỗi niệm trừ đặng tội trong đường sanh tử từ tám mươi ức kiếp, thấy hoa sen vàng hiện ở trước mặt, với trong một niệm, liền sanh sang nước cực lạc”.

Đó chỉ xưng và lạy có một đức Phật, mà công đức còn được như thế, huống chi lại xưng và lạy cả danh của 89 Phật ư ? nay thì sám trừ tội chứng, tỳ như gió thổi quét đất, mây muốn lông rác gì cũng không còn.

Nay chúng con ngựa cầu cả 89 Đức Phật và cùng tận pháp giới hết thảy **chư Phật Thế Tôn** sẽ lấy trí lực **chứng** minh cho chúng con, lấy mắt từ

xem **biết** cho chúng **con**, lấy tâm từ bi ghi **nhớ** tướng **niệm** chúng **con**, khiến chúng con sám hối, đem lại được thanh tịnh như xưa.

Đây là căn cầu chư Phật chứng minh và tự niệm cho việc lành sẽ trình bày sau này.

Nay ta dù thuộc về một cá nhân cầu sám, nhưng vụ tất là đầy cái tâm quảng đại để thay vì tất cả chúng sanh mà cầu sám, nên nói là chúng con. số là chư Phật đủ pháp tam minh nghĩa là một thiên nhãn minh, để chứng cho ta việc hiện tiền sám hối : hai Túc mạng minh, để xem biết căn lành đời trước của ta ; ba lậu tận minh, để mãn niệm ta sau này được tăng tiến trên đường đạo.

Con lại đối trước chư Phật Thế Tôn, thốt lời trình các căn lành dưới đây như vậy : hoặc con đời này, hoặc con ở trong các đời khác, đã hành pháp bố thí. Hoặc đã giữ được giới thanh tịnh. nhĩn đến trong thời gian đó, đã làm được các việc : đốt hương, rải hoa, nhang đèn, quét đất, cúi đầu, chắp tay, đánh lễ, tán thán, tụng Kinh, trì chú, tu thiền, cho đến ít nhứt là một vắt cơm đem cho súc sanh và các loại nhỏ. chỗ có công đức hoặc lớn hoặc nhỏ, cầu Phật chứng minh. Và lại đời này hoặc đời khác đã từng tu tịnh hạnh, chỗ có căn lành được phân nào; hoặc đã từng phát tâm để khuyến hoá, thành tựu cho chúng sanh khiến chúng gieo nhân lành, chỗ có cái căn lành khuyến hoá được là bao; hoặc đã tăng tu hành đạo Phật bồ đề chỗ có căn lành được chừng mấy; nhĩn kịp đã tăng phát cái tâm để chứng trí Phật vô thượng, chỗ có cái căn lành của sơ phát tâm đó, là được như thế nào. nhĩn trên : từ nay và xưa những chỗ tu mỗi mỗi đã kể bày ra như thế đó, đều cầu Phật chứng minh, mãn niệm cho, khiến cho chúng con đều được tăng trưởng phần đạo.

Đây là kể bày từ đời nay đến các đời khác đã tăng làm các việc lành.

từ câu “thốt lời trình các căn lành dưới đây như vậy” nghĩa nó suốt trùm xuống đến câu “kịp” đã từng phát cái tâm để chứng trí vô thượng chỗ có căn lành”.

Đời này là đời hiện nay, các đời khác nghĩa là đời trước lại còn có đời trước nữa, đời đời không cùng tận, tức là từ vô thủy kiếp đến nay.

Nay phát lòng tin, ắt nhờ đời trước đã gieo hột giống lành chứa nơi ruộng lòng, nên nay mới có thể tin được như thế.

Kinh Kim Cang nói : “Đối với câu bài đây, người mà năng sanh lòng tin, lấy đó làm chắc, phải biết người ấy, chẳng những chỉ nơi chỗ : một Phật, hai Phật, ba, bốn, năm Phật mà trông căn lành, mà đã tăng ở chỗ : vô lượng ngàn muôn Phật, trông các căn lành, nên nghe bài câu đây, hẳn đến một niệm sanh lòng tịnh tín đó, thì Như lai này đều thấy đều biết chúng sanh ấy có tất cả căn lành đó” thật thế.

Giới thanh tịnh : thân tâm chẳng phạm là thanh tịnh; ngừa phi dút ác là giới; tức là : Ngũ giới, bát giới, thập giới, cụ túc giới, và Bồ tát giới, (tức kinh Phạm võng, mười trọng giới, 48 khinh giới, ắt phải mỗi giờ thường thường gìn giữ, như giữ ngọc Minh châu, không cho tổn thất một mảy.

Đây kể lên : bồ thí, trì giới, tức là thứ nhất thứ nhì trong sáu độ. hẳn đến : là lời vượt xỏi qua.

Thí cho súc sanh đó, như có người lấy cơm dâng Phật, bấy giờ, ở dưới có con chó nó mừng đánh đuôi ngung ngoảng, Phật ngài sót ra một phần cho nó ăn, rồi Phật hỏi đệ tử rằng : “Cúng Phật có công lớn, hay thí cho súc có công lớn?” đệ tử thưa : “cúng Phật công lớn”. Phật nói “công ấy vẫn bằng bực là lẽ sao? Phật vốn không ăn, do người phát tâm cúng dường, nên công đức vô lượng, con súc khi nó thấy người ăn, thì tâm nó mỗi niệm muốn ăn, nếu cho nó một phần ít, công đức cũng rất lớn, có thể kết được duyên lành qua đời sau sẽ độ nó giải thoát”.

Trong kinh lại chép rõ : với bày kiến, lấy một ít đồ ăn thí cho nó công cũng rất lớn v.v...

Hạnh thanh tịnh : đạo được nhuần, tâm được chuyên nhất là tịnh; rèn luyện sửa tập là hạnh. Nói lược, thì là giới, định, huệ nói rộng thì 37 phẩm trợ đạo, tứ đế, 12 nhân duyên, các hạnh lục độ v.v.. hẳn đến tám vạn bốn ngàn các cửa ba la mật đều là đạo pháp để tu hành. Lại, không che giấu với chẳng che giấu, là nghĩa của tịnh hạnh.

Thành tựu chúng sanh : thí cho tài vật, khiến chúng không thiếu thốn, thí cho pháp môn, khiến chúng tu đạo lành thí cho điều không sợ, khiến chúng chẳng kinh hãi.

Bồ đề, cự dịch ; đạo tâm dịch : giác. Nghĩa là giác chiếu nơi tự tâm, để hành đạo vô thượng. hoặc y nơi pháp thất bồ đề phần và tam bồ đề mà tu, do cái sơ phát tâm chẳng giữ được bền chắc, nên đời nay hãy còn chịu cái khổ sanh tử.

Trí Phật vô thượng, Phật : Trí tức là nhứt thể trí, và đạo chủng trí, nhứt thể chủng trí.

Chỗ có căn lành, là chỉ các việc và tất cả căn lành đã kể bày trên.

Ba Trí

Với ba trí của Biệt giáo thì so theo đây ; còn ba trí của Viên giáo thì hễ cử một tức là ba, mà nói ba là gồm một, ba với một nó viên dung với nhau, lẽ rất vi diệu khó nghĩ bàn.

Văn trên chỗ nói : nay, xưa đã làm tất cả căn lành lớn và nhỏ, họp lại mà nhóm, sánh so mà kể, dùng chiếc thẻ mà lường, mỗi mỗi thầy đều hướng lên cái giác đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác. Là lẽ phải vậy. song cái pháp hồi hướng đây, cũng đồng như cái pháp hồi hướng của chư Phật đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai đã làm, con nay cũng học theo cái pháp của chư Phật hồi hướng như thế mà hồi hướng đó, mới họp cách với quả tam miệu tam bồ đề.

Đây là kết đời nay đời trước, chỗ làm thiện căn, đều bắt chước chư Phật hồi hướng về đạo Phật.

Nay, xưa từng làm thiện căn là cái nhân tu, còn tam miệu tam bồ đề là quả Phật. việc lành bằng một mảy lông, tuy nhỏ, mà thể của nó vốn khắp, tỷ như một chút nước biển dính đầu sợi lông, tánh nó cũng đủ toàn vị mặn cả nước biển.

Thế nên, một không thì một tướng, nhiều không là nhiều tướng, không chấp nhỏ, thì tướng nhỏ, không chấp lớn thì tướng lớn, số một số nhiều không ngăn ngại nhau, tướng nhỏ tướng lớn dung thông nhau là toàn nơi tâm pháp giới hồi hướng về chư Phật nơi pháp giới.

Các tội đều sám hối, các phước đều tùy hỷ và công đức thỉnh Phật, nguyện thành trí vô thượng trước sau, nay các Phật rất hơn với chúng sanh, vô lượng biển công đức con nay nghiêng mình lạy.

Bài tụng đây là lập lại trên : sám hối, bày lành, và hồi hướng đã kết.

“Các tội đều sám hối” là tụng lập lại khoa “phát lộ sám hối” trước kia. “Các phước đều tùy hỷ v.v... ba câu” là tụng lập lại khoa “thỉnh Phật, chứng minh, trần thiện” trước kia, “Trước sau nay v.v...bốn câu” là ba đời chư

Phật. đối với chúng sanh, thì chư Phật có công đức tròn sạch vô lượng, sâu như biển cả, thế nên ta nay lòng chí thành cúi đầu đánh lễ.

Dưới đây, là khắp dấy nguyện lớn để hồi hướng về Phật quả. Chính ở sau phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện trong Kinh Hoa nghiêm, là các bài kệ lập tụng lại mười nguyện lớn. Nay đã đối trước Phật phát lồ sám hối, ắt phải lập phát nguyện lớn để cầu lên quả Phật. song, với nguyện, duy có nguyện của đức Phổ Hiền là rất lớn, nay ta ắt phải bắt chước đó, để cầu cho chóng chứng quả Phật. Nên ngài Bất động Pháp Sư sao lục lại khắc in ra, để cho rộng cái tâm nguyện của các hành nhân vậy thôi.

Chỗ có thế giới trong mười phương

Ba đời tất cả nhân sư tử

Con dùng thân khẩu ý thanh tịnh

tất cả khắp lạy hết không còn

Sức uy thần hạnh nguyện Phổ hiền

khắp hiện trước tất cả Như lai

một thân lại hiện thân sát trần

mỗi mỗi khắp lạy Phật sát trần.

Đây là kính lạy chư Phật

Hai câu trước là kể lên chư Phật nhiều bằng số vô tận ở mười phương. Con dùnghai câu là nói : ta dùng ba nghiệp thanh tịnh để khắp lạy vô tận chư Phật. Sức uy thần ...bốn câu, là nói lên cái hạnh nguyện uy thần của đức Phổ hiền, ngài hiện thân ra nhiều bằng số vi trần, lạy khắp giáp cả chư Phật nhiều bằng số vi trần, nay ta cũng bắt chước theo đó.

Sư tử : dụ Phật. vì Phật là người vô thượng khắp đến mười phương để thuyết pháp mà không sợ. kinh Niết bàn phẩm sư tử nói : “Như sư tử vừa ra khỏi hang, bốn chơn nó vầu xuống đất, đập đuôi rống tiếng, các loài thú tộc, phải chim lặn xuống vực sâu, loài thú trên bờ đều núp trốn hang lỗ, loài phi cầm sa rớt xuống, các con thanh hương tượng lớn sợ chạy té phần. tỷ dụ Phật ra đời, dùng viên âm nói pháp như sấm vang lớn, rúng dẹp chúng thiên

ma, ngăn bặt bọn ngoại đạo, bèn là sư tử giữa loài người, nên gọi là “nhân sư tử”

Tổ Vĩnh Gia nói : “Sư tử rống, nói không sợ, loài thú vừa nghe đầu óc võ, voi xanh vụt chạy mất hơi hăng, trời trồng lặng nghe đều mừng rỡ”.

Thân khẩu ý thanh tịnh : cái thân không cử động bậy, duy cử động theo Phật pháp mà hành động; cái khẩu không nói bậy, duy nói theo Phật pháp mà nghĩ suy. Đã tịnh ba nghiệp tức là với trên thì khế nơi thân tâm thanh tịnh viên mãn của chư Phật, chư Phật đã vô lượng mà hoá thân của Phổ Hiền cũng vô lượng, các “ Hoá Phổ Hiền” đều ở trước chư Phật, mà cái thân ở các chỗ lại hoá ra vô lượng thân nữa. mỗi mỗi thân khắp lay vô lượng Phật; như thế một thân nữa, mỗi mỗi khắp lay vô lượng Phật; như thế một thân giáp tội pháp giới, mà vô lượng thân mỗi mỗi giáp cùng pháp giới. thế thì Phật ta như một, viên dung vô tận.

lay, chư Phật là cái cảnh chỗ lay (bị ta lay) ta là người năng lay, chư Phật tánh không ta cũng tánh không lấy cái không đây hợp nhập với cái không kia, lẽ cảm ứng lẫn nhau, chẳng thể nghĩ bàn, Phật ta tuy không mà chẳng ngăn ngại gì với hoá vô lượng thân lay vô lượng Phật, sáng sáng lẫn ánh nhau, trọn thấu không ngại. dường như cái võng bằng lưới ngọc của Thiên Đế Thích : tia tia lấp lấp ngọc ngọc suốt nhau viên dung viên dung vô tận vô tận

Sáu tướng

Mười nguyện chúa lớn, mỗi nguyện đều đủ sáu tướng như một Phổ Hiền là chung. Hoá thân vô lượng là riêng, mỗi tướng không khác gọi đồng, mỗi thân lay mỗi Phật gọi khác, trọn nên công đức rằng thành, tiêu về một niệm rằng hoại. Ngoài ra, còn nghĩa chi chi nữa, thì cứ so nghĩ theo đây có thể biết được tất cả.

Mười môn huyền

Với trong một bụi Phật số bụi

Trong hội chúng bố tát các chỗ

Không hết pháp giới bụi cũng thế,

Tin sâu chư Phật đều đầy nhẫy

đều dùng tất cả tiếng tăm lớn.

khấp ra không hết lời nói mầu

Tột qua vị lai tất cả kiếp

Khen Phật biển công đức rất sâu.

Đây là xung dương tán thán đức Như lai.

Bốn câu trên, nói thân của chư Phật nhiều bằng số vi trần, đều khắp giữa pháp hội ở nơi các giới. bốn câu dưới, đức Phổ Hiền hoá ra vô lượng thân, đều dùng lời nói nhiều bằng số vô tận, tột qua đời vị lai để tán thán Phật có nhiều công đức.

Số là trong một hạt bụi, lại có chư Phật nhiều bằng số mảy bụi thì trong những mảy bụi nơi vô tận pháp giới, cũng đều lại có chư Phật nhiều như số mảy bụi nữa, bấy nhiêu chư Phật, thân tâm mỗi mỗi khắp ở giữa chúng pháp hội nơi các giới, mà làm vị chủ, còn mỗi mỗi nơi bốn giới, Bồ tát và hoá Phổ Hiền dùng làm bạn, chính là chỗ bảo : Chủ bạn hợp hoà, nhân quả suốt lẫn. Tỷ như giữa một tịnh thất có ngàn ngọn đèn mỗi ngọn nó thiệp liệp với nhau, mỗi ánh sáng tròn đầy, không ngại không hết.

Mỗi mỗi Phổ Hiền nhiều vô lượng, mỗi mỗi thốt ra vô lượng tiếng giọng như biển không hết, mỗi mỗi âm thanh thốt ra vô lượng lời nói hay, mỗi mỗi lời nói tột qua đời vị lai để rộng ra tán dương biển công đức của chư Phật.

Dùng các tràng hoa tốt rất hơn,

Nhạc hay, hương hoa và tàng lọng,

Như thế đồ trang nghiêm rất hơn,

Con đem cúng dường các Như Lai.

Y phục rất hơn, hương rất tốt,

Hương bột, hương xông và đèn đuốc,

Mỗi mỗi đều như núi Tu di,

Con đều cúng dâng các Như lai.

Con dùng tâm hiểu hơn rộng lớn,

Tin sâu tất cả Phật ba đời,

Thầy dùng đức hạnh nguyện Phổ Hiền,

Khắp giáp cúng dường các Như lai.

Đó là rộng ra làm việc tu pháp cúng dường.

Tám câu trước : Đem năm món trần tối thắng để cúng dâng. Bốn câu sau : Y theo đức Phổ Hiền vận cái tâm quảng đại để thân ra khắp cùng. **Tràng hoa** : cái mào bằng bông, bằng ngọc bằng hoa như mũ, và y phục là sắc trần và xúc trần.

Nhạc hay (kỹ nhạc, là nhạc do người khéo tấu lên nay đây quán Tâm sở thành ra nhạc, bây nay thanh tịnh không đấm) là Thanh trần. Hương thoa các thứ hương khác là hương trần. Tàng, lọng, đèn, đuốc v.v... là sắc trần. Thiếu món vị trần đó, là ắt bao hàm đủ trong năm món trần đây, mỗi mỗi lớn như núi Diệu Cao nhóm (Tu di, dịch : Diệu cao. Do bốn thứ báu hợp thành, nên nói là Diệu, vượt khỏi lên trên các núi, nên nói là cao; bề cao tám vạn bốn ngàn dặm, bề rộng cũng như thế), đều khắp ở vô lượng Phật, nên nói là rất hơn. Ta nay đều học làm theo hạnh nguyện của đức Phổ Hiền, vận tâm quảng đại mà thân ra phổ biến cúng dâng.

Kinh nói : “Mây hoa, mây mào, mây âm nhạc trời, mây tàng lọng trời, mây y phục trời, món món hương trời, hương thoa, hương xông, hương bột, mỗi mỗi cao như núi chúa Tu di, đốt mỗi mỗi đèn, đèn tô, đèn dầu, mỗi mỗi ngọn đèn như núi Tu di, mỗi mỗi dầu đèn như nước biển cả, lảy như vậy thầy mỗi mỗi đồ cúng, thường làm lễ cúng dâng”.

Năm trần như thế, tức là lý Tam đế; vận tâm tức là tâm tam quán : chính khi quán tưởng cảnh trần, quày lại xét tự tâm mà không cái tâm tướng, ngũ trần mà không trần tướng, đó là cái không quán, quán nơi chân đế. Quán tâm rờ rờ, năm trần rõ ràng, đó là cái giả quán, quán nơi tục đế. Tâm thì phi rờ rờ, phi chẳng rờ rờ, trần thì phi rõ ràng, phi chẳng rõ ràng, không và tục chẳng hai, chân với giả như một, đó là cái trung quán, quán nơi trung đế. Đế và quán viên dung, tâm cảnh tương tức, tâm thuần là pháp, cùng pháp tương

ung, thế là chân tinh tấn, là gọi chân pháp cúng dường Như Lai. Kinh Tịnh danh nói “Với trong các cúng dường, chỉ có “pháp cúng dường là hơn hết”.

Con trước chỗ gây các nghiệp ác,

Đều bởi vô thi tham, sân, si,

Từ thân, khẩu ý mà sanh ra,

Tất cả con nay đều sám hối.

Đó là sám hối nghiệp chướng bởi ba nghiệp gây ra từ vô lượng thi đến nay.

Tích : Những đời đã qua về trước. Do từ đời vô thi mong một niệm, vọng tưởng, hành động, nhân đến ngày nay, mà chịu sanh tử đã vô lượng. Chính chỗ mà người xưa đã bảo : “Kiếp trần sa lại kiếp trần sa, đền hết trần sa, kiếp chưa rồi !”.

Song, từ bấy nhiêu kiếp lại nay, mà thân, khẩu ý của chúng ta chỗ dấy ra các nghiệp ác (tức là mười ác, năm nghịch, xem biểu đồ ở trước) mỗi niệm mỗi niệm chẳng dừng, thì chỗ tạo ra nghiệp chướng cũng vô cùng vô tận ! Đều do nơi cái ý thức phát khởi ra ba độc là tham, sân, si rồi nó dẫn dắt đến thân nghiệp khẩu nghiệp, lan rộng ra mãi tạo nghiệp chẳng thôi !

Như ý thức nó dấy một niệm tham, thì nó lôi cuốn đến thân nghiệp, tạo tác sát sanh, trộm cắp, dâm dục thảy các tội. ý thức dấy một niệm sân, thì nó dẫn luôn đến khẩu nghiệp tạo ra các tội : vọng ngôn v.v... hoặc tham hoặc sân đều do nơi mê tình chẳng tỉnh giác là cái si tâm làm gốc, mà hễ một niệm dấy chẳng dấy thì thôi, còn có dấy lên thì là si. từ một niệm dấy, đến một niệm khác, niệm khác mãi chứa đến vô lượng niệm, mỗi niệm mỗi niệm, niệm mãi chẳng thôi.

Nếu với một niệm mới khởi đương niệm đó ta liền tỉnh giác lại, thì cái niệm thể vốn tỉnh giác được vốn không nên rất phải y theo tâm của đức Phổ Hiền, như pháp để sám hối ngũ hầu hai cái tội : Căn bản và chi mạng mới tan dần, tỷ như nước sôi đổ vào giá tuyết.

Mười phương thế giới chỗ có tất cả chúng sanh sáu đường.

Và Nhị thừa các Thanh Văn, Duyên giác : Tam quả nhãn lại là bực Hữu học, và Tứ quả nhãn đi là bực Vô học.

Lại tốt mười phương tất cả Như lai, cùng mười phương tất cả Bồ tát.

Hoặc Thánh hoặc Hiền chỗ có làm các công đức mà con đều phát tâm tùy thuận hoan hỷ.

Đó là tùy hi các công đức của các bực Thánh Hiền.

Giữa lục đạo, duy có Nhân đạo và Thiên đạo là nhiều thiện, còn bốn đạo kia chỉ là ác cả, nhưng hoặc đã có căn từ kiếp trước, nay cũng có thể hành thiện được.

Nghiên cứu chân như, dứt diệt mê hoặc là bực Hữu học; chân đã cùng, hoặc đã tận là bực Vô học.

Kinh nói : “Nguyên các đức Như lai từ thuở mới phát tâm vì tất cả trí, mà riêng tu phúc huệ, chẳng tiếc thân mạng, trải qua nhiều số kiếp “Bất khả thuyết, bất khả thuyết Phật sát cực vi trần”, như thế tất cả khổ hạnh mà người đời khó làm được, nhãn đến trọn nên đạo quả vô thượng, kịp đến vào Niết bàn, chia bủa xá lợi, chỗ có công đức, ta đều tùy hi.

Tất cả Thánh : Bồ tát, Duyên giác, Thanh Văn, chí của các Ngài cầu chứng Bồ đề, chỗ tu công đức, ta đều tùy hỷ.

Há chỉ Thánh Hiền mà thôi, song những chúng ở trong tất cả thế giới nơi mười phương kia, như sáu thú, bốn sanh cả thấy giống loài chỗ có công đức, nhãn đến ít nhứt là việc lành bằng một mảy lông, ta đều tùy hi, mà cái tâm tùy hi đây, tâm niệm nào, tâm niệm nào, cũng đều khắp cả nơi pháp giới.

Mười phương chỗ có thể gian Đặng (chư Phật khắp soi)

Rốt trước thành tựu đạo Bồ đề,

Tất cả con nay đều khuyến thỉnh

Chuyển nơi xe pháp màu vô thượng.

Đó là thỉnh Phật chuyển pháp luân (thuyết pháp).

Thế gian đặng : Đền hay phá tan bóng tối, tử dụ Phật đem đèn khắp khai thị cho chúng sanh. Như lai không ra đời, muôn kiếp thường mờ tối.

Rốt trước thành tựu đạo bồ đề : Tức là đấng mới thành Phật. như đức Thích Ca năm lên 30 tuổi thành Phật, đó là về tích môn sơ thành. Còn luận về bốn môn thì Ngài vẫn đã thành Phật lâu rồi từ kiếp số trần điểm. nay vì chúng sanh nên hoá độ hiện tích môn, và nói sơ thành Phật.

Nay đây bất luận là sơ thành Phật, hay cứu thành Phật, ta thấy đều khuyến thỉnh, để chuyển xe diệu pháp (khuyên nói pháp mầu : đem Phật pháp chuyển nơi tâm chúng sanh khiến chuyển phàm tâm thành Phật tâm).

Kinh nói : “Ta phải trọn ba nghiệp : thân, khẩu, ý, mỗi mỗi phương tiện, nông nả khuyên mời Phật chuyển bánh xe pháp mầu”.

Chư Phật nếu muốn thị (thị hiện) Niết bàn.

Con rất lòng thành mà khuyến thỉnh,

Chín xin ở lâu kiếp sát trần,

Lợi lạc tất cả các chúng sanh.

Đó là xin Phật còn trụ lại cõi đời.

Mười phương ba đời nhiều như số vô tận, nói là chư ba giác tròn đầy nói là Phật. niết bàn, dịch : Diệt độ, là diệt ba hoặc phiền não, độ hai bên sanh tử (phận đoạn, biến dịch). Lại, Niết bàn, dịch : Viên tịch, là với đức chẳng chẳng tròn, với chướng chẳng chẳng vắng (nghĩa bất động và nghĩa tịnh cực). Lại, Niết là nói chẳng sanh, Bàn là nói chẳng diệt.

Thị : Có chúng sanh làm cơ cảm, thì Phật phi sanh mà thị hiện sanh ra, với cơ hữu duyên hoá độ hết rồi, thì Phật phi diệt mà thị hiện ra diệt, do vì nếu Phật ở lâu mãi nơi đời, thì chúng sanh nó lấy làm thường, quen lờn mà chẳng mến kính, sở dĩ Phật thị hiện diệt độ, thì hoặc có chúng sanh phát chí tu học đồng mãnh, thế nên phải thị hiện diệt độ vậy thôi.

Rất lòng thành : là chuyên chú một tâm già dặn chắc thật. Kinh nói : “Chỗ có các đức Phật Như lai nhiều bằng số tất cả Phật sát cực vi trần ở trong tốt cõi pháp, cõi hư không mười phương ba đời, khi các Ngài sắp muốn thị hiện vào Niết bàn thì kim thân là mình vàng lu mờ ánh chói, ngọc

hào, là lông trắng (giữa chạng mày) lui kém về ngời, ngay bấy giờ ta do vì cái sức hạnh nguyện của Phổ Hiền, lòng chí thành khuyến thỉnh các Ngài chớ vào Niết bàn”.

Kinh lại nói : “Chín xin Phật ở lâu nơi đời, trải qua nhiều kiếp bằng số cực vi trần trong tất cả Phật sát, để nói pháp màu bằng số vi trần, giáo hoá chúng sanh, đều trồng căn lành, xông gậy trọn nên, nở hoa trí huệ, kết trái Bồ đề, lần hồi làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, đồng tròn như thể chúng trí”.

Chỗ có lạy kính chư Phật (là 1), xưng tán Như lai (là 2) rộng tu cúng dường (là 3), dùng các phước ấy thường phải thỉnh Phật ở đời (là 7) và thỉnh chuyển pháp luân (là 6), tùy hỷ (là 5), sám hối nghiệp chướng (là tứ giả), từ trên đến đây, bảy nguyện chỗ có các thiện căn công đức, đâu chẳng hồi hướng cho chúng sanh nơi chín cõi, khắp nguyện đồng thời và đến đạo Phật mà sau thời mới thôi (là bát giả).

Ba câu trước là để xâu kết bảy nguyện trên kia; câu rốt là để hồi hướng cho chúng sanh kịp đạo Phật. nghĩa là chung kết công đức căn lành cả bảy nguyện, thấy đều hồi hướng chúng sanh, phổ nguyện chúng sanh đồng thành Phật đạo.

Kinh nói : “Từ nguyện lễ bái, đến nguyện tùy hỷ, chỗ có công đức, thấy đều hồi hướng cho tất cả chúng sanh, nguyện cho chúng sanh thường được yên vui, không bao điều bịnh khổ, dầu nó muốn làm ác pháp, thấy đều bất thành, chỗ tu thiện nghiệp đều mau thành tựu: ngăn đóng tất cả các ác thú, mở bày đường chánh Niết bàn cho Nhân thiên nhân đến thành tựu vô thượng Bồ đề.

Chữ phước trong câu “sở hữu lễ tán cúng dường phước”, các bốn thiên môn như tụng đều chép lộn làm chữ Phật, nguyên ở phẩm hạnh nguyện chép làm chữ Phước, chữ Phước nghĩa là công đức. Phổ giai hồi hướng, tức là thứ mười trong mười nguyện vương: những câu bất giả thường tùy Phật học, cửu giả hằng thuận chúng sanh, đều hàm nhiếp ở đây.

Tám Nguyện Sám Chương

Xin đem lấy công đức tốt đây,

hồi hướng cõi Chân pháp không trên,

đó là hồi sự hướng lý.

Câu trên, là chỉ về tám nguyện trước, là thuộc về sự; câu dưới, là hồi hướng về pháp giới, là thuộc về lý. Chí muốn thành mãn, rằng nguyện phát tâm rộng lớn, rằng thắng (tốt) ; tánh tâm không vọng rằng chân ; cứ lên nói các pháp cả mười pháp giới, duy là nhứt tâm làm thể, rằng chân pháp giới, làm tổng tướng nhứt tâm, để vạn pháp về đến.

Chín bởi, sự nó không có tự tánh, nó toàn do nơi lý mà thành, lý thì bất mảy mún (không hình tướng) nương nơi sự để rõ ; các sự công đức đều do nơi tâm để phát khởi, tức phải hồi hướng trở về tâm, là chỗ người ta bảo : “Từ tâm pháp giới, đầy nguyện pháp giới, lấy nguyện pháp giới, quy về tâm pháp giới, tâm là lý, chứng lý đây, thì cả pháp giới đâu chẳng viên dung, là có phải thể.

Tánh : Đồng thể Tam Bảo, và Biệt tướng Tam Bảo là Phật bảo, Pháp bảo, và Tăng bảo của Tăng già, Tánh : tức là chân đế, Tướng : Tức là tục đế, tánh tướng như nhứt, tức là Nhị đế dung thông mà thành pháp “Hải ấn tam muội”. Tam muội dịch : Chánh định; lìa bỏ cái định thiên tiểu và cái định tà, nên nói là Chánh; Chánh thụ, nghĩa là do trong định chẳng chịu các điều chịu, chỉ là nhứt tâm chánh thụ. Song, hai đế toàn thể là chánh thụ, tánh nó tuyệt hẳn cái định thiên tiểu và cái định của tà ngoại, toàn thể vẫn thanh tịnh viên minh, khắp bao hàm pháp giới, như đại hải lỏng trong, khắp ấn kiên khôn. Tam muội như thế đều nhứt tâm của con sở tạo ra, mà nhứt tâm có vô lượng công đức dường như đại hải vô ngại. Con nay thấy đều trọn hồi hướng lên quả Phật vô thượng.

Đó là hồi nhân hướng quả.

Hai câu trước là chỗ “sở chứng” ; câu ba là tổng kết công đức; câu rốt là người “năng hướng”.

Tánh : tức là thánh Tam Bảo; Tướng : Tức là biệt tướng Tam Bảo. Tự tánh có trí huệ trọn chiếu pháp giới là Phật bảo; tự tánh lỏng vắng trọn đủ có các pháp là Pháp bảo ; tự tánh vừa vắng vừa soi hoà lẫn nhau là Tăng bảo; tức là “nhứt thể Tam Bảo”.

(Biệt tướng Tam Bảo, có biểu đồ đã rõ ở trước)

Tánh Tam Bảo là Thể, Tướng Tam Bảo là Dụng, Dụng không riêng Dụng, đều do Thể thành, Thể không riêng Thể đều tự Dụng rõ; Thể tánh vốn bất mảy mún, là chân đế ; Tam Bảo diệu dụng đều rõ, là tục đế : Dụng tuy đều rõ, mà với đương thể không thấy, với thể tuy không thấy mà diệu dụng

rõ ràng, thì Nhị đế dung thông, Tam muội sáng suốt, dường như biển cả lồng trong, ẩn nơi muôn loài vật tượng, đâu chẳng rõ bày, tức là trung đế, chân đế hải ẩn tam muội, bất tất cả pháp, là tánh Tam Bảo ; tục đế hải ẩn tam muội, thuần tất cả pháp, tánh tướng nhưt như, hai đế dung thông, là dung thông Tam Bảo. Đây thì biến tánh công đức của vô tận chư Phật , đâu chẳng ẩn nơi tam muội. Mà tam muội là duy nhưt tâm của ta, đem nhưt tâm đây chỗ có đủ công đức, thả đều hồi hướng lên vô thượng Phật quả.

Chỗ có chúng sanh thân, khẩu, ý,
Thấy làm chê bai chấp : ngã, pháp,
Nhu thế tất cả các nghiệp chướng,
Thả đều tiêu diệt hết không còn,
Mỗi niệm trí giáp nơi pháp giới,
Rộng độ chúng sanh đều chẳng lui.
Đó là hồi tự hướng tha.

Bốn câu trước, là nói diệt hết nghiệp chướng của chúng sanh; hai câu sau là nói nguyện trí giáp chẳng lui.

Số là chúng sanh bị tà kiến rồi mê hoặc nơi tự tâm, nên miệng nói lời chê bai Phật pháp thân ra làm sát, đạo dâm; ý đầy tham sân si, chẳng tin nhân quả, rộng ra tạo tác tội lỗi. ta nay chỗ tu công đức, phổ nguyện tất cả chúng sanh, thả đều tiêu diệt hết các nghiệp chướng từ lịch kiếp.

Hỏi : Người kia tạo nghiệp thì lẽ ra nó tự sám hối lấy, chứ không thể đem công năng của ta để sám hối nghiệp chướng của người được sao ?

Đáp : Là vì thiên tánh nó quan hệ với nhau. Kinh Lăng Nghiêm nói : “Tâm, Phật và chúng sanh là ba ấy không sai khác”. Thế, thì kia tạo nghiệp, đâu chẳng ở trong tâm ta, thì tâm ta cũng ở nơi trong nghiệp thức kia, sở dĩ trí lực của ta có thể diệt được nghiệp kia, chuyên khiến chúng sanh, mỗi niệm đem tâm vào cái trí lực, để chứng cái lý pháp giới của chư Phật, tâm vẫn cái quyền trí để độ chúng sanh trong pháp giới tiến đến bậc bất thối.

Nhẫn đến : một pháp Hư không thể giới hết, hai pháp chúng sanh, và ba pháp nghiệp, bốn pháp phiền não đều hết như thế bốn pháp thể nó rộng lớn không ngần, nguyện con nay đây đại nguyện công đức của Phổ Hiền để hồi hướng cũng như thế xứng tánh rộng lớn không hết.

Đó là khâu kết cái nguyện không hết.

Nhẫn đến ấy là từ “mỗi niệm tri giáp pháp giới”.

Ngoài ra còn có chỗ làm, nhẫn đến công đức dù nhỏ nhưt bằng một tí một hào, mà thể nó đều giáp khắp, tỷ như một nhều nước biển dù ít, mà nó cũng trọn đủ mùi mặn của đại hải.

Lại, bốn pháp ấy dù vọng mà thể nó xứng tánh vốn chẳng thể hết, ta nay y theo hạnh nguyện hồi hướng của Phổ Hiền, cũng đều xứng tánh viên mãn, thì bốn pháp đều là thanh tịnh giáp tròn”.

Kinh nói : “Cõi hư không hết, nguyện ta mới hết, bởi cõi hư không chẳng thể hết, nên mười nguyện của ta đây không có tội hết, như thế, nhẫn đến bao giờ cõi chúng sanh hết, nghiệp chúng sanh hết, phiền não của chúng sanh hết, thì nguyện của ta mới hết, mà cõi chúng sanh, nhẫn đến phiền não không có hết, thì mười nguyện của ta đây không có hết, cũng mỗi niệm nối nhau, không có xãng dứt thân, ngữ, ý ba nghiệp không có mỗi chán”.

Cúi lạy đức Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ tát (3 lần)

Tu lễ cúng vô tận, để cúng Phật nhiều vô tận, nên gọi là “Đại”. Cái hạnh siêng làm, tội kiếp chẳng mỗi, nên nói là “Hạnh”. Hạnh này pháp giới, gọi là “Phổ” ; ngôi gần bậc cực Thánh, gọi là “Hiền”. Không ngần phước tốt, chẳng vượt hạnh môn, chư Phật, Bồ tát, từ nơi hạnh môn mà sản xuất.

Nên trên hội Hoa Nghiêm, đưa Phổ Hiền lên làm trưởng tử, do vì hạnh nguyện xứng tánh giáp khắp, nên nói là “Nguyện vương”. Nếu chúng sanh y theo mười nguyện đây mà tu, thì đương thể cùng khế hợp nhau với Phật !

Hết Hồng danh sám hối,

Chương 9: GIẢI THÍCH NGHI MÔNG SƠN THÍ THỰC

Lấy tên núi làm sách, đúng như pháp mà thí thức, nên nói là Mông sơn thí thực.

Thí là pháp đứng đầu của lục độ, và điều trước vạn hạnh, có ba nghĩa :

Một, Tư sanh thí, cũng gọi là tài thí, như áo cơm, tiền của, ruộng nhà, thuốc men v.v... để giúp cho sanh mạng. Còn đây thí dùng nước cơm cháo bánh cả cúng cụ, để giúp cho chôn minh đồ, được dứt khổ dặng vui, là tư sanh thí.

Hai, pháp thí : Lấy sự thuyết pháp, trì chú, tụng kinh, vận tâm quán tưởng, nay đây tức là tụng văn này, làm pháp quán tưởng, là pháp thí.

Ba, vô úy thí, như có người muốn làm lành mà sợ trước sợ sau, vì sợ làm không nổi, nếu ta có sức, giúp họ không sợ, khiến cho họ làm nên việc; nay vì chúng ở chôn u minh có cái sợ chịu kịch khổ nhiều kiếp dài dẫu; nương nhờ công đức đây, để trừ nghiệp chướng, lìa các bố úy, là vô úy thí.

Thực : Có cái công giúp ích, cái nghĩa sống còn. Kinh nói : “Tất cả chúng sanh đều do nơi ăn uống mới sống ở dặng, nếu không ăn uống, thì thân thể ốm gầy, dẫu có thí tài, thí pháp nào đủ cho sanh mạng ; nay nhân cực khổ của chúng sanh, mà khởi cái bi tâm, nên dùng thần chú, vật thực, mà cúng thí cho Quỷ loại, khiến dặng dứt khổ được vui.

Lại, có 4 cách ăn :

1. **Đoàn thực**, cũng kêu là đoạn thực, nghĩa là ăn bằng cách : từ miệng, hay từ phân, từ đoạn dùng 3 trần là Hương : hơi hám, vị : Mùi vị xúc : tiếp xúc, để làm thể. Biến đổi, tiêu hoại làm tướng. thể là cách ăn của Trời người và súc sanh...ở dục giới.

2. **Xúc thực** : lấy cái tâm sở tương ưng của 6 thức, tiếp xúc với cái cảnh vừa thích của ý, 5 căn hoà thuận, vui sướng làm cách ăn, tức là cách ăn của Quỷ thần.

3. **Tư thực** : Lấy cái “Tư tâm sở” Hữu lậu của ý thức, để chuyên tinh nghĩ nhớ (tư) chuyển thành cái cảnh thắng diệu thiên, giúp ích thân mạng

của trời sắc giới, liên miên tư tưởng mãi chẳng dứt, tức là chúng ở sắc giới lấy “thiền duyệt” làm thức ăn. Lại, như ngựa trông lên cây me chua để dứt được cơn khát nước, treo bánh lên, để chúng thấy mà đỡ được cơn đói bụng v.v...đó cũng là ăn bằng cách nghĩ nhớ (tự thực).

4. **Thức thực** : lấy cái thức thứ 8 nó nối nhau giữ gìn căn thân khiến chẳng rã hoại, đầy thì 4 thánh 6 phàm chung đủ, chỉ có khác với nhau là mê và ngộ. Thành nhân thì thức tánh đã giác ngộ viên mãn, vốn vẫn trong sáng, gọi là “Nhu lai tạng thức”, vì nó duy trì tất cả công đức có tánh vô lậu : phi có phi không, phi trụ phi chẳng trụ, đầy là cái ăn bằng cách vốn có công đức chẳng khá nghĩ bàn, mà làm sanh trụ.

Phàm phu thì thức tánh còn hoàn toàn là mê, tuy đâu sanh khởi nghiệp chủng đó, gọi là Hàm tàng thức, vì rằng nó hàm tàng các hạt giống thiện ác của hữu lậu và vô lậu, nên với phi có mà vọng chấp là thực có, do đó mà luân chuyển đến vô cùng. đầy là cái ăn bằng nghiệp thức sanh diệt mà làm sanh trụ.

Song, Nhu lai tạng thức, hàm tàng thức, cái danh dầu có hai, mà cái thể vốn có một, chỉ tùy theo mê và ngộ, nên phân làm hai, thể nên cả Thánh và phàm, đồng là thức thực.

Ba cách ăn trước thuộc về sự, cách ăn sau thuộc về lý, sự thì lệch về phàm phu, lý thì trùm cả Thánh phàm ; tiến tới bực nữa mà suy nghĩ, thì thánh nhân cũng đủ 4 cách ăn, phi ăn, phi chẳng ăn, thể là cách ăn bằng cách bất tư nghị viên dung diệu thực.

Lại, phải biết phép thí thực, ắt nhờ 3 vàng thể không, mới có thể giáp khắp được: 1. Hành nhân là người năng thí; 2. Quý loại là chúng năng thụ; 3. Và trung gian là vật sở thí. với cả 3 chỗ đó, thể tánh đều chẳng khá đặng. Song khi mà thể tánh chẳng khá đặng, vẫn y nhiên rõ rõ phân minh, khi mà rõ rõ phân minh, cũng vẫn y nhiên thể tánh chẳng khá đặng, thể là pháp thì bằng cách 3 vàng chẳng nghĩ bàn. Pháp thí như thế, thì tâm nào chẳng phải pháp, pháp nào chẳng phải đồ ăn. Song cũng thực nào chẳng phải pháp, pháp nào chẳng phải tâm, tâm đã giáp khắp, thì pháp và thực giáp khắp, tất nhiên chúng sanh trong lục đạo mười phương, đâu chẳng thụ hưởng đó mà được giải thoát.

Nghi : quý tắc, cũng có nghĩa là cách thức, nghĩa là : văn Mông sơn đây làm quỹ thức cho lễ Thí thực.

PHỤ CHÚ

Mông sơn : Núi, ở về tỉnh Tứ Xuyên bên Trung quốc. tập Mông sơn thí thực nghi, tác giả là ngài Cam Lộ Pháp sư nhóm chép, tác giả này và tác giả tập Hồng danh bảo sám cũng là một người, mà để khác hiệu, vì tập kia đề là Bất động Pháp sư. Còn tập Mông sơn thí thực nghi trong bốn Kinh Nhựt tụng đề Ngoại quốc Cam Lộ thiền sư trú thích Tứ xuyên Mông sơn tập. mà thuật giả Nhị khoá hiệp giải đã có dẫn giải rồi ở trước tập Hồng danh bửu sám rằng : “Văn Mông sơn, cũng là ngài Bất động nhóm chép”.

Hàm tàng thức : tức là A lạy da thức, vì chân vọng hoà hợp nên nói là hàm tàng.

Như lai tạng, là toàn chân tại vọng, nghĩa là chân tâm nó ở bên vọng tâm, chứ không hoà hợp, lộn xộn như A lạy da thức, vì thức A lạy da nó hàm tàng tất cả thiện ác chủng tử, nên nói là chân vọng hoà hợp (lộn lộn, trộn lộn)

Pháp bố thí có ba cách

Ba vâng thể không

Núi Mông, Cam Lộ Pháp Sư Bất Động chép

Cũng tức là Kim Cang Bất Động Pháp sư tác giả Hồng danh bửu sám.

Mông sơn : vị trí cách 15 dặm phía tây huyện danh sơn, châu nhĩ an, tỉnh tứ xuyên bên Tàu. Có 5 chót một chút cao hơn hết tên rằng Thượng thanh. Trên thượng thanh phong này, sản xuất vị Cam lộ, đời Tống, Ngài Bất Động Pháp sư ở trong đó để hành đạo, nên gọi là Cam lộ pháp sư.

Sách Lũng thực dư văn chép rằng : trên đỉnh chót núi ấy, có một hòn đá lớn bằng vài căn nhà, có 7 cây trà mọc nơi kẽ vô phùng trên hòn đá ấy, gọi là Trà Mông đánh. người ta truyền khẩu với nhau rằng : chính tay ngài Cam Lộ đã trồng 7 cây trà đó, mà 7 cây trà này sanh sản lá đọt rất tí, vì kẽ đá thiếu đất dưỡng liệu, đời nhà Minh, đem cống hiến về Kinh sư mỗi năm chỉ cần chừng hơn một tiền. Còn chung quanh dưới chơn hòn đá, thì có vài chục cây trà, gọi rằng bồi trà, thì để cung phụng cho caca quan viên trong phiên phủ mà thôi.

Trong bộ Quảng Hưng Ký dẫn đồ Kinh rằng : trà đây nó hấp thụ dưỡng khí được hoàn toàn nên hương vị rất thơm. đời Đường ông lý đức Dũ vào đất Thục, được tặng phẩm bằng Mông trà, đem thử coi có thực hay không, là đem nước đổ vào trên thang bình (bánh lọt) chừng một giờ thang bình tan hết, là thiệt trà mông đánh.

lại, tại tỉnh Sơn Đông, đất Nguyễn châu, phía tây bắc huyện phi cũng có Mông sơn, núi này dọc dài một trăm 20 dặm, có 72 ngọn, 636 động, chùa xưa hơn 70 sở, trên có cái gộp bạch vân, cũng sản xuất trà cũng gọi là Mông đánh trà.

Pháp sư Ngài nghĩ : nhữn trước lại tụng kinh A Di đà và Hồng danh đại sám hồi rồi, phải thí cho lục đạo để phổ lợi cho u minh, nên Ngài căn cứ trong bộ bí mật, thủy thí thực pháp, và cát kinh cứu bạt diệm khẩu ngạ quỷ, mà chép ra cái nghi văn Mông sơn đây, để khắp khuyên kẻ hậu học rộng ra cùng chúng sanh ở u minh kết làm cái vô sanh.

Nay có người nào muốn cầu phước huệ thêm thọ mạng, thì bị biện : một bát nước sạch, một bát cơm, một bát rau, và hương đèn v.v.. tùy chỗ mình ở đâu đó, tụng kinh Di Đà rồi liền kể tụng văn Mông sơn đây, tùy tụng tới đâu, thì theo nghĩa mà quán tưởng tới đó ; nếu người chẳng thuần thực quán tưởng được thì chỉ chuyên chú nơi tâm mà tụng, mỗi bài chú tụng 7 biến, hoặc tụng 2 lần 7, 3 lần 7 biến; riêng về chú biến thực, và chú cam lộ, đều tụng 7 lần 7 biến, hoặc một trăm 8 biến, tụng càng nhiều càng tinh, tụng rồi niệm Phật hồi hướng, thì cả mình dương đều được lợi ích.

Nếu người muốn rõ biết pháp môn công đức của tất cả chư Phật ở ba đời nơi mười phương thì cần phải xét soi ngay nơi một niệm hiện tiền của tánh pháp giới, do vì 10 pháp giới (Phật, Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn, Trời, Người, A tu la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh) hoặc tánh hoặc tướng, hữu lậu, vô lậu, nào thiện, nào ác tất cả các pháp, đều duy nơi một niệm tâm hiện tiền của chúng nó tạo ra cả thảy.

Đó là bài kê khai thị cái duy tâm.

ấy là trong bộ kinh Hoa Nghiêm, về hồi thứ tư, bảy giờ Phật ở trên cung trời Dạ Ma (cõi trời thứ 3 của dục giới), có vô lượng Bồ tát đến vân tập dự hội, mỗi Bồ tát đều có thuyết kệ để tán dương Phật. thườ ấy ngài Giác Lâm Bồ tát cũng nói kệ 10 bài, bài trên đây là bài thứ mười.

Nếu người muốn rõ biết cái pháp của chư Phật, thì cần quan sát ngay nơi cái tâm như niệm hiện tiền đó, vì tâm ấy nó khắp đủ các pháp của mười pháp giới là cái chỗ mà Phật thường bảo rằng : Ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm, thực thế.

Ba đời : Đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai. Ba đời đều có mười phương, mười phương đều có ba đời. ba đời mười phương, đều có vô tận thế giới, thế giới vô tận, thì chư Phật cũng vô tận, chư Phật vô tận, thì chúng sanh cũng vô tận. song chư Phật, chúng sanh trọn ở trong tâm như niệm của chính người sở đắc lấy, nên nói : nhất thể duy tâm tạo.

chỗ nói pháp giới ấy, là cái tên chung của nhất tâm, mà là chỗ muôn pháp quy thú. lại, giới nhân vì pháp của mười giới đều nhân tâm mà sở tạo ra. Như : chính người nếu khởi cái tâm ra làm mười ác năm nghịch, đó là cái nghiệp nhân tạo ra địa ngục; nếu khởi tâm tham dục si tưởng, đó là cái nghiệp nhân tạo ra ngã quỷ; nếu dấy cái tâm thấy, yêu, sân, tham đó là cái nghiệp nhân tạo ra súc sanh; nếu móng cái tâm gì ganh hơn giận đũa, đó là cái nghiệp nhân tạo ra thân A tu la; nếu nổi lên cái tâm giữ can thường ngũ giới, đó là cái nguyên nhân tạo ra nhân tạo; nếu khát khi cái tâm giữ năm giới hành mười thiện, đó là cái nguyên nhân tạo ra thiên đạo; nếu phát khởi cái tâm : chán khổ sanh tử, ưa vào nơi vui tịch diệt, đó là cái chánh nhân tạo ra bậc Thánh Thanh văn; nếu phát khởi cái tâm xét nhân duyên tánh không, đó là cái chánh nhân tạo ra thánh Duyên giác; nếu phát khởi cái tâm tu pháp lục độ để giáo hoá người, đó là cái nghiệp nhân tạo ra thánh Bồ tát. nếu dấy cái tâm bình đẳng viên dung vô ngại, chính là cái nghiệp của Phật giới thanh tịnh chẳng khác gì bàn tánh công đức. nay bài kệ đây chỉ cử lên nói một Phật giới, là nghĩa nó gồm thâu tất cả 9 giới kia.

Kinh Lăng Nghiêm nói “Vạn pháp mà sở dĩ được sanh ra, là bởi duy tâm nó biến hiện, nhãn đến lá cỏ, gút chỉ gạn thấu căn nguồn, đều có thể tánh”.

Lại, Tổ Thiên Thai, lấy trăm giới ngàn như, ba nghìn tánh tướng sự tạo lý đủ hai lớp ba ngàn, đều duy là cái tâm hiện tiền thoát vậy một niệm mà thôi (có biểu đồ ở văn đại sám hối).

Sách pháp số giải thích rằng : thập ấy nghĩa nó gom cả các pháp (mười pháp giới). Giới ấy là lấy 3 để làm ranh chia, nên nói là pháp giới.

Lại trong bài kệ : nói về hữ tánh ấy là thể, là bất biến. nói về chữ tama ấy là dụng, là tùy duyên. Cái thể bất biến mà nó tùy nơi nhiễm duyên (duyên

do của 7 thức trước), tức là tạo ra chúng sanh nơi chín pháp giới kia; cái thể bất biến mà nó tùy nơi tịnh duyên (duyên sạch của Như lai tạng) tức là tạo ra Như lai nơi Phật pháp giới.

với khi mà nó tùy nhiễm duyên, tánh nó cũng không nhiễm, khi mà nó tùy tịnh duyên tánh nó không tịnh. tở như gương chiếu vật tượng, vật tượng có tốt xấu, chứ cái thể của gương chưa hề có biến đổi, tâm tánh cũng thế.

Nay muốn phá tan những nghiệp đạo kia (ngạ quỷ đạo), nên trước thì ra lấy cái tuy tâm nếu biết duy tâm thì bao chúng nghiệp đương thể tiêu tan mất.

Thuở xưa, tại đất Kinh Triệu, có ông Vương Minh Cán là người vẫn tạo ác nghiệp, một hôm, nhân bệnh ngặt chết giấc tự thấy có hai người dẫn đường thấy có một vị Tăng sĩ bảo rằng : “Đức Địa Tạng Bồ tát dạy người đọc lấy bài kệ “nhược nhân dục liễu tri, tam thế nhứt thế Phật, ung quán pháp giới tánh, nhứt thế duy tâm tạo”. người tụng bài kệ ấy, có thể vệt được cái khổ nơi địa ngục). đó, rồi y vào yết kiến Diêm Vương, Vương hỏi : Người có làm được công đức chi không ? Y đáp : chỉ mới thụ trì được một bài kệ kệ tụng lại bài kệ trên. Tiếng vang cả địa ngục, tội nhân đều được thoát ra v.v.. ba ngày y sống tỉnh lại được y đi hỏi thăm các vị Tăng sĩ và cư sĩ, mới biết bài kệ kinh Hoa Nghiêm v.v.....

Ôi ! Chỉ tụng có một bài kệ, còn đắc ứng nghiệm như thế huống là tụng toàn bộ kinh ư !

Mười cõi duy tâm

Tánh là lý tánh, lý vốn tuyệt vời, nguyên không bốn Thánh 6 phàm mê và ngộ gì cả, mà chỉ nói đủ mười giới phàm mà thôi. Tâm ấy là : với lý thành sự mà phân thánh phàm mê ngộ. nên chi, hễ tâm sanh thì món món pháp sanh. Pháp tức là sự và lý. Do vì sự nó chẳng tự thành, phải đặng có lý nên mới thành được, còn lý nó chẳng tự rõ, phải do nơi sự nên mới rõ ra được.

Chính chỗ mà người xưa bảo rằng : cử nói lên pháp đều là tâm, cử lên nói tâm đều là pháp. thế nên cả thập giới đâu chẳng duy tâm duy tánh.

Xưa có bài kệ rằng :

Thập ban pháp giới hoạ thành đồ

**Trực chỉ nhân tâm kiến dã vô
Tứ thánh lục phàm tùy nghiệp huyễn (ảo hoạn)
Phù vân tán tận nguyệt luân cô,**

tạm dịch

mười miền pháp giới vẽ nên đồ;
Chỉ thẳng tâm người thấy biết mô ?
Bốn thánh sáu phàm theo nghiệp đối
Mây mờ tan hết, nguyệt tròn phô.
Tâm hành của Thánh phàm 10 giới
Lời chân ngôn phá địa ngục

Khi tụng thần chú đây, phải quán tưởng : tiếng đọc chú và uy quang của Phật đều giáp khắp thấu đến các địa ngục trong mười phương địa ngục mười phương đồng thời đều phá tất cả các tội nhân đều được dứt nghĩ khổ não.

Án già ra đế da ta bà ha

Đây là vĩnh ly ác đạo

Pháp giới đã duy tâm sở tạo, thì địa ngục cũng duy tâm sở phá, chẳng đợi nói mới rõ ă. Sao thế ? thưa : Do hoặc mà tạo ra nghiệp, do nơi nghiệp rồi vời lấy khổ. hoặc : Tức là vô minh vô minh nó không có tự tánh, nó lấy chân như làm tánh. Mà chân như thì thanh tịnh : trong trống vắng lặng dường như cõi hư không thế, từ đâu có hoặc ? Hoặc đã chẳng sanh, nghiệp cũng phi có, thì địa ngục các khổ, theo niệm tiêu tan mất.

Chân Ngôn; tánh chân như của Phật, đủ cái trí canur bốn do nơi trí căn bốn nó lưu thông ra cái trí hậu đắc, do nơi trí hậu đắc nó lưu lộ ra cái tâm đại bi, từ nơi tâm đại bi nó chảy đưa ra phép thần chú bí mật. nên phàm là thần chú đều từ nơi chân như thực tế của Phật chảy ra nên nói là chân ngôn, nghĩa là bởi chân như hiện ra chân ngôn.

Nếu người trì tụng thần chú, phải biết : mỗi câu cũng từ nơi tự tánh chân như nó lưu ra, do vì trong có cái quán trí rõ rõ, ngoài nương tiếng thần chú rành rành, trí và chú thông nhất, tức thời cảm đến hào quang của chư Phật chiếu lẫn nhau, soi suốt mười phương địa ngục và các ba giới đều chẳng giải thoát, đương thể hoá làm pháp giới thanh tịnh.

Địa ngục gồm có ba chỗ

Một, tám địa ngục nóng : là ngục căn bản ở trung ương, vì có các ngục nhỏ ở chung quanh.

Hai, tám địa ngục lạnh : cũng như trên đã dẫn.

Ba, địa ngục ở ngoài hiên : là những ngục ở nơi hẻo lánh trên nhân gian.

AN LẬP TÁM TƯỚNG ĐỊA NGỤC NÓNG

Châu Nam Thiệm Bộ

Địa ngục Thổ Nê cao 500 do tuần

Địa ngục Bạch Thiệm cao 500 do tuần

1. Địa ngục Đẳng hoạt sống 500 tuổi

2. Địa ngục Hắc thằng sống 1000 tuổi

3. Địa ngục Chúng hiệp sống 2000 tuổi

4. Địa ngục Hiền kiêu sống 4000 tuổi

5. Địa ngục Đại kiêu sống 8000 tuổi

6. Địa ngục Diêm Nhiệt sống 16.000 tuổi

7. Địa ngục Cực nhiệt sống nửa kiếp

8. Địa ngục Vô gián sống 1 kiếp

Từ địa ngục Đẳng hoạt đến địa ngục Cực Nhiệt là 7 địa ngục bề cao cộng là 19.000 do tuần, mỗi cái bề rộng một vạn do tuần.

Người ta nói : địa ngục ở dưới đáy đó, tức là địa ngục vô gián ở số tám đây vậy.

Tám sở địa ngục nóng đây, chồng chất với nhau mà trụ ở dưới châu nam Thiệm bộ, hai ngục trước đều có chủ ngục trị tội; ba ngục kế đó ít có chủ ngục trị hành ; ba ngục sau không cần có chủ ngục trị, vì tự nghiệp của tội nhân nó tự hành khảo lấy. tám sở này làm căn bản nơi trung ương, mỗi sở đều có mười sáu sở du tăng vây ngoài bốn cửa thành, liên cộng với ngục căn bản thành số là một trăm ba mươi sáu ngục. trong ngục sức lửa nóng dữ lắm như hòn đá tư vuông một trượng để vào trong ngục lửa này, tức thời đá tiêu tan. chứ như lửa ở nhân gian để một viên đá nhỏ, dù đốt lâu mấy, đá ấy cũng chẳng tiêu. So đó để biết lửa ở địa ngục nóng là bực nào, nên gọi là nhiệt ngục.

Tám sở địa ngục nóng, lần lượt dẫn giải ra dưới :

Một, ngục Đẳng hoạt : chúng sanh ở ngục này, mười ngón tay đều sanh ra móng tay bằng sắt, hễ có giận nhau, thì cào cào với nhau, tay vừa bầu đến đâu là móc thịt rớt ra tới đó, liền xiêu chết ngay, hoặc quỷ ngục tốt kêu bảo sống, tức thời sống trở lại, hoặc có một luồng gió lạnh thổi đến, làm cho sống lại, hai duyên có ấy tuy khác, chứ khiến cho sống, tức thời sống trở lại, hoặc có một luồng gió lạnh thổi đến, làm cho sống lại, hai duyên có ấy tuy khác, chứ khiến cho sống lại thì cũng đồng một lẽ. chịu hết tội ở ngục Đẳng hoạt rồi, theo thứ lớp ra chịu tội hành ở nơi mười sáu du tăng là ngục nhỏ nữa, mỗi chỗ cũng đều sống lâu năm trăm tuổi, do lúc ở nhân gian, buôn lung thân khẩu ý tạo nghiệp bất thiện mà gây nên.

Hai, ngục hắc thằng : quỷ ngục tốt lấy dây mà gây nên, trói thân người tội, lưỡi búa theo đường dây mà chặt thân đứt ra trăm ngàn khúc; lại trói lấy cưa cưa đó, hoặc lấy dây sắt nóng vắn thân riết đứt thấu xương, như thế chịu hết tội ở ngục hắc thằng rồi, ra theo thứ lớp chịu tội hành ở mười sáu ngục du tăng nữa. Mỗi ngục đều sống một nghìn tuổi, do lúc ở nhân gian, tạo những nghiệp nghịch với Cha Mẹ. Phật và các Thánh Thanh Văn mà gây nên.

Ba, ngục chúng hạp : là hai hòn núi hiệp lại với nhau, để ép người tội, xương thịt nát tan, rồi hai núi dãn ra hoàn về chỗ cũ, thống khổ muôn điều, như thế chịu rồi ra, với mười sáu ngục du tăng theo thứ lớp vào chịu nữa, sống ngàn tuổi do tạo ba ác nghiệp, chẳng làm ba thiện nghiệp mà gây nên.

Bốn, hiện kiều ngục : cũng gọi là kiều hoán, cũng gọi là hô hô. Quỷ ngục tốt bắt người tội liệng vào trong cái vạc lớn để nấu, kêu la nhảy nhót, đau khổ muôn trạng như thế chịu rồi, lại theo thứ lớp vào mười sáu ngục du

tăng chi nữa, sống bốn ngàn tuổi, bởi ôm lòng độc sâu khuể, tạo các hạnh ác mà gây nên.

Năm ngục đại kiêu : cũng tên là ngục địa hô, đem người tội để vào cái chảo sắt, hoặc cái vạc sắt để nấu sôi, rồi lại liệng lên trên cái tấm vỉ sắt lớn để quay ram. Như thế chịu rồi, lại ra theo thứ lớp mà vào mười sáu ngục du tăng để chịu hành tội nữa, sống tám ngàn tuổi. bởi gây cái lưới ái tà kiến, tạo cái hạnh thấp hèn mà chiêu cảm lấy.

Sáu ngục viêm nhiệt : cũng kêu là ngục thiên nhiên, tội nhân ở trên cái lầu bằng lửa, hoặc ở trong thành bằng sắt, hoặc ở trong cái lò gốm bằng sắt lớn, trong ngoài đều hực đỏ, da thịt bị cháy rã như thế chịu ở ngục đây ra rồi, lại còn theo thứ lớp vào mười sáu ngục du tăng để chịu tội nữa, sống một vạn sáu ngàn tuổi, do đốt sanh mạng mà gây nên.

Bảy ngục chứng nhiệt : Cũng kêu là ngục địa thiêu nhiên cũng gọi là cực nhiệt, thành bằng sắt lửa đốt cháy trong ngoài đều đỏ, hầm lửa, núi lửa. ngục tối cắm cây thiết xoa đâm vào thân tội nhân đem để dựng đứng trong lửa, chịu tội rất lâu rồi lại vào nơi mười sáu ngục du tăng chịu hành tội nữa, sống nửa kiếp do bỏ quả lành làm hạnh ác gây nên.

Tám ngục vô gián : cũng tên vô trạch, lột da vắn thân để trên xe lửa, hoặc bánh xe nghiền nát ra, hoặc để vào thành sắt toàn lửa cháy không có chỗ trống, thông khổ vạn đoạn, không chút xen nghỉ, đây tức là ngục ngũ vô gián, như thế chịu rồi tội ở ngục đây, lại theo thứ lớp phải vào mười sáu ngục du tăng để chịu hành tội thêm nữa, sống một kiếp tuổi do trước kia ở nhân gian tạo những tội ngũ nghịch thập ác mà gây nên cái kiếp bị đày đoạ ở ngục vô gián này.

Từ ngục Đẳng hoạt đến ngục cực nhiệt là bảy ngục cộng bề cao là một vạn chín ngàn do tuần, bề rộng đều một muôn do tuần; riêng về ngục vô gián bề cao và bề rộng đều hai vạn do tuần.

Tám ngục nóng, mỗi ngục đều có 4 cửa, 1 ngục cộng là 16 địa ngục nhỏ gọi là du tăng.

Luận Bà Sa nói : 8 ngục nóng, mỗi ngục đều có bốn cửa, phía ngoài đều có bốn du Tăng ; tội nhơn đạo qua kia chịu khổ thêm vậy. Kinh Chánh Pháp niệm nói : Khô ở địa ngục vô gián, gấp ngàn lần hơn 7 địa ngục lớn trước v.v....

Đồ tướng an lập của tám sở địa ngục lạnh

Tám ngục lạnh đây, vị trí ở dưới núi thiết vi. tội nhana đi ở bằng cách ngửa mặt hướng lên; hai ngục trước do nơi thân tướng chịu đặt tên; ba ngục kế đó là do nơi thanh tướng mà chịu đặt tên; ba ngục sau là do nơi cái tướng ghê mà chịu đặt tên. đều là cực kỳ lạnh rét ép ngặt !

Sống lâu nhiều như cái học nước Kiều tát là, lường hai mươi học hột mè, giả như có người sống lâu, cứ mỗi một trăm năm lấy bỏ ra một hột mè, cứ như thế mãi, chừng nào lấy ra hết số hột mè của hai mươi học ra, mới là hết số tuổi sống ở địa ngục án phù đà, hai mươi lần tuổi sống của án phù đà mới là làm số tuổi sống của ngục Ni lại phù đà. Cứ như thế, cả tám ngục theo thứ lớp mà tuổi sống cứ gấp bội phần tăng lên.

Ngoài tám nóng tám lạnh ra, riêng có các ngục lớn, nhỏ, danh ngạch vô lượng, đủ như trong các bộ Kinh luận kể rõ.

Trong bộ Lục Trang Thung chép : Những địa ngục côi quạnh riêng một mình, thì ở nơi các chỗ trong châu Diêm phù đề, như là : hoặc nơi đồng hoang rộng vắng; nơi chính giữa núi rừng; nơi bờ biển; nơi trong đình miếu v.v.. có cả đến tám vạn bốn nghìn toà, khổ báo dần dần nhẹ ít. Các địa ngục nhỏ đây, phải chịu xen lộn vừa hàn vừa nhiệt, sự chịu khổ : có kẻ nhiều, có kẻ ít; với tuổi sống : có kẻ dài có kẻ vẫn.

Các ngục ở bên biên, như các sở mà ông Tăng Hộ đã đi đến thấy đó; các ngục ở giữa núi, như là : Thái sơn, phong đô, lại như các sở mà ông Úc nhĩ đã đi đến ngó thấy đó v.v...

Lời chân ngôn phổ triệu thỉnh

Khi tụng thần chú đây, quán tưởng cả mười phương, ba đồ, sáu đạo tất cả chúng sanh, vâng uy quang của Phật, trong nhứt thời này đồng đến nơi đạo tràng để rồi thụ thí thực.

Nam mô bộ bộ đế lý già rị đa lý đác đa nga đa da.

Phổ : Khắp trước, đã phá các địa ngục và các nghiệp đạo buộc ngăn, thì nghiệp đạo của địa ngục đương chỗ giải thoát, e hành nhân là người làm việc thí thực, tâm quán tưởng chẳng được tinh thành, không thể khiến cho chúng sanh kia ứng theo lời vời mà đến, nên lại tuyên lời thần chú để khắp với

chúng sanh tội khổ trong pháp giới, tìm theo ánh hào quang liền đến đạo tràng.

Hỏi : Mười phương ba đồ xa cách vô cùng làm sao có thể khiến cho chúng ứng theo lời vời liền đến ?

Đáp : Tự tâm tha tâm, vẫn không xa gần, nhân vì mê nên có cách, nay nương sức gia trì thần chú, cảm sức uy quang của Phật, khắp khiến mười phương đều thành cảnh thắng diệu, không còn cái tướng viển cận, nên khiến một lời triệu thỉnh liền đến đặng ngay.

Lời chân ngôn giải oan kiết

Khi tụng thần chú đây, quán tưởng chúng sanh trong sáu đường, đều vắng chú lực và Phật lực, khiến cho điều oan kiết từ vô thi, đều được nhứt thời thanh tịnh.

Á tam đà ra già đà ta bà ha.

Từ vô thi lại nay, quấy sanh cái lòng phân biệt nhân và ngã : kêu bằng ta làm chủ, còn người là đôi phương với ta, mà rộng ra kết dây oan thù; nay e mỗi mỗi chúng kia lấy mạnh lướt yếu rồi gây chướng nạn nữa : hoặc chợt hiện ra các điều chướng, hoặc rớt rồi sanh tâm bất bình, hoặc nhận thấy nhau mà dấy điều nhiệt nã, nay nương cái công gia trì thần chú, khiến cho mỗi mỗi chúng kia từ vô thi oan kiết chỉ trong nhứt thời này được giải thích, kính ái lẫn nhau, đồng đến nơi pháp hội bình đẳng.

Phụng thỉnh Tam Bảo.

Xét bốn kinh Diệm Khẩu : nửa phần trước đều là về sự kết lập đàn tràng, phụng thỉnh Phật thánh, bày ra các món cúng dường; nửa phần sau là vào Quan âm định rồi, sau mới phá địa ngục, và triệu thỉnh các đẳng u hồn trong lục đạo. nay vẫn thí thực đây lại trước thì phá địa ngục, sau mới triệu đó là do ban sơ tụng một bài kệ Duy tâm chỉ thị ra chỗ phá ngục, tức là đạo tràng rồi.

Khi thần chú này, phải tưởng tất cả Quý thần đều nhứt tâm trường quý chấp tay, rập tiếng xưng dương hiệu Phật :

Nam mô Đại phương quảng Phật Hoa nghiêm kinh

Đó là đề mục của bộ kinh Hoa Nghiêm, tức là ngôi như thể Tam bảo : Đại phương quảng là Pháp bảo; Phật là Phật bảo; Hoa nghiêm là Tăng bảo.

Đại, tội cõi hư không còn có thể đo được, chứ với cái thể của đại đây không sao đo được, vì nó không có biên bờ. phương thì với tội biển khơi còn có thể uống được, chứ với cái pháp của phương đây không thể uống hết được, vì pháp môn nó vô tận; Quảng thì nghiền nát các cõi Phật nhiều bằng số vi trần ra bụi, với bụi ấy còn có thể đếm được, chứ với cái Dụng của Quảng đây không thể đếm được, vì Dụng nó không thể lường; Phật thì lia năng giác, sở giác, muôn pháp sáng suốt; Hoa, thì bát ngát phơi ra muôn hạnh, tươi rõ các đức Nghiêm thì tròn đức hạnh nay, để trau giồi mười thân kia; kinh thì xỏ râu từ chữ từ câu để thành ý nghĩa vi diệu.

Do thế, cứ lên nói đề mục liền đã gồm hết toàn kinh số là Kinh đây, là Phật Ngài hiện ra Viên mãn báo thân phóng hào quang để gia bị cho các vị Đại Bồ tát, mà các vị đại Bồ tát đều vâng uy lực nói ra cái tâm viên mãn pháp giới, kiêm nói cái nét hạnh của lịch kiếp.

Nếu có vẽ thấy người nghe lay tụng Kinh này, đặng ích vô lượng.

Tổ Thiên Thai Đại sư nói : chỉ nghe cái đầu đề Kinh này đã được công đức vô lượng.

Tổ Thanh Lương làm lời tựa, có câu rằng : thấy nghe làm giống lâm nạn siêu lên bực thập địa, là đây gọi thể chẳng.

Nam mô thường trú thập phương Phật

Nam mô thường trú thập phương pháp

Nam mô thường trú thập phương Tăng.

Từ đây sắp xuống là biệt tướng Tam bảo.

Ba đời chẳng đổi, muôn kiếp vẫn còn là thường : pháp thân khắc giáp lóng đứng chẳng động là Trú. Tam Bảo đều là thường trú chẳng diệt, lần khắp mười phương. như thể, biệt tướng, có biểu đồ ở văn sám hối.

Nhứt thể : là như thể Tam bảo, cũng gọi đồng thể Tam bảo.

Biệt tướng : là biệt tướng tam bảo.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Đây là đức giáo chủ ở thế giới Ta bà, làm Bổn sư của chúng sanh cả chín cõi.

Thích Ca dịch là Năng nhân, là họ, nghĩa là hay thực hành nhân đức rộng giúp ba giới. Mưu Ni, dịch : Tịch mặc, là tên Tụ, nghĩa là hoặc nghiệp vắng bật lui đến lặng im.

Trước ở trong nội viện trên cung trời Đâu Suất, hiệu là Hộ Minh Bồ tát bấy giờ, lấy cơ duyên của chúng sanh sở cảm, chuyển thân từ cung trời Đâu Suất, giáng sanh xuống nước Ca tỳ la vệ, cha là Tịnh Phạn vương, mẹ là Ma Da phu nhân : phu nhân nằm mộng thấy Bồ tát cõi bạch tượng sáu ngà, từ trên trời giáng xuống, vào nơi sườn phía hữu về sau, thân ý thư thái với điềm tượng ấy, đức ba thường thấy thế mãi.

Đến giờ sắp sanh, Thánh mẫu ngự ra thượng uyển (lum Bỳ ni) gặp cây vô ưu nở rộ, thánh mẫu đưa tay hữu lên vịn cành hoa, bất ngờ Bồ tát từ nơi sườn phía hữu đản sanh (đó là sanh nở bằng cách hoá sanh : Sanh bằng cách biến hoá, nên muốn gá vào nơi sườn để biến hiện ra, còn như đức Di Lặc sau này gá nơi trán mẹ để hiện sanh, đó cũng là hoá sanh; chớ chẳng phải như thai sanh đâu mà phải do nơi cửa mình mẹ đẻ sanh. phải biết cõi ta bà này có bốn cách sanh là : Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hoá sanh), bấy giờ có chín con rồng phun nước, đùng bồn vàng tắm gội thái tử đi tới lui qua lại mỗi hướng đều bảy bước, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất, thốt tiếng rằng : trên trời dưới trời chỉ có ngã tướng là độc tôn v.v...

Phụ hoàng dẫn đến lễ yết miếu Phạm thiên, tượng trời bồng đứng dậy làm lễ lạy.

Nhà vua về đền, vời nhóm quần thần để vì đặt tên cho Thái tử là Tát bà tát đạt đa dịch :Như thế nghĩa thành tựu. năm lên tám tuổi học rộng lục nghệ (lễ, nhạc, xa, ngự, thư, số), phàm những kinh sách của thế gian bấy giờ, đâu chẳng học thuộc lầu cả.

Vua cha cưới nàng Da Du Đà La cho Thái tử làm hiền thê, với đức niệm rất thanh tịnh, do vì tức duyên nên chỉ vào bụng phi mà tiên đoán rằng : Sau sáu năm quy phi sanh con trai (mang thai sáu năm sanh La hầu la).

Thuở ra dạo chơi bốn cửa thành, gặp các người già, người bệnh, người chết, và thần Sa môn (tu sĩ của đạo Bà la môn), thì cái tâm xuất gia càng thực giục.

Năm lên 19 tuổi, đêm 19 tháng 2 (Kinh Nhân quả ghi là ngày mùng 7 tháng 2) bốn vị Thiên vương bỗng chun ngựa ra cửa thành phía bắc, đến núi Đản Đặc, tạm nghỉ trong rừng, lấy gương mang bên mình ra cắt tóc thốt lời thệ nguyện rằng : Nguyện cùng tất cả chúng sanh dứt phiền não.

Bấy giờ vị Trời Tịnh Cư hoá thân làm một người thợ săn, thân đắp áo cà sa, Thái tử lấy áo châu ngọc đổi cho người, Thái tử vào núi Di Lâu theo hai vị tiên nhân là A Lam, Ca Lam để học phép định bất dụng xứ được ba năm. Lại theo ông Uất đầu lam, luôn ba năm để học phép định phi phi tướng tự biết là chẳng phải chánh pháp, bèn bỏ đi nơi khác.

Đến núi tượng đầu, ở lẫn trong chúng Ngoại đạo, tự tu khổ hạnh, đến đổi ngày chỉ ăn một hột mè một hột bắp, lấy cái công : vô tâm, vô ý, vô thụ vô hành, các vị tu sĩ Ngoại đạo đều chịu học theo ; tu như thế sáu năm, tự biết sắp thành đạo, tự nói : vay đây phi giải thoát, phải ăn trước đã, sau thành Phật đạo.

Bèn đến sông Nê Liên để tắm gội, thụ lãnh bát sữa cháo của Mục nữ cúng hiến mà ăn, dần dần tướng hảo bình phục lại như xưa (tu khổ hạnh sáu năm, thân thể gầy ốm, chúng sanh nhục nhãn, khó dùng kính tin, nên trước phải ăn).

Tìm đến bên cội cây Tất bát la (cây bồ đề cũng kêu cây da Lâm vồ), vị Thiên Đế Thích (vị Thiên chủ ở trời đạo lợi đánh núi Tu di) hoá thân ra làm một đồng tử tên là Cát Tường tự cắt cỏ đem lót chỗ ngồi bên gốc da, là đêm mùng bảy rạng mùng tám tháng hai (nhà Châu Kiến tỳ tháng 11 ta làm tháng giêng, thì Sửu là tháng hai, tức tháng 12 ta ; nhà Hán kiến dần tức tháng ba nhà Châu làm tháng giêng, thì Sửu là tháng 12 tức tháng hai nhà Châu, mà tháng chạp của ta ngày nay. Vậy với ngày Phật thành đạo; nếu cứ niên lịch nhà Châu, thì là ngày mùng tám tháng hai của nhà Châu, tức là mùng tám tháng chạp của niên lịch nhà Hán, tức cũng tháng 12 của ta ngày nay. Lại thuyết mùng bảy tháng tư đẹp Ma mùng tám thành đạo).

Đã ngồi lên toạ cỏ rồi, phóng quang đẹp Ma xong, liền vào chánh định, đến giờ Tỳ (chính là đầu ngày mùng tám) chợt thấy sao Mai mọc sáng liền ngộ đạo thành Phật (ta bảo khi đương nhập định, chưa rảnh để thấy, đến khi

ra định, vô đề ý mà thấy mình tinh chạm đến cơ duyên mà ngộ Phật đạo, bảy giờ 30 tuổi).

Với nơi Kim Cang (trong Kinh nói : bên gốc cây Lâm vô, có cái toạ bằng chất Kim Cang, là cái Mún của trái đất ta bà), hiện ra cái tướng Viên mãn báo thân, luôn hai mươi một ngày, vì bực đại căn Bồ tát mà thuyết kinh Hoa nghiêm hạng tiểu căn thấy Phật vẫn là thân một tượng sáu của tướng Tỳ kheo đó thôi.

Bảy giờ có các vị : Phạm Vương, Đế Thích và cả Chư Thiên đến thỉnh Phật chuyển pháp luân. với ngày sau ba tuần thất, Phật ngài đến vườn lộc giả, trước nhứt độ năm tu sĩ là bọn ông Kiều Trần Như.

Lại đến nước Ma Kiệt Đà, hoá độ ba anh em ông Ca Diếp Ba và các ông Xá Lợi, Mục Liên theo thứ lớp đều đắc độ, đồng thành đạo quả Thanh văn.

Như thế thuyết pháp hơn ba trăm hội, độ người nhiều đến vô lượng.

Ngài sống được tám mươi tuổi, mà vào cõi Niết bàn. Đó là một thời kỳ đức Như lai ra đời giáo hoá.

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ tát

khấp vận cái tâm tam duyên, nên nói là đại bi. Quan : tức là trí của Bồ tát; Thế âm : tức là tiếng của chúng sanh ở chín cõi. Nghĩa là chúng sanh có bị khổ thì ắt thốt tiếng lâu xa, nghe Phật Vô lượng uy đức tự tại quang minh vương Như lai thuyết thần chú Đà la ni (biến thực chân ngôn) đem trao cho đức Thích Ca, đến nay Đức Thích Ca thành Phật, Quán âm ngài bí mật hoá hiện ra cái thân Điện Nhiên Quí vương, để bảo A nan thừa thỉnh nơi Phật mà nói ra thần chú đây, đặng rộng giúp cả chúng sanh ở cõi minh và cõi dương.

Lớn lao thay ! Đức Quán âm, vận lòng từ vô duyên, làm người chẳng đợi mời, từ mấy ngàn năm lại kịp qua đời sau, đều nhờ lấy đức của Ngài đó, mà pháp này chẳng bị suy sụp, cái công huân rất lớn đó, trong muôn kiếp đâu có thể tột được một phần muôn !

Tâm tam duyên : một chúng sanh duyên từ bi, nghĩa là lấy một cái tâm từ bi xem : chúng sanh trong năm đạo mười phương cũng như xem : cha mẹ, anh em, chị em con cháu duyên đó mà thường nhớ cái tâm cho vui bớt khổ, nên gọi là chúng sanh duyên từ bi tâm.đó là phần nhiều ở nơi phàm phu

hoặc người hữu học chưa dứt phiền não mà khởi duyên này. Hai pháp duyên từ bi tâm...và ba Vô duyên từ bi tâm...thấy ở : Trí độ luận cuốn hai mươi Phật Trí luận cuốn năm và Kinh Niết bàn.

Nam mô Minh Vương cứu khổ Địa tạng vương Bồ tát.

Địa ngục, Ngạ quỷ, súc sanh thuộc về cõi u minh, Trời Người Thần A Tu la thuộc về cõi dương gian, nên gọi là Minh vương.

Đức Địa Tạng nguyện rằng : “độ hết chúng sanh mới chúng bồ đề (gồm cả Minh dương), địa ngục chưa không thể chẳng thành Phật” Chỉ nói cõi minh nên nói là “Minh Dương cứu khổ”.

Địa : đất hay sanh vạn vật; Tạng : kho chứa các báu; Vương : vua, đủ nghĩa tự tại. là nói : Bồ tát dùng cái tâm địa bất tư nghị hạnh nguyện để trùm chứa cái công đức hằng sa trí tuệ, mà đặc cái diệu dụng tự tại. do thế, đức Địa Tạng Ngài từ trong vô lượng kiếp, giáo hoá vô lượng đệ tử đã thành Phật, mà Ngài vẫn còn ở cái địa vị Bồ tát, sở dĩ chưa nguyện thành Phật đó, chớ đâu phải chẳng nguyện thành Phật ư.

Chín bởi với chúng sanh độ hết, thì nguyện của ngài mới hết, mà đấng này độ chúng sanh chưa hết, nên nguyện của Địa Tạng chưa hết, nguyện của ngài chưa hết, thì cái tâm độ người của Địa Tạng đâu có giờ nào hết được ru !? nên với hạnh nguyện của Địa Tạng, trọn không có Bồ tát nào mà có thể hơn được.

Lại, Kinh Địa Tạng nói Đức Thế Tôn vờ lên cườm tay vàng vò trên đầu Địa Tạng mà nói lời này : Địa Tạng ! Địa Tạng ! thần lực của ông chẳng khá nghĩ bàn; tâm từ bi của ông chẳng khá nghĩ bàn; trí huệ của ông chẳng khá nghĩ bàn; biện tài của ông chẳng khá nghĩ bàn ! đối với việc chẳng khá nghĩ bàn của ông, dẫu mười phương chư Phật khen ngợi rao nói mãi ngàn muôn kiếp đi nữa cũng chẳng kể hết !

Nam mô khởi giáo A Nan Đà tôn giả.

Ngài A Nan đã chịu lời kinh cáo của đức Diên Nhiên, đến cầu thỉnh đức Như lai thuyết ra pháp môn đây, nên gọi rằng khởi giáo. Tiếng phạm là A Nan Đà, dịch Khánh Hỷ, sanh nhằm ngày đức Thái Tử thành Phật, nên đặt là Khánh Hỷ (nghĩa là mừng mừng vì một là được tin Thái tử thành Phật, hai là trong cung nhà Thúc báo tin sanh vương tử, chỉ trong một ngày mà hai tin ấy nên tên mừng mừng) A Nan đà là con Bạch Phạn vương (có chỗ nói với

con Học Phạm Vương), tòng đệ của Phật. sau xuất gia làm thị giả của Phật ông có cái huệ đa văn bậc nhất.

một bữa nọ, A nan ngồi một mình trong rừng để nhập định, lúc canh ba thấy một vị Nga quý miệng phực ra lửa ngọn, đầu tóc tủa khỏi thân hình xấu ghê, hai tay hai chơn và cả lông đốt đều có tiếng trều trệu như chiếc xe hư, đói khát như lửa cháy, cần cổ, nhỏ tợ mũi nhọn, nanh và móng tay dài suốt như gươm, cực kỳ thống khổ, khó mà nỡ thấy !

A Nan hỏi : danh tự là chi ?

Đáp : Diên Nhiên, ông sau ba ngày sẽ đoạ làm Nga quý

A Nan hoảng kinh hỏi : có phương pháp nào được khỏi ?

Nga quý đáp : qua rạng sáng ngày mai, ông dùng các thức uống ăn đem bố thí cho loài nga quý nhiều bằng số trăm ngàn ức hằng hà sa, và cúng dường cho vô lượng Bà La môn Tiên, Diêm la làm chủ, các Minh quan nơi nghiệp đạo, cả các quỷ thần, các vong hồn đã chết trước từ lâu xa, mỗi mỗi bằng bảy lần bảy hột âm thực như cái hột của nước Ma Kiệt Đề dùng đó và vì chúng tôi mà cúng dâng ngôi Tam bảo, để cho chúng tôi được lìa khổ địa ngục nga quý, siêng lên thiên thượng thì ông mới thêm tuổi thọ.

A Nan kinh sợ, sớm mai yết kiến Phật, thưa lại chuyện trên.

Phật dạy : ông chớ quá ư lo sợ ! Ta nghĩ nhớ lại trong quá khứ vô lượng kiếp, thuở đó ta làm người dòng Bà la môn, đói trước Ngài Quán Thế âm, ta thụ được pháp đà la ni (biến thực chân ngôn) của Phật vô lượng uy đức Tự tại Quang minh Như lai; ta nay bảo người: nếu trì tụng thần chú đây, niệm được bảy biến có thể khiến cho một món ăn nó hoá ra làm vô lượng món ăn, đều thành mùi vị cam lộ rất ngon nhưt, liền hay đầy đủ cho trăm nghìn số cu chi, Na do tha, hằng hà sa số, tất cả nga quý, Bà la môn, chư Tiên, dị loại Quỷ thần, đều mỗi mỗi đặn các thức ăn đưng đầy theo hột của nước Ma Kiệt đề, và đều đấc Thánh quả, hoặc sanh tịnh độ mà ông liền đặn thêm tuổi thọ. (Trung quốc xưa Lương võ Đế kiến thiết đàn chay thuỷ lực và đời Đường ngài Kim Cang Trí Pháp Sư tu pháp Du già thí thực, mở ra các sự cúng dường, đều do gốc nơi đây cả.)

Nga quý trong sách Phật, một danh loại này nó gồm thâu cả thiên thần địa kỳ các vị thần minh.

Đời Đông Hán ông Trịnh Huyền nói : tinh khí của thánh nhân gọi là Thần, tinh khí của Hiền nhân gọi là Quỷ. Thi Tử nói : Thiên thần gọi là linh, Địa thần gọi là Kỳ, Nhân thần gọi là quỷ. Nay Nội điển nói là Quỷ thần đó, thần Năng Bực có đại lực, thì năng dời núi lấp khe, còn tiểu lực thì năng hiển biến hoá. Quỷ sợ. Luống khiếp nhiều sợ ! Lại, Quỷ: Uy. Hay khiến sợ uy. Chỗ ở có chánh trụ biên trụ. Quả báo thì có : hữu uy đức, vô uy đức, chủng loại nhiều vô lượng, quả báo cũng đều khác nhau. Sách chánh lý luận, nói có ba phẩm chín loại, kinh chánh pháp niệm nói có ba mươi sáu chủng loại; thí thực nghi lời chú nói có mười sáu bộ quỷ vương; Kinh đại kiết nghĩa chú, nói có bốn vị Thiên Vương thống lãnh tám bộ quỷ thần v.v...

Quỷ đạo hai loại phân ở hai chỗ :

1. Chánh Trụ : dưới châu nam diêm phù đề, cách chừng năm trăm dặm có thành Diêm la chu vi là bảy vạn năm trăm ngàn dặm, Diêm vương thống lãnh quỷ chúng, an trụ giữa trung ương đó; lại tại trung gian hai núi thiết vi là chỗ mà ánh sáng của Nhật Nguyệt không chiếu tới được trong đó có rất đông loài ngạ quỷ.

2. Biên Trụ : giữa bốn Châu, những danh sơn, đại xuyên bể cả, bên biển, hang núi, giữa chỗ trống không gò mã xưa nồng rừng, chỗ mới ở nhà vườn cũ nơi bình phong cầu tiêu cả các chỗ bất tịnh; thấy đều có quỷ này ở đó.

Thứ quỷ có uy đức : ở các chỗ giữa núi, trong hang giữa chỗ trống không, bên bờ biển, đều có cung điện bằng thất bửu trang nghiêm, mỹ lệ phi mắt nhân gian thấy được.

Thứ quỷ không có uy đức: Nương dựa nơi chỗ bất tịnh phần ược, lùm cỏ, bụi cây gò mã, bình che nhà xí gò hoang nương nơi, vật gì đó dựa nơi bóng chàng dựa bóng âm u, chớ đều chẳng có nhà cửa cung điện chi cả.

Uy đức có hai hạng

1. Hữu phước hữu đức là chánh thần :

Trong bốn châu thiên hạ, những núi có danh thắng sông lớn, như ngũ nhạc, tứ độc, thành hoàng, thổ địa v.v... đều có chỗ chấp chỗ chủ, có quốc tế, có nhân dân thờ cúng hương lửa đời đời, có phước giúp cho nước nhà dân thứ, nên gọi là chánh thần.

2. Có phước không đức là Tà thần

Các đấng Quỷ Thần như : Dạ xoa, La sát, Ly My, Vồng lượng, thứ nường dựa nơi vật gì đó, để làm sự quái my, thứ nường dựa nơi đình làng, miếu xã, để đem điều phúc, hoạ làm bậy kiếm ăn hưởng cúng nơi huyết thực dân từ.

Thân lượng của Nga quý

Loại quý có ba điều chương ngại

Quý ở bốn châu và hai cõi trời

Quý thần, nhưng duy có loại quý thần có uy đức mà thôi, mà phải làm kẻ hầu hạ để chư thiên kia sai khiến v.v...

Bốn châu là : Đông thắng thần châu, Nam thiêm bộ châu, Tây ngu hoá châu, Bắc uất đơn việt; cả bốn châu đều ở ngang giữa nơi bốn phía núi Tu di đều có cung điện bằng thất bửu rất trang nghiêm.

Đao lợi thiên, dịch : 33 cõi trời. ba mươi ba cõi trời này đồng ở trên đỉnh núi Tu di, thuộc trong số thứ hai của cõi trời dục giới tức hạ giới, hiệp với tứ Thiên vương Thiên, đồng gọi là Địa cư thiên, nghĩa là hai trời này chơn còn đi sát mặt đất : Thiên đế Thích làm thiên chủ ở trung ương, còn 32 trời kia ở chung quanh ngoài phiên trần.

Quý có 3 phẩm 9 loại

Ba mươi sáu bộ Quỷ thần

Hoạch thang Quỷ : Quỷ vạc nước sôi, do chịu người mướn làm việc sát sanh, nên mắc tội bị sắc nấu trong vạc nước sôi ; hoặc chịu lãnh của người gởi, rồi chống cự chẳng trả, nên phải chịu quả báo đây.

Châm khẩu xú Quỷ : Quỷ miệng nhỏ như trôn kim, lấy tiền của mướn người làm việc giết hại nên cuống họng nhỏ như mũi kim, dầu một nhiều nước cũng không dung nút được.

Thực thổ Quỷ : Quỷ ăn mưa, chồng khuyên vợ bỏ thí, vợ sến tiếc nói không, chưa của bón rít, nên phải chịu báo thường ăn đồ khác nhỏ.

Thực phần quý : Quý ăn phần, do người vợ lừa dối người chồng, để riêng tự ăn uống, vì ghét hiềm chồng, nên phải mắc quả báo thường ăn phần uế.

Thực hoả quý : Quý ăn lửa, do ngăn cấm lương thực của người, khiến cho người tự chết đói, nên chịu những tội khổ lửa bốc cháy, kêu gào đói khát.

Thực khí quý : quý ăn hơi, chỉ tham lam tự an một mình các thức miếng ngon, ăn cho được nhiều, chẳng thí cho vợ con nên phải khổ thường bị đói khát, chỉ được hưởng lấy hơi thôi.

Thực pháp quý : Quý ăn pháp, nói pháp cho người nghe bằng cách vì tài lợi, nên phải bị khổ thường chịu đói khát, thân thịt nhót rút hết, nhờ nghe thuyết pháp mạng được tồn tại.

Ấm thủy quý : Quý uống nước, do nấu rượu trong như nước để đánh lừa người ngu, còn phần mình chẳng thí trai giới, nên mắc quả thường bị khô khát.

Hy vọng quý : Quý trông mong do dành giá mua bán, dối trá lấy vật của kẻ khác nên bị bệnh đói khát thường trông mong bà con tế tự để dâng dự hưởng.

Thực thoả quý : Quý ăn đồ khắc nhỏ đem đồ bất tịnh, gạt người xuất gia, nên thân thường đói khát, hằng bị nấu đốt, tìm đồ người khắc, và ăn những thứ bất tịnh.

Thực mang Quý : Quý ăn chuỗi anh lạc, do đời trước trộm lấy cái tràng hoa anh lạc của Phật, để dùng tự chửi diên; nếu có ai bị chuyện mà tục lệ buộc phải dùng tràng anh lạc bằng hoa cúng rồi đem bỏ, nhân đó mà được thụ thực.

Thực quyết Quý : Quý ăn máu do sát sanh để uống huyết canh và ăn thịt, mà chẳng thí vợ con, nên chịu thân quý đây, nhờ nhân gian lấy huyết thoa tế mà được hưởng đó.

Thực nhục quý : Quý ăn thịt do lấy thịt trong thân thể chúng sanh mỗi miếng đem cân bán mua dối trá, nhân đó mà chịu cái báo đây, nhiều lần dối trá xấu hèn, nên ai thấy cũng ghét gớm đó, thịt lộn xộn tế tự, mới được ăn đó.

Thực hương quỷ : Quỷ an nhang, bởi bán nhang, xấu mà lấy giá mắc nên nay chịu quả báo chỉ ăn khói hương sau bữa chịu báo bản cùng.

Tật hành quỷ : Quỷ đi nhanh nhà sư phá giới mà mặc ca sa lừa gạt lấy của hứa giúp bệnh nhân rồi chẳng giúp cho để của xài tiêu nên chịu báo đây, thường ăn đồ bất tịnh và tự đốt cháy mình.

Tứ tiện quỷ : Quỷ dòm rình địa tiểu tiện. do lập mưu gạt của chẳng tu phúc đức, bởi thế chịu báo đây mỗi lông trong mình ra lửa, ăn khí lực bất tịnh của người, để tự sống

Hắc ám quỷ : Quỷ tối đen, bởi đem điều làm oan uổng người để mưu cầu lấy tiền bạc, mà giam buộc người trong ngục tối, mắt chẳng trông thấy chi cả, thường cất tiếng đau thương, nên phải đoạ chỗ hắc ám, có rắn dữ nhả dây, đau dường dao cắt.

Đại lực quỷ : Quỷ sức lớn do cướp trộm vật của người đem cho bạn dữ, chớ chẳng cho bằng cách làm phúc đền nhân thụ báo đây dù có đại lực thần thông, mà bị nhiều khổ não.

Xí Nhiên Quỷ : Quỷ phùng cháy do phá thành cướp giết hại bá tính nên chịu báo đây than khóc kêu gào, khắp thân lửa cháy, sau được làm người thường bị cướp giật.

Từ anh nhi tiện quỷ : Quỷ rình con nít ỉa do giết con nít, sanh tâm đại nộ, nên thụ báo đây, thường dòm người đại tiện tra hại những đứa bé.

Dục sắc quỷ : Quỷ dâm dục do ưa ham hành dục được của cải, chẳng biết bố thí làm phúc đền, nên thụ báo đây, thường dạo nhân gian, cùng người giao hội quấy làm yêu quái, hù nhắc những người ngu dốt, để cầu sự cúng cho ăn được sống.

Hải chú quỷ : Quỷ còn biển, do kiếp trước đi ngoài đồng rộng, thấy người bệnh khổ dỗi gạt lấy tài vật của người nên nay sanh ở trong cồn biển, chịu khổ lạnh nóng, thập bội hơn người.

Diêm la vương chấp trượng quỷ : Quỷ cầm gậy cho vua Diêm La do thủa đời trước, làm đại thần thân cận quốc vương, chuyên hành bạo ác, nên chịu báo đây, làm quỷ cầm gậy để hầu Diêm La vương sai khiến.

Thực tiểu nhi Quỷ : Quỷ ăn con nít do luyện thần chú phép thuật, để lấy tài vật của người, giết hại heo dê gà vịt, chết đọa địa ngục, sau chịu báo đày, thường ăn tiểu nhi.

Thực nhân tính khí quỷ : Quỷ ăn tinh khí người, dối trá làm bạn thân, hứa rằng : ta vì bảo hộ cho người thúc hối người rán sức ra mặt trận mà chết, rốt chẳng cứu hộ gì cả nên chịu báo đày.

La sát quỷ : bởi đời trước giết nhiều sanh mạng để làm tiệc đại hội, nên chịu cái báo bị lửa đốt cháy đây.

Hoả thiêu thực quỷ : Quỷ ăn lửa cháy, do cái tâm sên tiếc, ganh ghét, che dấu, ưa ăn vật thực của chúng tăng trước đọa địa ngục ra nên chịu lò lửa đốt thân.

Bất tịnh hạn mạch quỷ : Quỷ ăn đồ bất tịnh nơi đường hẻm, bờ ruộng, do kiếp trước đem vật thực không sạch thí cho nhà Tăng phạm hạnh ăn nhân đọa báo đày ăn đồ bất tịnh.

Thực phong quỷ : quỷ ăn gói, do thấy nhà Khất sĩ đến xin, hứa mà chẳng cho, vật thực chi cả, nhân chịu báo đày, thường bị cái bệnh đói khát, như chịu khổ nơi địa ngục.

Thực thán quỷ : Quỷ ăn than, do làm chủ ngục hành hình căm chướng cho tù nhân uống nhân chịu báo đày thường ăn lửa than.

Thực độc quỷ : Quỷ ăn chất độc, do trước kia đem độc thực cho người ăn chết, nhân đó đọa địa ngục sau ra làm quỷ thường chịu đói khát hằng ăn lửa độc cháy thân.

Khoáng dã quỷ : Quỷ đồng rộng, giữa đồng rộng minh mông, có kẻ đào ao hay giếng nước để thí nước cho khách đi đường giải khát, mà có người thốt lời độc ác rằng quyết phá ao nước khiến người chịu khát, nên chịu báo đày, thường bị bệnh đói khát, lửa đốt cháy thân.

Trùng gian thực khối thổ quỷ : Quỷ ăn đất tro giữa gò mã, do trộm lấy bông hoa cúng Phật, đem bán lấy tiền để sanh nhai, nên chịu báo đày, thường ăn đất tro nóng nơi chỗ thiêu thân của người chết.

Thụ hạ trú quỷ : Quỷ ở nơi gốc cây do thấy người ta trồng cây để thí bóng mát kẻ đi đường nghỉ mát, mà sanh ác tâm đốn chặt cây đi, lấy cây để xài dùng nên đọa làm quỷ ở nơi cây để chịu cơn lạnh dữ nóng hung.

Giao đạo quỷ : Quỷ nơi đường giao thông do trộm lấy lương thực của người đi đường, bởi vì ác nghiệp đó, thường bị cưa sắt đứt đứt thân, nhân đó người ta cúng tế rồi đem bỏ nơi đường ngã giao thông, lấy ăn để tự sống.

Ma la thân quỷ : Quỷ thân Ma la là Trời Ma vương do hành tà đạo, chẳng tin đạo chánh chân, nhân đọa làm Ma la quỷ phá hại những người tu pháp lành.

BA MƯƠI SÁU VỊ QUỶ VƯƠNG

1. Ba tra bệ lệ đa
2. Bà la môn tiên
3. Bà tra Viễn hại đại lực
4. Nhã dạ xoa kiết cha
5. Bà la sát thực bất tịnh
6. Cơ hư thực phần
7. Ba tra phú đan na
8. bà xoa nhân các cha
9. Ba la đa nhiệt bệnh
10. A phụ tà nịnh truyền tống
11. Ba tra các cha
12. Bỳ đà la đa
13. Nhã kiện đà la
14. Ô ma lạc ca
15. A bạc ma la
16. Cưu bàn đồ la
17. Bỳ xá xà đa
18. Vi đà la đa
19. Phụ vật vi quái
20. Phong hành yêu quái
21. Súc hành tịnh mụi
22. Trùng thành trùng độc
23. Ôn suy lệ ngược
24. Âm mụi U thị
25. Tinh Minh vọng lượng
26. Minh Linh dịch sử

27. **A lý đế mẫu**
28. **Thực tiểu nhi tinh khí**
29. **Hà hải tinh mụi**
30. **Ba tra thực sí**
31. **Nhật nguyệt bặt thực**
32. **Ba la cha văn trà**
33. **Ba tra thực diên tiêu**
34. **Ba tra thực nung thuế**
35. **Bà tra thực thai huyết**
36. **Ba tra ma la**

Cả ba mươi sáu vị Quý, vương trên đó đều làm chủ trong ba mươi sáu bộ quỷ thần hay thống lãnh vô lượng chư quỷ chúng, nếu cử lên kê mới các vị quỷ chúa, thì cả bộ lạc các quỷ chúng đều phải thính lệnh thị tùng.

Bốn thiên vương thống lãnh tám bộ quỷ thần để bảo hộ đời người trong bốn châu, nên thiên hạ nhân dân được bình an nếu nhân loại đều biết tu thiện.

Loài quỷ ở rải rác trong các thú (nhàn, tu la, địa ngục, súc sanh), nhẩn đến trong phòng nhà chỗ các người ở, đều có Quỷ đây nhảy lẩn ở trong cả, nhưng người với Quỷ chẳng thấy lẫn nhau, cũng không trở ngại với nhau; đây đều bị dằm nơi không, sa nơi mờ dài mãi lâu kiếp chẳng đặng siêu thoát ! Dầu có đặng Phật pháp ánh Thánh chiếu tới, chạm mặt mà chúng cùng chẳng thấy nghe gì cả ! Bởi cái nghiệp chướng vô minh từ đời trước nó tự ngàn che đến thế, là chỗ mà trong kinh Phật bảo rằng : cả ngàn Phật ra đời, nó cũng không thể sám hối được. vì cái bốn nghiệp nó chẳng cho thực tế !

Về nương Phật

Về nương Pháp

Về nương Tăng

Về nương Phật đấng lưỡng túc

Về nương Pháp đấng ly dục

Về nương Tăng đấng giữa chung

Về nương Phật rồi

Về nương Pháp rồi

Về nương Tăng rồi.

Khi đọc phải quán tưởng: tất cả chúng sanh đều nhứt tâm quy y ngôi Tam bảo.

Sáu câu trước, chính là tuyên dương pháp tam quy; ba câu sau là ba kết thúc. Trước kia, thỉnh ngôi Tam bảo các Thánh Hiền; còn đây là vì tuyên pháp tam quy khiến cho về lẽ chánh đề mau thoát tam đồ.

Số là tam bảo tức đấng Từ Phụ của chúng sanh mà là bửu phiệt nơi khổ hai, người quy y Tam bảo phi chi công đức lợi ích cho một mình mà thôi, và lại còn có công ích khắp giáp cho cả chúng sanh nữa do thế hễ kẻ có tâm thì đều phải quy y Tam bảo.

Ngôi lương túc : phúc túc, huệ túc. Phúc đủ, nên chúng sanh trong chín cõi đều quy y, huệ đủ, nên tùy cơ đều thuyết pháp hoá độ được cả. dầu ai năng quy y, ắt cũng được phúc huệ đều đủ cũng như Phật vậy.

Ly dục tôn Lìa rời tình dục của hạ giới, cái dục nó làm gốc sanh tử, cái tình nó làm căn nghiệp quả, dục tình chẳng đoạn được, thì phải luân hồi mãi không thôi ! Nếu người mà tuân y theo giáo giới, ắt siêu khỏi biển tình dục.

Đấng giữa chúng, tức là ngôi chúng Trung tôn : Tăng sĩ đủ sáu hoà hiệp cả sự lẫn lý, Phạm hạnh (tịnh hạnh) cao cả, truyền pháp lợi sanh, làm Thầy giữa nhân và thiên, nếu người mà năng quy y về ngôi Tăng thì ắt lên bực Thánh.

Phật tử (hữu tình, cô hồn) chỗ tạo các nghiệp ác,

Đều bởi vô thi tham, sân, si,

Từ: thân, miệng, ý chỗ sanh ra,

Tất cả Phật tử (hữu tình, cô hồn) đều sám hối.

Đó là sám hối ba nghiệp.

Khi tụng bài này phải quán tưởng tất cả chúng sanh từ vô thi đã gây nghiệp chướng nay nhờ sám hối đều đặn tiêu trừ.

Phật tử hữu tình cô hồn do phân ra làm ba câu mà đọc như thế đó, e là chẳng phải thật bốn của Mông sơn; sách Lược giải lấy Phật tử gồm cả địa ngục, ngạ quỷ, lấy hữu tình gồm bàng sanh, lấy Cô hồn gồm cả các loại tam đồ, thế cũng chur chu tất. chưa bằng đọc ba lần đều chỉ dùng đọc một Phật tử là thoả hơn. Có bốn ba biến đều đọc là Ngã kim đó, bèn cho là thay vì cho quý loại mà đọc, là muốn cho tiếng của chúng đọc hoà rập một cách cho dễ vậy thôi.

Quy y rồi phải tỏ bày sám hối. Phật tử: Thánh Phạm đồng được xưng hô, mà có thân và sơ có khác nhau, Thánh : tức là các vị đã tu chúng ba thừa xuất thế gian, đã giác ngộ Phật tánh, là “thân tử” của Phật; mà giác ngộ còn cạn, cũng là “sơ tử” của Phật.

Phạm : tức là chúng phạm ở thế gian, mặc dù còn đương mê, mà sẵn đủ Phật tánh, tuy mê còn cách xa với ngộ, chớ cũng gọi là “sơ tử” của Phật.

Lại diễn giải ra bốn câu, đều thâm hết cả thân sơ trong chín cõi (xem biểu đồ dưới kia).

Hữu tình : Tình, tức là ba hoặc tình ái, chúng sanh ở sáu thường, đều lấy sáu căn đối nhau với sáu trần mà phát khởi ba hoặc tình ái, rồi vờ lấy sanh tử trong ba với, nên nói là “hữu tình”.

Cô hồn: Không người thân để nương nhờ, không kẻ sơ để bè bạn, sa mãi nơi tối tăm, xăn hoài trong cõi người, mắc báo không biết quanh lánh, chịu khổ không ai cứu vớt, nét xấu không vẻ trang nghiêm, trái kiếp thường cõi quạnh, nên nói là “cô hồn”.

Song, tất cả chúng sanh, với cái chỗ có ra ác báo, đó là đều do từ kiếp vô thủy lại nay: Cái thân tạo ba nghiệp là sát, đạo dâm, cái khẩu gây ra bốn nghiệp là vọng ngôn, ý ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, cái ý thức dấy ba nghiệp là tham, sân, và si, cộng chỗ sanh ra mười ác nghiệp đây, nếu trái lại, thì tức là mười thiện (xem biểu đồ ở văn sám hối) nay đối trước Tam bảo, chí tâm thổ lộ thấy đều sám hối.

Sơ Phật tử, thân Phật tử

Các Bồ tát của Tạng, Thông, cả hai giáo mới đoạn rồi kiến hoặc, tư hoặc với tập khí đã hết, thì tức Phật quả vậy. Nên vừa đoạn hết kiến hoặc tư hoặc đó là Phật thân tử còn mới đê hẹp kiến hoặc tư hoặc, chớ chưa đoạn

được đó, là Phật sơ tử. Ấy là những vị đồng chứng cái lý chân đế làm thân tử của Phật.

Các vị Bồ tát của Biệt giáo, Viên giáo, sẽ đoạn hết vô minh hoặc, mới xưng là Diệu giác Phật quả. Nên những vị mà chưa đoạn được vô minh hoặc đó, sơ tử còn những vị mà còn đương đoạn từ phần vô minh hoặc đó là Thân tử. đây là lấy lẽ đồng chứng trung đạo làm Thân tử của Phật.

Cả bốn giáo Phật tử với thân sơ đều có bốn

**Chúng sanh không ngăn thệ nguyện độ.
Phiền não không hết thệ nguyện dứt,
Pháp môn không lường thệ nguyện học,
Đạo Phật không trên thệ nguyện thành.
Đây trước sự sau lý theo lời phát nguyện.**

Trong khi tụng về sự pháp nguyện : tưởng chúng sanh nghe tiếng đều đây cái hoảng thệ của Bồ tát. Trong khi tụng, về lý phát nguyện : quán tưởng chúng sanh liên ngộ tứ hoằng đều là tự tánh sẵn đủ.

Bốn câu trên là Tứ hoằng thệ nguyện về sự vậy.

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, chúng sanh tức là chúng pháp tương sanh, đông nhiều pháp hợp lại với nhau để sanh. Nghĩa là: năm ấm và tinh cha, máu mẹ mình là ba duyên. Năm với ba ấy hoà hợp lại, tức có cái thân đây; đã có thân đây, thì có các khổ nó dòi ép, là chỗ mà xưa đã bảo rằng: ba khổ, tám khổ (xem biểu đồ ở kinh Di Đà), vô lượng các khổ; khổ tuy vô lượng, ta nguyện độ hết, vả lại, chúng sanh vô biên, mà nguyện của ta cũng vô biên, đó là duyên theo khổ để mà phát thệ nguyện.

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, phiền não : tức là ba điều hoặc, hoặc: mê hoặc vọng tưởng. kiến hoặc, tư hoặc là phiền não của chúng sanh ở sáu ngã. trần sa hoặc là phiền não của các thánh nhân ở Nhị thừa; vô minh hoặc là phiền não vi tế của Thập địa Bồ tát. Duy chỉ có Phật là hoàn toàn thanh tịnh; chúng sanh nhân cái mê (mê hoặc vọng tưởng) nọ chất chứa đến cái mê kia; quanh đi quẩn lại cũng chỉ là kiến hoặc tư hoặc thành mê chồng chất hàng ngày nhóm hợp các vọng tưởng phiền não mãi, nay khiến cho đoạn sạch hết. vả lại chúng sanh không hết phiền não, thì nguyện của ta cũng không hết. đó là duyên về tập đế mà phát thệ nguyện.

Pháp môn vô lượng thế nguyện học, do vì chúng sanh trong chín cõi giới căn cơ điều sai khác, nên Như lai nói pháp giáo hoá có nhiều phương ta nguyện học hết. và lại, chư Phật có vô lượng pháp môn, mà nguyện ta cũng vô lượng. đó là duyên theo. Đạo để mà phát thế nguyện.

Phật đạo vô thượng thế nguyện thành : Với ba hoặc, Như Lai đã thanh tịnh viên mãn; với hai tử (phận đoạn sanh tử biến dịch sanh tử - Sanh tử tử, Niết bàn tử) Như lai đã vĩnh viễn khỏi rồi, một mảy chẳng nhiễm, chín giới đều về nay ta đều thành; và lại, đạo Phật vô thượng mà nguyện ta cũng vô thượng. đó là duyên diệt để mà phát thế nguyện.

Song, với tứ hoằng đây là chỗ của Bồ tát tu, nay khắp khiến cho chúng u đồ đều đầy nguyện đây, để chóng đặng cái đạo quả vô thượng bồ đề mà thôi.

Với chúng sanh, tự tánh thế nguyện độ,
Với phiền não, tự tánh thế nguyện đoạn,
Với pháp môn tự tánh thế nguyện học,
Với Phật đạo thế nguyện thành.

Đây là tứ hoằng thế nguyện về lý vậy.

Số là, tịnh của Tứ thánh, nhiễm của lục phàm, đều do nơi đương niệm hoặc ngộ hay mê: hễ đương niệm mà mê, thì tùy theo cái tác dụng nhiễm duyên, mà làm những các thân sanh tử ở chín giới; trái lại hễ đương niệm ngộ, thì tùy theo cái diệu dụng tịnh duyên, mà tức bản thể diệu minh nơi Phật giới.

Nên, chúng sanh, phiền não, pháp môn, Phật đạo, đâu chẳng là cái dụng vốn đủ trên tánh thể. Song về dụng tuy có nhiễm có tịnh, chứ về tánh thể thì nó vẫn bất biến.

Tỷ như cái gương dù chiếu hiện bóng tượng, mà thể của gương cũng vẫn bất biến.

Chúng U hồn kia nếu hay đương niệm lãnh ngộ, thì với chúng sanh phiền não, vốn không đoạn mà đoạn, với Pháp môn Phật đạo, vốn không chứng với lý đã viên thông, thì với sự nguyện trước kia, khá dùng tương tức nhau được.

Lời chân ngôn diệt định nghiệp

của Địa Tạng Bồ tát

từ đây sắp xuống là diệt các tội nghiệp

Á, bát ra mặt lân đà nãnh ta bà ha.

Khi tụng chú này, tâm quán tưởng tất cả chúng sanh thấy đều phá trừ định nghiệp từ vô thí.

Nghiệp: có hai thứ : 1/ Định nghiệp đời trước chỗ đã tạo nghiệp ắt nhưt định đời nay phải chịu báo, nên với định nghiệp này chẳng dễ gì sám hối ! 2/ Bất định nghiệp, đời trước chỗ gây ra nghiệp hoặc khinh hoặc trọng không nhưt định, nên nay sám hối thì dễ.

Không luận : Định hay bất định, đều từ nơi mê hoặc mà tạo ra cả, mà cái hoặc nó không có tự tánh của nó, mà nó lấy chân như làm tánh. Tỷ như: luồng mây thoát khi thoát diệt, mây nó không có tự nương, mà lấy cõi thanh hư làm nương. Số là, chúng sanh, Phật với ta, tâm đồng cõi thái hư, bấy nay không có hoặc, cái hoặc sở dĩ có ra là nhân nơi mê mà có; trí huệ như Phật (Phật tánh) phục sáng, mê hoặc như mây trọn tiêu. Nên phải dùng cái quán trí chuyên tinh tụng trì thân chú, cảm đến Phật tử, trí, chú, Phật là ba, phi một phi ba, mà ba mà một, ba một hoà suốt lẫn nhau, đồng một cái thực tướng kia chúng sanh chỗ tạo ra định nghiệp dù có vô lượng, nhưng đều hoạn hoá hư vọng chẳng thực, nếu được gặp cái kho trí quang minh, thì hoặc nghiệp kia. dường như một điểm sương tuyết trên lò lửa lửa hừng.

Bài chú đây với bài “chú phá định nghiệp” trong Kinh diệm khẩu lời khác mà nghĩa đồng, khi tụng chú phải tự quán tưởng tâm mình thành một vàng nguyệt thanh tịnh tròn đầy sáng suốt, với trên vàng tâm Nguyệt. tướng có một chữ (hột rị) màu xanh, chữ hột rị phóng hào quang khắp chiếu chúng sanh trong nghiệp đạo, chúng sở hữu các định nghiệp mà chư Phật chẳng cho sám hối đó, khiến cho đều được thanh tịnh.

Lại nên tượng cho kia tự tánh bấy nay vẫn thanh tịnh, tâm Phật chúng sanh ba ấy không sai khác nhau, thế gọi là “Phá quyết định nghiệp”.

Chú diệt nghiệp chướng chân ngôn

Của đức Quán Âm Bồ tát

Án a lô lặc kế ta bà ha.

Khi đọc chú này, tâm phải quán tưởng : tất cả chúng sanh có bao nghiệp chướng thủy đều tiêu diệt.

Nghiệp chướng cũng có hai; định nghiệp và bất định nghiệp. Chú trước là để phá cái định nghiệp thuộc về lý; chú đây là phá cái bất định nghiệp thuộc về sự; sự được lý hoà lý nhân sự mà được rõ, sự lý không ngăn ngại, thế mới là chân sám hối.

Chú đây cũng cùng đồng nghĩa nhau với chú sám hối diệt tội trong kinh Diệm khẩu. khi tụng chú đây, phải quán tưởng trên cái vàng tròn Tâm Nguyệt thành chữ hột rị màu trắng, chính chữ hột rị phóng ra hào quang phổ chiếu vào nơi thân của các nạ quý, như cái tròng mắt nhứt sai tan hột sương móc, bao tội cấu dường như nhựa mực theo nơi chơn chảy xuống, thấm vào dưới đất thấu đến lớp kim cang, tội chướng theo niệm tiêu diệt hết, đem cái thân tất cả tội trước kia, nay chuyển thành làm thân hoàn toàn thanh tịnh.

Hỏi: Thế nào tội như nước nhựa mực?

Đáp: Tội là hắc nghiệp, nên lấy mực để tượng trưng nhựa có ý chảy rót, nên nói là mặc trấp (chảy rót : tức là cái vọng tưởng nó sanh diệt diệt sanh luôn luôn tiếp nối mãi với nhau chẳng dứt, dường như dòng nước chảy rót chẳng đình trú)

Thần chú diệt chướng ngại

Khai yết hầu chân ngôn:

Án ba bộ để rị già đa rị đác đa nga đa da.

Khi tụng chú này phải quán tưởng tất cả nạ quý cuồng hợng bằng mũi kim cả mở rộng lửa nghiệp thôi chảy mà được thanh lương khoái lạc !

Yết hầu: là chủ về ngôi rãnh (cửa vòm) khá khiến sự uống ăn chảy thông vào. Xưa nay thường có hạng người tánh tình sễn tiếc, tham lam, kiêu mạn, vạy vò, bụng trống lòng cao, tạo nhiều nghiệp dữ nên cảm chịu lấy cái thân nạ quý, yết hầu tự đóng nghẹt, suốt cả trăm ngàn muôn kiếp, chẳng nghe đến cái tên nước cháo. (Với cái nghe còn chẳng có, làm gì có cái ăn !) hoặc có khi thấy nước vừa muốn uống thì lại thấy nó hoá làm nung huyết, hoặc đưa nước vừa đến miệng, thì nước nó lại hoá ra lửa đốt chảy cả thân, mãi chịu đói khát.

Trước kia như đức Mục Liên Tôn giả dùng thiên nhãn thấy mẹ đoạ trong loài ngựa quý. Tôn giả lấy bát đựng đầy cơm đến dâng mẹ bà liền lấy tay tả che bát, tay hữu bốc ăn, cơm vừa đến miệng, hoá thành lửa than ! Mục liên thương khóc chạy về cầu Phật.

Phật dạy: Mẹ nguời tội nặng, phi đạo lực của một người có làm gì được ! người dù có hiếu cảm đến thấu trời thấu đất, mà thiên thần địa kỳ cũng chẳng làm gì cứu đặng ! Ất phải nhờ cả đạo lực uy thần của tăng chúng nơi mười phương mới có thể giải thoát đặng.

Mục Liên liền y theo lời Phật dạy, cả dấy việc Phật, cả dấy việc Phật, cúng dàng chúng tăng, liền ngày ấy bà mẹ được thoát khỏi cái khổ ngựa quý.

Nay chúng sanh trong sáu đạo, đều bởi chỗ tạo nghiệp nặng từ vô thi đến nay, nếu phi pháp pháp lực của trí quán và mật chú, thì đâu đặng trừ diệt được.

Chú đây nghĩa cũng đồng nhau với chú khai yết hầu trong Kinh Diệm khẩu.

Sách tùy văn ghi rằng: Khi tụng chú đây phải quán tưởng làm phép như thế này: dùng bàn tay tả để ngửa lên như đựng hoa sen, trong hoa hiện ra một chữ A màu trắng chảy ra nước tách rất trong mát, khắp rưới cả cõi hư không tất cả ngựa quý chạm đến nước, đây tức thì cuống họng đều mở rộng lớn không ngăn ngại, tự thân nhuận thấm.

Với phép thủ ấn, chỉ một người làm là được rồi, còn chúng thì không thể làm, nhưng mỗi người nơi tự tâm mình tưởng : một chữ màu trắng chảy ra thủy tánh rưới trên không như mưa, xối tưới xuống thân thể ngựa quý tức thì yết hầu thanh tịnh thông suốt.

Thần chú Tam muội Da giới chân ngôn

Ấn Tam muội da tát đỏa phạm

Khi tụng chú đây, quán tưởng tất cả chúng sanh đồng thụ linh bửu giới kim cang quang minh tâm đắc thanh tịnh thân như Bồ tát. đây là trao giới tam muội cho chúng sanh.

Tam muội giới: tức là đại thần giới, chính là của Bồ tát thụ trì; nếu muốn đắc giới đây, ắt đầu tiên phải sám hối trừ hết nghiệp đời trước, mới

xiết trao chịu được. Tỷ như cái bình lưu ly là thứ bình rất trong sạch sáng suốt, mới xiết chứa đựng sữa của con sư tử được, còn đựng vào thứ đồ khác thì nứt bể liền.

Nay vì một loại chúng đương chịu điều cực thảm khốc chốn u minh, trước vì diệt nghiệp trừ khổ, chẳng thế, chúng kia đâu có y bảm thụ giới pháp. Do thế, văn này có kệ chú diệt nghiệp sám hối làm tiên đạo, nhiên hậu tiến đến thụ giới tam muội da.

Kinh Duyên Khởi nói : Nếu muốn hành trì pháp thí thực, thì nên phát tâm bồ đề, trao lấy giới tam muội da.

Khi tụng chú, phải tưởng chữ Tông màu trắng, phóng ra hào quang sáng lớn khắp chiếu chúng hữu tình, ánh sáng kịp đến thân của chúng kia, thì giới ba la mật của chư Phật liền viên mãn trong nhứt thời này, là chân Phật tử.

Trong Đàn nghi nói: Phương pháp thụ giới được thành tựu là chú trọng ở đa lần yết ma, giới thể nhân đây mà đặng viên mãn.

Với chú đây: Khi tụng biến thứ nhất, phải tưởng cả thế giới mười phương, cái giới pháp diệu thiện, theo tiếng yết ma thấy đều rung động. khi tụng biến thứ nhì, phải tưởng cả thế giới mười phương, cái giới pháp diệu thiện, do nơi nghiệp lực của tâm, đều nhóm giữa hư không, như làn mây, tàng lọng, xoay vần chẳng tan. Khi tụng biến thứ ba, phải tưởng giới pháp diệu thiện đây, từ nơi đánh mon chảy vào biển tạng tâm thức, làm hột giống Phật vĩnh viễn.

Kinh thí ngạ quỷ nói: Tụng chú đây ba biến rồi, tất cả Quỷ thần liền nghe được pháp bí mật thâm thâm, đều đặng cụ túc tam muội da, vô lượng y phước. tam muội dịch : chánh định, lại dịch: chánh thụ, do giới pháp thanh tịnh, nên được chánh định, trong định chẳng chịu ta thụ vì chỉ là pháp tánh chánh thụ mà thôi.

thần chú biến thực chân ngôn

Nam mô tát phạ đác tha nga đa, phạ lô chỉ đế. An, tam bạt ra tam bạt ra hồng.

đọc chú đây nó biến hoá ra phàm vị khi đọc chú quán tưởng .

Ngài A Nan đã nhập định trong rừng, đêm khuya, có một quỷ tên là Diêm khẩu hiện hình đến chỉ bảo cho phương pháp kéo dài tuổi sống thêm, nhân đó A Nan Đà liền cần cầu nơi Phật.

Phật dạy rằng: Ta tự nhớ lại thuở đời quá khứ, ta làm một người dòng bà la môn, đối trước đức Quán Thế Âm Bồ tát, truyền trao cho phương pháp đà la ni của Phật vô lượng uy đức tự tại quang minh Như lai; tụng Đà la ni đó nó hay biến một món ăn mà hoá ra làm vô lượng món ăn lớn bằng núi Tu di, lượng đồng cõi pháp giới, trọn không thể hết.

Thần chú đây nó cũng đồng nghĩa mà khác lời với chú biến thực trong nghi Diêm khẩu khoa. Khi tụng chú đây, tay tả bung món ăn đưa lên, tay hữu ngoán cái bắm với ngón vô danh, ngón út co lại, ngón thực và ngón giữa duỗi ngay ra để lên đồ đựng vật ăn, tưởng các vật ăn, mỗi hạt biến hoá ra thành bảy hạt, bảy hạt lại biến thành bảy hạt nữa, mà làm thành đây bảy hạt, bảy lần bảy, lại biến hoá ra làm thành bốn mươi chín hạt, như thế lần lượt biến hoá mãi nhiều hạt thực đầy lấp cõi hư không, ngon ngọt thơm phức, thân vật không ngăn ngại nhau.

Kinh Thí Ngạ Quỷ nói: Tụng một bảy biến (tượng trưng bảy Thánh tài, hoặc có thể tụng ba lần bảy biến, hoặc bốn mươi chín biến, hoặc một trăm lẻ tám biến, càng nhiều càng hay), thì cả thầy ngạ quỷ đều đặn đồ ăn số bảy lần hạt như hạt của nước Ma đà đà thường dùng ăn rồi đều được siêu sanh lên các cõi trời, hoặc vãng sanh về Tịnh độ, năng khiến hành giả tiêu trừ nghiệp chướng mạng thêm sống lâu.

Thần chú cam lộ thủy chân ngôn

Nam mô Tô rô bà da, đát tha nga đa da, đát điệt tha Án tô rô tô rô bát ra tô rô bát ra tô rô ta bà ha.

Khi tụng chú đây, quán tưởng cúng nước biến thành pháp thủy cam lộ, rộng lớn như biển, cùng vật không ngăn, thâm đến nước đây, thường được thanh tịnh diệu lạc !

Đây là pháp thí cam lộ của đức Phật Diệu Sắc thân Như lai.

Khi tụng chú này phải quán tưởng giữa cái vàng tròn tâm nguyệt thành một chữ Tông giữa điểm sáng chảy ra tánh nước bát nhã cam lộ, khắp đây pháp giới thấm nhuần tất cả chúng sanh nơi các nghiệp đạo, chóng lia phiền não mà đặng thanh tịnh.

Kinh Thí Nga quý nói : “Tụng chú bảy biến, hay khiến các món ẩm thực và nước đều biến thành màu sữa cam lộ, hay mở rộng cuống họng của tất cả nga quý, mà được cùng ăn với nhau một cách bình đẳng.

Hỏi: Vật ăn và nước đều khắp thế giới thì Phật và chúng sanh để thân đứng ngòi và ở chỗ nào?

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm nói : “Cái tánh của vật sắc là chân không, cái tánh hư không là chân sắc” Kinh ấy lại nói: “tánh của nước là chân không, tánh của không chân thủy, thanh tịnh sẵn sàng, khắp giáp pháp giới tùy tâm chúng sanh hợp lượng chỗ biết theo nghiệp ấy đầy bày.”

Nay hành giả quán trí đều thanh tịnh khắp giáp thì nước và đồ ăn cũng đâu chẳng khắp giáp. Số là, do vì tâm trống vắng thì sở hữu nước, vật thực đâu chẳng trống vắng, vì không tức là sắc, mà sắc tức là không, vậy hư không vật sắc chẳng hai, nên đặng sắc sắc lẫn khắp tràn tràn không ngăn, như thế với pháp vị nhiệm màu khó nghĩ lường !

Thần chú Nhất tự thủy luân

Án tông tông tông tông.

Khi tụng thần chú đây, quán tưởng nước ấy lại đặng thanh tịnh diệu vị.

Kinh Thí Nga quý chép rằng: “với cái pháp ấn và thần chú “nhất tự tâm thủy lau an quán chân ngôn” của đức Tỳ Lô Cha Na là: ở nơi trung tâm tay hữu (thủ ấn) như màu sữa, biến hoá ra nước có tám chất công đức, (bát công đức thủy), chảy ra tất cả vị cam lộ, đề hồ, liền đưa tay đến trong những món đồ đựng thức ăn uống, quán tưởng sữa và các thức ăn kia từ trong chữ “tông” chảy ra, dường như mặt nhật mặt nguyệt tất cả quý chúng đều được no đủ không thiếu một vật chi.

Thần chú Nhũ hải chân ngôn

Nam mô Tam mãn đa một đà năm án tông.

Khi tụng chú đây quán tưởng nước trước lại được rộng lớn hoà suốt dường như màu sữa nhiệm màu khó nghĩ !

Xét, Kinh Thí Ngạ quỷ, thì thần chú Nhất tự thuỷ luân cũng là nghĩa biến thành biển sữa, thần chú đây chẳng qua là lại khiến biển sữa kia thêm rộng lớn hoà suốt vậy thôi.

Căn cứ lời bỏ chú của Tô Vân Thê nói: “Từ trước đến đây đọc và quán tưởng các thần chú, biến hoá mỗi mỗi ẩm thực thắng diệu mà chưa từng quán tưởng cho hoà lẫn thành một vị e chẳng đồng đều lòng từ tế, nên phải lại niệm thêm thần chú đây để hoà lẫn các món ẩm thực kia đều thành biển sữa đặng phổ thí chúng quý thần thân tâm no khảm thụ dụng không thiếu”.

Hỏi: Món ăn là chỉ chuyên nuôi thân, chứ làm gì lại khiến tâm no?

Đáp: Đây là pháp thực vậy, vì với thực vị thì khá nuôi thân còn với pháp vị có tế minh tâm: nay đây, dùng cái tâm quán tưởng, tri cái pháp bí mật để biến hoá ra thức ăn thanh tịnh, tức thành nghĩa thiên duyệt pháp hi.

Khi tụng chú đây, nên tưởng chữ Tông giữa điểm sáng chảy ra vị cam lộ, tay hữu chấm nước dùng búng lên hư không, như mưa tưới xuống liền thành ra vị ngon Tô lạc, rộng như sông dòng dài.

Hỏi: Với chút ăn chút nước, làm sao có thể khắp pháp giới?

Đáp: một là pháp lực của thần chú, hai năng lực của quán tưởng, và ba cảm thông đến uy lực từ quang phổ chiếu của Tam bảo, cả ba lực ấy viên dung, chẳng thể nghĩ bàn, nên mới có thể biến hoá ít ra làm nhiều được như thế đó. Và lại như ông Loan Ba, dùng một chung rượu làm phép thuật còn có thể hoá nên một trận mưa thay, huống chi là cái thần lực “Vô sanh khó nghĩ được” của Tam bảo ư ? Ma hành giả (Thầy tụng chú thí thực) chẳng thể chẳng dụng tâm cho đúng hành trì ! (đời nhà Hán ông Loan Ba làm chức Thượng thư lang, nhân ngày sanh của Vua, thiết lễ khánh đản, giữa bữa tiệc, nhà vua ban cho rượu, Loan Ba ngậm rượu hướng mặt về đất Ba thực mà phun ra, quan Hữu tư tâu với vua rằng: ông Loan Ba bắt kính ! Loan Ba tâu rằng: Xứ Thành đô bị hoả hoạn, nên phún rượu để chữa lửa. sau nghe Thành đô tâu lên rằng: bị thất hoả, được nhờ có luôn mưa tắt cháy, trong đám mưa có hơi rượu)

Lục Tông cách nói: Có cái lực đại nguyện đại trí, và cái lực pháp tánh tự thể không vô tánh, nên với tất cả chỗ ra làm, vẫn tự nhiên xong nên.

Và chẳng, do cái tâm vọng chấp làm cuộc ngại nên không thể biến hoá cảm thông được, dầu có đặng biến thông chẳng nữa cũng chưa rộng lớn

mấy. Nếu tâm không vọng chấp, thì muôn pháp dung thông, thế, chẳng lìa cái cảnh “Khất chân” mà biến hoá vô cùng!

Sách Lược giải cho rằng: Nước thí thực đây, chẳng đồng với cam lộ trước kia, đó là quá ư cuộc chấp ! chứ biết đâu, thần chú đây lại dung hoà với lẽ mầu nhiệm của thần chú biến thủy biến thực trước kia !

Tưởng chúng quy nghe danh Phật đặng lợi ích

Nam mô Đa Bảo Như lai

Nghe đến danh của đức Phật Đa Bảo thì có thể đắc trí huệ tài bửu của pháp tánh, mà thụ dụng không hết, vì là của sẵn trong tự tánh.

Nam mô Bảo Thắng Như lai

Nghe danh của đức Phật Bảo thắng hay dứt được lửa nghiệp phiền não sanh tử, liền đắc cái trí bửu pháp tánh bực vô thượng.

Nam mô Diệu sắc thân Như Lai.

Nghe danh của đức Phật Diệu sắc thân hay đặng cái thân tướng hảo đoan nghiêm bực nhất giữa tam giới, tức kinh Pháp Hoa bảo vì diệu tịnh pháp thân cụ túc tam thập nhị thật thể.

Nam mô Quảng Bác thân Như lai

Nghe được danh của đức Phật Quảng Bác thân, thì nặng tiêu được lửa nghiệp, cuồng hống mở thông, mà đặng cái thân thanh hương vô ngại.

Nam mô Ly Bồ úy Như Lai

Nghe được danh đức của Phật Ly Bồ úy thì xa lìa các điều sợ sệt, thường đắc mọi sự khoái lạc thanh tịnh.

Nam mô Cam lộ vương Như lai

Nghe được danh đức của Phật Cam Lộ Vương, thì nếm đắc mùi vị cam lộ rót vào thâm tâm hằng được khoái lạc luôn.

Nam mô A Di Đà Như Lai.

được nghe đến danh hiệu của A Di Đà Phật thì được đấng sanh sang thế giới cực lạc và tịnh độ do liên hoa hoá sanh vào bực bất thối chuyển.

Khi tụng danh của bảy đức Như lai đây phải tưởng những tiếng tâm niệm Phật khắp nghe cả thế giới, tất cả chúng sanh đều quỳ gối chấp tay chí tâm lòng nghe tin chịu, một phen lọt vào lỗ tai, vẫn làm hột giống Phật, liền có thể xa vĩnh viễn xa lìa các khổ sanh tử của ba ác đạo, đấng vãng sanh về nước cực lạc do trong hoa sen hoá sanh.

Kinh Niết bàn nói “Nghe được hai chữ “thường trú” vẫn chẳng đoạ địa ngục”. Huống chi được nghe cả Hồng danh vạn đức của Như lai ư?

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Rất đổi như người nghe danh của Như lai và nghe được cái pháp sở thuyết mà chẳng sanh tâm tin hiểu đó, cũng còn được tập thành hột giống Phật, thì sẽ thành Phật. nay mà nghe được danh của đức Phật đều được vô lượng công đức chẳng thể nghĩ bàn !

Xâu kết chú trên để nguyện chánh thí thực

Thần chú gia trì tịnh pháp thực (pháp thí thực, cam lộ thủy), khắp thí hà sa chúng Phật tử, (hữu tình, cô hồn), nguyện đều no khảm bỏ kít tham, chóng thoát U minh về tịnh độ quy y tam bảo đầy bồ đề, ráo rớt dặng thành đạo vô thượng, công đức không ngần tội đời sau, tất cả Phật tử (hữu tình, cô hồn), đồng pháp thực.

Thần chú: Chỉ cả các thần chú “Biến thực biến thủy trên kia. Câu đầu bốn xưa đọc ba lần đều chỉ xưng là “Tịnh pháp thực” mà thôi, còn các bốn ngày nay; đều phân ra là “Pháp thí thực và cam lộ thủy” đó cho đối với “Hữu tình, cô hồn”, hai không phải thực bốn chánh Mông Sơn ! Như thế chưa bằng cả ba lần đọc đều chỉ đọc là “Tịnh Pháp thực” thì suốt một lẽ phải hơn.

Bồ đề cự dịch: “Đạo” tân dịch “Giác”

Ngươi thấy chúng (Phật tử, hữu tình, cô hồn) ta nay cúng thí ngươi cơm đây khắp mười phương, chung tất cả (Phật tử, hữu tình, cô hồn), xin đem công đức đây, khắp cùng với tất cả thí thực cho (Phật tử, hữu tình, cô hồn) đều cùng thành Phật đạo.

Hai bài nguyện kệ đây: Kệ trước là mở ra sự thí thực, kệ sau là nguyện cầu Phật đạo.

Khi tụng Kệ, phải tưởng: Tất cả Quỷ thần đồng thụ thực với nhau bằng một cách bình đẳng, thì liền được sanh sang Tịnh độ. bấy giờ Hành giả bùng nước và đồ ăn để lên đài xuất sanh, nếu chẳng có đài thì để chỗ đất sạch, hoặc để lên viên đá sạch, chẳng nên để chỗ có cây thạch lựu, cây đào, vì quỷ nó sợ hãi mà chẳng dặng ăn được !

Với cái đài xuất thực mà phân ra làm ba phần đó là do vì bôi phạm làm ba chúng; 1. Phạt tử; 2. Hữu tình; 3. Cô hồn, song, làm như thế, chưa khỏi cái bịnh thành kiến cuộc chấp do có sao? Số là cái diệu lực thần chú biến thủy, biến thủy rộng lớn không ngần, chẳng khá nghĩ bàn, khiến chúng quỷ kia bình đẳng thụ thực, thế thì chẳng phân làm ba là thoả hơn, Bốn Diệm khẩu khoa nghi có phân: 1. là thì chúng thủy tộc, khiến dặng cái “Nhân không” 2. là thí cho chúng Mao quận, khiến dặng pháp không.; 3. Là thí cho chúng Bẩm thức, tượng hình ở tha phương, thấy đều no đủ dặng “quả vô sanh nhân” đó là dùng nghĩa rằng: Tuy theo căn cơ khiến dặng ba không nên ra như thế. Đúng ra, thì há thủy tộc riêng dặc “nhân không” mà chẳng dặc “nhân không”? Còn chúng có bẩm thức từng hình ở địa phương, lại dặc dặc “vô sanh nhân” mà bắt dặc nhất không và pháp không ru?

Tại, thời ngộ trai có xuất thực đó, là chuyên vì: đại bằng khoáng dã quý, và quý tử mẫu, thì với đài xuất thực nên phân làm ba, vì xưa, Phật đã có chỗ hứa, chứ phi về ý chỉ của ngày nay

Thần chú thí vô cha thực chân ngôn

Án mục lực lãng ta bà ha

Khi tụng thần chú đây quán tưởng: đạo tràng lẫn suốt với pháp thực kẻ oán kẻ thân, người xa người gần, đều không ngăn cản nhau, sáu đạo quý thần đều dặng bình đẳng.

Thần chú đây, đồng nghĩa nhau với thần chú thí thực của Diệm khẩu.

Số là từ trước đến đây, nào là làm phép: Tụng chú, kiết ấn, vận tâm quán tưởng, dù là bình đẳng khắp thí, nhưng mà hoặc kẻ quói khinh kẻ tiêm, người mạnh lướt người yếu, lớp lớn ngăn lớp nhỏ, hoặc hành giả quán tưởng chẳng đúng như pháp hoặc quý loại bị nghiệp nặng mà chẳng nghe đến được, đến dỗi chẳng thụ hưởng gì dặng ! thế há chẳng vượt mất qua cái ơn từ tế của Phật ư ! nên trái lại phải tuyên dương lời mật chú, để khiến cho kẻ oán người thân từ lịch kiếp nay được bình đẳng.

lại, các vị thiện hữu, thân thích, hoặc vì sự duyên chí mà chẳng thể đi đến được, khiến họ đều đem sự giúp nhau, để dấy đạo tâm, chóng đến quả bồ đề.

Rút lại mà nói: Đàn giới mỗi pháp trần lẫn khắp, việc cúng mỗi sắc tướng đều chân tốt pháp giới đều là diệu viên khắp hư không đồng là pháp tánh thì đâu còn có những điều lạ lùng: oán, thân, xa gần !?

Thần chú Phổ cúng dường chân ngôn

Án nga nga năng tam bà phạ phạt nhật ra hộc

Khi tụng chú đây, quán tưởng từ trước lại về chỗ biển môn tịnh thực, khắp thí chúng sanh trong lục đạo mười phương, kẻ xa gần đồng một thể, bậc cao thấp đều bình đẳng, người già trẻ đứng sang hèn, không phân sót, hạng mạnh yếu bốn oán thân chẳng phân cách.

Kinh Tịnh Danh nói “ Hội pháp thí ấy là không hề phân cách trước sau, đồng như thời cúng dường tất cả chúng sanh”.

Niệm thêm chú tâm kinh đó là muốn tỏ bày ra cái công thí thực hoà lẫn vào nơi biển Bát nhã vô tận tạng. chơn bởi Tâm Kinh là tinh yếu của Bát nhã. Bát nhã tức là trí huệ nếu không có trí huệ thì làm gì có thể liền sạch lòng cho được ! e chúng kia chấp trước nơi công đức pháp ái làm thực sự nên dùng bát nhã tâm kinh để rửa sạch bụi lòng, hoà lẫn vào biển Như lai tạng.

lại niệm chú Vãng sanh đó là để mong nhờ Phật A Di Đà và các Thánh Chúng phóng quang tiếp dẫn mau chóng bậc thánh nơi cực lạc quốc.

Khấp kết hồi hướng

Thần chú Phổ hồi hướng chân ngôn:

Án ta ma ra ta ma ra di ma năng táp cấp ra, ma ha thính cấp ra hồng.

từ trước lại đây, đem công đức thí thực hồi hướng cho tất cả chúng hữu tình, ngõ hầu đều phát cái tu tâm chứng lên quả vị vô thượng bồ đề để làm việc tự lợi và lợi tha đặng sớm sanh về nước cực lạc, đồng chứng bậc Phật thừa.

Lại, đối với chúng hữu tình nào không có thiện căn, thì khiến trồng căn lành; chúng đã có thiện căn, thì khiến làm cho tăng trưởng căn lành. hầu chớ quỵئن luyئن nơi luân hồi, mà đều mau thành Phật đạo.

Nguyện ngày cát tường, đêm cát tường.

Ngày đêm sáu giờ thường cát tường,

Tất cả trong giờ người cát tường

Xin các:

Bực Thượng Sư thương nhận cho

Ngôi Tam Bảo thường nhận cho

Vị Hộ pháp thường ủng hộ.

Bài kệ đây là nguyện dâng công đức thí thực, để mong các ngôi Tam bảo và các thần Hộ pháp thường xuống cho cái điềm lành vậy.

Sáu giờ: đã thấy ở kinh Di Đà. Thượng Sư: tức là ngôi nhất thể Tam bảo, đã thấy nơi văn sám hối. ngoài ra, còn có ngôi Biệt tướng Tam bảo, ngôi thể gian Trú trì Tam Bảo,

Hộ pháp: tức là các vị thần: Thiên long cả bát bộ và hộ giáo già lam.

Bốn sanh lên nơi đất báu

Ba hữu gá sanh ao sen

Đông nhiều Nga quý chứng tam hiền

Muôn loại hữu tình lên thập địa.

Đây là gom kết công đức thí thực để phổ nguyện cho tất cả quần sanh, liền sanh về tịnh độ đồng chứng lên quả thánh. Bốn sanh, Nga quý, Hữu tình là thân chánh báo giữa thế gian; Tam hữu là cõi y báo của thế gian. Đất báu, ao sen là cõi y báo của nước Cực lạc, Tam hiền, Thập địa là ngôi Thánh ở nước Cực lạc, tức là thân chánh báo bên Cực lạc.

Bốn sanh: tức là noãn sanh, thai sanh, thấp sanh hoá sanh gồm cả chúng sanh ở ba giới duy chỉ tứ sanh đây mà thôi.

Ba hữu: tức là ba giới, do vì chúng sanh trong ba giới đều mến chấp lấy sanh tử thì có báo ứng về thiện ác nhân quả, nên nói ba hữu.

Nga quý: đây là cử về chúng bị nghiệp chướng thâm trọng mà nói là nga quý chứ thiệt ra thì phạm là trời đất, tất cả thần kỳ và các chúng ly muội vân vân, đều chẳng thuộc về quý đây thống nhiếp.

Lục đạo: sáu ngã, chúng sanh trong sáu đường, đều có cái tình niệm, do nơi tình niệm, nên chấp trước cả sáu trần, bởi thế, chẳng dứt đặng sanh tử nên nói là hữu tình.

Nay các vị Tinh Linh đây, nương công đức thí thực, chúng siêu về Cực lạc quốc, liền lên địa vị thánh nhân.

Đất báu: là hoàng kim vi địa. Ao sen: là hữu thất bảo trì, đều đã có rõ chép ở Kinh Di Đà.

Tam Hiền bên Biệt giáo, chưa phá được vô minh hoặc, nên xưng là Hiền, còn thập địa đã phá được từ phần vô minh, chứng được Phật tánh trung đạo, nên xưng là Thánh.

Tam hiền bên Viên giáo, đều phá được từ phần vô minh, mà xưng là Hiền, còn thập địa Viên giáo đã phá được nhiều phần vô minh, tiến sâu vào pháp tánh mà xưng là Thánh.

Song, từ phá được từ phần vô minh hẳn đi, đều là thân chứng pháp tánh, là bực thâm vị đại Bồ tát.

Nay với Cực lạc tịnh độ đây, có thể khiến nhứt thời đối nghiệp vãng sanh, lại có thể chóng siêu lên Tam hiền, thập Thánh há dễ ru ? đây toàn là nương nơi Kinh chú pháp hiển mật, gia dĩ pháp viên quán, cảm lấy đức từ của Phật nên mới có thể mau chứng như thế đó!

Ba giới sáu đạo chỉ có bốn sanh

Bài kệ

Thiện cập ngục trung hữu;

Thị tam duy hoá sanh;
Tu la nhân tinh súc;
Các các cụ tứ sanh;
Quý thông thai hoá nhị
Danh tam giới tứ sanh.

Đại ý rằng: chúng sanh ở: Trời, địa ngục, và thân trung hữu, ba chỗ này chỉ là sanh nở bằng một cách hoá sanh. Chúng sanh ở A tu la, loài người và súc loại, mỗi mỗi đủ bốn cách sanh. Loài quý thông đồng hai cách thai sanh và hoá sanh, cả đây là ba giới bốn sanh.

Loài mà nương nơi xác vỡ để sanh, thì gọi là Noãn sanh: loài mà hàm tàng trong bụng sanh ra thì gọi là thai sanh; loài mà mượn nơi chỗ ẩm ướt để sanh thì gọi là thấp sanh, còn loài do nơi không mà bỗng có sanh ra thì gọi là hoá sanh.

lại, kinh Lăng Nghiêm nói: loài thai sanh là nhân nơi tình mà có: noãn sanh là nhân nơi tướng mà sanh: thấp sanh là do nơi hiệp mà ứng hiện; hoá sanh là do nơi lia mà cảm thông. Ba giới sáu đạo chỉ có bốn cách sanh đó là thấu hết cả.

Tướng ban sơ của bốn sanh

bốn sanh đủ duyên mới sanh

Giữa thai sanh thân trung âm đối với

Giải bài kệ đầy khen niệm Phật

Bài kệ đây rút ra ở sách Tịnh độ tu chứng nghĩa, tác giả là ngài Trạch Anh Pháp sư, Pháp sư nguyên con nhà họ Du, ở sông đồng, huyện Đồng lô, phủ Nghiêm châu, tỉnh triết gian. Thân mẫu Ngài năm mộng thấy hai mặt nhật dọi ngay vào bụng, sau hai năm, sanh hai con trai lớn lên đều đi xuất gia cả, người lớn tên là Tử Khâm, theo thụ nghiệp nơi chùa Tịnh trú, huyện Tiên đàn, tỉnh Triết giang, thứ nam tức là Ngài Trạch Anh vậy. Vào học đạo nơi chùa Thụ Minh, phủ Hàng Châu, tỉnh Triết giang. Triều vua Thần Tông, trong niên hiệu Hy Ninh (1068-1077) nhà Tống, Ngài tham cứu lễ thần ngộ nơi lầu thí thủy bửu các, ngộ sâu được đạo lý của pháp Chỉ quán.

Song cõi kia cõi đây, hai Phật lớn nhỏ sai khác nhau có như thế chăng? Chín bởi, cõi kia là Tịnh độ, mà chúng sanh thì thân lượng rộng lớn. Còn cõi

kia là Uế độ, nên thân lượng của chúng bé nhỏ chẳng đầy một trượng. do đấy, Phật hiện Ứng thân chỉ có một trượng sáu thước.

Nếu cõi đây, bực Đại Bồ tát chỗ thấy báo thân của Phật cũng đầy khắp cả cõi hư không. Song thế cũng không như định có cái thân lớn bên nước Cự lạc mà đây là rõ cái thân lượng của đức Di Đà là đặc thắng vậy thôi.

Hào quang hoá Phật không kể ức,

Hoá Bồ tát chúng cũng không ngần.

Đây là khen số hoá thân Phật rất nhiều của Di Đà.

Trong hào quang có hoá Phật, hoá Bồ tát ấy, Quán kinh nói: “Phật kia hào quang vòng tròn rộng bằng như trăm ức đại thiên thế giới, trong ánh viên quang có trăm muôn ức na do tha hằng hà sa số hoá Phật, mỗi mỗi đức hoá Phật cũng có đông nhiều vô số hoá Bồ tát để làm thị giả.

Số là viên quang là hào quang nơi báo thân của Di Đà trong hào quang đức Hoá Phật là chủ, Hoá Bồ tát là bạn. Nghĩa là một hoá Phật làm chủ thì ắt có hai hoá Bồ tát làm bạn. chủ đều là Di Đà bạn đều là Quan âm, Thế Chí.

Song, Viên quang đây khắp chiếu pháp giới, mà hoá chủ hoá bạn cũng khắp pháp giới, chủ lẫn với bạn, bạn lẫn với chủ, Báo thân Phật là chủ giữa chủ, báo thân Bồ tát là bạn giữa bạn. chủ bạn lẫn khắp, số một không ngại với số nhiều.

Tỷ như lưới ngọc xanh của Đế Thích: ánh tia chiếu lẫn với nhau trùng trùng vô tận. Người mà tu pháp quán đây, mời xem Kinh Thập Lục quán.

Bốn mươi tám nguyện độ chúng sanh

Chín phẩm đều khiến lên ngàn kia.

Câu trên là tán dương chỗ nhân địa của Phật kia phát nguyện. Câu dưới là khen ngợi việc độ sanh trong thời chứng quả Di Đà.

Kinh Đại Di Đà chép: Trước vô lượng vô số kiếp có đức Thế Tự Tại Vương Phật ra đời hoá độ chúng sanh. Bấy giờ có vị Đại Quốc vương đến nghe thuyết pháp, bỗng liền giác ngộ, bèn buông xả ngôi vua mà xuất gia làm Tỳ kheo, hiệu là Pháp Tạng. Liền đối trước Phật pháp bốn mươi tám

nguyện lớn. Thuở ấy quả đại địa rung động, trên thiên không mưa hoa báu xuống, và có tiếng khen rằng: “Quyết định thành Phật”.

Do đó từ vô lượng kiếp đã hành Bồ tát đạo, công đức tròn đủ, thành Phật hiệu là A Di Đà, cõi nước tên là Cực lạc. trong nước có ao bằng thá bửu, nước ao có tám chất công đức đầy đầy ở trong. Trong ao có hoa sen nhiều đến vô lượng phẩm, ở đây nói chỉ có chín phẩm đó, là cử tông số vậy. Thân nạp hoá sanh cho chúng sanh niệm Phật ở mười phương về đó, tùy căn cơ mà lên nơi chín phẩm.

Ngàn kia là dụ, nghĩa là cõi Ta bà là bờ bên đây, cõi Cực lạc là bờ bên kia, phiền não giòng chính giữa. Nếu hay niệm Phật không luận là bực trí, hạng ngu, chỉ niệm mà đắc như tâm bất loạn, thì qua khỏi giữa giòng phiền não, siêu khỏi cái thân sanh tử của ta bà, bước lên đài hoa sen Cực lạc chứng quả vô thượng Bồ đề nên nói “Cửu phẩm hàm linh đẳng v.v.....”

Nam mô Tây Phương Cực lạc thế giới đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật.

Nam mô A Di Đà Phật.

Từ trước đến đây, với bao công đức đã tu giờ đây phải niệm Phật Di Đà để cầu thực chứng.

Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát.

Quán Thế Âm: Cũng tên là Quán tự tại: “Quán” là cái trí năng quán, năng và sở viên dung, có không gồm sớng, chiếu tột chánh tánh, xét thấu gốc ngọn, nên xưng là “quán”.

“Thế Âm” là cảnh sở quán, muôn hình tượng lưu động, cách biệt nhau chẳng đồng, tiếng của các loài kêu cứu khác giọng, đều nhờ đức hoàng từ, đồng thời phổ cứu nên nói là “Thế Âm”.

Ngài Trần Huyền Tăng nói: “Quán có chẳng trụ nơi có, quán không chẳng trụ nơi không, nghe danh chẳng lầm nơi danh, thấy tướng chẳng chấp nơi tướng, tâm chẳng lay động, cảnh chẳng hay tùy, động tùy chẳng loạn nơi chân, thế khá gọi rằng trí huệ vô ngại vậy Bồ tát cái vô ngại trí để tầm thính cứu khổ, chẳng mất thời giờ”.

Thế nên xưa nay những kẻ được sự linh nghiệm chẳng thể mỗi mỗi riêng kể ra cho hết đặng đây chỉ sao lục lại một vài tích để khai thị ra:

Đời nhà Ngụy, có Sư Đạo Thới nằm mộng thấy có người bảo rằng: “Người năm nay 42 tuổi sẽ thọ chung”. Năm đó, ông bị bệnh nặng lắm, ông bèn niệm danh đức Quán Thế Âm luôn bốn ngày bốn đêm, lòng tinh thành chẳng thôi, bấy giờ ông ngồi trong mùng, thấy có hào quang chiếu sáng cả nhà, trong ánh sáng có đức Quán thế Âm màu vàng rõ soi giây phút chẳng thấy nữa, ông Thới vừa bi vừa hỷ, tuôn mồ hôi, liền biết thân thể nhẹ khoẻ, lành bệnh, thêm sống lâu !

Đời nhà Tống, có ông Trương Hưng, người đất Tân Hưng người vẫn tin Phật, một hôm bị bọn cướp bắt dẫn đi, người may đặng trốn khỏi; người vợ bị quan địa phương bắt giam, bị tra tấn nhiều ngày, bữa nọ nhà huyện bị hoả hoạn, đem tù nhân ra ở bên đường, gặp một nhà Sư tên là Dung Dực đi qua, vợ Trương cầu cứu ! Nhà Sư dạy niệm đức Quán Thế Âm, vợ Trương bèn chuyên ròng niệm chừng mười ngày, ban đêm nằm mộng thấy thầy Sa Môn kêu: mau mau! Thức dậy ! Vợ Trương giựt cả mình dậy, thì thấy cồng xiềng gông cùm đều bung mở ra cả, mà ngõ còn đóng, người e quân canh biết, nên mang gông trở lại năm ngủ. vẫn chiêm bao lại nữa, thấy Sa môn nói: Ngõ đã mở rồi kia. Vợ Trương thức giấc rồi chạy ra, trời còn tối, gặp chồng cùng với Sư Dung Dực giấu đi, kể được thoát khỏi.

đời nhà Tống, vua Văn Đế sai quan Ngự Thiện (người nấu ăn cho vua) mổ con gà, nghe trong đánh có tiếng cả bày kêu tên đức Quán Thế Âm Bồ tát, mà giọng rất thảm thương ! Nhân đó vua bèn cấm không cho làm thịt gà nữa.

Đời nhà Thanh ở huyện thường thực, phủ Tô Châu tỉnh Giang Tô, có ba Sương Phụ, họ Trương, người rất cùng khổ, lòng chí thành thờ Đức Quán Thế Âm niệm Phật, lạy Phật không ngớt, sau bị bệnh hạ lợi, thường chỉ có một cái quần rách che thân, chớ chẳng có cái nào nữa để thay đổi, nên ô uế kể chết, kẻ đem liệm cái quần bỏ dưới sông, người ta chợt thấy hoa sen năm màu rực rỡ trên mặt nước, người bên xóm thấy thế lấy cái quần giặt sạch làm bức trướng. Đến niên hiệu Gia Khanh (1786-17819) vua Khân Tôn nhà Thanh bức trướng ấy hời còn.

Nam mô Đại Thế Chí Bồ tát.

Kinh Tư ích chép rằng: “hễ cái chón bước đến chỗ nào đó, là rúng động ba ngàn cả ngàn thế giới và cung điện của Thiên Ma vương, nên gọi là Đại Thế Chí”.

Quán Kinh nói: “Dùng ánh trí khắp soi tất cả chúng sanh, khiến lia tam đồ, đắc thế lực vô thượng. thế nên gọi Bồ tát đây tên là Đại thế chí,

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải chúng Bồ tát

Do cái niệm Phật thanh tịnh cảm được hoa sen hoá sanh, nên nói rằng “Thanh tịnh”. những đấng cả ba thừa sanh lên chín phẩm các Thánh hiền này nhiều đến vô lượng gọi là “Đại hải chúng”.

Kinh Đại Bản chép rằng: “Vớ các hàng Thanh văn, Bồ tát số ấy khó lường, chẳng thể cân, nói cho hết được ! Vị nào cũng là bực thần trí rộng thông, uy lực tự tại, có thể vớ trong một bàn tay, mà cầm tất cả thế giới. Phật kia hội ban đầu thuyết pháp, chúng Thanh Văn rất đông, không thể cân kể, chúng Bồ tát cũng thế”.

Kinh Tiểu Bản nói: “Đức Phật kia có đệ tử hàng Thanh văn nhiều đến vô lượng vô biên mà đều là quả vị A la hán, vớ số ấy, không thể tính kể mà biết được đâu”. Thế nên xưng là “Đại hải chúng”.

Hỏi: Chúng kia sao mà nhiều lắm thế?

Đáp: Chúng ở bên cõi kia đã vốn xưng là vô lượng, huống nữa các Bồ tát từ mười phương vãng sanh về nước kia lại còn nhiều như luồng mưa điểm điểm xuống. Nên kinh Đại Bản nói: “Ở nơi nước Ta bà đây có các Bồ tát bực bất thối, nhiều đến số sáu mươi bảy ức được vãng sanh về nước kia. Mỗi mỗi Bồ tát đã từng cúng dường vô số chư Phật. Bực thứ như ông Di Lặc đó, hạng đại hạnh Bồ tát chẳng khá cân kể, đều sẽ được vãng sanh”.

Kinh ấy lại nói: “Mười phương thế giới, vô lượng Phật quốc, những kẻ vãng sanh đó, cũng lại nhiều đến vô số; còn nếu ta nói đến cả danh hiệu của chư Phật ở mười phương, và danh hiệu các Bồ tát, tỳ kheo được vãng sanh về nước kia, thì suốt ngày đêm luôn một kiếp đi nữa, nói cũng không hết”.

Văn Hồi hương và Tam quy y để làm phở kiết hồi hương.

Hồi hương: Cũng như phát nguyện vậy. bởi vì: hạnh mà không nguyện, thì chí hướng chẳng như định, như người ra đi mà không nhưt

nguyện, thì giữa đường gặp chuyện chi đó lại đi qua ngã khác. Với nguyện hải đã thâm thì hạnh đầy đạo nên hễ tu hành thì thấy đều phải hồi hướng.

Hồi hướng có bốn nghĩa:

Hồi nhân hướng quả: Nghĩa là tu các hạnh là “nhân”, đều hay thành Phật là “quả”. Nay tu nhân tịnh độ, hồi hướng về quả Cực lạc thực vậy.

Hồi tiểu hướng đại: Nghĩa là các học giả bên Tiểu thừa, và kẻ tu thập thiện về nhân thiện thừa, đều nên hồi hướng về Đại thừa. nay đây ngay nơi chỗ ra làm việc thiện, đều hồi hướng về đài sen thượng phẩm thực thể.

Hồi tự hướng tha: Nghĩa là ta nay phát tâm, chẳng vì mong cầu cho mình, nhần đến làm được điều thiện nhỏ nhưt bằng sợi tơ mảy lông, cũng đều hồi hướng thí cho pháp giới chúng sanh, khiến được liền khai Phật huệ, rộng độ chúng sanh thực vậy.

Hồi sự hướng lý: Nghĩa là tu các việc : lạy Phật, tụng Kinh, tham thiền, học nghĩa bố thí làm phúc, thay chúng làm việc nhần đến gánh nước bửa củi quét đất, lau bàn, cả các việc lành bằng mây mùn; với những điều thiện lợi trên, nếu trước tướng thì đều thuộc về sự tướng, còn như biết năng niệm năng tác, tự tánh đã không, sở niệm sở tác, tánh nó cũng không, cái “không” nó chẳng có bờ mé, toàn tức là lý, thì sự sự đều khắp pháp giới, tâm tâm tròn học thái hư, quán và niệm được như thế, thì đều thuộc về lý tánh. Chính là chỗ mà xưa kia đã bảo rằng: điều thiện về sự hữu tướng, liền thành điều thiện về lý vô tướng, sự lý viên dung, tức là cái cảnh tam đế; năng niệm năng tác, tức là cái tâm tâm quán, tâm cảnh nhưt như là chân tịnh độ.

Ngó nhân việc tác dụng hằng ngày nào động nào tịnh, đều phải làm quán sát như thế đó, thì chính chỗ mình đương ở đã thành ngay tự tâm Tịnh độ rồi !

Vả, người mà muốn liễu thoát đường sanh tử, thì chỉ có tu pháp Tịnh độ là rất ổn thoả rất dễ dàng hơn hết, vì pháp ấy là loại phương tiện trong đã phương tiện, lại đường tắt trong đã đường tắt vậy.

Song, ắt phải đủ ba món tư lương mới đặng thành tựu. Tỷ như cái đánh có ba chân, nếu thiếu một thì chẳng thể đứng vững:

1. là tin, tin mình: thì chỉ nhớ Phật niệm Phật, chẳng kịp hiện nay thì sau này cũng ắt thành Phật, tức nhiều tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh độ sẵn

sàng rõ bày. Tin kia: thì phương tây hẳn thực có thể giới tên là cực lạc, hẳn thực có Phật hiệu là A Di Đà, chứ chẳng phải bằng cách ngụ ngôn như của Trang Sanh kia, cũng phi có bằng cách như hoạn hoá biến hiện chẳng thực nọ đâu. Nếu người niệm Phật mà hay nhứt tâm chú niệm, đến khi mạng chung, Phật và các Thánh chúng ắt đến tiếp dẫn.

Hai hạnh, có bốn, đều so theo sự lý, để rõ sáu cạn: một trì danh niệm Phật: gìn giữ danh hiệu của Phật mà niệm, niệm một cách chuyên chú không xăn một niệm chi khác, mỗi câu mỗi câu từ trong tâm miệng chảy ra, mỗi tiếng mỗi tiếng từ tai chảy vào, được như vậy tức là đắc sự nhứt tâm. nếu khi đã nhứt tâm, không còn phân biệt năng niệm sở niệm, mà có thể mỗi câu mỗi câu rõ ràng, mỗi tâm mỗi tâm vào vắng lặng, hẳn đến cái “Không niệm” cũng không còn, được như vậy tức đắc lý nhứt tâm. Hai quán tượng niệm Phật: khi mở mắt, chăm tinh thần quán vào tượng Di Đà, miệng xưng hiệu Phật, tâm không duyên qua cảnh nào khác, không xăn niệm chi khác, được như thế tức là sự nhứt tâm. Khi quán khi chẳng quán, tâm và tượng như một, chẳng dời chẳng động, và quán cảnh khác đều hoà lẫn cảnh Phật: được như vậy, tức là lý nhứt tâm. Ba quán tướng niệm Phật: nương theo kinh thập lục quán, như ban đầu quán mặt nhật khi sắp lặng về tây, mở mắt quán mặt nhật, dường như cái trống treo, đã đặng rõ rồi, liền nhắm mắt quán, chăm tâm chẳng dời, lâu lâu chẳng dời xê đi đâu, như vậy là tức sự nhứt tâm. bốn thực tướng niệm Phật: với cái chẳng tướng, chẳng chẳng là tướng, bèn gọi là thực tướng với trong quán cái tâm không, với ngoài quán Phật không một cái này không thì tất cả chi chi cũng không, cái tánh không cũng không, như thế tức gọi là thực tướng. Người mới phát tâm tu quán, thì quán trở lại rằng: niệm Phật đây là ai ? Hoặc từ nơi bốn tánh để xét nghiệm, đều chỉ nơi đương niệm tham cứu, mỗi niệm tinh mật, hẳn đến với: động, tịnh, chẳng dời, như thế là tức sự nhứt tâm. Từ đó niệm vào nơi vô niệm, ba quán một tâm, không niệm mà niệm, một tâm ba quán, ba một chẳng hai, chẳng hai mà hai, diệu đế viên dung, tức là tự tánh Di Đà duy tâm tịnh độ. Đương thể suốt rõ, chẳng khá nghĩ bàn, như thế là tức lý nhứt tâm. thế gọi là cái hành tướng cả sự và lý của bốn thứ niệm Phật.

Ba nguyện: chí có chỗ muốn vậy. Cái nguyện nó hay dẫn đường đi là Hành, không nguyện thì cái Hành thôi lui vậy. Thế người cầu tịnh quả, phải trước phát nguyện, song với nguyện có chẳng đồng nhau, vì có kẻ nguyện một mình được siêu mà chẳng độ kẻ khác, có kẻ nguyện tự mình đắc vắng sanh rồi trở lại độ chúng; có kẻ nguyện ngay nơi đây vừa độ mình vừa độ người đồng sanh về Cực lạc; nay đây cả các thiên(Bài) đều là nguyện cho mình và nguyện cho người khắp cả đồng đắc Cực lạc tịnh quả.

Bốn thứ niệm Phật, cả sự lý hành tướng, đều thuộc về phàm vị. Nếu luận về chỗ chứng thánh: thì bên Viên giáo, bậc thập tín đều thuộc về sự niệm; đến bậc sơ trụ nhãn đi, mới là lý niệm.

Đây, bài kệ phát nguyện hồi hướng của Đại từ Bồ tát:

Mười phương ba đời Phật, A Di Đà thứ nhất, chín phẩm độ chúng sanh, uy đức không cùng tột.

Ấy là riêng tán thán đức A Di Đà vậy. Công đức của chư Phật thầy đều bình đẳng, mà đây là do đức Di Đà có đại nguyện đối với chúng sanh ở cõi này, nên riêng chuyên khen điều tốt đó thôi.

Lại Ngài có công đức riêng nhiều với chúng duyên đời ngũ trước mười phương. Nhẫn đến đấng đồng ầu cũng được biết đến tên Ngài, bởi thế, với cái công tu niệm Phật, cả ba căn đều đặn chỉ trong nhất sanh xong nên nên nói là đệ nhất. đem trí phá bầy mê trong pháp giới nên uy đức không cùng.

Dem đức từ trùm chúng sanh mười phương nên đức không cực.

Con nay cả quy y, sám hối tội ba nghiệp hễ có các phúc thiện, chăm lòng dùng hồi hướng.

Hai câu trên là nói quy y và sám hối. Hai câu dưới là nói các hạnh hồi hướng. ba nghiệp: tức là thân, khẩu và ý đã tạo ra mười điều ác, nay do quy y Phật, nên đều phải sám hối.

Hễ có các phúc thiện: có riêng nhau là định thiện và tân thiện. như niệm Phật là định thiện; còn như tham thiền lạy Phật tụng kinh bố thí cúng dường, nhẫn đến vì chúng tăng mà giữ gìn, làm việc lao động, thì đều gọi là tân thiện. Định và tân hai thiện đều có thể hồi hướng về tịnh độ. tỷ như trăm sông đều dồn về nơi biển.

Nguyện đồng người niệm Phật, đều theo thời ứng hiện lâm chung cảnh phương tây rõ ràng ở trước mắt.

Hai câu trước là nói: cùng bạn đồng nghiệp niệm Phật được theo giờ cảm ứng hiện nghiệm. Hai câu sau là nói: đến khi ta lâm chung, được Phật tùy cơ mà hiện tướng ra cho ta trông thấy.

Tuỳ thời hiện: là hoặc trong khi ta thiền định được thấy Phật, hoặc trong khi nằm mộng được trong thấy Phật; hoặc mở mắt, hoặc nhắm mắt, đều được trông thấy Phật như ngài Huệ viễn đã ở ba lần thấy nước cực lạc và thánh tướng của đức Di Đà vậy.

Phân minh tại mục tiền: là tâm niệm Phật được tính nhưt, thì cảnh tốt cực lạc tự nhiên đầy đủ trước mắt ta khi sắp cuối cùng.

Thấy nghe đều tinh tiến đồng sanh nước cực lạc thấy Phật hết sanh tử, như Phật độ tất cả.

Hai câu trên nói: khi ta lâm chung có Phật hiện đến tiếp dẫn, nên kẻ thấy người nghe tinh tấn lợi ích: hai câu dưới là nói: khi ta đã giải thoát rồi, đi độ sanh. số là những người niệm Phật, đến khi mạng chung đều tự thấy Phật đến đón rước đó, thì lại bội phần tinh tiến, liền được đồng sanh về nước cực lạc đặng thực thấy chân Phật (lâm chung thấy đó là hoá Phật): tự tâm liền mở trí huệ Phật rồi lại như Phật quảng độ chúng sanh.

Dứt vô biên phiền não tu vô lượng pháp môn, thệ nguyện độ chúng sanh trọn nguyện thành đạo Phật...

Đây là tâm dấy bốn thệ nguyện rộng lớn vậy.

Cõi hư không có hết, tâm nguyện con không cùng.

Đây là kết cái lời nguyện vô cùng tận vậy. Hư không nguyện là vô tận, nay đem cái hư không vô tận, để tỷ cái nguyện ta lại vô cùng vô tận !

Xin dịch luôn “văn tửu tịnh độ”.

Tác giả là Từ Vân Sám chủ Tuân Thúc Pháp Sư đời Tống.

Ngài Tuân Thúc Pháp Sư, tên tự là Tri Bạch, con nhà họ Diệp, huyện Ninh Hải phủ Thai Châu (nay là huyện Lâm hải tỉnh Triết giang) nguyên thân mẫu cầu tự khát nơi đức Quan âm nằm mộng thấy một mỹ nữ lấy viên châu đưa cho nuốt. Đã snah sư được bảy tháng, thường theo xưng niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm, khi vừa lớn lên, qua núi Thiên thai đông dịch, y chỉ nơi ngài Nghĩa Toàn pháp Sư mà xuất gia. Năm lên 20 tuổi qua chùa Đông Thiên thụ giới cụ túc. Qua năm sau tập học luật nơi Ngài Thủ Sơ luật sư. kê vào chùa Quốc Thanh, đối trước tượng đức Phổ Hiền đốt một ngón tay thay vì nén hương để cúng dường, phát lời thệ nguyện truyền bá giáo đạo của

Thiên Thai Tông. Rồi đến tham học Ngài Bảo Vân. Từ đây đi các chỗ hoàng Kinh chưa hề xả nghỉ. Sau qua nước Thiên trúc soạn chép các bản nghi thức: tịnh độ sám kim quang minh tam muội để tự tu đó, rất có linh nghiệm, Đức hạnh đồn nghe thấu đến triều đình, vua Chân Tôn niên hiệu Càn Hưng năm thứ hai (1.022) nhà vua phong hiệu là Từ Vân. Qua niên hiệu Minh Đạo năm đầu (nhân thân, vua Tống Nhân Tôn 1.032) Ngài Từ Vân thị tịch. Vua Anh Tôn niên hiệu sùng minh năm thứ hai (1.064-1.066) được nhà vua truy phong là Pháp Bảo đại Sư. Vua Cao Tôn niên hiệu Thiệu Hưng thứ hai (1.132) xuống lời chiếu phong hàm ân là sám chủ thiên huệ pháp sư.

Đây bài “Nhứt tâm quy mạng”.

Một tâm cúi lạy đức A Di Đà Phật bên thế giới Cực lạc.

Đây là nghiêng mình quy y (lạy) đức Phật kia vậy. nếu muốn cầu sanh về Cực lạc, trước phải thâm tẩm sáu căn với ngoại cảnh năm thức trước chẳng duyên theo, với nội tâm, ý thức không tán loạn, gọi là nhứt tâm. Nhứt kỳ quả báo, gọi là thọ mạng với cái thọ mạng thì người ta ai cũng khó xả ra được, thế mà may người tu niệm Phật chẳng cung tiếc đến, duy nhứt tâm đem thân mạng quy y về Phật kia, để cầu chứng lên quả vô thượng bồ đề mà thôi.

Xin đem ánh tịnh soi con, thệ từ thâm con.

Đây là câu Phật đem ánh tịnh quang và lời từ thệ sai và thâm này vậy. **Tịnh Quang:** Phật kia ngài có cái ánh trí căn bản vốn tự thanh tịnh khắp soi pháp giới. **Từ thệ:** là bốn mươi tám lời thệ nguyện của đức Di Đà. **Nhiếp ngã:** thâm con, là thâm nạp mà chiếu cố đến con.

Chúng ta ai cũng do từ vô thi bị phiền não nó kết thành nghiệp chướng đã quá ư lâu chắc, phi cầu Phật quang Từ thệ ngậm giúp thêm cho, thì tự mình đâu có thể dẹp dứt được, nên duy nhứt phải nguyện cầu.

Con nay chính niệm xưng danh Như lai vì đạo bồ đề cầu sanh tịnh độ.

Đây là rõ cái lý do cầu Phật vậy. Niệm Phật mà tiêu được tạp niệm là chính niệm. ôi hể là về lẽ phiền não, thì rộng với sanh tử, nên khổ báo vô cùng ! hể là về lệ bồ đề thông vào quả vô sanh, ắt phải do con đường đây. Sao vậy? số là công phu của các hạnh tu kia, tỷ như con kiến từ đất bằng bò lên đánh núi cao. Còn tu pháp niệm Phật vắng sanh, tựa hồ trương buồm thuận gió lại đi giòng nước xui. Trong Kinh Di Đà đã chỉ rõ niệm Phật bảy

ngày đắc nhứt tâm bất loạn, liền có thể hiện đời dùng chứng quả, dẫu đời nay chẳng đặng nhứt tâm thì đời kế đó, hoặc đời thứ ba cũng ắt sanh tịnh độ. Người mà có thể điều nhiếp được sáu căn, lấy cái tâm pháp giới, niệm Phật pháp giới, thế Phật duy tâm, mà tâm tâm cũng duy Phật, thì cảnh tịnh độ, đâu phải rời ngoài gang tấc ư?

Phật xưa đã thệ: “Nếu có chúng sanh muốn sanh nước ta chăm lòng tin ưa, nhứt đến mười niệm, bằng chẳng vãng sanh ta không thành Phật”.

Đây là cử lên nhắc lại lời nguyện xưa của Phật để cho chúng sanh tin chắc vậy.

Bốn thệ: Thuở xưa, hồi Phật còn làm quốc vương hi sanh ngôi nước, xả bỏ vinh hoa, đi tu làm vị Tỳ kheo, tên là Pháp Tạng, đối trước Phật Thế Tụ Tại Vương, phát bốn mươi tám lời thệ nguyện, để rộng độ chúng sanh, đồng sanh về cực lạc. Nay dẫn lại lời thệ nguyện trên đó, tức là nguyện thứ mười tám vậy.

Chín tâm:chăm lòng là hoặc niệm Phật bằng cách niệm một đời không xả hờ: hoặc niệm bằng cách kèm theo công việc xả tu: nhứt đến ít nhứt là đương khi công chuyên lặn dạn mà lén tạm rảnh ra vài phút để niệm, mỗi ngày niệm lấy số mười niệm, ắt đặng vãng sanh.

Sở dĩ Ngài Pháp Tạng nguyện rằng: Người mà mỗi ngày chí tâm mười niệm, nếu chẳng vãng sanh, thì ta pháp Tạng này trọn thành nguyện dối rồi, làm gì chúng ngôi chánh giác ư?”.

Thập niệm: Mười niệm tức là mười hơn niệm Phật. nghĩa là tùy cái hơi hoặc vẫn hay dài, cứ hết một hơi (niệm đặng mấy câu cũng được) là một niệm, như thế, niệm mười hơi gọi là mười niệm, nhưng mỗi câu tùy tiếng và hơi thốt ra nơi miệng nghe vào nơi tai, chăm chú nơi tâm chẳng đời là cốt yếu, vậy là đủ mười niệm tức mười hơi.

Với các hiệu: Quán Âm Thế Chí, Thanh Tịnh đại hải chúng mỗi niệm hiệu niệm một hơi.

Niệm các Thánh Hiệu rồi, kể đọc bài hồi hương văn, hoặc đọc bốn câu: nguyện sanh tây phương tịnh độ trung v.v..cũng được.

Chánh giác: Tức là Phật vậy. Chính bởi pháp niệm Phật đây, khắp hợp cả ba căn đều là nguyện hạnh của đức pháp Tạng cảm thông nên có thể chí tâm chóng hiệu nghiệm như thế.

Do nhân duyên niệm Phật đây, đặng vào trong biển thệ nguyện lớn của Như lai. Vâng sức từ của Phật, các tội tiêu diệt, căn lành thêm lớn. Nếu đến mạng chung, tự biết giờ đến thân, không đau khổ, tâm chẳng tham tiếc ý không điên đảo như vào thiên đình.

Đây là công niệm Phật đã thâm, nên cảm được hiệu nghiệm vậy.

Câu đầu là vâng ý trên, để dấy nghĩa dưới. Từ Đắc nhập...nhẫn xuống, đều nói sự cảm nghiệm. Nhân duyên. Chánh niệm là nhân Phật từ là Duyên. Biển đại thệ tức là bốn mươi tám nguyện lớn vậy.

Vì mỗi nguyện nguyện nào giáp khắp pháp giới như biển rộng không bờ mé. Chúng ta hiện còn sống đây nếu hay tinh thành chánh niệm, thì cảm được Phật từ gia hộ, tiêu diệt các tội của ta, thêm lớn có căn lành cho ta, kịp đến khi ta sắp cuối cùng, được biết giờ phút sẽ đến thân tâm thanh tịnh như vào thiên đình, đi thẳng qua cực lạc vậy.

Nếu người mà bình thời chẳng tu niệm, trọn đời, chỗ tạo các nghiệp đều mạng chung thì cứ chỗ tạo nghiệp thế nào, nó hiện ra cảnh thế nấy, hễ cảnh phức tạp thì tâm tán loạn !

Lại, hoặc người trong nhà vì ân tình mà quyến luyến, làm cho ý thức của kẻ sắp từ trần phải điên đảo ! lại phương chi từ vô thủy đến nay, những chỗ đã làm các tội, hoặc lúc này, chúng đều hiện ra, thì bấy giờ ai có thể làm chủ cho được? Thế tất phải tùy theo nghiệp cảnh đoạ xuống tam đồ ! than ôi ! thương thay!

Phật và các Thánh chúng, tay cầm đài hoa. Sen vàng đến đón tiếp con với chùng một niệm sanh về Cực lạc quốc.

Đây là cảm được Phật đến tiếp dẫn vậy.

Phật : là hoá thân Phật của đức Di đà. **Thánh chúng**: tức là Quán Thế âm, Đại thế chí và thanh tịnh đại hải chúng.

Số là người niệm Phật mà được chánh niệm thì duyên đời đã tàn tạ, duyên tịnh liền thành thực, với khi mạng chung, tự nhiên thấy chánh tay Phật

cầm Kim đài, cùng các Thánh chúng và tràng phan bay, âm nhạc của chư thiên đồng đến nghinh tiếp, chỉ trong một niệm, liền về tới Cực lạc.

Hỏi: hai cõi cách nhau có mười muôn ức thế giới làm sao chỉ có trong một niệm, vì duy nhất niệm thì với mười vạn ức độ chỉ như một khay móng vậy thôi.

Hoa nở thấy Phật liền nghe Phật thừa (Phật nói pháp), chóng mở Phật huệ.

Đây là hoa nở chúng được chân nhân vậy.

Hoa nở: hoa bốn tâm nở ra. **Phật thừa:** là nhất Phật thừa, tức kinh Pháp Hoa, tỷ dụ xe đại bạch ngưu. **Phật huệ:** là quyền trí, thực trí của Phật, tức Kinh Pháp Hoa bảo khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật.

Số là với cực lạc: có thể mang nghiệp vãng sanh được; còn với các thế giới khác đâu đáng như vậy !

Song, với phẩm dị có chính bực: như bực Thượng - Thượng phẩm thì với khi mạng chung liền tự thấy tự thân nương trên hoa hoa không xếp lại thấy được cái Báo thân của Phật tám muôn bốn ngàn tướng tốt, mỗi mỗi đều thấy đủ rõ ràng, rộng nghe Phật nói pháp về lý Phật thừa, liền mở mang Phật huệ (chứng quả bồ đề, vô sanh nhẫn).

Còn tám phẩm kia thì chẳng được chóng chứng như thế. Như thượng trung phẩm, mặc dầu thấy được Báo thân của Phật, cầm hoa đến rước tự thân của mình nương nơi hoa mà hoa nó xếp lại, cách một đêm hoa mới nở, liền nghe Phật thừa, lại cách bảy ngày, mới đắc quả bồ đề. lại cách qua một tiểu kiếp, mới chứng vô sanh nhẫn. Còn bao nhiêu nữa thì như bản đồ (đã có ở Kinh A Di Đà).

Hỏi: Phẩm Trung Thượng và phẩm Trung Trung thì khi người mạng chung người cũng tự thấy được Báo thân Phật đó thì sao?

Đáp: mặc dù được thấy báo thân Phật, mà với các tướng tốt, thấy chẳng đáng đủ rõ, mãi đợi đến chùng hoa nở, sau khi nghe Phật thừa, thấy mới được rõ đủ.

Còn ba phẩm dưới, khi mạng chung dù có Hoá thân Phật cầm hoa đến đón, tự thân nương sau hoa, nhưng chẳng được thấy nghe Hoá thân Phật nói

pháp mà chỉ thấy nghe các vị Bồ tát Quán âm v.v..thuyết pháp đợi mãi đến khi nghiệp được tịnh, hoa mới nở, chùng đó mới thấy tướng tốt của Phật.

Hỏi: Khi hoa sen xếp lại, thân của người vãng sanh có phiền là chật hẹp không?

Đáp: Hoa là do nơi tự tâm hoá hiện rộng lớn không ngăn ngại, song nếu nghiệp của mình chưa thanh tịnh nên tự hồ có xếp lại, đối với diệu pháp của đức Chân Phật nói tuy đợi đến chùng hoa nở mới được thấy đức Chân Phật (Phật thừa của Báo thân Phật nói) mà trong thời gian hoa chưa nở, cũng được tùy cơ thường nghe Hoá Thân, của ba thánh thuyết pháp.

Hỏi: Đã là nghiệp chưa thanh tịnh thì sao có thể vãng sanh?

Đáp: Phật kia, có lời nguyện rộng lớn khó nghĩ được, và cái sức niệm của mình nó khích thiết, duyên đời đã hết, nên có thể vãng sanh.

Hỏi: Đã tới nghiệp vãng sanh, mà có khiến cho thân chẳng an không?

Đáp: Chẳng có đâu như cõi ta bà đây, kẻ mang thân trời cũng hưởng thụ được cái vui hơn hết thay, huống chi cso cái sức của Phật kia nhiếp trì, thắng hơn thân trời nhiều lắm, nào khá ví dụ ?

Rộng độ chúng sanh mãn nguyện bồ đề

Đây là nguyện bồ đề đầy đủ vậy.

Phật huệ đã mở, tức là chứng lên chân vị pháp thân của bậc Sơ trú Bồ tát, bậc này đã có thể chia thân ra đi làm Phật cả trăm thế giới, để ứng theo căn cơ mà độ sanh.

Bực nhị trú thì phân thân ra nghìn thế giới v.v...bực tam trú thì phân thân ở muôn thế giới v.v....

Như thế cả bốn mươi một chân vị theo mỗi loại hiện ra mỗi thân hình ứng theo có mà nói pháp, mỗi vị gây bội lên. đến bảy giờ chiếu lại lúc sơ tâm phát nguyện rằng: ta vì đạo bồ đề cầu sanh tịnh độ đó, nay đến đây mới mãn được nguyện của ta, mừng thay khoái lắm !

**Lại bài kệ nguyện sanh tây phương:
Nguyện sanh tịnh độ tây phương**

**Hoa sen chín phẩm là cha mẹ,
Hoa nở thấy Phật tử vô sanh
Bồ tát bất thối làm bậu bạn.**

Hoa sen làm cha mẹ: loài người ở cõi ta bà đây đều là thai sanh, nghĩa là nghiệp thức của ta hợp với tinh cha huyết mẹ, ở trong bào thai mà sanh ra. Bên cực lạc chỉ có chín phẩm hoa sen, tịnh thức của ta tùy có gá vào thai sen mà sanh ra bằng cách biến hoá. Kêu là “Liên hoa hoá sanh” thế thơm sạch thay !

Tử vô sanh: tức là chứng quả vô sanh nhẫn: ngôi sơ trú bên Viên giáo, ngôi Sơ địa bên Biệt giáo, nhẫn đi đều là quả vô sanh nhẫn.

Bồ tát bực Bất thối làm bậu bạn: Đối với cõi Cực lạc nếu chẳng đứng vững sanh thì thôi: mà hề đã được sanh sang thì đều là động bực Bất thối Bồ tát cùng làm bạn lữ với nhau.

Bất thối có ba bực, với nghĩa này đã rõ ở câu A Bệ Đạc Trí nơi kinh Di Đà rồi.

Xin chép và dịch bài thán:

Thán Lễ Tây Phương

**Tán lễ tây phương
Kính lạy phương tây
Cực lạc thanh lương
Cõi tịnh vui vầy:
Liên trì cứu phẩm hoa hương
Hoa sen chín phẩm thơm lây
Bửu thụ thành hàng
Vật báu hàng cây;
Thường vãn thiên nhạc khanh tương
Trời thường trời nhạc vang dày
Di Đà Phật
Hào quang Phật....
Đại phóng hào quang
Ánh sáng lớn thay !
Hóa đạo chúng sanh vô lượng
Chúng loại không lường độ hoài
Giáng cát tường**

**Xuống điềm hay..
Hiện tiền chúng đặng ca dương
Bây giờ đạo chúng khen bày:
Nguyện sanh an dưỡng
Xin sang nước thầy
Hiện tiền chúng đặng ca dương
Bây giờ đạo chúng khen bày:
Đồng sanh an dưỡng
Đồng sanh nước Thầy.
Bài kệ răn khuyên Đại chúng
Ngày nay đã qua, mạng cũng giảm theo, như cá thiếu nước đầy có
vui chi?**

Đây là tham cái mạng của con người là vô thường !

Kinh Xuất Diệu chép rằng: biển nam bồng sóng vọt tràn lên rất dữ ngập dầm lên đất liền. bấy giờ có con cá lớn, trôi vào chỗ nước cạn, chúng tự bảo với nhau rằng “ Chúng ta bị cái nạn đây, thì ngay khi nước tràn lan chưa giụt rút, nên phải ngược làn sóng để trở lại nơi biển cả, nhưng lại bị những thuyền ghe trở ngại, chẳng vượt qua được” con cá thứ nhất rán hết sức nhảy vọt qua khỏi tàu; con kế đó lại nương cỏ rêu để lướt qua được; con thứ ba khí lực đã đuối sức rồi, bị kẻ cài lưới bắt đặng ! Phật thấy thế bèn nói bài kệ trên đó.

Số loài cá lấy nước làm bằng nhà cửa lâu đài mà ở, nếu nước khô phải chết cũng như loài người nương nơi sanh mạng mà sống, nếu mạng giảm thì phải vong ! thân mạng nó theo nơi sáng bóng của ngày đêm giờ phút mà giảm mòn qua, hình hài nó theo tám điều khổ mà thiên chuyển, những con: vô thường già, bệnh nó cho phép người hện đầy tử như cá ở chỗ nước cạn nào có vui chi !

Phật hỏi: cái mạng của con người nó ở trong mấy giờ? Một thầy Tỳ kheo đáp: nó ở chỉ một ngày. Phật bảo: người chưa biết đạo ! Lại hỏi: mạng người ở trong mấy giờ? lại một thầy khác đáp: ở trong một bữa ăn cơm. Phật quở: người chưa biết đạo ! Lại hỏi: mạng người ở trong mấy giờ? Có một Thầy tỳ kheo khác thưa rằng: nó ở trong hơi hô hấp. Phật khen: người đã biết đạo.

Đó, chính là chỗ bảo: ngày giờ nó thúc đẩy con người mau già ! Tỷ như nước đầm dần giảm ít ! Sinh mạng ở trong hơi hô hấp, vì tám món khổ no thường áp bức làm tổn hại luôn bài kệ trên gọi vậy chăng?

Bài Kệ của Đức Phổ Hiền răn chúng:

Đại chúng ! Phải siêng tinh tiến như chữa lửa dầu ! chi nhớ vô thường, dè chớ buông lung !

Đây là gắng gỡ nơi thân tâm vậy.

Tinh: là chẳng xăn lộn. **Tấn:** là chẳng sụt lui. Nhiên là lửa tốt. **Thận:** cẩn thận. **Vô thường:** không bền, Như : núi sông đất liền thì có cái vô thường bằng thành trụ hoại không nhân thân thì có cái vô thường bằng sanh, lão bệnh tử; tâm, niệm thì có cái vô thường bằng vọng tưởng lưu chú; các pháp “sự vật” thì có cái vô thường sanh trú dị diệt ! thế nên người dối trong sự vận dụng hàng ngày, phải nhớ hai chữ vô thường như lửa cháy dầu, chỉ một hơi thở, mà chẳng lo cứu chữa, thì với điều thống khổ làm sao chịu nổi ? cái sanh mạng chính, ở trong con nguy hiểm này ! song trong thân tâm đây, mỗi niệm chóng mau, với một phút há khá buông lung giơng chơi được ư ?

Buông lung trôi nổi: tức là cái tâm sở điệu cử: lau chau xao xuyên tán loạn.

Kinh Pháp Hoa nói: Ba giới không an, dường như nhà lửa là cái nhà bị hoả hoạn. Lửa: tức lửa: vô minh, tham sân si, năm trực tám khổ, và lửa bốn điên đảo. Các thứ lửa ấy cứ mỗi niệm sanh diệt mãi, đối chết hết giống bò đê làm cho chúng sanh luồn uổng vào nơi sáu ngã, vẫn chịu khổ luân hồi ! Nếu người mà hay giác ngộ biết cái vô minh nó không có thực thể, mà đương thể của nó tức là lửa trí viên minh, tròn soi pháp giới; rõ biết năm trực là hoạn sanh, mỗi mỗi trần vật tức là thanh tịnh, hoà lẫn mười phương, ba độc: tham, sân si tức là giới, định, huệ vô ngại giải thoát; bốn điên đảo tức là bốn đức: thường, lạc, ngã, tịnh là bốn diệu quả niết bàn; thế thì tám khổ hoá làm đại niết bàn vậy.

Ba bài kệ quy y Tam bảo

Tự về nương Phật, cầu cho chúng sanh nói rõ đạo cả lấy tâm vô thượng.

Tự về nương Pháp, cầu cho chúng sanh vào sâu tạng kinh, trí huệ như biển

Tự về nương Tăng, cầu cho chúng sanh, gồm trí đại chúng, tất cả không ngại

Ba bài kệ trên đây; các câu đầu là quy y ngôi “nhất thể tam bảo” các na câu kế đó, là quy y ngôi “Biệt tướng Tam bảo” vậy v.v... như thời khoá tụng buổi mới đã giải thích rồi.

Hoà nam – Thánh chúng

Hoà nam dịch; Lễ bái. Là nói: lạy tạ các vị Thánh chúng.

Hết thời khoá tụng chiều

Dịch xong, nhằm mùa kiết hạ an cư năm Mậu Tuất

Phật lịch 2.502 - 1958

--- o0o ---

HẾT

¹ . Ba Hoặc : 1. Kiến tư hoặc, 2. Trần sa hoặc, 3. Vô minh hoặc; Hoặc : làm, lại có nhiều tên là : phiền não, hữu lậu, cấu và kiết, đều thể theo nghĩa mà đặt tên.

² . Hai Tử : 1. Phận đoạn tử là cái chết của sáu phàm ; 2. biên dịch tử của Thịnh Văn.

³ . Minh Chú : bên Tiểu thừa bộ Độc tử thành lập ra 4 tạng : ngoài 3 tạng Kinh, Luật, Luận, thêm một tạng nữa là Minh Chú tạng, Minh Chú là Đà La Ni lại Tiểu Pháp tạng bộ cũng lập 5 tạng : 2 Kinh tạng, 3 luật tạng, 4 Minh chú tạng; 5 bồ tát tạng. Vậy biết rằng : minh chú tức là Đà La Ni, cũng tức là Thần chú.

⁴ . Cây Như ý : Kinh Vô Lượng Thọ nói: cây Bửu thọ nơi đạo trường chỗ đức A Di Đà ngồi, với cây báu ấy, chúng như ngọc tướng, muốn chi thì nó hiện ra món ấy cho dùng, nên gọi là Như ý thọ. Như ý châu, là từ nơi Bửu châu này nó hóa ra mỗi mỗi vật theo như ý ai muốn chi được nấy, nên gọi là Như ý. Trí độ luận cuốn 59 dẫn rằng; có chỗ nói từ nơi đỉnh của Long vương kết tinh sanh ra Bửu châu ấy, người nào được ngọc ấy, mang theo thân thì các thứ độc chẳng làm hại, vào lửa không cháy, nước không chìm, gươm đao

không chặt dứt...bởi có các công năng trên nên gọi là bửu châu. Có chỗ nói : Xá lợi của Phật đến thời kỳ pháp của Phật diệt hết, thì xá lợi ấy đều biến làm như ý bửu châu để làm ích lợi cho chúng sanh. Tỷ như nước đóng giá lâu đủ một ngàn năm thì nó hóa thành ngọc pha lê, để làm vật quý cho đời.

Thứ như ý châu này không có màu sắc nhưt định, thể nó trong suốt rất nhẹ rất tốt những vật tượng trong vũ trụ đều hiện chiếu vào thân ngọc nó. Thứ báu này thường hay hóa ra tất cả vật quý báu như : áo quần thực phẩm, tùy ý ai muốn chi đều hiện này, để phổ thí cho cần dùng.

Kinh tạp bửu tạng cuốn 6 chép lời Phật nó : dưới biển có thứ cá Ma Kiệt tức là kinh ngư con nào lớn nhưt thân dài 28 muôn dặm, thì trong đầu nó sản xuất thứ bửu châu ấy tên là Kim Cang kiên cố. Kinh quán Phật tam muội cuốn nhưt nói : Chim kim sủy, đến khi già chết, quả tim nó cũng hóa thành như ý châu.

⁵ . Ngã kiến : nhận thấy trong thân tâm do ngũ uẩn vẫn giả hợp này, có cái ta cũng như cái hồn cho rằng nó là vẫn thường, vẫn một, nên gọi là ngã kiến. Sách đại thừa chương nghĩa cuốn 6 chép : thân kiến, cũng là ngã kiến, với ngũ uẩn bảo là thân, trong cái thân nhận thấy có ta, phân biệt chấp lấy có tên tuổi của ta, danh dự của ta, tự ái mê lầm, nên bảo là thân kiến.

⁶ . Với ba câu ấy, còn có vài cách đọc, kê kê, kê hê, kê hê; khi khi, khi hí, khi hí; khe khe, khe hê, khe hê..

⁷ . Trăm ức Kinh Hoa Nghiêm phẩm A tăng kỳ nói : 10 vạn làm một lạc xoa, lạc xoa là con số ức; 100 lạc xoa làm 1 cu chi. Cu chi có 3 hạng : một 10 vạn; hai 100 vạn; ba 1000 vạn. Ngài Huyền Trang Tam Tạng định số là ngàn vạn. Trong bài kệ trên, cái chữ Cu chi đó là gọi tắt hiệu “Tỳ Cu Chi Quan âm” cũng gọi tắt hiệu “thất Cu Chi Phật mẫu”.

⁸ . Một phần trăm: Ca La Phần, là danh từ phân số hay phân lượng. Sách Huệ huyển âm nghĩa nói: nhỏ một sợi lông trên thân làm một giữa trăm phần. Hoặc nói: một phần giữa mười sáu phần. Bên Tây vực lấy 15 thăng làm 1 đấu, cũng như xú ta dùng 16 lượng làm một cân. Ca la, cũng dịch nghĩa là: phần giã lượng. Trong văn cảnh sách, Tổ Hoàng Tán giải nghĩa có câu

“thập lục phần trọn đũa bất cập nhưt” là do nghĩa ở chữ danh số “Ca la phần” mà ra. Sách huyền ứng âm nghĩa nói: nhỏ 1 lông làm trăm phần, một phần là Ca La phần.

⁹ . Lậu là tên riêng của phiền não; tất cả sự thể của thế gian đều là pháp hữu lậu. Chữ Hữu là nghĩa khô có về sau, chữ Lậu là lưu trú ở ba giới.

¹⁰ . Điều nghe thấy đã kết quả thành phần

¹¹ . Phương pháp ấy đã kết quả thành phần

¹² . Thời gian làm việc đã kết quả thành phần

¹³ . Chủ tọa giảng giáo đã hoàn thành

¹⁴ . Chỗ thuyết pháp đã thành tích thật sự; dưới kia đại chúng đồng nghe là : pháp chúng thành tựu, chung gọi là sáu điều thành tựu, nghĩa là thành phần sáu sự đây, để làm chứng tin là Kinh đây đích là Phật nói.

¹⁵ . Dịch : thân tử, trí huệ, đệ nhưt ;

¹⁶ . Dịch : đại thái học, thị thân thông đệ nhưt

¹⁷ . các Kinh đều có lời biệt tự, để tựa bày cái lý do về sự phá khí của bộ kinh; ở đây môn tịnh độ là một thắng pháp, không ai có thể biết để hỏi, Phật ngài như nơi cơ duyên đã đến, chẳng đợi ai cầu thỉnh, ngài tự nói ra, nên chẳng có đoạn văn do khi, vậy tạm lấy đoạn này làm lời biệt tự.
